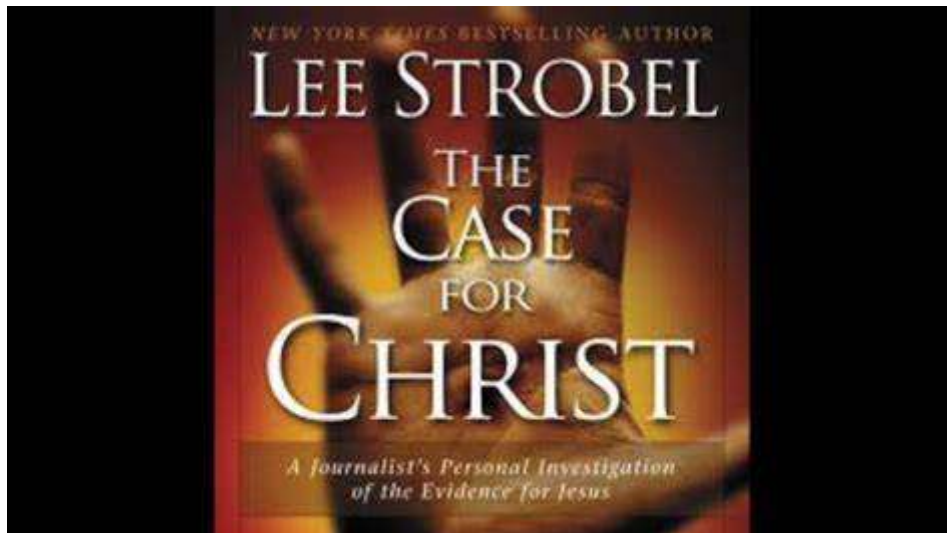


Lý lẽ bênh vực Chúa Kitô

*Nguyên tác: The Case For Christ của Lee Strobel,
do Nhà Xuất Bản Zondervan Publishing House, 1998*

Vũ Văn An chuyển sang Việt Ngữ
11/Apr/2023



Giới thiệu

Lee Strobel: Sinh ngày 25 Tháng Giêng năm 1952, là một tác giả Kitô giáo Hoa Kỳ và là một cựu nhà báo điều tra. Ông viết nhiều cuốn sách, trong đó, có 4 cuốn được giải thưởng Sách Kitô Giáo ECPA (1994, 1999, 2001, 2005) và một loạt sách đề cập tới tính chân thật của Kitô giáo. Ông cũng điều khiển một chương trình truyền hình có tên là *Faith Under Fire* trên PAX TV và một trang mạng hộ giáo bằng video.

Ông tốt nghiệp cử nhân báo chí tại Đại Học Missouri và Cao học Luật tại Đại Học Yale. Ông từng làm việc cho tờ *Chicago Tribune* và nhiều tờ báo khác trong 14 năm. Sau đó, ông được đề cử làm phụ tá chủ bút điều hành của tờ *Daily Herald*, trước khi rời bỏ ngành báo chí năm 1987.

Strobel tuyên bố ông vốn là một người vô thần khi bắt đầu điều tra các quả quyết của Kinh Thánh về Chúa Kitô sau khi vợ ông trở lại đạo. Được thúc đẩy bởi các kết quả điều tra, ông trở thành Kitô hữu năm 29 tuổi. Ông trở thành mục sư giảng dạy của Nhà thờ Cộng đồng Willow Creek tại South Barrington, Illinois từ 1987 tới 2000. Năm 2000, ông trở thành mục sư của Nhà thờ Saddleback ở Lake Forest. Năm 2004, ông rời chức vụ để điều khiển chương trình hộ giáo *Faith Under Fire*. Năm 2014, ông trở thành mục sư giảng dạy tại Nhà thờ Woodlands tại The Woodlands và là giáo sư môn tư tưởng Kitô giáo tại Đại Học Baptist Houston.

Cuốn The Case for Christ: Trong cuốn sách này, cựu biên tập viên luật pháp của *Chicago Tribune* và *New York Times*, đã vẽ lại cuộc hành trình tâm linh của ông từ chủ nghĩa vô thần bước sang đức tin và xây dựng một lý chứng đầy thuyết phục cho thiên tính của Chúa Kitô.

Ông đối chất hàng chục chuyên gia có bằng tiến sĩ của những trường như Cambridge, Princeton và Brandeis, đặt cho họ những câu hỏi hóc búa và lục lợi sâu xa hơn các bằng chứng từ khoa học, triết học, và lịch sử.

Trong cuộc điều tra tổng thể của ông, Strobel không ngại trước các vấn đề đầy thách thức như:

- Tân Ước đáng tin cậy ra sao?
- Ngoài Kinh Thánh ra, có chứng cứ nào bên vực Chúa Giêsu không?
- Chúa Giêsu có phải là Đấng Người nói Người là hay không?
- Có lý lẽ nào để tin rằng phục sinh là một biến cố có thực?
- Mọi bằng chứng cho thấy điều gì, và ngày nay chúng có nghĩa ra sao?

Thắng Giải Sách Huy chương Vàng và hai lần được đề nghị lãnh Giải Sách Kitô giáo của Năm, *The Case for Christ* đã được dựng thành phim và hiện bán được hơn 5 triệu cuốn khắp thế giới.

Theo từ điển mở Wikipedia, cuốn phim cùng tựa đề được sự đạo diễn của Jon Gunn dựa vào truyện phim của Brian Bird, Pure Flix Entertainment phát hành ngày 7 tháng 4 năm 2017, với ngân sách 3 triệu Mỹ kim, tiền thu do bán vé (box office): 17.6 triệu Mỹ kim.

Truyện phim như sau: năm 1980, Lee Strobel là một nhà báo và phóng viên điều tra vô thần của tờ *Chicago Tribune*. Ông và vợ Leslie có một con gái tên Alison và đang đợi đứa con thứ hai. Sau khi được một giải thưởng đặc biệt, Lee và gia đình đi ăn bữa tối để mừng biến cố. Tại nhà hàng, Alison bị nghẹn vì một cục kẹo. Một trong các khách hàng, vốn là một nữ y tá tên Alfie, đã can thiệp và cứu được Alison. Cô cho rằng biến cố này là Thánh ý Thiên Chúa, điều mà Leslie hoàn toàn tin theo.

Leslie và Alfie trở thành bạn thân và bắt đầu cùng nhau lui tới một thánh đường Kitô giáo. Bực mình, Lee cố gắng can gián vợ nhưng bất thành. Theo lời khuyên của người diu dắt, Lee bắt tay vào việc tìm chứng cứ chứng minh việc phục sinh của Chúa Giêsu không hề xảy ra. Trong khi đó, Leslie hạ sinh con trai, Kyle.

Lee bắt đầu thu lượm thông tin và chứng cứ. Sau đó, ông cố gắng chứng minh rằng các nhân chứng bị thời miên, nhưng một nhà tâm lý học chứng minh ông sai. Rồi ông cố gắng thu lượm chứng cứ cho thấy Chúa Giêsu không chết nhưng đã được mang giấu kín, nhưng một lần nữa, một y sĩ chứng minh ông sai, cho ông thấy Chúa Giêsu quả đã chết trên thập giá.

Trong khi đó, người cha ra xa lạ của Lee cố gắng hòa giải với ông, nhưng ông từ khước. Cha ông sau đó ít lâu qua đời, và lúc đó, ông mới thấy quả thực cha ông rất yêu ông, điều này làm ông ngạc nhiên.

Lee cũng điều tra một vụ bắn hạ một viên cảnh sát. Thoạt đầu, dường như người bị kết án có tội và là một chỉ điểm viên cho một nhóm tội phạm, nhưng Lee chứng tỏ rằng chính viên cảnh sát tự bắn mình bằng cây súng bí mật dưới dạng một cây viết, và người bị kết án được trả tự do.

Lee cố gắng thu thập thêm bằng chứng cho cuộc điều tra tôn giáo của mình, nhưng người diu dắt ông giải thích rằng bất kể ông quyết định tin hay không tin, phần cuối cùng chứng minh sự hiện hữu thực sự của Người là đức tin. Khi một đồng nghiệp khuyên nhủ, Lee đã quyết định làm một bước nhảy vọt vào đức tin. Khi Lee cho Leslie biết tin, họ đã giảng hòa và cùng nhau cầu nguyện.

Lời người dịch

Chúng tôi phiên dịch tác phẩm này, dù biết tác giả là một mục sư Thệ Phản. Thiên nghĩ về phương diện học hỏi Kinh Thánh, người Thệ Phản đã có nhiều đóng góp tiên phong và giá trị, có khi trội vượt hơn người Công Giáo. Trong tinh thần đại kết, hai bên, Công Giáo và Thệ Phản, đã có nhiều trao đổi và hợp tác hết sức chân tình và hữu ích. Điển hình là Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ với sự hợp tác và hỗ trợ của Liên hiệp Thánh Kinh Hội, mà chúng tôi tin phần lớn thành viên là Thệ Phản. Nhờ thế mà Kinh Thánh Công Giáo hiện đã vào được gần như mọi gia đình Việt Nam. Nên e ngại lúc ban đầu đã bị đánh tan.

Duy có phần tác giả đề cập đến việc Chúa Giêsu, dù ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã tự trút bỏ mình, mặc lấy thân phận nô lệ (Pl 2:7) điều mà Thánh Phaolô gọi là *kenosis*, có thể khó hiểu. Tác giả hiểu Chúa Giêsu tự ý từ bỏ việc sử dụng các thuộc tính của thiên tính, tuy nhiên, có lúc, Người vẫn sử dụng các thuộc tính này, như làm cho người chết sống lại chẳng hạn. Theo tác giả, lúc đó, Người hành động với sự cho phép của Chúa Cha, chứ không do quyền năng Ngôi Hai của Người.

Về hạn từ “*kenosis*” này, có nhiều giải thích. Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ chú giải là Chúa Giêsu trút bỏ “mọi vinh quang Người có quyền có và làm cho mình hoá ra không khi trở nên một người như muôn vàn người khác, nghĩa là chia sẻ tất cả những yếu đuối của thân phận con người như đói khát, mệt nhọc, đau khổ và cả cái chết (x. Gl 4:4; Rm 8:3; Dt 2:17)”. Lỗi giải thích “trút bỏ vinh quang” này cũng là lỗi giải thích của Cha Nguyễn Thế Thuần, dù Cha dịch hạn từ này là “hủy mình ra không” (tr.448). Cha An Sơn Vị cũng giải thích như thế, dù cha dịch hạn từ này là “bỏ dứt mình đi” (tr.1324). Từ Điển Đức Tin Kitô Giáo Pháp-Việt cũng cùng một lỗi giải thích như thế: “Ngôi Lời, trong sự Nhập Thể, đã từ bỏ địa vị ngang bằng vinh quang với Thiên Chúa” (Tr.441).

Linh mục Brendan Byrne S.J., trong chú giải Thư Philípê, cho rằng có lẽ phải hiểu hạn từ này theo nghĩa ẩn dụ: “trở nên vô quyền [powerless], vô hiệu [ineffective]”. Thành thử câu này có nghĩa: Chúa Kitô tự ý làm cho Người thành vô quyền, y hệt như nô lệ vô quyền vậy “mặc lấy thân nô lệ”. Trong tư tưởng của bài thánh ca (xem Gl 4:1-11; 4: 21-5:1; Rm 8:15), hiện hữu nhân bản chưa được cứu chuộc, trong yếu tính, là thân nô lệ, dưới ách các quyền lực thiêng liêng, tận cùng bằng cái chết (*The New Jerome Biblical Commentary*, Student Edition: Geoffrey Chapman, 2000 số 48:20 tr.795).

Dù là trút bỏ vinh quang hay quyền lực, nhưng nhất quyết không phải là trút bỏ thiên tính, vì Chúa Giêsu là Ngôi Hai Thiên Chúa, Người là Thiên Chúa đời đời, không lúc nào không là Thiên Chúa ngay trong Nhập Thể. Phải nói như Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo, số 469, rằng: “Người thực sự là Con Thiên Chúa đã làm người, anh em của chúng ta, nhưng vẫn là Thiên Chúa, Chúa chúng ta. Phụng vụ Rôma ca hát rằng: ‘Người vẫn là Người như trước, Người đã đảm nhận lấy điều Người chưa là trước đó’”.

Ấy thế mà, theo New Catholic Encyclopedia, có cả một lý thuyết gọi là *kenoticism* chủ trương rằng khi Nhập Thể, Ngôi Lời Thiên Chúa đã trút bỏ một phần hay trọn thiên tính của Người: Người đã từ bỏ quyền năng vô hạn của Người, từ bỏ sự hiểu biết mọi sự của Người, từ bỏ sự hiện diện khắp nơi của Người. Người mất hết ý thức về thiên tính của Người; hoặc thậm chí, Người còn thôi không còn là Thiên Chúa từ lúc Nhập Thể tới lúc Sống Lại.

Lý thuyết trên bắt đầu với các nhà thần học Tin Lành của Đức trong thế kỷ 19, sau đó, được một số người Anh Giáo và Chính Thống Nga tiếp nhận. Ngược hẳn lại truyền thông giáo phụ chính dòng hiểu Đoạn Ph 2: 6-11 như bằng chứng Kinh Thánh về thiên tính của Chúa Kitô, về nhân tính đích thực và trọn vẹn của Người, và sự hiệp nhất của Ngôi Vị Người.

Dĩ nhiên, một lý thuyết như thế bị Giáo Hội Công Giáo chính thức kết án. Thực vậy, Đức Piô XII, trong thông điệp *Sempiternus Rex Christus* năm 1951 đã lên án lý thuyết này, coi nó “là một sáng chế xấu xa, phải bị lên án ngang với thuyết *Docetism* (ảo thân thuyết) vốn chống lại nó”.

Lỗi giải thích của Thánh Tôma Aquinô về *kenosis* (tiếng Latinh: *exinanitio*), theo Linh mục Gilles Emery, Dòng Đa Minh, Giáo sư Đại Học Fribourg, Thụy Sĩ, trong bài *Kenosis, Christ, and the Trinity in Thomas Aquino*, đăng trên tập san *Nova et Vetera*, Ấn bản tiếng Anh, Bộ 17, số 3, năm 2019 và phổ biến trên trang mạng <https://core.ac.uk/download/pdf/226979846.pdf>, dựa vào các nguồn Thánh Ambrôsiô, Thánh Augustinô, Ambrosiaster, và Thánh Grêgôriô Cả. Tuy nhiên, ngài đã cung cấp nhiều điểm độc đáo của riêng ngài. Ngài làm rõ ý nghĩa của động từ *exinanivit* như sau:

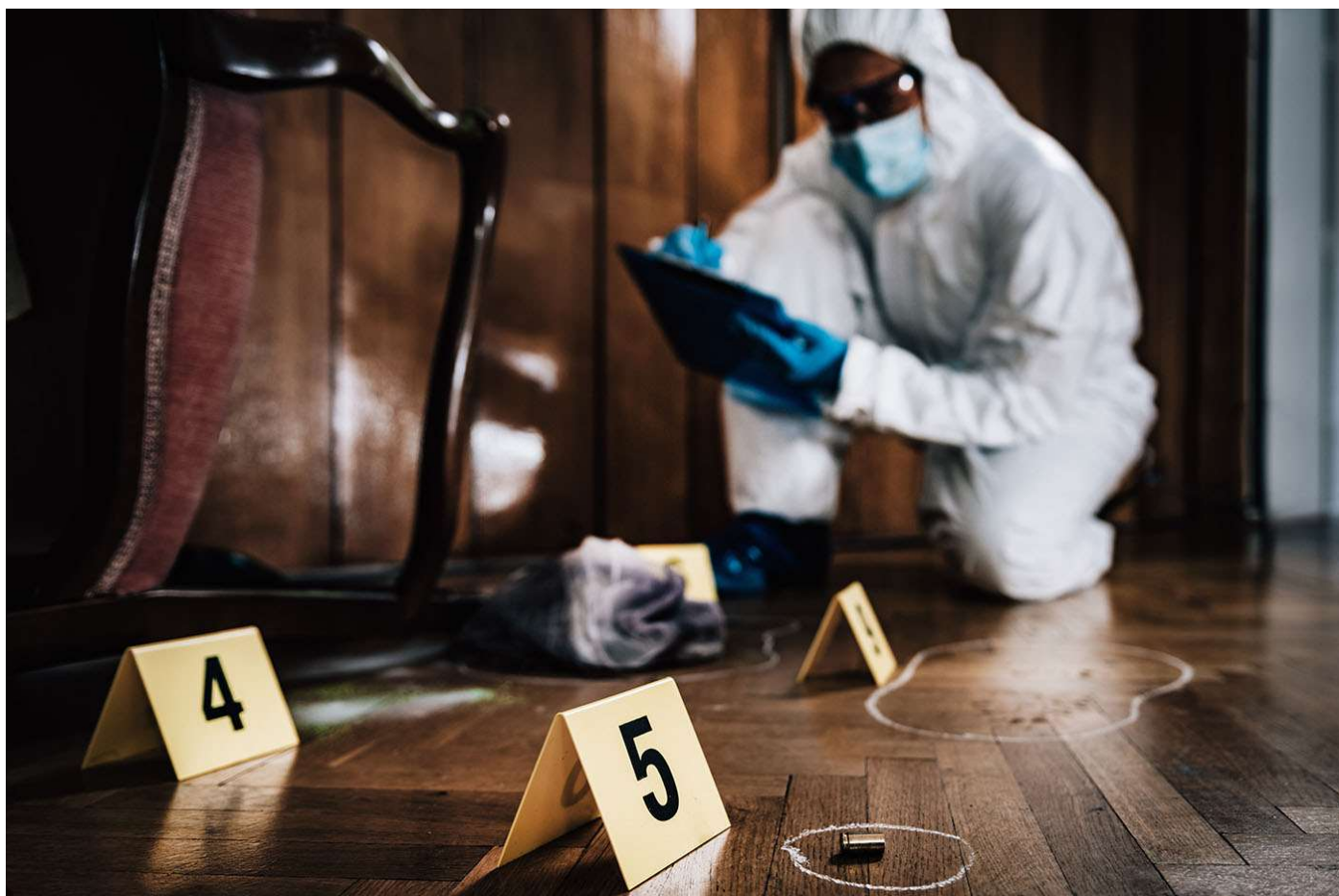
“Người tự làm rỗng mình. Nhưng vì Người tròn đầy thiên tính, liệu Người có tự làm rỗng thiên tính đó hay không? Không hề, vì Người vẫn là điều Người vốn là; và điều Người không là, Người mang lấy. Nhưng phải hiểu điều này theo như việc Người mang lấy điều Người không có, chứ không theo như việc Người mang lấy điều Người có. Vì cũng như Người từ trời xuống, không phải vì Người ngưng hiện hữu ở trên trời, nhưng vì Người bắt đầu hiện hữu trên trái đất một cách khác thế nào, thì Người cũng tự làm rỗng Người, không phải bằng cách trút bỏ bản tính Thiên Chúa của Người, mà chỉ bằng cách mang lấy bản tính nhân loại như vậy” (*Super Phil 2*, lec. 2 [no. 57]).

Một mặt, tính bất biến thần linh của chủ thể *kenosis* đã được khẳng định rõ ràng bằng lời lẽ lấy của các Thánh Augustinô và Grêgôriô Cả qua công thức thời danh “*quod erat permansit et quod non erat, assumpsit*” [người vẫn là điều Người vốn là; và điều Người không là, Người mang lấy]. Mặt khác, *kenosis* được hiểu là mang lấy bản tính nhân loại, nghĩa là Nhập thể. Trong nhiều đoạn văn khác, Thánh Tôma minh nhiên đồng nhất hóa *exinanitio* của Pl 2:6-7 với việc hợp nhất bản vị hay Nhập thể. Trong chú giải của ngài về Thư Philípê, ngài hiểu *exinanitio* như “Nhập thể” hay như “sự kết hợp trong ngôi vị”. Vì *exinanitio* không bao hàm việc thay đổi, mất mát hay giảm thiểu nào của thiên tính Chúa Con, nên điều cần thiết phải nói rõ Nhập thể là *exinanitio* theo nghĩa nào. Ngài giải thích như sau:

“[Thánh Tông đồ] nói rất hay rằng [Chúa Kitô] tự làm rỗng mình, vì rỗng ngược với tròn đầy. Vì bản tính Thiên Chúa tròn đầy một cách thỏa đáng, vì mọi sự hoàn hảo của điều tốt lành đều có ở đó. Nhưng bản tính nhân loại, cũng như linh hồn, thì không tròn đầy, nhưng có tiềm năng tròn đầy, vì nó được tạo nên như tấm bảng chưa được viết lên. Do đó, bản tính nhân loại là rỗng. Do đó ngài nói, Người tự làm rỗng mình, vì Người mang lấy bản tính nhân loại” (*Super Phil 2*, lec. 2 [no. 57]).

Lỗi giải thích của Thánh Tôma không hẳn là không có lý, lạ một điều, ngày nay các chú giải Công Giáo ít khi theo lỗi giải thích này. Chính Cha Emery cũng cho rằng lỗi giải thích của thánh nhân có tính chiều tự vì động từ *exinanire*, hiểu theo chiều tự, là “trở nên rỗng”. Cha cũng cho rằng: Lỗi giải thích này không phổ biến giữa các tác giả đồng thời với thánh nhân. Và lại, khi cho rằng “bản tính nhân loại...được tạo nên như tấm bảng chưa được viết lên”, và do đó, trống rỗng, theo Cha Emery, là Thánh Tôma muốn lấy lại quan điểm “*tabula rasa*” [tấm bảng chưa được viết gì] của Aristôt, một quan điểm xét con người thiên về linh hồn hay trí hiểu nhiều hơn là một hữu thể gồm cả xác lẫn hồn.

Chương Dẫn nhập



Mở lại cuộc điều tra có tính cách đời người

Theo lời nói của các công tố viên, vụ mưu toan giết người kết cho James Dixon là “một vụ chắc ăn như bấp”. Mở rồi đóng. Ngay một cuộc khảo sát lướt qua các chứng cứ cũng đủ để quả quyết rằng Dixon bắn trung sĩ cảnh sát Richard Scanlon vào bụng dưới trong một cuộc hỗn chiến ở phía nam Chicago.

Từ món này đến món khác, từ mẫu này đến mẫu khác, từ nhân chứng này đến nhân chứng khác, bằng chứng đều xiết chặt thông lọng quanh cổ Dixon. Có đủ dấu tay và một vũ khí, các nhân chứng và một động cơ, một cảnh sát bị thương và một bị cáo với một lịch sử bạo động. Lúc này, hệ thống công lý hình sự ở tư thế sẵn sàng dựng một chiếc cửa sập khiến Dixon sa vào bởi sức nặng của chính tội ác của anh ta.

Các sự kiện khá đơn giản. Trung sĩ Scanlon vội vàng tới số 108 West Place sau khi một người hàng xóm gọi cho cảnh sát để báo cáo có người mang súng. Scanlon tới thì thấy Dixon đang cãi cọ om xòm với người bạn gái của anh ta bên ngưỡng cửa nhà nàng. Cha nàng xuất hiện khi thấy Scanlon, cho rằng ra ngoài lúc này là điều an toàn.

Bỗng nhiên một cuộc ẩu đả diễn ra giữa Dixon và người cha. Trung sĩ lạnh lẽo can thiệp, cố gắng ngăn chặn cuộc ẩu đả. Một phát súng vang lên; Scanlon lao đảo, bị thương ở phần giữa. Ngay lúc đó, hai xe của đội cảnh sát tới, rít lên dừng lại, và các cảnh sát viên ập tới kiểm chế Dixon.

Khẩu A. 22 là súng của Dixon, có dấu tay của anh ta với một viên đạn đã bắn, được tìm thấy gần đấy, nơi rõ ràng anh ta đã ném nó sau khi đã bắn. Người cha không có vũ trang; súng của Scanlon vẫn ở trong vỏ súng. Thuốc súng cháy trên da Scanlon cho thấy ông bị bắn ở tầm rất gần.

May mắn, vết thương của ông không đe dọa tới tính mạng, mặc dù nó đủ nặng để ông được thưởng một huy chương vì lòng can đảm, hãnh diện được trường cảnh sát gắn lên ngực ông. Còn về Dixon, khi cảnh sát lục lại hồ sơ, họ thấy anh ta từng bị kết án vì đã bắn một ai đó. Rõ ràng anh ta rất quen với bạo lực.

Và gần một năm sau, tôi ngồi ở đó, ghi chép tại một phòng toà án gần như trống trơn tại Chicago trong khi Dixon công khai nhìn nhận rằng, đúng, anh phạm tội đã bắn viên cảnh sát kỳ cựu với 15 năm công vụ. Thêm vào số các chứng cứ khác, lời thú tội này đã xiết chặt tội trạng. Chánh án hình sự Frank Machala truyền giam Dixon, rồi đập búa ra hiệu vụ án kết thúc. Công lý đã được phục vụ.

Tôi nhét tập ghi chép vào túi trong của chiếc áo khoác thể thao rồi thông thả xuống cầu thang đi về phía phòng báo chí. Cùng lắm, tôi nghĩ chủ bút của tôi sẽ cho tôi ba đoạn để kể lại câu chuyện trên tờ Chicago Tribune vào ngày hôm sau. Chắc chắn, nó chỉ đáng thế. Chẳng có gì đáng nói. Hay gần như thế, tôi nghĩ vậy.

Một người chỉ điểm rở tai

Tôi trả lời điện thoại tại phòng báo chí và nhận ra giọng nói ngay lập tức, đó là người chỉ điểm tôi từng gây dựng trong năm tôi tường trình những gì diễn ra tại tòa án hình sự. Tôi đoán chắc ông ta có điều nóng bỏng muốn nói với tôi, vì tin mánh nước càng lớn bao nhiêu, thì ông ta càng nói nhanh và nói nhỏ bấy nhiêu, và quả ông ta rở tai ngay lập tức.

Ông ta hỏi, “Này Lee, anh có biết vụ Dixon không?”

Tôi trả lời, “Có, chắc chắn như thế, từng tường trình về nó 2 bữa nay. Thường lệ thôi”.

“Đừng chắc mẫm như vậy. Có tin cho hay trước vụ bắn vài tuần, Trung sĩ Scanlon dự một buổi tiệc vui, mang khẩu súng bút ra khoe”.

“Cái gì?”

“Khẩu súng bút. Khẩu súng lục nòng.22 chế tạo trông giống như cây bút máy. Không ai, kể cả cảnh sát, được phép mang loại súng này”.

Khi tôi bảo ông ta tôi không thấy khẩu súng này có liên quan gì tới vụ việc, thì giọng ông ta trở nên kích động hơn, “Đây là đầu mối: Dixon không bắn Scanlon. Scanlon bị thương khi khẩu súng bút của ông ta tình cờ phát nổ trong túi áo sơ mi của ông ta. Ông ta đổ lỗi cho Dixon để ông ta khỏi bị tố cáo đã mang vũ khí bất hợp pháp. Anh không thấy sao? Dixon vô tội!”

Tôi la toáng lên “Không thể có chuyện đó”.

Ông ta trả lời: “Thì kiểm tra bằng chứng đi. Xem nó thực sự chỉ vào đâu”.

Tôi gác điện thoại và vội lao xuống cầu thang đi vào phòng công tố, ngừng một lát lấy hơi trước khi đi vào trong. “Ông biết vụ Dixon chứ?” tôi hững hờ hỏi, chưa vội tiết lộ điều mình mới nghe. “Nếu ông không ngại, tôi muốn trở lại các chi tiết một lần nữa”.

Sắc mặt ông ta tái đi. Ông ta lắp bắp, “À, tôi không thể nói về vụ ấy. Không bình luận”.

Hóa ra người chỉ điểm của tôi đã trút hết các hoài nghi của ông ta cho văn phòng công tố viên. Phía hậu trường, bồi thẩm đoàn đã được triệu tập để xem xét lại các chứng cứ. Một cách đáng ngạc nhiên, bất ngờ, vụ

xử kín đáo James Dixon đã được mở lại.

Các sự kiện mới cho một lý thuyết mới

Cùng một lúc, tôi bắt đầu cuộc điều tra riêng của tôi, nghiên cứu hiện trường tội phạm, phỏng vấn các nhân chứng, nói chuyện với Dixon, và khảo sát chứng cứ thể lý. Khi xem xét thấu đáo vụ án, điều lạ lùng nhất đã diễn ra: mọi sự kiện mới được tôi khám phá, và thậm chí cả chứng cứ cũ từng được dùng để kết tội Dixon, đã ăn khớp với lý thuyết khẩu súng bút.

- Các nhân chứng nói rằng trước khi Scanlon tới hiện trường, Dixon đã gõ khẩu súng của anh ta vào cửa nhà người bạn gái của anh ta. Khẩu súng phát nổ theo hướng xuống đất; ở khối ximăng của cửa trước, có một chỗ mẻ rất phù hợp với tác động của một đầu đạn. Điều này giải thích cho việc một viên đạn đã mất khỏi cây súng của Dixon.
- Dixon nói anh ta không muốn bị bắt với khẩu súng, nên anh ta đã giấu nó dưới cốp ở bên kia đường phố trước khi cảnh sát tới. Tôi kiểm được một nhân chứng xác nhận điều đó. Việc này giải thích tại sao khẩu súng đã được tìm thấy ở một chỗ xa cách hiện trường dù không ai thấy Dixon đã ném nó ra xa như thế.
- Có thuốc súng cháy tập trung bên trong, chứ không phải bên trên, túi áo trái chiếc somi của Scanlon. Lỗ viên đạn nằm ở cuối túi áo. Kết luận: một vũ khí đã phát nổ bên trong túi áo.
- Trái với lời tuyên bố trong báo cáo của cảnh sát, đường đi của viên đạn theo chiều đi xuống. Dưới túi áo somi của Scanlon là một vết xé dài rỉ máu nơi viên đạn thoát ra sau khi xuyên qua một lớp thịt.
- Hồ sơ cảnh sát khi bắt giam [rap sheet] Dixon đã không nói hết câu chuyện về anh ta. Mặc dù anh ta từng bị giam 3 năm về một vụ nổ súng trước đây, nhưng tòa phá án đã trả tự do cho anh ta sau khi phán quyết anh ta bị kết án sai. Hóa ra cảnh sát đã giấu một nhân chứng chủ yếu của bên bị cáo và nhân chứng của công tố đã nói láo. Thành thử hồ sơ nói rằng anh ta có xu hướng bạo động là không đúng.

Một người vô tội được trả tự do

Sau cùng, tôi đã hỏi thẳng Dixon “nếu anh vô tội, tại sao anh lại thú nhận mình có tội hờ trời?”

Dixon thở dài, nói, “chỉ là chuyện mặc cả”. Anh ta có ý nói đến tập tục theo đó, công tố cho hay họ sẽ giảm án nếu bị cáo thú nhận tội lỗi, nhờ thế tiết kiệm thì giờ và tiền bạc cho mọi người.

“Họ nói nếu tôi nhận tội, họ sẽ chỉ kết án tôi một năm tù. Tôi đã nằm xàlim 362 ngày chờ phiên tòa rồi. Tôi chỉ cần nhận tội là sẽ về nhà trong ít ngày nữa thôi. Nhưng nếu tôi cứ khăng khăng ở tòa và bồi thẩm đoàn thấy tôi có tội, thì họ sẽ áp đặt hình phạt tối đa cho tôi. Họ sẽ dành cho tôi 20 năm tù vì đã bắn một cảnh sát viên. Chẳng đáng canh bạc chút nào. Tôi chỉ muốn trở về nhà...”

Tôi bảo, “và thế là anh nhìn nhận đã làm một điều anh không hề làm”.

Dixon gật đầu, “đúng thế”.

Cuối cùng Dixon được trắng án và sau đó, đã thắng một vụ kiện chống sở cảnh sát. Scanlon bị tước huy chương, bị một bồi thẩm đoàn kết tội, nhìn nhận tội có tác phong sai trái và bị sở cảnh sát sa thải (1). Về phần tôi, các câu chuyện của tôi được đưa lên trang nhất. Điều quan trọng hơn, tôi đã học được nhiều bài học lớn trong tư cách một phóng viên trẻ.

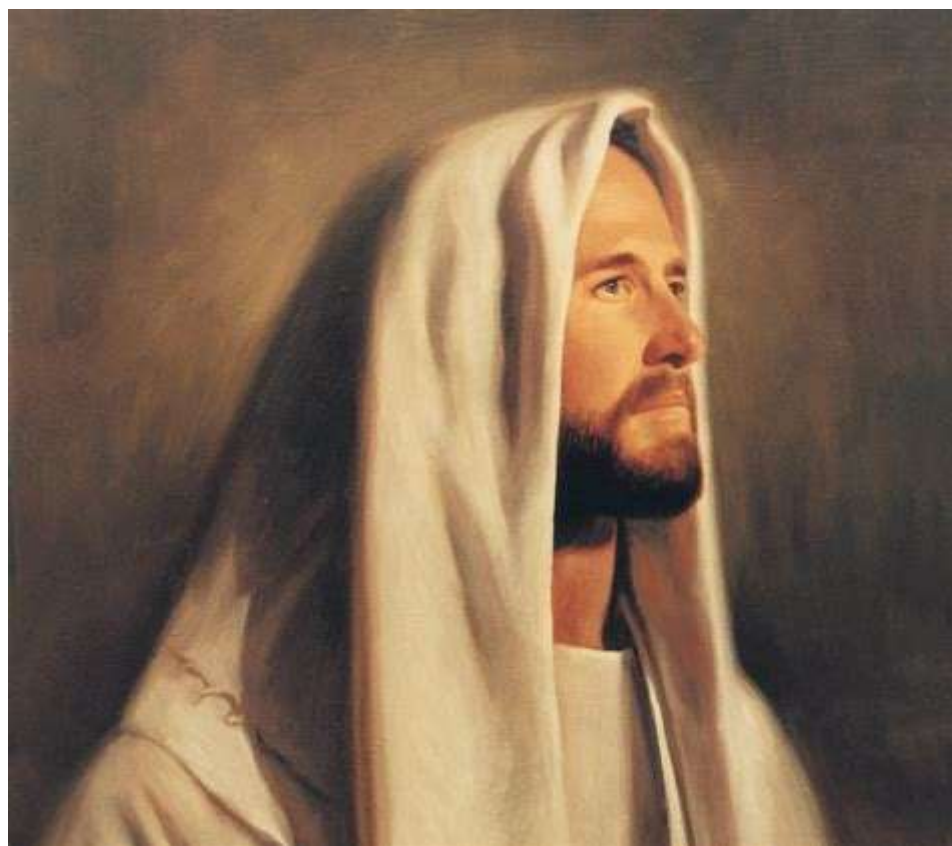
Một trong các bài học hiển nhiên là chứng cứ có thể được sử dụng theo hơn một chiều. Thí dụ, dễ dàng có đủ chứng cứ để kết tội Dixon đã bắn trung sĩ. Nhưng các câu hỏi chủ chốt là thế này: liệu việc thu thập chứng cứ có thấu đáo không? Và giải thích nào thích đáng nhất với toàn bộ các sự kiện? Một khi lý thuyết súng bút được đưa ra, điều trở nên rõ ràng là viễn ảnh này giải thích được toàn bộ các chứng cứ một cách tối đa nhất.

Và còn một bài học khác nữa. Một lý do khiến chứng cứ thoát đầu trông có vẻ hết sức thuyết phục đối với tôi vì nó rất phù hợp với các định kiến của tôi. Với tôi, Dixon hiển nhiên là một anh chàng gây rối, một thất bại, sản phẩm thất nghiệp của một gia đình tan vỡ. Cảnh sát là người tốt. Công tố ít khi sai lầm.

Nhìn qua các lăng kính ấy, chứng cứ ban đầu xem ra rất có giá trị. Chỗ nào có bất nhất hay khoảng trống, tôi đều ngây thơ bỏ qua. Khi cảnh sát cho tôi hay đây là một phiên tòa kín, tôi tin lời họ và không lục lọi gì thêm.

Nhưng khi tôi thay đổi lăng kính, đổi các thiên kiến của mình lấy tính khách quan hơn, tôi nhìn vụ án dưới một ánh sáng khác hẳn. Cuối cùng tôi để chứng cứ dẫn tôi tới sự thật, bất kể nó có hợp với các thiên kiến ban đầu của tôi hay không.

Câu truyện ấy cách nay đã hơn 20 năm. Các bài học lớn nhất vẫn chưa đến với tôi.



Từ Dixon tới Chúa Giêsu

Lý do tôi kể lại vụ án bất thường trên là vì một cách nào đó, hành trình tâm linh của tôi khá giống kinh nghiệm của tôi với James Dixon.

Phần lớn đời mình, tôi là kẻ hoài nghi. Thực vậy, tôi coi mình là một người vô thần. Với tôi, có quá nhiều

chứng cứ cho thấy Thiên Chúa chỉ là một sản phẩm của một mơ tưởng, của một huyền thoại học cổ xưa, của mê tín bán khai. Làm thế nào có một Thiên Chúa yêu thương cho được khi Người phạt người ta xuống hỏa ngục chỉ vì không tin nơi Người? Làm thế nào các phép lạ lại có thể đi ngược lại luật lệ căn bản của thiên nhiên? Há biến hóa đã không giải thích đáng khởi thủy của sự sống hay sao? Há lý luận khoa học không đánh tan niềm tin vào siêu nhiên đó sao?

Còn về Chúa Giêsu, há các anh không biết rằng Người không bao giờ cho rằng mình là Thiên Chúa đó sao? Người là một nhà cách mạng, một hiền tài, một người Do Thái hình tượng, nhưng là Thiên Chúa? Không, ý niệm này không bao giờ có trong đầu óc Người! Tôi có thể giới thiệu với các anh rất nhiều giáo sư Đại Học nói như thế, và chắc chắn họ là những người đáng tin tưởng, đúng không? Chúng ta hãy đối diện với điều này: thậm chí một cuộc khảo sát qua loa các chứng cứ cũng đủ để chứng minh một cách đầy thuyết phục rằng Chúa Giêsu chỉ là một người phạm giống như các anh và tôi, mặc dù có những thiên phú ngoại thường của lòng tốt và khôn ngoan.

Nhưng đó là tất cả các chứng cứ tôi thực sự đưa ra từ trước đến nay. Tôi đã đọc đủ triết lý và lịch sử để hỗ trợ cho sự hoài nghi của mình, một sự kiện ở đây, một lý thuyết khoa học ở kia, một trích dẫn súc tích, một lập luận khôn khéo. Chắc chắn, tôi có thể thấy một số lỗ hổng, một số bất nhất, nhưng tôi có động cơ mạnh mẽ để làm ngơ chúng: một lối sống tự phục vụ mình và vô luân mà tôi buộc phải từ bỏ nếu tôi phải thay đổi quan điểm và trở thành một tín hữu của Chúa Giêsu.

Đối với tôi, vụ này đã kết thúc. Có đủ bằng chứng giúp tôi dễ dàng kết luận rằng thiên tính của Chúa Giêsu chỉ là một phát minh tưởng tượng của những người mê tín. Hoặc gần như thế, tôi nghĩ vậy.

Các câu trả lời cho một người vô thần

Không phải cú điện thoại từ người chỉ điểm viên đã thúc đẩy tôi khảo sát lại lý lẽ bên vực Chúa Kitô. Mà là vợ tôi.

Leslie làm tôi choáng váng vào mùa thu năm 1979 khi tuyên bố nàng đã trở thành một Kitô hữu. Tôi trợn tròn đôi mắt và chờ đợi điều tệ hại nhất, có cảm giác là nạn nhân của một mưu đồ bán hàng rơm. Tôi đã cưới một Leslie vui nhộn, vô tư, liêu lĩnh, nhưng nay, tôi sợ nàng sắp biến thành một người đàn bà kiêu cách bị ức chế về tình dục, sẵn sàng đổi chác lối sống đang đi lên của chúng tôi lấy những buổi canh thức cầu nguyện đầu đêm và phục vụ thiện nguyện trong những căn bếp nấu súp âm đạm.

Nhưng thay vào đó, tôi đã ngạc nhiên một cách thích thú, thậm chí còn phấn khích nữa, bởi các thay đổi từ nền tảng trong tính tình của nàng, tính chính trực, và thái độ tự tin vào bản thân nàng. Cuối cùng, tôi muốn hiểu tận đáy điều đã thúc đẩy các thay đổi nhẹ nhàng nhưng đầy ý nghĩa trong tác phong của vợ tôi, do đó, tôi đã phát động một cuộc điều tra toàn diện để nắm được các sự kiện quanh việc biện hộ cho Kitô giáo.

Cố gắng hết sức để qua một bên các sở thích bản thân và các thiên kiến, tôi đọc sách vở, phỏng vấn các chuyên gia, hỏi các câu hỏi, phân tích lịch sử, thăm dò khảo cổ học, nghiên cứu văn chương cổ thời, và lần đầu tiên trong đời đọc từng câu chữ Kinh Thánh.

Tôi lao vào vụ án này một cách mạnh mẽ như chưa bao giờ làm thế với bất cứ câu truyện nào. Tôi áp dụng việc đào luyện đã nhận được tại Trường Luật của Đại Học Yale cũng như kinh nghiệm làm chủ bút luật pháp sự vụ của tờ Chicago Tribune. Và với thời gian, chứng cứ của thế giới, của lịch sử, của khoa học, của triết học, của tâm lý học, bắt đầu hướng tôi tới điều không thể nghĩ tưởng.

Giống như vụ James Dixon được phục hồi.

Bạn tự phán đoán lấy

Có lẽ cả bạn nữa cũng đã dựa quan điểm tâm linh của bạn vào bằng chứng bạn quan sát thấy quanh bạn hay lượm lặt đó đây từ sách vở, các giáo sư Đại Học, thành viên giáo dân hoặc bằng hữu. Nhưng liệu kết luận của bạn có thực sự là giải thích tốt nhất cho bằng chứng hay không? Nếu bạn phải đào sâu hơn nữa, để đối chất các thiên kiến của bạn và bằng chứng đã tìm thấy một cách có hệ thống, bạn sẽ tìm được gì?

Đó chính là nội dung cuốn sách này. Thật vậy, tôi sẽ lần giở lại và khai triển thêm cuộc hành trình tâm linh tôi đã thực hiện trong gần hai năm trời. Tôi sẽ đưa bạn theo 13 cuộc phỏng vấn của tôi với các học giả hàng đầu và những người có thẩm quyền với các thế giá học thuật vô song.

Tôi đã đi nhiều vòng khắp đất nước, từ Minnesota tới Georgia, từ Virginia tới California, để lấy được các ý kiến chuyên môn của họ, để thách thức họ với các luận bác tôi vốn có lúc còn là một kẻ hoài nghi, để buộc họ bảo vệ các lập trường của họ bằng các dữ kiện vững chắc và luận điểm gắn bó, và để thử nghiệm họ bằng chính những câu hỏi mà bạn có thể nêu lên khi có cơ hội.

Trong việc tìm kiếm sự thật này, tôi đã sử dụng kinh nghiệm của mình như một ký giả viết về các vấn đề luật lệ phải khảo sát nhiều loại chứng cứ khác nhau, bằng chứng tận mắt, bằng chứng tài liệu, bằng chứng khoa học, bằng chứng tâm lý học, bằng chứng hoàn cảnh, và, vâng, cả chứng cứ dấu tay (điều này có vẻ ly kỳ, phải không?)

Đó cũng chính là những bằng chứng bạn gặp thấy ở toà án. Và có lẽ sử dụng viễn ảnh luật pháp là cách hay nhất để hình dung ra diễn trình này, với bạn trong vai trò bồi thẩm viên.

Nếu bạn được chọn tham gia một bồi thẩm đoàn trong một vụ xử thực sự, chắc bạn sẽ được yêu cầu phải xác nhận trước rằng bạn không có một thiên kiến nào về vụ án. Bạn hẳn sẽ được yêu cầu phải tuyên thệ bạn sẽ cởi mở và hợp tình hợp lý, rút kết luận của bạn dựa trên sức nặng của các sự kiện chứ không dựa trên ý thích nhất thời hay thiên kiến của chính bạn. Hẳn bạn sẽ được thúc giục phải thấu đáo xem xét tính đáng tin của các nhân chứng, cẩn thận sàng lọc chứng ngôn, và dùng lương tri và luận lý của bạn nghiêm khắc xem xét chứng cứ. Tôi yêu cầu bạn cũng làm như thế khi đọc cuốn sách này.

Cuối cùng, trách nhiệm của các bồi thẩm viên là đạt tới việc tuyên án. Điều này không có nghĩa là họ đã đạt được một sự chắc chắn trăm phần trăm, vì chúng ta không thể có được chứng cứ tuyệt đối cho bất cứ điều gì ở trong đời. Trong một phiên tòa, các bồi thẩm viên được yêu cầu cân đo chứng cứ và đạt tới một kết luận tốt nhất có thể. Nói cách khác, căn cứ vào vụ James Dixon, khung cảnh nào phù hợp khít khao nhất với các sự kiện?

Đó là trách vụ của bạn. Tôi hy vọng bạn sẽ coi trọng nó, vì đây không chỉ là chuyện tò mò nhàn rỗi mà thôi. Nếu Chúa Giêsu phải được tin tưởng, và tôi nhận ra đây có thể là chữ nết lớn lao cho bạn vào lúc này, thì không có gì quan trọng hơn việc bạn sẽ trả lời Người ra sao.

Nhưng thực sự Người là ai? Người tự nhận Người là ai? Và liệu có bằng chứng nào đáng tin để hỗ trợ cho việc tự nhận ấy? Đó là điều tôi tìm cách xác định khi lên chuyến máy bay tới Denver để tiến hành cuộc phỏng vấn đầu tiên của tôi.

Ghi chú

(1) Lee Strobel, “Four Years in Jail – an Innocent”, *Chicago Tribune* (August 22, 1976) và “Did Justice Close Her Eyes?” *Chicago Tribune* (August 21, 1977).

PHẦN I: KHẢO SÁT HỒ SƠ

Chương Một: Bằng Chứng Tận Mắt

Có thể tin các tiểu sử của Chúa Giêsu không?

Khi tôi gặp Leo Carter, người hay e thẹn và ăn nói nhỏ nhẹ, ông ta là một người 70 tuổi kỳ cựu sống tại khu sống động nhất của Chicago. Lời khai của ông đã bỏ tù 3 tên sát nhân. Và ông ta vẫn mang viên đạn cỡ.33 trong đầu, một nhắc nhở rùng rợn câu truyện ly kỳ khiếp đảm khi ông mục kích Elijah Baptist hạ sát người bán tạp hóa địa phương.

Leo và một người bạn, Leslie Scott, đang chơi môn bóng rổ khi họ thấy Elijah, rồi tên du đãng 16 tuổi với 30 vụ bị bắt trên hồ sơ bắt giữ của cảnh sát, bắn hạ Sam Blue ở bên ngoài cửa hàng tạp hóa.

Leo biết người bán tạp hóa từ thời thơ ấu. Leo giải thích với tôi bằng một giọng nói nhỏ nhẹ, “khi chúng tôi không còn chút thực phẩm nào, ông ấy đã cho chúng tôi một mớ. Nên khi tôi tới bệnh viện thì người ta bảo tôi ông ta đã chết, nên tôi biết tôi phải khai điều tôi nhìn thấy”.

Lời khai của nhân chứng tận mắt có giá trị mạnh mẽ. Một trong những giây phút cảm kích nhất trong một phiên xử là khi một nhân chứng mô tả tội ác một cách chi tiết, tội ác mà chính họ được thấy rồi tin tưởng chỉ vào bị cáo như kẻ phạm tội. Elijah Baptist biết rằng cách duy nhất tránh được nhà tù là làm cách nào đó ngăn cản được Leo Carter và Leslie Scott làm điều đó.

Do đó, Elijah và hai người bạn nổi khố làm cuộc săn lùng. Chẳng bao lâu, họ lùng được Leo và Leslie, đang dạo phố với người anh của Leo tên Henry, và họ dí súng bắt cả 3 vào khu chứa đồ tối đen gần đó. Người anh họ của Elijah nói với Leo, “tôi thích anh nhưng tôi phải làm việc này”. Nói rồi, hắn ấn khẩu súng vào sống mũi Leo và bóp cò.

Súng nổ; viên đạn chạy hơi xiên, làm mù mắt phải của Leo và nằm lại trong đầu ông ta. Khi ông ngã xuống đất, một phát súng nữa đã phát hỏa, viên đạn này trúng chỗ chỉ cách xương sống 2 “inches”.

Khi Leo, nằm ngửa, giả vờ chết, ông thấy em ông đang thỏ thức và bạn ông bị xử tử không thương tiếc cận kề. Khi Elijah và đồng bọn bỏ chạy, Leo bò vào nơi an toàn.

Một cách nào đó, lạ lùng thay Leo đã sống sót. Viên đạn vẫn để yên trong đầu ông vì rất nguy hiểm nếu lấy ra, bất chấp những cơn đau xé đầu mà thuốc thang cũng không thể làm giảm bớt, ông là nhân chứng duy nhất chống Elijah Baptist tại phiên xử tên này vì đã giết người bán tạp hóa Sam Blue. Các bồi thẩm viên tin Leo, và Elijah bị kết án 80 năm tù.

Một lần nữa, Leo lại là nhân chứng tận mắt duy nhất làm chứng chống lại Elijah và hai đồng bọn trong vụ sát hại em ông và bạn ông. Và một lần nữa lời của ông đủ tốt để dẫn ba tên này vào tù mãi đời.

Leo Carter là một trong các anh hùng của tôi. Ông bảo đảm để công lý được phục vụ, mặc dù phải trả một cái giá không lồ vì nó. Khi tôi nghĩ tới nhân chứng tận mắt, thậm chí cho tới nay, hơn 20 năm sau, khuôn mặt ông vẫn còn hiện rõ trong tâm trí tôi (1).



Lời chứng từ một thời xa xưa

Đúng, lời chứng của chứng nhân tận mắt rất có tính thuyết phục. Khi một nhân chứng tận mắt có đủ cơ hội để chứng kiến một tội ác, khi không có thiên kiến hay động lực che đậy, khi nhân chứng tận mắt nói thật và hợp tình hợp lý, thì hành vi tuyệt đỉnh vạch mặt một bị cáo tại tòa án đủ để đưa anh ta vào tù hoặc tệ hơn thế.

Và lời chứng của nhân chứng tận mắt cũng chủ yếu trong các vấn đề điều tra có tính lịch sử, cả vấn đề liệu Chúa Giêsu Kitô có phải là Con duy nhất của Thiên Chúa hay không.

Nhưng chúng ta có được loại trình thuật nào của nhân chứng tận mắt? Chúng ta có được chứng ngôn của bất cứ ai đích thân tương tác với Chúa Giêsu không, từng lắng nghe các giáo huấn của Người, thấy các phép lạ Người làm, tận mắt thấy cái chết của Người, và có lẽ còn được gặp Người sau biến cố người ta cho là phục sinh? Chúng ta có được bất cứ ghi chép nào từ “các nhà báo” của thế kỷ thứ nhất không, những người từng phỏng vấn các chứng nhân tận mắt, hỏi những câu hỏi hắc búa và trung thành ghi chép lại những gì họ thận trọng kết luận là chân thật? Điều quan trọng không kém là các trình thuật này đứng vững ra sao trước sự lục lợi của những kẻ hoài nghi?

Tôi biết rằng cũng như chứng ngôn của Leo Carter đã xác nhận việc kết án ba tên sát nhân dã man, các trình thuật của nhân chứng tận mắt từ các mù mịt của thời xa xưa cũng có thể giúp giải quyết vấn đề tâm linh quan trọng hơn hết. Để có được những câu trả lời vững chắc, tôi đã sắp xếp để phỏng vấn học giả nổi tiếng khắp nước, người từng viết cuốn sách về chủ đề này: Tiến sĩ Craig Blomberg, tác giả cuốn *The Historical Reliability of Gospels* [Tính đáng tin cậy của các Tin Mừng].

Tôi biết Blomberg rất thông minh; thực vậy, ngay ngoại hình của ông cũng đã nói lên điều đó. Cao (sáu bộ hai), gầy và lêu khêu, với mái tóc ngắn, màu nâu gọn sóng chải một cách phi nghi lễ về phía trước, bộ râu sờn sờ, cặp kính dày không vành, trông ông giống típ người từng đại diện học sinh đọc bài diễn văn từ biệt ở trung học (ông quả là học sinh này), một Học giả Thành tích Quốc gia (ông quả là học giả này), và đầu tiến sĩ tối ưu từ một chủng viện danh tiếng (Ông quả là người này, từ Trường Thần Học Ba Ngôi Tin Lành).

Nhưng tôi muốn một ai đó không những chỉ thông minh và học thức. Tôi tìm một chuyên gia không che đậy các sắc thái hoặc vô tình bác bỏ các thách thức trong hồ sơ của Kitô giáo. Tôi muốn một ai đó liêm chính, ai đó từng vật lộn với những chỉ trích đức tin mạnh mẽ nhất và ăn nói một cách có thể giá nhưng không có thứ tuyên bố chung chung nhằm che đậy hơn là xử lý với các vấn đề có phê phán.

Tôi được người ta cho hay Blomberg chính là người tôi tìm kiếm, thế là tôi bay tới Denver, thắc mắc không

rõ ông có đáp ứng hoài mong của tôi hay không. Quả tình, tôi có một vài hoài nghi, nhất là khi việc nghiên cứu của tôi phát hiện một sự kiện khá đáng lo ngại là Blomberg vẫn luôn hy vọng đội anh hùng thời thơ ấu của ông, đội Chicago Cubs, sẽ thắng World Series trong sinh thời của ông.

Thành thật mà nói, điều trên đủ khiến tôi hơi chút hoài nghi về khả năng biện phân của ông này.

Cuộc Phỏng vấn Thứ nhất: Craig L. Blomberg, Ph.D.

Craig Blomberg được nhiều người coi như một trong các thế giá hàng đầu của cả nước về các cuốn tiểu sử về Chúa Giêsu, mà người ta vốn gọi là bốn sách Tin Mừng. Ông đầu tiên sĩ về Tân Ước tại Đại Học Aberdeen ở Tô Cách Lan, sau đó, phục vụ trong tư cách chuyên viên nghiên cứu cao cấp tại Tyldale House của Đại Học Cambridge, nơi ông là thành phần của một nhóm ưu tú các học giả quốc tế từng cho ra đời một loạt các công trình được ca ngợi về Chúa Giêsu. Trong chừng chục năm gần đây, ông là giáo sư Tân Ước tại Chung viện Denver được nhiều người trọng kính.

Các sách của Blomberg bao gồm *Jesus and the Gospels* [Chúa Giêsu và Các Tin Mừng]; *Interpreting the Parables* [Giải thích Các Dụ ngôn]; *How Wide the Divide?* (Sự chia rẽ sâu rộng chừng nào); và các chú giải Tin Mừng Mátthêu và thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô. Ông cũng giúp hiệu đính sáu cuốn *Gospel Perspectives* [Viễn tượng Tin Mừng], bản thảo đảo tới các phép lạ của Chúa Giêsu, và ông đồng tác giả cuốn *Introductio to Biblical Interpretation* [Dẫn nhập vào Việc Giải thích Kinh thánh]. Ông đóng góp nhiều chương về tính lịch sử của các Tin Mừng cho cuốn **Reasonable Faith** (Đức tin Hợp lý) và cuốn *Jesus under Fire* [Chúa Giêsu dưới Lửa] được giải thưởng. Ông là hội viên của Hội Nghiên cứu Tân Ước, Hội Văn chương Kinh thánh, và Viện Nghiên cứu Kinh thánh.

Như lòng tôi mong đợi, văn phòng của ông có rất nhiều bộ sách bác học xếp trên giá sách (ông còn đeo chiếc càvạt lóng lánh với các hình vẽ sách vở).

Tuy nhiên, tôi mau chóng nhận thấy các bức tường quanh văn phòng của ông trưng bày các tranh vẽ của các con gái ông hơn là các bộ sách bụi bặm của các sử gia ngày xưa. Các mô tả tùy thích và đầy màu sắc của các em về những con lạc đà không bướu (llamas), những căn nhà, và hoa lá không phải hồ hững được gắn lên tường không nghĩ ngợi; chúng hiển nhiên được coi như những giải thưởng, công phu bện tết, đóng khung cẩn thận, và đích thân ký tên bởi Elizabeth và Rachel. Rõ ràng, tôi tự nghĩ, người đàn ông này có cả trái tim lẫn khối óc.

Blomberg nói với sự chính xác của một nhà toán học (đúng, ông có dạy cả toán học nữa, ở đầu đời sự nghiệp của ông), cẩn thận đo từng chữ, tránh bỏ qua dù một sắc thái nhỏ nhưng cần cho bằng chứng. Đó chính là điều tôi mong chờ.

Khi ông đã yên vị trong chiếc ghế lưng cao, tay cầm ly càphê, tôi cũng nhâm nhi chút càphê để đánh tan cái lạnh của Colorado. Vì tôi cảm thấy Blomberg là loại người đi thẳng vào vấn đề, nên tôi quyết định bắt đầu cuộc phỏng vấn của tôi bằng cách đi vào cốt lõi của vấn đề.

Các nhân chứng tận mắt đối với lịch sử

Tôi nói hơi chút thách thức trong giọng nói, “cho tôi hay điều này, có thể nào một người thông minh, suy nghĩ có phê phán mà vẫn tin rằng bốn sách Tin Mừng được viết bởi những người có tên gán cho chúng?”

Blomberg để ly cà phê xuống cạnh chiếc bàn làm việc của ông rồi nhìn thẳng vào tôi, ông nói một cách đầy xác tín, “câu trả lời là có”.

Ông ngồi trở lại và tiếp tục nói, “điều quan trọng là thừa nhận rằng nói đúng ra, các sách Tin Mừng đều vô danh. Nhưng chứng từ như nhau của Giáo Hội sơ khai là: Máthêu cũng gọi là Lêvi, người thu thuế và một trong Nhóm Mười Hai, là tác giả Tin Mừng thứ nhất trong bộ Tân Ước; Gioan Máccô, bạn đồng hành của Phêrô, là tác giả của Tin Mừng ta gọi là Tin Mừng Máccô; và Luca, được biết dưới danh hiệu “y sĩ quý yêu” của Phaolô viết cả Tin Mừng Luca lẫn Công vụ Các Tông đồ.

Tôi hỏi, “niềm tin cho rằng họ là các tác giả nhất thống đến đâu?”

Ông trả lời, “hiện không có người nào tranh chức tác giả của ba Tin Mừng đó. Rõ ràng, vấn đề không bị tranh cãi”.

Cho dù là thế, tôi muốn thử nghiệm vấn đề xa hơn, tôi nói, “xin lỗi về tính hoài nghi của tôi, nhưng có thể nào có ai đó có động cơ muốn nói láo bằng cách cho rằng những vị này viết các sách Tin Mừng nhưng kỳ thực họ không viết không?”

Blomberg lắc đầu. “Có lẽ không. Hãy nhớ, những vị này là những nhân vật không đáng kể” ông nói thế, với nụ cười nở trên khuôn mặt. “Máccô và Luca thậm chí không ở trong số mười hai môn đệ. Máthêu chỉ là một cựu thuế viên bị người ta ghét bỏ, có lẽ ông là người có tiếng xấu hơn hết sau Giuđa Ítcariôt, tên phản bội Chúa Giêsu.

“Hãy tương phản điều ấy với những gì sẽ diễn ra khi các Tin Mừng nguyên thư đầy óc tưởng tượng được viết ra sau đó. Người ta chọn tên của những người có tiếng và gương mẫu làm tác giả hư cấu cho chúng, Philip, Phêrô, Maria, Giacôbê. Những cái tên này có nhiều sức nặng hơn các tên Máthêu, Máccô và Luca. Do đó, để trả lời câu hỏi của ông, không có lý do gì gán tư cách tác giả cho ba con người ít được kính trọng hơn này nếu chính họ không phải là tác giả.

Điều ấy nghe hợp luận lý, nhưng rõ ràng ông ta đã bỏ qua một trong những vị viết Tin Mừng. Tôi hỏi, “còn Gioan thì sao? Ngài cực kỳ nổi bật. Thực vậy, ngài không phải chỉ là một trong mười hai môn đệ mà còn là một trong ba môn đệ thân thiết của Chúa Giêsu, cùng với Giacôbê và Phêrô”.

Blomberg gật đầu, “Đúng, ngài là một ngoại lệ. Và thật đáng lưu ý, Tin Mừng Gioan là Tin Mừng duy nhất hiện có nghi ngờ về tác giả của nó”.

“Chính xác thì điều gì đang bị tranh cãi?”

Blomberg trả lời, “Tên của tác giả thì không có gì hoài nghi cả, chắc chắn là Gioan. Câu hỏi là đó có phải là tông đồ Gioan hay một Gioan khác”.

“Ông thấy đấy, chứng từ của một nhà văn Kitô giáo tên là Papias, có niên hiệu 125 CN, nhắc đến tông đồ Gioan và vị trưởng lão Gioan, và từ bối cảnh này, không rõ ngài nói về một người từ hai viễn cảnh hay về hai người khác nhau. Nhưng chỉ trừ ngoại lệ này, phần lớn chứng từ tiên khởi đều nhất trí cho rằng tông đồ Gioan, con ông Dêbêđê, là người viết Tin Mừng cùng tên.

“Và”, tôi nói trong một cố gắng khiến ông nói thêm, “ông tin chắc là chính ngài đã viết?”

Ông trả lời, “Vâng, tôi tin đa số đáng kể các tư liệu là của vị tông đồ. Tuy nhiên, nếu ông đọc Tin Mừng này cách kỹ càng, ông có thể thấy một số chi tiết cho thấy các câu kết luận có thể do một người hiệu đính hoàn tất. Bản thân tôi không có vấn đề để tin rằng một ai đó có liên hệ gần gũi với Gioan đã hành động trong vai trò đó, đã tạo hình cho các câu cuối cùng và tạo ra tính thống nhất văn phong cho toàn bộ văn kiện”.

Ông nhấn mạnh, “nhưng dù gì, Tin Mừng rõ ràng dựa trên các tư liệu mắt thấy tai nghe, như ba Tin Mừng kia”.

Đào sâu các điểm chuyên biệt

Cho đến lúc này, dù tôi đánh giá cao các nhận định của Blomberg, nhưng tôi vẫn chưa nhúc nhích. Vấn đề ai viết các sách Tin Mừng cực kỳ quan trọng, và tôi muốn các chi tiết chuyên biệt, các tên, ngày tháng, trích dẫn. Tôi uống cạn ly cà phê, để chiếc ly xuống bàn. Cây viết sẵn sàng, tôi chuẩn bị vào sâu hơn.

Tôi nói, “Chúng ta hãy trở lại với Máthêu, Máccô và Luca. Ông có bằng chứng chuyên biệt nào cho thấy họ là tác giả các sách Tin Mừng?”

Blomberg nghiêng người về phía trước. “Một lần nữa, chứng từ xưa nhất và có lẽ có ý nghĩa nhất phát xuất từ Papias, người vào năm 125 CN đã chuyên biệt quả quyết rằng Máccô đã cẩn thận và chính xác ghi chép các nhận xét mắt thấy tai nghe của Phêrô. Thật vậy, ngài nói rằng Máccô ‘không mắc sai lầm nào’ và không lờn vào ‘bất cứ tuyên bố sai lạc nào’. Và Papias nói rằng Máthêu đã giữ nguyên vẹn các giáo huấn của Chúa Giêsu.

“Rồi Irênê, viết vào khoảng năm 180 CN, xác nhận tư cách tác giả như truyền thống truyền tụng. Thật vậy, đây - ” ông vừa nói vừa vươn tay lấy một quyển sách. Ông lật giở cuốn và đọc các lời của Irênê:

“Máthêu công bố Tin Mừng riêng của mình nơi người Do Thái bằng ngôn ngữ của họ, khi Phêrô và Phaolô đang rao giảng Tin Mừng tại Rôma và thành lập Giáo Hội ở đó. Sau khi họ ra đi, Máccô, đệ tử và thông dịch viên của Phêrô, chính ngài cũng trao lại cho chúng ta bằng cách viết ra bản chất lời rao giảng của Phêrô. Luca, môn đệ của Phaolô, đã viết xuống trong một cuốn sách Tin Mừng do thầy mình rao giảng. Rồi Gioan, môn đệ của Chúa, người từng tựa vào ngực Chúa, chính ngài cũng cho ra Tin Mừng của riêng mình trong khi đang sống tại Êphêso bên Châu Á” (2).

Tôi nhìn các ghi chép của tôi, rồi nói, “Được lắm, cho tôi rõ điều này. Nếu chúng ta tin chắc rằng các sách Tin Mừng đã được viết bởi các môn đệ Máthêu và Gioan, bởi Máccô, bạn đồng hành của môn đệ Phêrô, và bởi Luca, sử gia, bạn đồng hành của Phaolô, và là một loại ký giả của thế kỷ thứ nhất, chúng ta có thể vững bụng mà cho rằng các biên cố họ ghi lại được căn cứ vào chứng từ tận mắt trực tiếp hoặc gián tiếp.

Trong khi tôi nói, Blomberg sàng lọc trong đầu lời lẽ của tôi. Khi tôi kết thúc, ông gật đầu, nói quả quyết “Chính xác như thế”.

Các tiểu sử xưa và nay

Vẫn còn một số khía cạnh rắc rối của các sách Tin Mừng tôi cần hiểu rõ. Cách riêng, tôi muốn hiểu rõ hơn loại thể văn chúng sử dụng.

Tôi nói, “khi tới một tiệm sách và xem phần tiểu sử, tôi không thấy cùng một lối viết như tôi thấy trong các Tin Mừng. Ở thời này, khi một ai đó viết một cuốn tiểu sử, họ hoàn toàn đào sâu cuộc đời của nhân vật. Nhưng hãy nhìn vào Tin Mừng Máccô đi, tác giả này không nói chi đến việc sinh ra đời của Chúa Giêsu hay bất cứ điều gì thuộc thời thơ ấu và đầu đời trưởng thành của Người. Thay vào đó, ngài tập chú vào thời kỳ 3 năm và dùng nửa Tin Mừng của mình vào các biên cố dẫn tới và lên tới đỉnh cao là tuần lễ cuối cùng của Chúa Giêsu. Ông giải thích việc này ra sao?”

Blomberg giơ cao mấy ngón tay. Ông trả lời, “có hai lý do. Một là văn chương và lý do kia là thần học.

“Lý do văn chương là thế này: xét trong căn bản, đây là cách người ta viết tiểu sử trong thế giới cổ xưa. Người ta không có cảm thức, như chúng ta ngày nay, rằng điều quan trọng là phải dành tỷ lệ bằng nhau cho mọi thời kỳ trong đời một cá nhân hay điều cần thiết là phải thuật câu chuyện theo đúng thứ tự thời gian hoặc thậm chí phải trích dẫn người ta từng chữ từng lời bao lâu người ta muốn duy trì điều người ta nói. Người Hy Lạp và Do Thái cổ xưa thậm chí đến dấu ngoặc kép cũng không có.

“Mục đích duy nhất mà vì đó họ nghĩ lịch sử đáng được ghi lại chính là vì có một số bài học nào đó cần học hỏi từ nhân vật được mô tả. Do đó, người viết tiểu sử muốn dừng lâu lại ở những phần trong đó đời sống của nhân vật này có tính nêu gương, sáng chói, có thể giúp ích cho người khác, có thể mang lại ý nghĩa cho một thời kỳ lịch sử”.

Tôi hỏi, “Và đó là lý do thần học?”

“Nó phát sinh từ điểm tôi vừa nêu. Các Kitô hữu tin rằng bất kể cuộc đời và giáo huấn cũng như các phép lạ của Chúa Giêsu có kỳ diệu đến đâu, chúng cũng sẽ vô nghĩa nếu sự kiện lịch sử không phải là Chúa Giêsu đã chết và đã chỗi dậy từ cõi chết và việc này cung cấp việc xá tội, hay ơn tha thứ mọi tội lỗi của nhân loại.

“Do đó, Máccô, cách riêng, trong tư cách người viết Tin Mừng có lẽ sớm nhất, đã dành gần phân nửa trình thuật của mình cho các biến cố dẫn tới và bao gồm khoảng thời gian một tuần lễ và lên tới đỉnh cao là cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô”.

Ông kết luận, “Vì ý nghĩa của cuộc Đón Đỉnh, điều này tạo nên ý nghĩa hoàn hảo trong văn chương cổ thời”.

Mẫu nhiệm nguồn Q

Ngoài 4 sách Tin Mừng ra, các học giả thường nói tới điều họ gọi là Q, chữ viết tắt của tiếng Đức *Quelle* có nghĩa là “nguồn” (3). Vì các tương tự về ngôn ngữ và nội dung, truyền thống vẫn cho rằng Máttêu và Luca rút tía từ tin mừng trước đó của Máccô để viết Tin Mừng của riêng họ. Thêm vào đó, các học giả còn nói rằng Máttêu và Luca cũng kết hợp một số tư liệu từ một nguồn bí ẩn Q, các tư liệu không có trong Máccô.

Tôi hỏi Blomberg, “Q chính xác là gì?”

Ông trả lời trong khi ngả lưng thoải mái tựa vào ghế ngồi, “Nó chỉ là một giả thuyết. Chỉ trừ một số ngoại lệ, phần lớn là các câu nói và giáo huấn của Chúa Giêsu có lúc có lẽ đã tạo nên một văn kiện độc lập, riêng rẽ.

“Ông thấy đấy, thế văn chung là thu thập các lời nói của các bậc thầy đáng kính, cùng loại như chúng ta ngày thu thập âm nhạc hàng đầu của một ca sĩ và đặt chúng thành một album ‘hạng nhất’. Q rất có thể là một điều giống như thế. Ít nhất đây cũng là một lý thuyết”.

Nếu Q có trước Máttêu và Luca, nó có thể tạo nên tài liệu sơ khai về Chúa Giêsu. Tôi nghĩ, có lẽ nó có thể rồi một ánh sáng mới mẻ nào đó về điều Chúa Giêsu thực sự là.

Tôi nói, “cho phép tôi hỏi điều này: nếu ông lấy một mình tư liệu của Q, thì ông sẽ nhận được loại hình ảnh nào về Chúa Giêsu?”

Blomberg vuốt râu và nhìn lên trần nhà một lúc như đắn đo câu hỏi. Ông trả lời một cách chậm rãi, như thể cẩn thận chọn từng chữ, “À, ông nên nhớ rằng Q chỉ là một sưu tập các lời nói và do đó nó không có tư liệu trình thuật để cung ứng cho ta một bức tranh đầy đủ hơn về Chúa Giêsu.

“Dù thế, ông cũng vẫn thấy Chúa Giêsu đưa ra một số nét rất mạnh về chính Người, thí dụ, Người hiến thân cho đức khôn ngoan và Người là Đấng duy nhất mà qua Người Thiên Chúa sẽ phán xử toàn thể nhân loại bất chấp họ tuyên xưng hay bác bỏ Người. Một cuốn sách bác học gần đây đã lập luận rằng nếu dựa riêng vào các lời nói trong Q, người ta vẫn có thể đạt tới cùng một bức tranh về Chúa Giêsu, về một nhân vật tự khẳng định về mình một cách bạo dạn như ông thấy trong các sách Tin Mừng một cách chung”.

Tôi muốn đẩy xa hơn nữa về điểm này. Tôi thăm dò, “Có thể coi Người như một người làm phép lạ hay không?”

Ông trả lời, “Một lần nữa, ông nên nhớ ông khó có thể có được nhiều câu truyện phép lạ đúng nghĩa, vì những câu truyện này thường chỉ tìm thấy trong phần trình thuật, trong khi Q chủ yếu là bản liệt kê các lời nói”.

Ông dừng lại, với tay tới bàn giấy, lấy cuốn kinh thánh bọc da, và lật giở các trang sách đã rất cũ.

“Nhưng, chẳng hạn, Luca 7:18:23 và Mátthêu 11:2-6 nói rằng Gioan Tẩy Giả sai các sứ giả tới hỏi có phải Chúa Giêsu thực sự là Đấng Kitô, Đấng Mêxia họ hằng trông đợi hay không. Chúa Giêsu đại ý trả lời rằng, ‘hãy nói để ông xem xét các phép lạ của tôi. Hãy nói cho ông những điều các ông thấy: người mù được thấy, người điếc được nghe, người què đi được, người nghèo được nghe tin mừng truyền giảng cho họ’.

“Thành thử trong Q”, ông kết luận, “rõ ràng đã có ý thức về thừa tác vụ phép lạ của Chúa Giêsu”.

Blomberg nhắc đến Mátthêu làm tôi nhớ một vấn đề khác liên quan tới các sách Tin Mừng đã được mang lại với nhau ra sao. Tôi hỏi, “Tại sao Mátthêu, được coi là một nhân chứng tận mắt về Chúa Giêsu, lại đi kết hợp một phần Tin Mừng được Máccô, người mà mọi người đều nhất trí không phải là nhân chứng tận mắt? Nếu Tin Mừng của Mátthêu được một nhân chứng tận mắt viết, ông hẳn nghĩ ngài phải dựa vào các quan sát của riêng mình mới đúng chứ”.

Blomberg mỉm cười, nói, “Chỉ có nghĩa nếu Máccô quả dựa trình thuật của mình trên ký ức chứng nhân tận mắt của Phêrô. Như ông đã từng nói, Phêrô vốn thuộc vòng thân mật của Chúa Giêsu và được đặc ân thấy và nghe những điều các môn đệ không được thấy và nghe. Thành thử vẫn có nghĩa khi Mátthêu, dù là một nhân chứng tận mắt, dựa vào cách nhìn của Phêrô đối với các biến cố được truyền tải qua Máccô”.

Đúng, tôi tự nghĩ, điều ấy phần nào có nghĩa. Thật vậy, một loại suy bắt đầu xuất hiện trong tâm trí tôi từ những năm tháng còn là một ký giả báo chí. Tôi còn nhớ tôi là một thành phần của đám ký giả sẵn lòng tổ phụ chính trị lừng danh, cố Thị trưởng Richard J. Daley, để hỏi dồn ông một số câu hỏi về một vụ sỉ căng đàn đang âm ỉ lúc đó trong sở cảnh sát. Ông đưa ra một số nhận xét trước khi thoát thân trong chiếc limousine của ông.

Dù tôi là một nhân chứng tận mắt đối với điều đã xảy ra, tôi vẫn lập tức đi tới một phóng viên truyền thanh, người gần gũi với Thị trưởng Daley hơn, và yêu cầu ông ta cho quay lại khúc băng về lời nói của Daley. Nhờ cách này, tôi có được sự bảo đảm là đã ghi lại chính xác điều ông nói.

Tôi trầm ngâm, đó rõ ràng là điều Mátthêu đã làm với Máccô, mặc dù Mátthêu có ký ức riêng như một môn đệ, việc ngài tìm sự chính xác đã thúc đẩy ngài dựa vào một số tư liệu trực tiếp phát xuất từ Phêrô vốn thuộc vòng thân mật của Chúa Giêsu.

Quan điểm độc đáo của Gioan

Cảm thấy thỏa mãn với những câu trả lời ban đầu của Blomberg liên quan tới ba Tin Mừng đầu tiên, gọi là

các Tin Mừng nhất lãm, nghĩa là “có thể xem cùng một lúc, vì những phác họa và tương quan qua lại giống nhau (4), tôi quay qua Tin Mừng Gioan. Bất cứ ai từng đọc cả bốn sách Tin Mừng đều lập tức nhận ra điều này: có những dị biệt rõ rệt giữa các Tin Mừng nhất lãm với Tin Mừng Gioan, và tôi muốn biết liệu điều này có nghĩa là có những mâu thuẫn không tài nào hòa giải được giữa chúng với nhau hay không?

Tôi hỏi Blomberg, “Ông có thể minh giải các dị biệt giữa các Tin Mừng nhất lãm và Tin Mừng Gioan không?”

Ông nhúu lông mày, rồi hô lên, “Một câu hỏi vĩ đại. Tôi hy vọng viết cả một cuốn sách về chủ đề này”.

Sau khi làm ông an tâm là tôi chỉ muốn biết những điểm chủ yếu của vấn đề mà thôi, chứ không hẳn một cuộc thảo luận thấu đáo, ông ngồi vào ghế trở lại.

Ông bắt đầu, “Vâng, quả thực Gioan khác nhiều hơn là giống với các Tin Mừng nhất lãm. Chỉ một nhóm các cây truyện chính xuất hiện trong ba Tin Mừng khác ấy tái xuất hiện trong Tin Mừng Gioan, mặc dù điều này thay đổi đáng kể khi tới tuần lễ cuối cùng của Chúa Giêsu. Từ thời điểm đó trở đi, các song hành gần nhau hơn nhiều.

“Đường như cũng có sự khác biệt nhiều về văn phong. Trong Gioan, Chúa Giêsu dùng nhiều từ vựng khác, Người lên tiếng trong những bài giảng dài, và dường như có một nền Kitô học cao hơn, nghĩa là, có những tuyên bố trực diện và hiển nhiên hơn quả quyết Chúa Giêsu là một với Chúa Cha; là chính Thiên Chúa; là Đường, Sự Thật và là Sự Sống; là Sự Sống Lại và là Sự Sống”.

Tôi hỏi, “điều gì giải thích cho các khác nhau này?”

“Trong nhiều năm, có giả định cho rằng Gioan đã biết mọi điều Mátthêu, Máccô và Luca viết, và thấy không cần phải nhắc lại, nên ngài có ý muốn bỏ túc các ngài. Gần đây hơn, có giả định cho rằng Gioan phần lớn độc lập đối với ba Tin Mừng kia, điều này giải thích không những các chọn lựa tư liệu khác mà cả các quan điểm khác về Chúa Giêsu”.

Tuyên bố mạnh bạo nhất của Chúa Giêsu về chính Người

Tôi nhận định, “Có một số khác biệt thần học đối với Gioan”.

“Chắc chắn thế, nhưng liệu chúng có đáng được gọi là các mâu thuẫn hay không? Tôi nghĩ câu trả lời là không, và đây là lý do tại sao: vì hầu hết các chủ đề chính hay khác biệt trong Gioan, ông có thể tìm thấy song hành trong Mátthêu, Máccô, và Luca, cho dù chúng không nhiều”.

Đó là một khẳng định mạnh bạo. Tôi quyết định nhanh chóng thử nghiệm nó bằng cách nêu lên vấn đề có lẽ có ý nghĩa hơn cả liên quan tới các khác biệt giữa các Tin Mừng nhất lãm và Tin Mừng Gioan.

Tôi nói, “Gioan đưa ra các tuyên bố rất minh nhiên Chúa Giêsu là Thiên Chúa, điều được một số người qui cho sự kiện ngài viết sau những vị kia và bắt đầu thêm thắt sự việc. Ông có thấy chủ đề thiên tính này ở các Tin Mừng nhất lãm không?”

Ông nói, “có, tôi có thể. Một cách mặc nhiên hơn nhưng ông thấy có ở đó. Ông hãy nghĩ tới việc Chúa Giêsu đi trên nước, tìm thấy trong Mt 14:22-33 và Mc 6:45-52. Phần lớn các bản dịch tiếng Anh giấu tiếng Hylạp bằng cách trích dẫn Chúa Giêsu nói ‘*Fear not, it is I*’ (đừng sợ, thầy đây). Thực sự, bản tiếng Hylạp nói nguyên văn như sau, ‘*fear not, I am*’ [đừng sợ, ta là Đấng hằng hữu]. Hai chữ cuối cùng (*I am*) y hệt như hai chữ Chúa Giêsu nói trong Ga 8:58 khi Người nhận cho mình thánh danh Thiên Chúa ‘*I Am*’ [Ta là Đấng

Hằng hữu], thánh danh được Thiên Chúa mặc khải cho Môsê giữa bụi gai bốc lửa trong *Xh3:14*. Như thế, Chúa Giêsu tự mặc khải như Đấng có cùng một quyền năng thần linh trên thiên nhiên như Giavê, Thiên Chúa của Cựu Ước”.

Tôi gật đầu, nói, “Đó là một điển hình, ông còn có những điển hình khác nữa không?”

Blomberg nói, “Có, tôi có thể tiếp tục theo hướng này. Thí dụ, danh hiệu chung nhất của Chúa Giêsu dành cho chính Người trong ba Tin Mừng đầu tiên là ‘Con Người’, và...”

Tôi giơ tay cản ông, tôi nói, “khoan đã”. Tôi lục trong chiếc cặp giấy của mình một cuốn sách và lật tới chỗ có đoạn trích tôi mong đợi. Tôi đọc, “Karen Armstrong, một cựu nữ tu, tác giả cuốn sách bán chạy nhất *A History of God* [một lịch sử về Thiên Chúa], nói rằng dường như hạn từ ‘Con Người’ chỉ nhấn mạnh tới sự yếu đuối và tính tử vong của thân phận con người’, nên khi dùng nó, Chúa Giêsu chỉ muốn nhấn mạnh rằng Người là một hữu thể nhân bản yếu đuối, một hữu thể một ngày nào đó sẽ chịu đau khổ và chết chóc’ (5). Nếu đúng thế, thì đâu có gì là nói về thần tính”.

Nét mặt Blomberg trở nên chua cay, ông quả quyết nói, “Trời, trái với niềm tin bình dân, ‘Con Người’ chủ yếu không có ý nói tới nhân tính của Chúa Giêsu. Thay vào đó, nó có ý trực tiếp nhắc tới *Danien 7:13-14*”.

Nói rồi, ông mở Cựu Ước và đọc những lời sau của tiên tri Đanien: “Trong những thị kiến ban đêm, tôi mãi nhìn thì kia: có ai như một Con Người đang ngự giá mây trời mà đến. Người tiến lại gần bên Đấng Lão Thành và được dẫn đưa tới trình diện. Đấng Lão Thành trao cho Người quyền thống trị, vinh quang và vương vị; muôn người thuộc mọi dân tộc, quốc gia và ngôn ngữ đều phải phụng sự Người. Quyền thống trị của Người là quyền vĩnh cửu, không bao giờ mai một; vương quốc của Người sẽ chẳng hề suy vong”.

Blomberg gấp cuốn Kinh Thánh lại, ông tiếp tục nói, “thành thử ông hãy xem điều Chúa Giêsu làm khi áp dụng hạn từ ‘Con Người’ vào chính Người. Đây là một người tiếp cận Thiên Chúa trong ngai trên trời của Người và được trao cho thẩm quyền và quyền cai trị vũ trụ. Điều này làm cho ‘Con Người’ thành một tước hiệu tôn vinh cao cả, chứ không phải để chỉ nhân tính đơn thuần”.

Sau này, tôi sẽ gặp một nhận định của một học giả khác, người mà tôi sẽ phỏng vấn cho cuốn sách này, William Lane Craig, người cũng đã đưa ra một nhận định tương tự.

“‘Con Người’ thường được coi là để chỉ nhân tính của Chúa Giêsu, giống như biểu thức ‘Con Thiên Chúa’ để chỉ thiên tính của Người. Thật ra, điều ngược lại mới đúng. Con Người là nhân vật thần linh trong sách Cựu Ước Đanien, Đấng sẽ đến vào ngày tận thế để phán xử nhân loại và cai trị đến muôn đời. Như thế, cho rằng mình là Con Người có nghĩa là cho rằng mình là Thiên Chúa” (6).

Blomberg tiếp tục, “Ngoài ra, trong các Tin Mừng nhất lãm, Chúa Giêsu còn cho rằng Người có quyền tha thứ tội lỗi, và đây là điều chỉ có Thiên Chúa mới làm được. Chúa Giêsu chấp nhận lời cầu nguyện và việc thờ lạy. Chúa Giêsu từng nói, ‘bất cứ ai nhìn nhận ta, ta sẽ nhìn nhận họ trước mặt Cha ta ở trên trời’. Phán xét cuối cùng dựa vào phản ứng của người ta với ai? Với hữu thể chỉ là phạm nhân này? Không, vì như thế sẽ là một yêu sách quá cao ngạo. Phán xét cuối cùng dựa trên phản ứng của người ta với Chúa Giêsu như là Thiên Chúa.

“Như ông thấy, có đủ loại tư liệu trong các Tin Mừng nhất lãm nói về thiên tính của Chúa Kitô, và rồi những tư liệu này trở nên minh nhiên hơn trong Tin Mừng Gioan”.

Nghị trình thần học của các sách Tin Mừng

Khi viết Tin Mừng cuối cùng, Gioan có lợi điểm nghiền ngẫm các vấn đề thần học trong một thời gian lâu hơn. Nên tôi hỏi Blomberg, “Há sự kiện Gioan viết với nhiều xu hướng thần học hơn không có nghĩa là tư liệu lịch sử của ngài có thể bị tì vết và do đó không đáng tin cậy hay sao?”

Blomberg nhấn mạnh, “tôi không tin Gioan có tính thần học hơn. Ngài chỉ có một số nhấn mạnh thần học khác mà thôi. Mátthêu, Máccô và Luca mỗi vị đều có các góc cạnh thần học khác biệt được họ muốn nhấn mạnh: Luca, nhà thần học về người nghèo và về các quan tâm xã hội; Mátthêu, nhà thần học cố gắng hiểu mối tương quan giữa Kitô giáo và Do Thái giáo; Máccô, người trình bày Chúa Giêsu như người đầy tớ đau khổ. Ông có thể lên đánh sách dài cho các nền thần học khác biệt của Mátthêu, Máccô và Luca.

Tôi cắt ngang vì tôi sợ Blomberg bỏ lỡ điểm bao quát hơn của tôi. Tôi hỏi, “được, nhưng há các động cơ thần học này không tạo hoài nghi đối với khả năng và sự sẵn lòng của họ trong việc tường trình chính xác những điều xảy ra sao? Há các nghị trình thần học của họ không có khả thể thúc đẩy họ tô màu và vắn vẽ lịch sử họ tường trình hay sao?”

Ông nhìn nhận, “Điều ấy chắc chắn có nghĩa cũng như đối với bất cứ tài liệu ý thức hệ nào, chúng ta phải coi đó là một khả thể. Có những người có sẵn búa rìu để làm méo mó lịch sử nhằm phục vụ các mục tiêu ý thức hệ của họ, nhưng bất hạnh thay người ta lại kết luận là việc này luôn xảy ra, điều này không đúng.

“Trong thế giới cổ xưa, ý tưởng viết một lịch sử vô tư, khách quan chỉ để ghi lại các biến cố theo thời gian, chứ không nhằm mục đích ý thức hệ, là điều chưa hề nghe thấy. Không ai viết lịch sử nếu không có một lý do gì để học hỏi từ đó”.

Tôi mỉm cười, gợi ý, “Theo tôi, ông muốn nói rằng điều đó khiến mọi sự trở thành đáng hoài nghi”.

Ông trả lời, “đúng, quả đúng ở một bình diện. Nhưng nếu ta có thể tái dựng lịch sử một cách tương đối chính xác từ tất cả các nguồn cổ thời, thì ta nên làm điều đó từ các sách Tin Mừng, cho dù chúng cũng có tính ý thức hệ”.

Blomberg suy nghĩ một lúc, lục lợi trong đầu để tìm ra một loại suy thích đáng nhằm trình bày rõ quan điểm của mình. Cuối cùng, ông nói, “Đây là một song hành hiện đại, từ kinh nghiệm của cộng đồng Do Thái có thể soi sáng điều tôi muốn nói.

“Một số người, thường là vì các mục đích bài Do Thái, bác bỏ hay làm giảm giá các kinh hoàng của nạn Diệt Chủng. Nhưng các học giả Do Thái đã tạo ra các viện bảo tàng, viết các cuốn sách, duy trì các nghệ phẩm, lên tài liệu các chứng ngôn của nhân chứng tận mắt liên quan tới Nạn Diệt Chủng.

“Nay, họ có một mục đích rất ý thức hệ, tức là, để bảo đảm rằng việc tàn bạo như thế không bao giờ xảy ra nữa, nhưng họ cũng hết sức trung thành và khách quan trong việc tường trình sự thật lịch sử.

“Cũng thế, Kitô giáo đã được đặt căn bản trên một số tuyên bố lịch sử cho rằng Thiên Chúa đã độc đáo bước vào không gian và thời gian trong con người Chúa Giêsu thành Nadarét, nên chính ý thức hệ được các Kitô hữu cố gắng cổ vũ đòi hỏi công trình lịch sử càng thận trọng bao nhiêu càng tốt”.

Ông để cho loại suy của mình chìm xuống. Quay lại nhìn tôi trực diện hơn, ông hỏi, “Ông có thấy quan điểm của tôi không?”

Tôi gật đầu cho thấy tôi thấy.

Tin nóng từ lịch sử

Nói rằng các sách Tin Mừng bắt nguồn từ chứng từ trực tiếp hay gián tiếp tai nghe mắt thấy là một chuyện; mà cho rằng thông tin này được duy trì một cách đáng tin cậy cho tới khi cuối cùng được viết xuống vào nhiều năm sau lại là một chuyện khác. Tôi biết điều này là một điểm tranh cãi lớn, và tôi muốn thách thức Blomberg về vấn đề một cách hết sức thẳng thắn bao nhiêu có thể.

Một lần nữa, tôi lại dựa vào cuốn sách nổi tiếng của Armstrong, *A History of God*, tôi nói “Ông hãy lắng nghe một điều khác do bà viết”:

“Chúng ta biết rất ít về Chúa Giêsu. Trình thuật đầy đủ thứ nhất về cuộc đời của Người là Tin Mừng của Thánh Máccô, chỉ được viết vào khoảng năm 70, khoảng 40 năm sau cái chết của Người. Đến lúc đó, các sự kiện lịch sử đã bị chôn vùi thêm các yếu tố huyền sử nhằm nói lên ý nghĩa Chúa Giêsu từng gặt hái được cho các người theo chân Người. Chính ý nghĩa này được Thánh Máccô chuyển tải hơn là bức chân dung đáng tin cậy” (7).

Ném cuốn sách vào chiếc cặp giấy mở sẵn, tôi quay qua Blomberg và tiếp tục, “Một số học giả nói rằng các sách Tin Mừng viết sau các biến cố rất xa đến nỗi đã sử dụng khai triển và làm méo mó điều cuối cùng được viết xuống, biến Chúa Giêsu từ một nhà giáo đầy khôn ngoan thành Con Thiên Chúa đầy huyền thoại. Có phải đó là một giả thuyết hợp lý hay có bằng chứng là các sách Tin Mừng đã được ghi chép sớm hơn, trước khi đã sử dụng hoàn toàn làm thoái hóa điều cuối cùng đã được ghi lại?”

Đôi mắt Blomberg nheo lại và giọng ông mang một âm sắc cứng rắn hơn, ông nói, “Ở đây có hai vấn đề riêng biệt, và điều quan trọng là giữ cho chúng riêng biệt. Tôi quả nghĩ rằng đã có đủ bằng chứng tốt cho thấy các sách Tin Mừng được viết trước đó. Nhưng dù không có bằng chứng tốt đi nữa, lập luận của Armstrong vẫn không đi đến đâu”.

Tôi hỏi, “tại sao không?”

“Việc xác định ngày giờ hợp tiêu chuẩn bác học, ngay trong các giới cấp tiến, là Máccô ở thập niên 70, Máttêu và Luca ở thập niên 80, còn Gioan ở thập niên 90. Nhưng xin ông lắng nghe, những niên biểu ấy vẫn còn trong sinh thời của một số nhân chứng tận mắt thấy cuộc đời Chúa Giêsu, gồm cả các nhân chứng thù địch vẫn có thể sửa sai nếu ác giáo huấn sai lạc về Chúa Giêsu được loan truyền.

“Thành thử, các niên hiệu muộn màng của các sách Tin Mừng này thực sự không muộn màng chi cả. Thật vậy, chúng ta có thể làm một sự so sánh khá có tính cách giáo huấn.

“Hai cuốn tiểu sử sớm nhất về Alexander đại đế được Arrian và Plutarch viết 400 năm sau cái chết của Alexander vào năm 323 TCN, nhưng các nhà chép sử về ông đều coi chúng đáng tin cậy cách chung. Đúng, các huyền thoại về Alexander quả có được khai triển với thời gian, nhưng chỉ trong các thế kỷ sau hai nhà văn này.

Nói cách khác, năm trăm năm đầu tiên đã giữ cho lịch sử của Alexander khá nguyên vẹn; tự liệu đã sử dụng bắt đầu xuất hiện trong năm trăm năm kế tiếp. Thành thử, liệu các sách Tin Mừng có được chép 60 năm hay 30 năm sau cái chết của Chúa Giêsu, thì so sánh ra, thời gian ấy quả không đáng kể. Gần như không thành vấn đề.

Tôi có thể thấy điều Blomberg nói. Đồng thời, tôi cũng có một vài dè dặt đối với nó. Đối với tôi, điều xem ra hiển nhiên một cách như bản năng là khoảng cách giữa biến cố và lúc nó được viết xuống càng ngắn, thì các trước tác này càng ít có cơ hội trở thành nạn nhân của dã sử hay ký ức sai chạy.

Tôi nói, “Tôi xin tạm chấp nhận quan điểm của ông lúc này, nhưng ta hãy trở lại với vấn đề xác định niên biểu của các sách Tin Mừng. Ông cho rằng ông tin chúng đã được viết trước các niên biểu ông vừa nhắc”.

Ông nói, “đúng, trước đó. Và chúng ta có thể hỗ trợ điều này bằng cách đọc sách Công vụ Tông đồ, được Luca viết. Công vụ rõ ràng chưa được hoàn tất, Phaolô là nhân vật chính của sách, và lúc đó đang bị giam tại Rôma. Với cuốn sách dừng lại đột ngột. Điều gì xảy ra cho Phaolô? Chúng ta không tìm thấy gì từ Công vụ, có lẽ vì sách được viết trước khi Phaolô bị xử tử

Blomberg càng nói càng trở nên lo lắng hơn “Điều này có nghĩa Công vụ không thể có niên biểu muộn hơn năm 62 CN. Một khi đã xác định như thế, chúng ta có thể từ đó quay trở lại. Vì Công vụ là phần thứ hai của công trình hai phần, chúng ta biết phần đầu, Tin Mừng Luca, hẳn phải được viết sớm hơn thế. Và vì Luca kết hợp một phần Tin Mừng Máccô, thì điều này có nghĩa là Máccô còn sớm hơn nữa.

“Nếu ông trừ hao có lẽ một năm cho mỗi niên biểu này, thì kết cục ông sẽ có Máccô viết không trễ hơn năm 60 CN, rất có thể trong thập niên 50. Nếu Chúa Giêsu bị hành quyết năm 30 CN hay 33 CN, chúng ta có thể nói tới khoảng cách tối đa 30 năm hay gần như thế”.

Ông ngồi vào ghế với một vẻ chiến thắng, nói, “Về phương diện lịch sử mà nói, nhất là so sánh với Alexander Đại Đế, nó giống như những bản tin nhanh!”

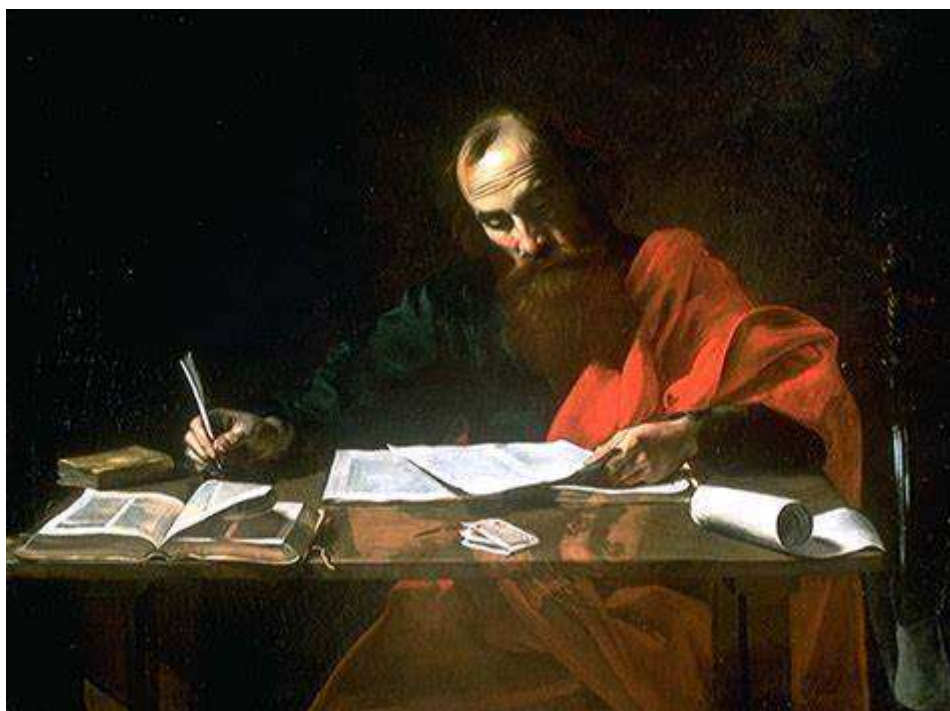
Quả thực, điều ấy rất gây ấn tượng, có thể lấp khoảng trống giữa các biến cố trong đời sống Chúa Giêsu và việc viết ra các sách Tin Mừng đến nỗi, theo tiêu chuẩn sử học, không còn đáng lưu ý nữa. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn đẩy vấn đề xa hơn. Mục tiêu của tôi là vận lại đồng hồ càng về xa càng hay để có thể có được các thông tin sớm nhất về Chúa Giêsu.

Trở về lúc khởi đầu

Tôi đứng lên và tha thần tới gần tủ sách. Quay về phía Blomberg, tôi nói, “Ta hãy xem xem liệu có thể trở lại sớm hơn nữa hay không. Chúng ta có thể trở lại sớm bao nhiêu để định niên biểu cho những niềm tin căn bản vào việc xá tội của Chúa Giêsu, việc Người phục sinh, và mối liên kết độc đáo của Người với Thiên Chúa?”

Ông bắt đầu, “Điều quan trọng là phải nhớ rằng các sách Tân Ước không theo thứ tự thời gian. Các sách Tin Mừng đã được viết sau hầu hết các thư của Phaolô, là người mà thừa tác vụ viết có lẽ đã bắt đầu từ cuối thập niên 40. Phần lớn các thư chính của ngài xuất hiện trong thập niên 50. Muốn tìm các thông tin sớm nhất, ta phải đọc các thư của Phaolô và hỏi, ‘Có dấu hiệu nào cho thấy cả những nguồn sớm nhất đã được sử dụng để viết chúng không?’”.

Tôi gợi ý, “và ta tìm thấy gì?”



“Ta tìm thấy Phaolô đã kết hợp một số niềm tin, một số tuyên xưng đức tin, hay thánh ca từ Giáo Hội Kitô giáo sớm nhất. Những điều này phát xuất từ hừng đông Giáo Hội ngay sau biến cố Phục Sinh.

“Các niềm tin nổi tiếng nhất bao gồm đoạn 2:6-11 thư Philipê, nói về việc Chúa Giêsu có bản tính Thiên Chúa, và đoạn 1:15-20 thư Côlôssê, mô tả Người như ‘hình ảnh Thiên Chúa vô hình’, Đấng tạo dựng mọi sự và qua Người mọi sự được hòa giải với Thiên Chúa ‘bằng cách tạo hòa bình bằng máu của Người, trên thập giá’.

“Những điều trên chắc chắn có ý nghĩa trong việc giải thích những điều các Kitô hữu tiên khởi đã xác tín về Chúa Giêsu. Nhưng có lẽ niềm tin quan trọng nhất liên quan đến Chúa Giêsu lịch sử là chương 15 thư Côrintô thứ nhất, trong đó Phaolô dùng các hạn từ kỹ thuật để chỉ cho thấy ngài đã đi theo truyền thống truyền khẩu này dưới hình thức tương đối đã được xác định”.

Blomberg tìm được đoạn trên trong cuốn Kinh thánh của ông và đọc to cho tôi nghe:

“Trước hết, tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận, đó là: Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Kinh Thánh, rồi Người đã được mai táng, và ngày thứ ba đã trỗi dậy, đúng như lời Kinh Thánh. Người đã hiện ra với ông Kêpha, rồi với Nhóm Mười Hai. Sau đó, Người đã hiện ra với hơn năm trăm anh em một lượt, trong số ấy phần đông hiện nay còn sống, nhưng một số đã an nghỉ. Tiếp đến, Người hiện ra với ông Giacôbê, rồi với tất cả các Tông Đồ”(8).

Blomberg nói, “và đây là trọng điểm. Nếu việc Đóng Đinh diễn ra sớm vào năm 30 CN, thì việc trở lại của Phaolô vào khoảng năm 32 CN. Ngay lập tức, Phaolô được đưa vào Đamát nơi ngài gặp Kitô hữu tên Anania và một vài môn đệ khác. Cuộc gặp gỡ đầu tiên của ngài với các tông đồ ở Giêrusalem có thể vào năm 35 CN. Tại một thời điểm nào trong số này, Phaolô được học biết niềm tin này, một niềm tin vốn đã được lên công thức và được sử dụng trong Giáo Hội sơ khai.

“Nay, ở đây, ông có các chi tiết chủ chốt về cái chết của Chúa Giêsu vì tội lỗi chúng ta, thêm một danh sách chi tiết những kẻ được Người hiện ra dưới hình thức đã sống lại, tất cả đều có niên biểu từ hai đến năm năm

sau chính các biến cố!

“Đó không phải là truyện huyền thoại sau này từ 40 năm hay nhiều hơn, như Armstrong gợi ý. Có đủ lý lẽ bênh vực việc quả quyết rằng niềm tin Kitô giáo vào sự phục sinh, dù chưa được viết xuống, có thể được định niên biểu trong vòng hai năm sau chính biến cố.

Ông nói, giọng nâng cao một chút để nhấn mạnh, “Điều đó có ý nghĩa to lớn. Nay ông không còn so sánh 30 tới 60 năm với năm trăm năm vốn có thể chấp nhận được cách chung đối với các dữ kiện khác, ông chỉ phải nói có hai năm thôi!”.

Tôi không thể bác bỏ tầm quan trọng của bằng chứng ấy. Chắc chắn nó làm cụt hứng lời tố cáo cho rằng Phục sinh, vốn được các Kitô hữu trưng dẫn như minh chứng tối hậu cho thiên tính của Chúa Giêsu, chỉ là một ý niệm huyền thoại phát triển trong những thời kỳ lâu dài khi các dã sử làm thoái hóa các trình thuật mắt thấy tai nghe về cuộc đời của Chúa Kitô. Điều này tác dụng một cách thân thiết và đích thân tới tôi, một người hoài nghi, nó vốn là một trong các luận bác lớn nhất của tôi đối với Kitô giáo.

Tôi tựa lưng vào kệ sách. Chúng tôi đã bàn luận tới nhiều tư liệu, và quả quyết tuyệt đỉnh của Blomberg xem ra là chỗ rất tốt để tạm dừng lại.

Tạm nghỉ

Lúc này trời đã về chiều. Chúng tôi đã nói khá lâu không ngừng nghỉ. Tuy nhiên, tôi không muốn kết thúc cuộc đàm thoại của chúng tôi mà không thử nghiệm các trình thuật tai nghe mắt thấy y như các luật sư và nhà báo quen làm. Tôi cần biết chúng có đứng vững trước một khảo sát như thế hay không, hay chúng tỏ ra tốt nhất là đáng ngờ vực mà tệ nhất là mất tin tưởng.

Việc tạo cơ sở đã được đặt định, tôi mời Blomberg đứng dậy và duỗi chân duỗi tay cho thoải mái trước khi ngồi lại để tiếp tục cuộc thảo luận của chúng tôi.

Các nguồn tài liệu khác về chủ đề này

Barnett, Paul, *Is the New Testament History?* [Tân Ước có phải là lịch sử hay không] Ann Arbor, Mich.: Vine, 1986.

Barnett, Paul, *Jesus and the Logic of History* [Chúa Giêsu và Luận lý Lịch sử]. Grand Rapids. Eerdmans, 1997.

Blomberg, Craig, *The Historical Reliability of the Gospels* (Tính Đáng tin cậy của Các Tin Mừng]. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1987.

Bruce, F.F., *The New Testament Documents: Are They Reliable?* [Các Tài liệu Tân Ước: Chúng có Đáng Tin cậy hay không] Grand Rapids: Eerdmans, 1960.

France, R.T. *The Evidence for Jesus* [Chúng có Bênh vực Chúa Giêsu]. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1986.

Ghi Chú

(1) Lee Strobel, “Youth’s Testimony Convicts Killers, but Death stays near” [Chứng từ Tuổi trẻ Kết tội Những kẻ Sát nhân, nhưng Cái Chết vẫn ở gần], *Chicago Tribune* (October 25, 1976)

(2) Irenaeus, *Adversus haereses* [chống các dị giáo] 3.3.4.

(3) Arthur G. Patzia, *The Making of the New Testament* [việc tạo ra Tân Ước] Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 19950, 164.

(4) *Ibid.* 49.

(5) Karen Armstrong, *A History of God* [Một lịch sử về Thiên Chúa], (New York: Ballantine/Epiphany, 1993), 82.

(6) William Lane Craig, *The Son Rises: Historical Evidence for the Resurrection of Jesus Christ* [Chúa Con Sống Lại: Chứng cứ Lịch sử cho việc Sống lại của Chúa Giêsu Kitô] (Chicago: Moody Press, 1981), 140

(7) Armstrong, *A History of God* [Một lịch sử về Thiên Chúa], 79.

(8) *1Cr 15:3-7*.

Chương Hai: Thử nghiệm bằng chứng của nhân chứng tận mắt ***Liệu các tiểu sử về Chúa Giêsu Kitô có đứng vững cuộc dò xét hay không?***



Lời nói của Michael McCullough 60 tuổi yếu ớt đến nỗi bồi thẩm đoàn không nghe được gì ngoài tiếng phân phát phát ra từ máy thở giúp ông tiếp tục sống. Một máy đọc môi phải gắn phía trên giường của Michael để biết rõ ông ta muốn nói gì, và nhắc lại chứng từ của ông cho một phòng tòa án đã chiến.

Bại liệt từ cổ trở xuống bởi một viên đạn xé nát cột sống của ông, Michael quá yếu ớt không thể chuyên chở tới phòng tòa án để dự phiên tòa xử hai người trẻ bị tố cáo tấn công ông. Thay vào đó, quan tòa, bồi thẩm đoàn, các bị cáo, các luật sư, các nhà báo, và người xem đã chen chúc tại một căn phòng ở bệnh viện nơi Michael được chăm sóc, một căn phòng được tuyên bố là chi nhánh tạm thời của Tòa án Lưu động Quận Cook.

Dưới sự tra hỏi của các công tố viên, Michael nhắc lại ông đã rời căn hộ của ông thuộc dự án nhà chính phủ ở Chicago với hai *dollars* trong túi. Ông nói ông bị hai bị cáo bám sát ở cầu thang có ý định bắn vào mặt ông để ăn cắp tiền của ông. Câu truyện của ông được sự nâng đỡ của hai người trẻ khác đã hải hùng chứng kiến cuộc tấn công diễn ra.

Các bị cáo chưa bao giờ chối vụ bắn nhưng họ cho rằng khẩu súng vô tình phát hỏa trong khi họ vùng nó. Các luật sư của bị cáo biết rằng cách duy nhất họ có thể giúp khách hàng của họ nhận được một bản án nhẹ hơn nếu họ thành công trong việc phá được chứng từ cho rằng vụ bắn là một hành vi bạo lực xấu xa và được suy nghĩ trước.

Họ làm hết mình để tạo mối hoài nghi đối với các giải trình của chứng nhân tận mắt. Họ tra vấn khả năng của nhân chứng tận mắt trong việc nhìn điều xảy ra, nhưng họ không làm sao đạt được mục đích này. Họ cố gắng lợi dụng các bất nhất trong các câu truyện, nhưng các trình thuật này rất ăn ý với nhau ở những điểm cốt yếu. Họ đòi hỏi thêm các lời chứng khác, nhưng rõ ràng, không cần thêm lời chứng nào khác nữa.

Họ nêu lên vấn đề nhân cách, nhưng nạn nhân và các nhân chứng đều là những người trẻ tuân thủ luật pháp, không có hồ sơ tội phạm nào. Họ hy vọng chứng minh được thành kiến chống các bị cáo nhưng họ không

tìm được thành kiến nào. Họ hỏi liệu một nhân chứng, một bé trai 9 tuổi tên Keith, có lớn đủ để hiểu thế nào là nói sự thật dưới lời tuyên thệ, nhưng rõ ràng là em hiểu.

Với các luật sư của các bị cáo không có khả năng đánh đổ khả tín tính của nạn nhân và các nhân chứng của công tố viên, hai bị cáo đã bị kết tội mưu sát và bị lên án 50 năm tù. Mười tám ngày sau, Michael qua đời (1).

Các luật sư của các bị cáo gặp phải một thách thức lớn lao: đặt các câu hỏi, tạo ra các hoài nghi, thăm dò những điểm yếu, dễ bị thương tổn trong câu chuyện của các nhân chứng. Họ làm việc này bằng cách thử nghiệm lời chứng nhiều cách khác nhau. Nhưng lời chứng trung thực và chính xác luôn đứng vững trước các hạch hỏi này, trong khi lời chứng giả mạo, quá đáng hay lầm lẫn đều bị vạch trần.

Trong vụ án của Michael, công lý đã thắng thế vì các bồi thẩm viên đã có thể nói rằng các nhân chứng và nạn nhân đã kể lại một cách thành thực và chính xác những gì họ đã kinh qua.

Giờ đây, chúng ta hãy trở lại với cuộc điều tra của chúng ta về bằng chứng lịch sử liên quan tới Chúa Giêsu. Nay là lúc kiểm nghiệm lời chứng của Tiến sĩ Blomberg, xem xem liệu nó có điểm yếu nào không hay chỉ cho thấy những điểm mạnh của nó. Phần lớn đây đều cùng là những kiểm nghiệm đã diễn ra trong vụ án Michael nhiều năm trước đây.

Tôi nói với Blomberg khi chúng tôi ngồi xuống sau khoảng giải lao 15 phút, “có tất cả 8 thử nghiệm tôi muốn đặt ra với ông”.

Blomberg với lấy ly cà phê mới đang bốc khói và ngả lưng vào ghế. Tôi không biết chắc, nhưng xem ra ông ta sẵn sàng chấp nhận thách thức.

Ông nói, “Ông nói đi!”

1.Thử nghiệm về ý hướng

Thử nghiệm này tìm cách xác định liệu ý định tuyên bố hay hiểu ngầm của các người viết có phải là duy trì chính xác lịch sử hay không. Tôi hỏi, “Các người viết ở các thế kỷ đầu tiên này có thực sự lưu tâm đến việc ghi lại những điều thực sự xảy ra không?”

Blomberg gật đầu, nói, “Có, họ thực sự lưu tâm. Ông có thể thấy điều đó ở ngay đầu Tin Mừng Luca, đọc rất giống như các lời nói đầu dẫn vào các công trình thời xưa về lịch sử và tiểu sử đáng tin nói chung”.

Cầm cuốn Kinh Thánh lên, Blomberg đọc đoạn mở đầu Tin Mừng Luca:

“Nhiều người đã ra công soạn bản tường thuật những sự việc đã được thực hiện giữa chúng ta. Họ viết theo những điều mà các người đã được chứng kiến ngay từ đầu và đã phục vụ lời Chúa truyền lại cho chúng ta. Tôi cũng vậy, sau khi đã cẩn thận tra cứu đầu đuôi mọi sự, thì thiết tưởng cũng nên tuân tợ viết ra để kính tặng ngài, mong ngài sẽ nhận thức được rằng giáo huấn ngài đã học hỏi thật là vững chắc” (2).

Blomberg nói tiếp, “Như ông thấy, Luca rõ ràng cho hay ngài có ý định viết chính xác về những điều ngài điều tra và thấy được hỗ trợ rất tốt bởi các nhân chứng”.

Tôi hỏi, “Còn các Tin Mừng khác thì sao? Chúng đâu có bắt đầu bằng một tuyên bố giống như thế; há việc này không có nghĩa là các người viết chúng không có cùng những ý định đó sao?”

Blomberg trả lời, “Đúng là Máthêu và Máccô không có loại tuyên bố minh nhiên như thế. Tuy nhiên, họ cũng gần với Luca về thể văn, và dường như hữu lý là ý hướng lịch sử của Luca cũng đã được họ phản ánh một cách mật thiết”.

“Còn Gioan?”, tôi hỏi.

“Tuyên bố duy nhất khác về mục đích trong các sách Tin Mừng xuất hiện trong Gioan 20:31: ‘Còn những điều đã được chép ở đây là để anh em tin rằng Chúa Giêsu là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa, và để nhờ tin mà được sự sống nhờ danh Người’”.

Tôi phản bác, “điều ấy nghe như một tuyên bố thần học hơn là một tuyên bố lịch sử”.

Blomberg trả lời, “tôi chấp nhận lời ông, nhưng nếu ông xác tín đủ để tin, thần học phải dựa vào lịch sử chính xác. Và lại, có một mẫu bằng chứng mặc nhiên quan trọng mà ta không thể làm ngơ. Ông hãy xem xét cách các sách Tin Mừng đã được viết ra, một cách đúng mức và có trách nhiệm, với những chi tiết tuy phụ nhưng chính xác, một cách đầy quan tâm và đúng đắn. Ông không tìm được những hoa lá cành kỳ dị và những câu truyện rành rành huyền thoại mà ông thường gặp trong phần lớn các trước tác cổ thời khác”.

Ông hỏi, “Tất cả những điều đó công lại thành điều gì?” rồi ông tự trả lời, “Hình như khá rõ ràng là mục đích của các tác giả Tin Mừng là cố gắng ghi lại điều thực sự đã xảy ra”.

Trả lời các luận bác

Tuy nhiên, đó có phải là điều thực sự đã xảy ra? Có những khung cảnh cạnh tranh nhau và mâu thuẫn nhau được một số nhà phê bình cổ vũ.

Họ nói rằng các Kitô hữu tiên khởi xác tín rằng trong đời họ, Chúa Giêsu sắp sửa trở lại để hoàn tất lịch sử, nên họ nghĩ không cần phải duy trì bất chấp ghi chép lịch sử nào về đời sống và giáo huấn của Người. Dù sao, tại sao phải lo lắng khi Người sắp trở lại và kết liễu thế giới bất cứ lúc nào?”

Tôi nói, “như thế, nhiều năm sau, khi rõ ràng là Chúa Giêsu không trở lại ngay lúc ấy, họ thấy họ không có bất cứ tư liệu lịch sử chính xác nào để dựa vào mà viết các sách Tin Mừng. Nên đâu có gì duy trì được cho các mục tiêu lịch sử. Há đó không phải là điều đã xảy ra thực sự hay sao?”

Blomberg trả lời, “Chắc chắn, suốt trong lịch sử, luận điểm đó có giá trị đối với nhiều giáo phái và nhóm, kể cả các nhóm tôn giáo, nhưng nó vô giá trị đối với các Kitô hữu tiên khởi”.

Tôi trả lời, “Tại sao không? Điều gì lại khác như thế về Kitô giáo?”

Ông cho biết, “Thứ nhất, tôi nghĩ tiền đề đó có hơi phóng đại. Sự thật là đa số giáo huấn của Chúa Giêsu giả thiết một khoảng thời gian đáng kể trước khi kết thúc thế giới. Nhưng thứ hai, cho dù một số môn đệ của Chúa Giêsu có nghĩ là Người sẽ mau trở lại đi chăng nữa, ông nên nhớ là Kitô giáo phát sinh từ Do Thái giáo.

“Suốt trong 8 thế kỷ, người Do Thái đã sống với mối căng thẳng giữa các tuyên bố lặp đi lặp lại của các tiên tri nói rằng Ngày của Chúa đã gần kề và lịch sử liên tiếp của Israel. Ấy thế nhưng, đệ tử của các vị tiên tri này vẫn ghi lại, trân quý và duy trì lời lẽ của các tiên tri. Vì các môn đệ Chúa Giêsu coi Người cao trọng hơn các tiên tri, thì điều xem ra hợp lý là họ cùng làm y một điều giống như thế”.

Dù điều ấy có vẻ có lý, một số học giả cũng đã nêu lên luận bác thứ hai mà tôi muốn đặt ra với Blomberg.

Tôi nói, “Họ nói các Kitô hữu tiên khởi thường xuyên tin rằng Chúa Giêsu đã từ giã họ về phương diện thể lý nhưng, qua họ, vẫn nói nhiều thông điệp, hay “lời tiên tri” cho Giáo Hội của họ. Vì những lời tiên tri này được coi có thể giá như chính lời lẽ của Chúa Giêsu lúc Người còn ở thế gian, các Kitô hữu đã không phân biệt giữa những lời nói mới này và những lời nguyên thủy của Chúa Giêsu lịch sử. Thành thử, các sách Tin Mừng trộn lẫn hai loại tư liệu này nên chúng ta thực sự không biết lời nào do Chúa Giêsu lịch sử nói và lời nào không do Chúa Giêsu lịch sử này nói. Đối với nhiều người, điều này quá bối rối. Ông trả lời ra sao?”

Ông mỉm cười nói, “Lập luận này ít có hỗ trợ lịch sử bằng lập luận trước. Thật vậy, ngay trong Tân Ước cũng đã có bằng chứng bác bỏ lập luận này rồi.

“Có những dịp khi lời tiên tri của Kitô hữu tiên khởi được nhắc đến, nhưng nó luôn được phân biệt với điều Chúa phán. Thí dụ, trong *1Cr* 7, Thánh Phaolô phân biệt rõ ràng khi ngài có một lời từ Chúa và khi ngài trích dẫn Chúa Giêsu lịch sử. Trong sách Khải Huyền, người ta có thể phân biệt rõ ràng khá nhiều lần trong đó Chúa Giêsu trực tiếp nói với vị tiên tri này, mà truyền thống vẫn coi là chính Thánh Gioan, và khi Thánh Gioan thuật lại các thị kiến linh hứng của riêng ngài.

Và trong *1Cr* 14, khi Thánh Phaolô thảo luận các tiêu chuẩn cho một lời tiên tri chân thật, ngài nói về trách nhiệm của Giáo Hội địa phương phải kiểm nghiệm các tiên tri. Dựa vào hậu cảnh Do Thái của ngài, chúng ta biết rằng các tiêu chuẩn để một lời tiên tri được chân thật là liệu lời tiên báo có trở thành sự thật hay không và liệu những tuyên bố mới này có ăn ý với những lời lẽ đã được mặc khải trước đây của Chúa hay không?

“Nhưng lập luận mạnh mẽ nhất là điều ta không bao giờ tìm thấy trong các sách Tin Mừng. Sau khi Chúa Giêsu lên trời, có một số tranh cãi đe dọa Giáo Hội sơ khai: các tín hữu có nên cắt bì hay không, phải qui định việc nói các tiếng lạ ra sao, làm thế nào giữ sự hợp nhất giữa người Do Thái và dân ngoại, đâu là vai trò thích đáng dành cho các phụ nữ trong thừa tác vụ, liệu tín hữu có thể ly dị người phối ngẫu không phải là Kitô hữu hay không.

“Những vấn đề trên đáng lẽ có thể đã được giải quyết nếu các Kitô hữu tiên khởi chỉ cần ghép vào các sách Tin Mừng những điều Chúa Giêsu nói với họ từ thế giới bên kia. Nhưng việc này không bao giờ diễn ra. Việc tiếp diễn các tranh cãi này chứng minh rằng các Kitô hữu lưu tâm tới việc phân biệt giữa những gì đã xảy ra lúc sinh thời của Chúa Giêsu và những gì được tranh luận sau này trong các Giáo Hội”.

2. Thử nghiệm về khả năng

Cho là các người viết có ý định ghi chép lịch sử một cách đáng tin, nhưng liệu họ có khả năng làm như thế hay không? Làm thế nào chúng ta biết chắc rằng tư liệu về cuộc đời và giáo huấn của Chúa Giêsu được duy trì nguyên vẹn trong 30 năm trước khi nó được viết xuống trong các sách Tin Mừng?

Tôi hỏi Blomberg, “Ông có thừa nhận rằng các ký ức nhầm lẫn, sự mơ tưởng, và việc phát triển đã sử dụng xâm nhiễm vô phương cứu chữa truyền thông về Chúa Giêsu trước việc viết ra các sách Tin Mừng không?”

Ông bắt đầu câu trả lời của ông bằng cách trình bày bối cảnh, ông trả lời, “Chúng ta phải nhớ rằng chúng ta đang ở trong một lãnh thổ xa lạ thuộc một thời gian và không gian xa xôi và trong một nền văn hóa chưa phát minh ra máy vi tính hay ngay cả máy in. “Sách vở, hay đúng hơn, sách cuộn bằng giấy sậy, tương đối rất hiếm. Do đó, việc giáo dục, học tập, thờ phượng, giảng dạy trong các cộng đồng tôn giáo, tất cả đều được thực hiện bằng lời truyền miệng.

“Các giáo sĩ Do Thái trở nên nổi tiếng nhờ học thuộc lòng toàn bộ Cựu Ước. Do đó, các môn đệ của Chúa Giêsu cũng có đủ khả năng học thuộc lòng nhiều điều hơn là những gì có trong bốn sách Tin Mừng cộng lại với nhau, và truyền chúng lại một cách chính xác”.

Tôi phá ngang, “khoan đã. Thành thực mà nói, kiểu thuộc lòng đó rất khó tin. Làm sao có thể như thế cho được?”

Ông thừa nhận, “Vâng, khó cho chúng ta ngày nay có thể tưởng tượng được, nhưng đây là một nền văn hóa truyền miệng, trong đó, người ta nhấn mạnh rất nhiều tới việc học thuộc lòng. Và ông nên nhớ rằng từ 80 tới 90 phần trăm lời lẽ của Chúa Giêsu nguyên thủy dưới hình thức thi ca. Điều này không có nghĩa là có vần có điệu, nhưng có âm tiết, các dòng cân đối, song hành v.v... những điều giúp cho việc học thuộc lòng rất nhiều.

“Một điều khác cần nói là hồi ấy định nghĩa của việc học thuộc lòng có tính uyển chuyển hơn. Trong các nghiên cứu về các nền văn hóa có truyền thống truyền khẩu, người ta thấy có sự tự do thay đổi việc một câu truyện nên được kể đến mức nào trong một hoàn cảnh nhất định nào đó, phải bao gồm những gì và bỏ qua những điều gì, đâu là chỗ phải diễn giải, đâu là chỗ phải giải thích v.v...”

“Một nghiên cứu cho biết ở Trung Đông cổ thời, khoảng từ 10 tới 40 phần trăm của bất cứ việc kể lại truyền thống thánh thiêng nào cũng thay đổi từ hoàn cảnh này sang hoàn cảnh khác. Tuy nhiên, luôn luôn có những điểm cố định không thể thay đổi được và cộng đoàn có thể can thiệp và sửa lỗi người kể truyện nếu người này lảm lẩn về một khía cạnh quan trọng của câu truyện.

“Có một sự”, ông dừng lại, lục lọi trong đầu tìm chữ thích đáng, “trùng hợp đáng lưu ý là 10 tới 40 phần trăm cũng là tỷ lệ sai chạy khá nhất quán giữa các Tin Mừng nhất lãm trong một đoạn nhất định”.

Blomberg muốn cho biết điều gì đó; tôi muốn ông nói rõ hơn, tôi nói, “Xin ông nói rõ cho tôi hay. Thực ra ông muốn nói gì?”

“Tôi muốn nói rằng có lẽ người ta có thể giải thích khá nhiều các tương tự và khác nhau giữa các Tin Mừng nhất lãm bằng cách giả thiết rằng các môn đệ và các Kitô hữu tiên khởi học thuộc lòng khá nhiều những điều Chúa Giêsu nói và làm nhưng họ cảm thấy được tự do thuật lại các thông tin này dưới các hình thức khác nhau, luôn luôn vẫn duy trì ý nghĩa của những lời nói và việc làm nguyên thủy của Chúa Giêsu”.

Tôi vẫn còn một số câu hỏi về khả năng của các Kitô hữu tiên khởi này trong việc duy trì một cách chính xác truyền thống truyền khẩu này. Tôi có quá nhiều ký ức về các trò chơi hồi còn là con nít trong đó, lời lẽ vô tình bị bóp méo chỉ trong vài phút.

Chơi gọi điện thoại

Có lẽ các bạn đã có lần chơi trò gọi điện thoại: một trẻ em nói nhỏ một điều gì đó vào tai một trẻ em khác, chẳng hạn: “bạn là người bạn tốt nhất của tôi”, và em này nói nhỏ câu vừa nghe cho một em khác trong một vòng tròn lớn cho đến khi cuối cùng, câu ấy bị bóp méo một cách đáng sợ, có lẽ như “mày là thứ ác ôn” (tiếng Anh: *Friend* là bạn, *fiend* là đồ ác ôn).

Tôi nói với Blomberg, “Ta hãy ngay thẳng một chút. Há đây không phải là một so sánh tốt hay sao đối với điều xảy ra cho truyền thống truyền khẩu về Chúa Giêsu?”

Blomberg không thừa nhận lỗi giải thích trên, ông nói, “Không, thực sự không. Đây là lý do tại sao: khi ông thận trọng học thuộc lòng điều gì, và thận trọng không truyền lại cho người khác trừ khi ông chắc chắn mình đã nắm được nó một cách chính xác, thì ông làm một chuyện rất khác với trò chơi gọi điện thoại.

“Trong việc gọi điện thoại, nửa trò vui là người nghe có thể nghe không đúng hay thậm chí nghe đúng lần đầu nhưng họ không thể yêu cầu người kia lặp lại. Ông phải truyền đi ngay, bằng giọng nói nhỏ khiến cho

người kế tiếp càng có thể bỏ lỡ một điều gì đó. Nên, đúng, đến lúc nó đi hết vòng 30 người trong phòng, kết cục sẽ rất khôi hài”.

Tôi hỏi “Vậy thì tại sao, há đó không phải là một so sánh tốt cho việc truyền khẩu một truyền thống cổ xưa hay sao?”

Blomberg nhâm nhi ly cà phê trước khi trả lời, “nếu ông thực sự muốn khai triển việc so sánh đó dưới góc độ kiểm soát và cân bằng của cộng đồng thế kỷ thứ nhất, có lẽ ông phải nói rằng mỗi người thứ ba, bằng giọng nói to và rõ ràng, phải hỏi người thứ nhất, ‘tôi vẫn còn nghe đúng chứ?’ và thay đổi tùy câu trả lời của người ấy.

Ông nói, “Cộng đồng không ngừng theo dõi điều được nói ra và can thiệp để sửa sai trong diễn trình này. Điều này duy trì được tính toàn vẹn của thông điệp. Và kết quả rất khác với trò chơi gọi điện thoại của trẻ con đó”.

3. Thử nghiệm về tính tình

Thử nghiệm này xét xem các người viết này có nói thật không. Có bằng chứng nào là họ không trung thực hay vô luân khiến họ không có khả năng hay sự sẵn lòng truyền tải lịch sử một cách chính xác chẳng?

Blomberg lắc đầu, nói, “Chúng ta đơn giản không có bất cứ bằng chứng hợp lý nào để cho rằng họ không phải là những người hết sức chính trực.

“Chúng ta thấy họ tường trình các lời lẽ và hành động của một con người từng kêu gọi họ đạt tới một trình độ chính trực cao độ như chưa có tôn giáo nào đòi hỏi như vậy. Họ sẵn lòng thực hành niềm tin của họ thậm chí đến nỗi 10 trong số 11 môn đệ còn lại đã chịu những cái chết rùng rợn, một điều chứng tỏ một tính tình vĩ đại.

“Về lòng trung thực, về tính nói thật, về nhân đức và luân lý, những con người này có một hồ sơ khiến ai cũng phải thêm thưởng”.

4. Thử nghiệm về tính nhất quán

Đây là một thử nghiệm mà những người hoài nghi thường nêu lên chống lại các sách Tin Mừng nhưng thất bại. Dù sao, há các sách này đã không mâu thuẫn một cách hết chống đỡ với nhau đó sao? Ở đây, há đã không có những khác biệt khó lòng hoà giải giữa các trình thuật tin mừng khác nhau đó sao? Và nếu quả có như thế, thì làm thế nào người ta có thể tin tưởng bất cứ điều gì chúng phát biểu?

Blomberg thừa nhận có nhiều điểm trong đó các sách Tin Mừng dường như bất đồng với nhau. Ông nói, “những điều này đi từ những dị biệt nhỏ nhoi trong cách dùng từ ngữ đến những mâu thuẫn biểu kiến nổi tiếng nhất.

“Xác tín của riêng tôi là, một khi ông chấp nhận các yếu tố tôi đề cập trên đây: yếu tố diễn giải, yếu tố rút ngắn, giải thích thêm, chọn lọc, bỏ qua, thì các sách Tin Mừng cực kỳ nhất quán với nhau theo tiêu chuẩn cổ thời, là các tiêu chuẩn độc nhất mà ta phải sử dụng để phán đoán chúng một cách hợp tình hợp lý”.

Tôi góp ý, “Một cách nghịch lý, nếu các sách Tin Mừng hoàn toàn đồng nhất với nhau, từng lời, thì điều này có thể khiến người ta nghĩ rằng các tác giả đã đồng lõa với nhau để phối trí trước các câu truyện của họ, và điều này sẽ tạo ra sự hoài nghi đối với chúng”.

Blomberg đồng ý, “Đúng thế, nếu các sách Tin Mừng quá nhất quán với nhau, thì điều này tự nó đã làm vô hiệu tư cách nhân chứng độc lập của chúng. Lúc đó, người ta sẽ cho rằng chúng ta chỉ có một chứng từ duy nhất, một chứng từ được mọi người khác nhắc lại như một con vệt”.

Đầu óc tôi loé lên lời lẽ của Simon Greenleaf thuộc Trường Luật Havard, một trong những nhân vật luật học quan trọng nhất của lịch sử và là tác giả của khảo luận gây ảnh hưởng về bằng chứng. Sau khi nghiên cứu sự nhất quán giữa bốn tác giả Tin Mừng, ông trình bày việc lượng định sau đây, “có đủ sự dị biệt để chứng tỏ rằng không hề có sự bàn tính từ trước giữa họ với nhau; và cùng một lúc, có đủ sự nhất trí đáng kể để chứng tỏ rằng họ đều là những nhà thuật truyện độc lập về cùng một công trình vĩ đại” (3).

Theo quan điểm của một sử gia cổ điển, học giả người Đức Hans Stier cũng đồng ý rằng việc nhất trí đối với các dữ kiện căn bản và việc dị biệt về chi tiết chứng tỏ tính đáng tin cậy, vì các trình thuật tiền chế có xu hướng hoàn toàn nhất quán và hoà hợp. Ông viết, “mọi sử gia đều là những người đặc biệt hoài nghi vào lúc người ta chỉ tường thuật những chuyện phi thường bằng những trình thuật hoàn toàn không có mâu thuẫn” (4).

Dù đúng như thế, nhưng tôi không muốn bỏ qua các khó khăn được nêu lên do các dị biệt tỏ tường giữa các sách Tin Mừng. Tôi quyết định thăm dò thêm vấn đề bằng cách ép Blomberg một số mâu thuẫn bề ngoài rất sắc nét được các người hoài nghi hay nắm lấy như các điển hình không đáng tin của các sách Tin Mừng.

Đương đầu với các mâu thuẫn

Tôi bắt đầu với câu truyện chữa bệnh nổi tiếng. Tôi nhấn mạnh, “Mátthêu viết rằng một viên bách quản đến xin Chúa Giêsu chữa bệnh cho người đầy tớ của mình. Tuy nhiên, Luca viết rằng viên bách quản này sai các trưởng lão đi làm việc đó. Vậy thì đây là một mâu thuẫn hiển nhiên, đúng không?”

Blomberg trả lời, “Không, tôi không nghĩ thế. Ông hãy nghĩ cách này: trong thế giới của chúng ta ngày nay, chúng ta có lẽ nghe bản tin nói rằng, ‘hôm nay tổng thống tuyên bố rằng...’ khi thực sự bài diễn văn ấy được một người viết diễn văn viết ra và do thư ký của ông đọc lên, và may lắm thì được tổng thống liếc qua. Nhưng đâu có ai tố cáo việc loan truyền ấy là sai lạc.

“Tương tự như thế, trong thế giới cổ thời, người ta hoàn toàn hiểu và chấp nhận việc các hành động được qui cho một người dù trên thực tế chúng được các thuộc hạ hoặc sứ giả của người này thực hiện, trong trường hợp này là các trưởng lão người Do Thái”.

“Vậy là ông cho rằng Mátthêu và Luca cùng đúng như nhau cùng một lúc?”

Ông trả lời, “Đó chính là điều tôi muốn nói”.

Điều ấy xem ra có lý, nên tôi nêu một điển hình thứ hai. “Phải nói gì về việc Máccô và Luca nói rằng Chúa Giêsu truyền cho ma quỷ nhập vào đàn heo ở Gerasa, trong khi Mátthêu nói việc ấy xảy ra tại Gadara. Người ta căn cứ vào đó và cho đó là một mâu thuẫn hiển nhiên không thể nào hòa giải, hai nơi hoàn toàn khác nhau. Chấm hết”.

Blomberg chặc lưỡi, “trời đất, đừng vội chấm hết chứ, đây có thể là một giải đáp: một là thị trấn còn kia là một tỉnh”.

Điều ấy xem ra hơi quá liên thoáng đối với tôi. Dường như ông quá lướt qua các khó khăn thực sự do vấn đề này tạo ra.

Tôi nói, “Thực ra vấn đề phức tạp hơn thế. Gerasa, thị trấn, không hề ở chỗ nào gần biển Galilê cả thế mà lại là nơi ma quỷ, sau khi nhập vào đàn heo, đã lao đàn vật xuống vách đá chết hết”.

Ông nói, “À, một điểm hay. Nhưng có một phê tích của một thị trấn được khai quật gần đây ngay tại địa điểm ở bờ phía đông của biển Galilê. Tiếng Anh tên của thị trấn này thường được đọc là “Khera”, nhưng khi chữ Do Thái này được dịch hay chuyển tự sang tiếng Hy Lạp, nó đọc nghe như ‘Gerasa’. Nên rất có thể nó diễn ra tại Khera, mà trong tiếng Hy Lạp, đọc là Gerasa, trong tỉnh Gadara”.

Tôi mỉm cười chấp nhận, “Rất hay. Tôi xin đầu hàng về điểm này. Nhưng đây là một vấn đề không dễ dàng chút nào: phải nói gì về các dị biệt giữa các gia phả của Chúa Giêsu trong Mátthêu và Luca? Các người hoài nghi thường cho rằng chúng chối nhau hết đường cứu chữa”.

Ông nói, “đây là một trường hợp nữa có nhiều giải đáp”.

“Như?”

“Hai giải đáp thường có nhất là Mátthêu phản ánh dòng dõi của Thánh Giuse, vì phần lớn chương mở đầu của ngài được viết theo tầm nhìn của Thánh Giuse và Thánh Giuse, trong tư cách cha nuôi, phải là tổ tiên hợp pháp qua đó, dòng dõi vương giả của Chúa Giêsu được xem xét. Đó là các chủ điểm quan trọng đối với Mátthêu.

“Còn Luca, có lẽ ngài đã viết gia phả theo dòng dõi của Đức Maria. Và vì cả hai đều có tổ tiên nơi Đavít, thì một khi ông tiến xa đến đó, các dòng dõi đã gặp nhau.

“Giải đáp thứ hai là cả hai gia phả phản ánh dòng dõi của Thánh Giuse để tạo nên các tính hợp pháp cần thiết. Nhưng một, tức Tin Mừng Luca, là dòng dõi nhân bản, còn bản kia là dòng dõi hợp pháp của Thánh Giuse, với hai gia phả ra khác ở những chỗ một ai đó trong dòng dõi không có con cái. Họ phải lập người thừa kế hợp pháp qua nhiều tập tục khác nhau của Cựu Ước.

“Vấn đề trở nên lớn hơn vì một số tên bị bỏ qua, một điều hoàn toàn chấp nhận được theo tiêu chuẩn của thế giới cổ thời. Và có những dị biệt về văn bản, các tên, khi được phiên dịch từ ngôn ngữ này qua ngôn ngữ nọ, thường nhận được lỗi đánh văn khác và rồi còn dễ bị lẫn lộn với tên của một cá nhân khác”.

Blomberg đã trình bày được trọng điểm của ông: ít nhất thì đó cũng là các giải thích hợp lý. Dù không hẳn khít khao cho lắm, nhưng ít nhất chúng cũng cung cấp được một sự hòa hợp hợp lý cho các trình thuật Tin Mừng.

Không muốn cuộc đàm đạo của chúng tôi sa vào trò gây bối rối cho học giả, tôi quyết định chuyển đề tài. Trong khi ấy, tôi và Blomberg đồng ý với nhau rằng phương thức tổng thể hay nhất là nghiên cứu mỗi vấn đề một cách cá thể để xem liệu có cách hợp lý nào để giải quyết mâu thuẫn biểu kiến giữa các sách Tin Mừng hay không. Chắc chắn không thiếu những cuốn sách có thể giá từng khảo sát thấu đáo, đôi khi hết sức chi tiết, cách hòa giải các dị biệt này (5).

Blomberg nói, “Và có những dịp khi ta cần phải trì hoãn phán đoán và đơn giản nói rằng tuy chúng ta đã giải thích được đại đa số các bản văn và xác định chúng đáng tin cậy, chúng ta vẫn có thể dành cho chúng điều gọi là “benefit of doubt” [tin được dù có hoài nghi] khi chúng ta không chắc chắn về một số chi tiết khác.

5. Thử nghiệm về thành kiến

Thử nghiệm này phân tích xem các người viết các sách Tin Mừng có bất cứ thành kiến nào nhằm tô màu cho

công trình của họ hay không. Họ có bất cứ lợi ích riêng tư nào không trong việc bóp méo tư liệu họ tường trình?

Tôi nêu vấn đề, “Chúng ta không thể đánh giá thấp sự kiện những vị này yêu mến Chúa Giêsu. Họ đâu có phải là những nhà quan sát trung lập; họ là các môn đệ tận tụy của Người. Há điều này không làm họ có khả năng thay đổi sự việc giúp làm Người được coi là người tốt hay sao?”

Blomberg trả lời, “vâng, tôi thừa nhận phần lớn, nó tạo tiềm năng cho điều đó xảy ra. Nhưng mặt khác, người ta có thể tôn vinh và kính trọng một ai đó đến nỗi nó làm họ ghi lại đời vị này một cách hết sức toàn vẹn. Đó là cách họ tỏ tình yêu đối với vị này. Và tôi tin điều đó đã diễn ra ở đây.

“Và lại, các môn đệ này chẳng có lợi lộc gì trong việc này ngoại trừ bị phê phán, khai trừ và tử vì đạo. Chắc chắn họ chẳng thu được lợi ích tài chánh nào. Có thể nói, việc này còn gây áp lực buộc họ phải im lặng, chối bỏ Chúa Giêsu, hạ giá Người, thậm chí quên họ đã từng gặp gỡ Người, thế nhưng, vì sự liêm chính của họ, họ đã công bố điều họ thấy, dù việc này có nghĩa là đau khổ và chết chóc”.

6. Thử nghiệm về che đậy

Khi người ta làm chứng về các biến cố họ mục kích, họ thường cố gắng lo bảo vệ chính mình hay bảo vệ người khác bằng cách cố tình quên không nhắc tới các chi tiết gây bối rối hay khó giải thích. Thành thử, điều này khiến ta không chắc chắn về tính chân thật trong chứng từ của họ.

Do đó, tôi hỏi Blomberg, “Các người viết các sách Tin Mừng có bao gồm bất cứ tư liệu nào gây bối rối hay họ che đậy nó để làm mình được coi là tốt? Họ có tường trình bất cứ điều gì có thể không thoải mái hay khó cho họ giải thích không?”

Ông nói, “Thực sự có rất nhiều điều theo hướng đó. Có cả một bộ giáo huấn của Chúa Giêsu được gọi là các lời nói khó hiểu của Chúa Giêsu. Một số lời này có tính rất đòi hỏi về phương diện đạo đức. Nếu tôi sáng chế ra một tôn giáo phù hợp với óc tưởng tượng của tôi thì tôi đâu có nói mình phải hoàn thiện như Cha trên trời của tôi hoàn thiện, hay định nghĩa ngoại tình để bao gồm thêm muốn nhục dục trong tâm hồn tôi”.

Tôi phản đối, “Nhưng có những tuyên bố cũng đòi hỏi như thế trong các tôn giáo khác”.

“Đúng, điều đó đúng, đó là lý do tại sao loại lời nói nghiêm khắc có tính thuyết phục hơn là những lời nói có thể gây bối rối đối với điều Giáo Hội muốn dạy về Chúa Giêsu”.

Câu trả lời trên có vẻ mơ hồ. Tôi nói, “xin cho tôi một vài thí dụ”.

Blomberg nghĩ một lúc rồi nói, “Thí dụ Máccô 6:5 nói rằng Chúa Giêsu có thể làm ít phép lạ hơn ở Nadarét vì dân ở đó ít có đức tin, một điều xem ra giới hạn quyền năng của Chúa Giêsu. Chúa Giêsu nói ở Máccô 13:32 rằng Người không biết ngày hay giờ Người trở lại, một điều xem ra giới hạn khả năng biết mọi điều của Người.

“Nay, cuối cùng, thần học thấy không có vấn đề gì với những điều trên, vì chính Thánh Phaolô, trong thư Philípê 2:5-8, nói về Thiên Chúa nơi Chúa Kitô đã tự ý và một cách có ý thức hạn chế việc thi hành độc lập các thuộc tính thần linh của Người.

“Nhưng nếu tôi cảm thấy được tự do xử sự vô trách nhiệm với lịch sử Tin Mừng, thì điều thuận tiện hơn nhiều sẽ là bỏ qua mọi tư liệu trên và nhờ thế khỏi phải bận tâm lo giải thích chúng.

“Việc Chúa Giêsu chịu phép rửa là một thí dụ khác nữa. Ông có thể giải thích tại sao Chúa Giêsu, Đấng vốn không có tội, lại để mình chịu phép rửa, nhưng tại sao không làm sự việc dễ dàng hơn bằng cách bỏ qua việc này? Trên thập giá, Chúa Giêsu hô lớn, ‘Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Chúa bỏ rơi con?’ Bỏ qua việc này có lợi cho chính người viết vì nó nêu lên quá nhiều câu hỏi”.

Tôi nói thêm, “Chắc chắn, có rất nhiều tư liệu gây bối rối về các môn đệ”.

Blomberg trả lời, “Tuyệt đối như thế. Quan điểm của Máccô về Phêrô nhất quán không có gì tăng bốc, dù Phêrô là lãnh tụ của cả nhóm! Các môn đệ liên tục hiểu lầm Chúa Giêsu. Giacôbê và Gioan muốn ngồi bên hữu và bên tả Chúa Giêsu, và Người phải dạy họ nhiều bài học khó nhá về việc lãnh đạo bằng cách làm đầy tớ. Nhiều lần, họ giống lũ người chỉ biết phục vụ chính mình, tìm kiếm chính mình, đần độn.

“Nay, ta biết rằng các người viết Tin Mừng rất có óc chọn lựa. Tin Mừng Gioan kết thúc bằng việc nói một cách ngoa dụ rằng cả thế giới cũng không chứa hết thông tin có thể đã viết về Chúa Giêsu. Nên nếu họ có bỏ qua một ít, thì tự nó cũng không nhất thiết bị coi như chuyện làm sai lạc câu truyện.

“Nhưng đây mới là trọng điểm: nếu họ không cảm thấy tự do bỏ qua một số điều khi việc này thuận lợi và hữu ích cho chính họ, thì có hợp lý hay không khi tin rằng họ thẳng thừng thêm thắt và chế tác tư liệu không hề có cơ sở lịch sử?”

Blomberg đề vấn đề lơ lửng một hồi trước khi kết luận một cách đầy tự tin, “tôi xin nói là không”.

7. Thử nghiệm về chứng thực

Tôi khởi đầu thử nghiệm kế tiếp vâng cách hỏi Blomberg, “khi các sách Tin Mừng nhắc đến những con người, những nơi chốn và biến cố, họ có kiểm chứng xem có đúng hay không để chúng được kiểm nghiệm một cách độc lập?” Thường thường sự kiểm nghiệm này rất có giá trị để lượng định xem người viết có cam kết giữ sự chính xác hay không.

Blomberg trả lời, “Có, họ có, và người ta thăm dò điều này càng lâu, các chi tiết càng được chứng thực. Trong khoảng mấy trăm năm gần đây, kho khảo cổ học đã liên tiếp khai quật nhiều khám phá xác nhận nhiều tham chiếu chuyên biệt trong các Tin Mừng, đặc biệt là Tin Mừng Gioan, một cách khá nghịch lý, vì đây là Tin Mừng bị ngờ vực hơn cả!

“Nay, vâng, vẫn còn một số vấn đề chưa được giải quyết và có những lúc, khoa khảo cổ tạo ra những vấn đề mới, nhưng những vấn đề này chỉ là thiểu số nhỏ bé so với con số những điển hình được chứng thực.

“Ngoài ra, chúng ta có thể học hỏi qua các nguồn không phải Kitô giáo nhiều sự kiện về Chúa Giêsu có thể chứng thực cho các giáo huấn và biến cố chủ chốt trong đời sống của Người. Và khi ông ngưng suy nghĩ việc các sử gia cổ thời phần lớn chỉ nói tới các nhà cầm quyền chính trị, các hoàng đế, vua chúa, những trận chiến quân sự, các viên chức tôn giáo, và các phong trào triết học chính, thì điều đáng lưu ý là chúng ta học hỏi biết bao nhiêu về Chúa Giêsu và các môn đệ của Người dù họ không thuộc một phạm trù nào trong số này vào lúc các sử gia này đang soạn tác”.

Đó là một câu trả lời súc tích và hữu ích. Tuy nhiên, dù tôi không có lý do gì để hoài nghi lượng định của Blomberg, tôi quyết định nên nghiên cứu thêm dọc theo những đường hướng này. Tôi lượm cây viết lên và vội ghi mấy dòng nhắc nhở chính tôi ở lề cuốn sổ ghi chép của tôi: lấy ý kiến chuyên môn từ một nhà khảo cổ học và một sử gia.

8. Thử nghiệm về chứng tá đối lập

Thử nghiệm này nêu các câu hỏi. Có chẳng những người hiện diện khác lên tiếng nói ngược lại hay sửa chữa các sách Tin Mừng nếu chúng bị bóp méo hay sai lầm? Nói cách khác, chúng ta có thấy điển hình những người cùng thời của Chúa Giêsu than phiền là các trình thuật Tin Mừng hoàn toàn sai sự thật?

Blomberg cho biết, “Nhiều người có lý để muốn bác bỏ phong trào này và sẽ làm thế nếu họ có thể viết lịch sử tốt hơn. Thế nhưng ông hãy nhìn các người chống đối Người nói gì. Trong các trước tác Do Thái sau đó, Chúa Giêsu được gọi là phù thủy đã dắt Israel đi sai đường, điều này thừa nhận rằng Người thực sự có làm những chuyện kỳ lạ phi thường, mặc dù các tác giả này tranh luận nguồn gốc quyền năng của Người.

“Đây là dịp hoàn hảo để nói một điều giống như, ‘các Kitô hữu sẽ nói với bạn ông ta làm các phép lạ, nhưng ở đây, chúng tôi nói cho bạn hay ông ta không hề làm phép lạ nào. Ấy thế nhưng, đó là điều chúng ta không bao giờ nghe những người chống đối Người nói. Thay vào đó, họ mặc nhiên thừa nhận điều các sách Tin Mừng viết là đúng rằng Chúa Giêsu thực hiện các phép lạ’.

Tôi hỏi, “phong trào Kitô giáo này có thể bén rễ được không ngay tại đó, tại Giêrusalem, ngay tại khu vực Chúa Giêsu thực hiện phần lớn thừa tác vụ của Người, đã bị đóng đinh, chôn cất, và sống lại, nêu những người từng biết Người biết rõ rằng các môn đệ đã nói quá hay bóp méo những điều Người đã làm?”

Blomberg trả lời, “tôi không tin như thế. Chúng ta có bức tranh về điều thoát đầu chỉ là một phong trào hết sức yếu ớt, dễ bị bẻ gãy, từng bị bách hại. Nếu các nhà phê bình có thể tấn công nó trên căn bản nó đầy những sai lầm hay bóp mép, thì họ đã làm rồi.

“Nhưng”, ông nhấn mạnh kết luận, “đó chính là điều chúng ta không thấy”.

Một đức tin được chống đỡ bằng các sự kiện

Tôi thừa nhận Blomberg gây nhiều ấn tượng nơi tôi. Hiểu biết và lưu loát, đầy tính học giả và thuyết phục, ông đã dựng được cả một lý lẽ mạnh mẽ bên vực tính đáng tin cậy của các Tin Mừng. Bằng chứng của ông bên vực tư cách tác giả truyền thống của chúng, sự phân tích của ông về các niên biểu sớm nhất của các niềm tin căn bản về Chúa Giêsu, việc ông bên vực một cách đầy đủ lý lẽ tính chính xác của truyền thống truyền khẩu, việc ông khảo sát một cách đầy suy tư những dị biệt biểu kiến, tất cả các chứng từ của ông đã thiết lập được một nền tảng vững chắc để tôi tiếp tục xây dựng.

Thế nhưng, vẫn còn một con đường dài phải đi để xác định việc liệu Chúa Giêsu có phải là Con duy nhất của Thiên Chúa hay không. Thật vậy, sau khi nói chuyện với Blomberg, cuộc hẹn tiếp theo của tôi trở nên rõ ràng: hình dung xem liệu các sách Tin Mừng này, được Blomberg trình bày như là đáng tin, có được truyền lại cho chúng ta một cách đáng tin cậy hay không qua nhiều thế kỷ. Làm cách nào chúng ta có thể biết chắc các bản văn chúng ta đọc ngày nay mang dáng dấp của điều nguyên thủy được viết ra ở thế kỷ thứ nhất? Hơn nữa, làm thế nào chúng ta biết được rằng các sách Tin Mừng kể cho chúng ta đầy đủ câu truyện về Chúa Giêsu?

Tôi nhìn vào đồng hồ. Nếu giao thông không quá nặng, tôi sẽ lấy máy bay trở lại Chicago. Khi thu lượm các tập ghi chú và rút giây các dụng cụ ghi âm, tôi có dịp nhìn lại các tranh vẽ của trẻ em trên tường phòng giấy Blomberg, và đột nhiên, trong giây lát, nghĩ tới ông không như một học giả, một tác giả, một giáo sư, mà như một người cha ban đêm, ngồi ở mép giường các con gái và nhẹ nhàng nói với chúng về những điều thực sự quan trọng ở trên đời.

Tôi thắc mắc, ông nói gì với chúng, về Kinh Thánh, về Thiên Chúa, về vị Giêsu này, người từng tuyên bố về mình nhiều điều kỳ lạ?

Tôi không nhin được câu hỏi cuối cùng, “Về đức tin của riêng ông thì sao? Tất cả các nghiên cứu của ông ảnh hưởng ra sao tới các niềm tin của ông?”

Ngay khi tôi vừa dứt lời, ông đã trả lời ngay, “Nó củng cố các niềm tin của tôi, chắc chắn như thế. Từ các nghiên cứu của mình, tôi biết có bằng chứng mạnh mẽ bênh vực tính trung thực của các trình thuật Tin Mừng”.

Ông im lặng một lúc rồi nói tiếp, “Ông biết không, thật là nghịch lý: Kinh Thánh coi là đáng khen việc có đức tin mà không cần bằng chứng. Ông nên nhớ Chúa Giêsu đã trả lời ông Tôma hay hoài nghi ra sao, ‘anh tin vì anh thấy; phúc cho ai không thấy mà vẫn tin’. Và tôi biết bằng chứng không cưỡng hay ép đức tin. Chúng ta không thể thay thế vai trò của Chúa Thánh Thần, điều này thường là quan tâm của các Kitô hữu khi họ nghe các cuộc thảo luận loại này.

“Nhưng tôi xin nói với ông điều này: có rất nhiều câu truyện của các học giả trong lãnh vực Tân Ước nhưng họ không phải là Kitô hữu, nhưng qua cuộc nghiên cứu của họ về chính những vấn đề này đã đến với đức tin vào Chúa Kitô. Và có vô số học giả hơn nữa, vốn là tín hữu, nhờ các bằng chứng này mà đức tin của họ trở nên mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn, có cơ sở hơn, và tôi thuộc loại này”.

Còn với tôi, tôi từng thuộc loại thứ nhất, không, không phải một học giả, mà là một kẻ hoài nghi, người đã phá các tín ngưỡng lâu đời, một ký giả cứng đầu đi tìm sự thật về vị Giêsu này, Đấng từng nói mình là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống.

Tôi khóa chiếc cặp giấy tờ và đứng lên cảm ơn Blomberg. Tôi sẽ bay về Chicago, thỏa mãn vì một lần nữa cuộc mưu tìm thiêng liêng của tôi đã có được một khởi đầu tốt đẹp.

Tài liệu đọc thêm

Archer, Gleason L., *The Encyclopedia of Bible Difficulties*. Grand Rapids: Zondervan, 1982.
Blomberg, Craig. “The Historical Reliability of the New Testament” trong *Reasonable Faith*, của William Lane Craig, 193-231. Westchester, Ill.: Crossway, 1994.
Blomberg, Craig. “Where Do We Start Studying Jesus?” trong *Jesus under Fire*, Michael J. Wilkins and J.P. Moreland chủ biên, 17-50. Grand Rapids: Zondervan, 1995.
Dunn, James. *The Living Word*. Philadelphia: Fortress, 1988.
Marshall, I. Howard. *I Believe in the Historical Jesus*. Grand Rapids: Eerdmans, 1977.

Ghi Chú

- (1) Lee Strobel, “Jury in Makeshift Courtroom Hears Dying Boy Tell of Attack”, *Chicago Tribune* (February 24, 1976).
- (2) (2) Lc 1:1-4
- (3) Simon Greeleaf, *The Testimony of the Evangelists* (Grand Rapids: Baker, 1984) vii.
- (4) Trích dẫn trong Craig Blomberg, “Where Do We Start Studying Jesus?” trong *Jesus under Fire*, Michael J. Wilkins and J.P. Moreland chủ biên, (Grand Rapids: Zondervan, 1995) 34
- (5) Xem Gleason L. Archer, *The Encyclopedia of Bible Difficulties* (Grand Rapids: Zondervan, 1982) và Norman Geisler và Thomas Howe, *When Critics Ask* (Wheaton Ill.: Victor, 1992).

Chương ba: Bằng chứng tài liệu

Các tiểu sử của Chúa Giêsu có được bảo tồn cách đáng tin cậy cho chúng ta không?

Là một phóng viên của tờ *Chicago Tribune*, tôi là “con chuột lục tìm tài liệu”. Tôi dành vô số giờ lục lại các hồ sơ tòa án và ngửi hơi xem có món tin tức nào ngon không. Việc này rất vất vả và tốn thì giờ, nhưng phần thưởng thì rất đáng giá. Tôi đã giành trước được nhiều cuộc đua tranh với những câu truyện thường xuyên ở trang nhất.

Thí dụ, có lần tôi tình cờ lượm được bản ghi tối mật của đại bồi thẩm đoàn người ta vô tình xếp vào hồ sơ công cộng. Bài báo sau đó của tôi đã vạch trần được một cuộc đấu thầu gian lận đằng sau các dự án công chánh lớn nhất của Chicago, kể cả việc xây dựng các siêu xa lộ chính.

Nhưng mẻ tài liệu lác mắt tôi từng khám phá thuộc vụ nổi tiếng trong đó công ty Ford Motor bị kết tội bắt cần giết người đối với cái chết của ba thiếu niên trong chiếc Pinto loại nhỏ. Đó là lần đầu tiên một hãng sản xuất Hoa Kỳ bị kết tội hình sự vì đã bán một sản phẩm nguy hiểm.

Khi tôi kiểm tra hồ sơ tòa án ở thị trấn Winamac nhỏ bé của Indiana, tôi thấy rất nhiều thông tư mật của Ford cho thấy rằng công ty sản xuất xe hơi này biết trước chiếc Pinto có thể phát nổ khi bị đụng từ phía sau vào khoảng 20 dặm một giờ. Các tài liệu cho biết công ty quyết định không cải thiện tính an toàn của chiếc xe để tiết kiệm vài dollars một chiếc xe và gia tăng chỗ chứa đồ.

Một luật sư của Ford, tình cờ lúc đó đang tha thân ở tòa án, thấy tôi đang sao các tài liệu. Hốt hoảng, ông ta chạy xô tới tòa án xin lệnh phong tỏa hồ sơ khỏi công chúng.

Nhưng đã quá muộn. Câu truyện của tôi, tựa là, “Ford làm ngơ Chiếc Pinto Có Nguy Hiểm Bốc Lửa, Các Thông Tư Mật Tiết Lộ” đã được đăng trên Tribune và truyền đi khắp đất nước (1).

Chứng thực các tài liệu

Lấy được các thông tư bí mật của các tập đoàn là một chuyện; chứng thực sự chân chính của chúng lại là một chuyện khác. Trước khi một nhà báo có thể công bố nội dung của chúng, hay một công tố viên có thể công nhận các tài liệu như bằng chứng tại tòa, nhiều biện pháp phải được thực hiện để làm cho chúng chân chính.

Liên quan tới các tài liệu về chiếc Pinto, liệu tên Ford ở đầu trang giấy trên đó chúng được viết ra có phải là giả mạo hay không? Các chữ ký có giả hay không? Làm thế nào tôi biết chắc được? Và vì các thông tư này hiển nhiên đã được sao chép nhiều lần, làm thế nào tôi biết chắc nội dung của chúng không bị sửa bậy? Nói cách khác, làm thế nào tôi biết chắc được rằng mỗi tài liệu sao chép giống hệt bản thông tư nguyên thủy, bản mà tôi không có?

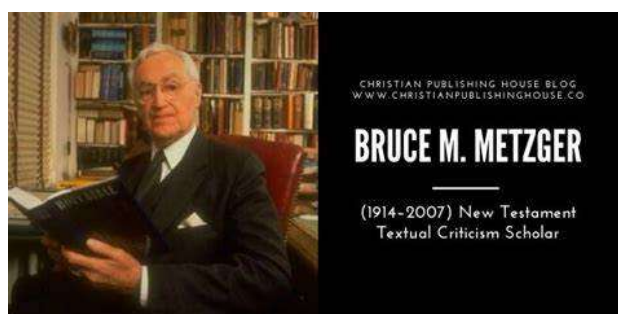
Hơn nữa, làm thế nào tôi có thể quả quyết rằng các thông tư này kể hết mọi chuyện? Dù sao, chúng cũng chỉ đại diện cho một phần nhỏ của các thư từ văn kiện của Ford. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu còn các thông tư khác, hiện vẫn còn giấu ẩn ở đâu đó, nhưng rồi một thứ ánh sáng khác hắt lên vấn đề, nếu chúng được phát hiện?

Đó là những câu hỏi quan trọng và chúng liên quan không kém tới việc khảo sát Tân Ước. Khi tôi cầm một cuốn Kinh Thánh trong tay, trong yếu tính, tôi đang cầm một bản sao các ghi chép lịch sử cổ thời. Các bản chép tay nguyên thủy của các tiểu sử về Chúa Giêsu, Máthêu, Máccô, Luca và Gioan, và mọi sách khác của Cựu và Tân Ước, từ lâu, đã thành tro bụi. Nên làm thế nào tôi biết chắc các bản thời nay, thành phẩm cuối cùng của vô số vụ sao chép qua rất nhiều thời đại, mang được đáng đáp tương tự như những điều các tác giả viết khởi đầu?

Hơn nữa, làm thế nào tôi có thể biết liệu các cuốn tiểu sử này kể trọn câu truyện? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu có những cuốn tiểu sử khác về Chúa Giêsu nhưng bị kiểm duyệt vì Giáo Hội sơ khai không thích hình ảnh về

Chúa Giêsu được mô tả trong đó? Làm thế nào tôi biết chắc nền chính trị của Giáo Hội không làm cảm hòng các cuốn tiểu sử về Chúa Giêsu tuy cũng chính xác như 4 cuốn cuối cùng đã được cho vào Tân Ước nhưng rồi một ánh sáng mới quan trọng về lời lẽ và việc làm của người thợ mộc gây tranh cãi của Nadarét này?

Hai vấn đề đó, các cuốn tiểu sử về Chúa Giêsu có được duy trì một cách đáng tin cậy cho chúng ta không và liệu có chẳng các cuốn tiểu sử cũng chính xác như thế nhưng bị Giáo Hội dẹp bỏ, đáng được cẩn thận xem xét. Tôi biết có một học giả được mọi người công nhận như là thế giá hàng đầu về những vấn đề này. Tôi bay tới Newark và lái chiếc xe thuê tới Princeton để gặp ông.



Cuộc phỏng vấn thứ hai: Bruce M. Metzger Ph.d.

Tôi tìm được Bruce Metzger, 84 tuổi, vào một buổi chiều Thứ Bảy tại nơi ông hằng lui tới, thư viện của Chủng viện Thần học Princeton, nơi ông mỉm cười nói với tôi, “tôi thích phủi bụi mấy cuốn sách”.

Thực ra, ông từng viết một số sách giá trị nhất, nhất là khi chủ đề là bản văn Tân Ước. Tính chung, ông là tác giả và chủ biên 50 cuốn sách, trong đó có *The New Testament: Its Background, Growth, and Content* [Tân Ước: Hậu cảnh, Phát triển, và Nội dung]; *The Text of the New Testament* [Bản văn Tân ước]; *The Canon of the New Testament* [Qui điển Tân ước]; *Manuscripts of the Greek Bible* [Các Bản chép tay của Kinh thánh tiếng Hy Lạp]; *Textual Commentary on the Greek New Testament* [Chú giải Văn bản về Tân ước tiếng Hy Lạp]; *Introductio too the Apocrypha* [Dẫn nhập và Ngụy thư]; và *The Oxford Companion to the Bible* [Sổ tay Oxford về Kinh Thánh]. Một số cuốn đã được dịch sang tiếng Đức, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Mã Lai Á, và nhiều ngôn ngữ khác. Ông cũng đồng chủ biên bộ *The New Oxford Annotated Bible with the Apocrypha* [Kinh thánh có chú giải mới của Oxford với phần ngụy thư] và tổng biên tập hơn 25 cuốn trong loạt *New Testament Tools and Studies* [Các Dụng cụ và Nghiên cứu Tân Ước].

Nền giáo dục của Metzger bao gồm bằng cao học của Chủng viện Thần học Princeton và cả bằng cao học lẫn tiến sĩ của Đại Học Princeton. Ông từng được cấp bằng tiến sĩ danh dự của 5 cao đẳng và Đại Học, trong đó, có Đại Học St. Andrews ở Tô Cách Lan, Đại Học Munster ở Đức, và Đại Học Potchefstroom ở Nam Phi.

Năm 1969, ông phục vụ trong tư cách học giả thường trú tại Tyndale House, Cambridge, Anh. Ông là học giả thỉnh giảng tại Clare House, Đại Học Cambridge, năm 1974 và tại Wolfson College, Oxford, năm 1979. Ông hiện là giáo sư hưu trí của Chủng viện Thần học Princeton sau 46 năm dạy Tân Ước tại đây.

Metzger là chủ tịch Ủy ban New Revised Standard Version Bible, viện sĩ hàm thụ của Hàn lâm viện Anh và phục vụ tại Viện Kuratorium of Vetus Latina ở Đan việc Beuron, Đức. Ông là cựu chủ tịch Hội Văn chương Kinh thánh, Hội Nghiên cứu Tân Ước Quốc tế và Hội Giáo phụ học Bắc Mỹ.

Nếu bạn đọc các ghi chú của bất cứ cuốn sách có thể giá nào về Tân Ước, chắc chắn bạn sẽ thấy Metzger được trích dẫn hết lần này tới lần khác. Các sách của ông là sách đọc bắt buộc tại các Đại Học và chủng viện khắp thế giới. Ông được sự kính trọng cao nhất của các học giả thuộc lãnh vực rộng lớn của nghiên cứu thần

học.

Xét theo nhiều cách, Metzger, sinh năm 1914, là người của thời xưa, thuộc một thế hệ trước. Tới bằng chiếc Buick màu xám được ông gọi là “con bọ chạy bằng xăng của tôi”, ông mặc bộ comple màu xám đậm và chiếc cà vạt có họa tiết cánh hoa màu xanh da trời, khá xuề xòa khi vào thư viện, cả vào cuối tuần. Mớ tóc trắng của ông được chải lược gọn gàng; trên đôi mắt sáng và tinh táo của ông là cặp kiềng không vành. Ông bước đi chậm chạp hơn trước, nhưng không có khó khăn gì trong việc thận trọng leo cầu thang lên lầu hai nơi ông tiến hành việc nghiên cứu của mình trong một văn phòng tối tăm và thiếu tiện nghi.

Và ông không thiếu khiếu hài hước. Ông chỉ cho tôi chiếc hộp nhỏ thừa hưởng được lúc làm chủ tịch Ủy ban New Revised Standard Version Bible. Ông mở chiếc nắp cho thấy tro tàn của một cuốn Kinh thánh Revised Standard Version bị đốt trong một vụ đốt rác năm 1952 trong một cuộc phản kháng của một giảng viên cực đoan.

Metzger giải thích với một cái chặc lưỡi, “xem ra ông ta không thích ủy ban đổi chữ ‘fellows’ (các đồng bạn) của Bản King James thành ‘comrades’ (các đồng chí) ở câu Dt 1:9. Ông tố cáo họ là cộng sản!”

Dù lời nói của Metzger có lúc ngập ngừng và ông hay trả lời bằng những kiểu nói lạ như “Quite so” (hết sức như thế), ông vẫn tiếp tục là người có những hiểu biết mới nhất trong lãnh vực bác học Kinh thánh. Khi tôi hỏi một số thống kê không được ông cho vào cuốn sách năm 1992 về Tân Ước; ông đã tìm những con số mới để cập nhật. Đầu óc lanh lợi của ông không gặp trở ngại nào trong việc nhắc lại các chi tiết về người và nơi chốn và ông hoàn toàn rành rẽ mọi cuộc tranh luận hiện nay giữa các chuyên gia về Tân Ước. Thật vậy, họ tiếp tục nhờ ông cho các tầm nhìn thông sáng và lời khuyên đầy khôn ngoan.

Văn phòng của ông bằng cỡ một phòng nhà giam, không có cửa sổ và sơn màu xám định chế. Nó chỉ có hai ghế gỗ; ông nhất định mời tôi dùng chiếc êm hơn. Đó là thành phần trong sức lôi cuốn của ông. Hết sức tốt bụng, nhũn nhặn và hạ mình một cách đầy ngạc nhiên, với một tinh thần dịu dàng khiến tôi muốn một ngày kia về già với một loại duyên dáng dịu dàng như thế.

Chúng tôi làm quen với nhau trong giấy lát, rồi tôi đề cập tới vấn đề thứ nhất: làm thế nào ta biết chắc các cuốn tiêu sử viết về Chúa Giêsu đã được trao đến ta một cách đáng tin cậy?

Các bản sao của các bản sao lại

Tôi nói với Metzger, “Tôi xin trung thực với ông. Khi lần đầu tiên tôi thấy không còn nguyên bản Tân Ước nào sống sót, tôi thực sự hoài nghi. Tôi nghĩ, nếu chúng ta chỉ có các bản sao của các bản sao lại, làm thế nào tôi tin chắc Tân Ước mà chúng ta có ngày nay mang dáng dấp giống như bất cứ điều gì nguyên thủy được viết ra? Ông trả lời ra sao?”

Ông trả lời, “Đây không hẳn là vấn đề độc đáo đối với Kinh Thánh; mà là vấn đề ta có thể nêu ra về các tài liệu khác được truyền đến ta từ cổ thời. Nhưng điều thuận lợi của Tân Ước, nhất là khi so sánh với các trước tác cổ thời khác, là nó có số lượng các bản sao rất lớn còn sống sót tới ngày nay”.

Tôi hỏi, “Tại sao điều đó lại quan trọng?”

“À, ông càng thường xuyên có các bản sao phù hợp với nhau, nhất là nếu chúng xuất hiện ở các vùng địa lý khác nhau, ông càng đối chiếu chúng với nhau để tìm ra tài liệu nguyên thủy trông ra sao. Cách duy nhất chúng phù hợp với nhau là khi chúng trở lại gia phả mô tả nguồn gốc các bản chép tay”.

Tôi nói, “Vâng, tôi có thể thấy việc có nhiều bản sao phát xuất nhiều khu vực khác nhau là điều có lợi.

Nhưng còn về tuổi của các tài liệu thì sao? Chắc chắn điều ấy cũng quan trọng, phải không?”

Ông trả lời, “Hết sức như thế. Và đây là một điều khác có lợi cho Tân Ước. Chúng ta có các bản sao bắt đầu trong khoảng vài thế kỷ từ lúc viết các nguyên bản, trong khi trong các bản văn cổ thời khác, có lẽ là 5, 8 hay 10 thế kỷ trôi qua giữa nguyên bản và bản sao sớm nhất còn sống sót.

“Ngoài các bản chép tay tiếng Hy Lạp, chúng ta cũng có các bản dịch các sách Tin Mừng sang các ngôn ngữ khác trong thời gian tương đối sớm, sang tiếng Latinh, Syria, và Ai cập. Và hơn thế nữa, chúng ta còn có điều người ta gọi là bản dịch thứ hai thực hiện sau đó không lâu, như bản tiếng Ac-mê-ni và Gô-tích. Và một số ngôn ngữ nữa như Giorgia, Ê-thi-ô-pi-a...”

“Việc ấy hữu ích ra sao?”

“Vì cho dù ngày nay, ta không có bản chép tay bằng tiếng Hy Lạp đi nữa, nhờ gom nhặt lại với nhau thông tri từ những bản dịch sớm sủa này, ta vẫn có thể dựng lại nội dung của Tân Ước. Thêm vào đó, dù chúng ta mất hết các bản chép tay bằng tiếng Hy Lạp và cả các bản dịch sớm nhất, ta vẫn có thể tái dựng nội dung Tân Ước từ rất nhiều trích dẫn trong các cuốn chú giải, bài giảng, thư từ, và v.v... của các giáo phụ tiên khởi”.

Dù điều đó gây ấn tượng, nhưng vẫn khó mà phán đoán bằng chứng này cách riêng rẽ. Tôi cần một bối cảnh nào đó để đánh giá tốt hơn tính độc đáo của Tân Ước. Tôi thắc mắc, làm thế nào so sánh nó với các công trình nổi tiếng của cổ thời?

Hàng núi các bản chép tay

Tôi nói, “Khi ông nói tới rất nhiều các bản chép tay, việc ấy tương phản ra sao với những cuốn sách cổ khác vốn được các học giả chấp nhận như là đáng tin? Chẳng hạn, xin ông cho hay việc viết lách của các tác giả cùng thời với Chúa Giê-su”

Như đã dự đoán được câu hỏi, Metzger trích dẫn một số ghi chép tay ông mang theo.

Ông lên tiếng, “ông hãy xem Tacitus, sử gia La Mã, người từng viết cuốn *Biên niên sử Đế quốc La Mã* vào khoảng năm 116 CN. Sáu cuốn đầu của ông hiện chỉ còn trong một bản chép tay, và đã được sao chép năm 850 CN. Các cuốn 11 tới 16 nằm trong một bản chép tay khác có niên biểu thế kỷ 11. Các cuốn 7 tới 10 bị thất lạc. Thành thử có một khoảng trống lớn giữa lúc Tacitus tìm kiếm tài liệu và viết xuống và các bản sao hiện có.

“Liên quan tới sử gia thế kỷ thứ nhất Josephus, chúng ta có 9 bản chép tay bằng tiếng Hy Lạp công trình của ông tức cuốn *Chiến tranh Do Thái*, và những bản này được viết vào thế kỷ thứ 10, thứ 11 và thứ 12. Có một bản dịch tiếng La tinh từ thế kỷ thứ 4 và các tư liệu Nga thời Trung Cổ từ thế kỷ thứ 11 và thứ 12”.

Những con số trên đáng ngạc nhiên. Nhưng các bản chép tay này chỉ có một sợi chỉ rất mỏng nối các công trình cổ kính này với thế giới ngày nay. Tôi hỏi, “so sánh ra, ngày nay có bao nhiêu bản Tân Ước chép tay bằng tiếng Hy Lạp?”

Metzger mở tròn đôi mắt. “Hơn 5 ngàn đã được lên danh mục” ông nói thế một cách phấn khởi, giọng ông lên cao hẳn một bát độ.

Quả là một ngọn núi các bản chép tay so với các tổ kiến Tacitus và Josephus! Tôi hỏi, “Điều ấy có bất thường trong thế giới cổ thời không? Đây là công trình xếp hạng tiếp theo?”

Ông nói, “Số lượng các tư liệu Tân Ước gần như gây bối rối so với các công trình khác của cổ thời. Sau Tân Ước, số lượng các bản chép tay lớn nhất là cuốn *Iliad* của Homer, một thứ Kinh thánh của người Hy Lạp cổ thời. Ngày nay, còn non 650 bản chép tay bằng tiếng Hy Lạp. Một số bản chỉ còn vài mảnh. Chúng được truyền lại cho chúng ta từ thế kỷ thứ 2 và thứ 3 CN và sau đó. Khi ông xét Homer soạn cuốn anh hùng ca của ông ta vào khoảng năm 800 TCN, ông sẽ thấy khoảng cách rất dài như thế nào”.

“Rất dài” tôi nói; cả ngàn năm trời! Thật ra, không so sánh nổi: bằng chứng bản chép tay của Tân Ước quá áp đảo khi đặt bên cạnh các trước tác đáng kính của cổ thời, các trước tác mà các học giả hiện nay tuyệt đối coi là chân chính.

Sau khi sự tò mò của tôi về các bản chép tay Tân Ước đã được khêu gợi, tôi hỏi Metzger mô tả một số.

Ông nói, “Những bản chép tay sớm sủa nhất là các mảnh giấy cói (papyrus), vốn là chất liệu để viết được làm từ cây cói mọc ở các đầm lầy Châu thổ Sông Nile bên Ai Cập. Hiện có 99 mảnh giấy cói chứa 1 hoặc nhiều hơn các đoạn hay sách Tân Ước.

“Quan trọng nhất đã ra ánh sáng là *Các Bản Giấy Cói Kinh Thánh* của Chester Beatty, được khám phá vào khoảng năm 1930. Trong số này, bản giấy cói số 1 chứa nhiều phần của 4 sách Tin Mừng và sách Công vụ, và nó có từ thế kỷ thứ 3. Bản giấy cói thứ 2 chứa phần lớn 8 bức thư của Thánh Phaolô, thêm nhiều phần của thư Do Thái, có từ khoảng năm 200. Bản giấy cói thứ 3 chứa phần lớn sách Khải Huyền, có từ thế kỷ thứ 3.

Một nhóm các bản chép tay trên giấy cói quan trọng khác được nhà yêu sách người Thụy Sĩ, M. Martin Bodmer mua. Sớm nhất trong nhóm này, có từ khoảng năm 200, chứa vào khoảng 2 phần 3 Tin Mừng Gioan. Một bản giấy cói khác, chứa nhiều phần của Tin Mừng Luca và Gioan, có từ thế kỷ thứ 3”.

Đến điểm này, khoảng cách giữa việc soạn thảo các tiểu sử của Chúa Giêsu và các bản chép tay sớm nhất chỉ còn rất nhỏ. Nhưng đâu là bản thảo xưa nhất hiện chúng ta có? Tôi thắc mắc, làm thế nào chúng ta có thể tiến gần, về phương diện thời gian, tới việc soạn thảo nguyên thủy, mà các chuyên gia gọi là “bản thảo chép tay của tác giả”?

Mảnh giấy thay đổi lịch sử

Tôi nói, “Về toàn bộ Tân Ước, đâu là phần sớm nhất chúng ta hiện có ngày nay?”

Metzger không cần đắn đo, trả lời ngay, “Đó có lẽ là mảnh chép Tin Mừng Gioan, chứa các tư liệu của chương 18. Nó có 5 câu, 3 câu ở một mặt, 2 câu ở mặt kia, và nó vào khoảng 2.5 tới 3.5 “inches”.

“Nó được khám phá ra sao?”

“Nó được mua ở Ai Cập khoảng năm 1920, nhưng nằm yên không ai chú ý tới hàng nhiều năm giữa các bản giấy cói tương tự. Rồi năm 1934, C.H. Roberts thuộc Cao Đẳng Sainh John, Oxford, lúc ấy đang sắp xếp các bản giấy cói tại Thư viện John Rylands ở Manchester, Anh. Ông lập tức nhận ra bản này chứa một phần Tin Mừng Gioan. Ông đã có thể định niên biểu cho nó do văn phong của bản chép”.

Tôi hỏi, “Và đâu là kết luận của ông ta? Nó trở về bao xa?”

“Ông ta kết luận nó phát nguyên khoảng giữa năm 100 CN tới năm 150 CN. Phần lớn các nhà nghiên cứu chữ cổ, như Ngài Frederic Kenyon, Ngài Harold Bell, Adolf Deissmann, W.H.P. Hatch, Ulrich Wilcken, và các vị khác, đã nhất trí với sự đánh giá của ông. Deissmann xác tín rằng ít nhất nó cũng đã có từ thời Hoàng

Đế Hadrian, tức là từ các năm 117-138, và thậm chí Hoàng Đế Trajan, tức từ các năm 98-117”.

Quả là một khám phá đầy kinh ngạc. Lý do: các nhà thần học ưa hoài nghi người Đức ở thế kỷ vừa qua lập luận một cách hăm hở rằng Tin Mừng thứ tư thậm chí không được soạn thảo cho tới tận năm 160, quá cách xa các biến cố trong đời Chúa Giêsu và do đó không ích lợi bao nhiêu về phương diện lịch sử. Họ từng có khả năng ảnh hưởng hàng thế hệ các học giả vốn chỉ trích tính đáng tin cậy của Tin Mừng này”.

Tôi nhận định, “Điều này chắc chắn bác bỏ hoàn toàn ý kiến đó”.

Ông bảo, “Đúng thế, nó quả bác bỏ. Ở đây, ở một niên biểu rất sớm, chúng ta có một mảnh chép Tin Mừng Gioan ở ngay chính cộng đoàn sống dọc Sông Nile bên Ai Cập, rất xa Ephêsô bên Tiểu Á, nơi có lẽ Tin Mừng này đã được soạn thảo khởi thủy”.

Việc tìm ra này, theo nghĩa đen, đã viết lại quan điểm lịch sử thường có, đẩy việc soạn thảo Tin Mừng Gioan gần ngày Chúa Giêsu đi lại trên mặt đất rất nhiều. Tôi nhủ thầm phải kiểm tra với các nhà khảo cổ về việc liệu có bất cứ khám phá nào khác có thể làm tăng niềm tin của chúng ta vào 4 sách Tin Mừng hay không.

Rất nhiều bằng chứng

Trong khi các bản chép tay trên giấy cói đại diện cho các bản chép Tân Ước sớm nhất, ta còn có các bản chép cổ trên giấy da (parchment) làm từ da trâu bò, chiên cừu và linh dương.

Metzger giải thích, “chúng ta có thứ gọi là các bản chép tay bằng chữ viết to, tròn (uncial) tức bằng các chữ Hy Lạp toàn viết hoa. Ngày nay, chúng ta có 306 bản này, một số có từ thế kỷ thứ 3. Quan trọng nhất là *Codex Sinaiticus*, là bộ Tân Ước duy nhất đầy đủ viết bằng chữ to tròn, và *Codex Vaticanus*, là bộ không đầy đủ. Cả hai bộ đều có niên biểu khoảng năm 350 CN.

“Một kiểu viết mới, viết theo chữ thảo nhiều hơn, xuất hiện vào khoảng năm 800 CN. Nó được gọi là bản nhỏ, và hiện chúng ta có 2,856 bản chép tay thuộc loại này. Rồi còn có các sách bài đọc có chứa Kinh thánh Tân Ước theo trình tự để được đọc trong các nhà thờ theo những thời điểm thích hợp trong năm. Tổng số có 2,403 bản thuộc loại này đã được lên danh mục. Như thế, tổng số các bản chép tay bằng tiếng Hy Lạp hiện là 5,664 bản”.

Ông cho biết ngoài các tài liệu bằng tiếng Hy Lạp, còn có hàng ngàn bản Tân Ước cổ chép tay khác bằng các ngôn ngữ khác. Có 8,000 tới 10,000 bản Phổ Thông (Vulgate) chép tay bằng tiếng La Tinh, cộng với 8,000 bản bằng tiếng Ethiopia, Slavia và Armenia. Tổng kết, hiện có khoảng 24,000 bản chép tay loại này.

“Như thế, ý kiến của ông ra sao?” Tôi hỏi thế, vì muốn xác nhận rõ ràng điều tôi nghĩ tôi đã nghe từ ông. “Căn cứ vào tính đa dạng của các bản chép tay và khoảng thời gian phân cách giữa các nguyên bản và các bản chép đầu tiên của chúng ta, thì Tân Ước so sánh ra sao so với các công trình nổi tiếng của cổ thời?”

Ông trả lời, “Cực kỳ tốt đẹp. Chúng ta có thể rất tin tưởng các tư liệu này đã đến với chúng ta một cách trung thành, nhất là so sánh với bất cứ công trình văn học cổ xưa nào khác”.

Kết luận trên được nhiều học giả lỗi lạc khắp thế giới chia sẻ. F.F Bruce quá cố, giáo sư lỗi lạc của Đại Học Manchester, Anh., và là tác giả cuốn *The New Testament Documents: Are They Reliable?* [Các Tài liệu Tân Ước: Chúng có đáng tin cậy hay không] từng nói, “Không có một bộ văn chương cổ nào trên thế giới có được một sự phong phú đến thế trong việc xác nhận bản văn tốt như Tân Ước” (2).

Metzger đã nhắc đến tên Ngài Frederic Kenyon, Cựu giám đốc Bảo tàng viện Anh, và là tác giả cuốn *The*

Palaeography of Greek Papyri [Cổ tự học của Các Bản Giấy cói Hy Lạp]. Kenyon từng nói, “không có trường hợp nào khác trong đó khoảng cách về thời gian giữa việc soạn tác một cuốn sách và niên biểu các bản chép tay sớm nhất gần như trong trường hợp Tân Ước” (3).

Ông kết luận, “Căn bản cuối cùng khiến chúng ta hoài nghi các sách thánh đến với chúng ta y hệt trong bản thể như khi chúng được viết ra nay đã được gỡ bỏ” (4).

Tuy nhiên, về các dị biệt giữa các bản chép tay thì sao? Trong những năm tháng chưa có máy sao chụp nhanh như chớp, các bản chép tay được các người sao chép khổ công chép bằng tay, từng chữ từng lời từng giòng, trong một diễn trình rất hay mắc sai lầm. Giờ đây, tôi muốn tập trung vào việc liệu những sai lầm sao chép này có làm cho các bản Kinh thánh hiện nay thành đầy rẫy những điều không chính xác vô phương cứu chữa hay không.

Khảo sát các sai lầm

Tôi phát biểu, “với những tương tự trong cách viết chữ Hy Lạp và với những điều kiện làm việc bán khai của các người sao chép, xem ra không thể tránh được việc các sai lầm sẽ gây ra cho bản văn”.

Metzger thừa nhận, “Hết sức như thế”.

“Và quả thật, há trên thực tế đã không có hàng chục ngàn những dị bản trong số các bản chép tay cổ thời hiện chúng ta đang có đó sao?”

“Hết sức như thế”.

Nói một cách tổ cáo hơn là tìm hiểu, tôi bảo, “do đó, há điều đó không có nghĩa là chúng ta không thể tin chúng đó sao?”

Metzger trả lời một cách cương quyết, “Thưa ông không, nó không có nghĩa như thế. Trước nhất xin để tôi nói câu này: kiếng đeo mắt chỉ mới được sáng chế vào năm 1373 tại Venice, và tôi chắc chắn rằng chứng loạn thị có nơi các người sao chép thời xưa. Điều ấy càng tệ hơn bởi sự kiện, trong bất cứ hoàn cảnh nào, thật khó mà đọc các bản chép tay đã mờ nhạt trên đó, một số mực đã phai đi. Và còn nhiều các may rủi khác nữa, như sự bất cẩn của các người sao chép. Nên, đúng, các lỗi lầm có thể gây họa, mặc dù đa số các người sao chép rất thận trọng.

“Nhưng”, ông vội nói thêm, “có những nhân tố trung hòa điều ấy. Thí dụ, đôi khi trí nhớ của người sao chép có thể chơi khăm ông ta. Giữa lúc ông cần có để nhìn vào bản văn và rồi viết chữ xuống, thứ tự các chữ có thể thay đổi. Ông có thể viết đúng chữ nhưng sai trình tự. Điều này không đáng lo ngại bao nhiêu, vì không như tiếng Anh, tiếng Hy Lạp là ngôn ngữ có biến tố (inflected).

Tôi hỏi ông, “Nghĩa là gì?”

“Nghĩa là nó rất khác, trong tiếng Anh, nếu ông nói ‘dog bites man’ [chó cắn người] hay man bites dog’ [người cắn chó], thì trình tự rất quan trọng. Nhưng nó không đáng kể trong tiếng Hy Lạp. Một chữ làm chủ từ cho một mệnh đề bất luận nó đứng ở đâu trong trình tự; thành thử, nghĩa của mệnh đề không bị bóp méo nếu các chữ không đúng như điều chúng ta coi là thứ tự đúng. Nên, đúng, các dị bản vẫn xảy ra, nhưng xét chung, có các dị bản không quan trọng giống như vậy. Sự khác nhau trong cách đánh vần cũng là một thí dụ khác”.

Tuy nhiên, con số cao các “dị bản” hay các khác nhau trong các thủ bản vẫn là con số gây bối rối. Tôi đã

thấy các ước lượng cao đến mức 2 trăm ngàn dị bản này (5). Tuy nhiên Metzger xem thường tầm quan trọng của các con số này.

Ông nói, “Con số nghe thì lớn lao, nhưng nó hơi sai lạc vì cách đếm các dị bản”. Theo giải thích của ông, nếu một chữ đơn nhất bị đánh vần sai trong 2 ngàn bản, người ta vẫn tính là 2 ngàn dị bản.

Tôi chêm vào vấn đề hết sức quan trọng này. “Bao nhiêu tín lý của Giáo Hội bị nguy kịch bởi các dị bản này?”

Ông tự tin trả lời, “Tôi không biết bất cứ tín lý nào bị nguy kịch cả”.

“Không tín lý nào sao?”

Ông nhắc lại, “Không một tín lý nào. Hiện nay, các Chứng Nhân Giêhôva thường đến cửa nhà chúng ta mà nói, “Kinh thánh của các anh sai trong Bản *King James* ở 1Goan 5:7-8, trong đó có nói đến ‘Cha, Ngôi Lời, và Thánh Thần: và ba vị này là một’ và họ bảo, ‘điều đó không có trong các bản chép tay xưa nhất’.

“Nhưng điều đó không đủ đúng. Tôi nghĩ những lời ấy chỉ được tìm thấy trong khoảng 7 tới 8 bản, tất cả đều từ thế kỷ 15 hay 16. Tôi thừa nhận rằng đó không phải là phần do tác giả 1Gioan được linh hứng viết ra.

“Nhưng điều đó không đánh bật được chứng từ tận mắt vững chắc của Kinh thánh đối với tín lý Thiên Chúa Ba Ngôi. Lúc Chúa Giêsu chịu phép rửa, Chúa Cha nói rõ ràng, Con yêu dấu của Người chịu phép rửa, và Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Người. Cuối thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô, Thánh Phaolô nói, ‘Cầu chúc toàn thể anh em được đầy tràn ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, đầy tình thương của Thiên Chúa, và ơn hiệp thông của Thánh Thần’. Còn nhiều chỗ trong đó có nói tới Thiên Chúa Ba Ngôi”.

“Như thế, các dị bản, khi chúng xảy ra, thường là nhỏ nhoi chứ không đáng kể?”

“Đúng, đúng, đúng như thế, và các học giả làm việc một cách hết sức thận trọng để cố gắng giải quyết chúng bằng các trở về với ý nghĩa nguyên thủy của chúng. Các dị bản quan trọng hơn vẫn không bác bỏ bất cứ tín lý nào của Giáo Hội. Bất cứ bản Kinh Thánh tốt nào cũng có các ghi chú báo cho độc giả biết các dị bản có thể có bất cứ hệ quả nào. Và một lần nữa, chúng rất hiếm”.

Hiếm đến nỗi các học giả Norman Geisler và William Nix kết luận, “Như thế, Tân Ước không những sống sót trong nhiều bản chép tay hơn bất cuốn sách nào của cổ thời, nhưng cũng đã sống sót trong một hình thức tinh ròng hơn bất cứ cuốn sách vĩ đại nào khác, một hình thức tinh ròng đến 99.5 phần trăm” (6).

Tuy nhiên, dù cho việc lưu truyền Tân Ước trong lịch sử có vô tiền khoáng hậu trong tính đáng tin của nó đi chăng nữa, làm thế nào chúng ta biết chắc chúng kẻ trọn bộ câu truyện?

Về các lời tố cáo cho rằng các Công Đồng của Giáo Hội từng dẹp bỏ các tài liệu cũng hợp pháp như thế vì họ không thích hình ảnh chúng mô tả về Chúa Giêsu thì sao? Làm thế nào chúng ta biết 27 sách Tân Ước trình bày các thông tin tốt nhất và đáng tin nhất? Tại sao Kinh Thánh của chúng ta chứa các Tin Mừng Máthêu, Máccô, Luca và Gioan, nhưng nhiều tin mừng cổ thời khác, Tin Mừng Philip, Tin Mừng Ai Cập, Tin Mừng Sự Thật, Tin Mừng Sinh hạ Đức Maria, lại bị loại bỏ?

Đã đến lúc phải hướng câu hỏi về “qui điển”, một thuật ngữ phát xuất từ tiếng Hy Lạp có nghĩa “quy luật”, “quy tắc” hay “tiêu chuẩn” và mô tả các sách được chấp nhận như chính thức trong Giáo Hội và được bao gồm trong bộ Tân Ước (7). Metzger được coi như thế giá hàng đầu trong lãnh vực này.



“Mức độ nhất trí cao”

Tôi hỏi, “Các nhà lãnh đạo Giáo Hội sơ khai xác định ra sao cuốn sách nào được coi là có thể giá và cuốn sách nào phải bị vứt bỏ? Họ đã dùng các tiêu chuẩn nào để quyết định tài liệu nào được bao gồm trong Tân Ước?”

Ông nói, “trong căn bản, Giáo Hội sơ khai có ba tiêu chuẩn. Thứ nhất, sách phải có thể giá tông truyền, nghĩa là, chúng phải được viết bởi các tông đồ vốn là các chứng nhân tận mắt đối với những gì họ viết hay bởi các môn đệ của các tông đồ. Do đó, trong trường hợp Máccô và Luca, dù họ không thuộc nhóm 12 tông đồ, truyền thống sơ khai cho rằng Máccô là trợ tá của Thánh Phêrô, và Luca là trợ tá của Thánh Phaolô.

“Thứ hai, có tiêu chuẩn phù hợp với điều gọi là qui luật đức tin. Nghĩa là, tài liệu có phù hợp với truyền thống căn bản của Kitô giáo vốn được Giáo Hội nhìn nhận như quy tắc không? Và thứ ba, có tiêu chuẩn liệu tài liệu có được sự chấp nhận và sử dụng liên tục bởi Giáo Hội nói chung không?”

Tôi hỏi, “phải chăng họ chỉ đơn giản áp dụng các tiêu chuẩn này và để biến cố xảy ra thế nào tùy ý?”

Ông trả lời, “À, sẽ không chính xác mấy khi nói rằng các tiêu chuẩn này chỉ được áp dụng một cách máy móc. Chắc chắn có những ý kiến khác nhau về việc phải coi trọng tiêu chuẩn nào nhất.

“Điều đáng chú ý là tuy phạm vi của qui điển chưa được giải quyết trong một thời gian, vẫn đã có sự nhất trí cao liên quan đến phần lớn Tân Ước trong hai thế kỷ đầu tiên. Và điều này đúng trong chính các cộng đoàn khác nhau rải rác trong một khu vực rộng lớn”.

Tôi nói, “Như thế, bốn Tin Mừng chúng ta hiện có ngày nay thoả mãn các tiêu chuẩn đó, trong khi các Tin Mừng khác thì không?”

Ông nói, “Đúng. Nếu tôi được phép nói, nó đúng là điển hình của câu nói “kẻ mạnh nhất thì sống sót”. Khi đề cập tới qui điển, Arthur David Nock hay nói với các sinh viên của mình tại Havard, ‘những con đường được người ta du hành nhiều nhất ở Âu Châu là những con đường tốt nhất; đó chính là lý do tại sao chúng được du hành nặng nhất’. Đây quả là một loại suy hay. Nhà chủ giả người Anh, William Barclay, phát biểu nó cách sau đây, ‘một sự thật đơn giản là nói rằng các sách Tân ước trở thành qui điển vì không ai ngăn cản chúng trở thành như thế’.

“Chúng ta có thể tự tin mà cho rằng không có cuốn sách của cổ thời nào có thể so sánh với Tân Ước về tầm quan trọng đối với lịch sử và tín lý Kitô giáo. Khi người ta nghiên cứu lịch sử sơ khai của qui điển, kết cục, họ xác tín rằng Tân Ước chứa những nguồn tốt nhất về lịch sử Chúa Giêsu. Những người nào biện phân được các giới hạn của qui điển đều có những quan điểm rõ ràng và quân bình về Tin Mừng của Chúa Giêsu.

“Ông chỉ cần tự đọc lấy các tài liệu khác. Chúng được viết sau bốn Tin Mừng, trong thế kỷ thứ hai, thứ ba, thứ bốn, thứ năm, thậm chí cả thứ sáu nữa, sau Chúa Giêsu nhiều, và nói chung, chúng đều buồn nản cả. Chúng cho biết tên, như Tin Mừng Phêrô hay Tin Mừng Đức Maria, chẳng ăn uống gì với tác giả thực sự của chúng. Mặt khác, bốn Tin Mừng trong Tân Ước sẵn sàng được chấp thuận một cách nhất trí đáng kể như là chân chính trong câu truyện chúng thuật lại”.

Tuy nhiên, tôi biết một số học giả cấp tiến, những thành viên nổi tiếng nhất của cuộc *Hội Thảo Giêsu* được quảng cáo rùm beng, tin rằng Tin Mừng Tôma phải được nâng lên cùng vị thế với bốn Tin Mừng truyền thống. Tin Mừng bí nhiệm này có phải là nạn nhân của các cuộc chiến tranh chính trị bên trong Giáo Hội, nên cuối cùng đã bị loại bỏ vì các tín lý không được lòng dân hay không? Tôi quyết định tốt hơn nên thăm dò Metzger về điểm này.

“Những lời bí mật” của Chúa Giêsu

“Thưa tiến sĩ Metzger, Tin Mừng Tôma, nằm trong số các tài liệu *Nag Hammadi* tìm được ở Ai Cập năm 1945, cho rằng nó chứa ‘các lời bí mật được Chúa Giêsu lúc sinh thời nói và được Didymô Giuđa Tôma viết xuống’. Tại sao nó bị Giáo Hội loại bỏ?”

Metzger hoàn toàn quen thuộc với công trình này. Ông nói, “Tin Mừng Tôma ra ánh sáng trong một bản thế kỷ thứ năm ở Ai cập, mà tôi đã dịch sang tiếng Anh. Nó chứa 114 câu nói được gán cho Chúa Giêsu nhưng không có trình thuật nào về việc làm của Người và dường như được viết bằng tiếng Hy Lạp ở Syria vào khoảng năm 140 CN. Trong một số trường hợp, tôi nghĩ Tin Mừng này tường trình chính xác những gì Chúa Giêsu nói, với một vài sửa đổi không đáng kể”.

Đây chắc chắn là một tuyên bố kích thích óc tò mò. Tôi nói, “xin nói chi tiết”.

“Thí dụ, trong Tin Mừng Tôma, Chúa Giêsu nói ‘một thành phố xây trên đồi cao không thể bị che khuất’. Ở đây, tính từ “cao” được thêm vào, còn những chữ khác thì đọc như Tin Mừng Máthêu. Hay Chúa Giêsu nói, ‘hãy trả cho Xêda những điều thuộc về Xêda, hãy trả cho Thiên Chúa những điều thuộc về Thiên Chúa, hãy trả cho tôi những gì thuộc về tôi’. Trong trường hợp này, câu cuối cùng được thêm vào.

“Tuy nhiên, có một số điều trong Tin Mừng Tôma hoàn toàn xa lạ với các Tin Mừng hợp qui điển. Chúa Giêsu nói, ‘Hãy chẻ gỗ; ta ở đó. Hãy lật viên đá lên, và các ngươi sẽ thấy ta ở đó’. Đó là phiếm thần, ý nghĩ muốn nói là Chúa Giêsu cùng đường ranh với bản thể thế giới này. Điều đó trái với bất cứ điều gì trong các Tin Mừng hợp qui điển.

“Tin Mừng Tôma kết thúc với một nhận định nói rằng, ‘hãy để Maria đi khỏi chúng ta, vì phụ nữ không đáng sống’. Chúa Giêsu được trích dẫn đã nói rằng, ‘Này, ta sẽ hướng dẫn nàng để biến nàng thành nam giới, ngõ hầu nàng có thể trở thành một tinh thần sống động, giống như các ngươi, các người nam. Vì mọi phụ nữ tự làm cho mình thành nam giới sẽ được vào nước thiên đàng”.

Lông mày Metzger dựng đứng lên như thể rất đỗi ngạc nhiên đối với điều ông vừa thốt ra. Ông nhấn mạnh, “coi, đây đâu phải là Chúa Giêsu được chúng ta biết từ bốn Tin Mừng hợp qui điển!”

Tôi hỏi, “còn về lời tố cáo cho rằng Tin Mừng Tôma có ý bị loại trừ bởi các công đồng của Giáo Hội trong một thứ âm mưu làm câm họng nó thì sao?”

Metzger trả lời ngay, “điều đó đơn giản không đúng về phương diện lịch sử. Điều các Thượng Hội Đồng và Công Đồng làm trong thế kỷ thứ năm là chuẩn nhận những gì đã được chấp thuận bởi các Kitô hữu cấp thấp

cũng như cấp cao. Nói rằng Tin Mừng Tôma bị loại bỏ bởi một lệnh truyền nào đó của một Công Đồng là không đúng; đúng ra phải nói rằng Tin Mừng Tôma tự loại bỏ mình! Nó không hòa hợp với các chứng từ khác về Chúa Giêsu được các Kitô hữu tiên khởi chấp nhận là đáng tin cậy”.

Tôi hỏi, “Như thế ông không đồng ý với bất cứ ai cố gắng nâng Tin Mừng Tôma lên cùng vị thế như vị thế của bốn Tin Mừng?”

Ông trả lời, “Đúng, tôi rất không đồng ý. Tôi nghĩ Giáo Hội tiên khởi làm một hành vi sáng suốt khi bác bỏ nó. Nay, nếu lấy lại nó, đối với tôi, hình như chấp nhận một điều kém giá trị hơn các Tin Mừng khác. Nay, ông đừng hiểu lầm tôi. Tôi nghĩ Tin Mừng Tôma là một tài liệu đáng lưu ý nhưng nó pha trộn các tuyên bố phiếm thân và phản phụ nữ nên nó đáng bị bác bỏ, ông hiểu ý tôi muốn nói chứ?

“Ông nên hiểu rằng qui điển không phải là kết quả của một loạt tranh cãi liên quan tới chính trị trong Giáo Hội. Đúng hơn, qui điển là việc tách biệt diễn ra vì cái nhìn thông sáng co tính trực giác của các tín hữu Kitô giáo. Họ có thể nghe tiếng của Mục tử Nhân lành trong Tin Mừng Gioan; họ chỉ nghe thấy nó một cách bị bóp nghẹt và bóp méo trong Tin Mừng Tôma, bị trộn lẫn với nhiều thứ khác.

“Khi một tuyên bố được đưa ra về qui điển, nó chỉ phê chuẩn điều mẫn cảm chung của Giáo Hội trước đó đã xác định rồi. Ông thấy đó, qui điển là một bảng liệt kê các sách có thể giá hơn là một bảng liệt kê có thể giá các cuốn sách. Những cuốn sách này không nhờ được chọn mà có thể giá; mỗi cuốn sách đều đã có thể giá trước khi ai đó thu lượm chúng lại với nhau. Giáo Hội tiên khởi chỉ lắng nghe và cảm nhận những cuốn này là các trình thuật có thể giá.

“Hiện nay, nếu ai đó nói rằng qui điển chỉ xuất hiện sau khi các Công Đồng và Thượng Hội Đồng đưa ra các tuyên bố này là giống như nói, ‘ta hãy nhờ một số các nhà khoa bảng về âm nhạc ra một tuyên bố rằng âm nhạc của Bach và Beethoven tuyệt vời’. Tôi xin nói, ‘Đồ lằng xet! Chúng tôi biết điều đó trước khi họ tuyên bố’. Chúng tôi biết thế nhờ sự mẫn cảm đối với điều gì là âm nhạc tốt điều gì là âm nhạc tệ. Đối với qui điển cũng y như thế”.

Dù thế, tôi vẫn nhấn mạnh rằng một số sách Tân Ước, nhất là Thư Giacôbê, Thư Do Thái, và sách Khải Huyền, được chấp thuận cho vào qui điển chậm hơn các sách khác. Tôi hỏi, “cho nên ta có nên hoài nghi gì chúng hay không?”

Ông trả lời, “Đối với tâm trí tôi, điều ấy chỉ cho thấy Giáo Hội tiên khởi thận trọng mà thôi. Họ không quá hăm hở, chung chung đối với tài liệu cuối cùng có điều gì đó nói về Chúa Giêsu. Điều này cho thấy họ phải nghị bàn và phân tích cẩn thận.

“Dĩ nhiên, cả ngày nay nữa, nhiều thành phần trong Giáo Hội Syria vẫn từ chối chấp nhận sách Khải Huyền vậy mà người thuộc Giáo Hội ấy là các tín hữu Kitô giáo. Theo quan điểm của tôi, Sách Khải Huyền là thành phần tuyệt vời của Sách Thánh”.

Ông lắc đầu, nói, “Tôi nghĩ họ tự làm họ ra nghèo nàn khi không chấp nhận nó”.

Tân Ước “không gì sánh bằng”

Metzger quả đầy thuyết phục. Không còn nghi ngờ trầm trọng nào lẫn cần liên quan tới việc liệu bản văn Tân Ước có được duy trì cách đáng tin cậy cho chúng ta qua nhiều thế kỷ hay không. Một trong các vị tiền nhiệm của Metzger ở Viện Thần học Princeton, Benjamin Warfield, người có bốn bằng tiến sĩ và dạy thần học hệ thống cho đến khi qua đời năm 1921, viết thế này về nó:

“Nếu chúng ta so sánh hiện trạng của bản văn Tân Ước với bản văn của bất cứ trước tác cổ thời nào, chúng ta phải... tuyên bố nó chính xác một cách kỳ diệu. Chính với sự thận trọng như vậy mà Tân Ước đã được sao chép, một sự thận trọng chắc chắn phát sinh từ lòng tôn kính thực sự đối với lời thánh... Tân Ước vô sánh trong số các trước tác cổ thời về sự tinh ròng trong bản văn của nó khi lưu truyền và tiếp tục sử dụng” (8).

Về việc tài liệu nào đã được chấp nhận cho vào Tân Ước, nói chung, không bao giờ có sự tranh luận nghiêm trọng nào về bản chất thể giá của 20 trong số 27 sách của Tân Ước, từ Tin Mừng Mátthêu qua thư Philêmon, cộng thêm thư thứ nhất của Thánh Phêrô và thư thứ nhất của Thánh Gioan. Dĩ nhiên bao gồm 4 Tin Mừng mô tả tiểu sử Chúa Giêsu (9). Theo Geisler và Nix (10), bảy sách còn lại, dù có lúc bị một số nhà lãnh đạo Giáo Hội sơ khai nghi vấn, nhưng “cuối cùng đã được Giáo Hội nói chung nhìn nhận trọn vẹn”.

Còn về các “ngụy thư” [pseudepigraphia], tức các sách sinh sôi nảy nở từ các Tin Mừng, thư, mạc khải trong mấy thế kỷ đầu tiên sau Chúa Giêsu, trong đó có các sách Tin Mừng Nicôđêmo, Barnaba, Bactolômêo, Anrê, Thư Phaolô gửi tín hữu Laodikia, sách Khải huyền của Thánh Stêphanô, và các sách khác, chúng có tính “tưởng tượng và lạc giáo... không chân chính cũng không có giá trị xét chung”, và “hầu như không có giáo phụ, qui điển hay công đồng chính thống nào” coi chúng có thể giá hay đáng được cho vào bộ Tân Ước” (11).

Thật vậy, tôi chấp nhận thách thức của Metzger bằng cách đọc khá nhiều trong số này. So với phẩm chất thận trọng, đúng mức, chính xác, mục kích của Mátthêu, Máccô, Luca và Gioan, các công trình này thực sự đáng được sự mô tả của Eusebiô, sử gia Giáo Hội sơ khai, về chúng: “hoàn toàn phi lý và vô đạo” (12). Chúng quá cách xa thừa tác vụ của Chúa Giêsu đến nỗi không đóng góp được gì có ý nghĩa cho cuộc điều tra của tôi, vì được viết trễ vào thế kỷ thứ năm và thứ sáu, và các phẩm chất thường huyền thoại của chúng đã khiến chúng không được thừa nhận là đáng tin về phương diện lịch sử.

Với tất cả những điều trên đã được thiết định, đã đến giờ để cuộc điều tra của tôi tiến sang giai đoạn kế tiếp. Tôi tò mò: Có bao nhiêu bằng chứng cho người thợ mộc hay làm phép lạ thế kỷ thứ nhất bên ngoài các sách Tin Mừng? Các sử gia cổ thời có xác nhận hay nói ngược lại các điều Tân Ước nói về đời sống, các giáo huấn và phép lạ của Người không?

Khi chúng tôi đứng lên, tôi cảm ơn Tiên sĩ Metzger vì thời gian và tài chuyên môn của ông. Ông mỉm cười ấm áp và tự ý cùng bước với tôi xuống cầu thang. Tôi không muốn cướp thêm buổi chiều thứ Bảy của ông nữa, nhưng óc tò mò của tôi không để tôi rời Princeton mà không thỏa mãn tôi vấn đề duy nhất còn tồn đọng.

Tôi hỏi, “Tất cả các thập niên làm học giả, nghiên cứu và viết sách giáo khoa, và đào sâu các chi tiết tỉ mỉ của bản văn Tân Ước này, liệu chúng có làm gì cho đức tin bản thân ông không?”

Với giọng hài lòng được thảo luận chủ đề này, ông nói, “Ồ, nó gia tăng cơ sở đức tin bản thân của tôi, giúp tôi thấy sự vững chắc mà với nó các tư liệu này đã được lưu truyền tới chúng ta, với rất nhiều bản chép, mà một số rất, rất cổ xưa”.

Tôi chêm vào, “Như thế, tư cách học giả không làm tiêu tan đức tin của ông”.

Ông vội tiếp lời không để tôi nói hết câu nói của tôi. Ông nhấn mạnh, “Ngược lại, nó xây dựng đức tin ấy. Tôi từng đặt các câu hỏi cả đời tôi, tôi đã đào sâu bản văn, tôi đã nghiên cứu thấu đáo điều này, và ngày nay, tôi biết một cách tự tin rằng niềm tín thác của tôi vào Chúa Giêsu đã được đặt đúng chỗ”.

Ông ngừng lại trong khi đôi mắt ông khảo sát khuôn mặt tôi. Rồi ông nói thêm, để nhấn mạnh, “rất đúng chỗ”.

Các nguồn tài liệu khác về chủ đề này

Bruce, F.F., *The Canon of Scripture* [Qui điển Sách Thánh]. Downers Grove Ill.: Intervarsity Press, 1988.
Geisler, Norman L., and William E. Nix, *A General Introduction to the Bible* [Một Dẫn nhập Tổng quát vào Kinh Thánh]. 1968; in lại, Chicago: Moody Press, 1980.
Metzger, Bruce M. *The Canon of the New Testament* [Qui điển Tân Ước]. Oxford: Clarendon Press. 1987.
Metzger, Bruce M. *The Text of the New Testament* [Bản văn Tân Ước]. New York: Oxford University Press, 1992.
Patzia, Arthur G. *The Making of the New Testament* [Việc tạo ra Tân Ước]. Downers Grove Ill.: InterVarsity Press, 1995.

Ghi Chú

1. Xem Lee Patrick Strobel, *Reckless Homicide: Ford's Pinto Trial* [Giết người táo bạo: Vụ xử Pinto của Hãng Ford] (South Bend, Ind.: And Books, 1980) 75-92 và Lee Strobel, *God's Outrageous Claims* [Những tuyên bố thái quá của Thiên Chúa] (Grand Rapids: Zondervan, 1997), 43-58. Cuối cùng, Ford được tha bổng khỏi các tội danh sau khi chánh án thu hồi các tài liệu của bồi thẩm đoàn, dù hãng xe hơi này đã bị kiện thành công ở tòa dân sự. Các lời tố cáo về Pinto được tường trình trước hết trên tạp chí *Mother Jones*.
2. F.F. Bruce, *The Books and the Parchments* [Các sách Giấy da] (Old Tappan, N.J.: Revell, 1963), 178, được trích dẫn trong Josh McDowell, *Evidence That Demands a Verdict* [Bằng chứng đòi một tuyên án] (1972; in lại, San Bernardino, Calif.: Albatross 1991), 42.
3. Frederic Kenyon, *Handbook to the Textual Criticism of the New Testament* (Cẩm nang khoa phê bình bản văn Tân Ước) New York, Macmillan, 1912), 5, trích dẫn trong Ross Clifford, *The Case for the Empty Tomb* [Lý lẽ bênh vực ngôi mộ trống] (Claremont, Calif.: Albatross, 1991), 33.
4. Frederic Kenyon, *The Bible and the Archaeology* [Kinh Thánh và Khoa Khảo cổ học] (New York: Harper, 1940) 288.
5. Norman L. Geisler and William E. Nix, *A General Introduction to the Bible* [Một Dẫn nhập Tổng quát vào Kinh Thánh] (1968; in lại, Chicago: Moody Press, 1980), 361.
6. *Ibid.*, 367, thêm nhấn mạnh.
7. Patzia, *The Making of the New Testament* [Việc tạo ra Tân Ước], 158.
8. Benjamin B. Warfield, *Introduction to the Textual Criticism of the New Testament* [Dẫn nhập vào khoa phê bình bản văn Tân Ước] (London: Hodder & Stoughton, 1907) 12-13.
9. Norman L. Geisler and William E. Nix, *A General Introduction to the Bible* [Một Dẫn nhập Tổng quát vào Kinh Thánh], 195. Họ ghi chú rằng một số liệt kê các thư *Philêmon*, *1 Phêrô* và *1 Gioan* vào loại các sách bị tranh luận, nhưng “có lẽ nên coi chúng như những sách bị làm ngờ hơn là các sách bị tranh luận”.
10. *Ibid.*, 207.
11. *Ibid.*, 199. Không bao gồm Các Ngụy thư vốn được các Giáo Hội đặc thù chấp nhận trong một thời kỳ đặc thù và ngày nay được coi có giá trị dù không hợp qui điển. Thí dụ *Mục tử Hermas*, *Thư gửi người Côrintô*, *Thư Ngụy-Barnaba*, *Didache*, *Khải huyền Phêrô*, *Công vụ Phaolô và Thecla*, và *Bài giảng lễ Xưa* và *Thư thứ hai của Clêmentê*.
12. *Ibid.*

Chương bốn: Chứng thực Các Bằng chứng

Có các bằng chứng đáng tin cậy cho Chúa Giêsu bên ngoài các cuốn tiểu sử về Người hay không?

Harry Alemen quay lại, dí ngón tay của hắn vào tôi. Hắn lấp bắp, nặn ra từng chữ khinh thị. “Mày, tại sao mày cứ mãi viết những điều đó về tao?” Rồi hắn lẹ làng quay gót, khuất dạng phía dưới cầu thang, tránh các phóng viên đang theo đuổi hắn khắp tòa án.

Quả thực khó có phóng viên tội ác nào ở Chicago trong thập niên 1970 mà lại không viết về Harry Aleman. Dù gì, hắn cũng là tên giết mướn khét tiếng của tập đoàn tội ác. Và, một cách ngang ngạnh, người Chicago lại thích đọc về những tên đánh thuê chém mướn này.

Các công tố viên hết sức muốn bỏ tù tên Aleman này vì một trong cuộc hành quyết lạnh lùng họ hoài nghi hắn đã thực hiện nhân danh các ông chủ của tập đoàn hắn. Dĩ nhiên, vấn đề là sự khó khăn tìm được bất cứ ai chịu làm chứng chống lại tên tội phạm khét tiếng cỡ Aleman.

Rồi thế bí cũng đã được vượt qua. Một trong các đàn em cũ của Aleman, Louis Almeida, bị bắt trên đường đi giết viên chức lao động ở Pennsylvania. Bị kết tội mang vũ khí và bị kêu án 10 năm tù, Almeida đồng ý làm chứng chống lại Aleman trong vụ chưa được giải quyết là hạ sát một nhân viên bán hàng của Teamsters Union ở Chicago, nếu các công tố viên đồng ý giảm khinh cho Almeida.

Điều trên có nghĩa Almeida có động lực để hợp tác, một điều chắc chắn sẽ làm hoen ố tính đáng tin cậy của hắn đến một mức nào đó. Các công tố viên nhận biết rằng họ cần làm tăng chứng từ của hắn để bảo đảm có được một vụ kết án, nên họ đi tìm một ai đó sẵn lòng chứng thực trình thuật của Almeida.

Từ điển Webster định nghĩa động từ chứng thực (corroborate) thế này: “làm cho chắc chắn thêm; xác nhận” (1). Bằng chứng chứng thực nâng đỡ một chứng từ khác; nó khẳng định hay nâng đỡ các yếu tố chủ yếu trong trình thuật của nhân chứng tận mắt. Nó có thể là hồ sơ công cộng, một hình chụp, hay một chứng từ bổ xung từ một người thứ hai hay thứ ba. Nó có thể chứng thực cho toàn bộ chứng từ của một người, hay chỉ là các phần chủ chốt của nó.

Thật vậy, bằng chứng chứng thực hành động như những dây chống đỡ giúp giữ cho các dây ăngten cao được thẳng và không lung lay. Bằng chứng càng được chứng thực, thì lý lẽ công tố càng mạnh và bảo đảm hơn.

Nhưng các công tố viên tìm đâu ra việc chứng thực lời khai của Almeida? Nó phát xuất từ một nguồn thật bất ngờ: một công dân thâm lặng, tuân thủ luật pháp, tên Bobby Lowe, nói với các viên điều tra rằng ông ta đang cho chó đi đại tiện thì thấy Aleman giết nhân viên công đoàn. Bất chấp việc khét tiếng lạnh xương sống của Aleman, Lowe đồng ý hỗ trợ câu truyện của Almeida bằng cách làm chứng chống tên đâm thuê chém mướn.

Sức mạnh của việc chứng thực

Trong phiên xử Aleman, Lowe và Almeida thối miên bởi thẩm đoàn bằng câu truyện của họ. Trình thuật lái chiếc xe trốn chạy của Almeida ăn khớp với mô tả trung thực của Lowe nhìn thấy Aleman sát hại nạn nhân của hắn tại một vỉa hè một con phố công cộng vào tối ngày 27 tháng 9 năm 1972.

Các công tố viên nghĩ họ đã kết hợp được một lý lẽ vững chắc chống lại tên đâm thuê chém mướn đáng sợ, thế nhưng suốt trong phiên xử, họ cảm thấy một điều gì đó không ổn. Sự hoài nghi của họ trước nhất xuất hiện khi Aleman quyết định không muốn một phiên xử có bồi thẩm đoàn, thay vào đó, hắn muốn một phiên xử chỉ có quan tòa mà thôi.

Kết cục phiên tòa, sự hoài nghi của các công tố viên trở nên cực kỳ tệ hại: bất chấp chứng từ hết sức thuyết phục của Lowe và Almeida, quan tòa tuyên bố Aleman vô tội và để hắn được tự do.

Điều gì đã xảy ra? Nên nhớ, điều trên xảy ra tại Quận Cook, nơi tham nhũng thường lẫn khuất đâu đó. Mấy năm sau, có tiết lộ cho thấy quan tòa đã lãnh cả hàng chục ngàn dollars để tha bổng tên đâm thuê chém mướn. Khi một chỉ điểm viên của FBI tiết lộ vụ hối lộ, vị quan tòa lúc ấy nghỉ hưu đã tự tử, và các công tố viên đã mở lại án sát nhân chống lại Aleman.

Đến lúc vụ xử thứ hai được tổ chức, luật lệ đã thay đổi giúp các công tố viên có thể yêu cầu để một bồi thẩm đoàn nghe lý lẽ. Và đó là điều họ đã làm, và cuối cùng, đúng 25 năm tròn sau vụ giết người, Aleman bị lên án là có tội và bị kêu án từ 100 tới 300 năm tù (2).

Bất chấp các trì hoãn, truyện dài Aleman cho thấy bằng chứng chứng thực quan trọng như thế nào. Và điều này cũng đúng khi xử lý các vấn đề lịch sử. Qua chứng từ của Tiến sĩ Craig Blomberg, chúng ta đã được nghe: trong các sách Tin Mừng, có bằng chứng tuyệt vời của nhân chứng tận mắt về cuộc đời, giáo huấn, cái chết, và việc phục sinh của Chúa Giêsu. Nhưng liệu có bất cứ bằng chứng nào khác chứng thực điều đó hay không? Liệu có các trước tác ngoài các sách Tin Mừng quả quyết hay yểm trợ bất cứ điều chủ yếu nào về Chúa Giêsu và Kitô Giáo sơ khai không?

Nói cách khác, liệu có bất cứ tài liệu bổ sung nào khác có thể giúp niêm án cho lý lẽ bênh vực Chúa Kitô, như chứng từ của Bobby Lowe đã niêm án cho lý lẽ chống lại Harry Aleman không? Theo chứng nhân kế tiếp của chúng ta, câu trả lời là có, và số lượng cũng như phẩm chất của bằng chứng này sẽ làm chúng ta hết sức ngạc nhiên.



Cuộc phỏng vấn thứ ba: Edwin M. Yamauchi, Ph.D.

Khi tôi bước vào tòa nhà gạch uy nghi có chứa văn phòng của Edwin Yamauchi tại Đại Học Miami thuộc vùng Oxford đầy ấn tượng của Ohio, tôi bước dưới một chiếc vòng cung bằng đá, trên đó có hàng chữ “Người nên biết sự thật và sự thật sẽ giải phóng người”. Là một trong các chuyên viên hàng đầu của cả nước về lịch sử cổ thời, Yamauchi đã theo đuổi việc tìm kiếm sự thật lịch sử gần cả đời ông.

Sinh tại Hawaii năm 1937, con một gia đình di dân từ Okinawa, Yamauchi bắt đầu từ một khởi đầu khiêm tốn. Cha ông qua đời trước khi Nhật tấn công Trân Châu Cảng, để lại mẹ ông một mình kiếm kế sinh nhai cho gia đình trong tư cách ở thuê cho các gia đình giàu có. Dù chính mình thất học, bà đã khuyến khích con trai đọc và nghiên cứu, cho ông những cuốn sách có tranh ảnh tuyệt đẹp in đậm vào ông lòng yêu mến học hành suốt đời.

Chắc chắn các thành tựu học thuật của ông hết sức gây ấn tượng. Sau khi lấy bằng cử nhân về tiếng Do Thái và Văn hóa Hy Lạp, Yamauchi nhận bằng thạc sĩ và tiến sĩ về Địa Trung Hải Học từ Đại Học Brandeis.

Ông được cấp 8 học bổng nghiên cứu sinh, từ Hội Đồng Nghiên cứu Rutgers, Quỹ Quốc gia Hiến tặng Các Ngành Nhân văn, Hội Triết học Hoa kỳ và nhiều định chế khác. Ông học 22 ngôn ngữ, trong đó có tiếng Ả Rập, Trung Hoa, Ai Cập, Nga, Syria, Ugaritic [của người Êmôri xưa] và cả Commanche [của người Da đỏ].

Ông trình bày 71 khảo luận trước các hội bác học; thỉnh giảng tại hơn một trăm chủng viện, Đại Học và cao đẳng, trong đó có Yale, Princeton và Cornell; giữ chức chủ tọa và rồi chủ tịch Viện Nghiên cứu Kinh thánh và chủ tịch Hội nghị về Đức tin và Lịch sử; và đã công bố 80 bài báo trên 37 tạp chí bác học.

Năm 1968, ông tham dự các cuộc khai quật đầu tiên đền thờ Hêrôt ở Giêrusalem, cho thấy bằng chứng đền thờ bị phá hủy vào năm 70 CN. Khảo cổ cũng là chủ đề của một vài cuốn sách của ông, trong đó có các cuốn *The Stones and the Scriptures* [Những Phiến đá và Sách Thánh]; *The Scriptures and Archaeology* [Sách Thánh và Khảo Cổ Học]; và *The World of the First Christians* [Thế giới của Các Kitô hữu Tiên khởi].

Dù sinh ra trong một bối cảnh Phật Giáo, Yamauchi đã theo chân Chúa Giêsu từ năm 1952, năm tôi sinh ra. Tôi đặc biệt tò mò muốn biết liệu cam kết lâu đời với Chúa Kitô có lên màu sắc cho việc ông lượng giá bằng chứng lịch sử hay không. Nói cách khác, ông có cân trọng bám lấy sự kiện hay bị cám dỗ rút các kết luận vượt quá các bằng chứng chắc chắn?

Tôi thấy Yamauchi có cách cư xử hiền hòa và không tự phụ. Mặc dù nói chung ăn nói nhỏ nhẹ, ông tập chú rất cao độ. Ông cung cấp những câu trả lời thấu đáo và chi tiết cho các câu hỏi, thường ngưng bỏ xung câu trả lời bằng miệng bằng cách cung cấp bản sao các bài báo bác học ông từng viết trước đó. Một học giả tốt biết bạn không bao giờ có quá nhiều dữ kiện.

Bên trong văn phòng đầy sách của ông, giữa một khuôn viên Đại Học nhiều cây cối rực sáng với đủ màu mùa thu, chúng tôi ngồi nói về đề tài vẫn còn làm mất ông sáng lên, cả sau rất nhiều năm nghiên cứu và giảng dạy.

Khẳng định các sách Tin Mừng

Vì cuộc phỏng vấn của tôi với Blomberg, tôi không muốn gợi ý chúng tôi cần đi quá các sách Tin Mừng để tìm bằng chứng về Chúa Giêsu. Nên tôi bắt đầu hỏi Yamauchi câu hỏi này, “là một sử gia, ông có thể cho tôi một lượng giá của ông về tính đáng tin lịch sử của chính các sách Tin Mừng không?”

Ông trả lời, “Nói một cách tổng thể, các sách Tin Mừng là các nguồn tuyệt vời. Thực vậy, chúng là những nguồn đáng tin cậy, đầy đủ và đáng dựa vào nhất. Những cuốn bổ xung thực sự không thêm được nhiều thông tin chi tiết; tuy nhiên, chúng vẫn có giá trị như các bằng chứng chứng thực”.

Tôi nói, “Vâng, đó chính là điều tôi muốn thảo luận, bằng chứng chứng thực. Chúng ta hãy trung thực: một số người chế giễu không biết có bao nhiêu bằng chứng chứng thực ở đó. Thí dụ, năm 1979, Charles Templeton viết cuốn tiểu thuyết *Act of God* [Hành vi của Thiên Chúa], trong đó, nhà khảo cổ học hư cấu đưa ra một tuyên bố phản ảnh niềm tin của khá nhiều người”.

Tôi lôi cuốn sách ra và đọc đoạn có liên quan:

“Giáo Hội Kitô Giáo dựa các chủ trương của mình phần lớn trên các giáo huấn của một thanh niên Do Thái không có tiếng tăm nhưng lại có các cao vọng thiên sai, người, ta nên thẳng thắn ở đây, không gây được mấy ấn tượng lúc sinh thời. Không có lấy một lời nào trong lịch sử thế tục nói về ông ta. Không một lời nào cả. Người Rôma không nhắc đến ông ta. Josephus cũng không nhắc nhiều đến ông ta” (3).

Tôi nhấn mạnh, “Như thế, điều đó nghe như không có mấy việc chứng thực cuộc đời Chúa Giêsu ở bên

ngoài Kinh thánh”.

Yamauchi mỉm cười và lắc đầu, trả lời với một giọng bác bỏ, “Nhà khảo cổ của Templeton đơn giản chỉ là sai lầm, vì chúng ta có những lời rất, rất quan trọng nhắc đến Chúa Giêsu trong Josephus và Tacitus.

“Chính các sách Tin Mừng cũng nói rằng nhiều người nghe Người, ngay cả các thành viên của gia đình Người, không tin Chúa Giêsu lúc sinh thời của Người, ấy thế nhưng Người đã gây ấn tượng mạnh mẽ đến nỗi ngày nay, Chúa Giêsu được mọi nơi nhớ đến, trong khi Hêrốt đại vương, Phôngxiô Philatô và nhiều nhà cai trị cổ thời không được biết đến một cách rộng rãi như thế. Cho nên, chắc chắn, Người đã gây ấn tượng mạnh nơi những ai tin tưởng nơi Người.

Ông ngừng lại rồi nói tiếp, “dĩ nhiên, Người không ở nơi những người không tin Người”.

Chứng từ của một kẻ phản bội

Templeton và Yamauchi đều nhắc đến Josephus, một sử gia thế kỷ thứ nhất, rất nổi tiếng trong giới học giả nhưng tên tuổi ít được phần lớn người thời nay biết đến. Nên tôi nói, “xin cho tôi hay một ít hậu cảnh về ông ta và chứng từ của ông ta đã cung cấp việc chứng thực về Chúa Giêsu ra sao”.

Yamauchi trả lời khi ông bắt chéo chân và tựa lưng vào ghế, “Vâng, dĩ nhiên. Josephus là một sử gia Do Thái quan trọng của thế kỷ thứ nhất. Ông sinh năm 37 CN và viết phần lớn bốn tác phẩm của ông vào cuối thế kỷ thứ nhất.

“Trong cuốn tự truyện, ông bênh vực tác phong của ông trong Chiến tranh Do Thái – La Mã diễn ra trong các năm 66 tới 74. Ông thấy đây, ông ta đã đầu hàng tướng La Mã Vespasian trong cuộc vây hãm Jotapata, cho dù nhiều đồng nghiệp của ông tự tử thay vì đầu hàng”. Giáo sư cười thầm rồi nói, “Josephus quyết định ý Thiên Chúa không muốn ông tự tử. Thế là ông trở thành kẻ bênh vực người La Mã”.

Nghe như Josephus là một nhân vật mang nhiều màu sắc; tôi muốn có thêm chi tiết về ông ta để tôi hiểu rõ hơn các động cơ và thiên kiến của ông ta. Nên tôi yêu cầu, “xin vẽ cho tôi một bức chân dung về ông ta”.

“Ông là một tư tế, một người Biệt phái, và đôi chút vị kỷ. Công trình tham vọng nhất của ông có tên là *The Antiquities* [Cổ thời] nói về lịch sử Dân Do Thái từ lúc sáng thế tới thời của ông. Có lẽ ông đã hoàn thành công trình này vào khoảng năm 93 CN.

“Như ông có thể tưởng tượng từ việc ông ta hợp tác với người La Mã bị khinh bỉ, Josephus bị đồng bào Do Thái ghét thậm tệ. Nhưng ông rất nổi tiếng nơi các Kitô hữu, vì trong các trước tác của mình, ông nhắc tới Giacôbê, em Chúa Giêsu, và chính Chúa Giêsu”.

Đó là thí dụ đầu tiên về việc chứng thực cho Chúa Giêsu ở bên ngoài các sách Tin Mừng. Tôi nói, “xin nói cho tôi hay các lời nhắc đến ấy”.



Yamauchi trả lời, “Trong cuốn *The Antiquities*, ông mô tả việc một thượng tế tên Ananias đã lợi dụng cái chết của tổng đốc La Mã Festus, người từng được đến tên trong Tân Ước, để ra lệnh giết Giacôbê”.

Ông nghiêng người về phía giá sách, lấy một cuốn sách dày, rồi lần giở tới trang mà ông gần như đã thuộc lòng nằm ở chỗ nào. Ông nói, “à đây rồi. ‘Ông triệu tập một phiên họp của thượng hội đồng Do Thái và trình trước thượng hội đồng một người tên Giacôbê, em trai của Giêsu, người cũng được gọi là Kitô, và một số người khác. Ông tố cáo những người này vi phạm lề luật và trao họ cho người ta ném đá’” (4).

Yamauchi tin tưởng quả quyết, “tôi biết không học giả nào đã thành công tranh luận về đoạn này. L. H. Feldman nhận định rằng nếu đoạn này đã được các Kitô hữu sau này thêm vào, thì đáng lẽ nó phải có tính ca ngợi Giacôbê chứ. Thành thử ở đây, ông thấy có nhắc đến em trai Chúa Giêsu, người rõ ràng đã hoán cải nhờ Chúa Kitô sống lại đã hiện ra, nếu ông so sánh *Ga* 7:5 và *ICr* 15:7, và việc chứng thực của sự kiện một số người coi Chúa Giêsu là Đấng Kitô, nghĩa là “Đấng được Xức dầu” hay “Mêxia”.

“Giêsu đã sống ở đó...”

Tôi biết rằng Josephus đã viết một đoạn còn dài hơn thế về Chúa Giêsu, đoạn được gọi là *Testimonium Flavianum* [Chứng từ Flaviano]. Tôi cũng biết rằng đoạn này bị tranh luận gắt gao nhất trong văn chương cổ thời bởi vì nó rõ ràng cung cấp lời chứng thực vững chắc cho đời sống, các phép lạ, sự chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Nhưng đoạn này có chân thực hay không? Hay nó bị thêm thắt trong nhiều năm bởi những người có thiện cảm với Chúa Giêsu?

Tôi hỏi Yamauchi xem ông có ý kiến ra sao, và lập tức biết rõ tôi đã gõ trúng một phạm vi ông hết sức quan tâm. Ông bỏ thế ngồi chéo chân và đứng lên khỏi ghế. Ông hào hứng nói, nghiêng người về phía trước, tay cầm cuốn sách, “Đó là một đoạn rất hấp dẫn. Nhưng, đúng, nó gây tranh cãi”. Nói xong, ông đọc đoạn đó cho tôi nghe:

“Ông Giêsu, một hiền giả, sống vào khoảng thời gian này, nếu người ta quả thực được phép gọi ông là một con người. Vì ông là người làm nhiều điều lạ lùng và là một thầy dạy hay đến nỗi người ta chấp nhận sự thật một cách vui vẻ. Ông chinh phục nhiều người Do Thái và nhiều người Hy Lạp. Ông là Đấng Kitô. Khi Philatô, lúc nghe ông bị các vị vọng cao nhất của chúng ta tố cáo, đã kết án ông bị đóng đinh, những người trước nhất đã tiến tới chỗ yêu mến ông, đã không từ bỏ lòng âu yếm đối với ông. Vào ngày thứ ba, ông hiện ra với họ sau khi sống lại, vì các tiên tri của Thiên Chúa từng nói tiên tri về những điều này và vô số những điều lạ lùng khác về ông. Và nhóm Kitô hữu, được gọi như thế những người theo ông, vẫn còn đến ngày nay, không biến mất” (5).

Sự phong phú chứng thực cho Chúa Giêsu đã trở nên hiển nhiên. Tôi hỏi, “Ông nhìn nhận đoạn này gây tranh cãi, vậy các học giả kết luận gì về đoạn văn này?”

Ông nói, “Giới học giả có ba xu hướng sau về đoạn văn này. Vì những lý do hiển nhiên, các Kitô hữu tiên khởi nghĩ rằng đây là lời chứng thực tuyệt diệu và hoàn toàn chân thực về Chúa Giêsu và việc Người phục sinh. Họ rất thích nó. Rồi, toàn bộ đoạn này bị chất vấn ít nhất bởi một số học giả thời Phong trào Ánh sáng.

“Nhưng ngày nay, đã có một sự đồng thuận đáng kể trong số các học giả cả Do thái giáo lẫn Kitô giáo thừa nhận toàn bộ đoạn này xét chung là chân thực, mặc dù có những chỗ thêm thắt”.

Tôi nhú lông mày, “Thêm thắt, ông muốn nói gì qua thuật ngữ này?”

Yamauchi trả lời, “Có nghĩa là những người Kitô hữu chép tay tiên khởi đã lồng một vài cụm từ mà một nhà văn Do Thái như Josephus có lẽ đã không viết”.

Ông chỉ rõ một câu trong cuốn sách. “Thí dụ, dòng đầu tiên viết, ‘Ông Giêsu, một hiền giả, sống vào khoảng thời gian này’. Cụm từ này thường không được các Kitô hữu dùng để chỉ về Chúa Giêsu, nên dường như đúng là của Josephus. Nhưng cụm từ tiếp theo, ‘nếu người ta quả thực được phép gọi ông là một con người’. Cụm từ này ngụ ý Chúa Giêsu không phải chỉ là một con người, xem ra là cụm từ thêm vào”.

Tôi gật đầu để cho ông hay tôi vẫn theo ông cho đến lúc này.

“Nó tiếp tục viết, ‘Vì ông là người làm nhiều điều lạ lùng và là một thầy dạy hay đến nỗi người ta chấp nhận sự thật một cách vui vẻ. Ông chinh phục nhiều người Do Thái và nhiều người Hy Lạp’. Cụm từ này xem ra phù hợp với ngữ vựng Josephus quen dùng ở những nơi khác, nên nói chung được thừa nhận là chân thực.

“Nhưng rồi lại có lời tuyên bố không hàm hồ, ‘Ông là Đấng Kitô’. Câu này dường như được thêm vào”.

Tôi nói thêm vào, “Vì khi nhắc đến Giacôbê, Josephus nói rằng Ông Giêsu được ‘gọi là Đấng Kitô’”.

Yamauchi nói, “Đúng vậy. Khó có xác suất Josephus thẳng thừng quả quyết Chúa Giêsu là Đấng Mêxia ở đây, khi ở chỗ khác ông chỉ nói Người được các môn đệ coi là Đấng Mêxia.

Phản khác của đoạn văn tức phần nói tới phiên xử và việc chịu đóng đinh của Chúa Giêsu và sự kiện các môn đệ của Người vẫn còn yêu mến Người thì không có gì ngoại thường và được coi là chân thực. Rồi đến câu, ‘Vào ngày thứ ba, ông hiện ra với họ sau khi sống lại’.

“Một lần nữa đây là lời tuyên bố niềm tin rõ ràng vào sự phục sinh, và như thế, Josephus khó có xác suất viết nó. Thành thử xem ra ba yếu tố đã được thêm vào”.

Tôi hỏi, “Đâu là kết luận?”

“Là đoạn văn trong trước tác của Josephus chắc nguyên thủy được viết về Chúa Giêsu, dù không có ba điểm tôi vừa nhắc đến. Nhưng dù thế, Josephus đã chứng thực các thông tin quan trọng về Chúa Giêsu: Người là nhà lãnh đạo bị tử đạo của Giáo Hội ở Giêrusalem và Người là một thầy dạy khôn ngoan đã thiết lập được một đoàn môn đệ kiên vững, bất chấp sự kiện Người bị đóng đinh dưới thời Philatô do sự xúi bẩy của một số lãnh tụ tôn giáo người Do Thái.

Tầm quan trọng của Josephus

Mặc dù các tham chiếu trên có cung cấp một số chứng thực độc lập quan trọng về Chúa Giêsu, tôi vẫn thắc mắc tại sao một sử gia như Josephus lại không viết nhiều hơn về một nhân vật quan trọng như thế của thế kỷ thứ nhất. Tôi biết một số kẻ hoài nghi, như triết gia của Đại Học Boston, Michael Martin, cũng đã đưa ra cùng một phê phán.

Nên tôi hỏi Yamauchi xem ông phản ứng ra sao trước tuyên bố của Martin, người không tin Chúa Giêsu từng đã sống: “Nếu ông Giêsu quả có thực, thì người ta phải chờ mong Josephus... viết nhiều hơn về ông ta chứ... điều bất ngờ là Josephus nhắc đến ông ta... nhân nói tới các nhân vật thiên sai khác và Gioan Tẩy giả với nhiều chi tiết hơn” (6).

Câu trả lời của Yamauchi xem ra không đặc trưng mạnh mẽ lắm. Ông nói bằng một giọng bức tức, “Có bằng chứng áp đảo Chúa Giêsu hiện hữu thực sự, còn những câu hỏi giả thiết này thực sự rất trống rỗng và lảm lẩn.

“Nhưng tôi xin trả lời như thế này: Josephus quan tâm đến các vấn đề chính trị và cuộc chiến đấu chống La Mã, nên đối với ông, Gioan Tẩy giả quan trọng hơn vì xem ra ông này hình như tạo ra mối đe dọa chính trị lớn lao hơn Chúa Giêsu”.

Tôi nhảy bổ vào. “Xin ông ngừng ít phút. Há không có một số học giả vốn mô tả Chúa Giêsu như một người Nhiệt thành hay ít nhất có thiện cảm với phái Nhiệt thành đó sao?” Tôi hỏi thế có ý nhắc đến một phong trào cách mạng thế kỷ thứ nhất chống đối người La Mã về phương diện chính trị.

Yamauchi khua tay bác bỏ biện bác đó, ông nói, “đó là lập trường các sách Tin Mừng không hỗ trợ, vì ông nên nhớ Chúa Giêsu thậm chí không chống đối việc trả thuế cho người La Mã. Cho nên vì Chúa Giêsu và các môn đệ không đặt ra một đe dọa chính trị tức khắc nào, chắc chắn điều dễ hiểu là Josephus ít lưu tâm đến giáo phái này, mặc dầu khi nhìn trở lui, nó quả trở thành rất quan trọng”.

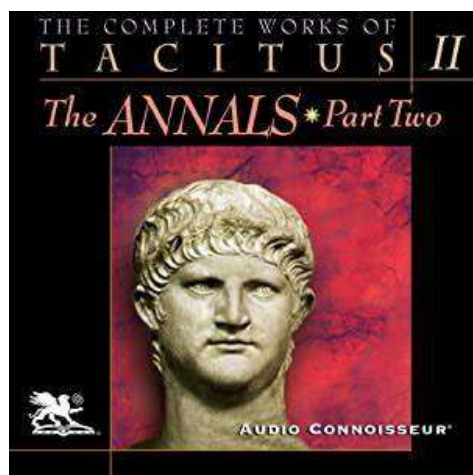
“Như thế, theo đánh giá của ông, hai tham chiếu của Josephus này quan trọng ra sao?”

Yamauchi trả lời, “Rất quan trọng, đặc biệt vì các trình thuật của ông về cuộc Chiến tranh Do thái được chứng minh là rất chính xác; thí dụ, chúng được chứng thực nhờ các cuộc khai quật khảo cổ học tại Masada cũng như bởi các sử gia như Tacitus. Ông được coi là một sử gia khá đáng tin cậy và việc ông nhắc đến Chúa Giêsu được coi là cực kỳ quan trọng”.

“Một dị đoan hết sức tai hại”

Yamauchi vừa nhắc tới sử gia La Mã quan trọng nhất của thế kỷ thứ nhất, nên tôi muốn thảo luận việc Tacitus đã nói gì về Chúa Giêsu và Kitô giáo. Tôi hỏi, “Ông có thể nói rõ điều ông ta chứng thực?”

Yamauchi gật đầu, nói, “Tacitus ghi chép điều có lẽ là tham chiếu quan trọng nhất về Chúa Giêsu bên ngoài Tân Ước. Năm 115 CN, ông minh nhiên quả quyết rằng Nêrông bách hại các Kitô hữu như các con dê tế thần để chữa sự hoài nghi khỏi ông về vụ đại hỏa hoạn đã phá hủy Rôma năm 64 CN”.



Yamauchi đứng dậy và bước tới giá sách, lục tìm một cuốn sách. “À đây rồi” ông nói thế, tay rút cuốn sách dày và lần giở cho đến lúc tìm được đoạn văn thích đáng, và đọc cho tôi nghe:

“Nêrông gán tội và giáng những hành hạ thảm thía lên một lớp người bị ghét bỏ vì những chuyện ghê tởm của họ, được công chúng gọi là các Kitô hữu. Christus, mà từ ông này tên họ đã được đặt, từng chịu hình phạt cực độ dưới triều Tiberius do tay của một trong các tổng trấn của chúng ta, Phongxiô Philatô, và là một

dị đoan hết sức tai hại, bị kiểm soát một thời gian, nhưng một lần nữa đã xuất hiện không những ở Giuđêa, nguồn đầu tiên của cái ác, mà còn cả ở Rome nữa... Thành thử, một cuộc bắt giữ đã được thực hiện đối với tất cả những ai thú nhận tội lỗi: rồi, căn cứ vào thông tin của họ, một số đông vô kể đã bị kết án, không hẳn vì tội đốt kinh thành, cho bằng vì lòng thù ghét nhân loại” (7).

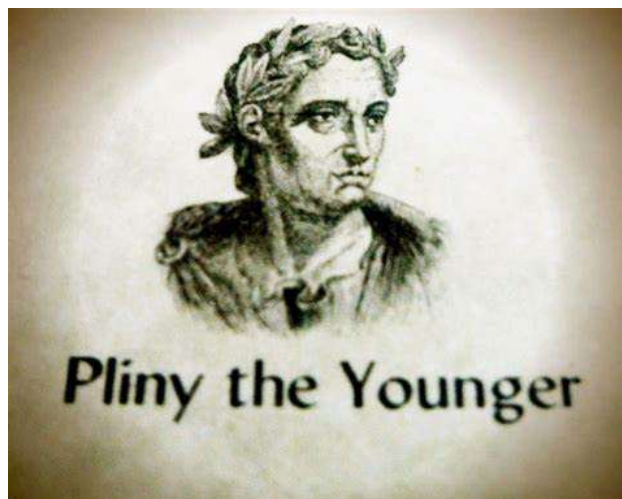
Tôi đã quen thuộc với đoạn văn trên và tôi thắc mắc Ymauchi sẽ phản ứng ra sao đối với nhận định của một học giả hàng đầu tên J.N.D. Anderson. Tôi nói, “Ông ta suy đoán rằng khi Tacitus nói ‘dị đoan hết sức tai hại’ này đã ‘bị kiểm soát một thời gian’, nhưng sau đó ‘đã tái xuất hiện’, ông ta đã, một cách vô thức, làm chứng cho niềm tin của các Kitô hữu tiên khởi rằng Chúa Giêsu đã bị đóng đinh nhưng sau đó đã trỗi dậy khỏi mộ. Ông có đồng ý với ông ta không?”

Ymauchi suy nghĩ một lúc. “Đó chắc chắn là lời giải thích của một số học giả” ông trả lời như thế, xem ra muốn tránh né lời yêu cầu cho ý kiến của tôi. Nhưng rồi, ông đưa ra điểm mấu chốt, “bất chấp đoạn văn trên có nghĩa chuyên biệt như thế hay không, nó vẫn cung cấp cho chúng ta một sự kiện rất đáng lưu ý, đó là, việc đóng đinh là một số phận gồm ghiếc một ai đó phải chịu, và sự kiện có cả một phong trào dựa trên con người chịu đóng đinh này cần được giải thích.

“Làm thế nào ông có thể giải thích được việc truyền bá một tôn giáo dựa trên việc thờ phượng một con người phải chịu một cái chết hết sức nhục nhã như thế? Dĩ nhiên, câu trả lời của Kitô giáo là Người đã sống lại. Những người khác đi đến các lý thuyết thay thế nếu họ không tin như vậy. Nhưng theo tôi, không quan điểm thay thế nào có tính thuyết phục cho lắm”.

Tôi yêu cầu ông định phẩm tầm quan trọng của các trước tác của Tacitus liên quan tới Chúa Giêsu.

Ông nói, “Đây là một chứng từ của một nhân chứng tận mắt không có thiện cảm đối với sự thành công và loan truyền của Kitô giáo, dựa trên một nhân vật lịch sử là Chúa Giêsu, Đấng đã bị đóng đinh dưới thời Phongxiô Philatô. Và điều có ý nghĩa là Tacitus tường trình rằng ‘đám đông vô kể’ đã mạnh mẽ duy trì niềm tin của họ đến nỗi thà chịu chết chứ không từ bỏ niềm tin ấy”.



Tụng “như thể với một vị thần”

Tôi biết một người La Mã khác, tên là Pliny Hậu, cũng đã nhắc đến Kitô giáo trong các trước tác của mình. Tôi hỏi, “Ông ta cũng chứng thực một số vấn đề quan trọng, phải không?”

“Đúng vậy. Ông ta là cháu của Pliny Tiền, nhà bách khoa nổi tiếng, qua đời trong trận núi lửa phun năm 79

CN. Pliny Hậu trở thành thống đốc Bithynia ở đông bắc Thổ Nhĩ Kỳ. Đa số thư từ của ông với bạn ông là Hoàng đế Trajan, đã được lưu giữ cho tới ngày nay”.

Ymauchi rút bản sao chụp một trang của cuốn sách và nói, “trong cuốn 10 của các lá thư này, ông đặc biệt nhắc đến các Kitô hữu bị ông bắt giam”.

“Tôi hỏi họ xem họ có phải là các Kitô hữu hay không, và nếu họ nói có, tôi lặp lại câu hỏi lần thứ hai và lần thứ ba, với lời cảnh cáo một hình phạt đang chờ họ. Nếu họ cố chấp, tôi sẽ truyền lệnh đem họ đi hành quyết; vì, bất chấp bản chất lời thừa nhận của họ, tôi xác tín rằng sự ương ngạnh của họ và sự cố chấp trước sau như một của họ không thể nào không bị trừng phạt...”

“Họ cũng tuyên bố rằng tổng số tội lỗi hay sai lầm của họ chỉ là thế này: họ thường xuyên gặp nhau trước hừng đông vào một ngày nhất định để tụng những câu thay phiên nhau giữa họ với nhau để tôn vinh Đấng Kitô như thế đối với một vị thần, và cũng liên kết với nhau bằng lời thề, không phải cho một mục đích tội phạm nào, mà để xa lánh ăn cắp, cướp bóc và ngoại tình...”

Điều trên khiến tôi quyết định càng cần phải rút ra được sự thật bằng các tra tấn hai phụ nữ nô lệ, những người được họ gọi là nữ phó tế. Tôi không thấy gì ngoài một thứ tín phái thoái hóa được thi hành một cách dài dòng quá đáng” (8).

Tôi hỏi, “đoạn trích này quan trọng ra sao?”

“Rất quan trọng. Có lẽ nó được viết vào khoảng năm 111 CN, và nó chứng thực việc phát triển nhanh chóng của Kitô giáo, cả nơi thành thị cũng như các khu vực nông thôn, giữa mọi giai cấp, phụ nữ nô lệ cũng như công dân La Mã, vì ông cũng cho hay chuyển các Kitô hữu người La Mã tới Rôma để bị xét xử.

“Và nó nói đến việc thờ lạy Chúa Giêsu như một vị thần, người Kitô hữu duy trì các tiêu chuẩn đạo đức cao, và họ không dễ dàng bị chao đảo trong các niềm tin của họ được”.

Ngày thế giới trở nên tối tăm

Đối với tôi, một trong các tham chiếu có vấn đề nhất trong Tân Ước là chỗ các tác giả Tin Mừng cho rằng trái đất đã trở nên tối tăm trong lúc Chúa Giêsu bị treo trên thập giá. Há đây chẳng phải là một loại ẩn dụ để nhấn mạnh ý nghĩa của việc Đóng đinh, chứ không hẳn tường thuật một biến cố lịch sử hay sao? Dù sao, nếu tối tăm bao phủ cả trái đất, thì há lại không có một nguồn nào ngoài Kinh thánh nhắc đến hay sao?

Tuy nhiên, Tiến sĩ Gary Habermas đã viết về một sử gia tên Thallus là người, năm 52 CN, đã viết một lịch sử về thế giới đông Địa Trung Hải từ chiến tranh Troy. Mặc dù công trình của Thallus đã bị thất lạc, nó đã được trích dẫn bởi Julius Africanus vào khoảng năm 221 CN, và đoạn trích này có nhắc đến sự tối tăm mà các sách Tin Mừng đã viết về!” (9).



Tôi hỏi, “Điều ấy có phải là một chứng thực độc lập cho điều các sách Tin Mừng viết hay không?”

Yamauchi giải thích, “Trong đoạn văn này, Julius Africanus viết, ‘Thallus, trong cuốn ba sách lịch sử của ông, bác bỏ bằng cách giải thích sự tối tăm này là do nhật thực, xem ra đối với tôi không hợp lý’.

“Nên Thallus rõ ràng nói rằng, đúng, có việc ra tối tăm vào lúc Đóng Đinh, nhưng ông suy đoán nó được nhật thực gây ra. Rồi Africanus lập luận rằng nó không phải có cuộc nhật thực nào vào lúc việc Đóng Đinh diễn ra”.

Yamauchi với tay qua bàn giấy lấy một tờ giấy. “Để tôi trích dẫn điều học giả Paul Maier nói về việc ra tối tăm này trong một ghi chú của cuốn *Pontius Pilate* viết năm 1968 của ông”, ông nói thể và đọc cho tôi nghe những lời sau đây:

“Hiển nhiên, hiện tượng này hiển hiện ở Rome, Athens, và các thành phố khác ở Địa Trung Hải. Theo Tertullianô... nó là một ‘biến cố vũ trụ’ hay ‘biến cố thế giới’. Phlegon, một tác giả Hy Lạp xuất thân từ Caria, từng viết một bản niên đại ngay sau năm 137 CN, đã tường trình rằng vào năm thứ tư của Vận động Hội thứ 202 (tức năm 33CN), có một ‘vụ nhật thực lớn nhất’ và ‘trời trở thành đêm tối vào giờ thứ sáu trong ngày [nghĩa là giữa trưa] đến nỗi các vì sao xuất hiện trên bầu trời. Có một vụ động đất lớn ở Bithynia, và nhiều vật bị lật nhào ở Nixêa” (10).

Yamauchi kết luận, “Do đó, như Paul Maier nhấn mạnh, có sự chứng thực không phải của Kinh thánh về việc ra tối tăm vào lúc Chúa Giêsu bị đóng đinh. Rõ ràng, một số người thấy cần phải ráng dành cho nó một giải thích tự nhiên bằng cách nói rằng đó là một vụ nhật thực”.



Một chân dung về Philatô

Việc Yamauchi nhắc đến Philatô làm tôi nhớ đến việc một số nhà phê bình đã nghi vấn tính chính xác của các sách Tin Mừng vì cung cách các sách này mô tả Philatô. Trong khi Tân Ước vẽ ông ta như chao đảo và sẵn lòng chiều theo áp lực của quần chúng Do Thái bằng cách xử tử Chúa Giêsu, các trình thuật lịch sử khác hình dung ông như người cố chấp và cứng rắn.

Tôi hỏi, “Liệu việc đó có tạo ra một mâu thuẫn giữa Kinh thánh và các sử gia thế tục hay không?”

Yamauchi nói, “Không, không hề. Nghiên cứu của Maier về Philatô cho thấy người bảo vệ và bảo trợ ông ta là Sejanus và Sejanus mất quyền hành vào năm 31 CN vì âm mưu chống lại hoàng đế”.

Tôi lấy làm ngạc nhiên, “Điều ấy có chi ăn uống với chuyện ở đây?”

Yamauchi trả lời, “À, việc mất quyền này làm cho vị thế của Philatô rất yếu vào năm 33, là năm phần lớn được coi là năm Chúa Giêsu bị đóng đinh. Thành thử, điều chắc chắn dễ hiểu là Philatô không muốn làm phật lòng người Do Thái vào lúc ấy để gặp rắc rối thêm với hoàng đế. Điều này có nghĩa mô tả của Kinh Thánh chắc chắn là chính xác” (11).

Các trình thuật khác của Do Thái

Sau khi chủ yếu nói về việc người La Mã chứng thực Chúa Giêsu. Tôi muốn hướng sang phía khác và thảo luận bất cứ trình thuật Do Thái nào khác, ngoài trình thuật của Josephus, chứng thực điều gì đó về Chúa Giêsu. Tôi yêu cầu Yamauchi cung cấp các lời nói tới Chúa Giêsu trong *Talmud*, một công trình Do Thái quan trọng hoàn thành vào khoảng năm 500 CN có kết hợp cả *Mishnah* đã được thu thập khoảng năm 200 CN.

Ông trả lời, “Người Do Thái, xét chung, không nói nhiều chi tiết về những người lạc giáo. Có một số đoạn văn trong *Talmud* nói tới Chúa Giêsu, gọi Người là một Mêxia giả, chuyên thực hành ma thuật, bị kết án tử một cách đích đáng. Nó cũng lập lại tin đồn cho rằng Chúa Giêsu sinh ra từ một tên lính La Mã và bà Maria, gợi ý cho rằng có những chuyện ngoại thường về việc Người sinh ra”.

Tôi nói, “Như thế, các tham chiếu Do Thái này quả có chứng thực vài điều về Chúa Giêsu, dù một cách tiêu cực”.

Ông nói, “Vâng, đúng thế. Giáo sư M. Wilcox viết như thế này trong một bài báo xuất hiện trong một công trình tham khảo bác học:

“Văn chương truyền thống Do Thái, dù chỉ sơ sài nhắc đến Chúa Giêsu (và dù sao, phải được sử dụng một cách thận trọng), đã hỗ trợ các sách Tin Mừng khi cho rằng Người là người chữa bệnh và làm phép lạ, mặc dù qui những việc này cho nghề phù thủy. Ngoài ra, nó đã duy trì kỷ ức cho rằng Người là một thầy dạy, và Người có các môn đệ (5 người) và ít nhất trong giai đoạn các *rabbis* đầu tiên, không phải hiền giả nào cũng dứt khoát cho rằng Người là ‘một kẻ lạc giáo’ hay một ‘kẻ lừa đảo’” (12).

Bằng chứng bên ngoài Kinh Thánh

Mặc dù chúng tôi đã tìm được một ít tham chiếu nói về Chúa Giêsu ngoài các sách Tin Mừng, tôi vẫn thắc mắc tại sao không có thêm nhiều tham chiếu hơn nữa. Trong khi tôi biết một ít tài liệu lịch sử từ thế kỷ thứ nhất vẫn còn tới ngày nay, tôi hỏi, “Xét chung, há chúng ta lại không nên mong chờ tìm được nhiều điều hơn nữa về Chúa Giêsu trong các trước tác cổ thời bên ngoài Kinh Thánh hay sao?”

Yamauchi nói, “khi người ta khởi đầu các phong trào tôn giáo, phải đợi nhiều thế hệ sau họ mới ghi lại những điều thuộc các phong trào này. Nhưng sự kiện là chúng ta có những tài liệu lịch sử tốt hơn về Chúa Giêsu so với người thiết lập bất cứ tôn giáo cổ thời nào khác”.

Điều ấy làm tôi ngạc nhiên, tôi nói, “đúng thế sao? Ông có thể nói rõ hơn không?”

“Thí dụ, Các Thánh vịnh (Gathas) của Zoroaster, vào khoảng năm 1000 TCN, được tin là chân thực, phần lớn các sách thánh của tôn giáo này, mãi tới thế kỷ thứ ba CN, mới được viết xuống. Phần lớn tiểu sử nổi tiếng của Parsi về Zoroaster chỉ được viết vào năm 1278 CN.

“Các sách thánh của Buddha, người sống vào thế kỷ thứ sáu TCN, phải đợi đến sau thời Kitô giáo mới được viết xuống và tiểu sử của Budha chỉ được viết xuống trong thế kỷ thứ nhất CN. Mặc dù chúng ta đã có các lời nói của Muhammad, người sống trong khoảng thời gian từ năm 570 tới năm 632, trong kinh Korăng, tiểu sử của ông mãi đến năm 767 mới được viết xuống, hơn một thế kỷ tròn sau khi ông qua đời.

“Như thế, tình trạng của Chúa Giêsu kể là độc đáo, và khá gây ấn tượng xét về phương diện chúng ta học hỏi được rất nhiều về Người bên ngoài Tân Ước”.

Tôi muốn tiếp nối chủ đề đó và tóm lược những gì chúng tôi đã lược lật được trước nay về Chúa Giêsu từ các nguồn không phải là Kinh Thánh. Tôi nói, “Chúng ta hãy giả dụ chúng ta không có bất cứ sách nào của

Tân Ước và các trước tác Kitô giáo nào khác. Dù không có chúng, chúng ta có thể kết luận điều gì về Chúa Giêsu từ các nguồn cổ thời không phải Kitô giáo, như Josephus, Talmud, Tacitus, Pliny Hậu, và những trước tác khác?”

Yamauchi mỉm cười, nói, “chúng ta vẫn có một số lượng đáng kể các bằng chứng lịch sử quan trọng; thật vậy, chúng có thể cung cấp một phác thảo về cuộc đời Chúa Giêsu”.

Rồi ông tiếp tục, nâng ngón tay lên để nhấn mạnh từng điểm, “Chúng ta có thể biết rằng trước nhất, Chúa Giêsu là một thầy dạy người Do Thái; thứ hai, nhiều người tin Người thực hiện việc chữa bệnh và trừ quỷ; thứ ba, một số người tin Người là Đấng Mêxia; thứ tư, Người bị các nhà lãnh đạo Do Thái bác bỏ; thứ năm, Người bị đóng đinh dưới thời Phongxiô Philatô triều Hoàng đế Tibêriô; thứ sáu, bất chấp cái chết ô nhục, các người theo Người, những kẻ tin rằng Người vẫn đang sống, đã lan ra khắp Palestine đến nỗi tới năm 64 CN đã có một số đông họ ở Rome; và thứ bảy, mọi loại người từ thành thị tới thôn quê, đàn ông và đàn bà, nô lệ và người tự do, đều thờ phượng Người như Thiên Chúa”.

Đó quả là một lượng đầy ấn tượng các chứng thực độc lập. Và không những chỉ có các phác thảo về cuộc đời Chúa Giêsu được tái dựng ngoài Kinh Thánh, nhưng còn nhiều điều khác có thể lược lật về Người từ những tài liệu cổ xưa đến độ thực sự có trước chính các sách Tin Mừng.



Chứng thực các chi tiết sơ khai

Tông đồ Phaolô không bao giờ gặp Chúa Giêsu trước khi Người qua đời, nhưng ngài nói rằng ngài gặp Chúa Kitô phục sinh và sau này tham khảo với một số nhân chứng tận mắt để bảo đảm rằng ngài giảng dạy cùng một sứ điệp như họ. Vì ngài bắt đầu viết các thư Tân Ước của ngài nhiều năm trước khi các sách Tin Mừng được viết xuống, chúng chứa đựng các tường trình cực kỳ sớm về Chúa Giêsu, sớm đến nỗi không người nào có thể nói một cách đáng tin rằng chúng đã bị bóp méo nghiêm trọng bởi việc phát triển dã sử.

Tôi nói với Yamauchi, “Luke Timothy Johnson, học giả xuất thân từ Đại Học Emory, cho rằng các thư Phaolô nói lên ‘việc chứng thực có giá trị từ bên ngoài’ cho tính ‘cổ thời và ở khắp nơi’ của các truyền thống về Chúa Giêsu” (13). Ông có đồng ý với ông ta không?”

Chúng tôi đã bàn luận khá lâu. Yamauchi đứng lên một lúc, duỗi chân duỗi tay trước khi ngồi lại vào ghế. Ông nói, “Không ai nghi vấn các trước tác Phaolô là sớm nhất trong Tân Ước và chúng đưa ra nhiều tham chiếu hết sức có ý nghĩa về cuộc đời Chúa Giêsu”.

Tôi yêu cầu, “Ông có thể nói rõ hơn không?”

Vâng, ngài nhắc tới sự kiện Chúa Giêsu thuộc dòng dõi Đavít, Người là Đấng Mêxia, Người bị phản bội, bị mang ra xử, bị đóng đinh vì tội lỗi chúng ta, và được chôn cất, và Người đã trỗi dậy vào ngày thứ ba và hiện ra với nhiều người, trong đó có Giacôbê, em của Chúa Giêsu, người vốn không tin Người trước khi Người bị đóng đinh.

“Điều cũng đáng lưu ý là Phaolô không nhắc đến những điều rất quan trọng trong các sách Tin Mừng, chẳng hạn, các dụ ngôn và các phép lạ của Chúa Giêsu, nhưng ngài tập chú vào cái chết chuộc tội và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Đối với Phaolô đó là những điều quan trọng nhất về Chúa Giêsu, và quả thực, chúng đã biến đổi Phaolô từ một kẻ bách hại các Kitô hữu thành nhà truyền giáo đạo Kitô hàng đầu của lịch sử, người bằng lòng chịu đủ mọi thứ gian khổ và thiếu thốn vì đức tin của mình.

“Phaolô cũng chứng thực một số khía cạnh quan trọng về cá tính của Chúa Giêsu, đức khiêm nhường, đức vâng lời, tình yêu của Người đối với những kẻ có tội, và v.v... Ngài kêu gọi các tín hữu có tâm tình của Chúa Kitô trong chương hai thư gửi Philípphê. Đây là một đoạn văn nổi tiếng trong đó Phaolô có lẽ đã trích dẫn một thánh ca Kitô giáo tiên khởi về việc Chúa Kitô đổ hết mình ra: Người vốn dĩ ngang hàng với Thiên Chúa, thế mà đã mang lấy hình dạng con người, một nô lệ, và chịu hình phạt tội độ là bị đóng đinh. Như thế, các thư của Phaolô là một chứng tá quan trọng cho thiên tính của Chúa Kitô, ngài gọi Chúa Giêsu là ‘Con Thiên Chúa’ và ‘hình ảnh Thiên Chúa’”

Tôi chen vào, “sự kiện Phaolô, người vốn xuất thân từ hậu cảnh độc thần Do Thái, thờ lạy Chúa Giêsu như Thiên Chúa là điều cực kỳ có ý nghĩa, đúng không?”

Ông nói, “Đúng và nó bác bỏ lý thuyết phổ biến cho rằng thiên tính của Chúa Kitô được du nhập sau này vào Kitô giáo từ các niềm tin ngoại giáo. Không hề như thế. Ngay Phaolô vào lúc sớm sủa nhất đã thờ lạy Chúa Giêsu như Thiên Chúa.

“Tôi phải nói rằng tất cả các chứng thực của Phaolô này hết sức quan trọng. Và chúng ta còn có các thư tiên khởi khác của các nhân chứng tận mắt như Giacôbê, Phêrô. Chẳng hạn, Giacôbê đã nhắc lại bài giảng trên núi của Chúa Giêsu”.



Thực sự trỗi dậy từ cõi chết

Chúng ta cũng có nhiều bộ trước tác của “các giáo phụ tông đồ” tức các nhà văn Kitô giáo sớm nhất ngay sau thời Tân Ước. Họ viết Thư Clêmentê thành Rôma, Các Thư Inhaxiô, Thư Polycarp, Thư Barnaba, và nhiều trước tác khác. Tại nhiều chỗ, các trước tác này chứng thực các sự kiện căn bản về Chúa Giêsu, nhất là giáo huấn của Người, việc người sống lại, và bản tính Thiên Chúa của Người.

Tôi hỏi, “Ông coi trước tác nào trong số này có ý nghĩa nhất?”

Yamauchi ngẫm nghĩ câu hỏi. Dù ông không nêu tên một trước tác ông cho là quan trọng nhất, nhưng ông trưng dẫn 7 thư của Inhaxiô như thuộc nhóm trước tác quan trọng nhất của các giáo phụ tông đồ. Inhaxiô, Giám Mục thành Antôkia, thuộc Syria, chịu tử vì đạo dưới thời Trajan trước năm 117 CN.

Yamauchi nói, “Điều có ý nghĩa nơi Inhaxiô là ngài nhấn mạnh cả thiên tính lẫn nhân tính của Chúa Giêsu chống lại lạc giáo ảo thân thuyết (docetic), là lạc giáo bác bỏ việc Chúa Giêsu thực sự là con người. Ngài cũng nhấn mạnh các nền tảng lịch sử của Kitô giáo. Trong một bức thư viết trên đường bị xử tử, ngài nói rằng Chúa Giêsu thực sự bị bách hại dưới thời Philatô, thực sự bị đóng đinh, thực sự trỗi dậy từ cõi chết, và những kẻ tin vào Người thầy đều được sống lại” (14).

Đặt tất cả lại với nhau, Josephus, các sử gia và viên chức La Mã, các trước tác Do Thái, các thư của Phaolô và các giáo phụ tông đồ, bạn sẽ có được bằng chứng đầy tính thuyết phục chứng thực mọi điều chủ yếu tìm thấy nơi các cuốn tiểu sử về Chúa Giêsu. Dù cho bạn có liệng đi mọi bản Tin Mừng cuối cùng, bạn vẫn có một bức tranh cực kỳ thuyết phục về Chúa Giêsu, thật vậy, đây là một bức chân dung của Con độc nhất của Thiên Chúa.

Tôi đứng lên và cảm ơn Yamauchi đã chia sẻ thì giờ và tài chuyên môn. Tôi nói, “Tôi biết còn rất nhiều điều nữa chúng ta có thể nói về, vì trọn những cuốn sách đã được viết về chủ đề này. Nhưng trước khi chấm dứt, tôi muốn hỏi ông câu hỏi cuối cùng. Một câu hỏi có tính bản thân, nếu điều đó được phép”.

Giáo sư đứng lên và nói, “vâng, ông cứ tự nhiên”.

Tôi thoáng nhìn chung quanh văn phòng khiêm tốn của ông, chứa đầy các sách và bản chép tay, đĩa hát và tập san, đĩa máy vi tính và giấy tờ, tất cả đều là sản phẩm một đời nghiên cứu bác học về thế giới của thời rất xa xưa.

Tôi nói, “Ông dành cả 40 năm nghiên cứu lịch sử và khảo cổ thời xưa, đâu là kết quả đối với đời sống thiêng liêng của ông? Các nghiên cứu của ông làm gia tăng hay làm yếu đi đức tin của ông vào Chúa Giêsu Kitô?”

Ông nhìn xuống sàn nhà một lúc, rồi ngược mắt lên nhìn thẳng vào mắt tôi. Ông nói bằng một giọng cương quyết nhưng thành thực, “Không hoài nghi chi nữa, các nghiên cứu của tôi đã củng cố và làm giàu đời sống thiêng liêng của tôi rất nhiều. Chúng mang lại cho tôi cái hiểu tốt hơn về văn hóa và bối cảnh lịch sử của các biến cố.

“Điều ấy không có nghĩa tôi không nhận thấy còn một số vấn đề chưa được giải quyết; ở đời này, chúng ta sẽ không có sự hiểu biết trọn vẹn. Nhưng những vấn đề này không hề làm hại đức tin của tôi vào sự đáng tin của các sách Tin Mừng và các sách khác của Tân Ước.

“Tôi nghĩ các lỗi giải thích thay thế, cố gắng giải thích việc truyền bá Kitô giáo ra khắp thế giới bằng các lý do xã hội và tâm lý rất yếu”. Ông lắc đầu nói thêm, “Rất yếu. Đối với tôi, bằng chứng lịch sử đã tăng cường cam kết của tôi với Chúa Giêsu Kitô, Đấng yêu thương chúng ta và chết cho chúng ta và đã sống lại từ cõi chết. Đơn giản chỉ có thế.”

Sự thật giải phóng chúng ta

Khi từ tòa nhà của Yamauchi đi ra gặp rừng sinh viên đang ngược xuôi tìm lớp học kế tiếp, tôi nghĩ mình hải lòng xiết bao khi đến thành phố nhỏ xíu Oxford, Ohio. Tôi đến tìm lời chứng thực về Chúa Giêsu, nhưng ra về với cả một nguồn dự trữ tài liệu hết sức phong phú khẳng nhận mọi khía cạnh chính về đời sống, các phép

lạ, thiên tính và chiến thắng sự chết của Người.

Tôi biết rằng cuộc trò chuyện vắn vỏi của chúng tôi mới chỉ đụng sơ sơ ở bề mặt. Dưới cánh tay tôi là cuốn *The Verdict of History* [Lời tuyên án của Lịch sử] mà tôi đã đọc để chuẩn bị cuộc phỏng vấn. Trong đó, sử gia Gary Habermas cung cấp chi tiết của 39 nguồn tài liệu xưa về đời sống của Chúa Giêsu, từ đó, ông liệt kê hơn một trăm sự kiện đã được tường trình liên quan đến đời sống, giáo huấn, chịu đóng đinh và sống lại của Chúa Giêsu (15).

Hơn nữa, 24 nguồn tài liệu được Habermas trích dẫn, trong đó có 7 nguồn tài liệu thế tục và một số tín điều cổ xưa nhất của Giáo Hội, nhất là những tín điều liên quan đến bản tính Thiên Chúa của Chúa Giêsu. Habermas viết, “Những tín điều này cho thấy Giáo Hội không chỉ giảng dạy thiên tính Chúa Giêsu một thế hệ sau đó, vì điều này vẫn thường được nhắc lại trong nền thần học ngày nay, vì tín lý này dứt khoát hiện diện trong Giáo Hội tiên khởi nhất”. Ông kết luận: “Giải thích tốt nhất cho các niềm tin đó là chúng đã mô tả thích đáng chính giáo huấn của Chúa Giêsu”. (16).

Đó là một chứng thực tuyệt vời cho những quả quyết quan trọng nhất của một cá nhân có ảnh hưởng từng sống xưa nay.

Tôi khóa giầy kéo áo vừa đi ra xe. Thoáng nhìn lại một lần nữa, tôi thấy mặt trời Tháng Mười chiếu sáng hàng chữ khắc trên đá tôi đã lưu ý khi mới bước vào khuôn viên trường đại học hoàn toàn thế tục này: “Các con sẽ thấy sự thật và sự thật sẽ làm các con tự do”.

Các nguồn tài liệu khác về chủ đề này

Bruce, F.F. *Jesus and Christian Origins Outside the New Testament* [Chúa Giêsu và các Nguồn Kitô giáo ngoài Tân Ước], Grand Rapids: Eerdmans, 1974.

Habermas, Gary, *The Historical Jesus* [Chúa Giêsu Lịch sử]. Joplin, Mo.: College Press, 1996.

McDowell, Josh, and Bill Wilson. *He Walked among Us* [Người bước đi giữa chúng ta]. Nashville: Nelson, 1994.

Ghi Chú

(1) *Webster's Encyclopedic Unabridged Dictionary of the English Language* (New York: Gramercy, 1989), 328

(2) Maurice Possley, “Mob Hit Man Aleman Gets One Hundred to Three Hundred Years” [Aleman, tên giết mướn, nhận một trăm tới ba trăm năm], *Chicago Tribune* (November 26, 1997)

(3) Charles Templeton, *Act of God* [Hành vi Thiên Chúa] (New York: Banatm, 1979), 152

(4) Josephus, *The Antiquities* [Thời xưa] 20.200. Xem thêm Edwin Yamauchi, “Josephus and the Scriptures” [Josephus và các Sách Thánh], *Fides et Historia* 13 (1980) 42-63.

(5) Josephus, *The Antiquities* 18.63-64.

(6) Michael Martin, *The Case Against Christianity* [Lý lẽ chống Kitô giáo] (Philadelphia: Temple Univ. Press, 1991) 49.

(7) Tacitus, *Annals* [Biên niên sử] 15.44.

(8) Pliny the Younger, *Letters* [Các bức thư] 10.96.

(9) Gary Habermas, *The Historic Jesus* [Chúa Giêsu Lịch sử], (Joplin, Mo.: College Press, 1996) 196-97.

(10) Paul L. Maier, *Pontius Pilate* (Wheaton, Ill.: Tyndale House, 1968), 366, trích dẫn một mảnh từ Phlegon, *Olympiades he Chronika* [biên niên sử thể vận hội] 13, chủ biên Otto Keller, *Rerum Naturalium Scriptores Graeci Minores* [các tác giả nhỏ Hy Lạp về các sự việc tự nhiên], 1 (Leipzig Teurber, 1877), 101. Bản dịch của Maier.

(11) Xem P. Maier, “Sejanus, Pilate, and the Date of the Crucifixion” [Sejanus, Pilate, và Ngày Đóng Đinh]

Church History 37 (1968) 1-11.

(12) M. Wilson, “Jesus in the Light of his Jewish Environment” [Chúa Giêsu dưới ánh sáng Môi trường Do Thái], *Aufstieg und Niedergang der romischen Welt* 2, no.25.1 (1982), 133.

(13) Luke Timmothy Johnson, *The Real Jesus* [Chúa Giêsu đích thực] (San Francisco: Harper San Francisco, 1996), 120.

(14) Ignatius, *Trallians*, 9.

(15) Xem Gary Habermas, *The Verdict of History* [Lời tuyên án của Lịch sử](Nashville: Nelson, 1988).

(16) *Ibid.* 169.

Chương năm: Bằng chứng khoa học

Khoa khảo cổ xác nhận hay mâu thuẫn với các cuốn tiểu sử về Chúa Giêsu?

Có một điều gì đó siêu thực chung quanh bữa ăn trưa của tôi với Bác sĩ Jeffrey MacDonald. Ông ở đó, xuề xòa trệu trạo nhai chiếc bánh mì kẹp cá ngừ và những miếng khoai tây chiên tại một phòng hội nghị của một tòa án tại tiểu bang Bắc Carolina, vừa nhai vừa đưa ra các nhận định lạc quan và nói chung rất thoải mái. Trong căn phòng gần đó, hàng chục bồi thẩm viên đang nghỉ xả hơi sau khi nghe các bằng chứng kinh khủng cho rằng MacDonald đã tàn nhẫn giết vợ và đứa con gái nhỏ tuổi.

Sau khi đã ăn trưa xong, tôi không thể không hỏi MacDonald câu hỏi đương nhiên phải hỏi này: “Làm thế nào ông có thể hành động như thế không có gì sai trái cả?” Tôi hỏi thế, giọng của tôi pha lẫn cả ngạc nhiên lẫn giận dữ. “Há ông không hề quan tâm chút nào là các bồi thẩm viên kia sẽ thấy ông có tội hay sao?”

MacDonald xuề xòa khua miếng bánh mì kẹp đang ăn dở một cách chung chung về phía phòng bồi thẩm đoàn. “Họ?” ông tắc lưỡi, “họ sẽ không bao giờ kết được tội tôi!”

Rồi, hình như nhận ra câu nói vừa rồi nghe ra có vẻ khuyến nho, ông vội nói thêm, “Ông biết đấy, tôi vô tội mà”.

Đó là lần cuối cùng tôi nghe thấy ông cười. Trong vài ngày sau đó, cựu Mũ Nồi Xanh và y sĩ phòng cấp cứu bị kết tội đã đâm chết vợ, Colette, và các con gái của mình là Kimberly, 5 tuổi, và Kristen, 2 tuổi. Ông nhanh chóng bị kêu án tù mãn đời và bị còng tay.

MacDonald, mà câu truyện được thuật lại một cách tài tình trong một cuốn sách bán chạy nhất của Joe McGinniss và trong một cuốn phim truyền hình *Fatal Vision*, tự mãn đến độ tin rằng chứng cứ ngoại phạm của ông ta đủ để ông thoát khỏi tội sát nhân.

Ông từng nói với các điều tra viên rằng ông đang thiếp ngủ ở ghế salông khi những tên hippie say ma túy đánh thức ông giữa đêm khuya. Ông nói ông đã đánh đuổi chúng đi, bị đâm và bất tỉnh. Khi ông thức giấc thì thấy cả gia đình bị thảm sát.

Các thám tử hoài nghi ngay từ đầu. Phòng khách không hề có dấu hiệu một cuộc ẩu đả sống chết ở đó. Các vết thương của MacDonald chỉ là trầy sát. Dù thị lực rất kém, ông lại có thể mô tả rất chi tiết về những kẻ tấn công ông dù ông không mang kiếng lúc đó.

Tuy nhiên, hoài nghi mà thôi chẳng bao giờ thắng được một vụ kết tội; điều này đòi phải có bằng chứng. Trong vụ MacDonald, các thám tử dựa vào chứng cứ khoa học để gỡ rối các dối trá của ông ta và kết tội sát nhân cho ông ta.

Có nhiều loại bằng chứng khoa học được sử dụng trong một vụ xử ở tòa, thay đổi từ việc thử DNA đến nhân học và khoa chất độc pháp lý. Trong vụ MacDonald, bằng chứng huyết học đã được sử dụng để đưa hấn vào

nhà tù.

Trong một trùng hợp kỳ lạ, và may mắn cho các công tố viên, mỗi thành viên trong gia đình MacDonald đều có một loại máu khác nhau. Nhờ phân tích vết máu tìm được ở đâu, các điều tra viên đã có thể dựng lại diễn tiến các sự kiện của đêm chết người ấy, và nó hoàn toàn mâu thuẫn với phiên bản của MacDonald về những gì đã diễn ra.

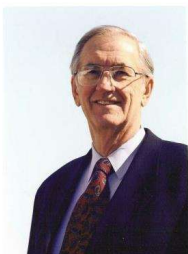
Việc nghiên cứu khoa học các sợi chỉ tí hon màu dương của chiếc áo ngủ, tìm thấy rải rác ở nhiều địa điểm khác nhau, cũng bác bỏ chứng cứ ngoại phạm của ông ta. Việc phân tích bằng kính hiển vi chứng minh rằng các lỗ hổng ở bộ quần áo ngủ của MacDonald không thể được gây ra, như ông ta nói, bởi chiếc đĩa lấy đá cục (ice pick) của các tên đột nhập vào nhà. Tóm lại, chính các kỹ thuật viên của FBI trong bộ áo trắng của phòng thí nghiệm thực sự đứng đằng sau việc kết tội MacDonald (1).

Bằng chứng khoa học cũng có những đóng góp quan trọng cho vấn đề liệu các trình thuật của Tân Ước về Chúa Giêsu có chính xác hay không? Dù huyết học và khoa chất độc không thể rồi được chút ánh sáng nào cho vấn đề này, một loại chứng cứ khoa học khác, khoa khảo cổ học, đã tác động rất nhiều lên tính đáng tin cậy của các sách Tin Mừng.

Đôi khi được gọi là khoa nghiên cứu các rác rưởi lâu bền, khoa khảo cổ liên quan đến việc khai quật các đồ tạo tác, kiến trúc, nghệ thuật, tiền các, đèn đài, tài liệu, và các phế tích của các nền văn hóa cổ thời. Các chuyên viên nghiên cứu các di tích này để biết đời sống ra sao vào thời Chúa Giêsu còn bước trên những con đường bụi bặm của Palestine xưa?

Hàng trăm khám phá khảo cổ từ thế kỷ thứ nhất đã được khai quật, và tôi tự hỏi: chúng bác bỏ hay hỗ trợ các câu truyện của nhân chứng tận mắt về Chúa Giêsu? Đồng thời sự tò mò của tôi dịu đi phần nào bởi sự hoài nghi của tôi. Tôi vốn đã nghe quá nhiều Kitô hữu khoắc lác quá trốn rằng khảo cổ có thể chứng minh nhiều hơn là nó có thể. Tôi không mấy quan tâm đến những khoắc lác như thế.

Nên tôi đã lục lọi cho ra một thế giá được nhìn nhận là đã đích thân đào xới giữa các phế tích của Trung Đông, có hiểu biết bách khoa về những khám phá cổ thời và có đủ tự chế khoa học để nhìn nhận các giới hạn của khoa khảo cổ trong khi cùng một lúc giải thích được việc nó có thể soi sáng ra sao cuộc sống ở thế kỷ thứ nhất.



JOHN McRAY

Wheaton College
Graduate School

Well published in Archaeology, and
Pauline studies

Cuộc phỏng vấn thứ tư: John Mcray, Ph. D.

Khi các học giả và sinh viên nghiên cứu khoa khảo cổ, nhiều người phải nhờ cuốn sách giáo khoa thấu đáo và vô tư dày 432 trang của John Mcray tựa là *Archeology and the New Testament* (Khảo cổ học và Tân Ước). Khi Mạng Lưới Truyền Hình Nghệ thuật và Tiêu khiển muốn bảo đảm tính chính xác của chương trình *Mysteries of the Bible* (Các Mầu nhiệm của Kinh Thánh), họ cũng gọi cho Mcray. Và khi *National Geographic* cần một nhà khoa học có thể giải thích được các tế vi của thế giới Kinh Thánh, một lần nữa, điện thoại tại văn phòng của Mcray tại Cao đẳng Wheaton danh tiếng ở ngoại ô Chicago lại reo vang.

Sau khi học tập tại Đại học Do Thái, Trường Kinh thánh và Khảo cổ Pháp tại Giêrusalem, Trường Thần học của Đại Học Vanderbilt, và Đại Học Chicago (nơi ông đậu bằng tiến sĩ năm 1967), Mcray là giáo sư Tân Ước và Khảo cổ tại Cao Đẳng Wheaton trong hơn 15 năm. Các bài viết của ông xuất hiện trên 17 Bách khoa và Từ điển, các tìm tòi của ông được trình bày trên *Bulletin of the Near East Archeology Society* và các tạp chí học thuật khác và ông đã trình bày 29 bài thuyết trình bác học tại các hội chuyên nghiệp. Mcray cũng là cựu phụ tá nghiên cứu và ủy viên quản trị của Viện W.F. Fulbright Nghiên cứu Khảo cổ tại Giêrusalem; một cựu ủy viên quản trị của Các Trường Hoa kỳ Nghiên cứu Đông phương; hiện là ủy viên quản trị của Hội Khảo cổ Cận đông; và là một thành viên của hội đồng xã luận của *Khảo cổ học trong Thế giới Kinh thánh* và *Tạp chí Nghiên cứu Kinh thánh* do Viện Nghiên cứu Kinh thánh xuất bản.

Song hành với việc Mcray thích thú viết và dạy về thế giới cổ thời, ông còn say mê các cơ hội được đích thân đào xới khảo cổ. Ông giám sát đội khai quật tại Caesarea, Sepphoris, và Herodium, tất cả đều ở Israel, trong hơn 8 năm. Ông từng nghiên cứu các địa điểm khảo cổ La Mã tại Anh và Wales, phân tích các đào xới tại Hy Lạp và lần giở lại các dấu vết cuộc hành trình của Thánh Phaolô.

Vào cỡ tuổi 66, tóc Mcray đã trở thành màu bạc và cặp kính ông đeo trở nên dày hơn, nhưng ông vẫn phát ra một vẻ đầy phiêu lưu. Trên bàn làm việc của ông tại nơi làm việc, và cả trên giường nằm của ông tại nhà, một ảnh chụp Giêrusalem nhiều chi chiết theo chiều ngang. “Tôi sống dưới bóng của nó”, ông nhận định như thế, giọng nói đầy cảm thức tiếc nhớ, khi chỉ các địa điểm khai quật chuyên biệt và các tìm tòi đáng lưu ý.

Văn phòng ông có chiếc divăng êm ái giống như chiếc divăng ở cửa trước của một căn nhà ở nông trại. Tôi ngồi vào đó trong khi Mcray, ăn vận xuề xòa trong chiếc somi hở cổ và một chiếc áo khoác thể thao trông đã khá mòn, ngả người trên chiếc ghế bàn giấy.

Tìm cách thử xem liệu ông có nói quá đáng ảnh hưởng của khảo cổ học, tôi quyết định bắt đầu cuộc phỏng vấn của chúng tôi bằng cách hỏi ông nó không thể nói với chúng ta điều gì về tính đáng tin cậy của Tân Ước. Dù sao, như chính Mcray ghi nhận trong sách giáo khoa của ông, dù khoa khảo cổ có thể xác định được việc các thành phố Medina và Mecca quả hiện hữu tại Tây Arabia trong hai thế kỷ thứ sáu và thứ bảy, điều này không hề chứng minh việc Muhammad sống ở đó hay Kinh Kô-răng là đúng.

“Khảo cổ học đã thực hiện một số đóng góp quan trọng”, ông bắt đầu nói thế bằng một giọng nói lẽ nhè ông thừa hưởng lúc còn nhỏ ở vùng đông nam Oklahoma, “nhưng chắc chắn nó không thể chứng minh được liệu Tân Ước có phải là Lời Thiên Chúa hay không. Nếu chúng ta đào xới ở Israel và khám phá ra các địa điểm xưa phù hợp với nơi Kinh Thánh nói chúng ta đã tìm ra chúng, việc này chỉ cho thấy lịch sử và địa dư của nó là chính xác. Tuy nhiên, nó không xác nhận điều Chúa Giêsu nói là đúng. Các chân lý thiêng liêng không thể được chứng minh hay bác bỏ bởi các khám phá khảo cổ học”.

Như một loại suy, ông kể câu truyện của Heinrich Schliemann, người từng tìm tòi thành Troy trong một cố gắng chứng minh tính chính xác về lịch sử của cuốn *Iliad* của Homer. Mcray nhận định với một nụ cười hiền hòa, “Ông quả có tìm ra Troy, nhưng điều này không hề chứng minh được là *Iliad* chân thật. Nó chỉ chính xác trong tham chiếu địa dư đặc thù”.

Khi đã định một số ranh giới cho việc khoa khảo cổ không thể xác quyết được điều gì, tôi quan tâm tới việc bắt đầu khám phá ra việc nó có thể cho chúng ta biết điều gì về Tân Ước. Tôi quyết định đi vào chủ đề này bằng cách nhận xét từ kinh nghiệm của tôi trong tư cách một nhà báo điều tra trong lĩnh vực pháp luật.

Đào xới sự thật

Khi cố gắng xác định xem liệu nhân chứng có nói sự thật hay không, các nhà báo và luật sư sẽ thử nghiệm bao nhiêu có thể mọi yếu tố trong chứng từ của họ. Nếu cuộc điều tra này cho thấy người này sai trong các chi tiết này, thì việc này sẽ tạo nên mối nghi ngờ đáng kể đối với sự thật trong câu chuyện của họ. Tuy nhiên, nếu các chi tiết vụn vặt được kiểm chứng, thì đây là dấu chỉ, tuy không đủ để kết luận nhưng có một số bằng chứng nào đó, cho thấy nhân chứng này đáng tin cậy trong câu chuyện nói chung của họ.

Thí dụ, nếu ai đó nói về một chuyến du hành của anh ta từ St. Louis tới Chicago, và anh ta kể lại có dừng tại Springfield, Illinois, để coi cuốn phim *Titanic* tại rạp Odeon và anh ta ăn một thời Clark lớn mua tại quầy hàng giảm giá, thì các điều tra viên sẽ xác định xem rạp hát đó có tọa lạc tại Springfield, nó có chiếu *Titanic* và có bán thời Clark lúc anh ta ở đó hay không. Nếu điều họ khám phá ra mâu thuẫn với điều anh ta nói, thì điều này làm hoen ố tính nói thật của anh ta. Trái lại, nếu nó phù hợp với lời của anh ta, điều này tăng giá chứng từ của anh ta.

Theo một nghĩa nào đó, đây là điều khảo cổ học đạt được. Tiền đề là nếu các chi tiết phụ của nhà sử học cổ thời được kiểm chứng là chính xác hết lần này đến lần khác, việc này làm gia tăng lòng tin của ta đối với các tư liệu khác do nhà sử học này viết tuy đây chưa hẳn là điều đã được đối chất.

Do đó, tôi hỏi ý kiến chuyên nghiệp của Mcray, “Khoa khảo cổ khẳng định hay bác bỏ Tân Ước khi nó kiểm chứng các chi tiết trong các trình thuật của nó?”

Mcray trả lời ngay lập tức, “À, chắc chắn tính khả tín của Tân Ước được gia tăng, y như tính khả tín của bất cứ tài liệu cổ thời nào được gia tăng khi ông khai quật và thấy rằng tác giả chính xác khi nói đến nơi chốn hay biến cố đặc thù nào đó”. Như một thí dụ, ông thuật lại vụ đào xới tại Caesarea thuộc duyên hải Do Thái, nơi ông và nhiều người khác khai quật hải cảng của Đại vương Hêrốt.

“Từ lâu, người ta vốn nghi ngờ giá trị câu nói của Josephus, sử gia thế kỷ thứ nhất, rằng hải cảng này rộng như hải cảng Piraeus, vốn là hải cảng chính của Athens. Người ta nghĩ Josephus lầm, vì khi bạn thấy các viên đá trên mặt nước ở hải cảng hiện nay, thì nó chẳng lớn chút nào.

“Nhưng khi chúng tôi bắt đầu đào xới ở dưới nước, chúng tôi thấy hải cảng kéo dài tới đất dưới nước từng thụt xuống, và tổng diện tích của nó quả sánh với hải cảng ở Piraeus. Thành thử quả Josephus nói đúng. Đây là một bằng chứng nữa cho thấy Josephus biết rõ những điều ông nói về”.

Vậy phải nói gì về các tác giả Tin Mừng? Họ có thực sự biết điều họ nói tới hay không? Tôi muốn nêu câu hỏi này để kiểm nghiệm trong các câu hỏi kế tiếp.

Sự chính xác của Luca như một sử gia

Y sĩ và sử gia Luca là tác giả của cả sách tin mừng mang tên ngài lẫn sách Công Vụ, cả hai chiếm vào khoảng một phần tư toàn bộ Tân Ước. Thành thử, vấn đề nòng cốt là liệu Luca có phải là một sử gia có thể tin tưởng những điều ngài viết là đúng hay không. Tôi nói, “Khi các nhà khảo cổ kiểm chứng các chi tiết của những điều ngài viết, họ thấy ngài thận trọng hay cầu thả?”

Mcray trả lời, “Sự đồng thuận tổng quát của cả các học giả cấp tiến lẫn các học giả bảo thủ là Luca rất chính

xác như một sử gia. Ngài uyên bác, hùng hồn, tiếng Hy Lạp của ngài gần tới mức cổ điển, ngài viết như một người học thức, và các khám phá khảo cổ liên tiếp chứng tỏ rằng Luca chính xác trong những điều ngài viết”.

Thực vậy, ông nói thêm, có một số trường hợp, giống như câu chuyện về hải cảng, trong đó, thoát đầu các học giả nghĩ rằng Luca lầm trong một tham chiếu nào đó, nhưng với những khám phá sau đó, đã xác nhận ngài chính xác trong điều ngài viết.

Như trong Luca 3:1, ngài nhắc đến Lysanias là tiểu vương miền Abilên vào khoảng năm 27 CN. Nhiều năm, các học giả vẫn dựa vào điểm này như bằng chứng cho thấy Luca không biết điều ngài nói về vì ai cũng biết Lysanias không phải là tiểu vương mà là nhà cai trị Chalchis cả nửa thế kỷ trước đó. Họ cho rằng, nếu Luca không thể làm cho một sự kiện căn bản đó đúng, thì không điều gì ngài viết có thể được tin tưởng.

Đó là lúc khảo cổ học can thiệp. McRay giải thích, “một câu khắc sau đó được tìm thấy vào thời Tiberiô, từ năm 14 CN tới năm 34 CN, đã nêu tên Lysias như tiểu vương tại Abila gần Đamát, y như Luca đã viết. Hóa ra có đến hai viên chức chính phủ tên là Lysanias! Một lần nữa Luca được chứng minh là hoàn toàn chính xác”.

Một thí dụ khác là trong Công vụ 17:6, Luca nhắc đến “*politarchs*” mà Bản Kinh Thánh *New International Version* dịch là “các viên chức thành phố” Texalônica. McRay cho biết “từ lâu, người ta vẫn nghĩ Luca lầm, vì không có bằng chứng nào chữ “*politarch*” đã được tìm thấy trong bất cứ tài liệu La Mã cổ thời nào.

“Tuy nhiên, một bản khắc trên một cửa vòm thế kỷ thứ nhất sau này được tìm thấy, viết rằng “Vào thời các *politarchs*...” Ông có thể tới Bảo Tàng Viện Anh và tự xem lấy. Và rồi còn lạ hơn nữa, các nhà khảo cổ còn tìm ra 35 bản khắc nhắc đến “*politarch*”, một số ở Taxalônica vào cùng thời với Luca. Một lần nữa các nhà phê bình sai lầm và Luca hoàn toàn chính xác”.

Một phản biện bỗng xuất hiện trong đầu tôi, “Đúng, nhưng trong Tin mừng của ngài, Luca nói Chúa Giêsu bước vào Giêricô khi Người chữa người mù Bartimêô, trong khi Máccô nói Người ra khỏi Giêricô (2). Há đó không phải là một mâu thuẫn sắc nét tạo nghi ngờ cho tính đáng tin cậy của Tân Ước đó sao?”

McRay không hề bối rối trước tính trực diện trong câu hỏi của tôi, ông trả lời ngay, “Không hề. Nó chỉ mâu thuẫn biểu kiến mà thôi vì ông suy nghĩ theo các điều kiện hiện nay trong đó các thành phố được xây dựng và tồn tại mãi. Nhưng đó không nhất thiết như thế vào thời cổ xưa.

“Giêricô từng ở ít nhất bốn địa điểm khác nhau, cách nhau một phần tư dặm. Thành phố từng bị hủy diệt và được tái lập tại một địa điểm khác gần một nguồn nước hay một con đường mới hoặc một ngọn núi hay bất cứ điều gì. Trọng điểm là ông có thể ra khỏi một địa điểm nơi Giêricô từng hiện hữu và đi vào một địa điểm khác, như di chuyển từ một phần của ngoại ô Chicago này tới một phần khác của ngoại ô Chicago”.

Tôi hỏi, “Có phải ông muốn nói cả Luca lẫn Máccô đều đúng cả?”

“Đúng như vậy. Chúa Giêsu có thể đi ra khỏi một phạm vi của Giêricô và đi vào một phạm vi khác cùng một lúc”.

Một lần nữa khoa khảo cổ đã trả lời một thách thức khác đối với Luca. Và xét vì ngài đã viết một phần khá lớn của Tân Ước, nên điều hết sức có ý nghĩa là Luca đã được nhìn nhận là một sử gia hết sức chính xác, dù là trong những chi tiết vụn vặt nhất. Một nhà khảo cổ lỗi lạc từng cẩn thận khảo sát các việc ngài nhắc đến 32 nước, 54 thành phố và 9 hải đảo, và không tìm được một sai lầm nào (3).

Và đây là điểm mấu chốt: một cuốn sách viết về chủ điểm này cho hay, “Nếu Luca đã cần cù để chính xác như thế trong tường trình lịch sử của ngài, thì dựa vào luận lý học nào ta có thể cho rằng ngài cả tin hay không chính xác khi tường trình những chuyện quan trọng hơn nhiều, không phải đối với ngài mà còn đối với người khác nữa?” (4)

Các vấn đề như việc phục sinh của Chúa Giêsu, bằng chứng gây ảnh hưởng nhất về thiên tính của Người, điều mà Luca quả quyết đã được thiết lập một cách vững chãi bởi “nhiều bằng chứng đầy thuyết phục” (Cv 1:3).

Tính đáng tin cậy của Gioan và Máccô

Khoa khảo cổ có thể đã hỗ trợ tính đáng tin của Luca, nhưng ngài không phải là tác giả duy nhất của Tân Ước. Tôi thắc mắc không biết các nhà khoa học nói gì về Gioan, mà sách Tin Mừng của ngài đôi khi bị nghi ngờ vì ngài nói tới những địa điểm người ta không thể kiểm chứng được. Một số học giả cho rằng vì không đúng trong các chi tiết căn bản này, nên Gioan hẳn không gần gũi với các biến cố trong đời sống Chúa Kitô.

Tuy nhiên, kết luận trên, trong mấy năm gần đây, đã bị đảo ngược. McRay nhấn mạnh rằng, “đã có một số khám phá chứng minh Gioan rất chính xác. Thí dụ, Gioan 5:1-15 ghi lại việc Chúa Giêsu chữa người bại liệt bên Giếng Bếtdatha. Gioan cung cấp chi tiết giếng này có 5 cổng. Trong một thời gian dài, người ta từng trung dẫn điều này làm điển hình cho thấy Gioan không chính xác, vì làm gì có một địa điểm như thế.

“Nhưng gần đây, Giếng Bếtdatha đã được đào xới, nó nằm khoảng 40 bộ Anh dưới mặt đất và quả có 5 cổng y như Gioan đã mô tả. Và ông còn thấy các khám phá khác nữa: Giếng Silôac trong Gioan 9:7; giếng Giacóp trong Gioan 4:12; có thể cả Nền Đá gần Cổng Jaffa nơi Chúa Giêsu xuất hiện trước Philatô trong Gioan 19:13, thậm chí cả danh tính của chính Philatô, tất cả những điều này đều đem tính khả tín lịch sử cho Tin Mừng Gioan”.

Tôi nói, “Như thế điều này thách thức lời tố cáo cho rằng Tin Mừng Gioan được viết lâu sau Chúa Giêsu đến nỗi nó không thể chính xác được”.

Ông trả lời, “dứt khoát là như thế”.

Thật vậy, McRay nhắc lại điều Tiến sĩ Bruce Metzger đã nói với tôi trước đây về việc các nhà khảo cổ tìm thấy một mảnh chép Gioan 18, được các nhà nghiên cứu văn bản trên giấy coi cổ hàng đầu định niên biểu vào khoảng năm 125 CN. Khi chứng minh được rằng các bản chép Gioan có từ sớm như vậy và xa tận Ai Cập như thế, khoa khảo cổ thực sự đã phá tan suy đoán cho rằng Gioan mãi đến thế kỷ thứ hai mới được soạn thảo, quá lâu sau Chúa Giêsu nên không đáng tin.

Các học giả khác tán công Tin Mừng Máccô, nói chung vốn được coi như trình thuật đầu tiên về đời sống Chúa Giêsu đã được viết ra. Nhà vô thần Michael Martin tố cáo Máccô không biết gì tới địa dư Palestine, điều mà theo ông chứng minh rằng ngài không sống trong vùng vào thời Chúa Giêsu. Một cách chuyên biệt, ông trung dẫn Máccô 7:31: “Đức Giêsu lại bỏ vùng Tia, đi qua ngả Xidôn, đến biển hồ Galilê vào miền Thập Tỉnh”.

Martin bảo, “Người ta từng chỉ ra rằng cứ theo các hướng này, Chúa Giêsu hẳn phải du hành trực tiếp khỏi bờ Biển Galilê” (5).

Khi tôi nói với McRay lời phê bình của Martin, ông cau mày và trở nên sôi nổi, vội với lấy bản Hy Lạp Tin Mừng Máccô từ giá sách, tìm các sách tham chiếu, và trải ra những tấm bản đồ lớn về vùng Palestine xưa.

Ông nói, “đường như những lời phê bình này muốn cho rằng Chúa Giêsu ngồi vào xe hơi của Người và chạy vòng vòng trên đường liên quốc gia, nhưng hiển nhiên, Người không làm thế”.

Đọc bản văn bằng tiếng nguyên gốc, có tính đến địa thế núi đồi và cả những đường đất của vùng này, và xem xét cách dùng lòng lẻo chữ “Thập Tỉnh” để chỉ một liên minh gồm 10 thành phố vốn thay đổi luôn, McRay vẽ lại lộ trình hợp lý trên bản đồ hoàn toàn tương ứng với mô tả của Máccô.

Ông kết luận, “khi mọi sự được đặt vào ngữ cảnh thích đáng, thì không có vấn đề nào cả với Tin Mừng Máccô”.

Một lần nữa, các tầm nhìn thông sáng của khảo cổ đã giúp giải thích điều thoát đầu có vẻ như một điểm kẹt trong Tân Ước. Tôi hỏi McRay một câu hỏi khái quát: đã có bao giờ ông gặp một khám phá khảo cổ rành rành nói ngược lại một tham chiếu của Tân Ước chưa?

Ông lắc đầu, tự tin trả lời, “Khảo cổ học chưa tìm thấy bất cứ điều gì dứt khoát nói ngược lại Kinh Thánh. Ngược lại, như ta đã thấy, có rất nhiều ý kiến của các học giả hoài nghi từng, với thời gian, được biến thành ‘sự kiện’ đã bị khoa khảo cổ chứng tỏ là sai”.

Tuy thế, vẫn còn một số vấn đề tôi cần giải quyết. Tôi lấy sổ ghi chép của tôi ra và sẵn sàng thách thức McRay với ba điều khó hiểu lâu đời mà tôi nghĩ khảo cổ học cũng thấy khó giải thích.

Điều khó hiểu 1: Kiểm tra dân số

Các trình thuật về việc Chúa Giêsu sinh ra cho rằng Đức Maria và Thánh Giuse bị cuộc kiểm tra dân số buộc phải trở về thị trấn quê hương là Bêlem. Tôi nói, “Tôi xin phép nói thẳng thừng: điều này ngay bề ngoài xem ra phi lý. Làm thế nào chính phủ lại có thể buộc mọi công dân phải trở về nơi sinh quán? Có bằng chứng khảo cổ nào cho thấy loại kiểm tra dân số này đã xảy ra?”



McRay thanh thản rút một bản cuốn sách của ông, vừa lần dở từng trang vừa trả lời, “thực sự, việc khám phá ra các hình thức kiểm tra dân số có rồi một chút ánh sáng về thực hành này”. Tìm được tài liệu tham khảo, ông trưng dẫn một lệnh chính thức của chính phủ vào khoảng năm 104 CN.

“Gaius Vibius Maximus, Thái thú Ai Cập (nói): thấy rằng thời giờ đã đến để tổ chức cuộc kiểm tra dân số từ nhà này sang nhà nọ, điều cần thiết là phải buộc tất cả những người vì bất cứ lý do gì cư ngụ ở ngoài tỉnh của họ trở về quê hương của họ, để họ có thể thi hành lệnh kiểm tra dân số thường lệ và cũng cần cù cày cấy mảnh đất đã cấp cho họ” (6).

Gấp cuốn sách lại, ông nói với tôi, “như ông thấy đây, thực hành này được xác nhận bởi tài liệu này, dù cho kiểu đếm người đặc thù này có thể xem ra kỳ dị đối với ông. Và một tờ giấy coi khác, tờ này có từ năm 48 CN cho thấy rằng toàn bộ gia đình tham dự cuộc kiểm tra”.

Tuy nhiên, điều đó vẫn chưa hoàn toàn giải quyết xong vấn đề. Luca nói rằng cuộc kiểm tra mang Đức Maria và Thánh Giuse tới Bêlem được tiến hành thời Quirinô là thống đốc ở Syria và dưới thời Đại vương Hêrốt.

Tôi nhấn mạnh, “Điều đó nêu ra một câu hỏi, vì Hêrốt chết năm 4 TCN, còn Quirinô mãi đến năm 6 CN mới làm tổng trấn Syria... Có cả một khoảng cách lớn ở đó; làm thế nào ông có thể giải quyết khoảng cách lớn như thế về niên đại được?”

McRay biết tôi sẽ nêu một vấn đề từng làm cho khoa khảo cổ loay hoay nhiều năm. Ông đáp bằng cách nói rằng: “một nhà khảo cổ lỗi lạc tên Jerry Vardaman đã làm việc nhiều trong khía cạnh này. Ông đã tìm được đồng tiền trên đó, có tên Quirinô bằng chữ rất nhỏ, điều người ta quen gọi là chữ “vi đồ họa” (micrographic). Điều này đặt ông vào vị thế thống đốc (proconsul) Syria và Cilicia từ năm 11 TCN tới sau cái chết của Hêrốt”.

Tôi thấy hơi lộn xộn, bèn hỏi, “điều đó có nghĩa gì?”

Ông trả lời, “Nó có nghĩa xem ra có hai Quirinô. Không lạ khi có nhiều người trùng tên La Mã với nhau, thành thử không có lý do gì để hoài nghi việc có hai người tên Quirinô. Xét vì chu kỳ cứ 14 năm lại có một lần kiểm tra dân số, thì việc này là điều rất có thể đã diễn ra”.

Điều trên, đối với tôi, có vẻ suy đoán, nhưng thay vì bị sa lầy trong cuộc đàm đạo này, tôi quyết định dẹp vấn đề này khỏi tâm trí để sau này hãy tính cách phân tích thêm. Khi tôi thực hiện một số tìm tòi thêm, tôi thấy Ngài William Ramsay, nguyên khảo cổ gia và giáo sư tại cả Đại Học Oxford lẫn Đại Học Cambridge bên Anh, đã xuất hiện với một lý thuyết tương tự. Từ một số bản khắc, ông kết luận rằng dù chỉ có một Quirinô, ông này cai trị Syria ở hai dịp khác nhau, bao trùm thời gian của cuộc kiểm tra dân số trước đó (7).

Các học giả khác nhấn mạnh rằng bản văn Luca có thể phiên dịch như sau: “Cuộc điều tra dân số lần này diễn ra trước khi Quirinô cai trị Syria”, điều này có lẽ sẽ giải quyết được vấn đề (8).

Vấn đề đã không được giải đáp như tôi mong đợi. Tuy nhiên, tôi phải nhìn nhận rằng McRay và nhiều người khác đã cung cấp một số giải thích có giá trị. Tôi có thể kết luận một cách tin tưởng rằng các cuộc kiểm tra dân số được tổ chức trong khung thời gian Chúa Giêsu sinh ra và quả người dân có bị buộc phải trở về nơi sinh quán, điều mà tôi vẫn lấy làm lạ!

Điều khó hiểu 2: Sự hiện hữu của Nadarét

Nhiều Kitô hữu không biết việc những người hoài nghi từ lâu vốn quả quyết rằng Nadarét không hề hiện hữu vào thời Tân Ước nói Chúa Giêsu sống tuổi thơ của Người tại đó.

Trong một bài báo tựa là “Những nơi Chúa Giêsu chưa bao giờ đi qua”, nhà vô thần Frank Zindler nhận định rằng Nadarét không được nhắc tới trong Cựu Ước, bởi Tông đồ Phaolô, bởi Talmud (mặc dù 63 thị trấn Galilê khác đã được trung dẫn), hoặc bởi Josephus (người từng liệt kê 45 các làng mạc và thành phố của Galilê, kể cả Japha chỉ cách Nadarét ngày nay khoảng một dặm). Không sử gia nào hay nhà địa dư nào nhắc đến Nadarét trước đầu thế kỷ thứ tư (9). Tên này lần đầu tiên xuất hiện trong văn chương Do Thái qua bài thơ viết vào khoảng thế kỷ thứ 7 CN (10).



Việc thiếu bằng chứng này vẽ nên một bức tranh nghi ngờ. Nên tôi nêu vấn đề này với McRay: “Có bất cứ xác nhận nào của khoa khảo cổ cho thấy Nadarét hiện hữu vào thế kỷ thứ nhất không?”

Vấn đề này không mới lạ gì đối với McRay, ông trả lời ngay, “Tiên sĩ James Strange của Đại Học Nam Florida là một chuyên viên về khu vực này, và ông mô tả Nadarét như một nơi rất nhỏ, khoảng 60 mẫu Anh, với tổng dân số tối đa là khoảng 480 người vào đầu thế kỷ thứ nhất.

Tuy nhiên, đó chỉ là kết luận, tôi muốn có bằng chứng nên tôi hỏi, “Làm thế nào ông ta biết như thế?”

“À, Strange nhận xét rằng khi Giêrusalem thất thủ năm 70 CN, các tư tế không còn được cần đến nữa trong đền thờ vì nó đã bị hủy diệt, thành thử họ được phái tới các địa điểm khác, tới cả Galilê. Các nhà khảo cổ đã tìm được cả một danh sách bằng chữ Aram mô tả 24 gia đình các tư tế được chuyển, và một trong số họ được chuyển tới Nadarét. Điều này chứng minh rằng ngôi làng nhỏ bé này phải hiện hữu ở đó vào lúc đó”.

Hơn nữa, ông cho hay có những cuộc đào xới khảo cổ đã khám phá các ngôi mộ ở thế kỷ thứ nhất ở gần Nadarét; điều này xác nhận ranh giới của làng vì theo luật Do Thái, các vụ chôn cất phải diễn ra ở ngoài thị trấn. Hai ngôi mộ chứa các đồ vật như đèn gốm, bình thủy tinh, và lọ từ các thế kỷ thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư.

McRay với lấy một cuốn sách của nhà khảo cổ nổi danh Jack Finegan, do Princeton University Press xuất bản. Ông lật qua, và đọc phân tích của Finegan: “Từ các ngôi mộ... người ta có thể kết luận Nadarét là một khu định cư của người Do Thái thời đế quốc La Mã” (11).

McRay nhìn tôi và nói, “đã có tranh luận về địa điểm của một số nơi ở thế kỷ thứ nhất như chính xác thì ngôi mộ của Chúa Giêsu ở đâu, nhưng giữa các nhà khảo cổ, chưa bao giờ thực sự có hoài nghi lớn lao về địa điểm của Nadarét. Trách nhiệm cung cấp bằng chứng thuộc về những người tranh luận sự hiện hữu của nó”.

Điều đó xem ra hợp lý. Ngay người hay hoài nghi là Ian Wilson, trung dẫn các phết tích tìm được năm 1955 dưới Nhà thờ Truyền tin tại Nadarét ngày nay, cũng đã thừa nhận, “những phát hiện này cho thấy Nadarét có thể đã hiện hữu vào thời Chúa Giêsu, nhưng chắc chắn nó chỉ là một nơi rất nhỏ và vô nghĩa” (12).

Vô nghĩa đến nỗi lời của Nathanaen ở Gioan 1:46 nay càng có nghĩa hơn nữa. Ngài nói, “làm sao có gì tốt phát xuất từ Nadarét cho được?”

Điều khó hiểu 3: Tàn sát tại Bêlem

Tin mừng Mátthêu vẽ ra một khung cảnh rùng rợn: Hêrốt đại vương, vua Giuđa, vì cảm thấy bị đe dọa bởi việc sinh ra đời của một hài nhi ông sợ cuối cùng sẽ tiếm ngôi vàng của ông, nên đã phái quân đội của ông đến Bêlem sát hại mọi trẻ em dưới hai tuổi. Tuy nhiên, được thiên thần báo mộng, Thánh Giuse đã đem Đức Maria và Hài nhi Giêsu trốn qua Ai Cập. Chỉ sau khi Hêrốt đã chết, các ngài mới trở về định cư tại Nadarét, toàn bộ tình tiết này đã ứng nghiệm ba lời tiên tri xưa về Đấng Mêxia (Xem Mt 2:13-23).



Vấn đề là: không có sự xác nhận độc lập nào là vụ sát hại hàng loạt này đã diễn ra. Không có gì trong các trước tác của Josephus và các sử gia khác. Không có sự hỗ trợ nào của khoa khảo cổ. Không hề có hồ sơ hay tài liệu nào.

Tôi nhấn mạnh, “chắc chắn một biến cố lớn lao như thế này phải được một ai đó ngoài Mátthêu ghi nhận chứ. Với việc hoàn toàn vắng bóng bất cứ sự chứng thực nào của lịch sử hay của khoa khảo cổ, há không hợp lý hay sao khi kết luận rằng vụ thảm sát này không hề xảy ra?”

McRay trả lời, “tôi có thể thấy tại sao ông nói vậy, vì ngày nay, một biến cố như thế chắc chắn sẽ được chiếu khắp CNN và mọi cơ sở truyền thông khác.”

Tôi đồng ý. Thật vậy, năm 1997 và 1998, đã có hàng loạt tin tức về những người cực đoan Hồi giáo không ngừng lùng sục và sát hại gần như toàn bộ các làng mạc, kể cả đàn bà và trẻ em, tại Algeria. Toàn thế giới ai cũng biết.

McRay nói thêm, “nhưng ông nên đặt mình vào thế kỷ thứ nhất và lưu ý một vài điều. Thứ nhất, Bêlem có lẽ chẳng lớn hơn gì Nadarét, nên thử hỏi, có bao nhiêu trẻ sơ sinh cỡ tuổi ấy ở đó trong một ngôi làng dân số chỉ năm hay sáu trăm người? Chắc chắn không phải hàng nghìn, hàng trăm, dù chắc chắn vài em là cùng.

“Thứ hai, Hêrốt đại vương, là ông vua khát máu: ông ta giết cả các thành viên trong gia đình ông ta; ông ta hành quyết bất cứ ai có thể thách thức ông ta. Nên sự kiện ông ta giết một vài trẻ sơ sinh ở Bêlem làm sao thu hút được sự chú ý của người ta trong thế giới La Mã.

“Và thứ ba, hồi ấy làm gì có truyền hình, truyền thanh hay báo chí. Cần phải có thời gian lâu, lời truyền miệng về việc này mới đi xa, nhất là từ ngôi làng nhỏ bé ở một vùng đồi núi xa xăm gần như không ai lưu ý, còn các sử gia, họ có biết bao chuyện lớn lao cần phải viết về”.

Là một nhà báo, điều ấy khá khó để chấp nhận. Tôi tỏ vẻ hoài nghi, “Chuyện này không đáng được kể lại hay sao?”

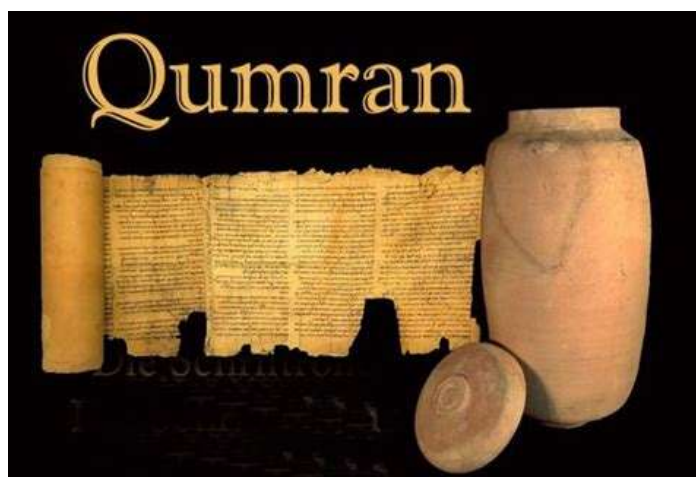
Ông nói, “tôi không nghĩ nó đáng, ít nhất trong lúc ấy. Một thằng điên sát hại mọi người xem ra có tiềm năng đe dọa nó, đó là chuyện thường tình đối với Hêrốt. Dĩ nhiên, sau đó, khi Kitô giáo phát triển, biến cố này mới trở nên quan trọng, nhưng tôi sẽ ngạc nhiên nếu chuyện này gây sóng gió dư luận lúc ấy”.

Có thể như vậy, nhưng điều này khá khó để tưởng tượng đối với một nhà báo từng được huấn luyện để đánh hơi tin tức trong thời đại kỹ thuật cao với truyền thông nhanh và cùng khắp thế giới. Đồng thời, tôi phải thừa nhận rằng từ những gì tôi biết về khung cảnh đẫm máu của Palestine xưa, giải thích của McRay xem ra hợp lý.

Điều ấy để lại một phạm vi khác tôi muốn được thăm dò. Và với tôi, nó là phạm vi lôi cuốn hơn cả.

Điều khó hiểu về Sách Cuộn Biển Chết

Ai cũng phải nhận, khảo cổ học có sức hấp dẫn của nó. Những ngôi mộ cổ, những bản khắc vào đá hay nguyền ngoạc vào giấy cói khó hiểu, những mảnh đồ gốm vỡ tan, những đồng tiền cũ kỹ, tất cả đều là những manh mối trên ngời đối với một nhà điều tra cổ đố. Nhưng ít có di tích nào của quá khứ đã sản sinh ra nhiều hứng thú cho bằng Các Sách Cuộn Biển Chết, hàng trăm bản chép tay có từ năm 250 TCN tới năm 68 CN được tìm thấy năm 1947 trong các hang động cách đông Giêrusalem khoảng 20 dặm. Dường như nó đã được giáo phái Do Thái Giáo có tên là Essenes cất giấu trước khi người La Mã hủy diệt cơ sở của họ.



Một số chủ trương kỳ lạ đã được phát biểu về các sách cuộn này, trong đó, có cuốn sách phi lý của John Marco Allegro, trong đó, ông cho rằng Kitô giáo phát sinh từ phái thờ sinh sản trong đó, các tín hữu phiêu diêu nhờ các thứ nấm gây ảo giác (13). Trong một quả quyết chính đáng hơn nhưng vẫn đáng ngờ vực, chuyên gia về tài liệu giấy cói, Jose O'Callaghan, nói rằng các mảnh Biển Chết là một phần của một thủ bản xưa nhất từng tìm thấy của tin mừng Máccô, được định niên biểu vào năm thứ 17 hay 20 sau khi Chúa Giêsu bị đóng đinh. Tuy nhiên, nhiều học giả tiếp tục hoài nghi lời giải thích của ông (14).

Dù sao, không cuộc tìm tòi khảo cổ nào về thế kỷ thứ nhất đầy đủ nếu không tìm hiểu các sách cuộn. Nên tôi hỏi McRay, “Chúng có cho chúng ta hay bất cứ điều gì trực tiếp về Chúa Giêsu không?”

Ông trả lời, “À, không, Chúa Giêsu không chuyên biệt được nhắc đến trong bất cứ sách cuộn nào. Chủ yếu, các sách cuộn này cung cấp cho chúng ta các tầm nhìn thông suốt về đời sống và phong tục Do Thái”. Rồi ông rút ra một số giấy tờ và chỉ vào một bài báo được công bố năm 1997, và nói thêm, “Mặc dù, có một sự phát triển rất đáng lưu ý liên hệ tới bản chép tay có tên là 4Q521 cho chúng ta thấy điều gì đó về việc Chúa Giêsu tự coi mình là ai”.

Điều đó gây chú ý nơi tôi, tôi nói với một giọng rất khẩn trương, “Nói cho tôi hay về điều đó đi”.

McRay bật mí màu nhiệm. Tin mừng Máttêu mô tả thánh Gioan Tẩy giả, bị giam cầm và đang vật lộn với

nhiều nỗi hoài nghi dai dẳng về căn tính của Chúa Giêsu, đã sai các môn đệ tới hỏi Chúa Giêsu câu hỏi trọng đại này: “ngài có phải là Đấng phải đến, hay chúng tôi vẫn phải chờ một vị khác?” (Mt 11:3). Thánh nhân muốn tìm một câu trả lời thẳng thắn về việc liệu Chúa Giêsu có thực sự là Đấng Mêxia hằng mong chờ hay không.

Qua nhiều thế kỷ, Kitô hữu vẫn thắc mắc về câu trả lời khó hiểu của Chúa Giêsu. Thay vì trực tiếp nói có hay không, Chúa Giêsu lại trả lời, “hãy trở về và tường trình cho Gioan hay những điều các ông nghe và thấy: người mù trông thấy, người què bước đi, người phong cùi được chữa khỏi, người điếc nghe thấy, người chết sống lại, và tin mừng được giảng dạy cho người nghèo” (Mt 11:4-5).

Câu trả lời của Chúa Giêsu có ý nhắc đến *Isaia* 61. Nhưng vì một lý do nào đó, Chúa Giêsu thêm vào câu “người chết sống lại” là câu hiển nhiên không có trong bản văn Cựu Ước.

Đó là chỗ 4Q521 can thiệp. Bản chép tay không phải là Kinh Thánh thuộc bộ Sách Cuộn Biển Chết này, được viết bằng tiếng Do Thái, có niên biểu 30 năm trước khi Chúa Giêsu sinh ra đời. Nó có chứa một ấn bản *Isaia* 61 trong đó có câu “kẻ chết sống lại”.

McRay cho hay, “[Học giả sách cuộn Craig] Evans đã chỉ ra rằng câu này trong 4Q521 chắc chắn được lồng vào ngữ cảnh Mêxia. Nó có ý nói đến những kỳ công mà Đấng Mêxia sẽ làm khi Người xuất hiện và khi trời và đất vâng lời Người. Nên khi Chúa Giêsu trả lời Gioan, Người không hề hồ đồ. Gioan lập tức sẽ nhận ra lời lẽ của Người như một công bố rằng Chúa Giêsu là Đấng Mêxia”.

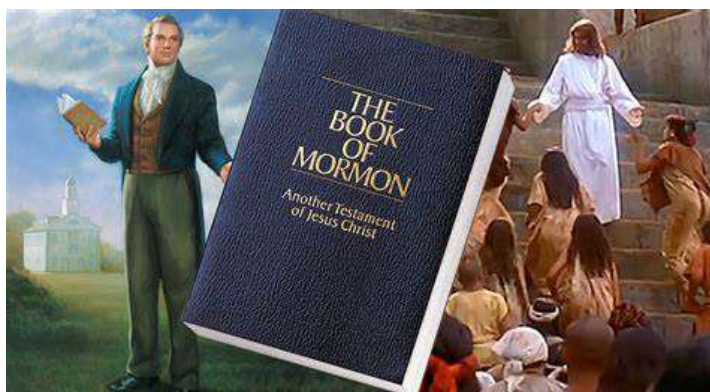
McRay thấy cho tôi bài báo trong đó Evans được trích dẫn phát biểu rằng, “4Q521 làm sáng tỏ điều này: việc Chúa Giáng Sinh nài đến *Isaia* 61 quả tình có tính Mêxia. Trong yếu tính, Chúa Giêsu muốn nói cho Gioan, qua các môn đệ của ngài là, những điều có tính thiên sai đang diễn ra. Cho nên điều trả lời cho câu hỏi [của Gioan] là: Đúng, Người là Đấng phải đến” (15).

Tôi ngả lưng vào ghế. Với tôi, khám phá của Evans đã xác nhận căn tính của Chúa Giêsu một cách đáng lưu ý. Điều làm tôi ngạc nhiên là khoa khảo cổ hiện đại đã có thể mở khóa ý nghĩa của một câu nói trong đó, Chúa Giêsu mạnh bạo quả quyết gần hai ngàn năm trước đây rằng Người quả thật là Đấng được xức dầu của Thiên Chúa.

“Một cuốn sách có nguồn chính xác rất đáng kể”

Việc khảo cổ học liên tiếp khẳng định tính chính xác của Tân Ước cung cấp việc chứng thực quan trọng cho tính đáng tin cậy của nó. Điều này trái ngược sắc nét với việc khoa này tự chứng minh mình gây tai họa ra sao cho giáo phái Mormon.

Mặc dù Joseph Smith, người sáng lập ra giáo phái Mormon, cho rằng Sách Mormon của ông là “sách chính xác nhất trên trái đất” (16), khoa khảo cổ đã liên tiếp không thể chứng minh được các tuyên bố của ông về các biến cố cho rằng đã diễn ra rất lâu trước đây ở Mỹ Châu.



Tôi nhớ từng viết cho Viện Smithsonian để hỏi xem liệu có bất cứ bằng chứng nào nâng đỡ các tuyên bố của phái Mormon hay không, để chỉ nhận được câu trả lời không hàm hồ rằng các nhà khảo cổ của nó thấy “không có kết nối trực tiếp nào giữa khoa khảo cổ của Tân Thế Giới và vấn đề chủ đề của cuốn sách”.

Như các tác giả John Ankerberg và John Weldon đã kết luận trong cuốn sách về chủ đề, “Nói cách khác, không có các thành phố của Sách Mormon nào được định vị trí, không một người, nơi chốn, quốc gia hay tên tuổi nào của Sách Mormon đã được tìm thấy, không một đồ tạo tác nào của Sách Mormon, không một sách thánh nào của Sách Mormon, một một bản khắc nào của Sách Mormon... Không một điều gì chứng minh Sách Mormon là gì ngoại trừ là huyền thoại hay sáng chế đã từng được khám phá” (17).

Tuy nhiên, câu truyện hoàn toàn khác đối với Tân Ước. Các kết luận của McRay đã được nhắc lại bởi nhiều khoa học gia khác, trong đó, có nhà khảo cổ lỗi lạc người Úc, Clifford Wilson, người từng viết, “nay, những ai biết sự kiện đều thừa nhận rằng Tân Ước phải được chấp nhận là sách nguồn chính xác rất đáng kể” (18).

Với Craig Blomberg đã xác lập tính đáng tin cậy từ trong yếu tính của các tài liệu Tân Ước, Bruce Metzger đã xác nhận việc lưu truyền chúng một cách chính xác trong lịch sử, Edwin Yamauchi đã chứng minh sự chứng thực rộng rãi của các sử gia cổ thời và nhiều người khác, và nay John McRay đã chứng minh việc khoa khảo cổ nhấn mạnh tính đáng tin cậy của chúng, tôi phải nhất trí với Wilson. Lý lẽ bên vực Chúa Kitô, dù không đầy đủ, nhưng đã được xây dựng trên nền đá vững chắc.

Đồng thời, tôi biết có một vài vị giáo sư nổi tiếng không đồng ý với lượng định này. Quý bạn từng thấy họ được trích dẫn trên Newsweek và được phỏng vấn trên tin tức buổi tối, nói tới việc tái lượng định về Chúa Giêsu. Nay đã đến lúc để tôi trực diện đối đầu với các phê phán của họ trước khi tôi tiến xa hơn trong cuộc điều tra của tôi. Điều này có nghĩa tôi phải tới Minnesota để phỏng vấn một học giả hăng hái, được Yale giáo dục, có tên là Tiến sĩ Gregory Boyd.

Tài liệu đọc thêm:

Finegan, Jack. *The Archaeology of the New Testament* [Khảo cổ học của Tân Ước], Princeton: Princeton Univ. Press, 1992
 McRay, John. *Archaeology and the New Testament* [Khảo cổ học và Tân Ước]. Grand Rapids: Baker 1991.
 Thompson, J.A. *The Bible and Archaeology* [Kinh Thánh và Khảo cổ học]. Grand Rapids: Eerdmans, 1975.
 Yamauchi, Edwin. *The Stones and the Scriptures* [Những Viên đá và Sách Thánh]. New York: J.B. Lippencott, 1972.

Ghi chú

(1) Muốn biết trọn câu truyện, xin xem Joe McGinnis, *Fatal Vision* [Viễn kiến Chết người] (New York: New

- American Library, 1989). Muốn có mô tả bằng chứng khoa học, xin xem Colin Evans, *The Casebook of Forensic Detection [Sách Những Trường hợp Điển hình của Khám phá pháp y]* (New York: John Wiley & Sons, 1996) 277-80
- (2) *Lc* 18:35; *Mc* 10:46.
- (3) Norman Geisler và Thomas Howe, *When Critics Ask* [Khi các Nhà Phê bình hỏi] (Wheaton, Ill.: Victor, 1992) 385.
- (4) John Ankerberg and John Weldon, *Ready with an Answer* [Sẵn sàng có Câu Trả lời] (Eugene, Ore.: Harvest House, 1997) 272.
- (5) Michael Martin, *The Case Against Christianity* [Lý lẽ Chống Kitô giáo] (Philadelphia: Temple Univ. Press, 1991) 69.
- (6) John McRay, *Archaeology and the New Testament* [Khảo cổ học và Tân Ước] (Grand Rapids: Baker 1991) 155
- (7) Robert Boyd, *Tells, Tombs, and Treasure* [Những truyện kể, những ngôi mộ và kho báu] (Grand Rapids: Baker 1969), 175, trích dẫn trong Habermas, *The Historical Jesus*, 172.
- (8) Geisler and Howe, *When Critics Ask* [Khi các Nhà Phê bình hỏi], 185.
- (9) Frank Zindler, “Where Jesus Never Walked [Nơi Chúa Giêsu không bao giờ lui tới]”, *American Atheist* (Winter 1996-1997) 34.
- (10) Ian Wilson, *Jesus: The Evidence* [bằng chứng] (1984, in lại, San Francisco: HarperSanFrancisco 1988) 67.
- (11) Jack Finegan, *The Archaeology of the New Testament* [Khảo cổ học của Tân Ước] (Princeton: Princeton Univ. Press, 1992), 42.
- (12) Wilson, *Jesus: Evidence* [Chúa Giêsu: Bằng chứng].
- (13) Wilkins and Moreland, *Jesus Under Fire* [Chúa Giêsu bị tấn công], 209.
- (14) *Ibid.*, 211.
- (15) Kevin D. Miller, “The War of the Scrolls” [Cuộc chiến Sách Cuộn], *Christianity Today*, (6 tháng 10, 1997), 44.
- (16) Joseph Smith, *History of the Church* [Lịch sử Giáo hội] 8 cuốn (Salt Lake City: Deseret, 1978) 4:461, trích dẫn trong Donald S. Tingle, *Mormonism* (Downers Grove Ill.: InterVarsity Press, 1981) 17.
- (17) John Ankerberg and John Weldon, *The Facts on the Mormon Church* [Các sự kiện về Giáo hội Mormon] (Eugene, Ore.: Harvest House, 1991), 30.
- (18) Clifford Wilson, *Rocks, Relics and Bible Reliability* [Các Di tích và Tính đáng tin của Kinh thánh] (Grand Rapids: Zondervan; Richardson, Tex.: Probe, 1977) 120, trích dẫn trong Ankerberg and Weldon, *Ready with an Answer* [Sẵn sàng có câu trả lời], 272.

Chương Sáu: Bằng chứng bác bỏ

Chúa Giêsu của lịch sử có là một với Chúa Giêsu của Đức tin hay không?

Nó luôn xảy ra trên loạt phim được chiếu lại Perry Mason và trong các tiểu thuyết bìa giấy, nhưng nó cực kỳ hiếm khi xảy ra trong các bi kịch pháp lý đời thực. Nên, khi một nhân chứng tận mắt trong một vụ xử tội giết người bác bỏ, không tố cáo bị cáo là kẻ giết người, trái lại tự tố cáo mình là kẻ sát nhân, toàn thể toà án phải ngỡ ngàng, và tôi có câu truyện tuyệt vời cho từ *Chicago Tribune*.

Richard Moss bị tố cáo đã bắn chết một thiếu niên Chicago 19 tuổi ở bên ngoài một quán rượu phía tây bắc. Người bạn lâu năm của Moss là Ed Passeri được gọi làm chứng để mô tả cuộc cãi lộn dẫn đến việc sát nhân.

Passeri mô tả khung cảnh diễn ra ở bên ngoài Quán Rusty Nail, rồi luật sư của bị cáo hỏi anh ta chuyện gì xảy ra cho nạn nhân.

Không hề chớp mắt, Passeri trả lời ngay rằng sau khi nạn nhân đâm anh ta bằng chiếc kéo, “tôi bắn nó”.

Người ghi chép các lời cung khai ở tòa án há hốc miệng ra. Các công tố viên giơ tay lên trời. Quan tòa lập tức cho ngưng các thủ tục để thông báo cho Passeri quyền hiến chế của anh ta chống lại việc tự buộc tội mình. Và rồi bị cáo đứng lên nói đúng, đúng như thế, chính Passeri là người phạm tội ác.

Luật sư của bị cáo phát biểu, “điều Passeri làm là một hành vi can đảm”.

Nhưng các công tố viên không tin như thế. Một người trong số họ hỏi, “Can đảm cái gì? Passeri biết anh ta đâu có điều hành cái may rủi của công tố, vì bằng chứng duy nhất mà công tố có là chỉ về Richard Moss!”

Vẫn xác tín một cách áp đảo về tội lỗi của Moss, các công tố viên biết họ phải trình bày chứng từ thật mạnh mới đảo ngược được lời của Passeri. Trong thuật ngữ luật pháp, điều họ cần là bằng chứng bác bỏ (rebuttal evidence), được định nghĩa như bất cứ chứng cứ nào có thể có để “giải thích, phản cung hay bác bỏ” một trình thuật của nhân chứng (1).

Ngày hôm sau, các công tố viên tra hỏi ba nhân chứng tận mắt khác, những người quả quyết chính Moss đã phạm tội giết người. Dựa vào đó và nhiều bằng chứng khác, các bồi thẩm viên đã kết luận Moss có tội (2). Các công tố viên đã làm đúng. Khi sức mạnh áp đảo của bằng chứng đã rõ ràng chỉ về hướng tội phạm của bị cáo, họ đã khôn ngoan hoài nghi một lời quả quyết không được nâng đỡ trong yếu tính, do một ai đó có quyền lợi được đảm bảo vĩnh viễn khi giúp bạn mình đưa ra.



Có thể bác bỏ hội thảo chuyên đề về Chúa Giêsu hay không?

Ý niệm luật pháp về bằng chứng bác bỏ thích hợp ra sao với cuộc điều tra của tôi về Chúa Giêsu?

Giờ đây lúc tôi đã nghe bằng chứng có tính thuyết phục mạnh mẽ và rất có lý từ các học giả tôi vận hỏi cho cuốn sách này, tôi cần hướng chú ý của tôi vào các ý kiến dứt khoát mâu thuẫn của một nhóm nhỏ các nhà học thuật vốn là chủ đề của cơn lốc tường trình tin tức.

Tôi chắc chắn quý bạn từng đã thấy các bài viết. Trong mấy năm gần đây, các phương tiện truyền thông tin tức đã tràn ngập các tường trình không phê phán về Cuộc Hội thảo Chuyên đề về Chúa Giêsu, tức nhóm tự chọn, đại diện một bách phân rất nhỏ các học giả Tân Ước nhưng đã được tường trình quá đáng về ảnh hưởng của nó.

Các tham dự viên thích được nổi tiếng của cuộc Hội thảo lôi cuốn được báo chí nhờ bỏ phiếu bằng những hạt đủ màu cho việc họ có nghĩ rằng Chúa Giêsu có nói những điều được các sách Tin Mừng quả quyết chính Người đã nói hay không. Hạt màu đỏ nghĩa là Chúa Giêsu chắc chắn nói điều đó hay một điều giống

như thế; hạt màu hồng có nghĩa có lẽ Người nói nó; hạt màu xám có nghĩa là Người không nói điều đó nhưng ý tưởng thì tương tự như chính lời Người; và hạt màu đen có nghĩa là Người không hề nói điều ấy.

Cuối cùng, họ kết luận Chúa Giêsu không nói 82 phần trăm những điều các sách Tin Mừng gán cho Người. Phần lớn 18 phần trăm còn lại được coi là đáng hoài nghi cách nào đó, chỉ có 2 phần trăm những điều Chúa Giêsu nói là có thể tự tin cho là chân chính (3). Thêm gây tranh cãi và thiếu tài chuyên môn để lục lợi phương pháp luận của cuộc Hội thảo, các nhà báo đã dành cả hàng giềng mực cho câu truyện của họ.

Rồi cuộc Hội thảo cho xuất bản *The Five Gospels* (Năm Tin Mừng), chứa bốn Tin mừng truyền thống thêm Tin mừng Tôma đáng ngờ, với những lời tô màu của Chúa Giêsu để phù hợp với các khám phá của nhóm. Lật qua nó, các bạn sẽ thấy nhiều khoảng rất rộng màu đen và rất ít khoảng dành cho màu đỏ. Chẳng hạn, những lời duy nhất trong Kinh của Chúa được cuộc Hội thảo xác tín do chính Chúa Giêsu nói là “Kinh Lạy Cha”.

Nhưng tôi muốn đi quá bên kia các hàng tít lớn và khai quật, như bình luận gia Paul Harvey ưa nói, “phần còn lại của câu truyện”. Tôi muốn biết liệu có bất cứ bằng chứng bác bỏ đáng tin nào để bác bỏ các ý kiến gây bối rối và được quảng cáo rầm rộ đó hay không. Liệu các khám phá của cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu có đặt cơ sở vững chắc trên một nghiên cứu học giả vô tư hay chúng chỉ giống như chứng từ yếu mệnh của Passeri: có ý nghĩa nhưng cuối ùng không được chống đỡ?

Đề được trả lời, tôi đã lái xe 6 tiếng đồng hồ tới St. Paul, Minnesota, để hầu chuyện Tiến sĩ Gregory Boyd, một giáo sư thần học tốt nghiệp nhóm các trường đại học nổi tiếng ở miền Đông nước Mỹ (Ivy League); các sách và bài viết của ông vốn thách thức trực diện cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu.



Cuộc Phỏng vấn Thứ năm: Gregory A. Boyd, Ph.D.

Lần đầu tiên Boyd chạm trán với cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu là năm 1996, khi ông viết bài phê bình tàn hại chống các quan điểm cấp tiến về Chúa Giêsu, tựa là *Cynic Sage or Son of God? Recovering the Real Jesus in an Age of Revisionist Replies* [Hiền giả Khuyển nho hay Con Thiên Chúa? Tìm lại Chúa Giêsu Thực sự trong Thời đại của Những câu Trả lời Duy Xét lại]. Có nhiều ghi chú, cuốn sách 416 trang này được các độc giả của *Christianity Today* tôn vinh như một trong những cuốn sách quý hiếm trong năm. Cuốn bìa giấy của ông, *Jesus under Siege* [Chúa Giêsu bị Vây hãm] tiếp tục cùng các thể tài ở bình diện nhập môn nhiều hơn.

Các cuốn sách khác của Boyd bao gồm cuốn được giải thưởng, *Letters from a Skeptic* [Các Lá thư từ một Kẻ

Hoài nghi], trong đó, ông và người cha hoài nghi lúc đó của ông vật lộn vượt qua các vấn đề hắc búa liên quan tới Kitô giáo (lên tới cao điểm khi cha ông trở thành Kitô hữu), và cuốn *God at War: The Bible and Spiritual Conflict* [Thiên Chúa Chiến tranh: Kinh Thánh và Tranh chấp Thiên thiêng liêng]. Ngoài ra, ông còn là học giả đóng góp cho *The Quest Study Bible* (Nghiên cứu Truy tìm Kinh thánh), vốn được thiết kế cho những ai hỏi những câu hỏi trí thức về đức tin Kitô giáo.

Sau khi đậu bằng cử nhân triết học từ Đại Học Minnesota, Boyd lãnh bằng thạc sĩ thần học (cum laude=hạng bình) từ Trường Thần học của Đại Học Yale và bằng tiến sĩ (magna cum laude=hạng ưu) từ Chứng viện Thần học Princeton.

Tuy nhiên, ông không phải là nhà trí thức kiêu thấp ngà. Với mái tóc đen gọn sóng, khổ người dẻo dai, và nụ cười hài hước, Boyd giống đôi tác học thuật của diễn viên hài Howie Mandell. Và giống như Mandell, ông là động năng nguyên tuyền.

Lời lẽ từ ông thoát ra như nước thoát ra từ một ống nước bể. Ông phun ra các ý tưởng phức tạp và các ý niệm thần học bằng một vận tốc chóng mặt. Ông cựa quậy, ông làm cử chỉ, ông vịn vẹo người trong chiếc ghế ngồi. Không còn giờ nhét sơ mi vào trong quần, cất những giấy tờ nằm bừa bãi khắp văn phòng của ông, hay đặt lên giá các cuốn sách chồng chất trên sàn. Ông cũng rất bận bịu suy nghĩ, tranh luận, đặt câu hỏi, thắc mắc, mơ màng, suy niệm, phát minh, và đương đầu hết dự án này đến dự án khác.

Thật vậy, một nghề nghiệp mà thôi không đủ cho ông. Ngoài chức vụ giáo sư thần học tại Cao đẳng Bethel, ông còn là một mục sư tại Nhà thờ Woodland Hills, nơi việc thuyết giảng say mê của ông đã giúp gia tăng số tham dự từ 40 năm 1992 tới 2,500 hiện nay. Môi trường đời thực này giúp giữ ông trong thực tại cuộc sống hàng ngày.

Để khuây khỏa, ông tranh luận với các người vô thần. Ông vật lộn với Gordon Stein quá cố về chủ đề “Thiên Chúa có hiện hữu không?” Ông và mục sư trở thành kẻ hoài nghi Dan Baker đấu khẩu về vấn đề “Chúa Giêsu có sống lại từ cõi chết hay không?” Và trong chương trình được bảo trợ bởi Trung tâm Hồi giáo Minnesota, ông thách thức một người Hồi giáo về vấn đề “Thiên Chúa có phải là Ba Ngôi không?” Tâm trí lanh lợi của Boyd, sự nhanh trí, đầy tương cảm với người ta, và là kho dự trữ sâu xa kiến thức Kinh thánh và triết học làm ông trở thành một địch thủ đáng ngại.

Hơn nữa, ông còn có khả năng tổng hợp văn hóa đại chúng với nền học giả nghiêm túc như bất cứ ai tôi biết. Ông biết túc cầu tốt như biết các ghi chú. Ông có thể bắt đầu câu nói với một nhận xét ứng khẩu về một cuốn phim mới và kết thúc nó với một việc cao siêu nhắc đến một vấn đề hắc búa triết học sâu xa. Ông thoải mái đọc Dilbert hay xem một đoạn Seinfeld trong khi viết cuốn sách gây ấn tượng *Trinity and Process: A Critical Evaluation and Reconstruction of Hartshorne's Di-Polar Theism towards a Trinitarian Metaphysics* [Ba Ngôi và Diễn trình: một Lượng giá và Tái dựng có phê phán Hữu thần thuyết Hai cực của Hartshorne hướng tới Một Siêu hình học Ba Ngôi].

Phong cách xuề xòa và thích trò truyện của ông nhanh chóng giúp tôi cảm thấy như ở nhà khi chúng tôi bước vào văn phòng ở lầu hai của ông. Tôi mau chóng thấy Boyd phấn khích và sẵn sàng tiếp chuyện.

Các trước tác từ ngoại vi cấp tiến

Tôi quyết định bắt đầu từ quan điểm của một người tiêu thụ tin tức trung bình. Tôi nói, “Người ta lược một tờ tạp chí hay một tờ báo, đọc các kết luận của cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu, và cho rằng điều này đại diện cho chính dòng của nền học giả Tân Ước. Nhưng thực sự có đúng như thế hay không?”

Ông nói, trông như một ai đó vừa cắn phải một thứ gì chua lắm, “Không, không, không, không đúng như

thế. Nhưng ông nói đúng, người ta có ấn tượng ấy”.

Ông lắc lư trong chiếc ghế ngồi cho tới lúc cảm thấy thoải mái đủ để kể lại câu truyện. Ông nói, “Khi báo *Time* công bố bài đầu tiên về cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu, tôi đang trong diễn trình nói về Kitô giáo với một gã tôi muốn thiết lập tương giao với. Anh ta rất hoài nghi và rất say mê các ý niệm của *New Age* (Thời Mới).

“Chúng tôi có một người bạn chung đang nằm trong bệnh viện, và khi tôi đến thăm người này, thì anh ta đã ở đấy rồi, đang đọc tờ *Time*. Khi tôi bước vào phòng, anh ta nói với tôi, ‘À, Greg, xem ra các học giả bắt đồng với anh’, và ném tờ tạp chí vào tôi!”

Boyd lắc đầu vừa buồn vừa không tin. “Ông thấy đấy, bài báo đó đem lại cho anh ta lý do không coi trọng tôi. Dù anh ta biết tôi là một học giả, anh ta giải thích bài báo này như muốn nói rằng đa số các học giả, ít nhất những người không phải cực đoan điên khùng, giữ các quan điểm này”.

Tôi có thể tương cảm với câu truyện của Boyd, sau khi đã nghe quá nhiều người đánh đồng cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu với mọi học giả. Tôi hỏi, “ông có nghĩ ấn tượng đó chỉ là tình cờ không?”

Boyd trả lời, “À, cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu chắc chắn tự mô tả họ cách này. Thật vậy, đây là một trong các khía cạnh gây khó chịu nhất của nó, không phải chỉ đối với người Tin lành nhưng đối với các học giả khác nữa.

“Nếu ông đọc cuốn sách của họ *The Five Gospels*, họ đưa ra ‘bẫy trụ cột của sự khôn ngoan bác học’ làm như ông phải theo phương pháp luận của họ nếu ông muốn trở thành một học giả đích thực không bằng. Nhưng rất nhiều học giả, thuộc đủ bối cảnh, tỏ ra rất dè dặt đối với một hay thậm chí phần lớn trụ cột này. Và cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu gọi bản dịch của họ là ‘bản học giả’, chà, điều này ngụ ý gì? Các bản khác không phải học giả chắc?”

Ông ngưng một lát, rồi đi vào cốt lõi của vấn đề. Ông nói, “Đây là sự thật. Cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu đại diện cho một con số cực kỳ nhỏ các học giả ngoại biên cấp tiến thuộc cánh cực tả của tư duy Tân Ước. Nó không đại diện cho chính dòng học giả”.

Ông cười khẩy, “Và một cách oái oăm, họ có thương hiệu cực đoan riêng của họ. Họ nói họ đúng trong cách thức làm việc của họ, chấm hết”. Ông tắc lưỡi, nói thêm, “nhân danh sự đa dạng, họ thực sự rất nông cạn”.

Khám phá Chúa Giêsu “thực sự”

Tôi nói, “Ít nhất, các người tham dự cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu cũng trung thực đối với các mục tiêu của họ, phải không?”

“Có, đúng thế. Họ minh nhiên nói rằng họ muốn cứu Kinh Thánh khỏi chủ nghĩa cực đoan và giải thoát người Mỹ khỏi niềm tin “ngây thơ” nghĩ rằng Chúa Giêsu của Kinh thánh là Chúa Giêsu “đích thực”. Họ nói rằng họ muốn một Chúa Giêsu có liên quan tới ngày nay. Một trong số họ nói rằng Chúa Giêsu truyền thống không nói gì tới các nhu cầu của cuộc khủng hoảng sinh thái, cuộc khủng hoảng hạt nhân, cuộc khủng hoảng duy nữ, nên chúng ta cần một hình ảnh khác về Chúa Giêsu. Như một trong số họ từng nói, chúng ta cần ‘một hư cấu mới’.

“Một trong những vận vẹo là họ đi thẳng tới quần chúng thay vì tới các học giả khác. Họ muốn đem các phát kiến ra khỏi tháp ngà và đem chúng ra hàng chợ để gây ảnh hưởng đối với công luận. Và điều họ mưu toan là một hình thức Kitô giáo hoàn toàn mới”.

Ý niệm một Chúa Giêsu mới, một đức tin mới, một Kitô giáo mới, quả rất kích thích óc tò mò. Tôi nói, “vậy xin cho tôi biết về Chúa Giêsu mà các người của cuộc Hội thảo về Người khám phá ra này. Người ra sao?”

Ông nói, “Trong căn bản, họ đã khám phá ra điều họ lên đường đi tìm. Một số nghĩ rằng Người là một nhà cách mạng chính trị, một số cho Người là một người cuồng tín về tôn giáo, một số khác nghĩ Người là người làm phép lạ, một số nữa lại nghĩ Người là người duy nữ, một số cho Người là người chủ trương bình đẳng, một số khác lại nghĩ Người muốn lật nhào mọi sự, rất nhiều đa dạng”.

Rồi ông tóm lược trong một vấn đề chủ chốt. “Nhưng có một hình ảnh mà tất cả họ đều nhất trí: trước nhất, Chúa Giêsu phải là một Chúa Giêsu duy tự nhiên.

“Nói cách khác, nói bất cứ gì khác về Người, Chúa Giêsu là một con người giống như tôi và ông. Người có thể là một con người ngoại thường, có thể Người tiếp cận tiềm năng cố hữu của chúng ta một cách không ai khác có thể làm bao giờ, nhưng nhất định Người không siêu nhiên.

“Nên họ bảo Chúa Giêsu và các môn đệ đầu tiên không coi Người là Thiên Chúa hay Đấng Mêxia, và họ không coi cái chết của Người có một ý nghĩa đặc biệt nào. Việc Người bị đóng đinh là điều bất hạnh và quá sớm, và các câu chuyện về việc Người phục sinh mãi sau này mới có như một cách cố gắng đương đầu với thực tại đáng buồn”.

Lắng nghe bằng chứng cách hợp tình hợp lý

Tôi đứng dậy và tha thần tới giá sách của ông trong khi đưa ra câu hỏi kế tiếp, tôi nói, “Được, nhưng bản thân ông tin rằng Chúa Giêsu đã sống lại, và có thể niềm tin của ông đã làm sai lệch quá đáng quan điểm của ông. Cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu tự coi họ như một việc tìm tòi sự thật không thiên kiến tương tự như những người cam kết với tôn giáo, những người như ông, cũng có một nghị trình thần học”.

Boyd quay hẳn người lại nhìn thẳng vào tôi, nhấn mạnh, “À, nhưng đó không phải là điều đang diễn ra. Các tham dự viên của cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu ít nhất cũng đầy thiên kiến như những người ngũ tuần, và tôi dám nói còn hơn thế. Họ đem cả một mớ giả thiết vào nền học thuật của họ, điều dĩ nhiên tất cả chúng tôi đều làm đến một mức nào đó.

“Giả thiết chính của họ, một giả thiết, bất ngờ, lại không phải là sản phẩm của cuộc nghiên cứu tìm tòi bác học vô tư, giả thiết đó là các sách Tin Mừng nói chung, thậm chí không đáng tin cậy. Họ kết luận điều này ngay từ đầu vì các sách Tin Mừng bao gồm những điều xem ra không có về phương diện lịch sử, như các phép lạ chẳng hạn, đi trên nước, cho người chết sống lại. Theo họ, những việc này đơn giản không xảy ra. Đó là chủ nghĩa duy tự nhiên, một chủ nghĩa cho rằng với mọi hiệu quả trong thế giới tự nhiên hay vật lý, có một nguyên nhân tự nhiên”.

Tôi nói, “Vâng, nhưng há đó không phải là cách người ta sống cuộc sống của họ sao? Có phải ông muốn nói chúng ta nên tìm các câu giải thích siêu nhiên đằng sau mọi điều xảy ra?”

Boyd nói, “Mọi người đều đồng ý rằng ông không cần kêu gọi tới các nguyên nhân siêu nhiên nếu ông không buộc phải làm như thế. Nhưng những học giả này đi quá đà và nói rằng ông không bao giờ buộc phải làm thế. Họ tiến hành dưới giả thiết cho rằng mọi sự trong lịch sử đều xảy ra theo các kinh nghiệm riêng của họ, và vì họ chưa bao giờ thấy một điều siêu nhiên, nên họ cho rằng các phép lạ chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử.

“Đây là điều họ làm: họ bác bỏ khả thể siêu nhiên ngay từ đầu, và rồi nói, ‘bây giờ hãy đưa ra bằng chứng về

Chúa Giêsu’. Không ngạc nhiên gì khi họ được kết quả mong muốn!”

Tôi muốn lật ngược vấn đề một chút, nên hỏi, “Được, thế thì ông tiến hành ra sao?”

“Tôi công nhận rằng ông không nên nại tới siêu nhiên trừ khi phải làm như thế. Vâng, trước nhất, phải tìm một giải thích tự nhiên đã. Suốt đời tôi, tôi đã làm thế. Một cây đổ, được, có thể do mối đục. Bây giờ, có phải một thiên thần đã xô nó đổ hay không? À, tôi sẽ không đi đến kết luận này trừ khi có bằng chứng dứt khoát cho việc này.

“Do đó, tôi công nhận như thế. Nhưng điều tôi không thể công nhận là suy đoán ghê gớm cho rằng chúng ta biết đủ về vũ trụ để có thể nói Thiên Chúa, nếu có Thiên Chúa, chưa bao giờ bước vào thế giới một cách siêu nhiên. Đó quả là một giả thiết quá táo bạo. Đó không phải là một suy đoán dựa trên lịch sử; vì ông đang làm siêu hình.

“Tôi nghĩ nên có một chút khiêm nhường trong cuộc điều tra lịch sử để có thể nói rằng, ‘Ông biết đấy, có thể Chúa Giêsu Kitô đã sống lại từ cõi chết. Có thể các môn đệ của Người thực sự thấy những điều các sách Tin Mừng nói các ngài trông thấy’. Và nếu không có cách nào khác để giải thích bằng chứng cách thỏa đáng, thì chúng ta hãy điều tra khả thể đó.

“Tôi nghĩ đó là cách duy nhất lắng nghe bằng chứng một cách hợp tình hợp lý”.

Phê phán các tiêu chuẩn

Để đạt tới kết luận của họ cho rằng Chúa Giêsu không bao giờ nói phần lớn các lời lẽ trong các sách Tin Mừng, các thành viên của cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu đã sử dụng một số giả thiết và tiêu chuẩn của riêng họ. Nhưng các tiêu chuẩn này có hợp lý và thích đáng không? Hay ngay từ đầu, chúng đã có thiên kiến, sẵn sàng sản sinh ra các kết quả mong muốn?

Boyd bắt đầu bằng cách phân tích phương thức của nhóm, “có rất nhiều vấn đề với các giả thiết và tiêu chuẩn của họ. Chẳng hạn, họ giả thiết rằng Giáo Hội sau này đã đặt những câu nói này vào miệng Chúa Giêsu, ngoại trừ họ có đủ bằng chứng để nghĩ khác đi. Giả thiết này bắt nguồn từ việc họ hoài nghi các sách Tin Mừng và giả thiết của họ cho rằng điều siêu nhiên không thể xảy ra.

Các sử gia thường hoạt động với gánh nặng chứng cứ về phần sử gia phải chứng minh tính sai lạc hay tính không đáng tin cậy, vì người ta nói chung không phải là những người bầm sinh nói láo. Không có giả thiết này, chúng ta sẽ biết rất ít về lịch sử cổ thời.

“Cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu đảo ngược chuyện đó và nói rằng ông phải chứng minh một cách khẳng định rằng một câu nói nào đó phát xuất từ Chúa Giêsu. Rồi họ nghĩ ra một tiêu chuẩn đáng ngờ để làm điều đó. Dĩ nhiên, các học giả có quyền sử dụng các tiêu chuẩn thích đáng để cân nhắc xem liệu Chúa Giêsu có nói một điều gì đó hay không. Nhưng tôi phản đối ý niệm cho rằng nếu Chúa Giêsu không thỏa mãn tiêu chuẩn này, thì hẳn Người không nói nó. Cái kiểu kết luận tiêu cực này có thể là một vấn đề”.

Bàn luận trong lãnh vực lý thuyết này là bắt đầu đem lại nhiều tối tăm hơn là rõ ràng đối với tôi. Tôi cần một số thí dụ cụ thể mới có thể theo dõi được quan điểm của Boyd. Tôi nói, “xin ông cho biết một số tiêu chuẩn chuyên biệt được họ sử dụng”.

Ông trả lời, “một tiêu chuẩn gọi là sự dị biệt kép [double dissimilarity]”. Điều này có nghĩa họ có thể tin Chúa Giêsu đã nói một điều gì đó nếu điều này xem ra không giống như điều một rabbi hay Giáo Hội sau này thường nói. Nếu không, họ giả thiết nó đã được du nhập bởi nguồn Do thái giáo hay Kitô giáo.

“Vấn đề hiển nhiên là Chúa Giêsu là người Do Thái và Người thành lập ra Giáo Hội Kitô giáo, nên không ngạc nhiên gì nếu Người nói giọng Do Thái và Kitô giáo! Thế mà họ lại áp dụng tiêu chuẩn này để kết luận một cách tiêu cực rằng Chúa Giêsu không nói rất nhiều điều.

“Rồi có tiêu chuẩn ‘đa chứng thực’ [multiple attestation], nghĩa là ta chỉ có thể biết chắc Chúa Giêsu đã nói điều gì đó nếu nó được tìm thấy nhiều hơn một nguồn duy nhất. Dĩ nhiên, điều này có thể là một thử nghiệm hữu ích để xác nhận một câu nói. Tuy nhiên, tại sao lý luận theo hướng khác, tức nếu chỉ tìm thấy trong một nguồn duy nhất, sẽ vô giá trị? Thật vậy, phần lớn lịch sử cổ thời chỉ dựa vào những nguồn đơn nhất. Nói chung, nếu một nguồn được coi là đáng tin cậy, và tôi lý luận rằng có nhiều lý do để tin rằng các sách Tin Mừng đáng tin cậy, thì nó đáng được coi là đáng tin, cho dù nó không được các nguồn khác xác nhận.

“Dù khi các câu nói của Chúa Giêsu được tìm thấy trong hai hay ba sách Tin Mừng, họ cũng không coi đó là thỏa mãn tiêu chuẩn ‘đa chứng thực’. Nếu một câu nói được tìm thấy ở Mátthêu, Máccô và Luca, họ vẫn coi đó như phát xuất từ một nguồn, vì họ cho rằng Mátthêu và Luca sử dụng Máccô để viết các Tin Mừng của các ngài. Họ đã không nhận ra rằng càng ngày càng có nhiều học giả đề đặt nghiêm túc đối với lý thuyết cho rằng Mátthêu và Luca sử dụng Máccô. Với lối suy nghĩ này, ông sẽ thấy tại sao việc chứng minh tiêu chuẩn ‘đa chứng thực’ là điều cực kỳ khó khăn”.

Boyd bắt đầu tiếp tục nói, nhưng tôi cho ông hay ông đã trình bày được trọng điểm của ông rồi: ngay từ đầu, đã là các tiêu chuẩn có thiên kiến, sẵn sàng sản sinh ra các kết quả mong muốn.

Chúa Giêsu, người làm phép lạ

Một phương thức được các học giả duy tự nhiên tiếp nhận là tìm các song hành giữa Chúa Giêsu và những người khác trong lịch sử cổ thời như một cách chứng minh rằng chủ trương và việc làm của Người không hoàn toàn độc đáo. Mục tiêu của họ là muốn giải thích rằng Chúa Giêsu cũng chỉ là một người trong số những người kia.

Tôi hỏi Boyd, “Ông trả lời điểm này ra sao? Chẳng hạn, có những *rabbis* thời xưa cũng trừ quỷ hay cầu mưa và mưa đổ xuống, nên một số học giả nói rằng Chúa Giêsu chỉ là một điển hình khác của người Do Thái làm phép lạ. Các song hành này có đứng vững không?”

Tôi sẽ thấy Boyd, nhà tranh luận, hành động khi ông trả lời từng điểm một cho một vấn đề phức tạp mà không cần có ghi chép gì cả. Tôi rất mừng đã nắm vững cuộc đàm luận của chúng tôi; việc ghi chép của tôi có lẽ chưa bao giờ theo kịp một phát ngôn nhanh như lửa của ông.

Ông lên tiếng, từ từ nói nhanh hơn, “Thực ra, các song hành sẽ nhanh chóng mất hiệu lực khi ông nhìn kỹ hơn. Vì thứ nhất, nguyên tính trung tâm của siêu nhiên trong cuộc đời Chúa Giêsu đã không có bất cứ song hành nào trong lịch sử Do Thái.

“Thứ hai, bản chất triệt để trong các phép lạ của Người đã phân biệt Người. Trời không đổ mưa khi Người cầu nguyện cho có nó; chúng ta nói tới những điều như mù, điếc, phong cùi, chứng vẹo xương sống được chữa lành, bão tố được dẹp yên, bánh và cá được nhân thừa, con trai con gái được làm cho sống lại. Điều này vượt quá bất cứ song hành nào.

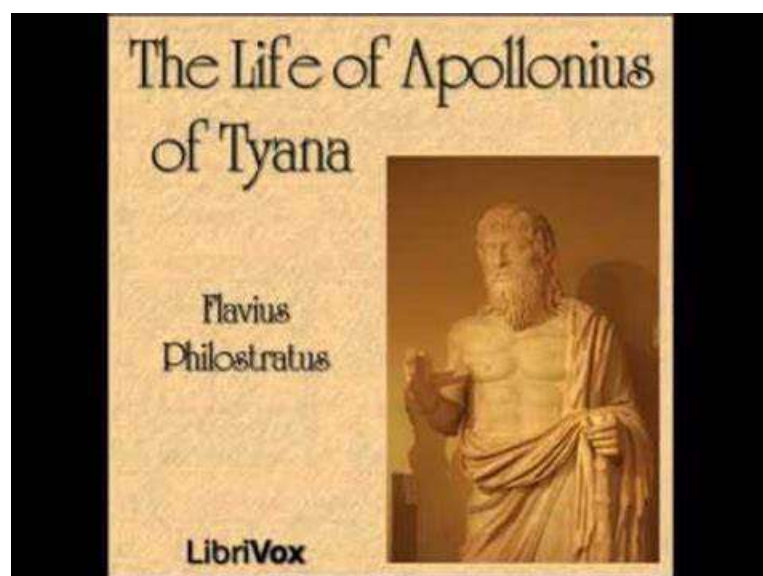
“Thứ ba, nét khác biệt lớn lao nhất của Chúa Giêsu là Người đã làm phép lạ nhân danh thẩm quyền riêng của Người. Người là Đấng đã từng nói: ‘Nếu tôi, nhờ ngón tay Thiên Chúa, mà trừ được quỷ, thì Nước Thiên Chúa đang ở giữa các ông’, Người có ý nói về chính Người. Người cũng nói, ‘Tôi đã được xức dầu để giải thoát người bị giam cầm’, nhưng ông không bao giờ thấy Người xin Chúa Cha để làm điều ấy, Người làm

thế bằng quyền phép của Chúa Cha. Và không hề có song hành với việc này.

“Điều ấy cũng đúng với cách khác Chúa Giêsu nói về chính Người, ‘mọi thẩm quyền đã được ban cho tôi’, ‘hãy tôn vinh tôi cũng như các ông tôn vinh Chúa Cha’, ‘trời và đất sẽ qua đi nhưng lời tôi nói sẽ không qua đi’. Ông sẽ không tìm được các giáo sĩ nào nói như thế ở bất cứ nơi nào khác.

Sau khi nghe xong loạt luận lý nhanh như chớp đó, tôi tặc lưỡi nói, “còn trọng điểm của ông là gì?”

Boyd cười, đáp, “bất cứ song hành nào với các *rabbis* làm phép lạ thấy đều hết sức, hết sức mong manh”.



Apôlônô

Chúa Giêsu và Apôlônô Kỳ diệu

Tôi sẽ không để cho kỹ năng tranh luận của Boyd làm tôi khiếp sợ. Tôi quyết định nêu một vấn đề khó khăn hơn: các song hành dường như mạnh hơn giữa Chúa Giêsu và nhân vật lịch sử tên là Apôlônô thành Tyana.

Tôi nói với Boyd, “Ông biết bằng chứng rõ như tôi. Đây là một người ở thế kỷ thứ nhất mà người ta nói là đã chữa lành nhiều người và trừ được nhiều quỷ; có thể đã làm một thiếu nữ chết sống lại; và từng hiện ra với một số môn đệ sau khi chết. Căn cứ vào đó, người ta bảo rằng, ‘thấy không, nếu ông cho rằng truyện Apôlônô là dã sử, tại sao ông không nói như thế với truyện của Ông Giêsu?’”

Boyd gật đầu ra dấu đồng ý với tôi. Ông nói, “Tôi nhận rằng thoát đầu, điều này khá gây ấn tượng. Lần đầu tiên lúc còn là sinh viên, khi nghe truyện Apôlônô, tôi thực sự ngỡ ngàng. Nhưng nếu ông nghiên cứu công trình lịch sử một cách thanh thản và khách quan, ông sẽ thấy rằng các điều được cho là song hành không hề đứng vững”.

Tôi cần nghe những điều chuyên biệt, không nói chung chung, nên nói, “Ông làm ơn nói tiếp. Ráng làm mọi sự để đả phá nó”.

“Được thôi. Trước nhất, người viết tiểu sử của ông ta, tức Philostratus, viết một thế kỷ rưỡi sau khi Apôlônô qua đời, trong khi các sách Tin Mừng được viết một thế kỷ trước Chúa Giêsu. Càng gần với biến cố càng ít cơ hội cho các khai triển dã sử, sai lạc, hay ký ức trở thành lẫn lộn.

“Một điều khác nữa là chúng ta có bốn sách Tin Mừng, được chứng thực với Phaolô, có thể được đối chất

đến một mức nào đó với các tác giả không thuộc Kinh thánh, như Josephus và các tác giả khác. Với Apôlônio, chúng ta chỉ có một nguồn. Và lại, các sách Tin Mừng thoả mãn các thử nghiệm tiêu chuẩn vốn được sử dụng để lượng định tính đáng tin cậy về lịch sử, nhưng chúng ta không thể nói thế về các câu truyện về Apôlônio.

“Trên hết, Philostratus được ủy nhiệm bởi một nữ hoàng để viết tiểu sử này nhằm dâng kính một ngôi đền cho Apôlônio. Bà vốn là một đệ tử của Apôlônio, thành thử Philostratus có động lực tài chánh để tô vẽ câu truyện và đem lại cho nữ hoàng điều bà cần. Ngược lại, các tác giả Tin Mừng chẳng có lợi gì, trái lại chỉ có thua lỗ, khi viết tiểu sử của Chúa Giêsu, và họ không hề có động lực ẩn giấu nào như lợi lộc tài chánh chẳng hạn.

“Cách Philostratus viết cũng rất khác với các sách Tin Mừng. Các sách Tin Mừng có quan điểm của những nhân chứng tận mắt đầy tự tin như thể các ngài có mặt lúc đó. Còn Philostratus thì bao gồm khá nhiều phát biểu có tính thăm dò, như ‘có tường thuật cho rằng...’ hay ‘có người nói rằng thiếu nữ này đã chết; người khác lại nói cô chỉ bị bệnh thôi’. Ông đáng khen ở chỗ đã lùi lại và coi các câu truyện chỉ như các câu truyện.

“Và đây là điều rất quan trọng: Philostratus viết vào đầu thế kỷ thứ ba tại Cappadocia, nơi Kitô giáo đã hiện diện một thời gian lâu. Nên bất cứ vay mượn nào cũng là về phía ông ta chứ không phải về phía Kitô hữu. Ông có thể tưởng tượng các môn đệ của Apôlônio coi Kitô giáo như kẻ cạnh tranh, nên nói, ‘Ê này, Apôlônio cũng làm những điều y như Ông Giêsu!’ Giống như thể ‘bố tao có thể đánh bại bố mày!’

“Điểm cuối cùng. Tôi sẵn lòng nhìn nhận rằng Apôlônio có thể làm nhiều điều lạ lùng hay ít nhất là được người ta nghĩ rằng ông đã làm được. Nhưng việc ấy không hề làm hại bằng chứng bên vực Chúa Giêsu. Ngay cả khi ông chấp nhận bằng chứng ủng hộ Apôlônio đi chăng nữa, ông vẫn phải đương đầu với bằng chứng ủng hộ Chúa Kitô”.

Chúa Giêsu và “các tôn giáo màu nhiệm”

Được, tôi tự nghĩ chúng ta hãy thử một keo nữa xem sao. Rất nhiều sinh viên Đại Học được dạy rằng nhiều chủ đề thấy trong đời sống Chúa Giêsu chỉ là các vang vọng của “các tôn giáo màu nhiệm” trong đó, có các câu truyện về các thần minh chết đi sống lại, các nghi thức phép rửa và hiệp lễ, nên tôi hỏi, “Phải nói gì về các song hành này?”

“Đó là lập luận rất phổ biến vào đầu thế kỷ, nhưng nói chung đã chết yểu vì hết sức vô giá trị. Thứ nhất, xét về thời điểm, nếu ông có ý nói đến việc vay mượn thì hướng đi phải là từ Kitô giáo sang các tôn giáo màu nhiệm, chứ không phải ngược lại.

“Ngoài ra, các tôn giáo màu nhiệm là các tôn giáo muốn làm gì thì làm, tự do vay mượn các ý tưởng từ khắp mọi nơi khác nhau. Tuy nhiên, người Do Thái gìn giữ cẩn thận các niềm tin của họ khỏi ảnh hưởng bên ngoài. Họ tự coi họ như một dân tộc riêng biệt và cực lực kháng cự các ý tưởng và nghi thức ngoại giáo”.

Với tôi, song hành tiềm năng đáng lưu ý nhất là các câu truyện huyền thoại về các thần minh chết đi sống lại, nên tôi hỏi, “Há các truyện đó không tương tự như các niềm tin Kitô giáo đó sao?”

Boyd trả lời, “Dù đúng là các tôn giáo màu nhiệm có các thần minh chết đi sống lại, các câu truyện này chỉ quanh quẩn chung quanh chu kỳ sống chết tự nhiên. Cây trồng chết đi vào mùa thu và sống lại vào mùa xuân. Người ta phát biểu sự lạ lùng của hiện tượng tiếp diễn này qua các câu truyện huyền thoại về các thần minh chết đi sống lại. Những câu truyện này đều luôn được khuôn đúc dưới hình thức huyền thoại. Chúng mô tả các biến cố xảy ra ‘ngày xưa ngày xưa’.

“Ông hãy tương phản điều đó với việc mô tả Chúa Giêsu Kitô trong các sách Tin Mừng. Các sách này nói về một ai đó thực sự đã sống cách đó mấy thập niên và họ nêu các tên: thí dụ, bị đóng đinh dưới thời Phôngxiô Philatô, khi Caipha làm thượng tế, và cha của Alexader và Rufus vác thập giá của Người. Đó là các chất liệu lịch sử cụ thể. Chúng không có gì chung với các câu truyện về những điều được cho là đã xảy ra ‘ngày xưa ngày xưa’.

“Và Kitô giáo không có gì liên quan tới các chu kỳ sự sống hay mùa màng. Nó liên quan tới niềm tin rất Do Thái, một điều hoàn toàn vắng bóng nơi các tôn giáo màu nhiệm, về việc phục sinh người chết và về sự sống đời đời và hòa giải với Thiên Chúa.

“Còn về gợi ý cho rằng các tín lý Tân Ước về phép rửa hay hiệp lễ phát xuất từ các tôn giáo màu nhiệm, thì quả là vô nghĩa. Thứ nhất, bằng chứng cho những điều được coi là song hành này xuất hiện sau thế kỷ thứ hai, nên bất cứ sự vay mượn nào cũng có thể là từ Kitô giáo, chứ không phải ngược lại.

“Và khi ông nhìn cẩn thận hơn, các tương tự sẽ biến mất. Chẳng hạn, muốn đạt tới bình diện cao hơn trong đạo Mithra (thần ánh sáng Ba tư), các tín đồ phải đứng dưới con bò mộng khi nó bị giết, để được tắm máu của nó, rồi sau đó tham gia với những người khác để ăn thịt nó.

“Bởi thế, cho rằng người Do Thái thấy điều gì đó hấp dẫn về điều này và muốn lên khuôn phép rửa và hiệp lễ của họ theo tập tục man rợ này là cực kỳ vô giá trị, nên phần lớn các học giả đều không thuận ý.

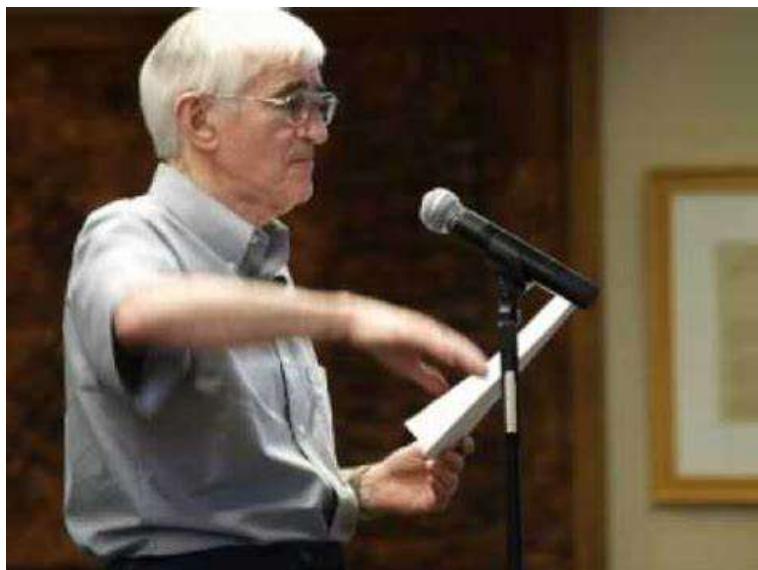
Các Tin Mừng bí mật và các thập giá biết nói

Trái với sự vô trật tự và vô tổ chức của văn phòng ông, trí óc của Boyd hết sức sắc sảo và có hệ thống. Việc phân tích các song hành được rao bán rộng rãi này của ông không có chỗ nào để hoài nghi. Nên tôi quyết định tiến sang một lãnh vực khác mà các phương tiện truyền thông hay viết về: “các khám phá mới” thường là chủ đề cho các cuốn sách của các tham dự viên của cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu.

Tôi nói, “Người ta đã viết khá nhiều trong báo chí quần chúng về Tin Mừng Tôma, Bí mật Máccô, Tin mừng Thập giá, và nguồn Q. Liệu thực sự có bất cứ khám phá nào mới làm thay đổi phương cách chúng ta nên nghĩ về Chúa Giêsu không?”

Boyd thở dài thất vọng. “Không, không có khám phá mới nào nói với chúng ta điều gì mới về Chúa Giêsu cả. Tin Mừng Tôma đã được khám phá từ rất lâu, nhưng nay, nó được dùng để tạo ra một Chúa Giêsu khác. Một số lý thuyết về Tin Mừng Tôma có thể mới, nhưng chính Tin Mừng thì không hề mới.

“Còn về nguồn Q, nó không phải là một khám phá nhưng là một lý thuyết đã được lưu hành một thế kỷ rồi nay nhằm giải thích các tư liệu mà Tin Mừng Luca và Tin Mừng Mátthêu có chung. Điều mới là cách rất đáng ngờ được các học giả cánh tả sử dụng các phỏng đoán của họ để xẻ nguồn Q có tính giả thiết thành nhiều lớp lang phát triển huyền thoại để nâng đỡ các lý thuyết tiên niệm của họ”.



Crossan

Tôi biết rằng John Dominic Crossan, có lẽ là học giả có ảnh hưởng nhất trong cuộc hội thảo về Chúa Giêsu, đã đưa ra một số tuyên bố mạnh mẽ về một tin mừng mang tên *Máccô Bí mật*. Thật vậy, ông ta quả quyết rằng *Máccô Bí mật* thực sự là bản không bị kiểm duyệt của Tin Mừng Máccô, chứa những vấn đề tâm phúc dành riêng cho những người trong cuộc về phương diện thiêng liêng (4). Một số người đã sử dụng nó để cho rằng Chúa Giêsu thực sự là một ảo thuật gia hay một số Kitô hữu tiên khởi thực hành đồng tính luyến ái. Lý thuyết âm mưu này đã nắm được óc tưởng tượng của các phương tiện truyền thông.

Tôi hỏi Boyd, “Đâu là chứng cứ của sự kiện đó?”

Ông trả lời ngay, “không có chứng cứ nào cả. Điều chúng ta có là một học giả tìm được một câu trích dẫn của Clement thành Alexandria cuối thế kỷ thứ hai được cho là lấy từ Tin Mừng này. Nhưng nay, một cách màu nhiệm, ngay điều này cũng đã biến mất.

“Chúng ta không có nó, chúng ta không có cả câu trích từ nó, và dù cho chúng ta có câu trích từ nó đi chăng nữa, chúng ta vẫn không có lý do gì để nghĩ rằng nó cung cấp cho chúng ta bất cứ thông tin giá trị nào về Chúa Giêsu lịch sử hay điều các Kitô hữu nghĩ về Người. Trên hết, chúng ta vốn biết rằng Clement có thành tích rất cả tin trong việc chấp nhận các trước tác không xác thực.

“Nên *Máccô Bí mật* là một công trình không hề hiện hữu được trích dẫn bởi một bản văn hiện không còn hiện hữu của một người viết cuối thế kỷ thứ hai, một người viết có tiếng ngây thơ về những chuyện này. Đại đa số các học giả không dành cho cuốn này bất cứ tính khả tín nào. Chẳng may, nó được báo chí nói tới nhiều vì các phương tiện truyền thông ưa những chuyện giật gân”.

Crossan cũng gán giá trị cho điều ông gọi là *Tin Mừng Thập Giá*. Tôi hỏi, “Tin Mừng này có khá hơn không?”

“Không, phần lớn các học giả không dành cho nó chút khả tín nào, vì nó bao gồm nhiều tư liệu đã sử dụng kỳ dị. Chẳng hạn, Chúa Giêsu ra khỏi mộ và Người trở thành người khổng lồ, đụng quá trời xanh, còn thập giá cũng ra khỏi mộ và lên tiếng nói! Hiển nhiên, những tin mừng nghiêm trang hơn thì đáng tin cậy hơn bất cứ điều gì tìm thấy trong trình thuật này. Nó phù hợp hơn với các trước tác ngụ thư sau này. Thật vậy, nó phụ thuộc tư liệu Kinh thánh, do đó, nên định niên biểu cho nó trễ hơn”.

Không giống như đa số áp đảo các chuyên gia Kinh thánh, cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu đã dành cho Tin Mừng Tôma một địa vị cực kỳ cao, nâng nó lên cùng vị thế như bốn sách Tin Mừng truyền thống. Ở chương ba, Tiến sĩ Bruce Metzger đã phê phán chủ trương này như là không có cơ sở.

Tôi hỏi ý kiến Boyd, “Tại sao không nên dành cho Tin Mừng Tôma loại danh dự ấy?”

Ông nói, “Mọi người đều thừa nhận rằng Tin Mừng này chịu ảnh hưởng đáng kể của ngộ đạo, một phong trào tôn giáo vào các thế kỷ hai, ba, bốn, một phong trào tự cho là có những thông sáng, hiểu biết bí mật hay các mặc khải giúp người ta biết được chìa khóa mở cửa vũ trụ. Ơn cứu rỗi là nhờ điều ông biết, *gnosis* có nghĩa là ‘biết’”.

Nên phần lớn các học giả định niên biểu cho Tin Mừng Tôma là vào giữa thế kỷ thứ hai, trong đó, nó rất thích hợp với môi trường văn hóa. Để tôi nói cho ông một thí dụ: Chúa Giêsu được trích dẫn đã nói rằng, ‘Mọi phụ nữ tự làm mình thành người nam sẽ được vào nước thiên đàng’. Điều này mâu thuẫn với thái độ của Chúa Giêsu đối với phụ nữ, nhưng nó rất thích hợp với não trạng ngộ đạo.

“Tuy nhiên, cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu đã võ đoán nắm chặt một số đoạn trong Tin Mừng Tôma và lập luận rằng những đoạn này đại diện cho tuyên phát triển tiên khởi của truyền thống về Chúa Giêsu, thậm chí còn sớm hơn cả các Tin Mừng qui điển.

“Vì không có đoạn nào trong số này bao gồm việc Chúa Giêsu đưa ra các tuyên bố tự tăng cao mình hay làm các việc có tính siêu nhiên, nên họ lý luận rằng quan điểm sớm nhất về Chúa Giêsu là Người chỉ là một bậc thầy vĩ đại. Nhưng trọn tuyến lý luận của họ có tính vòng tròn loanh quanh. Lý do duy nhất để nghĩ rằng các đoạn văn này trong Tin Mừng Tôma có tính tiên khởi là vì chúng chứa quan điểm về Chúa Giêsu được các học giả này vốn tin là Chúa Giêsu nguyên khởi. Nói cho ngay, không có lý do vững chắc nào để thích Tin Mừng Tôma thế kỷ hai hơn các sách Tin Mừng thế kỷ thứ nhất của Tân Ước.

Lịch sử đấu với đức tin

Chúa Giêsu của lịch sử và Chúa Giêsu của đức tin: Cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu tin rằng có một hố phân cách lớn giữa hai Chúa Giêsu này. Theo họ, Chúa Giêsu lịch sử là một con người sáng sủa, dí dỏm, phản văn hóa, chưa bao giờ cho mình là Con Thiên Chúa, trong khi Chúa Giêsu của đức tin là một chùm ý tưởng cảm thấy tốt giúp người ta sống đúng nhưng tối hậu dựa trên mơ tưởng.

Khi tôi nêu vấn đề thì Boyd nói, “Không hề có hố phân cách nào giữa Chúa Giêsu của lịch sử và Chúa Giêsu của đức tin. Nếu ông bác bỏ mọi điều nói Chúa Giêsu là Thiên Chúa và hoà giải người ta với Thiên Chúa, thì đó mới là mâu thuẫn thẳng thừng giữa hai Chúa Giêsu.

“Nói chung, họ định nghĩa Chúa Giêsu của đức tin thế này: có những biểu tượng tôn giáo rất có ý nghĩa đối với người ta, biểu tượng Chúa Giêsu là Thiên Chúa, biểu tượng thập giá, biểu tượng tình yêu tự hy sinh, biểu tượng Phục sinh. Dù người ta thực sự không tin những điều này thực sự xảy ra, tuy nhiên chúng vẫn có thể gợi hứng để người ta sống một cuộc sống tốt, vượt thắng cảm giác lo lắng hiện sinh, thể hiện các tiềm năng mới, vực dậy niềm hy vọng giữa cơn thất vọng, v.v...”

Ông lắc vai, nói, “Xin lỗi. Tôi đã nghe những chuyện này nhiều rồi, nghe tai này qua tai nọ!

Boyd nói tiếp, “Nên những người cấp tiến này nói tìm tòi lịch sử không thể khám phá được Chúa Giêsu của đức tin, vì Chúa Giêsu của đức tin không dựa vào lịch sử. Người chỉ là một biểu tượng. Nhưng ông nghe đây: Chúa Giêsu không phải là một biểu tượng của bất cứ điều gì ngoại trừ Người có gốc rễ trong lịch sử. Kinh tin kính Nixêa không nói, ‘chúng tôi muốn những điều này đúng sự thật’. Nó nói, ‘Chúa Giêsu chịu

đóng đinh thời Phongxiô Philatô, và đến ngày thứ ba, Người sống lại từ cõi chết’, và v.v...

“Sự thật thần học dựa vào sự thật lịch sử. Đó là cách nói của Tân Ước. Ông hãy đọc bài giảng của Thánh Phêrô ở chương hai sách Tông đồ Công Vụ. Ngài đứng lên và nói, ‘Các ông là nhân chứng của những điều này; chúng không được thực hiện trong bí mật. Mộ của Đavít vẫn còn đây, nhưng Thiên Chúa đã làm cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết. Nên chúng tôi công bố Người là Con Thiên Chúa’.

“Lấy đi các phép lạ là ông lấy đi sự Phục Sinh, và ông không còn điều gì nữa để công bố. Thánh Phaolô nói rằng nếu Chúa Giêsu không sống lại từ cõi chết, đức tin của chúng ta là phù phiếm, vô ích, trống rỗng”.

Boyd ngưng một lúc. Giọng ông thay đổi hẳn, từ lối giảng thuyết chuyển sang lối phát biểu tha thiết một xác tín bản thân.

Ông cương quyết nói, “Tôi không đặt căn bản cho đời tôi trên một biểu tượng. Tôi muốn thực tại, và đức tin Kitô giáo luôn bắt nguồn từ thực tại. Điều gì không bắt nguồn từ thực tại là đức tin của các học giả cấp tiến. Họ là các học giả theo đuổi một giấc mơ hảo huyền, nhưng Kitô giáo không phải là một giấc mơ hảo huyền”.

Kết hợp lịch sử và đức tin

Chúng tôi đã dành khá nhiều thì giờ nói về Chúa Giêsu của cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu, một Chúa Giêsu biểu tượng, nhưng là một Chúa Giêsu bất lực trong việc cung cấp cho thế giới bất cứ điều gì ngoài niềm hy vọng viễn vông. Nhưng trước khi chúng tôi chia tay, tôi muốn nghe về Chúa Giêsu của chính Boyd. Tôi muốn biết liệu Chúa Giêsu được ông tìm tòi và viết những cuốn sách bác học về trong tư cách giáo sư thần học có phải cùng là một với Chúa Giêsu được ông rao giảng tại nhà thờ của ông vào các buổi sáng Chúa nhật hay không.

Tôi nói, “tôi xin hỏi thẳng. Chúa Giêsu của ông, tức Chúa Giêsu ông có liên hệ với, vừa là Chúa Giêsu của lịch vừa là Chúa Giêsu của đức tin”.

Boyd nắm tay để nhấn mạnh, như thể tôi vừa tạo được một cú “touchdown”, ông la lên, “Đúng, đúng y như thế, Lee!”. Nhích ra mép ghế, ông nói rõ chính điều mà nền học giả của ông, và trái tim ông, đã khiến ông tin.

“Vấn đề như thế này: nếu ông yêu một người, tình yêu của ông sẽ đi quá bên kia các sự kiện của người đó, nhưng nó bắt nguồn từ các sự kiện của họ. Thí dụ, ông yêu vợ ông vì nàng đẹp rạng rỡ, nàng tử tế, nàng ngọt ngào, nàng tốt bụng. Tất cả những điều ấy là các sự kiện về vợ ông, và do đó, ông yêu nàng.

“Nhưng tình yêu của ông đi quá những điều ấy. Ông có thể biết mọi điều ấy về vợ ông và không si mê nàng và đặt niềm tin của ông nơi nàng, nhưng ông yêu nàng. Thành thử quyết định đi quá bên kia bằng chứng, nhưng nó cũng dựa trên bằng chứng.

“Yêu chúa Giêsu cũng thế. Có mối liên hệ với Chúa Giêsu Kitô đi quá việc chỉ biết các sự kiện lịch sử về Người, nhưng nó cũng bắt nguồn trong các sự kiện lịch sử về Người. Tôi tin Chúa Giêsu dựa trên bằng chứng lịch sử, nhưng mối liên hệ của tôi với Chúa Giêsu vượt xa bằng chứng này. Tôi phải đặt niềm tin thác của tôi vào Người và bước đi với Người trên căn bản hàng ngày”.

Tôi cắt ngang và nói, “Vâng, nhưng ông có nhìn nhận rằng Kitô giáo đưa ra một số tuyên bố về Chúa Giêsu mà đơn giản thật khó tin không?”

Ông trả lời, “Có, dĩ nhiên tôi nhìn nhận như thế. Đó là lý do tại sao tôi rất vui khi chúng ta có bằng chứng

hết sức mạnh mẽ như thế để chứng minh với chúng ta là chúng đúng sự thật”.

Ông nói thêm, “Đối với tôi, câu chuyện tóm lại là như thế này: không hề có cạnh tranh. Bằng chứng chứng minh Chúa Giêsu là người được các môn đệ mô tả: đã làm nhiều phép lạ, đã làm người chết sống lại, đã tự nhận nhiều điều như Người đã tự nhận, vượt nhiều năm ánh sáng quá các lý do khiến tôi nghĩ rằng nền học giả cánh tả của cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu không thể nào chính xác được.

“Những học giả này có được những gì? Chà, chỉ vắn tắt nhắc đến một Tin Mừng ‘bí mật’ đã thất lạc trong một lá thư cuối thế kỷ thứ hai mà bất hạnh một điều là chỉ được nhìn thấy bởi một người duy nhất và nay đã hoàn toàn thất lạc. Có trình thuật vào thế kỷ thứ ba về biến cố Đóng Đinh và Sống Lại nhưng lại nhắc đến cây thập giá biết nói và được một nhóm học giả nghĩ rằng có trước các sách Tin Mừng. Có tài liệu ngộ đạo thế kỷ thứ hai, mà nhiều phần được một số học giả hiện nay định niên biểu khá sớm để nâng đỡ các tiên niệm của chính họ. Và có một tài liệu có tính giả thuyết xây dựng không ổn trên các giả thiết ngày càng bị thái mỏng dần vì sử dụng lối suy luận luân quần”.

Boyd ngả lưng trở lại trong chiếc ghế ngồi. Ông vừa nói vừa lắc đầu, “Không, tôi xin lỗi ông, Tôi không chấp nhận điều đó. Điều hợp lý hơn nhiều là đặt niềm tin của tôi vào các sách Tin Mừng, vốn hội đủ các thử nghiệm lịch sử một cách hết sức thành công, hơn là đặt hy vọng của tôi vào điều cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu nói”.

Một hợp xướng phê bình

Trở lại quán trọ của tôi, tôi quay lại trong tâm trí cuộc phỏng vấn Boyd của tôi. Tôi cũng cảm nhận như ông: nếu Chúa Giêsu của đức tin không phải là một với Chúa Giêsu của lịch sử, thì Người bất lực và vô nghĩa. Nếu Người không bắt nguồn từ thực tại, nếu Người không thiết lập thiên tính của Người bằng cách sống lại từ cõi chết, Người chỉ là một biểu tượng được cảm nhận là tốt, cũng không liên quan gì như Ông Già Noel.

Nhưng có bằng chứng là Người không phải như thế. Tôi đã nghe các nhân chứng tận mắt được nhiều người ủng hộ, bằng chứng tài liệu, chứng thực và khoa học nâng đỡ các tuyên bố của Kinh thánh rằng Người là Thiên Chúa nhập thể, và tôi sẵn sàng lên đường một lần nữa để đào sâu các tư liệu có tính lịch sử hơn nữa về cá tính và việc phục sinh của Người.

Trong khi đó, Boyd không phải là tiếng nói cô độc chống lại cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu. Ông là một phần của một phong trào phê bình ngày càng gia tăng gồm không những các học giả Thệ phản bảo thủ nổi tiếng mà cả các học giả được kính trọng khác đại diện rất nhiều xu hướng thần học khác nhau.

Một thí dụ ở ngay trên bàn đầu giường của quán trọ của tôi, nơi tôi với lấy cuốn sách tựa là *The Real Jesus* [Chúa Giêsu Đích thực] mà tôi vừa mới mua được. Tác giả của nó là Tiến sĩ Luke Timothy Johnson, giáo sư được kính trọng về Tân Ước và các Nguồn Kitô giáo tại Trường Thần học Candler của Đại Học Emory. Johnson là một người Công Giáo Rôma, vốn là một đan sĩ Dòng Biển Đức trước khi trở thành học giả kinh thánh và viết nhiều cuốn sách gây ảnh hưởng.

Johnson phê bình sâu sắc và hữu hiệu một cách có hệ thống cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu, nói rằng nó “không hề đại diện cho tinh hoa của nền học giả Tân Ước”, nó đi theo một diễn trình “đầy thiên kiến chống tính chân chính của truyền thống Tin Mừng”, và các kết quả của nó “đã được ấn định trước thời gian” (5). Ông kết luận, “Đó không phải là nền học giả có trách nhiệm, hay có tính phê phán. Nó là thứ trò chơi đồ chữ bê tha” (6).

Ông tiếp tục trích dẫn các học giả nổi tiếng khác, có những ý kiến tương tự, trong đó, có Tiến sĩ Howard Clarke Kee, người gọi cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu là “sự nhục nhã học thuật” và Richard Hayes của Đại

Học Duke, người điểm *the Five Gospels* (Năm Tin Mừng), quả quyết rằng “lý lẽ được nhóm này lập luận sẽ không đứng vững ở bất cứ tòa án nào” (7).

Tôi gấp cuốn sách lại và tắt đèn. Ngày mai tôi sẽ tái tục cuộc săn lùng bằng chứng sẽ đứng vững.

Tài liệu đọc thêm

Boyd, Gregory A. *Cynic Sage Or Son of God? Recovering the Real Jesus in an Age of Revisionist Replies* [Hiện giả khuyến nhô hay Con Thiên Chúa? Tái khám phá Chúa Giêsu thực sự trong một thời đại có những câu trả lời duy xét lại]. Wheaton Ill.: BridgePoint, 1995.

Boyd, Gregory A. *Jesus Under Siege* [Chúa Giêsu bị Bao vây]. Wheaton, Ill.: 1995.

Johnson, Luke Timothy. *The Real Jesus* [Chúa Giêsu đích thực]. San Francisco: Harper San Francisco, 1996.

Wilkins, Michael J., and J.P. Moreland, eds. *Jesus under Fire* [Chúa Giêsu bị tấn công]. Grand Rapids: Zondervan, 1995.

Ghi Chú

1. Henry Cmapbell Black, *Black's Law Dictionary* [Từ điển Luật của Black], 5th ed. (St. Paul, Minn. :West, 1979) 1139
2. Lee Strobel, “His ‘I Shot Him’ Stunts Courtroom” [Trò Giật gân 'tôi bắn hắn' của ông ta tại Tòa án] *Chicago Tribune* (June 20, 1975) và “Pal’s Confession Fails; Defendant Ruled Guilty” [Xưng thú bạn bè thất bại; bị cáo bị phán quyết có tội], *Chicago Tribune* (June 21, 1975).
3. Gregory A. Boyd, *Jesus under Siege* [Chúa Giêsu bị Bao vây] (Wheaton, Ill.: Victor, 1995) 88.
4. John Dominic Crossan, *The Historical Jesus* [Chúa Giêsu Lịch sử] (San Francisco: HarperSan Francisco, 1991) 329.
5. Johnson, *The Real Jesus* [Chúa Giêsu đích thực]., 3,5,8.
6. *Ibid*, 26.
7. *Ibid*.

PHẦN II: PHÂN TÍCH CHÚA GIÊSU

Chương bảy: Bằng chứng danh tính

Chúa Giêsu có thực sự xác tín rằng Người là Con Thiên Chúa không?

John Douglas có một khả năng phi thường biết nhìn vào tâm trí những người ông chưa bao giờ gặp.

Là “chuyên viên phác họa hình dạng tâm lý” độc đáo của Văn phòng Điều tra Liên bang [FBI], Douglas có nhiệm vụ thu thập tin tức tại hiện cảnh xảy ra tội ác và rồi sử dụng các tầm nhìn thông sáng của ông để nhìn tận bên trong nhân cách của kẻ phạm tội còn tại đào.

Xin đơn cử một thí dụ: Douglas từng tiên đoán rằng “Kẻ Sát nhân Bên đường mòn”, một kẻ giết người hàng loạt chuyên rình mò các khu rừng rậm gần San Francisco từ năm 1979 tới năm 1981, hẳn là một người có trở ngại trong nói năng cũng như các xu hướng tàn ác đối với thú vật, đái dầm, và đốt phá. Những tiên đoán ấy đúng đến nỗi, người sau đó bị bắt và kết tội hội đủ các mô tả này (1).

Với một bằng tiến sĩ tâm lý, kinh nghiệm lâu năm trong tư cách thám tử, và tài năng tự nhiên trong việc hiểu biết tác phong của con người, Douglas đã trở thành nổi tiếng tinh thông trong việc phác họa hình dạng. Ông từng là đồng tác giả một số tác phẩm bán chạy nhất về chủ đề này, và khi Jodie Foster thắng giải Oscar nhờ thủ vai trong phim *Silence of the Lambs*, cô đã công khai cảm ơn Douglas vì đã là nhân vật đời thực đằng sau nhân vật hư cấu nhà điều tra FBI của cô.

Làm thế nào Douglas lại có khả năng hiểu diễn trình suy nghĩ của các cá nhân ông chưa bao giờ nói chuyện với? Douglas giải thích với tạp chí *Biography*, “tác phong biểu lộ nhân cách” (2).

Nói cách khác, Douglas khảo sát tường tận bằng chứng đằng sau hiện trường tội ác và, khi có thể, phỏng vấn các nạn nhân để tìm ra một cách chính xác điều phạm nhân nói và làm. Từ những manh mối này, những sản phẩm của hành vi phạm nhân để lại, ông diễn dịch cấu trúc tâm lý của cá nhân.

Áp dụng vào Chúa Giêsu: tuy không đối thoại với Người, làm thế nào ta có thể đi sâu vào tâm trí Người để xác định ra đâu là các động lực, các ý hướng, và việc hiểu về chính Người của Người? Làm thế nào ta biết Người nghĩ Người là ai và đâu là sứ mệnh của Người?

Douglas dám nói, nhờ nhìn vào tác phong của Người. Nếu chúng ta muốn hình dung ra liệu Chúa Giêsu có nghĩ Người là Đấng Mêxia hay Con Thiên Chúa hay không, hay chỉ coi Người là một thầy *rabbi* hay tiên tri, chúng ta cần nhìn vào việc Người đã làm gì, đã nói gì và Người liên hệ với người khác ra sao.

Vấn đề Chúa Giêsu nghĩ gì về Người là một vấn đề hết sức chủ yếu. Một số giáo sư chủ trương rằng huyền thoại về thiên tính của Chúa Giêsu đã được chồng lên truyền thống Chúa Giêsu bởi những người ủng hộ quá nhiệt thành mãi nhiều năm sau khi Người qua đời. Các giáo sư này tin rằng: Chúa Giêsu đích thực sẽ không cựa mình trong mồ nếu Người biết người ta thờ phượng Người. Nếu ông tức bỏ các dã sử và đi lùi trở lại các tư liệu sớm nhất về Người, họ nói ông sẽ thấy Người không bao giờ khát mong là bất cứ điều gì ngoài là một thầy dạy đó đây và thỉnh thoảng khích động đám dân hèn.

Nhưng liệu bằng chứng lịch sử có đứng về phía họ hay không? Để tìm ra, tôi đã bay tới Lexington, Kentucky, và lái xe qua các con đường ngoằn ngoèo băng qua hàng loạt các nông trại nuôi ngựa đầy hình ảnh để tìm gặp học giả mà cuốn sách được ca ngợi của ông, *The Christology of Jesus* [Kitô học về Chúa Giêsu] đã đương đầu với chính chủ đề này.



Cuộc phỏng vấn thứ sáu: Ben Witherington III, Ph.D.

Không có nhiều điều lắm ở thị trấn tí hon Wilmore, Kentucky, ngoại trừ Chung viện Thần học Asbury, nơi tôi tìm được văn phòng của Ben Witherington ở lầu bốn của một tòa nhà kiểu thời lập cư cách đường phố chính của cộng đồng mộc mạc. Với lối hiểu khách duyên dáng của một nhà quý phái Miền Nam, người sinh trưởng của Bắc Carolina mời tôi ngồi vào chiếc ghế êm ái và một tách cà phê khi chúng tôi cùng ngồi xuống để thảo luận việc Chúa Giêsu thành Nadarét nghĩ Người là ai.

Chủ đề trên vốn là lãnh vực quen thuộc của Witherington, tác giả của những cuốn sách như *Jesus the Sage* [Chúa Giêsu nhà hiền triết], *The Many Faces of the Christ* [Nhiều khuôn mặt của Chúa Kitô]; *The Jesus*

Quest [Đi tìm Chúa Giêsu]; *Jesus, Paul, and the End of the World* [Chúa Giêsu, Thánh Phaolô và ngày Tận thế]; và *Women in the Ministry of Jesus* [Phụ nữ trong Thừa tác vụ của Chúa Giêsu]. Ông cũng là tác giả nhiều bài viết về Chúa Giêsu xuất hiện trên các từ điển chuyên môn và các tạp san học thuật.

Được giáo dục tại Chủng viện Thần học Gordon-Conwell (thạc sĩ thần học, tối ưu) và Đại Học Durham, Anh (tiến sĩ thần học tập trung vào Tân Ước), Witherington vốn dạy tại Asbury, Chủng viện Thần học Ashland, Trường Thần học của Đại Học Duke, và Gordon-Conwell. Ông là hội viên của Hội Nghiên cứu Tân ước, Hội Văn chương Kinh thánh và Viện Nghiên cứu Kinh thánh.

Nói một cách rành rẽ và cân nhắc, cẩn thận dẫn đo lời nói, Witherington dứt khoát nghe như một học giả; thế nhưng giọng nói của ông cho thấy một luồng hứng khởi sâu thẳm, thậm chí thán phục không thể làm được, đối với chủ đề của ông. Thái độ này còn đi xa hơn khi ông đưa tôi đi thăm một vòng phòng thu thanh thu hình sử dụng kỹ thuật thật cao nơi ông hòa lẫn các hình ảnh của Chúa Giêsu với các bài hát mà lời ca sáng rực lòng cảm thương, sự hy sinh, nhân tính, và vẻ uy nghi của đời sống và thừa tác vụ của Người.

Đối với một học giả trước tác với lối văn xuôi thật nhiều ghi chú, cẩn thận lên sắc thái, và chính xác về phương diện học thuật trong các vấn đề kỹ thuật liên quan tới Chúa Giêsu, việc kết hợp đầy nghệ thuật giữa video và âm nhạc này là một phương thể đầy thi ca để khám phá chiều kích của Chúa Giêsu mà chỉ nghệ thuật sáng tạo mới tiến gần đến chỗ nắm bắt được.

Trở lại văn phòng của ông, tôi quyết định bắt đầu khảo sát việc Chúa Giêsu tự hiểu về chính Người bằng một câu hỏi thường xuất hiện trong tâm trí độc giả khi họ tiếp xúc lần đầu với các sách Tin Mừng.

Tôi hỏi khi Witherington kéo chiếc ghế qua mặt tôi, “sự thật là Chúa Giêsu hơi mâu nhiệm về căn tính của Người, phải không? Người có khuynh hướng phớt qua việc tự công bố thẳng thừng Người là Đấng Mêxia hay Con Thiên Chúa. Có phải điều đó vì Người không nghĩ về Người theo những hạn từ này hay vì Người có những lý do khác?”

Witherington trả lời khi ngồi thoải mái trong ghế và bắt chéo chân, “Không, không phải vì Người không nghĩ về người theo các hạn từ đó. Nếu Người đơn giản công bố, ‘Này, các ông, tôi là Thiên Chúa’ điều ấy nghe như thể ‘tôi là Giavê’ vì người Do Thái thời Người không có ý niệm gì về Ba Ngôi. Họ chỉ biết Thiên Chúa Cha, Đấng họ gọi là Giavê, chứ không biết Thiên Chúa Con hay Thiên Chúa Thánh Thần.

“Nên nếu có ai nói mình là Thiên Chúa, điều này không có nghĩa gì cả đối với họ và sẽ bị coi là phạm thượng rõ ràng. Và điều đó chỉ có hại cho Chúa Giêsu trong các cố gắng của Người làm cho người ta lắng nghe sứ điệp của Người.

“Và lại, đã có hàng loạt các chờ mong về việc Đấng Mêxia sẽ như thế nào, nên Chúa Giêsu không muốn bị đóng khung trong các phạm trù của một ai khác. Thành thử, Người rất thận trọng về điều Người nói trước công chúng. Lúc ở riêng với các môn đệ, thì khác, nhưng các sách Tin Mừng chủ yếu nói với chúng ta về những điều Người nói trước công chúng.

Thăm dò các truyền thống sớm nhất

Chính cuốn sách năm 1977 của thần học gia người Anh John Hick và nửa tá các đồng nghiệp cùng một đầu óc như ông đã gây ra trận cuồng phong tranh cãi bằng cách nói rằng Chúa Giêsu chưa bao giờ tự nghĩ về mình như Thiên Chúa nhập thể hay Đấng Mêxia. Họ viết rằng các ý niệm này, khai triển sau này rồi được viết vào các sách Tin Mừng để coi như chính Chúa Giêsu nói như thế về chính Người.

Để thăm dò lời tố cáo này, Witherington đi trở lui tới tận các truyền thống sớm nhất nói về Chúa Giêsu, các

tư liệu sơ khai nhất, chắc chắn an toàn thoát khỏi mọi khai triển của dã sử, và khám phá ra những manh mối thuyết phục nhất liên quan đến việc Chúa Giêsu thực sự coi Người ra sao.

Tôi muốn đào sâu vào cuộc tìm tòi ấy, bắt đầu với câu hỏi này: “Chúng ta có thể tìm thấy manh mối nào về việc Chúa Giêsu tự hiểu chính Người từ cách Người liên hệ với người khác?”

Witherington suy nghĩ một lúc, rồi trả lời, “ông hãy nhìn vào mối liên hệ của Người với các môn đệ của Người. Chúa Giêsu có 12 môn đệ, thế nhưng ông hãy lưu ý: Người không phải là một trong Nhóm Mười Hai”.

Dù điều ấy nghe như một chi tiết không có chi khác biệt, Witherington nói nó rất có ý nghĩa.

Ông hỏi, “Nếu Nhóm Mười Hai tượng trưng cho một Israel đổi mới, thì Chúa Giêsu đứng ở chỗ nào? Người không phải là thành phần của Israel, không chỉ là thành phần của nhóm được cứu chuộc, Người tạo lập một nhóm, y như Thiên Chúa trong Cựu Ước tạo lập một dân riêng và thiết lập mười hai chi tộc Israel. Đó là manh mối về điều Chúa Giêsu nghĩ về chính Người”.

Witherington tiếp tục mô tả manh mối có thể tìm thấy trong mối liên hệ của Chúa Giêsu với Gioan Tẩy giả. “Chúa Giêsu nói, ‘Gioan là người vĩ đại nhất trên thế giới giữa những người do người đàn bà sinh ra’. Sau khi đã nói thế, Người còn đi xa trong thừa tác vụ của Người hơn Gioan, như làm phép lạ chẳng hạn. Điều ấy nói gì về việc Người nghĩ gì về chính Người?”

“Và mối liên hệ của Người với các nhà lãnh đạo tôn giáo có lẽ là mối liên hệ có tính mạc khải hơn hết. Chúa Giêsu đưa ra tuyên bố hết sức triệt để rằng không phải những gì đi vào con người làm họ ra ô uế mà là những gì từ tâm hồn họ đi ra. Thành thật mà nói, điều này đề qua một bên những phần rất lớn trong sách Cựu Ước Lêvi, với những qui định hết sức tỉ mỉ về sự trong sạch.

“Nhưng người Biệt phái không thích thông điệp này. Họ muốn duy trì sự việc như chúng là trước đây, nhưng Chúa Giêsu nói, ‘không, Thiên Chúa có các kế hoạch xa hơn. Người làm một điều mới’. Chúng ta phải hỏi, loại người nào nghĩ họ có thẩm quyền đề qua một bên các sách thánh Do thái vốn được Thiên Chúa linh hứng và thay thế chúng bằng bằng giáo huấn của chính Người?”

“Và phải nói gì về mối liên hệ của Người, nếu có thể gọi đây là một mối liên hệ, với các nhà cầm quyền La Mã? Chúng ta phải hỏi tại sao họ đóng đinh Người. Nếu Người đơn thuần chỉ là một hiền giả vô thưởng vô phạt chuyên kể những câu dụ ngôn đôi chút dễ nghe, làm thế nào Người lại phải kết cục bị đóng đinh, nhất là trong mùa Vượt Qua, khi không người Do Thái nào muốn người Do Thái bị hành quyết? Chắc chắn phải có lý do tại sao tấm bảng trên đầu Người viết, ‘Đây là Vua Dân Do Thái’”.

Witherington để nhận định cuối cùng lơ lửng trong không khí, trước khi cung cấp lời giải thích; ông nói, “một là chính Chúa Giêsu đưa ra câu ấy, hai là một ai đó rõ ràng nghĩ Người đã đưa ra”.

Do ngón tay Thiên Chúa

Dù các mối liên hệ của Chúa Giêsu cung cấp cho ta cửa sổ nhìn vào cái hiểu của Người về chính Người, Witherington nói rằng các việc làm của Người, nhất là các phép lạ của Người, cung cấp cho ta nhiều cái nhìn thấu suốt. Tuy nhiên, tôi giờ tay cản ông.

Tôi nói, “Chắc chắn ông không thể nói rằng các phép lạ của Chúa Giêsu xác minh việc Người nghĩ Người là Thiên Chúa, vì sau đó, các môn đệ của Người ra đi và cũng làm phép lạ y hệt như thế nhưng họ đâu có nói họ là thần minh”.

Witherington trả lời, “Không, không phải sự kiện Chúa Giêsu làm phép lạ soi sáng cái hiểu của Người về chính Người. Điều quan trọng là Người giải thích các phép lạ của Người ra sao”.

Tôi hỏi, “Ông muốn nói gì?”

“Chúa Giêsu nói, ‘nếu tôi, do ngón tay Thiên Chúa, mà trừ quỷ, thì các ông biết rằng nước Thiên Chúa đã đến trên các ông’. Người không giống như các người làm phép lạ khác: họ làm các điều lạ lùng và rồi cuộc sống lại diễn tiến như trước. Không, đối với Chúa Giêsu, các phép lạ của Người là các dấu chỉ cho thấy Nước Thiên Chúa đang đến. Chúng là những tiền vị của Nước Thiên Chúa. Và điều này làm Chúa Giêsu ra khác”.

Tôi lại nói chen vào. Tôi nói, “Xin ông nói rõ thêm một chút. Nó làm Người ra khác như thế nào?”

Witherington trả lời, “Chúa Giêsu coi các phép lạ của Người như đem lại một điều gì đó chưa hề có: sự xuất hiện quyền thống trị của Thiên Chúa. Người không chỉ coi mình như một người làm phép lạ; Người coi Người như một người trong đó và qua đó các lời hứa của Thiên Chúa đang ứng nghiệm. Và điều đó rõ ràng là một khẳng định tính siêu việt”.

Tôi gật đầu. Quả tình giờ đây, trọng điểm của ông có nghĩa đối với tôi. Nên tôi quay qua các lời Chúa Giêsu nói, mong tìm được nhiều manh mối liên quan đến cái hiểu của Người về chính Người.

Tôi nói, “Người được xưng hô là *Rabbouni* hay ‘*Rabbi*’ bởi các môn đệ. Há điều này không hàm ý Người chỉ giảng dạy như các *rabbis* khác thời Người hay sao?”

Witherington cười, ông nói, “Thực sự, Chúa Giêsu giảng dạy một cách mới triệt để. Người bắt đầu giáo huấn của Người bằng câu này ‘Quả thật, tôi nói cho các ông hay’ nghĩa là, ‘tôi thề trước về sự thật của điều tôi sắp sửa nói’. Điều này hoàn toàn có tính cách mạng”.

Tôi hỏi, “Thế sao?”

Ông trả lời, “Trong Do Thái Giáo, ông cần chứng từ của hai nhân chứng, để nhân chứng A có thể làm chứng cho sự thật của nhân chứng B và ngược lại. Nhưng Chúa Giêsu làm chứng cho sự thật của điều Người nói. Thay vì dựa giáo huấn của Người trên thế giá người khác, Người nói bằng chính thế giá của Người.

“Nên đây là một người tự coi mình có thế giá trên và vượt quá điều các tiên tri Cựu Ước vốn có. Người tin Người sở hữu không những sự linh hứng của Thiên Chúa, như Vua Đavít, mà còn cả thẩm quyền Thiên Chúa và quyền lực của lời Thiên Chúa nữa”.

Ngoài việc dùng chữ “Amen” trong lời dạy của Người, Chúa Giêsu còn dùng chữ “Abba” khi gọi Thiên Chúa. Tôi hỏi, “Điều này nói cho ta hay điều gì về điều Người nghĩ về chính Người?”

Witherington giải thích, “‘Abba’ nói lên tình thân mật trong mối liên hệ giữa đứa trẻ và cha của em. Điều đáng chú ý là nó cũng là chữ các môn đệ dùng để chỉ thầy dạy thân yêu của họ trong Do thái giáo tiên khởi. Nhưng Chúa Giêsu dùng nó chỉ Thiên Chúa, và tôi dám nói với ông, Người và các môn đệ của Người là những người duy nhất cầu nguyện với Thiên Chúa cách này”.

Khi tôi yêu cầu khai triển thêm về tầm quan trọng của điều này, ông nói, “Trong bối cảnh Chúa Giêsu hoạt động, người Do Thái có thói quen đi vòng vòng khi nói đến tên Thiên Chúa. Tên Thiên Chúa là tên thánh thiêng nhất, nên họ rất sợ đọc sai nó. Nếu họ buộc phải thừa với Thiên Chúa, có lẽ họ sẽ thừa, ‘Đấng Thánh

Thiên, xin chúc tụng Người' chứ không dám dùng tên riêng của Người".

Tôi nói, "và 'Abba' là một chữ rất bản vị tư riêng". Ông trả lời, "Rất bản vị riêng tư. Nó là chữ rất thân thương qua đó, đứa trẻ muốn nói với cha em, 'Bố yêu quý, bố muốn con làm chi?'"

Tuy nhiên, tôi nhận ra một bất nhất biểu kiến. Tôi xen vào, "Khoan đã. Cầu nguyện mà nói 'Abba' đâu có ngụ ý Chúa Giêsu nghĩ Người là Thiên Chúa, vì Người dạy các môn đệ cũng dùng y hệt chữ này trong lúc cầu nguyện nhưng họ đâu có phải là Thiên Chúa".

Witherington trả lời, "Thực sự, ý nghĩa chữ 'Abba' hệ ở chỗ Chúa Giêsu là người khởi xướng một mối liên hệ thân mật mà trước đó chưa hề có. Vấn đề là loại người nào mới có thể thay đổi các điều kiện liên hệ với Thiên Chúa? Loại người nào mới có thể khởi xướng mối liên hệ giao ước mới với Thiên Chúa?"

Việc phân biệt của ông có nghĩa đối với tôi. Tôi hỏi, "Vậy ông coi việc Chúa Giêsu dùng chữ 'Abba' có ý nghĩa ra sao?"

Ông trả lời, "Rất có ý nghĩa. Nó ngụ ý rằng Chúa Giêsu có một mức độ thân mật với Thiên Chúa không giống bất cứ điều gì trong Do thái giáo thời Người. Và xin ông lắng nghe cho, đây là điều bất ngờ: Chúa Giêsu nói rằng chỉ qua việc có liên hệ với Người, loại ngôn ngữ cầu nguyện này, loại liên hệ 'Abba' với Thiên Chúa này, mới trở thành khả hữu. Điều này nói với ta rất nhiều điều về việc Người coi Người ra sao".

Witherington bắt đầu nói thêm một manh mối quan trọng nữa, Chúa Giêsu không ngừng nói về Người như "Con Người", nhưng tôi để ông biết rằng một chuyên gia trước, Craig Blomberg, đã giải thích rằng điều này tham chiếu Đanien chương 7. Withering nhìn nhận hạn từ này cực kỳ quan trọng trong việc tự hiểu có tính thiên sai hay siêu việt của Chúa Giêsu.

Đến đây, tôi tạm dừng để kiểm lại những điều Witherington đã nói. Khi tôi tổng hợp các manh mối từ các mối liên hệ, phép lạ, và lời nói của Chúa Giêsu, thì tri nhận của Người và căn tính của Người trở nên sắc nét hơn.

Dựa vào các bằng chứng sớm nhất, ta thấy ít có nghi ngờ gì việc Chúa Giêsu coi Người hơn một người làm những chuyện lạ lùng, hơn một thầy dạy, hơn một tiên tri. Có dư bằng chứng để kết luận rằng Người nghĩ về Người bằng những hạn từ độc đáo và cao cả, nhưng một cách chính xác thì việc tự hiểu này sâu rộng ra sao?

Bức chân dung của Gioan về Chúa Giêsu

Trong lời mở đầu, Tin Mừng Gioan sử dụng ngôn từ uy nghi và không hàm hồ để quả quyết một cách mạnh dạn về thiên tính của Chúa Giêsu.

"Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời. Ngôi Lời vẫn ở với Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa. Lúc khởi đầu, Người đã ở với Thiên Chúa. Nhờ Người, vạn vật được tạo thành, và không có Người, thì chẳng có gì được tạo thành... Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta. Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người, là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật" (Gioan 1:1-3, 14)

Tôi nhớ đã đọc lời dẫn nhập huy hoàng đó khi tôi lược qua Tin Mừng Gioan lần đầu tiên. Tôi nhớ đã tự hỏi mình, thắc mắc không biết Chúa Giêsu sẽ phản ứng ra sao nếu Người đọc các lời lẽ Gioan nói về Người? Liệu Người có lùi lại và nói, "Chà, Gioan hoàn toàn hiểu sai về mình! Anh ta đã đánh phẩn và huyền thoại hóa mình đến độ mình không nhận ra chính mình nữa"? Hay Người gật đầu chấp thuận và nói, "Đúng, tôi là tất cả những điều đó, và còn hơn thế nữa"?

Sau này tôi gặp được lời lẽ của học giả Raymond Brown, người đã đi tới kết luận cho rằng “Tôi không gặp khó khăn nào đối với chủ đề này là nếu Chúa Giêsu... đọc được Gioan, Người sẽ thấy Tin Mừng này phát biểu thích đáng căn tính của Người” (3).

Bây giờ, đây là cơ hội để tôi trực tiếp nghe Witherington, người đã giành cả đời để phân tích các chi tiết chính xác theo lối bác học liên quan tới việc Chúa Giêsu tự tri nhận chính Người, về việc liệu ông có đồng ý với đánh giá của Brown hay không.

Không một do dự hay hàm hồ nào, ông nói, “Có, tôi đồng ý. Tôi không có bất cứ nghi vấn nào cả. Khi ông đương đầu với Tin Mừng Gioan, ông đương đầu với một hình ảnh phần nào giải thích về Chúa Giêsu, nhưng tôi cũng tin nó là một bức tranh hợp luận lý phát xuất từ những gì vốn ngụ hàm trong Chúa Giêsu lịch sử.

“Và tôi xin thêm điều này: cho dù ông loại bỏ Tin Mừng Gioan, thì vẫn không có một Chúa Giêsu không phải là Đấng được xúc dầu phát sinh từ các tư liệu trong ba Tin Mừng kia. Đơn giản là không có”.

Lập tức tôi nghĩ đến cuộc trao đổi thời danh, được Tin Mừng Mátthêu ghi lại, trong đó, Chúa Giêsu hỏi các môn đệ trong một buổi gặp gỡ riêng, “Các con nói Thầy là ai?” Phêrô trả lời rõ ràng, “Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống”. Thay vì tré nánh vấn đề, Chúa Giêsu xác nhận Phêrô trong nhận định của ông, Người nói, “Phúc cho con, vì không phải người phàm mạc khải cho con điều này, nhưng là Cha Thầy trên thiên đàng” (xem Mt 16:15-17).

Dù thế, một số mô tả phổ thông về Chúa Giêsu, như trong cuốn phim *The Last Temptation of Christ* [Con Cám dỗ Cuối cùng của Chúa Kitô], cho thấy Người không biết chẵn về căn tính và sứ mệnh của Người. Người đầy các hàm hồ và lo lắng.

Tôi hỏi Witherington, “Có bất cứ bằng chứng nào cho thấy Chúa Giêsu gặp khủng hoảng về căn tính hay không?”

Ông trả lời, “Không có cuộc khủng hoảng về căn tính nào cả, mặc dù tôi tin Người đã có những điểm xác nhận căn tính của Người. Tại phép rửa của Người, lúc Người bị cám dỗ, lúc Người biến hình trên núi, tại Vườn Diếtsimani, có những khoảnh khắc khủng hoảng, trong đó, Thiên Chúa xác nhận với Người Người là ai và đâu là sứ mệnh của Người.

“Chẳng hạn, tôi không nghĩ là chuyện ngẫu nhiên khi thừa tác vụ của Người không bắt đầu cho tới tận sau phép rửa của Người khi Người nghe tiếng nói, “Con là Con yêu quý của Ta, Ta rất hài lòng vì Con”.

“Người nghĩ đâu là sứ mệnh của Người?”

“Người coi công việc của Người là đến để giải thoát dân Thiên Chúa, nên sứ mệnh của Người là hướng tới người Do Thái”.

Tôi nhấn mạnh, “Chuyên biệt hướng tới Israel”.

Witherington nói, “Đúng, điều đó đúng. Rất ít bằng chứng cho thấy Người tìm kiếm dân ngoại trong thừa tác vụ của Người, đó là một sứ mệnh cho Giáo Hội sau này. Ông thấy đấy, các lời hứa của các tiên tri đã đến với Israel, nên Người phải đến với Israel”.

“Tôi và Chúa Cha là một”

Trong cuốn *Reasonable Faith* [Đức tin Hợp lý], William Lane Craig cho thấy một lượng bằng chứng đáng kể chứng minh rằng trong vòng 20 năm sau ngày Đóng Đinh, đã có cả một nền Kitô học đầy đủ công bố Chúa Giêsu là Thiên Chúa nhập thể.

Sử gia Giáo Hội Jaroslav Pelikan vốn nhấn mạnh rằng bài giảng Kitô giáo cổ nhất, trình thuật tử đạo Kitô giáo xưa nhất, tường trình ngoại giáo xưa nhất về Giáo Hội, và lời cầu nguyện phụng vụ cổ xưa nhất (1 Cr 16:22) thấy đều nhắc đến Chúa Giêsu như Chúa và Thiên Chúa. Pelikan nói, “rõ ràng, đó là thông điệp về điều Giáo Hội tin và dạy rằng ‘Thiên Chúa’ là tên thích đáng dành cho Chúa Giêsu Kitô” (4).

Dưới góc độ này, tôi hỏi Witherington, “ông có thấy bất cứ cách khả hữu nào điều này đã được khai triển, nhất là rất sớm, nếu Chúa Giêsu trước đó chưa bao giờ khẳng định bất cứ điều gì siêu việt và thiên sai về chính Người không?”

Witherington cương quyết nói, “Không, ngoại trừ ông sẵn sàng lập luận rằng các môn đệ hoàn toàn quên khuấy Chúa Giêsu lịch sử ra sao và họ không có điều gì liên quan tới các truyền thống bắt đầu xuất hiện 20 năm sau cái chết của Người. Nói một cách thành thực, trong tư cách một sử gia, điều này không hề có nghĩa”.

Ông nói thêm, khi xử lý với lịch sử, mọi loại sự việc đều khả hữu nhưng không phải mọi điều khả hữu đều hẳn xảy ra [probable] như nhau.

Ông hỏi, “liệu có hẳn xảy ra việc tất cả những chuyện này được gọi lên từ không khí hai mươi năm sau ngày Chúa Giêsu qua đời, khi vẫn còn các nhân chứng sống chứng kiến những điều Chúa Giêsu lịch sử từng là hay không? Tôi thấy điều ấy đơn giản chỉ là một giả thuyết lịch sử khó lòng xảy ra.

“Vấn đề thực sự là điều gì đã xảy ra sau ngày Chúa Giêsu chịu đóng đinh làm thay đổi tâm trí các môn đệ, những người bác bỏ, bất tuân và đào ngũ Chúa Giêsu? Một cách hết sức đơn giản, điều xảy ra cho họ tương tự như điều Chúa Giêsu cảm nghiệm lúc Người chịu phép rửa, điều các ông được xác nhận là điều các ông hy vọng Người là, Người quả như thế”.

Và một cách chính xác, Người ra sao? Khi tôi sắp sửa kết thúc cuộc đàm luận với Witherington, tôi muốn ông tóm lược điều ấy cho tôi. Xem xét mọi nghiên cứu tìm tòi của ông, đâu là kết luận bản thân của ông về việc Chúa Giêsu coi Người là ai? Tôi đặt câu hỏi, ngồi xuống và để ông trình bày mọi sự, ông đã làm như thể một cách hùng biện và xác tín.

“Chúa Giêsu nghĩ Người là người được Thiên Chúa cử nhiệm đem hành vi cứu rỗi tội lỗi của Thiên Chúa vào lịch sử nhân loại. Người tin rằng Người là tác nhân của Thiên Chúa trong việc thi hành điều ấy, Người được Thiên Chúa trao thẩm quyền và quyền lực, Người nói thay Thiên Chúa, và Người được Thiên Chúa điều hướng để thi hành nhiệm vụ này. Nên điều Chúa Giêsu nói là điều Thiên Chúa nói. Điều Chúa Giêsu làm là việc làm của Thiên Chúa.

“Theo ý niệm Do Thái về tác động (agency), tác nhân của ‘một người là như chính người này’. Ông nên nhớ Chúa Giêsu đã sai các môn đệ ra sao, Người nói, ‘bất cứ điều gì người ta làm cho các con là họ làm cho Thầy’. Có một liên kết mạnh mẽ giữa một người và tác nhân mà người này phái đi thi hành một sứ vụ.

“Vậy thì, Chúa Giêsu tin rằng Người thi hành một sứ vụ của Thiên Chúa, và sứ vụ này là cứu chuộc dân Thiên Chúa. Hệ luận là dân Thiên Chúa đã sa ngã và Thiên Chúa phải làm một điều gì đó, như Người luôn luôn làm, để can thiệp và đặt họ trở lại đường ngay. Nhưng có sự khác nhau về thời gian. Đây là thời sau cùng. Đây là cơ hội chót.

“Chúa Giêsu có tin Người là Con Thiên Chúa, Đáng được Thiên Chúa xức dầu hay không? Câu trả lời là có. Người có coi Người là Con Người hay không? Câu trả lời là có. Người có coi Người là Đấng Mêxia cuối cùng hay không? Có, đó là các Người coi Người. Người có tin rằng một ai đó kém hơn Thiên Chúa có thể cứu rỗi thế giới không? Không, tôi không tin Người tin như vậy.

“Và đây là chỗ nghịch lý mang dáng dấp hơi trêu chọc: cách Thiên Chúa cứu thế giới bằng việc Con của Người phải chết. Hành vi nhân bản nhất của mọi hành vi nhân bản, chết.

“Nhưng, Thiên Chúa, trong bản tính Thiên Chúa của Người, không chết. Vậy làm thế nào Thiên Chúa có thể thực hiện việc này? Làm thế nào Thiên Chúa trở thành Đấng Cứu vớt nhân loại? Người phải đến như một con người để hoàn tất nhiệm vụ ấy. Và Chúa Giêsu tin rằng Người là người làm điều đó.

“Chúa Giêsu nói ở Mc 10:45, ‘Tôi không đến để được phục vụ nhưng để phục vụ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc thay cho nhiều người’. Đây quả là hình thức hoang tưởng tự đại hai là điển hình của một người thực sự tin, khi nói, ‘Tôi với Chúa Cha là một’. Nói cách khác, ‘tôi có thẩm quyền nói thay cho Chúa Cha; tôi có quyền lực hành động thay cho Chúa Cha; nếu các ông bác bỏ tôi, là các ông bác bỏ Chúa Cha’.

“Dù cho ông bác bỏ Tin Mừng thứ tư và chỉ đọc các Tin Mừng nhất lãm, đây vẫn là kết luận ông sẽ đạt tới. Và đó là câu kết luận Chúa Giêsu sẽ dẫn chúng ta tới nếu chúng ta dự một buổi học hỏi Kinh thánh và tự hỏi Người câu hỏi này.

“Chúng ta phải hỏi, tại sao không có một người Do Thái thế kỷ thứ nhất nào có hàng triệu người theo chân ngày nay? Tại sao không hề có phong trào Gioan Tẩy giả nào? Tại sao, trong số mọi nhân vật thế kỷ thứ nhất, kể cả các hoàng đế La Mã, Chúa Giêsu vẫn được thờ phượng hiện nay, trong khi những người khác trở thành tro bụi của lịch sử?

“Chính bởi vì Chúa Giêsu này, Chúa Giêsu lịch sử, cũng là Chúa hằng sống. Đó là lý do tại sao. Chính bởi vì Người vẫn còn quanh quẩn đâu đây, trong khi những người khác đã khuất bóng hẳn”.

Thế chỗ cho Thiên Chúa

Giống như Witherington, nhiều học giả khác cũng đã khổ công phân tích bằng chứng sớm nhất về Chúa Giêsu và cũng đã đạt tới cùng các kết luận như vậy.

Craig viết, “Đây là một con người tự nghĩ về mình như Con Thiên Chúa theo nghĩa độc đáo, Đáng khẳng định mình hành động và nói năng bằng thẩm quyền Thiên Chúa, Đáng coi mình như người làm nhiều phép lạ, và là Đáng tin rằng số phận đời đời của người ta hệ ở việc tin hay không tin Người” (5).

Rồi ông viết thêm một nhận xét đặc biệt gây kinh ngạc: “Các manh mối đầy đủ cho một việc tự hiểu có tính Kitô học của Chúa Giêsu vốn đã có ngay trong tỷ lệ giảm thiểu 20 phần trăm các câu nói của Chúa Giêsu được các thành viên của cuộc Hội Thảo về Chúa Giêsu thừa nhận là chân chính” (6).

Bằng chứng để kết luận Chúa Giêsu có ý định thế chỗ cho Thiên Chúa “tuyệt đối có tính thuyết phục” như thần học gia Royce Gordon Gruenler từng đồng thuận (7).

Craig thì cho rằng các khẳng định của Chúa Giêsu phi thường đến nỗi vấn đề lãnh mạnh tinh thần của Chúa Giêsu không tránh được nêu ra. Ông lưu ý rằng sau khi James Dunn hoàn tất cuộc nghiên cứu có tính sử thi vấn đề này, Dunn buộc phải nhận xét, “câu hỏi cuối cùng không thể bỏ qua: *Chúa Giêsu có điên hay không?*” (8)

Tại phi trường Lexington, chờ chuyến bay trở về Chicago, tôi bỏ đồng tiền vào điện thoại trả tiền và gọi xin gặp để phỏng vấn các chuyên gia hàng đầu của đất nước về tâm lý học.

Đã đến lúc phải tìm cho ra.

Tài liệu đọc thêm

Craig, William Lane. “The self-understanding of Jesus” [Việc Chúa Giêsu tự hiểu về chính Người] trong *Reasonable Faith* [Đức tin Hợp lý] by William Lane Craig, 233-54. Westchester, Ill.: Crossway, 1994.
Marshall, I. Howard. *The Origins of the New Testament Christology* [Các Nguồn gốc của Kitô học Tân Ước], Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1976.
Moule, C.F.D. *The Origins of Christology* [Các Nguồn gốc của Kitô học]. Cambridge: Cambridge Univ. Press, 1977.
Witherington, Ben. *The Christology of Jesus* [Kitô học của Chúa Giêsu]. Minneapolis: Fortress, 1990.

Ghi chú

1. Marjorie Rosen, “Getting Inside the Mind of a serial Killer” [Đi vào Tâm trí Kẻ Sát nhân Hàng loạt], *Biography* (October 1997), 62-65.
2. *Ibid.*, 64.
3. R.E. Brown, “Did Jesus know He Was God?” [Chức Giêsu Có biết Người là Thiên Chúa không], *Biblical Theology Bulletin* 15 (1985), 78, trích dẫn trong Ben Witherington III, *The Christology of Jesus* (Minneapolis: Fortress, 1990) 277.
4. Jaroslav Pelikan, *The Christian Tradition: A History of the Development of Doctrine* [Tuyên thống Kitô giáo: Lịch sử Phát triển Tín lý] vol. I, *The Emergence of Catholic Tradition* [Việc Xuất hiện Truyền thống Công Giáo](100-600) (Chicago: Univ. of Chicago Press, 1971) 173, trích dẫn trong William Lane Craig, *Reasonable Faith* (Westchester, Ill.: Crossway, 1994) 243.
5. Craig, *Reasonable Faith*, 252.
6. *Ibid.*, 244.
7. Royce Gordon Gruenler, *New Approaches to Jesus and the Gospels* [Các Cách Tiếp cận mới với Chúa Giêsu và Các Sách Tin mừng] (Grand Rapids: Baker, 1982), 74.
8. James D.G. Dunn, *Jesus and the Spirit* [Chúa Giêsu và Chúa Thánh Thần] (London SCM Press, 1975), 60, trích dẫn trong Craig, *Reasonable Faith*, 252.

Chương tám: Bằng chứng tâm lý

Chúa Giêsu có điên không khi khẳng định mình là Con Thiên Chúa?

“Khi một nhà tâm lý hay phân tâm học làm chứng, ông ta nên đội chiếc mũ hình nón không cao hơn 2 bộ Anh. Bề mặt chiếc mũ sẽ in hình các ngôi sao và sấm sét. Thêm vào đó, ông ta nên được yêu cầu mang râu trắng không dài hơn 18 *inches* và nhấn mạnh các yếu tố chủ yếu trong chứng từ của mình bằng cách đánh không khí với chiếc gậy thần của mình. Bất cứ khi nào một nhà tâm lý hay phân tâm học cung cấp chứng từ, nhân viên chấp hành (bailiff) nên cùng một lúc để đèn tòa án mờ mờ và đánh hai hồi trống Trung quốc”.

Khi gọi ý tu chính án trên cho luật lệ tiểu bang vào năm 1997, Thượng nghị sĩ Tiểu bang New Mexico, Duncan Scott, chắc chắn tỏ thái độ của ông đối với các chuyên gia sẵn sàng làm chứng rằng các bị cáo là những người điên và do đó, về phương diện pháp luật, không chịu trách nhiệm về các tội ác của họ. Đường như thái độ khuyến nho của Scott được đa số đồng nghiệp của ông tán thành, họ bỏ phiếu chấp thuận đề nghị đưa cợt ấy! Trận đùa này tiến xa đến nỗi Hạ Viện cuối cùng phải bỏ phiếu ngăn nó trở thành luật (1).

Quả thực, có cả một luồng hoài nghi ngấm tại các tòa án đối với các nhà tâm lý và phân tâm học ra tòa làm

chúng liên quan tới tình trạng tâm thần của các bị cáo, khả năng của họ trong việc hợp tác với các luật sư để chuẩn việc biện hộ cho họ, và liệu họ có điên loạn về phương diện luật lệ vào lúc họ phạm tội ác hay không. Dù thế, phần lớn luật sư thừa nhận rằng các nhà chuyên nghiệp về sức khỏe tâm thần cung cấp nhiều tầm nhìn thông sáng cho hệ thống công lý hình sự.

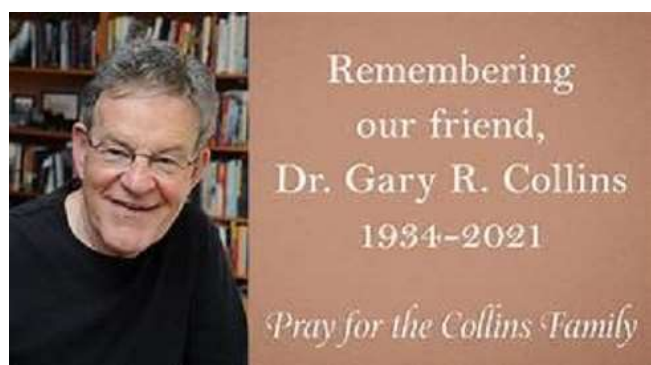
Tôi nhớ một vụ án trong đó một bà vợ có tác phong dịu dàng bị tố cáo giết chồng. Thoạt nhìn, bà ta không khác chi một bà mẹ của bất cứ ai khác, ăn vận đàng hoàng, dễ coi, tử tế, trông như thể bà vừa xuất hiện từ một cuộc nướng mẻ bánh qui xôcôla thơm ngon cho mấy đứa nhỏ của khu xóm. Tôi hết sức ngỡ ngàng khi một nhà tâm lý học làm chứng về phương diện tâm thần, bà không có khả năng chịu đựng một phiên xử.

Rồi luật sư của bà mời bà lên ghế nhân chứng. Thoạt đầu, chứng từ của bà rõ ràng, hợp lý, và minh bạch. Tuy nhiên, dần dần, nó trở thành kỳ dị khi bà mô tả, một cách bình thản và hết sức nghiêm nghị rằng bà liên tiếp bị tấn công bởi các cá nhân thời danh, trong đó có Dwight Eisenhower và cả hồn ma Napoléon. Khi bà kết thúc, không ai trong toà án hoài nghi bà hoàn toàn mất liên hệ với thực tại. Quan tòa phải gửi bà vào một viện tâm thần cho tới khi bà đủ lành mạnh để có thể đương đầu với các tố cáo chống lại bà.

Về bề ngoài có thể lừa dối ta. Công việc của nhà tâm lý học là nhìn bên dưới mã bên ngoài của bị cáo và rút ra các kết luận liên quan tới tình trạng tâm thần của họ. Đó là khoa học không chính xác, nghĩa là sai lầm và thậm chí lạm dụng có thể xảy ra, nhưng chứng từ tâm lý học nói chung cung cấp nhiều an toàn quan trọng cho các bị cáo.

Điều ấy liên quan gì tới Chúa Giêsu? Trong chương trước Tiến sĩ Ben Witherington III đã cung cấp bằng chứng đầy thuyết phục rằng các tư liệu sớm nhất về Chúa Giêsu chứng tỏ Người quả có khẳng định rằng Người là Thiên Chúa nhập thể. Điều ấy tất nhiên nêu lên vấn đề liệu Chúa Giêsu có điên hay không khi đưa ra các khẳng định như thế.

Để tìm được một lượng định chuyên môn về tình trạng tâm thần của Chúa Giêsu, tôi đã lái xe tới tòa nhà văn phòng ở ngoại ô Chicago để lấy chứng từ của một trong các thế giá hàng đầu của cả nước về các vấn đề tâm lý.



Cuộc phỏng vấn thứ bảy: Gary R. Collins, Ph.D.

Với bằng thạc sĩ Tâm lý học của Đại Học Toronto và bằng tiến sĩ Tâm lý học lâm sàng của Đại Học Purdue, Collins từng nghiên cứu, giảng dạy và viết về tác phong con người 30 năm nay. Ông đã là giáo sư tâm lý học tại Trường Thần học Tin Lành Ba Ngôi trong hai thập niên, phần lớn thời gian này, là người chủ tọa phân khoa tâm lý học của trường.

Được phú bẩm một năng lực và hăng say vô bờ, Collins là một người viết rất nhiều. Ông viết gần 150 bài

cho các tạp chí và báo định kỳ khác và hiện là chủ bút của tờ *Christian Counseling Today* và là chủ biên đóng góp của tờ *Journal of Psychology and Theology*.

Ông cũng đã xuất bản 45 cuốn sách về các chủ đề có liên hệ tới tâm lý học, trong đó có cuốn *The Magnificent Mind* [Tâm trí Tuyệt vời]; *Family Shock* {Gia đình Ngỡ ngàng}; *Can You Trust Psychology?* [Bạn Có thể Tin tưởng Tâm lý học hay không?]; và cuốn giáo khoa cổ điển *Christian Counseling: A Comprehensive Guide* [Huấn đạo Kitô giáo: Sách Hướng dẫn Toàn diện]. Thêm vào đó, ông còn là tổng biên tập tuyển tập 30 cuốn tựa là *Resources for Christian Counseling* [Nguồn Tài liệu của Khoa Huấn đạo Kitô giáo], một loạt sách dành cho các nhà chuyên nghiệp về sức khỏe tâm thần.

Tôi thấy Collins trong văn phòng sáng sủa và thoáng khí tại Hiệp hội Hoa kỳ các Huấn đạo viên Kitô giáo, một hội với 15 ngàn hội viên mà ông là chủ tịch. Với mái tóc muối tiêu gọng kính viền bạc, ông trông bảnh bao trong chiếc áo len màu nâu sẫm cổ cao, áo khoác thể thao may bằng vải chéo chữ chi, và chiếc quần màu xám (nhưng xin lỗi, không có chiếc mũ nhọn hay bộ râu trắng dài thòng).

Tôi khởi đầu cuộc phỏng vấn bằng cách chỉ ra ngoài cửa sổ, nơi tuyết đang nhẹ nhàng rơi xuống những hàng cây xanh. Tôi nói, “Mấy dặm về hướng ấy là viện tâm thần của tiểu bang. Nếu chúng ta tới đó, tôi chắc chắn mình sẽ tìm được một ai đó khẳng định họ là Thiên Chúa. Chúng ta nói họ điên. Chúa Giêsu từng nói Người là Thiên Chúa, phải chẳng cả Người cũng điên sao?”

Collins tắc lưỡi nói, “Nếu ông muốn một câu trả lời ngắn gọn, thì không”.

Nhưng, tôi nhấn mạnh đây là một chủ đề chính đáng xứng đáng được phân tích xa hơn. Các chuyên gia nói rằng những người mắc chứng ảo giác tâm thần phần lớn tỏ ra hữu lý thể nhưng có thể có những niềm tin thổi phồng mình là các cá nhân tuyệt vời. Một số thậm chí còn có thể thu hút được nhiều môn đệ thực sự tin họ là thiên tài. Tôi gợi ý, điều này rất có thể đã xảy ra với Chúa Giêsu.

Collins trả lời trong khi cài tay phía sau cổ, “Vâng, đúng là những người gặp khó khăn tâm lý thường cho họ là những người mà họ không hề là. Đôi lúc, họ cho họ là chính Chúa Giêsu hay là Tổng thống Hoa Kỳ hay một ai khác nổi tiếng, như Lee Strobel”, ông nói đùa.

Ông nói tiếp, “Tuy nhiên, các tâm lý gia không chỉ lưu ý điều người ấy nói. Họ đi sâu hơn thế. Họ quan sát sức cảm của người này vì các cá nhân bị nhiễu loạn thường bày tỏ một sự trầm cảm không thích đáng, lúc thì họ có thể hết sức giận dữ lúc thì có lẽ lại rất âu lo xao xuyến. Nhưng ông hãy nhìn lên Chúa Giêsu: Người không bao giờ biểu lộ một xúc cảm không thích đáng. Chẳng hạn, Người khóc thương cái chết của bạn Người là Ladarô, điều ấy tự nhiên đối với một cá nhân lành mạnh về xúc cảm”.

Tôi khẳng định, “chắc chắn thỉnh thoảng Người có giận dữ”.

“Đúng, Người có giận dữ nhưng đó là loại giận dữ lành mạnh trước những người lạm dụng người bị chà đạp bằng cách hót tiền bất chính ở đền thờ. Người không chỉ nổi khùng vô lý vì một ai đó làm Người khó chịu; đây là phản ứng chính đáng chống bất công và xử tệ rành rành với người khác.

Ông nói thêm, “những người bị ảo tưởng khác có những tri nhận lầm lẫn. Họ nghĩ người ta rình mò họ hay mưu toan bắt họ trong khi không có ai đang mưu toan như thế. Họ mất tiếp xúc với thực tại. Họ tri nhận lầm lẫn hành động của người khác và tố cáo những người này các hành động họ không hề có ý định thực hiện. Một lần nữa, ta không thấy điều này nơi Chúa Giêsu. Hiển nhiên, Người luôn tiếp xúc với thực tại. Người không mắc chứng hoang tưởng mặc dù Người hiểu đúng đắn rằng có nhiều nguy hiểm thực sự ở xung quanh Người.

“Hay những người với các khó khăn tâm lý có thể có những bất ổn trong suy nghĩ, họ không thể đàm luận một cách hợp luận lý, họ nhảy tới các kết luận lầm lẫn, họ vô lý. Chúng ta không thấy điều này nơi Chúa Giêsu. Người nói rõ ràng, mạnh mẽ, và hùng biện. Người sáng chói và có những tầm nhìn thấu suốt vào bản chất con người, tuyệt đối đáng khâm phục.

“Một dấu hiệu khác của bất ổn tâm thần là tác phong không thích đáng, như ăn vận kỳ cục hay không thể liên hệ về phương diện xã hội với người khác. Tác phong của Chúa Giêsu hoàn toàn phù hợp với điều người ta chờ mong, và Người có nhiều mối liên hệ sâu sắc và lâu bền với rất nhiều loại người thuộc đủ mọi tầng lớp xã hội”.

Ông dừng lại một chút, mặc dù tôi cảm thấy ông chưa nói hết. Tôi thúc giục ông nói tiếp bằng cách nêu câu hỏi, “Ông nhận xét gì khác về Người?”

Collins nhìn chăm chăm cảnh tuyết trắng xóa yên bình ngoài cửa sổ. Khi ông tiếp tục nói, dường như ông nhắc nhớ về một người bạn cũ.

“Người rất yêu thương nhưng không để lòng cảm thương của Người làm Người bất động; Người không có một bản ngã vênh váo, mặc dù Người thường được các đám đông tôn thờ Người bao quanh; Người giữ được sự quân bình bất chấp lối sống thường đòi hỏi khắt khe; Người luôn biết điều Người đang làm và Người đi đâu; Người quan tâm sâu xa tới mọi người, kể cả phụ nữ và trẻ em, những người thời ấy ít được coi trọng; Người có khả năng chấp nhận người ta trong khi không nhắm mắt làm ngơ trước tội lỗi của họ; Người đáp ứng các cá nhân dựa trên việc họ đang ở đâu và họ cần những gì”.

Tôi hỏi, “Vây, thưa tiến sĩ, chẩn đoán của ông ra sao?”

Ông kết luận với một nụ cười, “Nói tóm lại, một cách đơn giản tôi không thấy dấu hiệu nào cho thấy Chúa Giêsu mắc bất cứ chứng tâm thần nào hiện ta biết. Người lành mạnh hơn bất cứ ai tôi biết, kể cả tôi!”

“Điên sáng”

Cứ công nhận như thế đi, khi ta nhìn lại khắp lịch sử, ta không thấy bất cứ dấu hiệu hoang tưởng hiển nhiên nào nơi Chúa Giêsu. Nhưng những người trực tiếp tương tác với Người thì sao? Họ thấy gì từ vọng nhìn gần gũi hơn hẳn của họ?

Tôi nhấn mạnh với Collins, “Một số người ở hiện trường trong thế kỷ thứ nhất đã mạnh mẽ bất đồng với ông. Họ quả kết luận rằng Chúa Giêsu điên. Gioan 10:20 cho chúng ta hay nhiều người Do Thái nghĩ Người ‘bị quỷ ám và điên sáng’. Quả là những lời mạnh mẽ!”

Collins phản cung, “Đúng, nhưng đó khó là chẩn đoán của một nhà chuyên nghiệp được huấn luyện về sức khỏe tâm thần. Ông hãy xét xem điều gì khiến người ta phát ra những lời đó: giáo huấn cảm động và sâu sắc của Chúa Giêsu về việc Người là Mục Tử Nhân Lành. Họ phản ứng vì lời quả quyết của Người về Người vượt quá cái hiểu của họ về điều thông thường, chứ đâu phải vì Người thực sự mất quân bình về tâm thần.

“Và ông nên lưu ý: các nhận định của họ lập tức bị người khác thách thức; những người này nói ở câu 21, ‘Người bị quỷ ám đâu có nói được như vậy ! Quỷ có thể mở mắt cho người mù được sao?’”

Tôi hỏi, “tại sao điều đó lại quan trọng?”

“Vì Chúa Giêsu đâu có đưa ra các khẳng định thái quá về chính Người. Người bênh đỡ chúng bằng các hành vi lạ lùng đầy cảm thương, như chữa người mù.

“Ông thấy đấy, nếu tôi cho rằng tôi là tổng thống Hoa Kỳ, đó mới là điên sáng. Ông nhìn vào tôi và thấy đâu có những biểu hiện bề ngoài của chức vụ tổng thống. Tôi đâu có trông giống như một tổng thống. Người ta đều có chấp nhận thẩm quyền của tôi như một tổng thống. Không một an ninh chìm nào bảo vệ tôi. Nhưng nếu một tổng thống đích thực cho rằng mình là tổng thống, thì việc này đâu có gì là điên sáng, bởi vì ông thực sự là tổng thống và có rất nhiều bằng chứng xác nhận việc này.

“Một cách tương tự như thế, Chúa Giêsu không chỉ khẳng định Người là Thiên Chúa, Người bênh đỡ nó bằng các vụ chữa lành lạ lùng, bằng các chứng minh đầy ngạc nhiên về quyền lực trên thiên nhiên, bằng các giáo huấn siêu việt và vô tiền khoáng hậu, bằng những tầm nhìn thấu suốt đầy nét thần linh về con người, và cuối cùng bằng việc chính Người sống lại từ cõi chết, điều mà tuyệt đối không có ai khác có khả năng bắt chước. Như thế, khi Chúa Giêsu cho mình là Thiên Chúa, đó không phải là điên sáng. Đó là sự thật”.

Tuy nhiên, việc Collins nại đến các phép lạ của Chúa Giêsu đã mở cửa cho những phản bác khác. Tôi vừa nói vừa rút ra một cuốn sách từ chiếc cặp của tôi, “một số người đã bắn hạ các phép lạ vốn giả thiết có thể giúp chứng thực cho việc Chúa Giêsu coi mình là Con Thiên Chúa”. Tôi đọc cho ông nghe lời lẽ của kẻ hoài nghi là Charles Templeton.

“Nhiều chứng bệnh, thời ấy cũng như thời nay, chỉ là bệnh căng thẳng thần kinh, và có thể ‘chữa được’ khi tri nhận của nạn nhân thay đổi. Cũng như ngày nay, thuốc trấn an (placebo) do một y sĩ được bệnh nhân tín nhiệm kê đơn có thể mang lại hiệu quả khỏi bệnh biểu kiến, như thế, thời xưa, niềm tin vào người chữa bệnh có thể diệt trừ các triệu chứng có hại. Với mỗi thành công, danh tiếng của người chữa lên cao và do đó, quyền năng của họ càng trở nên hữu hiệu hơn”(2).

Tôi hỏi, “Liệu điều này có bác bỏ các phép lạ vốn giả thiết nâng đỡ các khẳng định của Chúa Giêsu rằng Người là Con Thiên Chúa không?”

Phản ứng của Collins làm tôi ngạc nhiên, ông trả lời, “Tôi sẽ không hoàn toàn bất đồng với những gì Templeton viết”.

“Ông không bất đồng sao?”

“Thực sự không. Có lẽ đôi khi Chúa Giêsu chữa bệnh do gợi ý chẳng? Tôi không có vấn đề gì với điều này. Đôi khi người ta có những căn bệnh do tâm lý, và nếu họ có được một mục tiêu mới để sống, một hướng đi mới, thì họ không cần đến thứ bệnh ấy nữa.

“Còn hiệu quả của thuốc trấn an? Nếu ông nghĩ ông sẽ khá hơn, đôi khi ông khá hơn thật. Đây là một sự kiện y khoa lâu đời. Và khi người ta đến với Chúa Giêsu, họ tin Người sẽ chữa lành họ, và Người chữa lành họ thật. Nhưng sự kiện vẫn y nguyên: bất kể Người thực hiện cách nào, nhưng Người quả chữa lành họ.

Ông vội nói thêm, “Dĩ nhiên, điều ấy không giải thích mọi vụ chữa bệnh của Chúa Giêsu. Đôi khi một vụ chữa lành chứng tâm lý căng thẳng đã diễn ra; các vụ chữa bệnh của Chúa Giêsu không tự phát. Nhiều lần mấy ngày sau, người được chữa lành về tâm lý lại có các triệu chứng như cũ, nhưng chúng ta không có bằng chứng nào về việc này. Và Chúa Giêsu chữa các tình trạng như bệnh mù suốt đời và phong cùi, đối với các tình trạng này, lời giải thích thần kinh căng thẳng khó có thể áp dụng.

“Trên hết, Người làm cho người ta sống lại từ cõi chết, sự chết không thể là tình trạng do tâm lý gây ra! Ngoài ra ông còn thấy những phép lạ trên thiên nhiên của Người nữa: dẹp yên sóng biển, biến nước thành rượu. Chúng thách thức cách giải thích duy tự nhiên”.

À... có thể. Tuy nhiên, việc Collins nhắc đến phép lạ biến nước thành rượu đem tới một lối giải thích có thể có đối với việc làm lạ lùng của Chúa Giêsu.

Chúa Giêsu người thôi miên

Các bạn đã có bao giờ thấy một người thôi miên trình diễn chưa, họ đưa nước cho một người nào họ đã thôi miên và nói với người này là họ đang uống rượu? Người bị thôi miên chớp môi, choáng váng, bắt đầu thấy say, y hệt như thể họ đã nốc thứ rượu *Bordeaux* rẻ tiền vậy.

Tác giả người Anh Ian Wilson từng nêu câu hỏi có phải đó cũng là cách Chúa Giêsu thuyết phục các khách dự tiệc cưới ở Cana rằng Người đã biến các bình nước thành thứ uống lên men ngon nhất không.

Quả thật, Wilson thảo luận khả thể Chúa Giêsu có lẽ là một nhà thôi miên bậc thầy, một điều có thể giải thích các khía cạnh được cho là siêu nhiên về cuộc đời của Người. Chẳng hạn, thôi miên có thể giải thích các vụ trừ quỷ của Người; việc Người hiền dung, trong đó, ba môn đệ thấy mặt Người sáng láng và áo sáng Người trắng như ánh sáng, và cả các vụ chữa bệnh của Người. Để làm bằng chứng, Wilson trưng dẫn điển hình hiện đại về cậu bé 6 tuổi có chứng bệnh nghiêm trọng về da đã được chữa khỏi nhờ các gợi ý của khoa thôi miên.

Có lẽ Ladarô không thực sự được làm cho sống lại từ cõi chết. Há ông đã không ở trong trạng thái hôn mê như chết do thôi miên tạo ra đó sao? Còn đối với sự phục sinh, Wilson suy đoán rằng Chúa Giêsu “có thể đã huấn luyện cho các môn đệ quen có ảo giác các lần Người hiện ra để đáp ứng một số ám hiệu đã sắp đặt sẵn (bẻ bánh?) cho một thời gian đã định trước sau cái chết của Người” (3).

Điều này thậm chí có thể giải thích cả việc nhắc nhở kỳ lạ trong các sách Tin Mừng về việc Chúa Giêsu không thể làm các phép lạ tại quê hương Nadarét của Người. Wilson viết:

“Chúa Giêsu thất bại chính tại nơi, trong tư cách một người thôi miên, chúng ta biết chắc Người sẽ thất bại, giữa những người biết rõ Người nhất, những người thấy Người lớn lên như một đứa trẻ bình thường. Chịu trách nhiệm phần lớn cho tỷ lệ thành công của bất cứ người thôi miên nào là sự kính sợ (awe) và mẫu nhiệm quanh con người của họ, và các nhân tố chủ yếu này hoàn toàn thiếu tại thị trấn quê hương của Chúa Giêsu” (4).

Tôi nói với Collins, “Ông phải nhìn nhận rằng đây là lối khá đáng lưu ý nhằm cố gắng bác bỏ các phép lạ của Chúa Giêsu”.

Tôi thấy nét khó tin hiện rõ trên khuôn mặt ông. Ông la lên, “Gã này có nhiều niềm tin vào thôi miên hơn tôi! Dù đây là một lập luận khéo léo, nhưng nó không hề đứng vững việc phân tích. Nó đầy những lỗ hổng”.

Lần lượt từng điểm một, Collins bắt đầu kể chúng ra. “Thứ nhất, có vấn đề toàn bộ cả nhóm người bị thôi miên. Không phải mọi người đều bị như nhau.

“Những nhà thôi miên trình diễn thường nói nhỏ nhẹ với cử tọa và tìm xem những ai xem ra đáp ứng để chỉ chọn những người này làm tình nguyện viên, vì họ sẵn sàng để chịu thôi miên. Trong một nhóm lớn, nhiều người không chịu được. Khi Chúa Giêsu hóa bánh và cá, có năm ngàn nhân chứng. Làm sao Người thôi miên được họ hết thấy?

“Thứ hai, thôi miên nói chung không thành công với những người hoài nghi. Vậy làm thế nào Chúa Giêsu thôi miên được người anh em của Người là Giacôbê, người vốn hoài nghi Người nhưng sau đó chứng kiến Người sống lại? Làm thế nào Người thôi miên Saolô thành Tarsô, thù địch Kitô giáo, người chưa bao giờ

gặp gỡ Chúa Giêsu cho tới khi thấy Người sau khi Người đã phục sinh? Làm thế nào Người thôi miên được Tôma, người hoài nghi đến nỗi không tin sự phục sinh cho tới khi đút được ngón tay vào các vết đinh trên bàn tay của Người?

“Thứ ba, liên quan đến sự Phục sinh, thôi miên không giải thích được ngôi mồ trống”.

Tôi ngắt lời, gợi ý, “Tôi giả thiết ai đó có thể cho rằng các môn đệ bị thôi miên nên tưởng tượng ra ngôi mồ trống”.

Collins trả lời, “dù cho có thể như thế, Chúa Giêsu không thể thôi miên các người Pharisiêu và các nhà cầm quyền La Mã, và hẳn họ đã vui lòng đưa xác của Người ra nếu nó còn ở trong mộ. Sự kiện là họ không nói với chúng ta ngôi mộ thực sự trống rỗng.

“Thứ tư, ông hãy xem phép lạ biến nước thành rượu. Chúa Giêsu không bao giờ nói chuyện với khách dự tiệc cưới. Thậm chí Người không gợi ý với các gia nhân là nước đã biến thành rượu. Người chỉ nói với họ mang một ít nước tới người chủ tiệc. Ông ta là người nếm nó và nói đó là rượu, mà trước đó, không ai gợi ý với ông ta cả.

“Thứ năm, vụ chữa da được Wilson nói đến không phải tức thời, phải không?”

Tôi nói, thực sự, tờ *British Medical Journal* nói phải 5 ngày sau cuộc thôi miên da rắn, gọi là chứng vẩy cá (ichthyosis), mới rơi khỏi cánh tay của cậu bé, và thêm vài ngày nữa da cậu mới trở lại bình thường. Tỷ lệ thành công của thôi miên so với các phần khác của cơ thể cậu trong khoảng vài tuần lễ là từ 50 tới 90 phần trăm (5).

Collins nói, “Ông hãy so sánh điều đó với việc Chúa Giêsu chữa 10 người phong cùi trong Luca 17. Họ được tức khắc lành bệnh và lành bệnh 100 phần trăm. Điều này không thể giải thích được duy bởi thôi miên. Cả việc Người chữa lành một người bị bại tay trong Máccô 3 cũng không. Cho dù người ta có bị thôi miên mà tưởng rằng bàn tay ông ta được chữa lành thì sau đó họ cũng tìm ra sự thật. Thôi miên đâu có kéo dài bao nhiêu.

“Và cuối cùng, các sách Tin Mừng ghi lại đủ loại chi tiết về những điều Chúa Giêsu nói và làm, nhưng chưa bao giờ có lần nào các sách này mô tả Người nói hay làm bất cứ điều gì gợi ý Người đang thôi miên người ta. Tôi có thể tiếp tục nói mãi”.

Tôi cười và nói, “tôi nói với ông nó là một giải thích đáng lưu ý; tôi không nói nó thuyết phục! Thế nhưng sách vở đang viết để cổ vũ những loại ý nghĩ này”.

Collins trả lời, “Điều làm tôi ngạc nhiên là làm thế nào người ta bám vào bất cứ điều gì để bác bỏ các phép lạ của Chúa Giêsu”.



Chúa Giêsu người trừ quỷ

Trước khi chúng tôi kết thúc cuộc phỏng vấn, tôi muốn bóc lột khả năng chuyên môn tâm lý học của Collins trong một lĩnh vực nữa mà những người hoài nghi vốn thấy là gây bối rối.

Tôi nhận xét, “Chúa Giêsu là một người trừ quỷ. Người nói với ma quỷ và trục xuất chúng ra khỏi những người cho là bị quỷ ám. Nhưng liệu có hữu lý không khi tin rằng thần xấu chịu trách nhiệm đối với một số thứ bệnh và tác phong kỳ lạ?”

Collins không hề bối rối trước câu hỏi. Ông trả lời, “Do niềm tin thần học của tôi, tôi chấp nhận việc ma quỷ hiện hữu. Chúng ta sống trong một xã hội trong đó, nhiều người tin có thiên thần. Họ biết có những sức mạnh thiêng liêng ở ngoài kia, và quả không khó để kết luận rằng một số sức mạnh ấy có ác tâm. Nơi ông thấy Thiên Chúa hành động, đôi khi những sức mạnh này còn hoạt động mạnh hơn, và đó là điều đã xảy ra vào thời Chúa Giêsu”.

Tôi đề ý thấy Collins nhắc đến niềm tin thần học của ông chứ không phải kinh nghiệm lâm sàng của ông, nên hỏi, “như một tâm lý gia, có bao giờ ông thấy bằng chứng rõ ràng về việc bị quỷ ám chưa?”

Ông nói, “Đích thân thì chưa, nhưng vì tôi chưa dành cả sự nghiệp của mình trong môi trường lâm sàng. Bạn bè của tôi trong công việc lâm sàng có nói rằng đôi khi họ đã nhìn thấy điều ấy, và đây không phải là những người có xu hướng đằng sau mọi vấn đề đều nhìn thấy một con quỷ. Họ có xu hướng hoài nghi. Nhà phân tâm học M. Scott Peck đã viết đôi chút về vấn đề này trong cuốn sách *People of the Lie*" (6).

Tôi đã vạch ra việc Ian Wilson, khi gợi ý rằng Chúa Giêsu có thể sử dụng thôi miên để chữa bệnh cho những người nặng nề tin rằng họ bị quỷ ám, đã bác bỏ cho rằng không có "cá nhân thực tế" nào giải thích tình trạng quỷ ám "như việc làm của ma quỷ thực sự." (7)

Collins trả lời, "Ở một mức độ nào đó, ông quả tìm thấy những gì ông muốn tìm. Những người phủ nhận sự hiện hữu của siêu nhiên sẽ tìm ra một cách nào đó, cho dù có xa vời đến đâu, để giải thích một tình huống không phải của ma quỷ. Họ sẽ tiếp tục cho thuốc, tiếp tục cho người đó thuốc men, nhưng người đó không khá hơn. Có những trường hợp không đáp ứng với điều trị y tế hoặc điều trị tâm thần thông thường".

Tôi hỏi, “Có thể nào những cuộc trừ quỷ của Chúa Giêsu thực sự là chữa bệnh tâm thần không?”

"Có, trong một số trường hợp, nhưng một lần nữa ông phải nhìn vào toàn bộ bối cảnh. Còn về người đàn ông bị quỷ ám và Chúa Giêsu sai quỷ vào bầy heo và bầy heo sa xuống vách đá thì sao? Chuyện gì đang xảy ra nếu đó là một tình huống tâm lý? Tôi nghĩ rằng Chúa Giêsu thực sự đã xua đuổi ma quỷ, và tôi nghĩ rằng một số người cũng làm điều đó ngày hôm nay. Đồng thời, chúng ta không nên quá vội vàng nhảy tới một kết

luận ma quỷ khi đối đầu với một vấn đề khó giải quyết. Như S. Lewis đã nói, có hai sai lầm bằng nhau và trái ngược nhau mà chúng ta có thể rơi vào liên quan đến ma quỷ: 'Một là không tin chúng hiện hữu. Hai là tin, nhưng cảm thấy quan tâm thái quá và không lành mạnh đến chúng. Bản thân họ cũng hài lòng như nhau với cả hai lầm lỗi.'" (8)

Tôi hỏi, "Gary, ông biết đấy, ý tưởng đó có thể tung bay với Hiệp hội Huấn đạo viên Kitô giáo Hoa Kỳ, nhưng liệu các nhà tâm lý học thế tục có coi việc tin vào ma quỷ là hợp lý không?"

Tôi nghĩ Collins có thể bị xúc phạm bởi câu hỏi, vốn nghe như có vẻ trịch thượng hơn tôi dự định, nhưng ông không hề bị xúc phạm.

Ông trầm ngâm, "Thật đáng lưu ý khi mọi sự đang thay đổi. Xã hội của chúng ta ngày nay bị cuốn hút vào 'tính tâm linh'. Đó là một thuật ngữ hầu như có thể có bất ý nghĩa nào, nhưng nó quả có nhận ra siêu nhiên. Những điều được các nhà tâm lý học thời nay tin quả đáng lưu ý. Một số say mê những điều thần bí phương Đông; một số nói về sức mạnh của các pháp sư trong việc ảnh hưởng đến cuộc sống của mọi người.

"Trong khi hai mươi lăm năm trước, gợi ý về hoạt động của ma quỷ sẽ bị bác bỏ ngay lập tức, nhiều nhà tâm lý học đang bắt đầu nhận ra rằng có thể có nhiều điều ở trên thiên đường và trái đất hơn những triết lý của chúng ta có thể giải thích."

"Trí Tưởng tượng Lố bịch!"

Collins và tôi đã hơi chệch hướng so với mục tiêu ban đầu cuộc phỏng vấn của chúng tôi. Khi tôi nghĩ về cuộc nói chuyện của chúng tôi trong khi lái xe về nhà, tôi trở lại với vấn đề trọng tâm đã đưa tôi đến với ông: Chúa Giêsu tuyên bố Người là Thiên Chúa. Không ai cho rằng Người cố tình lừa gạt. Và bây giờ, dựa trên 35 năm kinh nghiệm tâm lý, Collins kết luận rằng Người không bị khiếm khuyết tâm thần.

Tuy nhiên, điều đó đặt ra cho tôi một câu hỏi mới: Chúa Giêsu có hội đủ các thuộc tính của Thiên Chúa không? Dù sao, cho rằng mình có thiên tính là một chuyện; mà hiện thân những đặc điểm làm Thiên Chúa thành Thiên Chúa lại là một chuyện khác.

Tại một đèn dừng giao thông, tôi rút một cuốn sổ tay ra khỏi cặp và viết nguệch ngoạc một ghi chú cho chính mình. Tìm cho được D. A. Carson. Tôi biết rằng tôi muốn nói chuyện với một trong những nhà thần học hàng đầu của đất nước về vấn đề tiếp theo này. Trong khi chờ đợi, cuộc nói chuyện của tôi với Gary Collins đã thôi thúc tôi dành thời gian tối hôm đó để đọc lại cẩn thận các phát ngôn của Chúa Giêsu. Tôi có thể phát hiện không có dấu hiệu nào của chứng mất trí, ảo tưởng, hoặc hoang tưởng. Trái lại, một lần nữa, tôi xúc động trước trí tuệ sâu sắc của Người, những hiểu biết kỳ lạ của Người, tài hùng biện đầy thi ca của Người, và lòng cảm thương sâu sắc của Người. Nhà sử học Philip Schaff nói điều đó tốt hơn tôi.

"Liệu trí hiểu trong như tầng trời, cường tráng như không khí miền núi, sắc bén và xuyên thấu như một thanh kiếm, hoàn toàn lành mạnh và mạnh mẽ, luôn sẵn sàng và luôn tự chủ- phải chịu trách nhiệm về một ảo tưởng triệt để và nghiêm trọng nhất liên quan đến chính tính cách của mình và sứ mệnh không? Trí tưởng tượng lố bịch!" (9)

Tài liệu Đọc thêm

Collins, Gary R. *Can You Trust Psychology?* [Bạn có thể tin tưởng Tâm lý học hay không?] Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1988.

Collins, Gary R. *Christian Counseling: A Comprehensive Guide* [Huấn đạo Kitô giáo: Hướng dẫn Toàn diện]. Waco, Tex.: Word, 1988.

Collins, Gary R. *The Soul Search* [Tìm Linh hồn]. Nashville: Nelson, 1998.
Lewis, C. S. *The Screwtape Letters* [Các Thư Gây rối]. London: Collins-Fontana, 1942

Ghi chú

1. Leland H. Gregory 111, "Top Ten Government Bloopers," [Mười lầm lỗi gây bối rối hàng đầu của chính phủ] *George* (November 1997), 78.
2. Charles Templeton, *Farewell to God* [Giã từ Thiên Chúa], (Toronto: McClelland & Stewart, 1996), 112.
3. Wilson, *Jesus: The Evidence* [Chúa Giêsu: Bằng chứng], 141.
4. *Ibid.*, 109
5. "A Case of Congenital Ichthyosiform Erythrodermia of Brocq Treated by Hypnosis," [Vụ Bệnh vẩy cá bẩm sinh làm da đỏ của Brocq được thôi miên chữa lành] *British Medical Journal* 2 (1952), 996, trích dẫn trong Wilson, *Jesus: The Evidence*, 103.
6. M. Scott Peck, *People of the Lie* [Dân nói láo] (New York: Touchstone, 1997).
7. Wilson, *Jesus: The Evidence*, 107.
8. C. S. Lewis, *The Screwtape Letters* (London: Collins-Fontana, 1942), 9.
9. Philip Schaff, *The Person of Christ* [Con người của Chúa Giêsu] (New York: American Tract Society, 1918), 97, trích dẫn McDowell, *Evidence That Demands a Verdict* [Bằng chứng đòi phán quyết], 107.

Chương Chín: Bằng chứng Nhận dạng Khuôn mặt Chúa Giêsu có hội đủ các thuộc tính của Thiên Chúa không?

Ngay sau khi tám sinh viên y tá bị sát hại tại một căn hộ ở Chicago, người sống sót duy nhất run rẩy hội ý với cảnh sát để phác thảo một bản vẽ về nghi phạm và mô tả chi tiết kẻ giết người mà cô đã nhìn thấy từ vọng nhìn bí mật của cô dưới giường ngủ.

Bản vẽ nhanh chóng được chiếu khắp thành phố- đến các cảnh sát viên, bệnh viện, trạm trung chuyển, sân bay. Ngay sau đó, một bác sĩ phòng cấp cứu đã gọi cho các thám tử để nói rằng ông ta điều trị một người đàn ông trông có vẻ đáng ngờ như người chạy trốn có đôi mắt cứng rắn, được miêu tả trong bản vẽ. Đó là cách cảnh sát bắt giữ một người phiêu bạt tên là Richard Speck, người đã nhanh chóng bị kết tội giết người cách đã man và cuối cùng chết trong tù ba mươi năm sau (1).

Kể từ khi Scotland Yard lần đầu tiên biến hồi ức của nhân chứng thành một bản phác vẽ nghi phạm giết người vào năm 1889, các nghệ sĩ pháp y đã đóng vai trò quan trọng trong việc chấp pháp. Ngày nay, hơn ba trăm họa sĩ ký họa làm việc với các cơ quan cảnh sát Hoa Kỳ, và ngày càng có nhiều phòng ban dựa vào hệ thống vi tính hóa được gọi là EFIT (Kỹ thuật điện tử nhận dạng khuôn mặt).

Kỹ thuật phát triển gần đây này đã được sử dụng thành công để giải quyết một vụ bắt cóc năm 1997 xảy ra tại một trung tâm mua sắm chỉ vài dặm từ căn nhà ngoại ô Chicago của tôi. Nạn nhân cung cấp thông tin chi tiết về sự xuất hiện của kẻ bắt cóc với một kỹ thuật viên, người đã sử dụng một máy tính để tạo ra một chân dung điện tử của người phạm tội bằng cách chọn từ các kiểu mũi, miệng, đường chân tóc và vân vân. Chỉ một lúc sau khi bản vẽ được "fax" cho cảnh sát, các cơ quan trên toàn khu vực, một điều tra viên ở một vùng ngoại ô khác đã nhận ra Bức tranh như rất giống với một tên tội phạm mà ông đã gặp trước đây. May mắn thay, điều này dẫn đến một vụ bắt giữ nhanh chóng nghi can vụ bắt cóc (2).

Lạ một điều, khái niệm về bản vẽ của nghệ sĩ có thể cung cấp một sự tương tự đại khái có thể giúp chúng ta trong việc truy tìm sự thật về Chúa Giêsu.

Đây là cách thực hiện: Cựu Ước cung cấp nhiều chi tiết về Thiên Chúa có thể phác thảo rất chuyên biệt việc

Người như thế nào. Chẳng hạn, Thiên Chúa được mô tả như có mặt khắp nơi, hoặc hiện hữu ở khắp mọi nơi trong vũ trụ; như toàn tri, hoặc biết mọi sự có thể được biết đến trong suốt cõi đời đời; như toàn năng; như vĩnh cửu, hoặc vừa vượt thời gian vừa là nguồn gốc của mọi thời gian; và như bất biến, hoặc không thay đổi trong các thuộc tính của Người. Người yêu thương, Người thánh thiện, Người công chính, Người không ngoan, Người công bằng.

Bây giờ, Chúa Giêsu cho rằng Người là Thiên Chúa. Nhưng Người có thực thi những đặc điểm này của thiên tính không? Nói cách khác, nếu chúng ta xem xét Chúa Giêsu cẩn thận, liệu chân dung của Người có giống với bức phác họa về Thiên Chúa mà chúng ta tìm thấy ở nơi khác trong Kinh thánh không? Nếu không, chúng ta có thể kết luận rằng các khẳng định của Người cho mình là Thiên Chúa là sai.

Đây là một vấn đề cực kỳ phức tạp và căng thẳng. Chẳng hạn, khi Chúa Giêsu đang giảng Bài giảng trên núi ở một sườn đồi bên ngoài Caphácnaum, Người không đồng thời đứng tại con phố chính của Giêricô, thì theo nghĩa nào có thể gọi Người là ở khắp mọi nơi? Làm sao Người có thể được gọi là toàn tri nếu Người sẵn sàng thừa nhận trong Máccô 13:32 rằng Người không biết mọi sự về tương lai? Nếu Người là vĩnh cửu, tại sao thư Cô-lô-sê 1:15 gọi Người là "con đầu lòng trên mọi tạo vật"?

Nhìn bề ngoài, những vấn đề này dường như gợi ý rằng Chúa Giêsu không giống như bản phác thảo về Thiên Chúa. Tuy nhiên, tôi đã học được qua nhiều năm rằng ấn tượng ban đầu có thể có tính đánh lừa. Đó là lý do tại sao tôi đã rất vui vì tôi có thể thảo luận những vấn đề này với Tiến sĩ D. A. Carson, nhà thần học xuất hiện trong những năm gần đây như một trong những nhà tư tưởng lỗi lạc nhất của Kitô giáo.



Cuộc Phỏng vấn Thứ tám: Donald A. Carson, Ph.D.

D. A. Carson, giáo sư nghiên cứu về Tân Ước tại Trường thần học Tin lành Trinity, đã viết hoặc biên tập hơn bốn mươi cuốn sách, bao gồm *The Sermon on the Mount* [Bài giảng trên núi]; *Exegetical Fallacies* [Các Ngụy biện chú giải]; *The Gospel According to John* [Tin Mừng Theo Thánh Gioan]; và cuốn đoạt giải thưởng của ông *The Gagging of God* [Sự bịt miệng Thiên Chúa].

Ông có thể đọc hàng chục thứ tiếng (thông thạo ngôn ngữ Pháp nhờ từ bé sống ở Québec) và là thành viên của Tyndale Fellowship for Biblical Research [Hiệp hội Tyndale Nghiên cứu Kinh Thánh], the Society for Biblical Literature [Hội Văn học Kinh thánh], và Institute for Biblical Research [Viện Nghiên cứu Kinh thánh]. Các lĩnh vực chuyên môn của ông bao gồm Chúa Giêsu lịch sử, chủ nghĩa hậu hiện đại, văn phạm Hy Lạp, và thần học của các Tông đồ Phaolô và Gioan.

Sau khi học ban đầu về hóa học (nhận bằng cử nhân khoa học từ Đại học McGill), Carson tiếp tục nhận được một bằng thạc sĩ về thần học trước khi đến Anh, nơi ông lấy bằng tiến sĩ về Tân Ước tại Trường đại học Cambridge danh giá. Ông đã dạy tại ba trường cao đẳng và chủng viện khác trước khi gia nhập Trinity vào năm 1978.

Tôi chưa bao giờ gặp Carson trước khi lái xe đến khuôn viên Deerfield của Trinity, thuộc Illinois, cho cuộc phỏng vấn của chúng tôi. Thành thật mà nói, tôi đã mong đợi một học giả cứng nhắc. Nhưng dù tôi thấy Carson hoàn toàn là một học giả mà tôi đã dự đoán trước, tôi rất ngạc nhiên bởi giọng điệu âm áp, chân thành và mục vụ của ông khi ông trả lời những gì, trong một số trường hợp, hóa ra là các câu hỏi khá chua cay.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi đã được tổ chức trong một giảng đường vắng vẻ trong kỳ nghỉ Giáng sinh. Carson đã mặc một áo gió màu trắng bên ngoài áo sơ mi cài khuy, quần jean xanh và Adidas. Sau một vài câu nói đùa ban đầu về sự đánh giá lẫn nhau của chúng tôi về nước Anh (Carson đã sống ở đó trong nhiều năm, và vợ ông, Joy, là người Anh), tôi rút cuốn sổ ra, mở máy ghi âm, và đặt ra một câu hỏi căn bản để giúp xác định liệu Chúa Giêsu có "chất liệu đúng mức" để trở thành Thiên Chúa hay không.

Sống và Tha thứ như Thiên Chúa

Câu hỏi ban đầu của tôi tập trung vào lý do tại sao Carson nghĩ Chúa Giêsu là Thiên Chúa trước nhất. Tôi hỏi, "Người đã nói hay làm gì, để thuyết phục ông rằng Người là Thiên Chúa?" Tôi không biết chắc ông sẽ trả lời ra sao, mặc dù tôi đoán trước ông sẽ tập chú vào các kỳ tích siêu nhiên của Chúa Giêsu. Tôi đã lầm. Carson nói, khi ngã người ra sau dựa vào ghế bọc nệm thoải mái, "Người ta có thể chỉ ra những điều như vậy như các phép lạ của Người, nhưng những người khác cũng làm các phép lạ, vì vậy dù điều này có thể là dấu hiệu, nó không mang tính quyết định. Tất nhiên, sự Phục sinh là sự minh chứng tối hậu cho căn tính của Người. Nhưng trong số rất nhiều điều Người đã làm, một trong những điều nổi bật nhất đối với tôi là sự tha thứ tội lỗi."

"Thật thế sao?" tôi nói vậy, trong khi đổi bên trong chiếc ghế đặt vuông góc với ghế của ông, để đối diện với ông một cách trực tiếp hơn. "Làm thế nào mà thế được?"

"Trọng điểm là, nếu ông làm điều gì đó chống lại tôi, tôi có quyền tha thứ cho ông. Tuy nhiên, nếu ông làm điều gì đó chống lại tôi và ai đó khác đến và nói, 'Tôi tha thứ cho bạn', hỗn xược kiểu gì vậy? Người duy nhất có thể nói những điều như vậy một cách có nghĩa là Thiên Chúa, bởi vì tội lỗi, ngay cả khi nó chống lại người khác, trước hết và trên hết là sự bất chấp Thiên Chúa và các lề luật của Người."

"Khi Đavít phạm tội ngoại tình và sắp xếp cái chết của chồng người phụ nữ, cuối cùng ông nói với Thiên Chúa trong Thánh vịnh 51, 'Đối với một mình Ngài, con đã phạm tội và làm điều ác này trước nhan Ngài.' Ông nhận ra rằng mặc dù ông đã làm sai đối với người ta, nhưng cuối cùng ông đã phạm tội chống lại Thiên Chúa, người đã tạo ra ông theo hình ảnh của Người, và Chúa cần phải tha thứ cho ông."

"Vì vậy, Chúa Giêsu đã đến và nói với những người tội lỗi, 'Tôi tha thứ cho bạn.' Các Người Do Thái ngay lập tức nhận ra sự phạm thượng trong điều này. Họ phản ứng bằng cách nói rằng, 'Ai có thể tha thứ tội lỗi ngoài một mình Thiên Chúa?' Theo suy nghĩ của tôi, điều đó là một trong những điều nổi bật nhất mà Chúa Giêsu đã làm."

Tôi nhận xét: "Chúa Giêsu không chỉ tha thứ tội lỗi, mà Người còn quả quyết rằng bản thân Người không có tội lỗi. Và chắc chắn vô tội là một thuộc tính của thiên tính."

Ông đáp, "Đúng. Trong lịch sử ở phương Tây, người ta coi những người thánh thiện nhất cũng là những người ý thức nhất về những thất bại và tội lỗi của chính họ. Họ là những người ý thức được khuyết điểm, ham muốn và oán giận của mình, và họ đang chiến đấu với chúng một cách trung thực bằng các ân sủng của Thiên Chúa. Thực tế, họ đang chiến đấu với chúng tốt đến nỗi những người khác phải lưu ý và nói, 'Đây là một người đàn ông hoặc người đàn bà thánh thiện.'"

Nhưng Chúa Giêsu đến, người có thể nói với khuôn mặt thẳng thắn, ‘Ai trong các ông có thể kết tội tôi?’ Nếu tôi nói như thế, vợ và con cái tôi và tất cả những ai biết tôi sẽ rất vui khi được đứng lên và làm chứng, trong khi không ai có thể làm chứng về Chúa Kitô.”

Mặc dù sự hoàn hảo về luân lý và sự tha tội chắc chắn là đặc điểm của thiên tính, có một số các thuộc tính bổ sung mà Chúa Giêsu phải hoàn thành nếu muốn phù hợp với bản phác họa về Thiên Chúa. Đã đến lúc phải bàn đến những điều đó. Sau khi đã bắt đầu bằng cách ném những đường banh thẳng (softball) vào Carson, tôi đã sẵn sàng ném những đường banh quanh co (curveball).

Mâu nhiệm Nhập thể

Sử dụng một số ghi chú tôi đã mang theo, tôi tấn công Carson một cách liên tiếp nhanh như chớp với một số trở ngại lớn nhất đối với các khẳng định của Chúa Giêsu về thiên tính của Người.

Tôi hỏi, "Thưa Tiến sĩ Carson, làm thế nào trong thế giới này, Chúa Giêsu có thể có mặt khắp nơi nếu Người không thể ở hai nơi cùng một lúc? Làm thế nào Người có thể toàn tri khi Người nói, 'Ngay cả Con Người cũng không biết giờ Người trở lại'? Làm thế nào Người có thể toàn năng khi các sách Tin Mừng nói rõ ràng với chúng ta rằng Người không thể làm nhiều phép lạ tại thị trấn quê hương?"

Hướng cây bút về phía ông đề nhấn mạnh, tôi kết luận rằng, "Ông hãy thừa nhận điều đó: chính Kinh thánh dường như lập luận chống việc Chúa Giêsu là Thiên Chúa."

Dù Carson không nao núng, ông đã thừa nhận rằng những câu hỏi này không có câu trả lời đơn giản. Dù sao, chúng đánh vào chính trái tim việc Thiên Chúa nhập thể trở thành người, tinh thần mang xác thịt, thể vô hạn trở thành thể hữu hạn, thể vĩnh cửu trở thành bị giới hạn bởi thời gian. Đó là một tín lý đã khiến các nhà thần học bận rộn trong nhiều thế kỷ. Và đó là chỗ Carson đã chọn để bắt đầu câu trả lời của ông: bằng cách trở lại cách các học giả đã cố gắng trả lời những vấn đề này suốt nhiều năm tháng.

"Trong lịch sử, đã có hai hoặc ba cách tiếp cận vấn đề này," ông bắt đầu như thế, nghe như thể ông đang bắt đầu một bài giảng ở lớp học.

"Thí dụ, vào cuối thế kỷ trước, nhà đại thần học Benjamin Warfield đã nghiên cứu trọn các sách Tin Mừng và gán các phần khác nhau cho nhân tính của Chúa Kitô hoặc cho thiên tính của Người. Khi Chúa Giêsu làm điều gì đó phản ánh các giới hạn hay tính hữu hạn hoặc nhân tính của Người, thí dụ như nước mắt của Người; Chúa có khóc không? Điều này được gán cho nhân tính của Người."

Đối với tôi, cách giải thích đó dường như có nhiều vấn đề. Tôi hỏi, "Làm điều đó, há ông không kết cục với một Chúa Giêsu tâm thần phân liệt đó sao?"

Ông trả lời, "Thật dễ dàng vô tình rơi vào điều đó. Tất cả các tuyên bố có tính cách tuyên xưng đã nhấn mạnh rằng cả nhân tính lẫn thiên tính của Chúa Giêsu luôn khác biệt, nhưng chúng kết hợp trong một ngôi vị. Vì vậy, ông muốn tránh một giải đáp trong đó xét về yếu tính, có một loại hai tâm trí - một tâm trí nhân bản của Chúa Giêsu và một tâm trí thiên giới của Chúa Kitô. Tuy nhiên, đây là một loại giải đáp, và có thể có một điều gì đó ở đây."

"Một loại giải đáp khác là một số hình thức *kenosis*, có nghĩa là 'trút bỏ.' Điều này xuất phát từ thư Philípê 2, nơi Thánh Phaolô nói với chúng ta rằng Chúa Giêsu, 'vốn dĩ là Thiên Chúa, nhưng không nghĩ việc ngang hàng với Thiên Chúa là một điều gì đó để khai thác' - đó là cách nên dịch như thế, 'nhưng tự trút bỏ' trở thành người vô giá trị."

Điều đó có vẻ hơi mơ hồ với tôi. Tôi hỏi, "ông có thể nói rõ hơn không? Chính xác thì Người đã trút bỏ điều gì?"

Rõ ràng, tôi đã vạch đúng vấn đề. Carson trả lời với một cái gật đầu, "À, đó là vấn đề. Qua nhiều thế kỷ, người ta đã đưa ra nhiều câu trả lời cho câu hỏi này. Chẳng hạn, Người có trút bỏ thiên tính của Người không? Chà, lúc đó, Người sẽ không còn là Thiên Chúa nữa.

"Người có trút bỏ các thuộc tính của thiên tính Người không? Tôi cũng có vấn đề với điều đó, bởi vì rất khó để tách thuộc tính khỏi thực tại. Nếu ông có một con vật trông giống như ngựa, có mùi giống ngựa, đi như ngựa, và có tất cả thuộc tính của một con ngựa, thì ông đã có một con ngựa. Vì vậy, tôi không biết đối với Thiên Chúa có nghĩa gì khi Người trút bỏ các thuộc tính của Người và vẫn là Thiên Chúa.

"Một số người nói, 'Người không trút bỏ các thuộc tính của Người, nhưng Người trút bỏ việc sử dụng các thuộc tính của Người - một kiểu tự giới hạn làm sự việc. Điều này đang trở nên gần gũi hơn, mặc dù có những lúc đó không phải là điều Người tự giới hạn như thế - Người tha thứ tội lỗi thì chỉ Thiên Chúa mới có thể làm được, rõ ràng đây là một thuộc tính của thiên tính.

"Những người khác đi xa hơn bằng cách nói, 'Người tự trút bỏ việc sử dụng độc lập các thuộc tính của Người! Nghĩa là, Người hành động như Thiên Chúa khi Cha trên trời cho phép Người làm như vậy. Điều này gần hơn nhiều. Khó khăn là có một cảm giác trong đó Con vĩnh cửu luôn hành động phù hợp với Điều răn của Chúa Cha. Ông không muốn mất điều đó, ngay trong quá khứ vĩnh hằng. Nhưng quả ta đang tiến gần hơn."

Tôi cảm thấy chúng tôi đang ở đâu đó gần với tâm điểm vấn đề, nhưng tôi không chắc chúng tôi đang đến gần hơn. Đó dường như cũng là tâm tư của Carson.

Ông nói, "Nói đúng ra, Philipphê 2 không cho chúng ta biết chính xác những gì Con vĩnh cửu đã trút bỏ. Người trút bỏ chính Người; Người trở thành người vô giá trị. Một loại trút bỏ đang được nói đến ở đây, nhưng chúng ta hãy thẳng thắn - ông đang nói về Nhập thể, một trong những màu nhiệm trung tâm của đức tin Kitô giáo.

"Ông đang bàn tới Tinh thần vô hình thức, vô thân xác, toàn tri, có mặt khắp nơi, toàn năng và các tạo vật hữu hạn, có thể chạm vào được, vật lý, ràng buộc về thời gian. Việc thể này trở thành thể kia chắc chắn buộc ông phải thừa nhận màu nhiệm.

"Vì vậy, một phần của thần học Kitô giáo là quan tâm không phải tới việc 'giải thích nhằm bác bỏ tất cả cho xong' nhưng với việc cố gắng lấy bằng chứng kinh thánh và, nhờ giữ lại tất cả bằng chứng này một cách hợp tình hợp lý, tìm cách tổng hợp một cách mạch lạc hợp lý, ngay cả khi chúng không giải thích được hết."

Đó là một cách tinh vi để nói rằng các nhà thần học có thể tiến đến chỗ đưa ra những lời giải thích có vẻ hợp lý, mặc dù họ có thể không giải thích được mọi sắc thái về Nhập thể. Một cách nào đó, điều này có vẻ hợp lý. Nếu Nhập thể là sự thật, thì không có gì đáng ngạc nhiên khi những bộ óc hữu hạn không thể hoàn toàn hiểu được nó.

Đối với tôi, dường như một loại tự nguyện "trút bỏ" việc sử dụng độc lập các thuộc tính của Chúa Giêsu là hợp lý trong việc giải thích tại sao Người thường không bày tỏ thuộc tính "toàn": toàn tri, toàn năng, và toàn hiện diện - trong sự hiện hữu ở trần thế của Người, mặc dù Tân Ước tuyên bố rõ ràng rằng tất cả những phẩm tính tối hậu đều đúng với Người.

Tuy nhiên, đó chỉ là một phần của vấn đề. Tôi lật sang trang tiếp theo trong các ghi chú của mình và bắt đầu một dòng câu hỏi khác về một số đoạn Kinh thánh chuyên biệt dường như mâu thuẫn trực tiếp với lời khẳng định của Chúa Giêsu rằng Người là Thiên Chúa.

Đấng Tạo dựng hay Tạo vật

Một phần của bản phác thảo mà Chúa Giêsu phải phù hợp là Thiên Chúa là Đấng bất tạo, đã hiện hữu từ một quá khứ đời đời. *Isaia 57:15* mô tả Thiên Chúa là "Đấng sống đời đời." Nhưng, tôi nói với Carson, có một số câu dường như gợi ý mạnh mẽ rằng Chúa Giêsu là một hữu thể được tạo dựng.



Tôi nói, "Chẳng hạn như *Gioan 3:16* gọi Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa 'được sinh ra', và *Cô-lô-sê 1:15* nói rằng Người là 'con đầu lòng của mọi tạo vật.' Há những câu này không ngụ ý rõ ràng rằng Chúa Giêsu được tạo dựng, chứ không phải là Đấng Tạo dựng đó sao?"

Một trong những lĩnh vực chuyên môn của Carson là văn phạm tiếng Hy Lạp, đã được ông sử dụng để trả lời cả hai câu đó.

Ông nói, "Hãy lấy câu *Gioan 3:16*. Bản King James dịch tiếng Hy Lạp với dòng chữ 'Con độc sinh của Người.' Những người coi bản dịch này là chính xác thường liên kết nó với chính việc Nhập thể - nghĩa là, sự ra đời của Người trong Đức trinh nữ Maria. Nhưng thực ra, đó không phải là ý nghĩa của từ này trong tiếng Hy Lạp.

"Nó thực sự có nghĩa là 'độc nhất vô nhị'. Cách nó thường được sử dụng trong thế kỷ thứ nhất là 'độc nhất và được yêu quý'. Vì vậy, *Gioan 3:16* chỉ đơn giản nói rằng Chúa Giêsu là Con duy nhất và được yêu quý - hay như *New International Version* [Phiên bản Quốc tế Mới] dịch nó, 'Con một và duy nhất' - thay vì nói rằng Người được sinh ra trong thời gian về mặt hữu thể học."

Tôi nhấn mạnh "Điều đó chỉ giải thích một đoạn văn thôi".

"Được, chúng ta hãy xem câu *Cô-lô-sê*, tức câu sử dụng hạn từ 'con đầu lòng'. Đại đa số các nhà chú giải, dù bảo thủ hay cấp tiến, đều thừa nhận rằng trong Cựu Ước, do luật kế vị, con đầu lòng thường được nhận phần lớn nhất bất động sản, hoặc con đầu lòng sẽ trở thành vua trong trường hợp một hoàng gia. Con đầu lòng do đó là một người tối hậu hưởng mọi quyền lợi của người cha.

"Tới thế kỷ thứ hai trước Chúa Kitô, có những nơi hạn từ này không còn có bất cứ khái niệm nào về việc đã sinh ra hay đang sinh ra đầu tiên nhưng mang ý niệm về thẩm quyền đi kèm với vị trí là người thừa kế hợp pháp. Đó là cách nó được áp dụng với Chúa Giêsu, như hầu như tất cả các học giả đều thừa nhận. Vì vậy, chính kiểu nói 'con đầu lòng' đã hơi gây hiểu lầm."

Tôi hỏi, "Điều gì sẽ là một bản dịch tốt hơn?"

Ông trả lời, "Tôi nghĩ 'người thừa kế tối cao' sẽ phù hợp hơn".

Dù điều đó có thể giải thích đoạn *Cô-lô-sê*, Carson còn đi xa hơn nữa, với điểm cuối cùng.

"Nếu ông định trích dẫn *Cô-lô-sê* 1:15, thì ông phải giữ nó trong ngữ cảnh bằng cách đi tiếp tới *Cô-lô-sê* 2:9, nơi cùng chính tác giả đó nhấn mạnh, 'Vì trong Chúa Kitô, tính viên mãn của Thiên tính đều hiện diện nơi hình thức xác thân.' Tác giả sẽ không mâu thuẫn với chính mình. Vì vậy, thuật ngữ 'con đầu lòng' không thể loại bỏ tính vĩnh cửu của Chúa Giêsu, vì đó là một phần ý nghĩa của việc sở hữu sự viên mãn của thiên tính"

Đối với tôi, điều đó đã giải quyết trọn vẹn vấn đề. Nhưng cũng có những đoạn rắc rối khác. Thí dụ, trong *Mác-cô* 10, ai đó đã ngỏ lời với Chúa Giêsu là "thưa thầy tốt lành", đã khiến Người đáp lại: "Tại sao bạn gọi tôi là tốt lành? Không có ai tốt lành - ngoại trừ một mình Thiên Chúa."

Tôi hỏi, "Không phải Người phủ nhận thiên tính của Người bằng cách nói điều này đó sao?"

Carson giải thích: "Không, tôi nghĩ Người cố gắng làm người đó dừng lại và suy nghĩ về những gì Người đang nói. 'Đoạn văn song hành trong Mát-thêu mở rộng hơn một chút và không thấy Chúa Giêsu hạ thấp thiên tính của Người chút nào."

"Tôi nghĩ tất cả những gì Người nói là, 'Khoan đã; tại sao bạn lại gọi tôi là nhân lành? Có phải đây là một điều lịch sự, giống như ông nói, "Chúc một ngày tốt lành"? Bạn muốn nói gì bởi chữ tốt lành? Bạn gọi tôi là thầy tốt lành - đây có phải là vì bạn đang cố lấy lòng tôi không?"

"Theo nghĩa căn bản, chỉ có một người tốt, và đó là Thiên Chúa. Nhưng Chúa Giêsu không ngầm nói: 'Vậy đừng gọi tôi như thế'. Người muốn nói Bạn có thực sự hiểu những gì bạn đang nói khi bạn nói điều đó không? Có phải bạn thực sự gán cho tôi những gì chỉ nên gán cho Thiên Chúa không?"

"Điều đó có thể là cách đùa bỡn, ý muốn nói là, 'Tôi thực sự là điều bạn nói; bạn nói hay hơn bạn biết' hoặc 'Bạn đừng gọi tôi như vậy; lần sau hãy gọi tôi là "Giêsu tội lỗi" như những người khác vẫn làm.' Xét về tất cả những gì Chúa Giêsu nói và làm ở những nơi khác, hiểu cách nào thì hợp lý?"

Với rất nhiều câu gọi Chúa Giêsu là người "vô tội," "thánh thiện," "công chính," "trong trắng... không ô uế," và "tách biệt khỏi tội nhân," câu trả lời khá hiển nhiên.

Chúa Giêsu có phải là một Thiên Chúa thấp hơn không?

Nếu Chúa Giêsu là Thiên Chúa, thì Người là loại Thiên Chúa nào? Phải chăng Người ngang hàng với Chúa Cha, hay một loại Thiên Chúa thấp hơn, sở hữu các thuộc tính của thiên tính nhưng một cách nào đó không xứng hợp với bản phác thảo tổng thể mà Cựu Ước cung cấp về Thiên Chúa?

Câu hỏi đó xuất phát từ một đoạn văn khác mà tôi đã chỉ cho Carson. Tôi hỏi, "Chúa Giêsu phán trong *Gioan* 14:28, 'Chúa Cha lớn hơn tôi'. Một số người dựa vào điều này và kết luận rằng Chúa Giêsu phải là một Thiên Chúa thấp hơn. Họ có đúng không?"

Carson thờ dãi, trả lời, "Cha tôi là một nhà thuyết giáo, và một câu châm ngôn trong nhà chúng tôi khi tôi lớn lên là, 'Một bản văn không có ngữ cảnh trở thành cái cớ cho một bản văn làm bằng chứng.' Điều rất quan trọng là phải xem đoạn văn này trong ngữ cảnh của nó."

“Các môn đệ đang than van vì Chúa Giêsu nói rằng Người sẽ ra đi. Chúa Giêsu nói, 'Nếu các con yêu thầy, các con sẽ vui mừng vì thầy khi thầy nói thầy sẽ ra đi, vì Chúa Cha lớn hơn thầy'. Nghĩa là Chúa Giêsu trở về với vinh quang vốn thuộc về Người, nên nếu họ thực sự biết Người là ai và thực sự yêu Người đúng cách, họ sẽ vui mừng khi Người quay trở lại cõi nơi Người thực sự vĩ đại hơn. Chúa Giêsu nói trong *Gioan 17:5*, 'Xin Cha tôn vinh con bên Cha: xin ban cho con vinh quang mà con vẫn được hưởng bên Cha trước khi có thể gian' - nghĩa là 'Chúa Cha lớn hơn Thầy'.

"Khi bạn sử dụng một phạm trù như 'lớn hơn', nó không nhất thiết có nghĩa là vĩ đại hơn về mặt hữu thể học. Thí dụ, nếu tôi nói rằng tổng thống của Hoa Kỳ vĩ đại hơn tôi, tôi không nói rằng ông ấy là một hữu thể cao hơn về mặt hữu thể học. Ông ấy lớn hơn về khả năng quân sự, bản lĩnh chính trị và sự hoan nghênh của công chúng, nhưng ông ấy không đàn ông hơn tôi. Ông ấy là một con người và tôi cũng là một con người.

Vì vậy, khi Chúa Giêsu nói, 'Chúa Cha lớn hơn thầy', người ta phải nhìn vào ngữ cảnh và hỏi xem Chúa Giêsu có nói, 'Chúa Cha lớn hơn thầy vì Người là Thiên Chúa còn thầy thì không' hay không. Thành thật mà nói, đó là một điều khá nực cười để nói. Giả sử tôi đứng trên bục giảng nào đó để giảng và nói: 'Tôi long trọng tuyên bố với các bạn rằng Thiên Chúa vĩ đại hơn tôi.' Đó sẽ là một nhận xét khá vô ích.

"Việc so sánh chỉ có ý nghĩa nếu các vị ở trên cùng một bình diện và có một sự phân ranh nào đó đang diễn ra. Chúa Giêsu đang ở trong các hạn chế của Nhập Thể - Người sắp sửa bị treo trên thập giá; Người sắp chết - nhưng Người sắp trở về với Chúa Cha và với vinh quang mà Người vốn có với Chúa Cha trước khi thế giới bắt đầu.

Người nói, 'Các con đang rên rỉ vì Thầy; nhưng các con nên vui mừng vì Thầy sẽ về nhà.' Chính theo nghĩa đó, 'Chúa Cha vĩ đại hơn Thầy'.

Tôi nói, "Vì vậy, đây không phải là một sự phủ nhận ngầm về thiên tính của Người."

Ông kết luận, "Không, thực sự là không. Bối cảnh cho thấy rõ điều đó."

Mặc dù tôi đã sẵn sàng chấp nhận sự thật rằng Chúa Giêsu không phải là một Thiên Chúa kém hơn, nhưng tôi có một vấn đề khác và nhạy cảm hơn cần nêu ra: làm thế nào Chúa Giêsu có thể là một Thiên Chúa đầy lòng cảm thương nhưng lại tán thành ý tưởng về sự đau khổ vĩnh cửu cho những kẻ bác bỏ Người?

Câu hỏi Gây Bối rối về Hỏa ngục

Kinh thánh nói rằng Chúa Cha đầy lòng yêu thương. Tân Ước khẳng định y như vậy về Chúa Giêsu. Nhưng liệu các vị có thực sự yêu thương trong khi đồng thời đưa người ta xuống hỏa ngục? Dù sao, Chúa Giêsu dạy về hỏa ngục hơn bất cứ ai khác trong toàn bộ Kinh thánh. Há đó không mâu thuẫn với tính cách được cho là hiền lành và từ bi của Người hay sao?

Khi đặt câu hỏi này cho Carson, tôi đã trích dẫn những lời khó nghe của người theo thuyết bất khả tri Charles Templeton: "Làm thế nào một Cha Thiên đàng yêu thương lại tạo ra một hỏa ngục bất tận và trong nhiều thế kỷ, đã đầy hàng triệu người xuống đó vì họ không hoặc không thể hoặc sẽ không chấp nhận một tín ngưỡng tôn giáo nào đó?" (3).

Câu hỏi đó, mặc dù đã được điều chỉnh để đạt được tác động tối đa, nhưng đã không làm Carson tức giận. Ông bắt đầu với một thanh minh. Ông nói, "Trước hết, tôi không chắc Thiên Chúa chỉ đẩy người ta vào hỏa ngục bởi vì họ không chấp nhận những niềm tin nào đó."

Ông suy nghĩ một lúc, rồi lùi lại để chạy thêm một bước nữa qua câu trả lời thấu đáo bằng cách thảo luận về

một chủ đề mà nhiều người hiện đại coi là một chủ đề lỗi thời kỳ cục: tội lỗi.

Carson nói, "Ông hãy hình dung Thiên Chúa trong buổi đầu sáng thế với một người nam và một người nữ được tạo nên giống hình ảnh Người. Họ thức dậy vào buổi sáng và nghĩ về Thiên Chúa. Họ yêu Người thật lòng. Họ thích làm những gì Người muốn; đó là toàn bộ niềm vui của họ. Họ liên hệ một cách đúng đắn với Người và với nhau.

"Rồi, với việc tội lỗi và nổi loạn bước vào thế giới, những người mang hình ảnh này bắt đầu nghĩ rằng họ là trung tâm của vũ trụ. Không phải theo nghĩa đen, nhưng đó là cách họ nghĩ. Và đó là cách chúng ta nghĩ. Tất cả những thứ chúng ta gọi là 'bệnh lý xã hội' -chiến tranh, hãm hiếp, cay đắng, ghen tị bí mật, kiêu căng, các mặc cảm tự ti; - đã được cột chặt ngay từ đầu với sự kiện chúng ta không còn liên hệ đúng đắn với Thiên Chúa nữa. Hậu quả là người ta bị thương tích. Từ quan điểm của Thiên Chúa, điều đó thật kinh tởm. Như thế, Thiên Chúa nên làm gì về điều đó? Nếu Người nói, 'Ồi, Ta cóc cần,' Người muốn nói điều ác chẳng quan trọng gì đối với Người. Gần như muốn nói, "Ồ đúng rồi, Nạn Diệt chủng-Tôi không quan tâm." Há chúng ta không ngỡ ngàng hay sao nếu chúng ta nghĩ Thiên Chúa không có phán đoán luân lý nào về các vấn đề như thế?

Nhưng trên nguyên tắc, nếu Người là loại Thiên Chúa có những phán đoán luân lý về các vấn đề này, hẳn Người phải có những phán xét luân lý về vấn đề to lớn này của tất cả những người mang hình ảnh Thiên Chúa đang khua những nắm đấm nhỏ bé của họ vào mặt Người và hát với Frank Sinatra, 'Tôi làm điều đó theo lối của tôi.' Đó là bản chất thực sự của tội lỗi.

Nói như thế rồi, hỏa ngục không phải là nơi con người bị đầy bởi vì họ là những người khá tốt nhưng chỉ không tin điều đúng. Họ bị đầy ở đó, trước hết, vì họ thách thức Đấng đã tạo dựng nên họ và họ muốn trở thành trung tâm của vũ trụ. Hỏa ngục không chứa đầy những người đã ăn năn, nhưng Thiên Chúa không đủ dịu dàng và tốt lành để cho họ được ở bên ngoài. Nó chứa đầy những người, mãi mãi, vẫn muốn là trung tâm của vũ trụ và là người kiên trì trong cuộc nổi loạn thách thức Thiên Chúa của họ.

"Thiên Chúa phải làm gì? Nếu Người nói điều đó không quan trọng đối với Người, thì Thiên Chúa đâu còn là một vị Thiên Chúa đáng được ngưỡng mộ. Người hoặc phi luân hoặc tích cực làm người ta sồn gáy. Để Người hành động bất cứ cách nào khác khi đối mặt với sự thách thức trắng trợn như vậy sẽ là giản lược chính Thiên Chúa."

Tôi xen vào, "Vâng, nhưng điều làm mọi người bận tâm nhất là ý tưởng cho rằng Thiên Chúa sẽ hành hạ con người vĩnh viễn. Điều đó dường như độc ác phải không?"

Carson trả lời, "Đầu tiên, Kinh thánh nói rằng có các mức độ trừng phạt khác nhau, vì vậy tôi không chắc có cùng một mức cường độ cho tất cả mọi người.

"Điều thứ hai, nếu Thiên Chúa không nhúng tay vào thế giới sa ngã này, do đó, không còn sự kiềm chế nào đối với sự xấu xa của con người, thì chúng ta sẽ tạo ra địa ngục. Vì vậy, nếu bạn cho phép rất nhiều kẻ tội lỗi sống tại một nơi hạn chế nào đó trong đó họ không gây thiệt hại cho bất cứ ai trừ chính họ, thì bạn nhận được gì nếu không là địa ngục? Có một ý nghĩa trong đó họ đang làm điều đó với chính họ và đó là điều họ muốn vì họ không chịu ăn năn."

Tôi tưởng Carson đã kết thúc với câu trả lời của ông, vì ông do dự một lúc. Tuy nhiên, ông có một điểm chủ yếu hơn. "Một trong những điều mà Kinh thánh nhấn mạnh là cuối cùng không những công lý được thực hiện, mà công lý còn được coi là đã được thực hiện, đến nỗi mọi cái miệng sẽ phải câm họng."

Tôi chộp lấy câu nói cuối cùng đó và nói, "Nói cách khác, vào lúc phán xét, không ai trên thế giới tránh khỏi

trải nghiệm đó bằng cách nói rằng họ đã bị đối xử bất công bởi Thiên Chúa. Mọi người sẽ nhìn nhận công lý nền tảng trong cách Thiên Chúa phán xét họ và thế giới."

Carson nói chắc nịch, "Đúng vậy. Công lý không phải lúc nào cũng được thực thi trong thế giới này; chúng ta thấy điều đó hàng ngày. Nhưng vào Ngày Cuối cùng, nó sẽ được thực hiện để mọi người cùng thấy. Và sẽ không ai có thể phản nản mà nói, 'Điều này không công bằng.'"

Chúa Giêsu và nạn Nô lệ

Có một vấn đề khác mà tôi muốn nêu ra với Carson. Tôi liếc nhìn đồng hồ của tôi và hỏi "Ông có thêm vài phút nữa không?". Khi ông cho thấy là có, tôi bắt đầu ngỏ thêm một chủ đề gây tranh cãi.

Đề là Thiên Chúa, Chúa Giêsu phải hoàn hảo về mặt đạo đức. Nhưng một số nhà phê bình Kitô giáo cáo buộc rằng Người đã thiếu sót bởi vì, họ nói, Người mặc nhiên chấp nhận thực hành ghê tởm về mặt đạo đức là chế độ nô lệ. Như Morton Smith đã viết, "Có vô số nô lệ của hoàng đế và của nhà nước La Mã; Đền thờ Giêrusalem sở hữu nô lệ; Thượng Tế sở hữu nhiều nô lệ (một trong số họ bị mất một tai lúc Chúa Giêsu bị bắt); tất cả những người giàu có và gần như tất cả những người thuộc tầng lớp trung lưu đều sở hữu nô lệ. Theo như chúng ta được biết, Chúa Giêsu không bao giờ tấn công thực hành này... Dường như đã có những cuộc nổi dậy của nô lệ ở Palestine và Jordan trong thời tuổi trẻ của Chúa Giêsu; một nhà lãnh đạo làm phép lạ của một cuộc nổi dậy như vậy sẽ thu hút một lượng lớn người theo. Nếu Chúa Giêsu lên án chế độ nô lệ hoặc hứa hẹn giải phóng họ, chúng ta gần như chắc chắn được nghe nói về việc Người làm điều đó. Nhưng chúng ta không nghe thấy gì, vì vậy rất có thể giả thiết là Người không nói gì" (4).

Làm thế nào việc Chúa Giêsu thất bại trong việc thúc đẩy bãi bỏ chế độ nô lệ có thể cân bằng với tình yêu của Thiên Chúa dành cho tất cả mọi người? Tôi hỏi, "Tại sao Chúa Giêsu không đứng lên và hét lên, 'Chế độ nô lệ là sai trái'? Người có thiếu sót về phương diện đạo đức không vì đã không làm việc để phá bỏ một định chế vốn hạ nhân phẩm của những người được tạo ra theo hình ảnh Thiên Chúa?"

Carson ngồi thẳng dậy trên chiếc ghế của ông mà nói, "Tôi thực sự nghĩ rằng người nêu lên phản luận đó quá bất cập. Nếu ông cho phép, tôi sẽ khởi sự nói tới chế độ nô lệ, cổ xưa và hiện đại, bởi vì trong nền văn hóa của chúng ta, vấn đề này dễ hiểu ở chỗ nó rất nặng các âm sắc vốn không có trong thế giới cổ thời."

Tôi ra hiệu cho ông tiếp tục. Tôi nói, "xin ông cứ tự nhiên".

Lật đổ áp bức

Carson giải thích, "Trong cuốn sách của mình *Race and Culture* [Chủng tộc và Văn hóa] (5), học giả người Mỹ gốc Phi Thomas Sowell cho thấy: mọi nền văn hóa lớn trên thế giới cho đến thời hiện đại, hết thảy đều có nạn nô lệ. Mặc dù nó có thể gắn liền với cuộc chinh phục quân sự, nhưng thường là chế độ nô lệ phục vụ chức năng kinh tế. Họ không có luật phá sản, vì vậy nếu ông rơi vào tình trạng mang công mắc nợ khủng khiếp, ông chỉ còn biết tự bán mình và/hoặc gia đình ông làm nô lệ. Chế độ nô lệ vừa trả được nợ, vừa cung cấp việc làm. Nó không hẳn hoàn toàn xấu; ít nhất đó là một lựa chọn để sống còn.

"Xin hiểu cho tôi: Tôi không hề cố gắng lãng mạn hóa chế độ nô lệ bất cứ cách nào. Tuy nhiên, vào thời La Mã có những người lao động chân tay là nô lệ, và cũng có những người khác tương đương với các Tiên sĩ ưu tú, dạy dỗ các gia đình. Và không hề có sự liên kết một chủng tộc đặc thù nào với chế độ nô lệ.

"Tuy nhiên, trong chế độ nô lệ ở Mỹ, tất cả người da đen và chỉ người da đen là nô lệ. Đó là một trong những nỗi kinh hoàng đặc biệt của nó, và nó tạo ra một cảm thức bất công về sự thấp kém của người da đen, điều mà nhiều người trong chúng ta tiếp tục tranh đấu cho đến ngày nay.

“Bây giờ chúng ta hãy nhìn vào Kinh thánh. Trong xã hội Do Thái, theo Luật mọi người đều được giải thoát vào mỗi Năm Thánh. Nói cách khác, đã có lệnh cấm nô lệ vào mỗi năm thứ bảy. Những sự việc này có thực sự diễn ra cách này hay không, tuy nhiên đây là những gì Thiên Chúa đã nói, và đây là khuôn khổ trong đó Chúa Giêsu được nuôi dưỡng.

"Nhưng ông phải để mắt đến sứ mệnh của Chúa Giêsu. Một cách chủ yếu, Người không đến để lật đổ hệ thống kinh tế La Mã, vốn bao gồm chế độ nô lệ. Người đến để giải thoát con người khỏi tội lỗi.

"Và đây là trọng điểm của tôi: điều mà thông điệp của Người đưa ra là biến đổi người ta để họ bắt đầu yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và sức lực và yêu người lân cận như chính mình. Lẽ tự nhiên, điều này có tác động đến ý tưởng nô lệ.

“Hãy xem tông đồ Phaolô nói gì trong thư gửi cho Philêmon liên quan đến một nô lệ bỏ trốn tên là Ônêsimô. Thánh Phaolô không nói tới việc lật đổ chế độ nô lệ, bởi vì như thế là buộc ông ta phải thi hành. Thay vào đó, ngài nói với Philêmon nên đối xử với Ônêsimô như một người anh em trong Chúa Kitô, giống như ông đối xử với chính Thánh Phaolô. Và sau đó, để làm cho vấn đề hoàn toàn rõ ràng, Thánh Phaolô nhấn mạnh, 'hãy nhớ, anh nợ tôi cả cuộc đời anh vì Tin Mừng.'

“Như thế, việc lật đổ chế độ nô lệ là thông qua sự biến đổi các người đàn ông và đàn bà bởi Tin Mừng chứ không phải chỉ thông qua thay đổi một hệ thống kinh tế. Chúng ta đều đã thấy điều gì có thể xảy ra khi ông chỉ lật đổ một hệ thống kinh tế và áp đặt một trật tự mới. Toàn bộ giấc mơ cộng sản là có được một 'con người cách mạng' theo sau là 'con người mới'. Rắc rối là, họ không bao giờ tìm thấy 'con người mới'. Họ loại trừ những kẻ áp bức nông dân, nhưng điều đó không có nghĩa là nông dân đột nhiên được tự do - họ chỉ ở dưới một chế độ tồi tệ hơn. Phân tích đến cùng, nếu ông muốn thay đổi lâu dài, ông phải biến đổi trái tim của những hữu thể nhân bản. Và đó là sứ mạng của Chúa Giêsu.

“Cũng đáng hỏi câu hỏi mà Sowell đặt ra: chế độ nô lệ đã chấm dứt ra sao? Ông ta cho thấy động lực thúc đẩy việc bãi bỏ chế độ nô lệ là việc thức tỉnh theo Tin Mừng ở Anh. Các Kitô hữu vận động việc bãi bỏ chế độ nô lệ thông qua Nghị viện vào đầu thế kỷ XIX và cuối cùng sử dụng pháo hạm Anh để ngăn chặn nạn buôn bán nô lệ băng qua Đại Tây Dương.

“Trong khi có khoảng mười một triệu người châu Phi đã được vận chuyển đến Mỹ - và nhiều người đã không đến được - có khoảng mười ba triệu người châu Phi bị vận chuyển để trở thành nô lệ ở thế giới Ả Rập. Cũng lại là người Anh, được thúc đẩy bởi những người có trái tim đã được Chúa Kitô thay đổi, đã gửi pháo hạm của họ đến Vịnh Ba Tư để chống đối việc này."

Câu trả lời của Carson có ý nghĩa không những về mặt lịch sử mà còn trong kinh nghiệm của riêng tôi. Thí dụ, nhiều năm trước, tôi biết một doanh nhân, ông ta vốn là một kẻ phân biệt chủng tộc điên cuồng với thái độ kẻ cả và trịch thượng đối với bất cứ ai có màu da khác. Ông ta hầu như không chịu che giấu sự khinh miệt của mình đối với người Mỹ gốc Phi, cứ để cho cái tính chộc giận đầy cuồng tín của mình tuôn ra qua những trò đùa thô thiển và những nhận xét cay nghiệt. Không số lượng lý lẽ nào có thể thuyết phục ông ta khỏi phát biểu các ý kiến ghê tởm của ông ta.

Nhưng rồi, ông ta trở thành môn đệ của Chúa Giêsu. Trong sự kinh ngạc, tôi thấy thái độ, quan điểm và giá trị của ông ta thay đổi theo thời gian, và lòng ông đã được Thiên Chúa đổi mới. Ông tiến tới chỗ nhận ra rằng ông ta không còn có thể nuôi dưỡng ác ý đối với bất cứ người nào nữa, vì Kinh thánh dạy rằng tất cả mọi người được tạo ra theo hình ảnh Thiên Chúa. Hôm nay, tôi có thể thành thật nói rằng ông ta thực sự quan tâm và chấp nhận những người khác, bao gồm cả những người khác với ông ta.

Pháp luật đã không thay đổi ông ta. Lý luận đã không thay đổi ông ta. Những lời kêu gọi có tính xúc cảm đã không thay đổi ông ta. Ông ta sẽ nói với bạn rằng Thiên Chúa đã thay đổi ông từ trong ra ngoài một cách dứt khoát, hoàn toàn, vĩnh viễn. Đó là một trong nhiều thí dụ tôi đã thấy về sức mạnh của Tin Mừng, sức mạnh mà Carson đang nói đến, sức mạnh biến đổi những kẻ căm ghét thù hận thành những người nhân đạo, biến những kẻ tích trữ có trái tim sắt đá trở thành những người hiến tặng nhân từ trắc ẩn, biến những kẻ ham muốn quyền lực trở thành những người phục vụ vị tha, và biến những người bóc lột người khác - thông qua chế độ nô lệ hoặc một số hình thức áp bức khác - thành những người đón nhận mọi người.

Điều đó cân xứng với những gì Thánh Tông đồ Phaolô nói trong thư *Galát* 3:28: "Không còn Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, nam hay nữ, vì tất cả anh em là một trong Chúa Giêsu Kitô".

Xứng hợp với bản phác thảo về Thiên Chúa

Carson và tôi nói chuyện, đôi khi bằng giọng sôi nổi, trong hai giờ, lấp đầy nhiều cuộn băng ghi vượt quá sức chứa của chương này. Tôi thấy các câu trả lời của ông hợp lý và rất vững về mặt thần học. Tuy nhiên, cuối cùng, Nhập thể hoạt động ra sao-cách thức Thần khí nhập thể vẫn còn là một khái niệm làm tâm trí do dự.

Dù vậy, theo Kinh thánh, sự kiện nó xảy ra là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Tân Ước nói, mọi thuộc tính của Thiên Chúa đều được tìm thấy trong Chúa Giêsu Kitô:

+ *Toàn tri?* Trong *Ga* 16:30, Thánh Tông đồ Gioan khẳng định về Chúa Giêsu, "Giờ đây, chúng con nhận ra là Thầy biết hết mọi sự."

+ *Hiện diện mọi nơi?* Chúa Giêsu nói trong *Mt* 28:20, "Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế" và trong *Mt* 18:20, "Vì ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ."

+ *Toàn năng?* "Mọi uy quyền trên trời dưới đất đã được ban cho Thầy," Chúa Giêsu nói trong *Mt* 28:18.

+ *Vĩnh cửu?* *Ga* 1:1 tuyên bố về Chúa Giêsu, "Ban đầu có Ngôi Lời, và Ngôi Lời ở cùng Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa."

+ *Tính bất biến?* Thư *Dt* 13:8 nói, "Đức Giêsu Kitô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay, và như vậy mãi đến muôn đời."

Ngoài ra, Cựu Ước vẽ nên chân dung của Thiên Chúa bằng cách sử dụng danh hiệu và mô tả như Anpha và Ômêga, Chúa, Đấng cứu thế, Vua, Thẩm phán, Ánh sáng, Tảng đá, Đấng cứu chuộc, Người chăn chiên, Đấng tạo hóa, Đấng ban sự sống, Đấng tha thứ tội lỗi, và Đấng nói bằng thẩm quyền Thiên Chúa. Điều đáng lưu ý là trong Tân Ước mỗi và mọi danh hiệu này đều đã được áp dụng vào Chúa Giêsu (6).

Chúa Giêsu đã nói tất cả những điều đó trong *Ga* 14:7: "Nếu anh em biết Thầy, anh em cũng biết Cha Thầy." Nếu dịch một cách lỏng lẻo, thì có nghĩa: "Khi anh em nhìn vào bản phác thảo về Thiên Chúa của Cựu Ước, anh em sẽ thấy chân dung của Thầy."

Tài liệu đọc thêm

Harris, Murray J. *Jesus As God* [Chúa Giêsu như là Thiên Chúa], Grand Rapids: Baker, 1993.

Martin, W. J. *The Deity of Christ* [Thiên tính của Chúa Kitô], Chicago: Moody Press, 1964.

McDowell, Josh và Bart Larson. *Jesus: A Biblical Defense of His Deity* [Chúa Giêsu: Lời biện hộ theo Kinh thánh về Thiên tính của Người],

San Bernardino, California: Here's life, 1983.

Stott, John. *Basic Christianity* [Kitô giáo căn bản], Grand Rapids: Eerdmans, 1986.

Zodhiates, Spiros. *Was Christ God?* [Đấng Kitô có phải là Thiên Chúa không?] Grand Rapids: Eerdmans, 1966.

Ghi chú

1. Marla Donato, "That Guilty Look," [Cái nhìn tội phạm ấy] *Chicago Tribune* (1 April, 1994).

2. Denny Johnson, "Police Add Electronic 'Sketch Artist' to Their Bag of Tricks," [Cảnh sát thêm 'Phác thảo Nghệ sĩ' điện tử vào Túi thủ thuật của họ], *Chicago Tribune* (22 June 1997).

3. Templeton, *Farewell to God* [Giã Từ Thiên Chúa], 230.

4. Morton Smith, "Biblical Arguments for Slavery" [Những lập luận trong Kinh thánh về chế độ nô lệ] *Free Inquiry* (Spring 1987), 30.

5. Thomas Sowell, *Race and Culture* [Chủng tộc và Văn hóa] (New York: Basic, 1995).

6. Josh McDowell và Bart Larson, *Jesus: A Biblical Defense of His Deity* [Chúa Giê-su: Lời biện hộ trong Kinh thánh về Thiên tính của Người] (San Bernardino, Calif: Here's Life, 1983), 62-64.

Chương Mười: Bằng chứng dấu ngón tay

Có phải Chúa Giêsu và một mình Chúa Giêsu trùng khớp với danh tính của Đấng Mêxia không?

Đó là một ngày thứ Bảy yên bình tại nhà Hiller ở Chicago. Clarence Hiller đã dành cả buổi chiều để sơn phần trang trí bên ngoài ngôi nhà hai tầng của mình trên Phố 104 phía Tây. Đến đầu giờ tối, anh và gia đình đã đi ngủ. Tuy nhiên, những gì xảy ra tiếp theo sẽ thay đổi luật hình sự ở Mỹ mãi mãi.



Thomas Jennings, accused of murdering Clarence D. Hiller, Chicago, Illinois, 1910.

Photo by Chicago Sun-Times/Chicago Daily News collection/Chicago History Museum/Getty Images

Gia đình Hiller thức dậy vào sáng sớm ngày 19 tháng 9 năm 1910 và trở nên nghi ngờ rằng một ngọn đèn bằng khí đốt gần phòng ngủ của con gái họ đã tắt. Clarence đi điều tra. Vợ anh nghe thấy một loạt âm thanh nhanh chóng; một vụ ầu ẩu, hai người đàn ông ngã xuống cầu thang, hai tiếng súng và tiếng đóng sầm cửa trước. Bà xuất hiện và thấy Clarence đã chết ở chân cầu thang. Cảnh sát đã bắt Thomas Jennings, một tên

trộm bị kết án, cách đó chưa đầy một dặm. Có máu trên quần áo của anh ta và cánh tay trái của anh ta bị thương - anh ta nói, cả hai chuyện đều do bị té trên xe điện. Trong túi của anh ta, họ tìm thấy cùng một loại súng đã được dùng để bắn Clarence Hiller, nhưng họ không thể xác định đó có phải là vũ khí giết người hay không. Biết rằng họ cần thêm thông tin để kết tội Jennings, các thám tử đã lục soát bên trong nhà Hiller để tìm kiếm thêm manh mối. Một sự thật nhanh chóng trở nên rõ ràng: kẻ giết người đã vào qua cửa sổ nhà bếp phía sau. Các thám tử đi ra ngoài - và ở đó, bên cạnh cửa sổ đó, mãi mãi in trên lớp sơn trắng mà chính nạn nhân vụ giết người đã cẩn thận phết lên lan can chỉ vài giờ trước khi chết, họ tìm thấy bốn dấu đầu ngón tay rõ ràng từ bàn tay trái của một ai đó.

Bằng chứng dấu đầu ngón tay là một khái niệm mới vào thời điểm đó, gần đây đã được giới thiệu tại một cuộc triển lãm cảnh sát quốc tế ở St. Louis. Cho đến nay, dấu đầu ngón tay chưa bao giờ được sử dụng để kết tội bất cứ ai giết người ở Hoa Kỳ.

Bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của các luật sư bào chữa rằng bằng chứng đó là phi khoa học và không thể chấp nhận được, bốn sĩ quan đã làm chứng rằng dấu đầu ngón tay trên sơn hoàn toàn khớp với dấu đầu ngón tay của Thomas Jennings - và chỉ riêng anh ta. Bồi thẩm đoàn kết luận Jennings có tội, Tòa án Tối cao Illinois giữ nguyên bản án của anh ta trong một phán quyết lịch sử, và sau đó anh ta bị treo cổ (1).

Tiền đề đằng sau bằng chứng về dấu đầu ngón tay rất đơn giản: mỗi cá nhân có những đường vân độc nhất trên ngón tay của mình. Khi dấu đầu ngón tay được tìm thấy trên một đồ vật khớp với kiểu đường vân trên ngón tay của một người, các nhà điều tra có thể kết luận chắc chắn về mặt khoa học rằng cá nhân chuyên biệt này đã chạm vào đồ vật đó.

Trong nhiều vụ án hình sự, nhận dạng dấu đầu ngón tay là bằng chứng quan trọng. Tôi nhớ đã đưa tin về một phiên tòa trong đó một dấu đầu ngón tay duy nhất được tìm thấy trên giấy bóng kính của gói thuốc lá là yếu tố quyết định để kết tội một tên trộm hai mươi tuổi giết một sinh viên đại học (2). Điều đó cho thấy bằng chứng dấu đầu ngón tay có tính kết luận ra sao.

Đồng ý, nhưng điều này có liên quan gì đến Chúa Giêsu Kitô? Đơn giản là thế này: Có một loại bằng chứng khác tương tự như dấu đầu ngón tay và xác lập mức độ chắc chắn đáng kinh ngạc rằng Chúa Giêsu thực sự là Đấng Mêxia của Israel và thế giới.

Trong Kinh thánh của người Do Thái, mà Kitô hữu gọi là Cựu ước, có vài chục lời tiên tri chính về sự xuất hiện của Đấng Mêxia, Đấng sẽ được Thiên Chúa sai đến để cứu chuộc dân Người. Thực tế, những lời tiên đoán này đã tạo nên một dấu đầu ngón tay tượng trưng mà chỉ Đấng được xức dầu mới có thể xứng hợp mà thôi. Bằng cách này, dân Israel có thể loại trừ bất cứ kẻ mạo danh nào và chứng thực phẩm chất [credential] Đấng Mêxia đích thực.

Chữ Hy Lạp chỉ đáng "Messiah" là Đấng Kitô. Nhưng Chúa Giêsu có thực sự là Đấng Kitô không? Người có ứng nghiệm một cách kỳ diệu các lời tiên đoán đã được viết hàng trăm năm trước khi Người được sinh ra không? Và làm sao chúng ta biết Người là cá nhân duy nhất trong suốt lịch sử xứng hợp với dấu đầu ngón tay tiên tri?

Có rất nhiều học giả với một chuỗi dài những chữ viết tắt sau tên của họ mà lẽ ra tôi có thể hỏi về chủ đề này. Tuy nhiên, tôi muốn phỏng vấn một người mà đối với họ đây không chỉ là một thao tác học thuật trừu tượng, và điều này đã đưa tôi đến một bối cảnh rất khó xảy ra ở miền nam California.



Cuộc phỏng vấn thứ chín: Louis S. Lapidès, M.Div., Th.M.

Thông thường, nhà thờ là địa điểm tự nhiên cho ai đó muốn đặt câu hỏi về một vấn đề trong Kinh thánh. Nhưng có điều gì đó khác biệt khi ngồi xuống với Mục sư Louis Lapidès trong thánh đường của giáo đoàn ông vào buổi sáng sau các buổi thờ phượng Chúa Nhật. Khung cảnh những chiếc ghế dài và kính màu này không phải là nơi mà bạn có thể mong đợi tìm thấy một cậu bé Do Thái tốt bụng đến từ Newark, New Jersey.

Tuy nhiên, đó lại là lai lịch của Lapidès. Đối với một người có di sản, câu hỏi liệu Chúa Giêsu có phải là Đấng Mêxia được mong đợi từ lâu hay không vượt ra ngoài lý thuyết. Nó mang tính bản thân cao độ và tôi đã tìm đến Lapidès để có thể nghe câu chuyện về cuộc điều tra của chính ông về vấn đề quan trọng này.

Lapidès có bằng cử nhân thần học tại Đại học Dallas Baptist cũng như bằng thạc sĩ thần học và bằng thạc sĩ thần học về Cựu Ước và Semitic Học từ Trường Thần học Talbot. Ông đã phục vụ trong một thập niên tại Thừa tác vụ dân Chúa chọn, nói về Chúa Giêsu cho các sinh viên cao đẳng Do Thái. Ông đã giảng dạy tại khoa Kinh thánh của Đại học Biola và đã làm việc bảy năm trong tư cách người hướng dẫn cho các buổi hội thảo Bách bộ Qua Kinh thánh. Ông cũng là cựu chủ tịch của một mạng lưới quốc gia gồm mười lăm giáo đoàn thiên sai.

Mảnh khảnh và đeo kính cận, Lapidès ăn nói nhỏ nhẹ nhưng hay mỉm cười và sẵn sàng cười lớn. Ông tỏ ra lạc quan và lịch sự khi dẫn tôi đến một chiếc ghế gần phía trước Hiệp Hội Beth Airiel ở Sherman Oaks, California. Tôi không muốn bắt đầu bằng việc tranh luận về các sắc thái của Kinh thánh; thay vào đó, tôi bắt đầu bằng cách mời Lapidès kể cho tôi nghe câu chuyện về hành trình tâm linh của ông.

Ông khoanh tay trong lòng, nhìn những bức tường gỗ tối màu một lúc để quyết định phải bắt đầu từ đâu, rồi bắt đầu kể một câu chuyện phi thường đã đưa chúng tôi đi từ Newark qua Greenwich Village đến Việt Nam và Los Angeles, từ sự hoài nghi đến niềm tin, từ Do Thái giáo sang Kitô giáo, từ Chúa Giêsu không liên quan đến Chúa Giêsu trong tư cách Đấng Mêxia.

Ông bắt đầu, "Nhu ông biết, tôi xuất thân từ một gia đình Do Thái. Tôi tham dự một hội đường Do Thái bảo thủ trong bảy năm để chuẩn bị tiếp nhận nghi thức *bar mitzvah* [con trai 13 tuổi đảm nhận các trách nhiệm tôn giáo]. Mặc dù chúng tôi coi những việc học hành này rất quan trọng, nhưng đức tin của gia đình chúng tôi không ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống hàng ngày của chúng tôi. Chúng tôi không ngừng làm việc trong

ngày Sabát; chúng tôi không có chế độ *kosher* [ăn kiêng]."

Ông mỉm cười. "Tuy nhiên, vào những Ngày Lễ Thánh lớn, chúng tôi có tham dự hội đường Chính thống nghiêm ngặt hơn, bởi vì cách nào đó, ba tôi cảm thấy đó là nơi bạn nên đến nếu bạn thực sự muốn nghiêm túc với Thiên Chúa!"

Khi tôi xen vào để hỏi xem cha mẹ ông đã dạy ông điều gì về Đảng Mêxia, câu trả lời của Lapidès rất rõ ràng. Ông nói một cách đơn giản, "Nó không bao giờ xuất hiện". Tôi hoài nghi. Thực vậy, tôi nghĩ tôi đã hiểu lầm ông nên hỏi "Ý ông là thậm chí nó còn không được thảo luận?".

Ông lặp lại "Không bao giờ. Thậm chí, tôi không nhớ nó là một vấn đề trong trường học tiếng Do Thái."

Điều này thật gây ngạc nhiên đối với tôi nên tôi hỏi, "Còn Chúa Giêsu thì sao? Người có từng được nói đến chưa? Tên Người có được sử dụng không?"

Lapidès châm biếm, "Chỉ một cách xúc phạm thôi! Trong căn bản, người ta chưa bao giờ thảo luận về Người. Ấn tượng của tôi về Chúa Giêsu đến từ việc nhìn thấy các nhà thờ Công Giáo: có cây thánh giá, vòng gai, cạnh sườn bị đâm, máu chảy ra từ đầu Người. Nó chẳng có ý nghĩa gì đối với tôi. Tại sao bạn lại tôn thờ một người đàn ông trên thập giá với đinh đóng trên tay và chân? Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng Chúa Giêsu có bất cứ mối liên hệ nào với người Do Thái. Tôi chỉ nghĩ rằng Người là một vị thần của dân ngoại."

Tôi nghi ngờ rằng thái độ của Lapidès đối với các Kitô hữu đã vượt quá sự mơ hồ đơn thuần về niềm tin của họ, nên tôi hỏi, "Ông có tin rằng những người theo Kitô giáo là nguồn gốc của chủ nghĩa bài Do Thái không?"

Ông nói, giọng có vẻ hơi ngoại giao, "Người ngoại giáo được coi là đồng nghĩa với Kitô hữu, và chúng tôi được dạy phải thận trọng vì có thể có chủ nghĩa bài Do Thái giữa những người ngoại giáo".

Tôi theo đuổi vấn đề xa hơn. "Có phải ông nói rằng ông đã phát triển một số thái độ tiêu cực đối với các Kitô hữu không?" Lần này ông nói thẳng. "Vâng, thực sự tôi đã nói thế. Thực vậy, sau này khi Tân Ước lần đầu tiên được trình bày cho tôi, tôi thực sự nghĩ rằng trong căn bản nó là một cuốn cẩm nang của chủ nghĩa bài Do Thái: cách ghét người Do Thái, cách giết người Do Thái, cách tàn sát họ. Tôi nghĩ Đảng Quốc xã Mỹ sẽ rất thoải mái khi sử dụng nó như một cuốn sách hướng dẫn."

Tôi lắc đầu, buồn bã khi nghĩ đến việc có bao nhiêu đứa trẻ Do Thái khác đã lớn lên và coi những người theo Kitô giáo là kẻ thù của chúng.

Một cuộc truy tầm tâm linh bắt đầu

Lapidès cho biết một số biến cố đã làm lu mờ lòng trung thành của ông với đạo Do Thái khi ông lớn lên. Tò mò về các chi tiết, tôi yêu cầu ông giải thích chi tiết hơn, và ngay lập tức, ông chuyển sang giai đoạn rõ ràng là đau lòng nhất trong cuộc đời ông.

"Bố mẹ tôi ly dị khi tôi mười bảy tuổi," ông nói - và ngạc nhiên thay, sau ngần ấy năm, tôi vẫn còn có thể cảm nhận được sự tổn thương trong giọng nói của ông. "Điều đó thực sự đặt tiền đánh cuộc vào bất cứ trái tim tôn giáo nào mà tôi có thể có. Tôi tự hỏi, Thiên Chúa từ đâu đến? Tại sao họ không đến gặp giáo sĩ Do Thái để được tư vấn? Tôn giáo có ích gì nếu nó không thể giúp người ta một cách thực tế? Điều đó chắc chắn không thể giữ cho cha mẹ tôi ở lại với nhau. Khi họ chia tay, một phần trong tôi cũng tan nát."

Thêm vào đó, trong đạo Do Thái, tôi không cảm thấy mình có mối quan hệ bản thân nào với Thiên Chúa.

Tôi có rất nhiều các nghi lễ và truyền thống đẹp đẽ, nhưng Người là vị Thiên Chúa xa xôi và tách biệt của Núi Sinai, Đấng từng nói, 'Đây là những quy tắc – người phải sống theo, người sẽ ổn thôi; Ta sẽ gặp người sau.' Và tôi ở đó, một thanh niên với hoóc-môn cuồng nộ, tự hỏi, liệu Thiên Chúa có liên quan gì đến những cuộc đấu tranh của tôi không? Người có quan tâm đến tôi như một cá nhân không? Chà, tôi không thể thấy được điều đó bất cứ cách nào."



Cuộc ly hôn đã thúc đẩy một kỷ nguyên nổi loạn. Say mê âm nhạc và bị ảnh hưởng bởi các tác phẩm của Jack Kerouac và Timothy Leary, ông đã dành quá nhiều thời gian ở các quán cà phê ở Làng Greenwich đến nỗi không còn giờ học đại học – một điều khiến ông dễ bị bắt đi quân dịch. Đến năm 1967, ông thấy mình ở bên kia thế giới trên một chiếc thuyền chở hàng có đạn được dễ phát nổ, bom, tên lửa và các chất nổ cao khác khiến nó trở thành mục tiêu hấp dẫn của Việt Cộng.

"Tôi nhớ đã được nói trong buổi định hướng của chúng tôi ở Việt Nam, 'Hai mươi phần trăm các bạn có thể sẽ bị giết, và tám mươi phần trăm còn lại sẽ có thể mắc bệnh hoa liễu hoặc nghiện rượu hoặc nghiện ma túy.' Tôi nghĩ, tôi thậm chí không có một phần trăm cơ hội để thoát ra mà vẫn còn bình thường!"

"Đó là một thời kỳ rất đen tối. Tôi đã chứng kiến sự đau khổ. Tôi đã thấy những chiếc túi đựng xác; tôi đã thấy sự tàn phá của chiến tranh. Và tôi đã gặp chủ nghĩa bài Do Thái trong một số Binh sĩ Mỹ. Một vài người trong số họ từ miền Nam thậm chí còn đốt một cây thánh giá trong một đêm. Có lẽ tôi muốn tránh xa bản sắc Do Thái của mình - có lẽ đó là lý do tại sao tôi bắt đầu tìm hiểu sâu hơn về các tôn giáo phương Đông."

Lapides đọc các sách nói về các nền triết lý Đông Phương và đã đến viếng nhiều ngôi chùa Phật Giáo lúc ở Nhật Bản. Ông nói với tôi, "Tôi cực kỳ quan tâm đến sự ác tôi đã thấy, và tôi cố gắng hình dung ra cách đức tin có thể đối phó với nó. Tôi thường nói, 'Nếu có Thiên Chúa, tôi không quan tâm liệu tôi có tìm thấy Người trên Núi Sinai hay Núi Phú Sĩ. Tôi cũng sẽ tiếp nhận Người.'"

Ông đã sống thoát Việt Nam, trở về quê hương với mùi marijuana mới tìm thấy và các kế hoạch trở thành một tu sĩ Phật giáo. Ông cố gắng sống lối sống khổ hạnh từ bỏ mình trong một nỗ lực gạt bỏ nghiệp xấu vì những lỗi lầm trong quá khứ của mình, nhưng ông nhanh chóng nhận ra rằng ông sẽ không bao giờ có thể bù đắp cho tất cả những sai lầm của mình.

Lapides im lặng một lúc, rồi nói, "Tôi bị trầm cảm. Tôi nhớ lúc nhảy lên xe điện và nghĩ nhảy xuống đường rầy là câu trả lời. Tôi có thể giải thoát mình khỏi cơ thể này và hoàn toàn được nhập vào Thiên Chúa. Tôi đã rất bối rối. Để làm cho vấn đề trở nên tồi tệ hơn, tôi bắt đầu thử nghiệm với LSD."

Tìm kiếm một khởi đầu mới, ông quyết định chuyển đến California, nơi mà cuộc tìm kiếm tâm linh của ông tiếp tục. Ông nói, "Tôi đã đến các cuộc họp của Phật giáo, nhưng thật trống rỗng. Phật giáo Trung Quốc vô thần, Phật giáo Nhật thờ tượng Phật, Phật giáo Thiền tông quá mơ hồ. Tôi đã đến các cuộc họp của *Scientology*, nhưng họ quá thao túng và kiểm soát. Ấn Độ giáo tin vào tất cả những cuộc vui điên rồ mà các

vị thần vốn có và vào những vị thần vốn là những con voi xanh. Không điều gì có ý nghĩa; không điều gì thoả mãn cả”.

Thậm chí Ông còn thắp từng bạn bè đến các cuộc họp có xu hướng ngấm Satan. Ông cho biết, "Tôi xem và nghĩ, Có điều gì đó đang diễn ra ở đây, nhưng nó không tốt. Ở giữa thế giới nghiện ma túy của mình, tôi nói với những người bạn của tôi rằng tôi tin rằng có một thể lực xấu xa vượt quá tôi, nó có thể hoạt động trong tôi, nó tồn tại như một thực thể. Tôi đã thấy đủ điều xấu xa trong đời mình để tin vào điều đó."

Ông nhìn tôi với một nụ cười mỉa mai. Ông nói, "Tôi đoán tôi đã chấp nhận sự hiện hữu của Satan trước khi tôi chấp nhận sự tồn tại của Thiên Chúa."

“Tôi không thể tin vào Chúa Giêsu”

Đó là năm 1969. Sự tò mò của Lapidès thúc ông đến thăm Sunset Strip để trở mắt nhìn một nhà truyền giáo đã tự xích mình vào một cây thánh giá cao 8 feet để phản đối cách các chủ quán rượu địa phương tìm cách trục xuất ông ra khỏi thừa tác vụ trước cửa hàng của họ. Lapidès bắt gặp một số Kitô hữu lôi kéo ông vào một cuộc tranh luận tâm linh ngẫu hứng.

Hơi tự phụ, ông bắt đầu phun triết lý Đông phương vào mặt họ và chỉ tay về phía trời mà nói, "Không có Thiên Chúa nào ngoài kia cả. Chúng ta là Thiên Chúa. Tôi là Thiên Chúa. Các bạn là Thiên Chúa. Các bạn chỉ cần hiểu ra điều đó."

Một người trả lời, "Chà, nếu bạn là Thiên Chúa, tại sao bạn không tạo ra một tảng đá? Chỉ cần làm cho một điều gì đó xuất hiện. Đó là những gì Thiên Chúa làm."

Trong tâm trí rối bời vì ma túy của mình, Lapidès tưởng tượng ông đang cầm một tảng đá. Đưa bàn tay không của mình ra, ông nói, "Ừ, đây là một tảng đá".

Người Kitô hữu chế giễu nói, "Đó là sự khác biệt giữa bạn và Thiên Chúa thật. Khi Thiên Chúa sáng tạo ra điều gì đó, mọi người đều có thể nhìn thấy nó. Nó khách quan, không chủ quan."

Điều đó lọt vào đầu óc Lapidès. Sau khi suy nghĩ về điều đó một lúc, ông tự nhủ, nếu mình tìm thấy Thiên Chúa, thì Người phải khách quan. Mình đã đọc qua triết lý Đông phương; nó nói tất cả chỉ ở trong tâm trí mình và mình có thể tạo ra thực tại của riêng mình. Thiên Chúa hẳn phải là một thực tại khách quan nếu Người có bất cứ ý nghĩa nào ngoài sức tưởng tượng của riêng mình.

Khi một trong những Kitô hữu nhắc đến tên Chúa Giêsu, Lapidès đã cố gắng chống lại họ bằng câu trả lời có sẵn của mình, "Tôi là người Do Thái. Tôi không thể tin Ông Giêsu." Một mục sư lên tiếng hỏi, "Bạn có biết các lời tiên tri nói về Đấng Mê-xia không?".

Lapidès chưng hửng nói, "Các lời tiên tri. Tôi chưa bao giờ nghe nói về chúng."

Vị mục sư khiến Lapidès giật mình khi đề cập đến một số lời tiên đoán trong Cựu Ước. Khoan đã! Lapidès nghĩ. Đó là Kinh thánh Do Thái của mình được ông ấy trích dẫn! Làm sao Ông Giêsu có thể ở trong đó?

Khi mục sư đưa cho ông một cuốn Kinh thánh, Lapidès tỏ ra nghi ngờ, hỏi, "Có Tân ước trong đó không?" Vị mục sư gật đầu. Lapidès nói với ông ta "OK, tôi sẽ đọc Cựu Ước, nhưng tôi sẽ không mở cuốn kia".

Ông ngạc nhiên trước câu trả lời của vị mục sư. Vị này nói “Tốt thôi. Chỉ cần đọc Cựu Ước và cầu xin Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Isaac và Giacóp - Thiên Chúa của Israel - chỉ cho bạn biết Chúa Giêsu có phải là Đấng

Mêxia, hay không. Bởi vì Người là Đấng Mêxia của bạn. Ban đầu, Người đến với người Do Thái, và sau đó Người cũng là Đấng cứu thế của thế giới."

Đối với Lapedes, đây là thông tin mới. Thông tin hấp dẫn. Thông tin đáng kinh ngạc. Vì vậy, ông trở về căn hộ của mình, mở cuốn sách đầu tiên của Cựu Ước, Sáng thế ký, và tìm kiếm Chúa Giêsu giữa hàng trăm lời đã được viết ra. nhiều năm trước khi người thợ mộc ở Nadarét ra đời.



“Bị đâm thấu vì tội lỗi chúng ta”

Lapedes nói với tôi, "chẳng bao lâu, tôi đã đọc Cựu Ước hàng ngày và thấy hết lời tiên tri này đến lời tiên tri khác. Thí dụ, Đệ nhị luật nói về một nhà tiên tri vĩ đại hơn Môsê, người sẽ đến và chúng ta nên lắng nghe Người. Tôi nghĩ, "Ai có thể vĩ đại hơn Môsê? Nghe có vẻ giống như Đấng Mêxia-một người vĩ đại và được kính trọng như Môsê nhưng là một vị thầy vĩ đại hơn và có thẩm quyền lớn hơn. Tôi đã nắm lấy điều đó và đi tìm Người."

Khi Lapedes đọc Kinh thánh, ông đã bị Isaia 53 làm dừng lại, gai lạnh cả người. Với sự rõ ràng và chuyên biệt, trong một lời tiên đoán đầy ám ảnh được gói gọn trong một vần thơ tình tế, đây là bức tranh về Đấng Mêxia sẽ chịu đau khổ và chết vì tội lỗi của Israel và thế giới- tất cả đều được viết hơn bảy trăm năm trước khi Chúa Giêsu đi lại trên trái đất.

"Người bị đời khinh khi ruồng rẫy, phải đau khổ triền miên và ném mùi bệnh tật. Người như kẻ ai thấy cũng che mặt không nhìn, bị chúng ta khinh khi, không đếm xỉa tới.

"Sự thật, chính người đã mang lấy những bệnh tật của chúng ta, đã gánh chịu những đau khổ của chúng ta, còn chúng ta, chúng ta lại tưởng người bị phạt, bị Thiên Chúa giáng họa, phải nhục nhã ê chề. Chính người đã bị đâm vì chúng ta phạm tội, bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm; người đã chịu sự trừng phạt để chúng ta được bình an, đã phải mang thương tích cho chúng ta được chữa lành. Tất cả chúng ta lạc lõng như chiên cừ, lang thang mỗi người một ngã. Nhưng Đức Chúa đã đổ trên đầu người tội lỗi của tất cả chúng ta.

"Bị ngược đãi, người cam chịu nhục, chẳng mở miệng kêu ca; như chiên bị đem đi làm thịt, như cừu câm nín khi bị xén lông, người chẳng hề mở miệng. Người đã bị ức hiếp, buộc tội, rồi bị thủ tiêu. Dòng dõi của người, ai nào nghĩ tới? Người đã bị khai trừ khỏi cõi nhân sinh, vì tội lỗi của dân, người bị đánh phạt.

"Người đã bị chôn cất giữa bọn ác ôn, bị mai táng với người giàu có, dù đã chẳng làm chi tàn bạo, và miệng không hề nói chuyện điều ngoa.

"Vì người đã mang lấy tội muôn người và can thiệp cho những kẻ tội lỗi". (Isaia 53:3-9,12).

Ngay lập tức Lapidès nhận ra bức chân dung: đó là Ông Giêsu thành Nadarét! Bây giờ ông bắt đầu hiểu những bức tranh được ông nhìn thấy trong các nhà thờ Công Giáo mà ông từng đi qua khi còn nhỏ: Chúa Giêsu đau khổ, Chúa Giêsu bị đóng đinh, Chúa Giêsu mà giờ đây ông nhận ra đã bị "đâm vì tội lỗi của chúng ta" khi Người "gánh lấy tội lỗi" của nhiều người."

Như người Do Thái trong Cựu Ước tìm cách chuộc tội lỗi của họ thông qua một hệ thống hy tế bằng động vật, thì đây là Chúa Giêsu, con chiên hiến tế tối hậu của Thiên Chúa, Đấng đã đền tội một lần là đủ. Đây là hiện thân của kế hoạch cứu chuộc của Thiên Chúa. Phát hiện này hấp dẫn đến nỗi Lapidès chỉ có thể đưa ra một kết luận: đó là một trò lừa bịp! Ông tin rằng những người theo Kitô giáo đã viết lại Cựu Ước và bóp méo những lời của Isaia để làm cho nó nghe như thể nhà tiên tri đã báo trước về Chúa Giêsu. Lapidès bắt tay vào việc vạch trần sự lừa dối. Ông nói với tôi: "Tôi nhờ mẹ kể gửi cho tôi một cuốn Kinh thánh Do Thái để tôi có thể tự mình tra cứu. Bà đã gửi, và ông đoán xem điều gì đã xảy ra? Tôi thấy nó cũng nói y hệt một điều! Bây giờ tôi thực sự phải đối phó với nó."

Tính Do Thái của Chúa Giêsu

Hết lần này đến lần khác, Lapidès bắt gặp những lời tiên tri trong Cựu Ước – hơn bốn chục lời tiên đoán chính xác. Isaia đã tiết lộ cách thức giáng sinh của Đấng Mêxia (từ một trinh nữ); Mikha xác định chính xác nơi sinh của Người (Bêlem); Sáng thế ký và Giêrêmia chỉ rõ tổ tiên của Người (hậu duệ của Ápraham, Isaac và Giacóp, thuộc chi tộc Giuđa, nhà Đavít); các Thánh vịnh đã báo trước việc Người bị phản bội, lời buộc tội Người bởi những nhân chứng giả, cách Người chết (bị đâm thấu ở tay và chân, mặc dù việc đóng đinh lúc ấy chưa được sáng chế), và sự phục sinh của Người (Người sẽ không bị hư nát mà sẽ thắng thiên); và vân vân (3). Mỗi lời đều loại bỏ sự hoài nghi của Lapidès cho đến khi cuối cùng ông sẵn sàng thực hiện một bước quyết liệt.

Ông nói, "Tôi quyết định mở Tân Ước và chỉ đọc trang đầu tiên. Với sự lo lắng, tôi từ từ mở Mátthêu, vừa mở vừa nhìn lên trời, chờ tia sét đánh!"

Những lời đầu tiên của Mátthêu như nhảy ra khỏi trang sách: "Bản ghi chép về gia phả của Chúa Giêsu Kitô, con Đavít, con Ápraham..."

Đôi mắt của Lapidès mở to khi ông nhớ lại khoảnh khắc lần đầu tiên ông đọc câu đó. "Tôi nghĩ, Chà! Con trai Ápraham, con Đavít - tất cả đều phù hợp với nhau! Tôi đã xem các câu chuyện về sự ra đời và nghĩ, nhìn này! Mátthêu đang trích dẫn từ *Isaia* 7:14: 'Trinh nữ sẽ mang thai và sẽ sinh con trai.' Và sau đó tôi thấy ngài trích dẫn tiên tri Giêrêmia. Tôi ngồi đó suy nghĩ, ông biết đấy, đây nói về người Do Thái. Đâu có gì là Dân ngoại? Chuyện gì đang xảy ra ở đây vậy?"

"Tôi không thể đặt nó xuống. Tôi đọc qua phần còn lại của các sách Tin Mừng, và tôi nhận ra đây không phải là cảm nang dành cho Đảng Quốc xã Mỹ; đó là một sự tương tác giữa Chúa Giêsu và cộng đồng Do Thái. Tôi đọc đến sách Công vụ và-điều này thật không thể tin được! - họ đang cố gắng tìm ra cách người Do Thái có thể mang câu chuyện về Chúa Giêsu đến với dân ngoại. Hãy nói về việc đảo ngược vai trò!"

Những lời tiên tri ứng nghiệm có tính thuyết phục đến nỗi Lapidès bắt đầu nói với mọi người rằng ông nghĩ Chúa Giêsu là Đấng Mêxia. Vào thời điểm đó, đây chỉ là một khả năng trí thức đối với ông, nhưng những hàm ý của nó thật đáng lo ngại.

Ông giải thích, "Tôi nhận ra rằng nếu tôi phải chấp nhận Chúa Giêsu vào cuộc sống của tôi, thì hẳn phải có một số thay đổi đáng kể trong cách tôi đang sống. Tôi phải xử lý với ma túy, tình dục, v.v. Tôi không hiểu rằng Thiên Chúa sẽ giúp tôi thực hiện những thay đổi đó; tôi nghĩ rằng tôi phải tự mình dọn dẹp cuộc sống của mình".

Hiện dung trong sa mạc

Lapides và một số người bạn vào sa mạc Mojave để có sự yên tĩnh. Về mặt tâm linh, ông cảm thấy rối bời. Ông bất an bởi các cơn ác mộng bị xâm xé bởi những cơn chó lòi kéo ông từ các phía đối diện nhau. Ngồi một mình ở bụi rậm sa mạc, ông nhớ lại lời lẽ của ai đó nói với ông ở Sunset Strip: “Một là bạn đứng về phía Thiên Chúa hai là bạn đứng về phía Sa tan.”

Ông tin có sự hiện thân của điều ác, và ông không muốn đứng về phía đó. Vì vậy, Lapides đã cầu nguyện, “Lạy Thiên Chúa, con phải đi đến cùng cuộc đấu tranh này. Con phải biết chắc chắn rằng Chúa Giêsu là Đấng Mêxia. Con cần biết rằng Người, trong tư cách Thiên Chúa của Israel, muốn con tin vào điều này.”

Khi kể lại câu chuyện cho tôi nghe, Lapides ngập ngừng, không biết phải diễn đạt điều xảy ra tiếp theo như thế nào. Một khoảnh khắc đã trôi qua. Sau đó, ông kể thêm cho tôi nghe, “Điều tốt nhất mà tôi có thể tổng hợp được từ kinh nghiệm đó là Thiên Chúa đã nói chuyện một cách khách quan với lòng tôi. Người đã thuyết phục tôi, bằng kinh nghiệm, rằng Người hiện hữu. Và đến lúc đó, trong sa mạc, trong lòng tôi, tôi đã nói: ‘Lạy Thiên Chúa, con tiếp nhận Chúa Giêsu vào cuộc đời con. Con không hiểu con phải làm gì với Người, nhưng con muốn Người. Con đã làm cho cuộc sống của con ra lộn xộn; con cần Chúa thay đổi con.’”

Và Thiên Chúa bắt đầu làm điều đó trong một diễn trình tiếp tục cho đến ngày nay. Ông nói, “Bạn bè của tôi biết rằng cuộc sống của tôi đã thay đổi và họ không thể hiểu được điều đó. Họ nói, ‘Có chuyện gì đó đã xảy ra với bạn trong sa mạc. Bạn không còn dùng ma túy nữa. Có điều gì đó khác biệt về bạn.’”

“Tôi trả lời, ‘Chà, tôi không thể giải thích điều đã xảy ra. Tôi chỉ biết có một người nào đó trong cuộc đời tôi, và đó là một người thánh thiện, chính trực, là nguồn cung cấp những suy nghĩ tích cực về cuộc sống và tôi chỉ cảm thấy trọn vẹn.’”

Chữ cuối cùng đó, dường như đã nói lên tất cả. Ông nhấn mạnh với tôi, “Trọn vẹn, một cách tôi chưa bao giờ cảm thấy trước đây.”

Bất chấp những thay đổi tích cực, ông vẫn lo lắng về việc báo tin cho cha mẹ ông. Cuối cùng khi ông làm như vậy, phản ứng quả lẩn lộn. Ông nhớ lại, “Lúc đầu, họ rất vui mừng vì họ có thể nói tôi không còn phụ thuộc vào ma túy nữa và cảm xúc của tôi có vẻ tốt hơn nhiều. Nhưng câu chuyện bắt đầu sáng tỏ khi họ hiểu ra nguồn gốc của tất cả những thay đổi này. Họ nhăn mặt, như muốn nói, ‘Tại sao phải là Ông Giêsu? Tại sao không phải là một điều gì khác? Họ không biết phải làm gì với nó.’”

Với một chút buồn bã trong giọng nói, ông nói thêm, “Tôi vẫn không chắc là họ thực sự biết phải làm gì.”

Qua một chuỗi tình huống đáng chú ý, lời cầu nguyện của Lapides cho có một người vợ đã được đáp ứng khi ông gặp Deborah, cũng là người Do Thái và là tín hữu của Chúa Giêsu. Cô đưa ông đến nhà thờ của cô - hóa ra cũng là ngôi nhà thờ được quản nhiệm bởi vị mục sư, mấy tháng trước ở Sunset Strip đã thách thức Lapides đọc Kinh thánh Cựu Ước.

Lapides phá lên cười. “Tôi biết nói gì với anh - ông ta há hốc mồm khi nhìn thấy tôi bước vào nhà thờ!”

Cộng đoàn đó đầy những người từng đi xe mô tô, từng là dân hippie và những kẻ nghiện ngập từ Sunset Strip, rải rác có những người miền nam bị búng gốc. Đối với một thanh niên Do Thái phát xuất từ Newark, người ngại ngần liên hệ với những người khác với anh ta, vì chủ nghĩa bài Do Thái mà anh ta sợ rằng anh ta sẽ gặp phải, quả thật có tính chữa lành khi học được cách gọi một đám đông đa dạng như vậy là “anh em và chị em.”

Lapides kết hôn với Deborah một năm sau khi họ gặp nhau. Kể từ đó, cô đã sinh hạ được hai con trai. Và họ đã cùng nhau khai sinh ra Hiệp hội Beth Ariel, một ngôi nhà dành cho người Do Thái và Dân ngoại, những người cũng đang tìm thấy sự trọn vẹn trong Chúa Kitô.

Trả lời các phản bác

Lapides kết thúc câu chuyện của mình và thư giãn trên ghế. Tôi để khoảnh khắc ấy kéo dài. Gian cung thánh yên bình; kính màu lung linh màu đỏ, vàng và xanh từ mặt trời California. Tôi ngồi trầm ngâm về sức mạnh của câu chuyện tìm thấy đức tin của một con người. Tôi ngạc nhiên trước câu chuyện về chiến tranh và ma túy, về Làng Greenwich và Sunset Strip và một sa mạc cằn cỗi, không điều gì trong số tôi có thể liên kết với vị mục sư dễ chịu, rất tề chỉnh đang ngồi trước mặt tôi.

Nhưng tôi không muốn bỏ qua những câu hỏi hiển nhiên do câu chuyện của ông gợi lên. Với sự cho phép của Lapides, tôi bắt đầu bằng cách hỏi câu hỏi quan trọng nhất trong đầu tôi: "Nếu những lời tiên tri quá rõ ràng đối với ông và chỉ thẳng về Chúa Giêsu một cách không còn nghi ngờ gì nữa, thì tại sao ngày càng có nhiều người Do Thái không chấp nhận Người là Đấng cứu thế của họ?"

Đó là câu hỏi mà Lapides đã tự hỏi mình rất nhiều trong suốt ba thập niên kể từ khi ông bị một Kitô hữu thách thức việc điều tra Kinh thánh Do Thái. Ông trả lời, "Trong trường hợp của tôi, tôi đã dành thời gian để đọc chúng. Thật kỳ lạ, mặc dù người Do Thái nổi tiếng là có trí hiểu, nhưng trong lĩnh vực này có rất nhiều sự thiếu hiểu biết.

Thêm vào đó, ông có các tổ chức phản truyền giáo tổ chức các cuộc hội thảo trong các hội đường để cố gắng bác bỏ những lời tiên tri về đấng được xức dầu. Người Do Thái nghe thấy chúng và sử dụng chúng như một cái cớ để không đích thân khám phá những lời tiên tri ấy. Họ nói, 'Giáo sĩ nói với tôi rằng không có gì trong chuyện này.'

"Tôi sẽ hỏi họ, 'Bạn có nghĩ rằng giáo sĩ Do Thái vừa đưa ra một phản bác mà Kitô giáo chưa từng nghe trước đây không? Ý tôi là, các học giả đã nghiên cứu vấn đề này hàng trăm năm rồi! Có rất nhiều tác phẩm văn học tuyệt vời và những câu trả lời mạnh mẽ của Kitô giáo cho những thách thức đó.' Nếu họ quan tâm, tôi sẽ giúp họ tiến xa hơn".

Tôi ngạc nhiên trước việc tẩy chay một người do Thái phải chịu nếu họ trở thành Kitô hữu. Ông nói, "Chắc chắn đó là một nhân tố. Một số người không để cho các lời tiên tri về đấng thiên sai chiếm hữu họ, vì họ sợ hậu quả - khả năng bị gia đình và cộng đồng Do Thái bác bỏ. Điều đó không dễ đối đầu. Hãy tin tôi, tôi biết điều đó."

Mặc dù vậy, một số thách thức đối với những lời tiên tri nghe có vẻ khá thuyết phục khi lần đầu tiên người ta nghe thấy chúng. Vì vậy, từng điều một, tôi đưa ra những phản bác phổ biến nhất cho Lapides để xem ông sẽ trả lời ra sao.

1. Lập luận trùng hợp ngẫu nhiên

Đầu tiên, tôi hỏi Lapides rằng liệu có thể nào Chúa Giêsu chỉ tình cờ ứng nghiệm những lời tiên tri hay không. Có thể Người chỉ là một trong số rất nhiều người trong suốt lịch sử đã tình cờ phù hợp với dấu ngôn tay của nhà tiên tri.

Ông trả lời, "Không hề có chuyện đó. May rủi quá lớn đến tự triệt tiêu. Có người đã làm một con tính và thấy rằng xác suất của 8 lời tiên tri được ứng nghiệm như thế chỉ là 1 trong một trăm triệu tỷ. Con số này là

một triệu lần lớn hơn tổng số những con người từng sinh sống trên trái đất xưa nay! Ông ta tính thế này: nếu ông lấy số đô la bằng bạc này, chúng sẽ bao phủ bang Texas với độ sâu hai feet. Nếu ông đánh dấu một đô la bạc trong số đó và sau đó bịt mắt một người rồi để người này đi khắp tiểu bang và cúi xuống nhặt một đồng tiền các, thì xác suất anh ta chọn đồng tiền đã được đánh dấu là bao nhiêu?"

Với câu hỏi này, ông tự trả lời: "Cùng một xác suất với việc bất cứ ai trong lịch sử có thể ứng nghiệm tám trong số các lời tiên tri."

[illegible]

Tâm trí của chúng ta không thể hiểu được một con số lớn như vậy. Đó là một thống kê quá lớn, tương đương với số lượng nguyên tử cực nhỏ trong một nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ tỷ vũ trụ có kích thước bằng vũ trụ của chúng ta!"

Lapides kết luận, “chỉ xác suất mà thôi cũng đã cho chúng ta hay không thể có người nào ứng nghiệm được các lời tiên tri của Cựu Ước. Tuy nhiên, Chúa Giêsu - và chỉ Chúa Giêsu trong suốt lịch sử - đã làm được điều đó.”

Những lời của Tông đồ Phêrô chọt hiện ra trong đầu tôi: “Nhưng những điều Thiên Chúa đã dùng miệng các tiên tri mà phán trước rằng Đấng Kitô của Người phải chịu khổ hình, thì Người đã ứng nghiệm như vậy” (Cv 3:18 NASB).

2.Lập luận Tin Mừng đã bị thay đổi

Tôi vẽ ra một khung cảnh khác cho Lapidés, bằng cách hỏi: "Có phải những người viết Tin Mừng đã bịa đặt các chi tiết để làm cho có vẻ như Chúa Giêsu đã ứng nghiệm các lời tiên tri không?"

Tôi nói, thí dụ, "những lời tiên tri nói rằng Xương của Đấng Mêxia sẽ không bị gãy nên có thể Gioan đã bịa ra câu chuyện người La Mã đánh gãy chân hai tên trộm bị đóng đinh cùng với Chúa Giêsu chứ không đánh gãy chân Người. Và những lời tiên tri nói về sự phản bội vì ba mươi đồng bạc cắc, do đó, có thể Máttêu đã xử lý các sự kiện vô trách nhiệm khi nói rằng, đúng, Giuđa đã bán đấng Chúa Giêsu với cùng số tiền đó."

Nhưng phản bác trên cũng không đi xa hơn phản bác trước. Lapidès giải thích: “Theo sự khôn ngoan của Thiên Chúa, Người đã tạo ra nguyên tắc kiểm tra và cân bằng cả bên trong lẫn bên ngoài cộng đồng Kitô giáo.” Ai đó có thể nói với Máttêu, 'Anh biết mọi chuyện không xảy ra theo cách đó mà. Chúng tôi đang cố gắng truyền đạt một cuộc sống công chính và sự thật, vì vậy đừng làm ô uế nó bằng một lời nói dối.'"

Ông nói thêm, “Vả lại, tại sao Máttêu bịa ra những lời tiên tri được ứng nghiệm và sau đó sẵn sàng để mình bị xử tử vì đã theo chân một người mà ông bí mật biết thực sự không phải là Đấng Mêxia? Điều đó không có ý nghĩa gì cả. Hơn nữa, cộng đồng Do Thái sẽ nắm lấy bất cứ cơ hội nào để làm mất uy tín các sách Tin Mừng bằng cách chỉ ra những điều sai lạc. Lapides nói: Họ sẽ nói, 'Tôi đã ở đó, và xương của Ông Giêsu đã bị người La Mã đánh gãy trong lúc đóng đinh. Nhưng dù Sách Talmud của người Do Thái chuyên nhắc đến Chúa Giêsu một cách phỉ báng, nó cũng không bao giờ cho rằng việc ứng nghiệm các lời tiên tri đã bị làm cho sai lệch. Không một lần nào.’”

3.Lập luận ứng nghiệm có chủ ý

Một số người hoài nghi khẳng định rằng Chúa Giêsu đã vận dụng cuộc sống của mình một cách khéo léo để ứng nghiệm các lời tiên tri. Tôi hỏi, “Liệu có phải Người đọc được trong sách Dacaria rằng Đấng Mêxia sẽ cưỡi lừa vào Giêrusalem, rồi sắp xếp để thực hiện chính điều đó không?”.

Lapides phần nào thừa nhận, ông nói, "Đối với một số lời tiên tri, vâng, điều đó chắc chắn có thể quan niệm được. Nhưng đối với nhiều lời khác, điều này sẽ không thể xảy ra."

“Chẳng hạn, làm thế nào Người kiểm soát được sự kiện Thượng hội đồng đề nghị cho Giuđa ba mươi đồng bạc để phản bội Người? Làm thế nào Người có thể sắp xếp cho tổ tiên của mình, hoặc nơi sinh của mình, hoặc phương pháp hành quyết Người, hoặc những người lính rút thăm để lấy quần áo của Người, hoặc đôi chân Người không bị gãy trên thập giá? Làm thế nào Người sắp xếp để thực hiện các phép lạ trước những người hoài nghi? Làm thế nào Người sắp xếp cho việc phục sinh của mình? Và làm thế nào để Người được sinh ra lúc được sinh ra?”

Lời nhận xét cuối cùng đó đã khơi óc tò mò của tôi. Tôi hỏi, "Ông muốn nói gì bởi câu khi Người được sinh ra?".

Lapides đáp, "Khi ông giải thích Đanien 9:24-26, nó báo trước rằng Đấng Mêxia sẽ xuất hiện trong một khoảng thời gian nhất định sau khi Vua Artaxerxes 1 ban hành sắc lệnh cho người Do Thái rời Ba Tư để xây dựng lại các bức tường thành ở Giêrusalem”.

Ông nghiêng người về phía trước để trình bày lý lẽ vững chắc, ông nói: “Điều đó đặt việc xuất hiện hằng được mong chờ của Đấng Mêxia vào đúng thời điểm lịch sử khi Chúa Giêsu xuất hiện. Chắc chắn đó không phải là điều Người có thể sắp đặt trước được”.

4.Lập luận ngữ cảnh

Một phản bác khác cần được bàn luận: Các đoạn được các Kitô hữu nhận diện như các lời tiên tri về Đấng Mêxia thực sự có ý nhằm để chỉ rõ việc xuất hiện của Đấng Được Xức Dầu hay các Kitô hữu lấy chúng ra khỏi ngữ cảnh và giải thích không đúng về chúng?

Lapides thở dài, nói, “Ông biết đấy, tôi đã đọc kỹ các cuốn sách người ta viết để cố gắng phá đổ điều chúng ta tin. Làm như vậy chẳng vui thú chút nào, nhưng tôi dành thời gian để xem xét từng ý kiến phản bác, sau đó nghiên cứu ngữ cảnh và từ ngữ trong ngôn ngữ bản gốc. Và lần nào, các lời tiên tri cũng đứng vững và tự chúng tỏ là chân thực”.

"Vì vậy, đây là thách thức của tôi đối với những người hoài nghi: đừng chấp nhận lời lẽ của tôi về việc này, nhưng cũng đừng chấp nhận lời của giáo sĩ Do Thái của bạn. Hãy dành thời gian để tự mình nghiên cứu. Ngày nay không ai có thể nói, 'Không có thông tin.' Có rất nhiều sách ngoài kia có thể giúp các bạn.” Và một điều nữa: hãy chân thành cầu xin Thiên Chúa chỉ cho các bạn thấy Chúa Giêsu có phải là Đấng Mêxia hay không. Đó là điều tôi đã làm - và không cần bất cứ sự hướng dẫn nào, tôi đã thấy rõ ai là người phù hợp với dấu ngón tay của Đấng Mêxia."

“Mọi điều phải ứng nghiệm...”

Tôi đánh giá cao cách Lapides trả lời các phản bác, nhưng cuối cùng, chính câu truyện về hành trình tâm linh của ông tiếp tục quay lại trong tâm trí tôi trên đường tôi đáp chuyến bay trở lại Chicago trong đêm khuya. Tôi suy nghĩ về việc từng nhiều lần gặp gỡ những câu truyện tương tự, nhất là giữa những người Do Thái thành công và có suy nghĩ vốn năng nổ trong việc phủ nhận các tuyên bố có tính thiên sai của Chúa Giêsu.

Tôi nghĩ tới Stan Telchin, doanh nhân Bờ Đông, người đã dấn thân vào nhiệm vụ vạch trần "giáo phái" Kitô giáo sau khi con gái ông đi học đại học và tiếp nhận Y'Shua (Chúa Giêsu) làm Đấng Mêxia của mình. Ông hết sức ngạc nhiên khi thấy cuộc điều tra này đã đưa ông cùng vợ và con gái thứ hai đến với cùng một Đấng Mêxia. Sau này, ông trở thành một mục sư Kitô giáo, và cuốn sách kể lại câu chuyện của ông, *Betrayed* [Bị phản bội]! đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng (6).

Lại có Jack Sternberg, một bác sĩ ung thư nổi tiếng ở Little Rock, Arkansas, người đã rất lo lắng về những gì ông tìm thấy trong Cựu Ước đến nỗi ông đã thách thức ba giáo sĩ Do Thái bác bỏ việc Chúa Giêsu là Đấng Mêxia. Họ không thể, và ông cũng tuyên bố đã tìm thấy sự toàn vẹn trong Đấng Kitô (7).

Rồi Peter Greenspan, một bác sĩ sản phụ khoa hành nghề ở khu vực Thành phố Kansas và là trợ lý giáo sư lâm sàng tại Trường Y thuộc Đại học Missouri-Kansas City. Giống như Lapidès, ông đã được thách thức tìm kiếm Chúa Giêsu trong đạo Do Thái. Những gì ông tìm thấy khiến ông bối rối, vì vậy ông đã đến với Torah và Talmud, tìm cách làm mất tư cách thiên sai của Chúa Giêsu. Thay vào đó, ông kết luận rằng Chúa Giêsu đã ứng nghiệm lời tiên tri một cách kỳ diệu. Đối với ông, càng đọc sách của những người cố gắng bác bỏ bằng chứng Chúa Giêsu là Đấng Mêxia, ông càng thấy nhiều sai sót trong lập luận của họ. Trớ trêu thay, Greenspan kết luận, "Tôi nghĩ rằng tôi thực sự tin tưởng vào Y'shua bằng cách đọc những gì những kẻ gièm pha đã viết."

Cũng như Lapidès và những người khác, ông thấy những lời của Chúa Giêsu trong Tin Mừng Luca đã được chứng minh là đúng: "tất cả những gì sách Luật Môsê, các sách Ngôn Sứ và các Thánh Vịnh đã chép về Thầy đều phải được ứng nghiệm" (Luca 24:44). Điều đó đã được ứng nghiệm, và chỉ nơi Chúa Giêsu - cá nhân duy nhất trong lịch sử ăn khớp với dấu ngón tay tiên tri của đấng được xức dầu của Thiên Chúa.

Các tài liệu đọc thêm

Fruchtenbaum, Arnold. *Jesus Was a Jew* [Chúa Giêsu là một người Do Thái]. Tustin, Calif: Ariel Ministries, 1981.

Frydland, Rachmiel. *What the Rabbis Know about the Messiah* [Những gì các Rabbis biết về Đấng Mêxia]. Cincinnati: Messianic, 1993.

Kaiser, Walter C., Jr. *The Messiah in the Old Testament* [Đấng Mêxia trong Cựu Ước]. Grand Rapids: Zondervan, 1995.

Rosen, Moishe. *Y'shua, the Jewish Way to Say Jesus* [Y'shua, Cách nói của người Do Thái về Chúa Giêsu]. Chicago: Moody Press, 1982.

Rosen, Ruth, chủ biên *Jewish Doctors Meet the Great Physician* [Các Bác Sĩ Do Thái Gặp Thầy Thuốc Vĩ Đại]. San Francisco: Purple Pomegranate, 1997. Telchin, Stan. *Betrayed!* [Bị phản bội!] Grand Rapids: Chosen, 1982.

Ghi chú

1. Evans, *The Casebook of Forensic Detection* [thủ bản phát hiện pháp y], 98-100.
2. Lee Strobel, "'Textbook' Thumbprint Aids Conviction in Coed's Killing," [Sách giáo khoa Dấu ngón tay hỗ trợ việc xác tín trong vụ giết người của Coed] *Chicago Tribune* (29 tháng 6 năm 1976).
3. Để biết chi tiết căn bản về những lời tiên tri được ứng nghiệm, xin xem McDowell, *Evidence That Requests a Verdict* [Bằng chứng Đòi phải Phán quyết], 141-77.
4. Peter W. Stoner, *Science Speaks* [khhoa học lên tiếng] (Chicago: Moody Press, 1969), 109.
5. Để biết phần thảo luận về lời tiên tri Đanien, xin xem Robert C. Newman, "Fulfilled Prophecy As Miracle," [Lời tiên tri ứng nghiệm như phép lạ] trong R. Douglas Geivett và Gary R. Habermas, eds., *In Defense of Miracles* [bênh vực các phép lạ] (Downs Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1997), 214-25.
6. Stan Telchin, *Betrayed!* [Bị phản bội!] (Grand Rapids: Chosen, 1982).

7. Ruth Rosen, ed., *Jewish Doctors Meet the Great Physician* [Các bác sĩ Do Thái Gặp vị y sĩ vĩ đại] (San Francisco: Purple Pomegranate, 1997), 9-23.
8. *Sđđ.*, 34-35.

PHẦN III: NGHIÊN CỨU VIỆC PHỤC SINH

Chương Mười Một: Bằng chứng Y khoa

Cái chết của Chúa Giêsu có phải là một mưu đồ bất lương và sự sống lại của Người là một trò lừa bịp không?

Tôi dừng lại để đọc tấm bảng treo trong phòng đợi của một văn phòng bác sĩ: "Hãy ngừng trò chuyện. Hãy để tiếng cười bay đi. Đây là nơi mà cái chết thích thú được giúp đỡ người sống."

Hiển nhiên, đây không phải là một bác sĩ bình thường. Tôi cũng đến gặp bác sĩ Robert J. Stein, một trong những nhà nghiên cứu bệnh học pháp y hàng đầu thế giới, một thám tử y tế ưa khoa trương, có giọng nói khàn khàn, người thường kể cho tôi nghe những câu chuyện về những manh mối bất ngờ mà ông đã khám phá ra khi khám nghiệm tử thi. Đối với ông, những người chết quả có kể những câu chuyện - thực thể, những câu chuyện thường mang lại công lý cho người còn sống.

Trong suốt nhiệm kỳ dài của mình trong tư cách giám định viên y tế của Hạt Cook, Illinois, Stein đã thực hiện hơn hai mươi nghìn ca khám nghiệm tử thi, mỗi lần đều tìm kiếm một cách tỉ mỉ những thông tin chi tiết về hoàn cảnh xung quanh cái chết của nạn nhân. Nhiều lần con mắt sắc bén của ông đối với chi tiết, kiến thức bách khoa về giải phẫu con người và trực giác điều tra kỳ lạ của ông đã giúp điều tra viên y tế này dựng lại được cái chết dữ dội của nạn nhân.

Đôi khi những người vô tội được minh oan nhờ những phát hiện của ông. Nhưng thường xuyên hơn, công việc của Stein là chiếc đinh cuối cùng trong quan tài của bị cáo. Đó là trường hợp của John Wayne Gacy, người đã đối diện với đao phủ sau khi Stein giúp kết án anh ta về 33 vụ giết người ghê rợn.

Đó là cách bằng chứng y khoa có thể chủ yếu như thế nào. Nó có thể xác định liệu một đứa trẻ chết vì bị lạm dụng hay do tai nạn ngã. Nó có thể xác định xem một người chết vì nguyên nhân tự nhiên hay bị sát hại bởi ai đó đã pha thạch tín vào cà phê của họ. Nó có thể duy trì hoặc hủy bỏ bằng chứng ngoại phạm của bị cáo bằng cách xác định chính xác thời điểm chết của nạn nhân, sử dụng một quy trình khéo léo để đo lượng kali [potassium] trong mắt của người quá cố. Và vâng, ngay cả trong trường hợp một người nào đó bị hành quyết dã man trên thập giá của người La Mã cách đây hai thiên niên kỷ, bằng chứng y học vẫn có thể thực hiện một đóng góp chủ yếu: nó có thể phá hủy một trong những lập luận dai dẳng nhất được sử dụng bởi những người tuyên bố rằng sự sống lại của Chúa Giêsu, vốn là minh chứng tối cao cho lời tuyên bố của Người về thiên tính của Người, không gì khác hơn là một trò lừa bịp tinh vi.

Phục sinh hay hồi sinh?

Ý tưởng cho rằng Chúa Giêsu chưa bao giờ thực sự chết trên thập giá có thể đọc thấy trong kinh Koran (1), được viết vào thế kỷ thứ bảy - thực thể, những người Hồi giáo Ahmadiya cho rằng Chúa Giêsu thực sự đã trốn sang Ấn Độ. Cho đến ngày nay, có một ngôi đền được cho là đánh dấu nơi chôn cất thực sự của Người ở Srinagar, Kashmir (2)!

Khi thế kỷ 19 mới lộ dạng, Karl Bahrdt, Karl Venturini và những người khác đã cố gắng giải thích sự Phục sinh bằng cách gợi ý rằng Chúa Giêsu chỉ ngất đi vì kiệt sức trên thập giá, hoặc Người đã được cho uống một loại thuốc khiến Người có vẻ như sắp chết, và sau đó Người được hồi sinh nhờ không khí mát mẻ và ẩm

uớt của ngôi mộ (3).

Những người theo thuyết âm mưu củng cố giả thuyết này bằng cách cho rằng Chúa Giêsu đã được cho một ít chất lỏng trên miếng bọt biển khi ở trên thập giá (Mc 15:36) và Philatô có vẻ ngạc nhiên về việc Chúa Giêsu chết nhanh như thế (Mc 15:44). Do đó, họ nói, việc Chúa Giêsu tái xuất hiện không phải là một sự phục sinh kỳ diệu mà chỉ là một sự hồi sinh ngẫu nhiên, và ngôi mộ của Người trống rỗng vì Người vẫn tiếp tục sống.

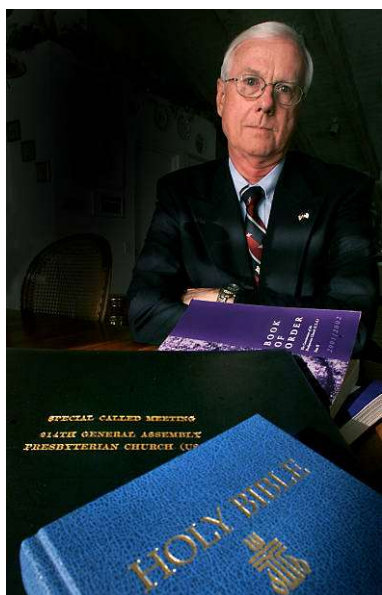
Trong khi các học giả bác bỏ điều gọi là lý thuyết ngất đi này, thì nó vẫn tiếp tục tái xuất hiện trong nền văn chương bình dân. Năm 1929, D. H. Lawrence đã lồng chủ đề này vào một câu chuyện ngắn, trong đó ông cho rằng Chúa Giêsu đã trốn sang Ai Cập, nơi Người đem lòng yêu nữ tư tế Isis (4).

Năm 1965, cuốn sách bán chạy nhất của Hugh Schonfield, *The Passover Plot* [Âm mưu Lễ Vượt qua], cho rằng chỉ có việc lính La Mã đâm Chúa Giêsu ngoài ý muốn mới làm thất bại kế hoạch phức tạp của Người muốn thoát khỏi thập giá mà vẫn còn sống, mặc dù Schonfield thừa nhận, "Chúng tôi không hề cho... rằng [cuốn sách] đại diện cho những gì đã thực sự xảy ra." (5)

Theo chuyên gia về Phục sinh Gary Habermas (6), giả thuyết ngất đi lại xuất hiện một lần nữa trong cuốn sách *The Jesus Scroll* [Sách Cuộn Chúa Giêsu] năm 1972 của Donovan Joyce, cuốn sách "chứa đựng một chuỗi bất cái nhiên còn ít đáng tin hơn cả của Schonfield". Trong *Holy Blood, Holy Grail* [Máu Thánh, Chén Thánh] năm 1982, có thêm tình tiết cho rằng Phôngxiô Philatô đã bị mua chuộc để cho phép tháo Chúa Giêsu khỏi thập giá trước khi Người chết. Mặc dù vậy, các tác giả thú nhận, "Chúng tôi không thể-và vẫn không thể-chứng minh tính chính xác của kết luận của chúng tôi." (7)

Gần đây nhất là vào năm 1992, một học giả ít được biết đến từ Úc, Barbara Thiering, đã gây xôn xao dư luận khi làm sống lại thuyết ngất xỉu trong cuốn sách *Jesus and the Riddle of the Dead Sea Scrolls* (Chúa Giêsu và Bí ẩn về các Sách Cuộn Biển Chết) của bà, cuốn sách đã được một nhà xuất bản có uy tín của Hoa Kỳ giới thiệu rất rầm rộ, sau đó bị học giả Luke Timothy Johnson của Đại học Emory bác bỏ một cách chế nhạo là "thuốc phiện thuần khiết nhất, sản phẩm của trí tưởng tượng cuồng nhiệt hơn là phân tích cẩn trọng." (8)

Giống như một huyền thoại đô thị, lý thuyết ngất xỉu tiếp tục phát triển. Tôi luôn nghe điều đó khi thảo luận về Sự Phục sinh với những người tìm kiếm tâm linh. Nhưng bằng chứng thực sự đã thiết lập được gì? Điều gì thực sự đã xảy ra tại biên cố Đóng đinh? Nguyên nhân cái chết của Chúa Giêsu là gì? Có cách nào để Người có thể sống sót qua thử thách này không? Đó là những loại câu hỏi tôi hy vọng bằng chứng y khoa có thể giúp giải quyết. Vì vậy, tôi đã bay đến miền nam California và gõ cửa một bác sĩ nổi tiếng, người đã nghiên cứu sâu rộng các dữ kiện lịch sử, khảo cổ học và y học liên quan đến cái chết của Chúa Giêsu thành Nadarét, mặc dù, do việc thi thể bị mất tích một cách bí ẩn, nên chưa có cuộc khám nghiệm tử thi nào từng được thực hiện.



Cuộc phỏng vấn thứ mười: Alexander Metherell M.D., Ph.D.

Khung cảnh sang trọng hoàn toàn không phù hợp với chủ đề chúng tôi đang thảo luận. Chúng tôi ở đó, đang ngồi trong phòng khách của ngôi nhà thoải mái ở California của Metherell vào một buổi tối mùa xuân dịu mát, những cơn gió biển ẩm áp thổi qua cửa sổ, trong khi chúng tôi đang nói về một chủ đề tàn bạo không thể tưởng tượng nổi: một vụ đánh đập dã man đến mức khiến lương tâm chấn động, và một hình thức tử hình đòi bại đến mức nó là bằng chứng tồi tệ cho sự vô nhân đạo của con người đối với con người.

Tôi đã tìm đến Metherell vì tôi nghe nói rằng ông sở hữu các chứng tin khoa học và y tế để giải thích về Việc Đóng đinh. Nhưng tôi cũng có một động lực khác: tôi được biết rằng ông có thể thảo luận chủ đề này một cách vô tư cũng như chính xác. Điều đó quan trọng đối với tôi, bởi vì tôi muốn sự thật tự nó nói lên điều đó, không dùng ngôn ngữ cường điệu hoặc buộc tội có thể thao túng cảm xúc.

Như bạn mong đợi từ một người có bằng y khoa (Đại học Miami ở Florida) và bằng tiến sĩ công nghệ (Đại học Bristol ở Anh), Metherell nói với sự chính xác khoa học. Ông được Hội đồng quang tuyến X Hoa Kỳ chứng nhận về chẩn đoán và đã từng là cố vấn cho Viện Tim, Phổi và Máu Quốc gia thuộc Viện Y tế Quốc gia của Bethesda, Maryland.

Từng là nhà khoa học nghiên cứu giảng dạy tại Đại học California, Metherell là biên tập viên của năm cuốn sách khoa học và đã viết cho các ấn phẩm từ *Aerospace Medicine* tới *Scientific American*. Óc phân tích khéo léo của ông về sự co cơ đã được đăng trên tạp chí *The Physiologist and Biophysics Journal*. Thậm chí, trông ông giống như vai trò của một thẩm quyền y khoa nổi tiếng: Ông là một nhân vật uy nghiêm với mái tóc bạc và phong thái lịch sự nhưng trang trọng.

Thành thật mà nói: đôi khi tôi tự hỏi điều gì đang xảy ra bên trong con người Metherell. Với sự dè dặt khoa học, nói chậm rãi và có phương pháp, ông không để lộ bất cứ sự rối loạn nội tâm nào khi ông bình tĩnh mô tả các chi tiết rùng rợn về cái chết của Chúa Giêsu. Bất kể điều gì đang xảy ra bên dưới, bất kể điều gì khiến ông trong tư cách một Kitô hữu đau khổ khi phải nói về số phận nghiệt ngã xảy ra với Chúa Giêsu, ông đều có thể che đậy bằng tư cách chuyên nghiệp phát sinh từ hàng chục năm nghiên cứu trong phòng thí nghiệm. Ông chỉ cho tôi biết các sự kiện - và xét cho cùng, đó là điều mà tôi đã đi nửa vòng đất nước mong có được.

Cuộc tra tấn trước thập giá

Thoạt đầu, tôi muốn có được từ Metherell một mô tả căn bản về các sự kiện dẫn đến cái chết của Chúa Giêsu. Nên, sau một hồi hàn huyên, tôi đặt ly trà đá xuống, ngồi thẳng người trên ghế đối diện với ông, và hỏi, "Ông có thể vẽ một bức tranh về những gì đã xảy ra với Chúa Giêsu?"

Ông hắng giọng, nói, "Nó bắt đầu sau Bữa Tiệc Ly. Chúa Giêsu cùng các môn đệ đi đến Đồi Ôliu, cụ thể là đến Vườn Dietsimani. Và tại đó, nếu ông còn nhớ, Người đã cầu nguyện suốt đêm. Lúc này, trong diễn trình đó, Người dự ứng những sự kiện sắp xảy ra vào ngày hôm sau. Vì Người biết mức độ đau khổ Người sẽ phải chịu đựng, Người đã trải qua rất nhiều căng thẳng tâm lý một cách tự nhiên."

Tôi gơ tay ngăn ông lại, nói với ông, "Chà, đây là chỗ những người hoài nghi có cơ thắng lợi," tôi nói với ông như thế. "Các sách Tin Mừng nói với chúng ta rằng Người bắt đầu đổ mồ hôi máu vào thời điểm này. Nào, thôi nào, há đó không phải chỉ là sản phẩm của một sở trí tưởng tượng hoạt động thái quá hay sao? Há điều đó không đặt câu hỏi về tính chính xác của những người viết sách Tin Mừng hay sao?" Không hề bối rối, Metherell lắc đầu, đáp, "Không hề. Đây là một tình trạng y tế được gọi là *hematidrosis* [mồ hôi máu]. Nó không phổ biến lắm, nhưng nó có liên quan đến mức độ căng thẳng tâm lý cao."

"Điều xảy ra là sự lo lắng nghiêm trọng gây ra việc phóng ra các hóa chất làm vỡ các mao quản trong các tuyến mồ hôi. Kết quả có một lượng nhỏ máu chảy vào các tuyến này và mồ hôi chảy ra có lẫn máu. Chúng ta không nói tới một lượng máu nhiều; nó chỉ là một lượng rất, rất nhỏ."

Mặc dù hơi bị giữa, tôi cố nài, "Cái này có tác dụng gì khác đối với cơ thể không?"

"Điều được điều này làm là khiến lớp da cực kỳ mỏng manh để khi Chúa Giêsu bị lính La Mã đánh vào ngày hôm sau, da của Người sẽ rất, rất nhạy cảm."

Chà, tôi nghĩ, câu chuyện đến lúc hấp dẫn đây. Tôi đã chuẩn bị tinh thần cho những hình ảnh nghiệt ngã mà tôi biết sắp tràn ngập tâm trí tôi. Tôi đã nhìn thấy rất nhiều xác chết trong tư cách một nhà báo - nạn nhân của các vụ tai nạn xe hơi, hỏa hoạn và sự trừng phạt của tổ chức tội phạm - nhưng có điều gì đó đặc biệt đáng sợ khi nghe tin về một người nào đó bị những kẻ hành quyết cố ý hành hạ dã man, quyết tâm gây ra sự đau khổ tột cùng.

Tôi nói, "Xin ông cho tôi biết việc đánh đòn ra sao?"

Đôi mắt của Metherell không bao giờ rời khỏi tôi. "Những vụ đánh đòn của người La Mã được biết đến là vô cùng tàn bạo. Họ... thường bao gồm ba mươi chín đòn roi nhưng thường thì nhiều hơn thế, tùy thuộc vào tâm trạng của người lính khi ra đòn. Người lính sẽ sử dụng một chiếc roi da bện với những quả bóng kim loại đan vào chúng. Khi roi quất vào da thịt, những quả bóng này sẽ gây ra những vết thâm tím hoặc vết bầm tím, những vết thâm tím hoặc vết bầm tím này sẽ vỡ ra khi bị đánh thêm. Và chiếc roi cũng có những mảnh xương sắc nhọn, có thể cắt da thịt rất nặng. Lưng sẽ bị xé toạc đến nỗi một phần của xương sống đôi khi lộ ra bởi những vết cắt sâu, thật sâu. Các đòn roi sẽ đi từ vai xuống lưng, mông và mu bàn chân. Nó thật kinh khủng."

Metherell dừng lại. Tôi nói, "xin ông tiếp tục".

"Một bác sĩ đã nghiên cứu về cách đánh đập của người La Mã cho biết, 'Khi việc đánh đòn tiếp tục, các vết rách sẽ xé toạc các cơ xương bên dưới và tạo ra những dải thịt chảy máu run rẩy.' Một nhà sử học ở thế kỷ thứ ba tên là Eusebius đã mô tả việc đánh đòn bằng cách nói: 'Các tĩnh mạch của nạn nhân bị lộ ra, và chính các cơ bắp, gân và ruột của nạn nhân đều lộ ra ngoài.'"

“Chúng ta biết rằng nhiều người sẽ chết vì kiểu đánh đập này thậm chí trước khi họ có thể bị đóng đinh. Ít nhất, nạn nhân sẽ trải qua cơn đau khủng khiếp và rơi vào tình trạng kích thích vì giảm thể tích máu.” Metherell đã đưa vào một thuật ngữ y học mà tôi không biết, tôi hỏi, “Kích thích giảm thể tích máu [*hypovolemic shock*] nghĩa là gì?”

Ông giải thích, “*Hypo* có nghĩa là ‘thấp’, *vol* chỉ thể tích, còn *emic* nghĩa là máu, nên kích thích *hypovolemic* nghĩa là người này chịu hiệu quả của việc mất nhiều máu. Hiện tượng này tạo ra 4 điều. Đầu tiên, tim đập nhanh để cố gắng bơm máu không có ở đó; thứ hai, huyết áp giảm, gây ngất xỉu hoặc suy sụp; thứ ba, thận ngừng sản xuất nước tiểu để duy trì lượng nước tiểu còn lại; và thứ tư, người đó trở nên rất khát nước vì cơ thể thêm chất lỏng để thay thế lượng máu đã mất”.

“Ông có thấy bằng chứng của điều này trong các câu chuyện của Tin Mừng không?”

Ông trả lời, “Có, hoàn toàn chắc chắn. Chúa Giêsu bị kích thích do giảm thể tích máu khi Người loạng choạng trên đường đến nơi hành quyết ở đồi Canvariô, khiêng thanh ngang của thập giá. Cuối cùng Chúa Giêsu ngã xuống đất, và người lính La Mã ra lệnh cho Simong vác thập giá cho Người. Sau đó, chúng ta đọc thấy rằng Chúa Giêsu nói “Ta khát”, lúc đó người ta mời ngài một ngụm giấm. Vì những hậu quả khủng khiếp của việc đánh đòn này, không nghi ngờ gì nữa, Chúa Giêsu đã ở trong tình trạng nguy kịch ngay cả trước khi những chiếc đinh đóng vào tay và chân Người.”

Hấp hối trên thập giá

Dù mô tả về việc đánh đòn hết sức ghê sợ, nhưng tôi biết chứng từ ghê rợn hơn vẫn chưa đến. Đó là vì các nhà sử học đều nhất trí rằng Chúa Giêsu đã sống sót sau trận đòn ngày hôm đó và tiếp tục lên đường tới thập giá, đó mới là vấn đề thực sự. Ngày nay, khi những tội phạm bị kết án bị trói và chích thuốc độc, hoặc bị trói vào một chiếc ghế gỗ cho điện giật, các tình huống được kiểm soát chặt chẽ. Cái chết đến nhanh chóng và có thể đoán trước được. Các giám định viên y khoa cẩn thận xác nhận nạn nhân đã qua đời. Từ những nhân chứng cận kề xem xét kỹ lưỡng mọi điều từ đầu đến cuối.

Nhưng cái chết bằng hình thức hành quyết thô bạo, chậm chạp và khá thiếu chính xác được gọi là đóng đinh này chắc chắn đến mức nào? Thực thể, hầu hết mọi người không chắc cây thập giá giết chết nạn nhân của nó như thế nào. Và nếu không có một giám định viên y khoa được đào tạo chính thức chứng thực rằng Chúa Giêsu đã chết, liệu Người có thể thoát khỏi trải nghiệm bị hành hạ dã man và chảy máu nhưng vẫn còn sống không?

Tôi bắt đầu tháo gỡ những vấn đề này, tôi hỏi, “Điều gì đã xảy ra khi Người đến địa điểm bị đóng đinh?”

“Người sẽ bị đặt nằm xuống, và hai tay của Người sẽ bị đóng đinh ở tư thế dang rộng vào thanh ngang. Thanh ngang này được gọi là *patibulum*, và ở giai đoạn này, nó tách biệt với thanh dọc, được đặt sẵn trên mặt đất.”

Tôi gặp khó khăn trong việc hình dung điều này; Tôi cần thêm chi tiết, nên hỏi, “Đóng đinh bằng cái gì? Đóng đinh ở đâu?”

“Người La Mã sử dụng những chiếc đinh nhọn dài từ 5 đến 7 *inch* và vót nhọn thành một đầu nhọn. Chúng được đóng xuyên qua cổ tay,” Metherell nói như thế, cho biết khoảng một *inch* hoặc hơn dưới lòng bàn tay trái của Người”.

Tôi ngắt lời “Khoan đã. Tôi nghĩ những chiếc đinh đâm vào lòng bàn tay của Người. Đó là điều mọi bức tranh đều mô tả. Thực thể, nó đã trở thành một biểu tượng tiêu chuẩn đại diện cho việc đóng đinh.”

Metherell nhắc lại, "Qua cổ tay. Đây là một tư thế chắc chắn sẽ khóa chặt bàn tay; nếu những chiếc đinh xuyên qua lòng bàn tay, sức nặng của Người sẽ khiến da bị rách và Người sẽ rơi khỏi cây thập giá. Vì vậy, những chiếc đinh xuyên qua cổ tay, mặc dù điều này được coi là một phần của bàn tay trong ngôn ngữ thời đó.

"Và điều quan trọng là phải hiểu rằng chiếc đinh sẽ đi qua nơi mà dây thần kinh giữa chạy. Đây là dây thần kinh lớn nhất đi ra bàn tay và nó sẽ bị nghiền nát bởi chiếc đinh đang được đóng vào."

Vì tôi chỉ có kiến thức sơ đẳng về giải phẫu cơ thể người nên tôi không chắc điều này có nghĩa gì, nên tôi hỏi, "Điều này tạo nên loại đau đớn nào?"

Ông trả lời, "Hãy để tôi nói cách này. Ông có biết cảm giác đau đớn như thế nào khi ông đập khuỷu tay và đánh vào chiếc xương gò gĩnh của mình không? Đó thực sự là một dây thần kinh khác, gọi là dây thần kinh trụ [*ulna nerve*]. Nó vô cùng đau đớn khi ông vô tình va vào nó.

"Thì cứ hình dung lấy một chiếc kim và siết chặt và nghiền dây thần kinh đó," ông nói thế và nhấn mạnh chữ siết chặt khi ông vịn một chiếc kim tưởng tượng. "Hiệu quả đó sẽ tương tự như những gì Chúa Giêsu đã trải qua."

Tôi nhẩn mặt trước hình ảnh đó và vịn người trên ghế.

Ông nói tiếp, "Cơn đau hoàn toàn không thể chịu đựng được. Thực tế, không thể diễn tả bằng lời theo nghĩa đen; họ phải phát minh ra một chữ mới: *excruciating* [cực kỳ đau đớn]. Theo nghĩa đen, *excruciating* có nghĩa là 'ra khỏi thập giá'. Ông hãy nghĩ về điều đó: họ cần phải tạo ra một từ ngữ mới, bởi vì không có từ ngữ nào trong ngôn ngữ có thể diễn tả nỗi thống khổ tột độ gây ra trong lúc bị đóng đinh.

"Ở điểm này, Chúa Giêsu bị dựng đứng lên vì thanh ngang đã được gắn vào thang dọc, và các cây đinh đã đóng sâu qua bàn chân của Chúa Giêsu. Một lần nữa, các dây thần kinh ở chân của ngài sẽ bị nghiền nát, và sẽ có một loại đau đớn tương tự."

Dây thần kinh bị nghiền nát và đứt lìa chắc chắn đã đủ tồi tệ rồi, nhưng tôi cần biết về ảnh hưởng của việc bị treo trên thập giá đối với Chúa Giêsu. "Điều này sẽ gây ra những căng thẳng gì cho cơ thể của Người?"

Metherell trả lời: "Đầu tiên, cánh tay của Người sẽ ngay lập tức bị kéo dài ra, có thể dài khoảng 6 *inch*, và cả hai vai sẽ bị trật khớp - Ông có thể xác định điều này bằng các phương trình toán học đơn giản."

"Điều này đã ứng nghiệm lời tiên tri của Cừu Ước trong Thánh vịnh 22, một Thánh vịnh đã tiên báo việc đóng đinh cả hàng trăm năm trước khi nó diễn ra và nói, 'toàn thân con xương cốt rã rời.'"

Nguyên nhân cái chết

Metherell đã trình bày được trọng điểm của ông, một cách họa hình, về nỗi đau đớn phải chịu khi diễn trình đóng đinh bắt đầu. Nhưng tôi cần biết cuối cùng điều gì khiến nạn nhân bị đóng đinh chết, bởi vì đó là vấn đề mấu chốt trong việc xác định liệu cái chết có thể được làm giả hay né tránh hay không. Vì vậy, tôi đặt câu hỏi trực tiếp về nguyên nhân cái chết cho Metherell.



Ông trả lời, "Một khi một người bị treo trong vị trí thẳng đứng, thì việc đóng đinh, trong căn bản, là một cái chết từ từ một cách đau đớn do ngạt thở. Nguyên nhân là do các bắp thịt và hoành cách mô bị căng thẳng. Đưa ngực vào vị trí hít vào; trong căn bản, để thở ra, cá nhân phải chống chân lên để sự căng cơ sẽ giảm bớt trong giây lát. Khi làm như vậy, chiếc đinh sẽ xé toạc bàn chân, cuối cùng sẽ khóa chặt vào xương cổ chân.

“Sau khi cố gắng thở ra, người đó sẽ có thể thư giãn và hít vào một hơi khác. Một lần nữa, họ phải đẩy mình lên để thở ra, cào tấm lưng dẫm máu của mình vào gỗ thô của cây thánh giá. Điều này sẽ tiếp diễn cho đến khi hoàn toàn kiệt sức, và người đó sẽ không thể chống đẩy và thở được nữa.

“Khi người này thở chậm lại, họ rơi vào tình trạng được gọi là nhiễm axit hô hấp [*respiratory acidosis*] - *carbon dioxide* trong máu được hòa tan dưới dạng *axit carbonic*, khiến độ axit của máu tăng lên. Điều này cuối cùng dẫn đến nhịp tim không đều. Thực thể, với trái tim đập thất thường, hẳn Chúa Giêsu biết rằng Người đang ở vào lúc chết, đó là lúc Người nói: 'Lạy Chúa, con xin phó linh hồn con trong tay Ngài'. Và sau đó Người chết vì ngừng tim.”

Đó là lời giải thích rõ ràng nhất mà tôi từng nghe về cái chết do bị đóng đinh – nhưng Metherell thì chưa nói hết.

“Ngay cả trước khi Người chết – và điều này cũng quan trọng – cú kích sóc giảm thể tích máu sẽ gây ra nhịp tim nhanh kéo dài, một điều có thể góp phần gây ra suy tim, dẫn đến sự tích tụ chất lỏng trong màng xung

quanh tim, được gọi là tràn dịch ngoại tâm mạc [*pericardia effusion*], cũng như xung quanh phổi, được gọi là tràn dịch màng phổi [*pleural effusion*].

“Tại sao điều đó quan trọng?”

"Vì điều xảy ra khi người lính La Mã đến và biết chắc Chúa Giêsu đã chết, xác nhận điều đó bằng cách đâm một ngọn giáo vào bên phải của Người. Có lẽ đó là phía bên phải của Người; điều đó không chắc chắn, nhưng theo mô tả thì có lẽ là bên phải, giữa các xương sườn.

"Ngọn giáo rõ ràng đã xuyên qua phổi phải và đi vào tim, vì vậy khi ngọn giáo được rút ra, một số chất lỏng - tràn dịch màng ngoài tim và tràn dịch màng phổi - chảy ra ngoài. Chất này sẽ có dạng một chất lỏng trong suốt, giống như nước, theo sau bởi một lượng lớn máu, như nhân chứng Gioan đã mô tả trong Tin Mừng của ngài."

Gioan có lẽ không biết tại sao ngài lại thấy cả máu và chất lỏng trong suốt chảy ra - chắc chắn đó không phải là điều mà một người chưa qua đào tạo như ngài có thể dự ứng được. Tuy nhiên, mô tả của Gioan phù hợp với những gì y học hiện đại mong đợi xảy ra. Thoạt đầu, điều này dường như tạo sự khả tín cho việc làm nhân chứng của Gioan; tuy nhiên, dường như có một thiếu sót lớn trong những điều này.

Tôi rút cuốn Kinh thánh của tôi ra và giờ đến Goan 19:34, tôi nói, "Khoan đã, thưa bác sĩ". Khi ông đọc kỹ những gì Gioan viết, ngài thấy 'máu và nước' chảy ra; ngài cố ý sắp xếp các chữ theo thứ tự đó. Nhưng theo ông, chất lỏng trong suốt chảy ra trước. Vì vậy, có một sự khác biệt đáng kể ở đây."

Metherell cười khẩy, trả lời, "Tôi không phải là một học giả Hy Lạp, nhưng theo những người như vậy, thứ tự các chữ trong tiếng Hy Lạp cổ thời được xác định không nhất thiết theo trình tự mà theo sự nổi bật. Điều này có nghĩa là vì có nhiều máu hơn nước, nên Gioan đề cập đến máu trước."

Tôi thừa nhận quan điểm này nhưng ghi nhớ trong đầu để tự xác nhận sau. Tôi nói, "Tình trạng của Chúa Giêsu, đến lúc này, ra sao?"

Metherell nhìn chăm chăm vào mắt tôi. Ông trả lời một cách có thẩm quyền, "Hoàn toàn không có nghi ngờ gì về việc Chúa Giêsu đã chết."

Trả lời những kẻ hoài nghi

Lời quả quyết của bác sĩ Metherell xem ra đã được bằng chứng nâng đỡ. Nhưng vẫn còn một số chi tiết mà tôi muốn đề cập đến – cũng như ít nhất có một điểm yếu trong lời tường thuật của ông rất có thể làm suy yếu độ đáng tin của lời tường thuật trong Kinh thánh.

Tôi nói, "Các sách Tin Mừng nói rằng các binh lính đập ông chân hai tội nhân cùng bị đóng đinh với Chúa Giêsu. Tại sao họ lại làm như vậy?"

"Nếu họ muốn đẩy nhanh cái chết - và với việc sắp đến ngày Sabát và Lễ Vượt Qua, các nhà lãnh đạo Do Thái chắc chắn muốn hoàn thành việc này trước khi mặt trời lặn - người La Mã sẽ sử dụng chiếc trục thép của một ngọn giáo ngắn La Mã để đập bẻ xương cẳng chân của nạn nhân. Điều này sẽ khiến nạn nhân không thể chống chân lên để có thể thở và tử vong do ngạt thở sẽ xảy ra trong vài phút.

“Tất nhiên, chúng ta được biết trong Tân Ước rằng chân của Chúa Giêsu không bị đập bẻ, bởi vì những người lính đã xác định là Người đã chết, và họ chỉ dùng giáo để xác nhận điều đó. Điều này làm ứng nghiệm một lời tiên tri khác trong Cựu ước về Đấng Mêxia, đó là xương của Người sẽ không bị đập bẻ.”

Một lần nữa, tôi lại nhảy vô, nói, “Một số người cố gắng hoài nghi các trình thuật của Tin Mừng bằng cách tấn công câu truyện đóng đinh. Thí dụ, một bài báo trên *Tạp chí Thần học Harvard* đã kết luận nhiều năm trước rằng ít có 'bằng chứng cho thấy bàn chân của một người bị đóng đinh bị đinh đâm sâu qua'. Thay vào đó, bài báo cho biết, 'tay và chân của nạn nhân bị trói vào thập tự giá bằng dây thừng.' (9) Há ông không thể thừa nhận rằng điều này nêu ra vấn nạn về độ khả tín của lời tường thuật trong Tân Ước hay sao?”

Bác sĩ Metherell dịch về phía trước cho tới lúc ông ngồi cạnh chiếc ghế, ông nói, “không, vì khoa khảo cổ nay đã xác định rằng việc sử dụng đinh đúng với lịch sử - mặc dù tôi chắc chắn thừa nhận rằng đôi khi người ta cũng sử dụng dây thừng.”

"Đâu là bằng chứng?"

"Năm 1968, các nhà khảo cổ ở Giêrusalem đã tìm thấy hài cốt của khoảng ba chục người Do Thái đã chết trong cuộc nổi dậy chống La Mã vào khoảng năm 70 sau Công nguyên. Một nạn nhân, tên rõ ràng là Yohanan, đã bị đóng đinh. Và chắc chắn, họ đã tìm thấy một chiếc đinh dài bảy *inch* vẫn còn đóng vào chân anh ta, với những mảnh gỗ ô liu nhỏ từ cây thập giá vẫn còn dính vào. Đây là một xác nhận khảo cổ tuyệt vời về một chi tiết quan trọng trong mô tả của Tin Mừng về việc đóng đinh.

Tôi nghĩ rất đúng. Tuy nhiên, tôi vẫn nhấn mạnh, "Nhưng một điểm tranh cãi khác liên quan đến tài chuyên môn của người La Mã trong việc xác định Chúa Giêsu đã chết hay chưa. Những người này hiểu biết rất thô sơ về y khoa và giải phẫu học, v.v. - làm sao chúng ta biết họ không nhầm khi tuyên bố rằng Chúa Giêsu không còn sống nữa?"

"Tôi đồng ý với ông những binh lính này không học trường y khoa nào. Nhưng ông nên nhớ rằng họ là chuyên gia giết người - đó là công việc của họ, và họ đã làm rất tốt. Họ biết chắc chắn khi nào một người chết, và thực sự không quá khó để tìm ra.

"Bên cạnh đó, nếu một tù nhân bằng cách nào đó trốn thoát, những người lính chịu trách nhiệm sẽ bị xử tử, vì vậy họ có động lực rất lớn để bảo đảm tuyệt đối rằng từng nạn nhân đều đã chết khi được tháo ra khỏi thập giá."

Lập luận cuối cùng

Nại tới lịch sử và y học, khảo cổ học và thậm chí cả các quy tắc quân sự của La Mã, Metherell đã lấp đầy mọi kẽ hở: Chúa Giêsu không thể nào sống sót để bước xuống khỏi thập giá. Nhưng tôi vẫn đẩy ông đi xa hơn. "Có bất cứ cách nào khả hữu - bất cứ cách khả hữu nào - Chúa Giêsu có thể sống sót chuyện này không?"

Metherell lắc đầu và chỉ tay về phía tôi mà nhấn mạnh, nói, "Hoàn toàn không. Ông nên nhớ rằng Người đã bị kích thích giảm thể tích máu do mất nhiều máu ngay trước diễn trình đóng đinh bắt đầu. Người không thể giả chết, vì bạn không thể giả vờ không thở lâu giờ. Bên cạnh đó, ngọn giáo đâm vào trái tim Người sẽ giải quyết vấn đề một lần và mãi mãi. Và người La Mã sẽ không mạo hiểm cái chết của chính họ bằng cách cho phép Người sống sót bỏ đi."

Tôi nói, "Vì vậy, khi ai đó gợi ý với ông rằng Chúa Giêsu chỉ ngất đi trên thập giá... Tôi nói với họ rằng điều đó bất khả. Đó là một lý thuyết hoang đường mà không có bất cứ cơ sở thực tế khả hữu nào."

Tuy nhiên, tôi vẫn chưa sẵn sàng để bỏ qua vấn đề này. Dù có nguy cơ làm cho bác sĩ thất vọng, tôi nói, "chúng ta hãy suy đoán rằng điều bất khả đã xảy ra và Chúa Giêsu, bằng cách nào đó, đã xoay sở để sống sót

sau khi bị đóng đinh. Chúng ta hãy giả sử rằng Người đã có thể thoát khỏi lớp khăn quấn của mình, lăn tảng đá lớn ra khỏi cửa mộ của mình và vượt qua những người lính La Mã đang đứng gác. Về mặt y học, tình trạng của Người sẽ ra sao sau khi truy tìm các vết thương của mình?"

Metherell miễn cưỡng, không muốn nhập trò chơi này. Tuy nhiên, trở nên sôi nổi hơn một chút, ông nhấn mạnh, "Một lần nữa, không đời nào Người có thể sống sót thập giá. Nhưng nếu có sống sót đi nữa, thì làm sao Người có thể đi quanh quần sau khi những chiếc đinh đã đóng vào chân Người? Làm thế nào Người có thể xuất hiện trên đường Emmaus chỉ một thời gian ngắn sau đó, đi bộ một quãng đường dài? Làm thế nào Người có thể sử dụng cánh tay của mình sau khi chúng bị kéo căng ra và kéo ra khỏi khớp? Ông nên nhớ rằng, Người còn có những vết thương lớn trên lưng và một vết thương do giáo đâm vào ngực."

Ông dừng lại ở đó. Một điều gì đó xuất hiện trong đầu ông, và đến lúc này, ông sẵn sàng đưa ra điểm cuối cùng sẽ mãi mãi đánh đòn cuối cùng vào tâm điểm của lý thuyết ngất xiu. Đó là một lập luận mà không ai có thể bác bỏ kể từ khi nó được nhà thần học người Đức David Strauss đưa ra lần đầu tiên vào năm 1835.

Metherell nói, "Ông nghe đây, một người trong tình trạng thảm hại như thế sẽ không bao giờ truyền cảm hứng cho các môn đệ của Người đi ra ngoài và tuyên bố rằng Người là Chúa của sự sống, Đấng đã chiến thắng âm phủ."

"Ông có thấy những gì tôi đang nói không? Sau khi chịu đựng sự ngược đãi khủng khiếp đó, với tất cả những vết thương và mất máu thảm khốc, trông Người sẽ rất đáng thương đến nỗi các môn đệ sẽ không bao giờ tung hô Người như một người chiến thắng cái chết; họ sẽ cảm thấy thương hại Người và cố gắng chăm sóc cho Người khỏe lại. Vì vậy, thật vô lý khi nghĩ rằng Người xuất hiện với họ trong tình trạng tồi tệ đó, mà những người theo Người vẫn được thúc giục bắt đầu một phong trào trên toàn thế giới đặt căn bản trên niềm hy vọng một ngày nào đó thân xác họ cũng sẽ được phục sinh như thân xác của Người. Không hề có cách ấy."

Một câu hỏi cho cõi lòng

Một cách đầy thuyết phục và bậc thầy, Metherell đã xác lập được lý lẽ của mình vượt quá sự nghi ngờ hợp lý. Ông đã làm điều đó bằng cách tập trung hoàn toàn vào câu hỏi "cách nào": Chúa Giêsu đã bị hành quyết cách nào để tuyệt đối bảo đảm Người sẽ chết? Nhưng khi chúng tôi kết thúc, tôi cảm thấy thiếu một điều gì đó. Tôi đã khai thác kiến thức của ông, nhưng tôi chưa chạm đến cõi lòng ông. Vì vậy, khi chúng tôi đứng lên bắt tay nhau, tôi cảm thấy buộc phải hỏi "câu hỏi tại sao".

"Này Alex, trước khi đi, tôi xin hỏi ý kiến ông về một điều không phải là ý kiến y khoa, không phải việc đánh giá khoa học, mà là điều gì đó thuộc cõi lòng của ông."

Tôi cảm thấy ông bớt dè dặt đi một chút. Ông nói, "được, tôi sẽ cố gắng."

"Chúa Giêsu tự ý bước vào bàn tay của kẻ phản bội Người, Người không kháng cự việc bắt giữ Người, Người không tự bệnh vực Người tại phiên tòa, rõ ràng là Người sẵn sàng chịu đựng những gì ông mô tả là một hình thức tra tấn nhục nhã và đau đớn. Và tôi muốn biết tại sao. Điều gì có thể đã thúc đẩy một người đồng ý chịu đựng hình phạt này?"

Alexander Metherell – lần này là người đàn ông, chứ không phải bác sĩ đang tìm kiếm những chữ thích hợp, cuối cùng trả lời, "Thành thật mà nói, tôi không nghĩ một người bình thường có thể làm điều đó. Nhưng Chúa Giêsu biết điều gì sắp xảy ra và Người sẵn lòng trải qua điều đó, bởi vì đây là cách duy nhất Người có thể cứu chuộc chúng ta - bằng cách phục vụ như người thay thế chúng ta để trả giá án tử hình mà chúng ta đáng phải chịu vì sự phản nghịch của chúng ta chống lại Thiên Chúa. Đó là toàn bộ sứ mệnh của Người khi

xuống trần gian."

Nói thế xong, tôi vẫn cảm thấy đầu óc có tổ chức, luôn hợp lý và hợp luận lý của Metherell đang tiếp tục nghiền ngẫm câu hỏi của tôi để tìm ra câu trả lời căn bản nhất, không thể giản lược được.

Ông kết luận, "Vì vậy, khi ông hỏi động cơ nào thúc đẩy Người, thì... tôi cho rằng câu trả lời có thể được tóm tắt trong một chữ - và đó sẽ là tình yêu."

Khi lái xe về vào đêm hôm đó, câu trả lời này cứ lặp đi lặp lại trong tâm trí tôi.

Nói tóm lại, chuyến đi của tôi đến California đã hoàn toàn hữu ích. Metherell đã chứng minh một cách thuyết phục rằng Chúa Giêsu không thể sống sót qua thử thách thập giá, một hình thức tàn ác đến mức người La Mã đã miễn trừ công dân của họ khỏi điều đó, ngoại trừ những trường hợp phản quốc.

Các kết luận của Metherell nhất quán với những phát hiện của các bác sĩ khác, những người đã nghiên cứu kỹ lưỡng vấn đề này. Trong số họ, có Bác sĩ William D. Edwards, người mà bài báo năm 1986 trong Tạp chí của Hội Y khoa Mỹ, đã kết luận, "Một cách rõ ràng, sức nặng của bằng chứng lịch sử và y khoa đã cho thấy rằng Chúa Giêsu đã chết trước khi vết thương cạnh sườn Người được gây ra.... Thành thử, những cách giải thích dựa trên giả định cho rằng Chúa Giêsu không chết trên thập giá dường như trái ngược với kiến thức y học hiện đại" (10).

Những người tìm cách giải thích sai sự sống lại của Chúa Giêsu bằng cách tuyên bố rằng cách nào đó Người đã thoát khỏi nanh vuốt của tử thần tại Galgotha cần phải đưa ra một giả thuyết hợp lý hơn phù hợp với sự kiện.

Và rồi cuối cùng họ cũng phải bàn đến câu hỏi ám ảnh mà tất cả chúng ta đều cần phải xem xét: Điều gì có thể đã thúc đẩy Chúa Giêsu sẵn lòng để mình bị sỉ nhục và hành hạ dã man như cách Người đã chịu?

Tài liệu đọc thêm

Edwards, William D., et al. "On the Physical Death of Jesus Christ." [Về cái chết thể xác của Chúa Giêsu Kitô], *Journal of the American Medical Association* (March 21, 1986), 1455-63
Foreman, Dale. *Crucify Him* [Hãy đóng đinh nó]. Grand Rapids: Zondervan, 1990.
Hengel, M. *Crucifixion in the Ancient World*. [Việc đóng đinh trong thế giới cổ thời] Philadelphia: Fortress, 1977.
McDowell, Josh. *The Resurrection Factor* [Nhân Tố Phục Sinh]. San Bernardino, Calif.: Here's Life, 1981.

Ghi chú

1. *Surah IV*- 156-57.
2. Wilson, *Jesus: The Evidence* [Chúa Giêsu, Bằng chứng] 140.
3. Craig, *Reasonable Faith* [đức tin hữu lý], 234.
4. D. H. Lawrence, *Love between the Haystacks and Other Stories* [tình yêu giữa đồng rom và các câu truyện khác] (New York: Penguin, 1960), 125.
5. Hugh Schonfield, *The Passover Plot* [Cốt truyện Vượt Qua] (New York: Bantam, 1965), 165.
6. Habermas, *The Verdict of History* [Phán quyết của lịch sử], 56.
7. Michael Baigent, Richard Leigh, và Henry Lincoln, *Holy Blood, Holy Grail* [Máu Thánh, Chén Thánh] (New York: Delacorte, 1982), 372
8. Johnson, *The Real Jesus* [Chúa Giêsu đích thực], 30.
9. J. W. Hewitt, "The Use of Nails in the Crucifixion," [việc dùng đinh trong việc đóng đinh], *Harvard*

Theological Review 25 (1932), 29-45, được trích dẫn trong Josh McDowell, *The Resurrection Factor* (San Bernardino, Calif: Here's Life, 1981), 45.

10. William D. Edwards et al., "On the Physical Death of Jesus Christ," [về cái chết thể lý của Chúa Giêsu Kitô], *Journal of the American Medical Association* (21-3-1986), 1455-63

Chương Mười Hai: Bằng chứng mất thi thể

Xác Chúa Giêsu có thực sự vắng mặt trong mộ của Người không?

Người nữ thừa kế kẹ Helen Vorhees Brach bay vào phi trường bận rộn nhất thế giới vào một buổi chiều mùa thu trong lành, bước vào một đám đông, và rồi ngay sau đó, biến mất không để lại một dấu vết nào. Trong hơn hai mươi năm, bí ẩn về những gì đã xảy ra với nhà từ thiện tóc đỏ, yêu động vật này đã khiến cả cảnh sát lẫn các nhà báo bối rối.

Dù các nhà điều tra tin rằng cô gái ấy đã bị sát hại, họ không thể xác định được các hoàn cảnh cụ thể, phần lớn là vì họ chưa bao giờ tìm thấy thi thể của cô ấy. Cảnh sát đã thả nổi một số suy đoán, rò rỉ cho báo chí những khả thể có thể có, và thậm chí còn nhờ được một thẩm phán chịu tuyên bố rằng một kẻ lừa đảo chịu trách nhiệm cho sự biến mất của cô ấy. Nhưng vì không có một xác chết, vụ sát hại cô ấy chính thức vẫn chưa được giải quyết. Không ai bị buộc tội sát hại cô ấy.

Vụ án Brach là một trong những điều bí ẩn làm nản lòng khiến tôi thỉnh thoảng thức trắng đêm để sàng lọc trong đầu các bằng chứng thừa thớt và cố gắng ghép lại với nhau những gì đã xảy ra. Cuối cùng nó là một thao tác không thỏa mãn; tôi muốn biết chuyện gì đã xảy ra, nhưng không có đủ dữ kiện để loại bỏ phỏng đoán.

Thỉnh thoảng các thi thể bị mất tích trong tiểu thuyết giật gân và đời thực, nhưng hiếm khi bạn gặp một ngôi mộ trống. Không giống như trường hợp Helen Brach, vấn đề với Chúa Giêsu không phải là Người không ở nơi nào để người ta nhìn thấy. Mà là vì Người đã được nhìn thấy, còn sống; đã chết nhưng Người đã được nhìn thấy; và Người đã được nhìn thấy, lại sống một lần nữa. Nếu chúng ta tin các trình thuật Tin Mừng, thì đây không phải là vấn đề của một thi thể bị mất tích. Không, mà là vấn đề Chúa Giêsu vẫn còn sống, thậm chí cho đến ngày nay, cả sau khi công khai khuất phục trước nỗi kinh hoàng của sự đóng đinh được mô tả một cách sinh động trong chương trước.

Ngôi mộ trống, như biểu tượng trường tồn của sự Phục sinh, là đại diện cuối cùng cho việc Chúa Giêsu tuyên bố Người là Thiên Chúa. Tông đồ Phaolô nói trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrinthô 15:17 rằng Sự Phục Sinh là cốt lõi của niềm tin Kitô giáo: "Nếu Chúa Kitô đã không trỗi dậy, đức tin của anh em là vô ích; anh em vẫn còn trong tội lỗi của anh em."

Nhà thần học Gerald O'Collins diễn đạt như sau: "Một nghĩa sâu sắc, không có sự sống lại, Kitô giáo đơn giản không là Kitô giáo mà không có chương cuối cùng của nó. Nó không hề là Kitô giáo gì cả." (1).

Sự Phục Sinh là sự xác minh tối hậu cho căn tính Thiên Chúa của Chúa Giêsu và giáo huấn linh hứng của Người. Đó là bằng chứng Người chiến thắng tội lỗi và sự chết. Nó là điềm báo sự phục sinh của những người theo Người. Đó là nền tảng của niềm hy vọng Kitô giáo. Đó là phép lạ của mọi phép lạ.

Nếu nó là sự thật. Những người hoài nghi cho rằng những gì đã xảy ra với cơ thể của Chúa Giêsu vẫn còn là một bí ẩn giống như sự biến mất của Helen Brach - họ nói không có đủ bằng chứng để đi đến một kết luận chắc chắn.

Nhưng những người khác khẳng định rằng vụ việc đã thực sự được đóng lại, bởi vì có bằng chứng có thể kết

luận rằng ngôi mộ đã bị bỏ trống vào Buổi Sáng Phục Sinh đầu tiên ấy. Và nếu bạn muốn ai đó trình bày một cách thuyết phục lý lẽ đó, cách tốt nhất là đến gặp William Lane Craig, được coi là một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về việc phục sinh.



Cuộc Phỏng vấn Mười một: William Lane Craig, Ph.D., D.Th.

Tôi đã có một viễn cảnh khác thường khi lần đầu tiên nhìn thấy Bill Craig trong hành động: Tôi đã ngồi phía sau ông khi ông bảo vệ Kitô giáo trước đám đông gần tám nghìn người, với vô số người khác nghe trên hơn một trăm đài phát thanh khắp nước.

Là người điều hợp cuộc tranh luận giữa Craig và một người vô thần được chọn bởi người phát ngôn quốc gia của American Atheists, Inc., tôi lấy làm lạ là Craig đã xây dựng một cách lịch sự nhưng mạnh mẽ lý lẽ của Kitô giáo đồng thời loại bỏ các lập luận ủng hộ chủ nghĩa vô thần. Từ chỗ đang ngồi, tôi có thể quan sát khuôn mặt của mọi người khi họ, một số lần đầu tiên, khám phá ra rằng Kitô giáo có thể đứng vững trước việc phân tích thuần lý và xem xét gay gắt.

Cuối cùng, không còn là cuộc thi đua nữa. Trong số những người đã vào khán phòng tối hôm đó trong tư cách những người vô thần, bất khả tri, hoặc những người hoài nghi, 82 phần trăm bước ra kết luận rằng lý lẽ của Kitô giáo là hấp dẫn nhất. Bốn mươi bảy người tham gia trong tư cách những người không tin và ra khỏi đây trở thành Kitô hữu, các lập luận của Craig bảo vệ đức tin hết sức thuyết phục, đặc biệt so với sự ít ỏi bằng chứng ủng hộ chủ nghĩa vô thần. Nhân tiện xin nói thêm, không ai trở thành người vô thần cả (2).

Vì vậy, khi tôi bay xuống Atlanta để phỏng vấn ông cho cuốn sách này, tôi đã lo lắng muốn xem ông sẽ đối phó ra sao với những thách thức liên quan đến ngôi mộ trống của Chúa Giêsu.

Ông vẫn không thay đổi kể từ khi tôi gặp ông vài năm trước. Với bộ râu đen cắt sát, những đường nét góc cạnh và cái nhìn hấp dẫn, trông Craig vẫn giữ vai trò của một học giả nghiêm túc. Ông nói bằng những câu văn mạch lạc, không bao giờ đánh mất mạch suy nghĩ của mình, luôn luôn trả lời một cách có phương pháp, từng điểm một, từng sự kiện một.

Tuy nhiên, ông không phải là một nhà thần học khô khan. Craig có một sự nhiệt tình sáng khoái đối với công việc của mình. Đôi mắt xanh nhạt của ông như nhảy múa khi ông trình bày các đề xuất và lý thuyết; ông chấm câu bằng cử chỉ bàn tay mời gọi sự hiểu biết và đồng ý; giọng của ông lên xuống từ gần như chổng mặt khi đề cập một số điểm thần học bí hiểm được ông coi là hấp dẫn chuyển qua sự chân thành kín đáo khi cân nhắc tại sao một số học giả chống lại bằng chứng mà ông thấy rất thuyết phục.

Nói tóm lại, tâm trí ông hoàn toàn dẫn thân, nhưng trái tim ông cũng thế. Khi ông nói tới những người hoài nghi mà ông đã tranh luận, đó không phải là một giọng điệu tự mãn hay đối địch. Ông đặc biệt cố gắng nhắc đến những phẩm chất đáng yêu của họ khi có thể - đây là một diễn giả tuyệt vời, một diễn giả thật quyến rũ trong bữa ăn tối.

Trong các tình tế của cuộc trò chuyện giữa chúng tôi, tôi cảm thấy ông không đàm đá liên hồi các đối thủ bằng những lập luận của mình; ông chân thành tìm cách chinh phục những người mà ông tin là quan trọng đối với Thiên Chúa. Ông có vẻ thật lòng bối rối tại sao một số người không thể, hoặc nhất định không nhận ra thực tại của ngôi mộ trống.

Bảo vệ ngôi mộ trống

Mặc quần jean xanh, đi tất trắng và áo len xanh đậm với cổ cao màu đỏ, Craig nằm dài trên chiếc ghế bông trong phòng khách của ông. Trên bức tường phía sau ông là một khung cảnh lớn của Munich.

Chính ở đó, mới mẻ với tấm bằng thạc sĩ nghệ thuật từ Trinity Evangelical Divinity School và bằng tiến sĩ triết học từ Đại học Birmingham, Anh, Craig đã nghiên cứu về Phục sinh lần đầu tiên, trong khi lấy một bằng tiến sĩ khác, lần này về thần học từ Đại học Munich. Sau này, ông giảng dạy tại Trường Trinity Evangelical Divinity và sau đó phục vụ như một học giả thỉnh giảng tại Viện Triết học cấp cao tại Đại học Louvain gần Brussels.

Sách của ông bao gồm *Reasonable Faith* [Đức tin Hợp lý]; *No Easy Answers* [Không có câu trả lời dễ dàng]; *Knowing the Truth about the Resurrection* [Biết Sự Thật về Sự Phục Sinh]; *The Only Wise God, The Existence of God and the Beginning of the Universe* [Thiên Chúa Khôn ngoan Duy nhất, Sự Hiện hữu của Thiên Chúa và Sự khởi đầu của vũ trụ]; và (viết với Quentin Smith) *Theism, 'Atheism, and Big Bang Cosmology'* [Hữu thần thuyết, 'Vô thần thuyết, và Vũ trụ học Big Bang'], được xuất bản bởi Nhà xuất bản Đại học Oxford.

Ông cũng đóng góp cho các cuốn *The Intellectuals Speak Out about God* [Trí thức lên tiếng về Thiên Chúa]; *Jesus under Fire, In Defense of Miracles* [Chúa Giêsu bị công kích, Bảo vệ các phép lạ]; và *Does God Exist?* [Thiên Chúa có hiện hữu không?] Ngoài ra, các bài báo học thuật của ông đã xuất hiện trên các tạp chí như *New Testament Studies* [Nghiên cứu Tân Ước]; *Journal for the Study of the New Testament* [Tạp chí Nghiên cứu Tân Ước]; *Gospel Perspectives* [Những Viễn Tượng Tin Mừng]; *Journal of the American Scientific Affiliation*, [Tạp chí Thống thuộc Khoa học Hoa Kỳ]; và *Philosophy* [Triết học]. Ông là thành viên của chín hội chuyên nghiệp, bao gồm cả Hàn lâm viện Tôn giáo, viện Hoa Kỳ Tôn giáo và Hội Triết học Hoa Kỳ. Vì được quốc tế biết đến với những bài viết về giao điểm của khoa học, triết học và thần học, ông không cần được thúc đẩy để thảo luận về chủ đề vẫn khiến trái tim ông đập nhanh: sự phục sinh của Chúa Giêsu.

Chúa Giêsu có thực sự được chôn trong mộ không?

Trước khi xem ngôi mộ của Chúa Giêsu có trống không, tôi cần xác định trước nhất xem thi thể của Người có ở đó hay không đã. Lịch sử cho chúng ta biết rằng như một quy luật, những tên tội phạm bị đóng đinh bị bỏ mặc trên thập giá cho chim ăn ngấu nghiến hoặc bị ném vào một phần mộ chung. Điều này đã thúc đẩy

John Dominic Crossan của Cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu kết luận rằng xác của Chúa Giêsu có lẽ đã bị đào lên và bị chôn hoang tiêu thụ. Tôi nói với Craig, "Dựa trên những thông lệ này, ông có thừa nhận rằng đây rất có thể là điều đã xảy ra không?"

Ông trả lời, "Nếu ông chỉ căn cứ vào điều gọi là thông lệ, vâng, tôi đồng ý. Nhưng điều đó đã bỏ qua bằng chứng chuyên biệt trong trường hợp này."

Tôi nói, "Được rồi, vậy hãy xem bằng chứng chuyên biệt". Với điều đó, tôi chỉ ra một vấn đề trước mắt: các sách Tin Mừng nói rằng xác Chúa Giêsu đã được giao cho ông Giuse người Arimathê, một thành viên của chính Thượng hội đồng- cơ quan đã bỏ phiếu để lên án Chúa Giêsu. Bằng một giọng điệu nghe có vẻ gay gắt hơn tôi dự định, tôi hỏi "Điều đó khá khó tin, phải không?"

Craig đôi thế ngồi trên đi văng như thể chuẩn bị thành linh tấn công câu hỏi của tôi. Ông nói, "Không, không phải khi ông nhìn vào tất cả các bằng chứng cho việc chôn cất. Vì vậy, hãy để tôi nói hết chuyện đó. Thứ nhất, việc chôn cất được tông đồ Phaolô đề cập trong thư I Côrintô 15:3-7, nơi ngài truyền lại tin điều rất sớm của Giáo Hội."

Tôi gật đầu thừa nhận điều đó, vì Tiến sĩ Craig Blomberg đã mô tả một số chi tiết của tin điều này trong diễn trình phỏng vấn trước đây của chúng tôi. Craig đồng ý với Blomberg rằng tin điều này chắc chắn đã có trong vòng vài năm sau khi Chúa Giêsu bị đóng đinh, đã được truyền cho Thánh Phaolô, sau khi ngài trở lại, tại Đamát hoặc tại chuyến viếng thăm Giêrusalem sau đó khi ngài gặp tông đồ Giacôbê và Phêrô.

Vì Craig sắp đề cập đến tin điều trên nên tôi mở Kinh thánh trên đùi tôi ra và nhanh chóng đọc lại đoạn văn: "Vì những gì tôi tiếp nhận tôi đã truyền lại cho anh em như những điều quan trọng hàng đầu: đó là Đức Kitô chết vì tội lỗi chúng ta theo lời Kinh Thánh, Người được chôn cất, Người đã sống lại vào ngày thứ ba theo Kinh thánh..." Tin điều sau đó tiếp tục liệt kê một số cuộc hiện ra của Chúa Giêsu phục sinh.

Craig nói, "Tin điều này có từ rất sớm và do đó, là tài liệu rất đáng tin cậy. Trong yếu tính, đó là một công thức bốn dòng. Dòng đầu tiên đề cập đến đóng đinh, dòng thứ hai nói đến chôn cất, dòng thứ ba nói đến Phục sinh, và dòng thứ tư nói đến các cuộc hiện ra của Chúa Giêsu. Như ông thấy, dòng thứ hai khẳng định rằng Chúa Giêsu đã được chôn cất."

Điều đó quá mơ hồ đối với tôi. Tôi nói xen vào, "Khoan đã. Người có thể đã được chôn cất, nhưng việc chôn cất có ở trong một ngôi mộ không? Và có qua tay của Giuse Arimathê, nhân vật bí ẩn không biết từ đâu xuất hiện xin nhận thi thể?"

Craig vẫn kiên nhẫn, giải thích "Tin điều này thực sự là một bản tóm tắt tương ứng từng dòng với những gì các sách Tin Mừng giảng dạy. Khi lật giở các sách Tin Mừng, chúng ta thấy có nhiều lời chứng thực độc lập về câu chuyện chôn cất này, và Giuse Arimathê được chuyên biệt nêu tên trong cả bốn trình thuật. Trên tất cả những điều đó, câu chuyện chôn cất trong Máccô cực kỳ sớm đến nỗi đơn giản, nó không thể suy đồi trở thành dã sử".

Tôi hỏi, "Làm sao ông có thể nói là sớm?"

Ông nói, "Hai lý do. Đầu tiên, Máccô thường được coi là là Tin Mừng sớm nhất. Thứ hai, Tin Mừng của ngài, trong căn bản, bao gồm những giai thoại ngắn về Chúa Giêsu, giống như chuỗi ngọc trai hơn là một trình thuật trôi chảy, liên tục."

"Nhưng khi ông tiến đến tuần cuối cùng của cuộc đời Chúa Giêsu - điều gọi là câu chuyện khổ nạn - lúc đó ông sẽ có một tường thuật liên tục về các sự kiện theo thứ tự. Câu chuyện khổ nạn này rõ ràng đã được

Máccô lấy từ một nguồn thậm chí còn sớm hơn - và nguồn này bao gồm câu chuyện về Chúa Giêsu được chôn cất trong ngôi mộ."

Giuse Arimathêa có phải là nhân vật lịch sử không?

Dù đó là những lập luận tốt, tôi vẫn phát hiện một vấn đề với trình thuật Máccô về những gì đã xảy ra. Tôi nói, "Máccô nói rằng toàn bộ Thượng hội đồng đã bỏ phiếu để lên án Chúa Giêsu. Nếu đúng như vậy, thì điều này có nghĩa là Giuse Arimathêa đã bỏ phiếu để giết Chúa Giêsu. Há điều này không cho thấy rất khó có khả năng ông ta đến để dành cho Chúa Giêsu một việc chôn cất xứng đáng hay sao?"

Rõ ràng, nhận định của tôi đã đưa tôi vào thế đồng điệu. Craig nói, "Luca cũng có thể có cùng một sự khó chịu tương tự, điều này sẽ giải thích tại sao ngài đã thêm một chi tiết quan trọng- Giuse Arimathêa không có mặt khi cuộc bỏ phiếu chính thức được thực hiện. Vì vậy, điều đó sẽ giải thích mọi sự. Nhưng điểm quan trọng về Giuse Arimathêa là ông không phải là loại người đã được phát minh ra bởi truyền thuyết Kitô giáo hoặc các tác giả Kitô giáo."

Tôi cần nhiều hơn một kết luận đơn thuần về vấn đề đó; tôi muốn một số lý luận vững chắc. Tôi hỏi, "Tại sao không?".

Ông trả lời, "Căn cứ vào sự tức giận và cay đắng của Kitô giáo lúc ban đầu đối với các nhà lãnh đạo Do Thái, những người lãnh đạo việc xúi giục đóng đinh Chúa Giêsu, rất khó có khả năng họ sẽ phát minh ra một người làm điều đúng đắn là chôn cất Chúa Giêsu một cách trang trọng - đặc biệt trong khi tất cả các môn đệ của Chúa Giêsu đều bỏ rơi Người! Bên cạnh đó, họ sẽ không tạo ra một thành viên cụ thể của một nhóm cụ thể, người mà người ta có thể tự kiểm tra và hỏi về điều này. Vì thế Giuse chắc chắn là một nhân vật lịch sử."

Trước khi tôi có thể hỏi câu tiếp theo, Craig tiếp tục, "Tôi xin nói thêm rằng nếu việc chôn cất của Giuse này là một truyền thuyết khai triển sau này, bạn sẽ mong đợi tìm thấy các truyền thống chôn cất cạnh tranh khác về điều đã xảy ra với thi thể của Chúa Giêsu. Tuy nhiên, bạn không tìm thấy những thứ này đâu cả. Kết quả là, đa số các học giả Tân Ước ngày nay đồng ý rằng lời tường thuật về việc chôn cất Chúa Giêsu trong căn bản là điều đáng tin cậy. John A. T. Robinson, Học giả quá cố về Tân Ước của Đại học Cambridge, cho biết việc chôn cất Chúa Giêsu cách xứng đáng là một trong những sự thật sớm nhất và được chứng thực tốt nhất mà chúng ta có về Chúa Giêsu lịch sử."

Những lời giải thích của Craig làm tôi hài lòng rằng xác của Chúa Giêsu thực sự được đặt trong ngôi mộ của Giuse. Nhưng tin điều vẫn để lại một sự mơ hồ: có lẽ, ngay cả sau khi Phục sinh, thi thể của Người vẫn ở trong mồ.

Tôi chỉ ra, "Dù tin điều nói rằng Chúa Giêsu chịu đóng đinh, chôn cất, và sau đó sống lại, nhưng nó không nói một cách chuyên biệt là ngôi mộ trống rỗng. Há điều này không chừa chỗ cho khả thể sự Phục sinh chỉ có tính thiêng liêng trong bản chất còn cơ thể của Chúa Giêsu vẫn nằm trong mồ hay sao?"

Craig phản bác, "Tin điều chắc chắn ngụ ý ngôi mộ trống rỗng. Ông thấy đấy, người Do Thái có một ý niệm thể lý về phục sinh. Đối với họ, đối tượng chính của sự sống lại là xương của người chết, chứ thậm chí không phải là thịt, vốn bị coi là dễ bị tiêu hủy. Sau khi xác thịt thối rữa, người Do Thái sẽ thu thập xương của người quá cố của họ và đặt chúng vào các hộp được bảo quản cho đến khi phục sinh vào ngày tận thế, khi Thiên Chúa sẽ khiến những người chết công chính của Israel sống lại và họ sẽ đến với nhau trong vương quốc cuối cùng của Thiên Chúa. Dưới ánh sáng điều này, đơn giản chỉ là một mâu thuẫn về từ ngữ khi một người Do Thái thời xưa nói rằng ai đó đã sống lại từ cõi chết nhưng cơ thể họ vẫn còn nằm lại trong mồ. Vì vậy, khi tin điều Kitô giáo tiên khởi nói rằng Chúa Giêsu đã được chôn cất và sau đó sống lại vào ngày thứ

ba, nó có ngụ ý nhưng khá rõ ràng nói rằng: ngôi mộ trống rỗng đã được để lại ở phía sau."

Ngôi mộ an toàn ra sao?

Sau khi nghe bằng chứng đầy thuyết phục rằng Chúa Giêsu đã được chôn trong mộ, điều quan trọng là phải biết ngôi mộ của Người an toàn như thế nào khỏi các ảnh hưởng bên ngoài. An ninh càng chặt chẽ thì càng ít khả năng xảy ra việc thi thể có thể đã bị làm ra giả mạo. Tôi hỏi, "Ngôi mộ của Chúa Giêsu được bảo vệ ra sao?".

Craig từ từ mô tả loại ngôi mộ trông ra sao, dựa tốt nhất vào các nhà khảo cổ từng xác định nhờ các cuộc khai quật tại các địa điểm thuộc thế kỷ thứ nhất.

Dùng tay để minh họa những gì muốn nói, ông cho hay "Có một đường rãnh nghiêng dẫn xuống một lối vào thấp, và một hòn đá lớn hình chiếc đĩa được lăn xuống đường rãnh này và nằm vào vị trí đối diện cửa. Một hòn đá nhỏ hơn sau đó đã được sử dụng để bảo vệ khỏi đá. Mặc dù dễ dàng lăn khối đá đĩa lớn này vào đường rãnh, nhưng cần vài người mới lăn hòn đá trở lại để mở cửa ngôi mộ. Theo nghĩa này, nó khá chắc chắn."

Tuy nhiên, có phải ngôi mộ của Chúa Giêsu cũng được bảo vệ? Tôi biết rằng một số người hoài nghi đã cố gắng gây nghi ngờ niềm tin phổ biến cho rằng ngôi mộ Chúa Giêsu đã được theo dõi cẩn thận suốt ngày đêm bởi những người lính La Mã có kỷ luật cao, những người phải đối đầu với án tử hình nếu họ thất bại trong bổn phận của họ. Tôi hỏi, "Ông có tin rằng có các lính canh La Mã không?".

Ông trả lời, "Chỉ có Máthêu tường trình rằng các lính canh đã được đặt xung quanh ngôi mộ. Nhưng dù sao, tôi không nghĩ câu chuyện lính canh là một khía cạnh quan trọng của bằng chứng về Sự Phục Sinh. Vì, nó bị tranh cãi nhiều bởi nền học thuật đương thời. Tôi thấy khôn ngoan hơn là dựa lập luận của tôi trên bằng chứng được chấp nhận rộng rãi bởi đa số các học giả, vì vậy, tốt hơn xin gác câu chuyện lính canh sang một bên."

Tôi ngạc nhiên trước cách tiếp cận của ông, nên hỏi, "Há điều đó không làm suy yếu lý lẽ của ông hay sao?"

Craig lắc đầu trả lời, "Thành thật mà nói, câu chuyện lính canh có thể quan trọng trong thế kỷ thứ mười tám, khi các nhà phê bình đã gợi ý rằng các môn đệ đã đánh cắp xác của Chúa Giêsu, nhưng ngày nay không ai tán thành lý thuyết đó."

Ông nói tiếp, "Khi ông đọc Tân Ước, không có nghi ngờ gì là các môn đệ chân thành tin vào sự thật của Sự phục sinh, mà họ sẵn sàng công bố dù phải chết. Ý tưởng cho rằng ngôi mộ trống là kết quả của một trò lừa bịp, âm mưu hoặc trộm cắp ngày nay đơn giản bị loại bỏ. Vì vậy, câu chuyện lính canh đã trở thành phụ thuộc."



Có lính canh nào hiện diện không?

Mặc dù vậy, tôi vẫn quan tâm đến việc liệu có bất cứ bằng chứng nào nâng đỡ lời quả quyết của Mátthêu về những người lính canh. Mặc dù tôi hiểu các lý do của Craig muốn đặt vấn đề sang một bên, tôi vẫn khẳng định liệu có bất cứ bằng chứng tốt nào cho thấy câu chuyện lính canh đúng với lịch sử.

Ông nói, "Đúng, có. Ông hãy nghĩ tới các tuyên bố và phản tuyên bố về sự Phục sinh qua lại giữa người Do Thái và Kitô hữu trong thế kỷ thứ nhất. Công bố đầu tiên của Kitô giáo là, 'Chúa Giêsu đã sống lại.' Các người Do Thái đáp: 'Các môn đệ đã lấy trộm xác ông ta.' Nghe thấy thế, Kitô hữu nói, 'À, nhưng những người lính bảo vệ ngôi mộ sẽ ngăn chặn một hành vi trộm cắp như vậy.' Người Do Thái trả lời, 'Ồ, nhưng lính canh tại ngôi mộ ngủ thiếp đi.' Với điều đó, các Kitô hữu đã trả lời, 'Không, người Do Thái hỏi lộ lính canh để họ nói rằng họ đã ngủ quên.'

"Bây giờ, nếu không có bất cứ lính canh nào, cuộc trao đổi sẽ diễn ra như thế này: Để đáp lại lời tuyên bố Chúa Giêsu đã sống lại, người Do Thái sẽ nói, 'Không, các môn đệ đã đánh cắp xác của ông ấy.' Kitô hữu sẽ trả lời, 'Nhưng các lính canh sẽ ngăn chặn hành vi trộm cắp ấy.' Sau đó Phản ứng của người Do Thái sẽ là, 'Lính canh nào? Bạn điên rồi! Không có lính canh!' Tuy nhiên, lịch sử cho chúng ta biết đó không phải là những gì Người Do Thái nói.

"Điều này cho thấy các lính canh thực sự có tính lịch sử và người Do Thái biết điều đó, đó là lý do tại sao họ phải bịa ra câu chuyện ngớ ngẩn về Lính canh đã ngủ trong khi các môn đệ đánh cướp xác."

Một lần nữa, vấn đề dai dẳng thôi thúc tôi nhảy xổ vào. "Có vẻ như có một vấn đề khác ở đây," tôi nói thế, tạm dừng lại để cố gắng trình bày phản bác của tôi ngắn gọn nhất có thể.

"Trước nhất, tại sao các nhà chức trách Do Thái đặt lính canh tại ngôi mộ chứ? Nếu họ dự ứng một sự phục sinh hoặc các môn đệ giả mạo một cuộc phục sinh, điều này có nghĩa là họ đã có một sự hiểu biết tốt hơn về lời tiên báo của Chúa Giêsu về việc sống lại của Người hơn các môn đệ! Dù sao, các môn đệ đã rất ngạc nhiên bởi toàn bộ sự việc."

Craig thừa nhận, "Ông đã đụng tới một điều gì đó ở đây. Tuy nhiên, có lẽ họ đặt những người lính canh ở đó để ngăn chặn bất cứ loại trộm cắp lăng mộ nào hoặc các xáo trộn khác xảy ra trong Lễ Vượt Qua. Chúng ta không biết. Đó là một lập luận tốt; tôi chấp nhận toàn bộ sức mạnh của nó. Nhưng tôi không nghĩ nó không thể vượt qua được."

Đúng, nhưng nó đặt ra một số câu hỏi liên quan đến câu chuyện lính canh.

Một phản bác khác xuất hiện trong tâm trí. Tôi nói, "Mátthêu nói lính canh La Mã đã báo cáo với các thẩm quyền Do Thái. Nhưng há điều này không thể xảy ra hay sao, vì họ phải chịu trách nhiệm trước Philatô mà?"

Một nụ cười nhẹ xuất hiện trên khuôn mặt Craig. Ông nói, "Nếu ông xem kỹ, Mátthêu không nói lính canh là người La Mã. Khi người Do Thái đến gặp Philatô và xin lính canh, Philatô nói: 'Ông có lính canh.' Bây giờ, ý ông ta là, 'Được rồi, đây là một đội Lính La Mã'? Hay ý ông ta là, 'Ông đã có lính gác đền thờ của riêng ông; hãy sử dụng chúng đi'?"

Các học giả vốn tranh luận liệu đó có phải là một Vệ binh Do Thái hay không. Vì lý do ông đã đề cập, thoát đầu tôi có khuynh hướng nghĩ rằng lính canh là người Do Thái. Tuy nhiên tôi đã suy nghĩ lại, bởi vì chữ mà Mátthêu dùng để chỉ lính canh thường được sử dụng đối với những người lính La Mã hơn là chỉ các viên chức đền thờ.

"Và ông nên nhớ, Gioan nói với chúng ta rằng một viên bách quản La Mã đã lãnh đạo Lính La Mã bắt Chúa Giêsu dưới sự chỉ đạo của giới lãnh đạo Do Thái. Vì vậy, có tiền lệ để lính canh La Mã báo cáo với các nhà lãnh đạo tôn giáo Do Thái. Xem ra cũng hợp lý khi lính La Mã tham gia vào việc canh giữ ngôi mộ."

Cân nhắc các bằng chứng, tôi cảm thấy xác tín rằng các lính canh đã hiện diện, nhưng tôi quyết định bỏ loại câu hỏi này, vì dù sao, Craig cũng đâu có dựa vào câu chuyện lính canh. Trong khi đó, tôi lo lắng đối đầu với Craig bằng những gì dường như là lập luận thuyết phục nhất chống lại ý tưởng vốn cho rằng ngôi mộ của Chúa Giêsu bị bỏ trống vào buổi sáng Phục Sinh.

Phải nói gì về các mâu thuẫn?

Trong nhiều năm qua, những người chỉ trích Kitô giáo thường tấn công câu chuyện ngôi mộ trống bằng cách chỉ ra những dị biệt rõ ràng giữa các trình thuật Tin Mừng. Thí dụ, nhà hoài nghi Charles Templeton nói gần đây rằng, "Bốn mô tả về các sự kiện... khác nhau rõ rệt ở rất nhiều điểm đến nổi, với tất cả thiện chí trên thế giới, ta cũng không thể hòa giải chúng được." (3)

Xét bề ngoài, sự phản bác này dường như đánh trúng vào tâm điểm của độ tin cậy trong các trình thuật về ngôi mộ trống. Hãy xem bản tóm tắt sau đây của Tiên sĩ Michael Martin ở Boston University, mà tôi đã đọc cho Craig nghe vào buổi sáng hôm đó:

"Trong Mátthêu, khi Maria Mađalêna và Maria khác đến ngôi mộ vào khoảng bình minh, có một tảng đá ở phía trước của nó, có một trận động đất dữ dội, và một thiên thần hiện xuống và đẩy lùi phiến đá. Trong Máccô, những người phụ nữ đến ngôi mộ lúc mặt trời mọc và đá đã được lăn trở lại. Trong Luca, khi những người phụ nữ đến vào lúc rạng đông họ thấy hòn đá đã được lăn trở lại. Trong Mátthêu, một thiên thần đang ngồi trên tảng đá bên ngoài ngôi mộ và trong Máccô, một thanh niên ở trong mộ. Trong Luca, hai người đàn ông đang ở bên trong. Trong Mátthêu, những người phụ nữ có mặt tại ngôi mộ là Maria Mađalêna và Maria khác. Trong Máccô, những người phụ nữ có mặt tại ngôi mộ là hai Maria và Salômê. Trong Luca, Maria Mađalêna và Maria mẹ của Giacôbê, Gioanna và những người phụ nữ khác có mặt tại ngôi mộ.

Trong Mátthêu, hai Maria chạy ra khỏi mộ trong sự sợ hãi tốt độ và mừng rỡ, chạy đi báo tin cho các môn đệ, và gặp Chúa Giêsu trên đường đi. Trong Máccô, họ sợ hãi chạy ra khỏi ngôi mộ và không nói gì với bất cứ ai. Trong Luca, những người phụ nữ thuật lại câu chuyện cho các môn đệ, những người không tin họ và không có gợi ý nào là họ gặp Chúa Giêsu" (4).

Tôi nói với Craig, "Và Martin chỉ ra rằng Gioan xung đột với phần lớn ba sách Tin Mừng kia. Ông kết luận, 'Tóm lại, các trình thuật về những gì đã xảy ra tại ngôi mộ là không nhất quán hoặc chỉ được làm cho nhất quán với sự trợ giúp của các diễn giải không hợp lý.'" (5)

Tôi ngừng đọc và nhìn lên từ các ghi chú của mình. Tôi dán mắt vào mắt Craig, tôi hỏi thẳng thừng ông ấy, "Dưới ánh sáng của tất cả những điều này, làm thế nào trên cõi đời này ông có thể coi câu chuyện về ngôi mộ trống là đáng tin cậy cho được?"

Ngay lập tức tôi nhận thấy một điều gì đó về tác phong của Craig. Trong cuộc trò chuyện thông thường hoặc khi thảo luận về những phản bác nhạt nhẽo về ngôi mộ trống, ông rất êm dịu. Nhưng câu hỏi càng khó và thử thách càng gay go, ông càng hoạt bát và tập trung hơn. Và tại thời điểm này, ngôn ngữ thân xác của ông nói với tôi rằng ông không sẵn sàng để nhào xuống vùng nước có vẻ nguy hiểm này.

Hằng giọng, Craig bắt đầu nói, "Với tất cả sự tôn trọng, Michael Martin là một triết gia, không phải sử gia, và tôi không nghĩ rằng ông ta hiểu nghề của nhà sử học. Đối với một nhà triết học, nếu một điều gì đó không nhất quán, luật mâu thuẫn nói, 'Điều này không thể đúng được, ném nó đi!' Tuy nhiên, nhà sử học xem xét những trình thuật này và nói, 'Tôi thấy một số bất nhất, nhưng tôi nhận thấy một điều gì đó về chúng: chúng thấy đều ở trong các chi tiết phụ.'

"Cốt lõi của câu chuyện vẫn y nguyên: Giuse Arimathêa lấy xác của Chúa Giêsu, đặt nó trong một ngôi mộ, ngôi mộ được viếng thăm bởi một nhóm nhỏ phụ nữ theo Chúa Giêsu vào sáng sớm Chúa nhật sau khi Người bị đóng đinh, và họ thấy ngôi mộ trống rỗng. Họ thị kiến thấy các thiên thần nói rằng Chúa Giêsu đã sống lại.

"Không như nhà triết học, nhà sử học cẩn trọng không vứt bỏ em bé với nước tắm. Ông nói, 'Điều này gợi ý rằng có một cốt lõi lịch sử cho câu chuyện này, một cốt lõi đáng tin cậy và có thể phụ thuộc vào, bất kể các chi tiết phụ có thể xung đột đến đâu'.

"Vì vậy, chúng tôi có thể rất tin tưởng vào cốt lõi chung đối với các trình thuật và điều đó sẽ được đa số các học giả Tân Ước ngày nay, ngay cả khi có một số dị biệt liên quan đến tên của những người phụ nữ, thời gian chính xác của buổi sáng, số lượng các thiên thần, v.v. Những loại dị biệt thứ cấp sẽ không làm phiền một nhà sử học."

Ngay cả nhà sử học thường hoài nghi Michael Grant, một thành viên của Trinity College, Cambridge, và giáo sư tại Edinburgh University, cũng thừa nhận trong cuốn sách *Jesus: An Historian's Review of the Gospels*, "Thật vậy, việc phát hiện ra ngôi mộ trống đã được mô tả khác nhau bởi các sách Tin Mừng khác nhau, nhưng nếu chúng ta áp dụng cùng một loại tiêu chuẩn mà chúng ta áp dụng cho bất cứ nguồn văn học cổ xưa nào khác, thì bằng chứng là chắc chắn và đủ hợp lý để đưa ra kết luận rằng ngôi mộ thực sự đã được tìm thấy trống rỗng." (6)

Các dị biệt có thể hoà giải được không?

Đôi khi trong lúc đưa tin về các phiên tòa hình sự, tôi đã gặp hai nhân chứng đưa ra lời khai y hệt nhau, cho đến các chi tiết căn bản, chỉ để thấy chúng bị luật sư bào chữa xé toạc vì thông đồng với nhau trước phiên tòa. Vì thế, tôi nhận xét với Craig, "Giả sử cả bốn sách Tin Mừng giống hệt nhau trong mọi chi tiết vụn vặt của chúng, điều này sẽ khiến ta nghi ngờ có chuyện đạo văn."

Ông nói, "Đúng, đó là một điểm rất tốt. Sự dị biệt giữa các trình thuật về ngôi mộ trống gợi ý rằng chúng ta có nhiều chứng thực độc lập về các trình thuật này. Thỉnh thoảng người ta nói, 'Mátthêu và Luca chỉ ăn cắp ý tưởng từ Máccô', nhưng khi ông xem xét kỹ các trình thuật, ông sẽ thấy sự khác biệt, một điều gợi ý rằng

ngay cả khi Mátthêu và Luca biết rõ trình thuật của Máccô, tuy nhiên họ cũng có những nguồn riêng biệt, độc lập cho câu chuyện ngôi mộ trống của họ. Vì vậy, với nhiều trình thuật và là các trình thuật độc lập này, không có nhà sử học nào bỏ qua bằng chứng này chỉ vì các chênh lệch thứ cấp. Tôi xin trình bày với ông một thí dụ thể tục. Chúng ta có hai câu chuyện về Hannibal băng qua dãy Alps để tấn công Rome, và chúng không tương hợp và không thể hòa giải với nhau. Thế nhưng, chưa nhà sử học cổ điển nào nghi ngờ sự kiện Hannibal đã mở một chiến dịch như vậy. Đó là một minh họa phi Kinh thánh về sự khác biệt trong các chi tiết phụ không làm suy yếu cốt lõi lịch sử của một câu chuyện lịch sử."



Tôi thừa nhận sức mạnh của lập luận đó. Và khi tôi ngẫm nghĩ về lời phê bình của Martin, đối với tôi dường như một số điều bị ông ta coi là mâu thuẫn có thể được hòa giải khá dễ dàng. Tôi đã đề cập điều này với Craig bằng cách nói, "Há không có cách nào để hòa giải một số khác biệt giữa các trình thuật này hay sao?"

Craig trả lời, "Có, đúng vậy, có. Thí dụ, thời điểm viếng mộ. Một nhà văn có thể mô tả nó như là vẫn còn tối, người kia có thể nói rằng trời đang sáng, nhưng điều đó giống như cuộc tranh luận giữa người lạc quan và người bi quan về việc chiếc ly cạn một nửa hay đầy một nửa. Đó là chuyện xung quanh bình minh, và họ đang mô tả cùng một điều với các từ ngữ khác nhau.

"Còn về số lượng và tên của những người phụ nữ, không có sách Tin Mừng nào có tham vọng đưa ra một danh sách đầy đủ. Tất cả đều bao gồm Maria Madalêna và các phụ nữ khác, vì vậy có lẽ đã có một nhóm các môn đệ tiên khởi bao gồm những người được nêu tên và có lẽ một vài người khác. Tôi nghĩ sẽ thông thái rơm khi nói rằng đó là một mâu thuẫn."

Tôi hỏi, "Thế còn các trình thuật khác về những gì xảy ra sau đó thì sao?"

Craig giải thích, "Máccô nói những người phụ nữ đã không nói cho bất cứ ai, nhưng các Tin Mừng khác nói rằng họ có nói. Khi ông nhìn vào thần học của Máccô, ngài thích nhấn mạnh sự kính sợ và hoảng sợ, và kinh hoàng cùng tôn thờ trước nhan Thiên Chúa. Vì vậy, phản ứng này của những người phụ nữ chạy trốn với sự sợ hãi và run rẩy, và không nói gì với bất cứ ai vì sợ hãi là một phần trong phong cách văn chương và thần học của Máccô.

Cũng có thể đây là sự im lặng tạm thời, và sau đó những người phụ nữ này quay lại và nói với những người khác những gì đã xảy ra". Ông kết luận với một nụ cười lớn, "Thực thế, đó phải là một sự im lặng tạm thời; nếu không, Máccô đã không thể kể câu chuyện về nó!"

Tôi muốn hỏi về một sự khác biệt khác thường được trích dẫn. "Chúa Giêsu nói trong Mátthêu 12:40, 'Vì như Giônã đã ba ngày và ba đêm ở trong bụng cá lớn, nên Con Người sẽ ở ba ngày ba đêm trong lòng đất.' Tuy nhiên, các Tin Mừng tường trình rằng Chúa Giêsu đã thực sự ở trong ngôi mộ một ngày trọn, hai đêm trọn và một phần của hai ngày. Há đây không phải là một thí dụ cho thấy Chúa Giêsu đã sai khi không ứng nghiệm lời tiên tri của chính Người hay sao?"

Craig cho hay, "Một số Kitô hữu có ý tốt đã sử dụng câu này để gợi ý Chúa Giêsu bị đóng đinh vào Thứ Tư thay vì Thứ Sáu, để có đủ thời gian ở trong đó! Nhưng hầu hết các học giả nhận ra rằng theo cách tính thời gian thời xưa của người Do Thái, bất cứ phần nào của một ngày cũng được tính như một ngày đầy đủ. Chúa Giêsu đã ở trong ngôi mộ buổi chiều thứ sáu, cả ngày thứ bảy và sáng chủ nhật- theo cách người Do Thái khái niệm thời gian hồi đó, điều này sẽ được tính như ba ngày".

Ông kết luận, "Một lần nữa, đó chỉ là một thí dụ khác cho thấy biết bao nhiêu các khác biệt này có thể được giải thích hoặc giảm thiểu bằng một số kiến thức nguồn hoặc bằng cách chỉ suy nghĩ về chúng bằng một đầu óc cởi mở."

Các nhân chứng có đáng tin cậy không?

Các sách Tin Mừng đồng ý rằng ngôi mộ trống được phát hiện bởi những người phụ nữ vốn là bạn bè và môn đệ của Chúa Giêsu. Nhưng, theo lượng định của Martin, điều này làm cho lời khai của họ bị nghi ngờ, vì họ "có lẽ không phải là những người quan sát khách quan." Nên tôi đặt câu hỏi với Craig: "Liệu mối liên hệ của các phụ nữ với Chúa Giêsu có làm cho độ tin cậy trong lời chứng của họ bị nghi vấn không?"

Một cách vô tình, tôi rơi vào đúng kế hoạch của Craig. Craig trả lời, "Thực ra, lập luận này phản tác dụng đối với những người sử dụng nó. Chắc chắn những người phụ nữ này là bạn của Chúa Giêsu. Nhưng khi ông hiểu vai trò của phụ nữ trong Xã hội Do Thái thế kỷ thứ nhất, điều thực sự phi thường là câu chuyện ngôi mộ trống rỗng này nên có phụ nữ là những người trước nhất phát hiện ra cái trống rỗng của ngôi mộ.

"Phụ nữ ở một bậc rất thấp trong nấc thang xã hội ở Palestine vào thế kỷ thứ nhất. Có những câu ngạn ngữ cổ của các giáo sĩ Do Thái nói rằng, 'Hãy để những lời của Luật bị đốt cháy hơn là giao cho phụ nữ' và 'Phúc cho người có con trai, nhưng khốn cho người có con cái là nữ giới.' Chứng từ của phụ nữ vốn bị coi là vô giá trị đến nỗi họ thậm chí không được phép phục vụ như các nhân chứng hợp pháp trong một tòa án của pháp luật Do Thái.

"Dưới ánh sáng này, điều hoàn toàn đáng lưu ý là các nhân chứng chính cho ngôi mộ trống là những người phụ nữ vốn là bạn hữu của Chúa Giêsu này. Bất cứ trình thuật huyền thoại nào sau này chắc chắn sẽ mô tả các môn đệ nam đã khám phá ngôi mộ-Phêrô hoặc Gioan chẳng hạn. Sự kiện các phụ nữ là nhân chứng đầu tiên của ngôi mộ trống sẽ được giải thích cách hợp lý nhất bởi thực tế là-dù muốn hay không-họ là những

người khám phá ra ngôi mộ trống! Điều này chứng tỏ các người viết Tin Mừng đã ghi lại một cách trung thực những gì đã xảy ra, ngay cả khi đó là một điều đáng xấu hổ. Điều này nói lên tính lịch sử của truyền thống này hơn là tình trạng huyền thoại của nó."

Tại sao các phụ nữ đi viếng mộ?

Tuy nhiên, lời giải thích của Craig lại để lại một câu hỏi dai dẳng khác: tại sao các phụ nữ đi xúc dầu cho xác Chúa Giêsu nếu họ đã biết rằng ngôi mộ của Người đã được niêm phong an toàn? Tôi hỏi "Hành động của họ thực sự có ý nghĩa không?".

Craig suy nghĩ một lúc trước khi trả lời - lần này không phải với giọng nói của người tranh luận nhưng với giọng dịu dàng hơn. "Lee ạ, tôi mạnh mẽ cảm thấy rằng các học giả, những người chưa biết đến tình yêu và sự tận tâm mà những người phụ nữ này cảm nhận đối với Chúa Giêsu, không có quyền phát ra các phán đoán lạnh lùng về tính khả thi của những gì các phụ nữ này muốn làm.

"Đối với những người đang đau buồn, những người đã mất một ai đó họ yêu thương và theo chân hết mình, muốn đi đến ngôi mộ trong một niềm hy vọng xa xôi được xúc dầu cho thân xác-tôi hoàn toàn không nghĩ sau này lại có người phê bình đối xử với họ như người máy và nói, 'Đáng lẽ họ không nên đi.'"

Ông nhún vai. "Có lẽ họ nghĩ sẽ có người đàn ông nào đó ở xung quanh có thể đi chuyển hòn đá. Nếu có lính canh, có lẽ họ nghĩ những lính canh này sẽ làm việc đó. Tôi không biết.

Chắc chắn khái niệm thăm một ngôi mộ để xúc dầu lên một thân xác là một thông lệ lịch sử của người Do Thái; câu hỏi duy nhất là tính khả thi của việc ai sẽ đi chuyển hòn đá cho họ. Và tôi nghĩ chúng ta không ở vị trí đúng để phê phán họ có nên ở nhà hay không."

Tại sao các Kitô hữu không trưng dẫn ngôi mộ trống?

Để chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn với Craig, tôi đã vào các trang mạng của một số tổ chức vô thần để xem các loại lập luận mà họ đưa ra để chống lại Sự Phục Sinh. Vì một lý do nào đó, ít người vô thần bàn tới chủ đề này. Tuy nhiên, một nhà phê bình đưa ra một phản bác mà tôi muốn trình bày với Craig.

Về cơ bản, nhà phê bình này nói, lập luận chính chống lại ngôi mộ trống là: không ai trong số các môn đệ hoặc các nhà truyền giảng Kitô giáo sau này bận tâm để chỉ ra nó. Ông viết, "Chúng tôi mong các nhà thuyết giáo Kitô hữu đầu tiên nói: 'Bạn không tin chúng tôi phải không? Vậy hãy đi nhìn vào ngôi mộ đi! Nó ở góc đường Số Năm và Đường Chính, ngôi mộ thứ ba, bên tay phải.'"

Thế nhưng, ông nói, Phêrô không đề cập đến ngôi mộ trống trong lời rao giảng ở Công vụ 2. Nhà phê bình này kết luận, "Nếu ngay cả các môn đệ cũng không nghĩ truyền thống ngôi mộ trống là điều tốt, tại sao chúng ta lại nên cho nó là tốt?"

Craig mở to mắt khi tôi đặt câu hỏi. Ông trả lời, với chút ngạc nhiên trong giọng nói, "Tôi chỉ không nghĩ đó là sự thật". Ông vừa nói vừa cầm cuốn Kinh thánh lên và lật sang chương thứ hai của sách Công vụ, trong đó ghi lại bài giảng của Thánh Phêrô ngày Lễ Ngũ Tuần.

Craig nhấn mạnh, "Ngôi mộ trống được tìm thấy trong bài phát biểu của Thánh Phêrô. Ngài tuyên bố trong câu 24 rằng 'Thiên Chúa đã khiến Người từ kẻ chết sống lại, giải thoát Người khỏi sự đau khổ của cái chết.' Rồi ngài trích dẫn một thánh vịnh nói về việc Chúa sẽ không cho phép Đấng Thánh của Người phải trải qua sự suy tàn. Điều này đã được viết bởi Đavít, và Thánh Phêrô nói, 'Tôi có thể tự tin nói với anh em rằng tổ phụ Đavít qua đời và được chôn cất, ngôi mộ của ông vẫn còn ở đây cho đến ngày nay.' Nhưng, ngài nói,

Đấng Kitô 'không bị bỏ rơi trong mồ mả, cơ thể Người cũng không chịu mục nát. Thiên Chúa đã khiến Chúa Giêsu này sống lại, và tất cả chúng tôi đều là nhân chứng của sự kiện này.'"

Craig nhìn vào cuốn Kinh thánh. "Bài phát biểu này tương phản với ngôi mộ của Đavít, vẫn còn cho đến ngày hôm đó, với lời tiên tri trong đó Đavít nói Đấng Kitô sẽ sống lại, xác thịt Người sẽ không bị thối rữa. Điều đó rõ ràng muốn ý rằng ngôi mộ bị bỏ trống."

Rồi ông lật sang chương sau trong sách Công vụ. "Trong Cv 13:29-31, Thánh Phaolô nói, 'Sau khi thực hiện tất cả mọi điều Kinh Thánh chép về Người, họ đã hạ Người từ trên cây gỗ xuống và mai táng trong mồ. Nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người trỗi dậy từ cõi chết. Trong nhiều ngày, Chúa Giêsu đã hiện ra với những kẻ từng theo Người từ Galilê lên Giêrusalem.' Chắc chắn ngôi mộ trống được ngụ ý ở đây."

Ông gập cuốn Kinh thánh lại, rồi nói thêm, "Tôi nghĩ khá vụng về và không hợp lý khi tranh luận rằng những nhà thuyết giáo đầu tiên đã không đề cập đến ngôi mộ trống, chỉ vì họ đã không sử dụng hai hạn từ chuyên biệt là 'ngôi mộ trống'. Không hoài nghi gì là họ biết-và nhờ lời rao giảng của họ, khán giả của họ hiểu -rằng ngôi mộ của Chúa Giêsu đã được bỏ trống."

Đâu là bằng chứng tích cực?

Tôi đã dành phần đầu tiên của cuộc phỏng vấn để chêm nêm với Craig những phản bác và lý lẽ thách thức ngôi mộ trống. Nhưng tôi chợt nhận ra rằng tôi đã không cho ông cơ hội để nói rõ lý lẽ tích cực của ông. Dù ông đã ám chỉ một số lý do tại sao ông tin rằng ngôi mộ của Chúa Giêsu không có người ở, tôi nói, "Tại sao ông không nói cho tôi hay lý lẽ tốt nhất của ông? Xin ông thuyết phục tôi với bốn hoặc năm lý do hàng đầu của ông về việc ngôi mộ trống là một sự kiện lịch sử."

Craig chấp nhận thử thách. Từng điều một, ông trình bày rõ các lập luận chặt chẽ và mạnh mẽ của mình.

Ông nói, "Đầu tiên, ngôi mộ trống chắc chắn được ngụ ý trong truyền thống ban đầu được Thánh Phaolô truyền lại trong 1 Côrintô 15, đó là nguồn thông tin lịch sử rất xưa và đáng tin cậy về Chúa Giêsu. Thứ hai, vị trí ngôi mộ của Chúa Giêsu đã được các Kitô hữu và người Do Thái biết như nhau. Vì vậy, nếu nó không trống, thì một phong trào được thành lập dựa trên niềm tin vào sự Phục sinh sẽ không thể ra đời trong cùng một thành phố nơi người đàn ông này đã bị hành quyết và chôn cất công khai. Thứ ba, từ ngôn từ, ngữ pháp và phong cách, chúng ta có thể nói Máccô thực sự lấy được câu chuyện về ngôi mộ trống của mình, toàn bộ câu chuyện về cuộc khổ nạn của mình, từ một nguồn trước đó. Thực tế, có bằng chứng cho thấy nó được viết trước năm 37 sau Công nguyên, một niên biểu quá sớm để huyền thoại có thể làm sai lạc nó cách nghiêm trọng."

"A.N. Sherwin-White, nhà sử học cổ điển Hy Lạp-La Mã đáng kính xuất thân từ Đại học Oxford, cho biết không có tiền lệ ở bất cứ nơi nào trong lịch sử trong đó huyền thoại đã phát triển nhanh chóng và bóp méo đáng kể các sách Tin Mừng."

"Thứ tư, có một tính đơn giản trong câu chuyện ngôi mộ trống của Máccô. Các trình thuật hư cấu nguy thư từ thế kỷ thứ hai chứa tất cả các loại tường thuật hoa mỹ, trong đó Chúa Giêsu đi ra khỏi ngôi mộ trong vinh quang và quyền lực, với tất cả mọi người nhìn thấy Người, bao gồm cả các tư tế, chính quyền Do Thái và lính canh La Mã. Đó là những cách truyền thuyết viết, nhưng những điều này chỉ đến với nhiều thế hệ sau các biến cố, khi các nhân chứng tận mắt đã chết đi. Ngược lại, trình thuật của Máccô về câu chuyện ngôi mộ trống rất đơn giản và không tô điểm bằng suy tư thần học."

"Thứ năm, chúng từ chối trí tưởng tượng rằng ngôi mộ trống đã được các phụ nữ khám phá đã luận chứng cho tính xác thực của câu chuyện, bởi vì điều này là điều đáng xấu hổ để các môn đệ thừa nhận và hầu như chắc chắn

sẽ được che đậy nếu đây là một huyền thoại.

“Thứ sáu, cuộc bút chiến sớm nhất của người Do Thái giả định trước tính lịch sử của ngôi mộ trống. Nói cách khác, không có ai cho rằng ngôi mộ vẫn còn xác của Chúa Giêsu. Câu hỏi luôn là, 'Điều gì đã xảy ra cho thân xác?'

"Người Do Thái đề xuất câu chuyện lô bịch là các lính canh đã ngủ thiếp đi. Rõ ràng, họ đang loay hoay tìm cách giải thích mà không xong. Nhưng vấn đề là thế này: họ bắt đầu với giả định rằng ngôi mộ bị bỏ trống! Tại sao? Bởi vì họ biết nó trống!"

Còn các lý thuyết thay thế thì sao?

Tôi chăm chú lắng nghe Craig trình bày rõ ràng từng điểm, và với tôi sáu luận điểm trên cộng lại thành một lý lẽ đầy ấn tượng. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn xem có kẽ hở nào trước khi kết luận nó không có chỗ hở.

Tôi nói, "Năm 1907, Kirsopp Lake gợi ý cho rằng các phụ nữ đơn thuần đã đi vào một ngôi mộ không đúng. Ông ta nói họ bị lạc và một người trông nom ngôi mộ trống nói với họ, 'các chị tìm kiếm cho Ông Giêsu Nadarét. Ông ấy không ở đây,' thế là họ sợ hãi bỏ chạy. Đó không phải là một lời giải thích hợp lý sao?" (7)

Craig thở dài nói, "Lake đã không tạo ra bất cứ điều gì tiếp theo điều này. Lý do là địa điểm ngôi mộ của Chúa Giêsu đã được nhà cầm quyền Do Thái biết đến. Cho dù các phụ nữ có mắc phải sai lầm này đi nữa, chính quyền cũng sẽ rất vui khi chỉ ra ngôi mộ và sửa sai các môn đệ khi họ bắt đầu tuyên bố rằng Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết. Tôi không biết ngày nay có ai theo lý thuyết của Lake hay không."

Thành thật mà nói, các giải pháp khác nghe cũng có vẻ không khả hữu lắm.

Rõ ràng, các môn đệ không có động cơ đánh cắp xác Chúa Giêsu để sau đó chết vì một lời nói dối, và chắc chắn là các nhà chức trách Do Thái sẽ không di chuyển xác của Người. Tôi nói, "Chúng ta còn lại giả thuyết cho rằng ngôi mộ trống là một truyền thuyết sau này và đến lúc nó được khai triển, người ta không thể bác bỏ nó, bởi vì vị trí của ngôi mộ đã bị lãng quên."

Craig trả lời, "Điều đó trở thành vấn đề từ năm 1835, khi David Strauss cho rằng các câu chuyện này là huyền thoại. Và đó là lý do tại sao trong cuộc trò chuyện hôm nay chúng ta lại tập trung nhiều vào giả thuyết huyền thoại này bằng cách chỉ ra rằng câu chuyện ngôi mộ trống đã có từ trong vòng một vài năm sau chính các biến cố. Điều này làm cho thuyết truyền thuyết vô giá trị. Cho dù có một số yếu tố huyền thoại trong các chi tiết phụ của câu chuyện, các yếu tố lịch sử cốt lõi của câu chuyện vẫn được thiết lập an toàn."

Đúng, đã có các câu trả lời cho những giải thích thay thế này. Phân tích ra, mọi lý thuyết dường như sụp đổ dưới sức nặng của bằng chứng và luận lý. Nhưng lựa chọn duy nhất còn lại là tin rằng Chúa Giêsu bị đóng đinh đã sống lại-một kết luận một số người thấy khó nuốt một cách ngoại thường.

Tôi nghĩ một lúc về cách tôi có thể diễn đạt điều này trong một câu hỏi cho Craig. Cuối cùng tôi nói, "Mặc dù các lý thuyết thay thế chắc chắn có lỗ hổng trong chúng, nhưng há chúng không hợp lý hơn ý tưởng hoàn toàn không thể tin được rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa nhập thể, người đã sống lại từ cõi chết hay sao?"

Rướn người về phía trước, ông nói, "Tôi nghĩ đây là vấn đề. Tôi nghĩ những người thúc đẩy các lý thuyết thay thế này sẽ thừa nhận, 'Vâng, các lý thuyết của chúng tôi không hợp lý, nhưng chúng không phải không thể xảy ra giống như ý tưởng cho rằng phép lạ ngoạn mục này đã xảy ra.' Tuy nhiên, tại điểm này, vấn đề không còn là một vấn đề lịch sử nữa; thay vào đó là một câu hỏi triết học về việc liệu phép lạ có thể xảy ra hay không."

Tôi hỏi, "Và ông sẽ nói gì về điều đó?"

"Tôi sẽ lập luận rằng giả thuyết cho rằng Thiên Chúa đã khiến Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết không phải là không thể xảy ra. Trên thực tế, dựa trên bằng chứng, đó là lời giải thích tốt nhất cho những gì đã xảy ra. Điều không thể là giả thuyết cho rằng Chúa Giêsu đã sống lại một cách tự nhiên từ cõi chết. Tôi đồng ý điều này là điều kỳ dị. Bất cứ giả thuyết nào cũng có xác suất nhiều hơn là xác chết của Chúa Giêsu tự nhiên trở lại với sự sống. Nhưng giả thuyết cho rằng Thiên Chúa khiến Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết không mâu thuẫn với khoa học hoặc bất cứ sự kiện kinh nghiệm nào từng được biết. Nó chỉ đòi hỏi giả thuyết này là Thiên Chúa hiện hữu, và tôi nghĩ có những lý do độc lập rất tốt để tin rằng Người hiện hữu."

Với điều đó Craig nói thêm lý lẽ danh thép này: "Bao lâu sự hiện hữu của Thiên Chúa là điều khả hữu, thì Người có thể hành động trong lịch sử bằng cách khiến Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết."

Kết luận: Ngôi mộ quả trống

Craig rất thuyết phục: ngôi mộ trống, chắc chắn là một phép lạ vô song - có nghĩa dưới ánh sáng bằng chứng. Và đó chỉ là một phần của lý lẽ Phục sinh. Từ nhà của Craig ở Atlanta, tôi đã sẵn sàng tới Virginia để phỏng vấn một chuyên gia nổi tiếng về bằng chứng cho những lần hiện ra của Chúa Giêsu phục sinh, và sau đó đến California để nói chuyện với một học giả khác về bằng chứng gián tiếp đáng kể.

Khi tôi cảm ơn Craig và vợ ông, Jan, vì sự hiếu khách của họ, tôi suy nghĩ rất lung, trong chiếc quần jean màu xanh dương và vớ trắng, Craig trông không giống một đối thủ đáng gờm sẵn sàng hạ ván các nhà phê bình Phục sinh tốt nhất trên thế giới. Nhưng chính tôi đã nghe băng ghi âm các cuộc tranh luận.

Trước các sự kiện, họ đã bắt lức trong việc đặt thi thể Chúa Giêsu trở lại ngôi mộ. Họ lúng túng, họ đấu tranh, họ loay hoay, họ tự mâu thuẫn, họ theo đuổi các lý thuyết tuyệt vọng và ngoại thường để cố gắng giải thích chứng cứ. Tuy nhiên, cuối cùng, mỗi lần, ngôi mộ vẫn bỏ trống.

Tôi đã được nhắc nhở về việc đánh giá của một trong những nhà trí thức pháp lý cao chót vót mọi thời đại, Ngài Norman Anderson được giáo dục ở Cambridge, giảng dạy tại Đại học Princeton, đã được đề nghị một chức giáo sư suốt đời tại Đại học Harvard, và từng là khoa trưởng của Khoa Luật tại Đại học London.

Sau cả một cuộc đời phân tích vấn đề này, kết luận của ông, từ một góc độ pháp lý, đã được tóm tắt trong một câu: "Ngôi mộ trống, do đó, tạo thành một tảng đá thực sự mà tất cả các lý thuyết duy lý về sự sống đã lao vào một cách vô vọng" (8).

Tài liệu đọc thêm về chủ đề này

Craig, William Lane. "Did Jesus Rise from the Dead? [Chúa Giêsu có sống lại từ cõi chết không?]" Trong *Jesus under Fire* [Chúa Giêsu bị công kích], do Michael J. Wilkins và J. P. Moreland biên tập, 147-82. Grand Rapids: Zondervan, 1995.

Craig, William Lane "The Empty Tomb of Jesus [Ngôi mộ trống của Chúa Giêsu]." Trong *In Defense of Miracles* [Bênh vực các phép lạ], do R. Douglas Geivett và Gary R. Habermas, 247-61 hiệu đính. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1997.

Craig, William Lane. *Knowing the Truth about the Resurrection* [Biết Sự Thật về Phục Sinh]. Ann Arbor, Mich.: Servant, 1988.

Craig, William Lane. *Reasonable Faith* [Niềm tin hợp lý]. Westchester, Ill.: Crossway, 1994.

Craig, William Lane và Frank Zindler. *Atheism vs. Christianity: Where Does the Evidence Point?* [Chủ nghĩa vô thần so với Kitô giáo: Bằng chứng chỉ tới đâu?] Grand Rapids: Zondervan, 1993. băng video.

Harris, Murray J. *Crucial Questions about Jesus* [Các câu hỏi quan trọng về Chúa Giêsu. Grand Rapids: Baker, 1994.

Ghi chú

1. Gerald O'Collins, *The Easter Jesus* [Chúa Giêsu Phục sinh](London: Darton, Longman & Todd, 1973), 134, trích trong Craig, *The Son Rises* [Chúa Con Trỗi dậy], 136.
2. Muốn có cuộn băng ghi âm cuộc tranh luận, xin xem William Lane Craig và Frank Zindler, *Atheism vs. Christianity. Where Does the Evidence Point?* (Grand Rapids: Zondervan, 1993), videocassette.
3. Templeton, *Farewell to God* [Giã từ Thiên Chúa], 120.
4. Martin, *The Case against Christianity* [Lý lẽ chống Kitô giáo], 78-79.
5. *Đã dẫn*, 81.
6. Michael Grant, *Jesus: An Historian Review of the Gospels* [Chúa Giêsu: Sử gia duyệt xét các sách Tin Mừng] (New York: Charles Scribner's Sons, 1977), 176.
7. Kirsopp Lake, *The Historical Evidence for the Resurrection of Jesus Christ* [Bằng chứng Lịch sử việc Phục sinh của Chúa Giêsu Kitô] (London: Williams & Norgate, 1907), 247-79, trích dẫn trong William Lane Craig. *Knowing the Truth about the Resurrection* [Biết Sự thật về Phục sinh] (Ann Arbor, Mich.: Servant, 1981). 35-36.
8. J. N. D. Anderson, *The Evidence for the Resurrection* [Bằng chứng của Phục sinh] (Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1966), 20.

Chương Mười Ba: Bằng chứng những lần hiện ra

Chúa Giêsu có được nhìn thấy vẫn sống sau cái chết của Người trên thập giá không?

Năm 1963, thi thể của Addie Mae Collins mười bốn tuổi, một trong bốn cô gái người Mỹ gốc Phi bị sát hại bị thảm trong một vụ đánh bom nhà thờ khét tiếng của những kẻ phân biệt chủng tộc da trắng, đã được chôn cất ở Birmingham, Alabama. Trong nhiều năm, các thành viên trong gia đình tiếp tục trở lại ngôi mộ để cầu nguyện và dâng hoa. Năm 1998, họ đã đưa ra quyết định quật mộ người quá cố để chôn cất lại tại một nghĩa trang khác.

Tuy nhiên, khi công nhân được gửi đến để đào thi thể, họ trở về với một khám phá gây kinh hoàng: ngôi mộ trống rỗng.

Việc có thể hiểu được là các thành viên trong gia đình đã hết sức đau buồn. Bị cản trở vì duy trì hồ sơ kém cỏi, các viên chức nghĩa trang không làm sao hình dung được những gì đã xảy ra. Một số khả thể đã được nêu ra, mà khả thể chính là bia mộ của cô đã được dựng lên ở địa điểm sai. (1).

Thế nhưng, ở giữa việc xác định những gì đã xảy ra, một giải thích không bao giờ được đề xuất: không ai đề nghị rằng Addie Mae đã được hồi sinh để đi lại trái đất một lần nữa. Tại sao? Bởi vì bản thân ngôi mộ trống không chứng minh được sự phục sinh.

Cuộc trò chuyện của tôi với Tiến sĩ William Lane Craig đã gọi ra bằng chứng mạnh mẽ cho thấy ngôi mộ của Chúa Giêsu đã trống rỗng vào Chúa nhật sau khi Người bị đóng đinh. Trong khi tôi biết rằng điều này là quan trọng và là bằng chứng cần thiết cho sự phục sinh của Người, tôi cũng nhận thức được rằng một cơ thể mất đi tự nó không phải là bằng chứng kết luận được. Cần nhiều sự kiện hơn để xác định việc Chúa Giêsu thực sự đã trở về từ cõi chết.

Đó là những gì đã thúc đẩy chuyến đi bằng máy bay của tôi đến Virginia. Khi chuyến bay của tôi nhẹ nhàng lượn quanh trên những ngọn đồi rừng bên dưới, tôi đã làm một việc đọc vào phút chót cuốn sách của Michael Martin, Giáo sư đại học Boston, người đã tìm cách làm mất uy tín của Kitô giáo. Tôi mỉm cười với

lời nói của ông ấy: "Có lẽ việc bảo vệ Phục sinh tinh vi nhất cho đến nay đã được Gary Habermas đưa ra." (2)

Tôi liếc nhìn đồng hồ. Tôi sẽ hạ cánh với đủ thời gian để thuê một chiếc xe hơi, lái đến Lynchburg và thực hiện cuộc hẹn kéo dài hai tiếng đồng hồ với chính Habermas.



Cuộc phỏng vấn thứ mười hai: Gary Habermas, Ph.D, D.D.

Hai bức ảnh có chữ ký của những người chơi khúc côn cầu, mình mặc áo trận, treo trên các bức tường của văn phòng mộc mạc của Habermas. Một bức chụp Bobby Hull bắt tử của Chicago Blackhawks; bức kia chụp Dave "The Hammer" Schultz, tiền đạo âm ỉ, mạnh và dẻo dai của đội Philadelphia Flyers.

"Hull là cầu thủ khúc côn cầu yêu thích của tôi," Habermas giải thích. "Schultz là máy bay chiến đấu yêu thích của tôi." Ông cười toe toét, sau đó nói thêm, "có một sự khác biệt."

Habermas, dễ râu, nói thẳng, thô kệch-nhưng cũng là một người chiến đấu, một con chó *pit bull* học thuật trông giống một nhân viên an ninh hộp đêm hơn một trí thức tháp ngà. Được trang bị với các lập luận sắc như dao cạo và bằng chứng lịch sử để nâng đỡ chúng, ông không sợ phản ứng một cách mạnh mẽ.

Antony Flew, một trong những nhà triết học vô thần hàng đầu trên thế giới, phát hiện ra điều đó khi ông vương phải Habermas trong một cuộc tranh luận chuyên ngành về chủ đề "Chúa Giêsu có trỗi dậy từ cõi chết không?" Các kết quả nhất định có tính một chiều. Trong số năm nhà triết học độc lập từ các trường cao đẳng và đại học khác nhau, đóng vai trò phân xử nội dung của cuộc tranh luận, bốn người kết luận rằng Habermas đã giành chiến thắng. Một người cho cuộc thi là hòa. Không ai bỏ phiếu cho Flew. Một người phân xử nhận xét, "Tôi đã rất ngạc nhiên (sốc có thể là một chữ chính xác hơn) khi thấy cách tiếp cận của chính Flew yếu như thế nào.... Tôi đã bị bỏ lại với kết luận này: Vì trường hợp chống lại sự phục sinh không mạnh hơn so với trình bày của Antony Flew, tôi nghĩ đã đến lúc mình bắt đầu coi trọng sự phục sinh một cách nghiêm túc." (3)

Một trong năm người chuyên nghiệp khác phân xử cuộc tranh luận của các tham dự viên (một lần nữa Habermas là người chiến thắng) cảm thấy buộc phải viết, "Tôi kết luận rằng lịch sử bằng chứng, mặc dù thiếu sót, đủ mạnh để dẫn dắt các tâm trí hữu lý kết luận rằng Chúa Kitô thực sự đã trỗi dậy từ cõi chết.... Habermas cuối cùng đã cung cấp 'bằng chứng có khả năng cao' cho tính lịch sử của sự phục sinh 'không có bằng chứng duy tự nhiên có giá trị nào chống lại nó. Do đó, theo ý kiến tôi, Habermas đã chiến thắng cuộc tranh luận."

Sau khi kiếm được bằng tiến sĩ từ Đại học bang Michigan, nơi ông viết luận án về Phục sinh, Habermas đã nhận bằng Tiến sĩ về Thần học từ Đại học Emmanuel ở Oxford, Anh. Ông là tác giả của bảy cuốn bàn về Chúa Giêsu trỗi dậy từ cõi chết, bao gồm cả *The Resurrection of Jesus: A Rational Enquiry* [Sự phục sinh của Chúa Giêsu: Một cuộc điều tra hợp lý], *The Resurrection of Jesus: An Apologetic* [sự phục sinh của Chúa Giêsu: Một Hộ giáo]; *The Historical Jesus* [Chúa Giêsu lịch sử]; và *Did Jesus Rise from the Dead?* [Chúa Giêsu có trỗi dậy từ cõi chết không]; *The Resurrection Debate* [Cuộc tranh luận phục sinh], dựa trên cuộc tranh luận với Flew. Trong số những cuốn sách khác của ông có *Dealing with Doubt* (đối phó với sự nghi ngờ) và (với J. P. Moreland): *Beyond Death: Exploring the Evidence for Immortality* [Bên kia Sự chết: Khám phá bằng chứng của sự bất tử].

Ngoài ra, ông đã đồng biên tập cuốn *In Defense of Miracles* [Bảo vệ các Phép lạ] và đóng góp cho cuốn *Jesus under Fire and Living Your Faith: Closing the Gap between Mind and Heart* [Chúa Giêsu bị tấn công và sống đức tin của bạn: Thu hẹp khoảng cách giữa Trí và Tâm]. Một trăm bài báo của ông đã xuất hiện trong các ấn phẩm bình dân (như *the Saturday Evening Post*), các tạp chí học thuật (bao gồm *Faith and Philosophy* và *Religious Studies*), và các sách tham khảo (ví dụ: *The Baker Dictionary of Theology*). Ông cũng là cựu chủ tịch của Hội Triết học Thệ phản.

Tôi không muốn gợi ý, theo mô tả trước đây của tôi, rằng Habermas là người có tinh thần tranh đấu không cần thiết; ông thân thiện và hạ mình trong các cuộc trò chuyện thông thường. Tôi chỉ không muốn ở phía bên kia của trận khúc côn cầu bên nước đá-tức một cuộc tranh luận-với Ông. Bẩm sinh, ông có một radar giúp ông nhắm thẳng vào những điểm dễ bị tổn thương của đối phương. Ông cũng có một mặt dịu dàng, mà tôi sẽ khám phá, một cách bất ngờ, trước khi cuộc phỏng vấn của chúng tôi kết thúc.

Tôi tìm thấy Habermas trong văn phòng đầy ý nghĩa của ông tại Đại học Liberty, nơi ông hiện đang là giáo sư nổi tiếng và chủ tịch của Phân khoa Triết học và Thần học và Giám đốc của Chương trình thạc sĩ về hộ giáo. Với các tủ hồ sơ màu đen, bàn giấy kim loại với mặt bàn bằng gỗ giả, thảm mơn sơ cả chỉ, và những chiếc ghế gấp dành cho khách, chắc chắn không phải là nơi trưng bày. Giống như người sở hữu, nó không có chi là khoe khoang cả.

"Người chết không làm điều đó"

Habermas, ngồi sau bàn làm việc, xắn tay áo sơ mi màu xanh lên, khi tôi bật máy ghi âm và bắt đầu cuộc phỏng vấn của chúng tôi.

Tôi bắt đầu với sự thẳng thừng của công tố viên "Há không đúng sao việc hoàn toàn không có nhân chứng nào mục kích việc phục sinh của Chúa Giêsu?"

"Đúng như thế-không có trình thuật nào mô tả việc Phục sinh," Habermas trả lời như thế, trong một sự thừa nhận có thể làm ngạc nhiên những ai chỉ có kiến thức qua loa về chủ đề này.

"Khi tôi còn trẻ, tôi đã đọc một cuốn sách của C. S. Lewis, người từng viết rằng Tân Ước không nói gì về sự phục sinh. Tôi đã viết một chữ 'không!' thực sự lớn' ở bên lề. Sau đó, tôi nhận ra điều ông ấy muốn nói: không ai ngồi bên trong ngôi mộ và nhìn thấy thi hài bắt đầu rung, đứng lên, tháo vải lanh ra, gấp nó lại, lăn viên đá ra một bên, gây ấn tượng mạnh mẽ cho những lính canh và bỏ đi".

Đối với tôi, điều đó dường như rất có thể đặt ra một số vấn đề. Tôi hỏi, "Há điều này không làm tổn thương các nỗ lực của ông để xác định rằng việc phục sinh là một Sự kiện lịch sử hay sao?"

Habermas đẩy lùi chiếc ghế của mình để thoải mái hơn. "Không, điều này không làm tổn thương lý lẽ của chúng tôi một tí teo nào cả, bởi vì trọn khoa học là về các nguyên nhân và hiệu quả. Chúng ta không thấy khủng long; Chúng ta nghiên cứu hóa thạch. Chúng ta có thể không biết bệnh bắt nguồn ra sao, nhưng chúng ta nghiên cứu triệu chứng. Có thể không ai chứng kiến một tội ác, nhưng cảnh sát ghép nối các bằng chứng sau sự kiện với nhau".

Ông nói tiếp, "Vì vậy, đây là cách tôi nhìn vào bằng chứng chứng minh việc Phục sinh: Đầu tiên, Chúa Giêsu có chết trên thập giá không? Và thứ hai, Người có hiện ra sau đó với người ta không? Nếu ông có thể thiết lập hai điều đó, ông đã tạo được lý lẽ của ông, vì những người chết thường không làm điều đó."

Các nhà sử học đồng ý việc có rất nhiều bằng chứng cho thấy Chúa Giêsu bị đóng đinh, và Tiên sĩ

Alexander Metherell đã chứng minh trong một chương trước đó rằng Chúa Giêsu không thể sống sót các khắc nghiệt của việc xử tử đó. Điều còn lại là phần thứ hai của vấn đề: Chúa Giêsu có thực sự hiện ra sau đó không?

Tôi hỏi, "Có bằng chứng nào cho thấy người ta nhìn thấy Người không?".

Mở cuốn Kinh thánh trước mặt ông ra, ông nói, "Tôi sẽ bắt đầu với bằng chứng cho thấy hầu như tất cả các học giả có óc phê phán đều thừa nhận, không ai hoài nghi Thánh Phaolô đã viết thư 1 Côrintô và chúng ta thấy ngài khẳng định ở hai nơi rằng ngài đích thân gặp Chúa Kitô Phục sinh. Ngài nói trong *1Cr* 9: 1, 'Há tôi không phải là một Tông đồ hay sao? Há tôi đã không nhìn thấy Chúa Giêsu Chúa của chúng ta hay sao?' Và ngài nói trong *1Cr* 15: 8, 'Cuối cùng Người cũng hiện ra với tôi.' "

Tôi nhận ra rằng trích dẫn cuối cùng được gán cho Kinh tin kính của Giáo hội tiên khởi mà Craig Blomberg và tôi đã thảo luận. Như William Lane Craig chỉ ra, phần đầu tiên của Kinh tin kính này (các câu 3-4) đề cập đến việc xử tử, chôn cất và phục sinh của Chúa Giêsu.

Phần cuối cùng của Kinh tin kính (câu 5-8) nói đến các lần Người hiện ra sau Phục sinh: "[Chúa Kitô] hiện ra với Phêrô, và sau đó với nhóm Mười hai. Sau đó, Người hiện ra với hơn năm trăm anh em cùng một lúc, hầu hết trong số họ vẫn đang sống, mặc dù một số đã an giấc. Sau đó, Người hiện ra với Giacôbê, sau đó với tất cả các tông đồ." Trong câu tiếp theo, Thánh Phaolô nói thêm, "và cuối cùng Người cũng hiện ra với tôi, như với một người được sinh ra bất thường. "

Trên bề mặt, đây là lời chứng có ảnh hưởng một cách khó tin rằng Chúa Giêsu đã hiện ra sống động sau cái chết của Người. Đây là tên của các cá nhân và nhóm người chuyên biệt đã nhìn thấy Người, được viết tại thời điểm người ta vẫn còn có thể kiểm tra những người này nếu họ muốn có sự xác nhận. Vì tôi biết rằng kinh tin kính sẽ là mấu chốt trong việc thiết lập sự phục sinh, tôi quyết định đặt nó dưới sự xem xét kỹ lưỡng hơn: Tại sao các nhà sử học lại được thuyết phục đây là một kinh tin kính? Nó đáng tin cậy ra sao? Nó đã có từ lúc nào?

Tôi hỏi Habermas "Ông có phiền không nếu tôi đối chất ông về kinh tin kính này? ".

Ông gơ tay ra như muốn mời tôi nói. Ông nói một cách lịch sự "Làm ơn, ông cứ việc đối chất".

"Hãy thuyết phục tôi đó là một kinh tin kính"

Thoạt đầu tôi muốn xác định lý do tại sao Habermas, Craig, Blomberg, và những người khác được thuyết phục rằng đoạn văn này là một kinh tin kính của Giáo Hội tiên khởi chứ không phải chỉ là những lời của Thánh Phaolô, người đã viết bức thư cho Giáo Hội Corintô nơi chứa đựng kinh này.

Thách thức của tôi với Habermas rất đơn giản và trực tiếp: "Ông hãy thuyết phục tôi đó là một kinh tin kính."

"Vâng, tôi có thể nói với ông một số lý do vững chắc. Thứ nhất, Thánh Phaolô giới thiệu nó bằng các hạn từ *đã nhận được* và *chuyển tiếp*, đó là những thuật ngữ giáo sĩ quen dùng cho thấy ngài chuyển giao một truyền thống thánh.

Nhìn xuống bàn tay trong khi lần lượt nắm lấy một ngón tay để nhấn mạnh từng điểm ông đưa ra, Habermas nói, "Thứ hai, lối song đối của bản văn và nội dung đúng điều cho thấy đó là một kinh tin kính. Thứ ba, bản văn gốc sử dụng *Cephas* thay cho Phêrô, đó là tên tiếng Aram của ngài. Trên thực tế, chính tiếng Aram có thể chỉ ra một nguồn gốc rất sớm. Thứ tư, Kinh tin kính sử dụng một số cụm từ nguyên thủy khác mà Thánh

Phaolô sẽ không sử dụng thông thường, như 'Nhóm Mười hai', 'Ngày thứ ba Người trỗi dậy,' và những cụm từ khác. Thứ năm, việc sử dụng một số cụm từ tương tự như lối thuật truyện tiếng Aram và Do Thái Mishna."



Khi dùng hết các ngón tay, ông ngược mắt nhìn tôi, hỏi, "Tôi có nên tiếp tục không?"

Tôi trả lời, "Vâng, vâng. Ông đang nói rằng những sự kiện này thuyết phục ông, trong tư cách một Kitô hữu Thê phảnbảo thủ, rằng đây là một kinh tin kính."

Habermas có vẻ hơi bị xúc phạm bởi nhận xét rõ ràng là gai góc đó. Ông nhấn mạnh một cách bất bình, "không phải chỉ có các Kitô hữu bảo thủ mới tin chắc như thế. Đây là một đánh giá được chia sẻ rộng rãi bởi một loạt các học giả từ khắp phổ thần học. Học giả nổi tiếng Joachim Jeremias nhắc đến kinh tin kính này như 'truyền thống sớm nhất hơn cả' và Ulrich Wilckens nói rằng nó chắc chắn đã có từ giai đoạn sớm hơn cả trong lịch sử Kitô giáo nguyên thủy."

Điều trên nêu ra câu hỏi kinh tin kính này nguyên thủy ra sao. Tôi hỏi, "Ông có thể định niên biểu cho nó, trở lại bao xa?"

"Chúng ta biết rằng Thánh Phaolô đã viết thư 1 Côrintô trong khoảng thời gian từ năm 55 đến năm 57 CN. Trong *1Cr* 15: 1-4, ngài chỉ ra rằng ngài đã truyền lại Kinh tin kính này cho Giáo Hội tại Côrintô, điều đó có nghĩa là nó phải có trước chuyến thăm của ngài ở đó vào năm 51 CN. Vì vậy, tín điều này đã được sử dụng trong vòng hai mươi năm sau biến cố Phục sinh, nghĩa là khá sớm.

"Tuy nhiên, tôi đồng ý với các học giả khác nhau từng đặt niên biểu cho nó trở lại sớm hơn nữa, trong vòng hai đến tám năm sau biến cố Phục sinh, hoặc từ khoảng năm 32 đến năm 38 CN, khi Thánh Phaolô nhận được nó tại Đamát hoặc tại Giêrusalem. Như thế, đây là tài liệu vô cùng nguyên thủy, chứng từ chưa bị thêm thắt chứng minh sự kiện này: Chúa Giêsu đã hiện ra sống động với những người hoài nghi như Phaolô và Giacôbê, cũng như Phêrô và các môn đệ khác."

Tôi phản đối, "Nhưng, đó không thực sự là một trình thuật trực tiếp. Thánh Phaolô cung cấp danh sách thứ cấp hoặc tam cấp. Há điều này không giảm thiểu giá trị của nó như bằng chứng hay sao?"

Không phải thế đối với Habermas. "Hãy nhớ, bản thân Thánh Phaolô khẳng định rằng Chúa Giêsu cũng hiện ra với ngài, vì vậy điều này cung cấp chứng từ trực tiếp. Và Thánh Phaolô đã không lấy danh sách này từ những người lạ trên đường phố. Quan điểm hàng đầu là ngài đã nhận được nó trực tiếp từ các nhân chứng Phêrô và Giacôbê, và ngài đã rất công phu trong việc xác nhận tính chính xác của nó".

Đó là một tuyên bố mạnh mẽ. Tôi hỏi, "Làm thế nào ông biết điều đó?".

"Tôi sẽ đồng tình với các học giả tin rằng Thánh Phaolô đã nhận được tài liệu này ba năm sau khi ngài trở lại, khi ngài thực hiện chuyến đi Giêrusalem và gặp hai thánh Phêrô và Giacôbê. Thánh Phaolô mô tả chuyến đi đó trong thư Galát 1:18-19, trong đó ngài sử dụng một chữ Hy Lạp rất đáng lưu ý *Historeo* [điều tra]."

Tôi không quen thuộc với ý nghĩa của chữ này. "Tại sao chữ này quan trọng?"

"Bởi vì chữ này chỉ rõ rằng ngài không chỉ tình cờ nói chuyện vu vơ khi ngài gặp họ. Mà đây là một cuộc điều tra tìm hiểu. Thánh Phaolô đã đóng vai trò của một khảo sát viên, một người cẩn thận điều tra vụ việc. Nên, sự kiện Thánh Phaolô xác nhận vấn đề với hai nhân chứng mục kích, những người được đề cập chuyên biệt trong kinh tin kính-Phêrô và Giacôbê-đem lại sức nặng thêm này. Một trong số rất ít học giả Tân Ước Do Thái, Pinchas Lapide, nói rằng các bằng chứng nâng đỡ Kinh tin kính mạnh đến mức nó 'có thể được coi là một tuyên bố của nhân chứng tận mắt. "

Trước khi tôi có thể nói chen vào, Habermas đã nói thêm, "Và sau đó, trong *1Cr* 15:11, Thánh Phaolô nhấn mạnh rằng các tông đồ khác cũng đồng ý thuyết giảng cùng một Tin Mừng, cùng một thông điệp này về Phục sinh. Việc này có nghĩa là điều nhân chứng tận mắt Phaolô nói cũng y hệt như những gì các nhân chứng tận mắt Phêrô và Giacôbê nói."

Tôi sẽ thừa nhận nó: tất cả điều này nghe có vẻ khá thuyết phục. Tuy nhiên, tôi có một số dè dặt về kinh tin kính, và tôi không muốn các khẳng định tự tin của Habermas ngăn cản tôi thăm dò hơn nữa.

Màu nhiệm năm trăm người

Kinh tin kính trong *1Cr* 15 là nơi duy nhất trong văn học cổ thời nơi người ta tuyên bố rằng Chúa Giêsu đã hiện ra với năm trăm người cùng một lúc. Các Tin mừng không chứng thực điều này. Không nhà sử học thế tục nào đề cập đến nó. Và với tôi, điều đó tăng thêm dấu hiệu cảnh báo.

Tôi hỏi Habermas, "Nếu điều này thực sự xảy ra, tại sao không ai khác nói về nó? Ông dám nghĩ rằng các tông đồ sẽ trích dẫn điều này như bằng chứng bất cứ nơi nào họ tới. Như nhà vô thần Michael Martin nói, 'Người ta phải kết luận rằng hoàn toàn không có xác suất nào là biến cố này thực sự xảy ra' và do đó, điều này 'gián tiếp làm người ta hoài nghi Thánh Phaolô như một nguồn đáng tin cậy.' " (5)

Nhận xét đó làm phiền Habermas. "Thưa, hoàn toàn chỉ là ngu đần khi cho rằng điều này gây hoài nghi đối với Thánh Phaolô," ông trả lời như thế, giọng nghe có vẻ vừa ngạc nhiên vừa khó chịu khi ai đó dám đưa ra một nhận định như thế.

"Ý tôi là, hãy tha cho tôi đi! Đầu tiên, mặc dù nó chỉ được tường trình trong một nguồn, nhưng nó hiện ra sớm nhất và được chứng thực tốt hơn cả! Điều đó đáng kể chứ."

Thứ hai, Thánh Phaolô rõ ràng có một sự gần gũi với những người này. Ngài nói, 'Hầu hết những người này vẫn còn sống, mặc dù một số người đã an giấc.' Thánh Phaolô hoặc biết một số người này hoặc được một ai đó biết họ nói cho hay họ vẫn đang quanh quẩn đâu đó và sẵn sàng được phỏng vấn.

“Bây giờ, hãy dừng lại và nghĩ về nó: ông sẽ không bao giờ bao gồm cụm từ này trừ khi ông hoàn toàn tự tin rằng những người này sẽ xác nhận rằng những người này thực sự đã thấy Chúa Giêsu còn sống. Ý tôi là, Thánh Phaolô hầu như đã mời người ta tự kiểm tra nó cho chính họ! Ngài sẽ không nói điều này nếu ngài không biết họ sẽ ủng hộ ngài.

“Thứ ba, khi ông chỉ có một nguồn, ông có thể hỏi, 'Tại sao không có nhiều hơn thế?' Nhưng ông không thể nói, 'Nguồn này vô giá trị trên cơ sở không có ai khác đã tiếp nhận nó.' Ông không thể hạ cấp một nguồn này theo cách đó. Vì vậy, điều này không gây bất cứ nghi ngờ cho Thánh Phaolô - tin tôi đi, Martin rất thích làm điều đó, nhưng ông ta không thể làm điều đó một cách hợp pháp.

“Đây là một thí dụ về việc một số nhà phê bình muốn nó cả hai cách ra sao. Nói chung, họ chê bai các trình thuật phục sinh của Tin Mừng nghiêng về Thánh Phaolô, vì ngài được coi là thẩm quyền chính. Nhưng về vấn đề này, họ nghi ngờ Thánh Phaolô vì trước hết họ không tin tưởng nhiều ở các bản văn! Điều này nói gì về phương pháp của họ?”

Tôi vẫn gặp khó khăn trong việc hình dung sự hiện ra này của Chúa Giêsu với một đám đông lớn như vậy. Tôi hỏi, "Cuộc gặp gỡ này với năm trăm người đã xảy ra ở đâu?"

Habermas suy đoán, "thì ở vùng nông thôn Galilê. Nếu Chúa Giêsu có thể nuôi ăn năm nghìn người, Người có thể giảng cho năm trăm người. Và Mátthêu nói rằng Chúa Giêsu đã hiện ra trên một sườn đồi; có lẽ hơn mười một môn đệ đã ở đó."

Hình dung cảnh đó trong tâm trí tôi, tôi vẫn không thể không tự hỏi tại sao không có ai khác tường trình về sự kiện này. "Há lại không có xác suất nào là nhà sử học Josephus đã đề cập đến một điều có tầm cỡ lớn lao như thế này hay sao?"

"Không, tôi không nghĩ điều đó nhất thiết là sự thật. Josephus viết sáu mươi năm sau. Những câu chuyện địa phương lưu hành bao lâu trước khi chúng bắt đầu mất đi?" Habermas hỏi như thế. "Như thế, Josephus một là không biết về nó, điều này khả hữu, hai là ông ta quyết định không đề cập đến nó, điều này có ý nghĩa bởi vì chúng ta biết Josephus không phải là môn đệ của Chúa Giêsu. Ông không thể mong đợi Josephus bắt đầu xây dựng lý lẽ bênh vực Người."

Khi tôi không trả lời, Habermas nói tiếp, "Ông xem, tôi rất muốn có năm nguồn cho điều này. Nhưng tôi không có. Tuy nhiên, tôi có một nguồn tuyệt vời - một kinh tin kính tốt đến mức nhà sử học người Đức Hans von Campenhausen nói, 'trình thuật này đáp ứng tất cả các đòi hỏi về độ tin cậy lịch sử có thể có từ một bản văn như vậy.' Ngoài ra, ông không cần dựa vào việc nhắc đến năm trăm người để xây dựng lý lẽ cho việc sống lại. Thông thường thậm chí tôi không sử dụng nó."

Câu trả lời của Habermas mang theo một số luận lý. Tuy nhiên, có một khía cạnh của kinh tin kính đè nặng lên tôi: nó nói rằng Chúa Giêsu đã hiện ra đầu tiên với Thánh Phêrô, trong khi Thánh Gioan nói rằng Người hiện ra đầu tiên với Maria Mađalêna.

Thực thể, kinh tin kính này không đề cập đến bất cứ phụ nữ nào, cho dù họ được nhắc đến một cách nổi bật trong các trình thuật Tin Mừng.

Tôi hỏi, "Há những mâu thuẫn này không làm làm tổn thương uy tín của nó sao?"

Ông trả lời, "à, không. Trước hết, hãy nhìn kỹ vào kinh tin kính: Nó không nói Chúa Giêsu hiện ra *đầu tiên* với Phêrô. Nó chỉ đặt tên của Phêrô lên đầu danh sách. Và vì phụ nữ không được coi có năng quyền làm nhân chứng trong nền văn hóa Do Thái thế kỷ thứ nhất, nên không có gì đáng ngạc nhiên khi họ không được

đề cập ở đây. Trong sự sắp xếp sự việc trong thế kỷ thứ nhất, chứng từ của họ sẽ không mang theo bất cứ sắc nặng nào. Vì vậy, việc đặt Phêrô đầu tiên có thể cho thấy ưu tiên hợp luận lý hơn là ưu tiên thời gian".

Ông kết luận "Lại nữa, độ khả tín của kinh tin kính vẫn còn nguyên vẹn. Ông đã nêu ra một số câu hỏi, nhưng há ông lại không thừa nhận rằng chúng không làm suy yếu bằng chứng đầy thuyết phục rằng kinh tin kính có từ sớm, nó không bị ô nhiễm bởi huyền thoại, nó không hàm hồ nhưng chuyên biệt, và cuối cùng nó bắt nguồn từ các trình thuật của các nhân chứng tận mắt hay sao?"

Nói chung, tôi buộc phải đồng ý rằng ông đúng. Một cách rõ ràng và đầy thuyết phục, sức nặng của các bằng chứng hỗ trợ kinh tin kính như bằng chứng mạnh mẽ cho sự hiện ra sau phục sinh của Chúa Giêsu.

Mạnh mẽ đến mức William Lane Craig, chuyên gia phục sinh tôi đã phỏng vấn trong chương trước, nói rằng Wolfhart Parmenberg, có lẽ là nhà thần học có hệ thống vĩ đại nhất hiện còn sống trong thế giới, "đã làm rung chuyển nền thần học hoài nghi hiện đại của Đức, bằng việc xây dựng toàn bộ thần học của mình một cách chính xác dựa trên bằng chứng lịch sử của việc phục sinh của Chúa Giêsu như được cung cấp trong danh sách các lần hiện ra của Thánh Phaolô". (6)

Sau khi đã tự thỏa mãn với độ đáng tin cậy thiết yếu của kinh tin kính ở *1Cr 15*, đã đến lúc bắt đầu nhìn vào bốn sách Tin mừng, vốn thuật lại những lần hiện ra khác nhau của Chúa Giêsu phục sinh một cách chi tiết hơn.

Chứng từ của các sách Tin Mừng

Tôi bắt đầu dòng điều tra này bằng cách yêu cầu Habermas mô tả các lần hiện ra sau Phục sinh trong các Tin Mừng Mátthêu, Máccô, Luca và Gioan.

Ông mở đầu, "Có một số lần hiện ra khác nhau với rất nhiều người khác nhau trong các sách Tin Mừng và Công vụ-một số từng cá nhân, một số trong các nhóm, đôi khi trong nhà, đôi khi ngoài trời, cho những người có thiện cảm như Gioan và những người hoài nghi như Tôma".

Đôi khi họ chạm vào Chúa Giêsu hoặc ăn uống với Người, có những bản văn dạy rằng Người đã có mặt về phương diện thể lý. Việc hiện ra diễn tiến trong vài tuần. Và có những lý do chính đáng để tin tưởng các trình thuật này-thí dụ, chúng không có nhiều khuynh hướng thần thoại điển hình."



"Ông có thể liệt kê những lần hiện ra này cho tôi không?"

Từ ký ức, Habermas đã lần lượt mô tả chúng. Chúa Giêsu đã hiện ra

* với Maria Mađalêna, trong Gioan 20: 10-18;

- * với các phụ nữ khác, trong Mátthêu 28: 8-10;
- * với Cleopas và một môn đệ khác trên đường đi Emmaus, trong Luca 24: 13-32;
- * với mười một môn đệ và những người khác, trong Luca 24: 33-49;
- * với mười tông đồ và những người khác, khi Tôma vắng mặt, trong Gioan 20: 19-23;
- * với Tôma và các tông đồ khác, trong Gioan 20: 26-30;
- * với bảy tông đồ, trong Gioan 21: 1-14;
- * với các môn đệ, trong Mátthêu 28: 16-20.
- * và Người đã ở với các tông đồ trên Núi Cây Dầu trước khi Thăng thiên, trong Luca 24: 50-52 và Công vụ 1: 4-9.

Habermas nói thêm, "Điều đặc biệt đáng lưu ý là C. H. Dodd, học giả của Đại học Cambridge, đã phân tích cẩn thận những lần hiện ra này và kết luận rằng một số trong chúng đặc biệt dựa trên tài liệu rất sớm, bao gồm cuộc gặp gỡ của Chúa Giêsu với các phụ nữ, trong Mátthêu 28: 8-10; Cuộc gặp gỡ của Người với mười một tông đồ, trong đó Người đã trao cho họ sứ mệnh lớn lao, trong Mátthêu 28: 16-20; và cuộc gặp gỡ của Người với các môn đệ, trong Gioan 20: 19-23, trong đó Người cho họ thấy tay và cạnh sườn."

Một lần nữa, đây là một số rất nhiều những lần người ta nhìn thấy Chúa Giêsu. Đây không phải chỉ là một sự quan sát thoáng qua một hình bóng mờ nhạt bởi một hoặc hai người. Có nhiều lần hiện ra với nhiều người, một số lần hiện ra được xác nhận trong hơn một Tin Mừng hoặc bởi kinh tin kính của thư 1 Côrintô 15.

Tôi hỏi, "Có bất cứ sự chứng thực nào nữa không?".

"Ông hãy xem Công vụ," Habermas trả lời như thế, ý muốn nói đến Cuốn sách Tân Ước ghi lại sự ra mắt của Giáo Hội. Không những các lần hiện ra của Chúa Giêsu được đề cập thường xuyên, nhưng các chi tiết đã được cung cấp và chủ đề các môn đệ làm chứng cho các điều này đã được tìm thấy trong hầu hết mọi bối cảnh.

Habermas nói, Chia khóa, "là một số trình thuật trong Công vụ 1-5, 10 và 13 cũng bao gồm một số tín điều, giống như tín điều trong 1 Côrintô 15, tường trình một số dữ kiện rất sớm liên quan đến Cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu."

Nói thế, Habermas đã lấy một cuốn sách và đọc kết luận của học giả John Drane.

"Bằng chứng sớm nhất chúng ta có về sự phục sinh gần như chắc chắn đã có từ ngay sau biến cố Phục sinh được cho là đã diễn ra. Đây là bằng chứng chứa trong các bài giảng tiên khởi trong Công vụ của các Tông đồ... Điều chắc chắn là trong một vài chương đầu tiên của Công vụ, tác giả đã bảo tồn tài liệu từ các nguồn rất sớm." (7)

Thật vậy, Công vụ tràn ngập các tài liệu tham khảo về các lần hiện ra của Chúa Giêsu. Tông đồ Phêrô đặc biệt kiên quyết về nó. Ngài nói trong Công vụ 2:32, "Chính Đức Giêsu đó, Thiên Chúa đã làm cho sống lại; về điều này, tất cả chúng tôi xin làm chứng." Trong Công vụ 3:15 ngài lặp lại, "Anh em đã giết Đấng khơi nguồn sự sống, nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người trỗi dậy từ cõi chết: về điều này, chúng tôi xin làm chứng." Ngài xác nhận với Corneliô trong Công vụ 10:41 rằng ngài và những người khác "đã ăn và uống với Người sau khi Người trỗi dậy từ cõi chết."

Không chịu thua kém, Thánh Phaolô nói trong một bài phát biểu được ghi lại trong Công vụ 13:31, "Trong nhiều ngày, Đức Giêsu đã hiện ra với những kẻ từng theo Người từ Galilê lên Giêrusalem. Giờ đây chính họ làm chứng cho Người trước mặt dân."

Habermas khẳng định, "việc Phục sinh chắc chắn là công bố chính của Giáo Hội tiên khởi ngay từ đầu. Các

Kitô hữu tiên khởi không những chỉ tán thành giáo lý của Chúa Giêsu; họ còn được thuyết phục rằng họ đã nhìn thấy Người sống động sau biến cố đóng đinh. Đó là những gì đã thay đổi cuộc sống của họ và khởi đầu Giáo hội. Chắc chắn, vì đây là niềm tin trung tâm của họ, họ sẽ làm cho điều này là sự thật một cách hoàn toàn chắc chắn."

Tất cả các bằng chứng của Tin Mừng và Công vụ - hết biến cố này đến biến cố khác, hết nhân chứng này đến nhân chứng khác, hết chi tiết này đến chi tiết khác, hết chứng thực này đến chứng thực khác chồng lên nhau – cực kỳ gây ấn tượng. Mặc dù đã cố gắng, tôi vẫn không thể nghĩ được bất cứ biến cố nào được chứng thực thấu đáo hơn trong lịch sử cổ thời.

Tuy nhiên, có một câu hỏi khác cần được nêu ra, câu hỏi này liên quan đến Tin Mừng mà hầu hết các học giả tin là trình thuật đầu tiên về Chúa Giêsu đã được viết ra.

Việc thiếu kết luận của Máccô

Khi mới bắt đầu điều tra việc Phục sinh, tôi đã bắt gặp một nhận xét rắc rối ở lề cuốn Kinh thánh của tôi: "các bản chép tay đáng tin cậy sớm nhất và các nhân chứng cổ xưa khác không có đoạn Máccô 16: 9-20." Nói cách khác, hầu hết các học giả tin rằng Tin Mừng Máccô kết thúc ở câu 16: 8, với những người phụ nữ khám phá ra ngôi mộ trống nhưng không nói tới các lần hiện ra của Chúa Giêsu với bất cứ ai. Điều đó dường như gây bối rối.

Tôi hỏi Habermas "Há ông không lấy làm phiền khi Tin Mừng sớm nhất thậm chí không tường trình bất cứ lần hiện ra nào sau Phục sinh?".

Ngược lại, dường như ông không bị làm phiền chút nào. Ông nói, "Tôi không có bất cứ vấn đề gì với nó. Chắc chắn, sẽ rất tốt nếu ngài có bao gồm một danh sách các lần hiện ra, nhưng đây là một số điều để ông nghĩ tới.

Ngay cả nếu Máccô kết thúc ở đó, điều mà không phải ai cũng tin, ông vẫn thấy ngài tường trình rằng ngôi mộ trống, và một chàng trai trẻ tuyên bố, 'Người đã sống lại!' và nói với các phụ nữ rằng sẽ có những lần hiện ra. Vì vậy, trước tiên, ông có một công bố rằng việc Phục sinh đã xảy ra, và thứ hai, một tiên báo rằng các lần hiện ra sẽ theo sau.

Ông có thể đóng cuốn tiểu thuyết yêu thích của ông và nói, 'Tôi không thể tin rằng tác giả không nói với tôi tình tiết tiếp theo'. Nhưng bạn không thể đóng cuốn sách và nói, 'Nhà văn không tin vào tình tiết tiếp theo.' Máccô chắc chắn tin. Rõ ràng ngài tin rằng sự Phục sinh đã diễn ra. Ngài kết thúc với những người phụ nữ được cho biết Chúa Giêsu sẽ hiện ra ở Galilê, và sau đó những người khác xác nhận rằng ngài đã tin. "

Theo truyền thống Giáo Hội, Máccô là bạn đồng hành của nhân chứng tận mắt Phêrô. Tôi hỏi, "Há không kỳ lạ hay sao khi Máccô không đề cập chi rằng Chúa Giêsu đã hiện ra với Phêrô, nếu quả thực Người có hiện ra?"

Ông nói, "Máccô không đề cập đến bất cứ lần hiện ra nào, thì đâu có gì lạ khi Phêrô không được liệt kê. Tuy nhiên, ông nên lưu ý rằng Máccô không kể riêng Phêrô. Nhưng *Máccô* 16: 7 viết, 'Xin các bà về nói với môn đệ Người và ông Phêrô rằng Người sẽ đến Galilê trước các ông. Ở đó, các ông sẽ được thấy Người như Người đã nói với các ông'.

"Điều này nhất trí với *1Cr* 15: 5, là câu xác nhận rằng Chúa Giêsu đã hiện ra với Phêrô, còn *Lc* 24:34, một tín điều khá sớm khác, nói, 'Chúa trời dậy thật rồi, và đã hiện ra với ông Simôn', hoặc Phêrô.

“Vì vậy, những gì Máccô tiên đoán về Phêrô được tường trình là đã được ứng nghiệm, trong hai tín điều khá sớm và rất đáng tin cậy của Giáo hội-cũng như của chính Phêrô trong Công vụ. ”

Có bất cứ lối giải thích nào thay thế không?

Không còn hoài nghi gì nữa, số lượng chứng từ và chứng thực về các lần hiện ra sau Phục sinh của Chúa Giêsu là đáng kinh ngạc. Đặt chúng vào viễn cảnh, nếu bạn phải gọi mỗi người trong số các nhân chứng đến một tòa án của pháp luật để bị đối chất chỉ trong mười lăm phút mỗi người, và bạn đã đi suốt ngày đêm mà không nghỉ, nó sẽ đưa bạn từ bữa sáng thứ Hai cho đến bữa tối thứ Sáu để nghe tất cả các nhân chứng này. Sau khi nghe đủ 129 giờ liên tục các lời khai của nhân chứng tận mắt, ai có thể bỏ đi mà không bị thuyết phục?

Đã từng là một nhà báo về các vấn đề pháp lý, người đã tường trình rất nhiều các phiên xử, cả hình sự lẫn dân sự, tôi phải đồng ý với đánh giá của Ngài Edward Clarke, một thẩm phán Tòa án tối cao Anh từng tiến hành một phân tích pháp lý kỹ lưỡng về ngày lễ Phục sinh đầu tiên: "với tôi, bằng chứng có tính kết luận, và rất nhiều lần tại Tòa án tối cao, tôi đã bảo đảm có được bản án dựa vào bằng chứng không có tính thuyết phục gần như vậy. Là một luật sư, tôi không dè dặt chấp nhận các bằng chứng Tin Mừng như là bằng chứng của những con người trung thực đối với những sự thật mà họ có thể chứng minh." (8)

Tuy nhiên, liệu có thể có chẳng bất cứ lối thay thế hợp lý nào có thể giải thích những cuộc gặp gỡ này với Chúa Giêsu phục sinh? Những trình thuật này có thể là huyền thoại trong bản chất không? Hoặc các nhân chứng có thể trải nghiệm ảo giác chẳng? Tôi quyết định nêu ra những vấn đề đó với Habermas để có được câu trả lời của ông.

Khả thể 1: Các lần hiện ra chỉ là huyền thoại

Nếu đúng là phúc âm của Máccô nguyên khởi kết thúc trước bất cứ lần hiện ra nào được tường trình, thì có thể lập luận rằng có sự phát triển có tính biến hóa trong các sách Tin mừng: Máccô không ghi chép bất cứ lần hiện ra nào, Máttêu có một số, Luca có nhiều hơn, và Gioan có nhiều nhất.

Tôi hỏi, "Há điều đó không chứng minh rằng các lần hiện ra chỉ là những huyền thoại phát triển dần theo thời gian?".

Habermas bảo đảm với tôi "Vì rất nhiều lý do, không, nó không chứng minh. Trước nhất, không phải ai cũng tin rằng Máccô là Tin Mừng sớm nhất. Có những học giả, dành là thuộc về thiểu số, tin rằng Máttêu được viết đầu tiên.

“Thứ hai, ngay cả khi tôi chấp nhận luận điểm của ông là đúng, nó chỉ chứng minh rằng những huyền thoại lớn lên theo thời gian- nó không thể bác bỏ được niềm tin ban đầu rằng Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết. Một điều gì đó đã xảy ra khiến các tông đồ đã làm cho việc Phục sinh trở thành công bố trung tâm của Giáo Hội tiên khởi. Truyền thuyết không thể giải thích các trình thuật của nhân chứng tận mắt ban đầu. Nói cách khác, truyền thuyết chỉ có thể cho ông biết một câu chuyện trở nên lớn hơn ra sao; nó không thể cho ông biết nó bắt nguồn ra sao khi những người tham gia đều là nhân chứng tận mắt và tường trình các biến cố rất sớm.

“Thứ ba, ông quên rằng kinh tin kính ở 1Cr 15 có trước bất cứ Tin Mừng nào, và nó đưa ra những tuyên bố lớn về các lần hiện ra. Thực thể, tuyên bố liên quan đến số lượng lớn nhất- cho rằng Người đã được nhìn thấy sống động bởi năm trăm người một lúc- đã phát xuất từ nguồn sớm nhất này! Điều này tạo ra nhiều vấn đề cho thuyết phát triển huyền thoại. Các lý do tốt nhất để bác bỏ thuyết truyền thuyết phát xuất từ các trình thuật về tín điều đầu tiên trong 1Cr 15 và Công vụ, cả hai đều có trước các tài liệu Tin Mừng.

“Và thứ tư, còn ngôi mộ trống thì sao? Nếu việc Phục sinh chỉ là một huyền thoại, ngôi mộ sẽ có người nằm. Tuy nhiên, nó trống rỗng vào buổi sáng lễ Phục sinh. Điều đó đòi hỏi một giả thuyết bổ sung.”

Khả thể 2: Các lần hiện ra là ảo giác

Có lẽ các nhân chứng đã chân thành khi tin rằng họ đã nhìn thấy Chúa Giêsu. Có lẽ họ đã ghi lại chính xác những gì đã diễn ra. Nhưng họ có thể đã nhìn thấy một ảo giác thuyết phục họ là họ đã gặp Chúa Giêsu mà thực sự họ không gặp?

Habermas mỉm cười với câu hỏi, ông hỏi, "Ông có biết Gary Collins không?"

Câu hỏi đó khiến tôi ngỡ ngàng. Tôi trả lời, chắc chắn, tôi biết ông ta. Tôi nói, "tôi đã ở trong văn phòng của ông ấy gần đây để phỏng vấn ông ấy cho cùng cuốn sách này".

Habermas hỏi, "Ông có tin rằng ông ấy đủ điều kiện là một nhà tâm lý học không?"

Tôi trả lời một cách thận trọng, vì tôi có thể nói ông ấy đã xác lập một điều gì đó cho tôi, "Có, một bằng tiến sĩ, một giáo sư trong hai mươi năm, tác giả của hàng chục cuốn sách về các vấn đề tâm lý, Chủ tịch Hiệp hội Tâm lý gia Toàn quốc, vâng, chắc chắn, tôi coi ông ấy đủ điều kiện."

Habermas đưa cho tôi một mảnh (giấy) và nói với tôi, "Tôi đã hỏi Gary về khả thể những điều này là ảo giác, và đây là ý kiến chuyên nghiệp của ông ấy". Tôi nhìn vào tài liệu.

“Các ảo giác là các biến cố có tính cá nhân. Bởi chính bản chất của chúng, chỉ có một người có thể nhìn thấy một ảo giác nào đó tại một thời điểm. Chắc chắn chúng không phải là thứ có thể nhìn thấy bởi một nhóm người. Cũng không thể có chuyện một người, cách nào đó, có thể gây ra ảo giác nơi người khác. Vì một ảo giác chỉ hiện hữu trong ý nghĩa cá nhân, chủ quan này, điều hiển nhiên là những người khác không thể chứng kiến nó." (9)

Habermas nói, "Điều đó là một vấn nạn lớn đối với thuyết ảo giác, vì có những trình thuật lặp đi lặp lại về việc Chúa Giêsu hiện ra với nhiều người và những người này đã tường trình cùng những điều như nhau.

Ông nói tiếp, và có một số lập luận khác cho thấy tại sao ảo giác không thể giải thích bằng cách bác bỏ các lần hiện ra của Người, "Các môn đệ sợ hãi, nghi ngờ và tuyệt vọng sau biến cố Đóng đinh, trong khi những người có ảo giác thường có một tâm trí kỳ vọng hoặc dự phóng. Phêrô là người cứng đầu...; Giacôbê là người hoài nghi - chắc chắn không phải là các ứng viên cho ảo giác.

“Ngoài ra, các ảo giác tương đối khá hiếm. Chúng thường gây ra bởi ma túy hoặc thiếu thốn về cơ thể. Rất có thể, ông không biết bất cứ ai từng bị ảo giác không do một trong hai điều đó gây ra. Nhưng chúng ta có giả thiết tin rằng trong vòng nhiều tuần, người đủ mọi loại bối cảnh, đủ mọi loại tính khí, ở nhiều nơi khác nhau, tất cả đều có trải nghiệm ảo giác không? Giả thiết như thế là quá đáng, đúng không?

“Bên cạnh đó, nếu chúng ta xác minh các trình thuật Tin Mừng là đáng tin cậy, thì ông giải thích ra sao việc các môn đệ ăn với Chúa Giêsu và chạm vào Người? Làm thế nào Người đi cùng với hai trong số họ trên đường Emmau? Còn ngôi mộ trống nữa thì sao? Nếu mọi người chỉ nghĩ họ đã nhìn thấy Chúa Giêsu, thì thi thể Người vẫn phải ở trong mộ của Người chứ."

Tôi nghĩ, được, nếu đó không phải là ảo giác, có lẽ nó là một điều gì tinh tế hơn.

Tôi hỏi, "Đây có thể là một thí dụ cho thấy sự suy nghĩ nhóm, trong đó người ta nói chuyện với nhau đến

nhìn thấy một điều không hiện hữu chẳng? Như Michael Martin từng nhận định, 'một người đầy lòng nhiệt thành tôn giáo có thể thấy những gì anh ấy hoặc cô ấy muốn nhìn thấy, không phải những gì thực sự có đó.' (10)

Habermas cười. "Ồ, ông biết đấy, một trong những người vô thần mà tôi đã tranh luận, Antony Flew, nói với tôi rằng anh ta không thích nó khi những người vô thần khác sử dụng lập luận cuối cùng, bởi vì nó ủng hộ cả hai cách. Như Flew đã nói, 'Kitô hữu tin vì họ muốn, nhưng những người vô thần không tin vì họ không muốn!'

"Thực sự, có một số lý do tại sao các môn đệ không thể nói chuyện với nhau để cùng nhau đi vào điều này. Như tâm điểm đức tin của họ, nên nó là một điều rất hệ trọng; họ sẵn sàng đi đến cái chết để bảo vệ nó. Há không có một ai đó trong số họ, vào một ngày nào sau đó, suy nghĩ lại việc suy nghĩ nhóm và rút lui hay chỉ lặng lẽ biến mất hay sao? Còn Giacôbê, người vốn không tin vào Chúa Giêsu, và Phaolô, người vốn là một kẻ bắt bớ Kitô hữu- Làm thế nào họ đã được nói chuyện để nhìn thấy một điều gì đó? Hơn nữa, còn về ngôi mộ trống thì sao?

"Và trên hết, quan điểm này không tính đến sự ngôn từ thẳng thắn của tầm nhìn trong Kinh Tin kính ở 1Cr 15 và những đoạn văn khác. Các nhân chứng tận mắt ít nhất đã tin rằng họ đã thấy Chúa Giêsu còn sống, trong khi việc suy nghĩ nhóm không giải thích được khía cạnh này tốt lắm."

Habermas dừng lại đủ lâu để rút một cuốn sách và hỗ trợ lập luận của ông bằng một trích dẫn từ nhà thần học và nhà sử học nổi tiếng Carl Braaten: "Ngay cả các nhà sử học hoài nghi hơn cũng đồng ý rằng đối với Kitô giáo nguyên thủy... việc phục sinh của Chúa Giêsu từ cõi chết là một sự kiện có thật trong lịch sử, là chính nền tảng của đức tin, chứ không phải là một ý tưởng huyền thoại phát sinh từ trí tưởng tượng sáng tạo của các tín hữu". (11)

Habermas kết luận "Đôi khi, người ta chỉ vơ quàng vơ xiên bất cứ điều gì nhằm cố gắng giải thích các lần hiện ra. Nhưng không có gì phù hợp với tất cả các bằng chứng một cách tốt hơn so với lời giải thích rằng Chúa Giêsu vẫn đang sống."

"Không có nghi ngờ hợp lý"

Chúa Giêsu đã bị giết trên thập giá - Alexander Metherell đã làm điều đó rõ ràng một cách đồ họa. Ngôi mộ của Người trống rỗng vào buổi sáng lễ Phục sinh - Lane Craig không nghi ngờ gì về điều đó. Các môn đệ Người và những người khác đã thấy Người, chạm vào Người, và ăn với Người sau Phục sinh - Habermas đã xây dựng lý lẽ đó với bằng chứng phong phú. Như nhà thần học Anh nổi tiếng, Michael Green, từng nói: "Các lần hiện ra của Chúa Giêsu được chứng thực tốt đẹp như bất cứ điều gì trong thời cổ xưa... không thể có nghi ngờ hợp lý nào là chúng đã diễn ra, và lý do chính tại sao các Kitô hữu trở nên chắc chắn về sự phục sinh trong những ngày đầu tiên chỉ là điều này. Họ có thể nói một cách hoàn toàn chắc chắn, 'Chúng tôi đã thấy Chúa.' Họ biết đó là Người". (12)

Và tất cả điều trên thậm chí chưa sử dụng hết các chứng cứ. Tôi đã đặt chỗ máy bay cho một chuyến đi đến phía bên kia của đất nước để phỏng vấn thêm một chuyên gia về loại chứng cứ cuối cùng chứng minh rằng sự phục sinh là một sự kiện có thật của lịch sử.

Tuy nhiên, trước khi tôi rời văn phòng của Habermas, tôi có thêm một câu hỏi. Thành thật mà nói, tôi ngần ngại hỏi câu hỏi này, vì nó hơi quá dễ đoán và tôi nghĩ rằng tôi sẽ nhận được một câu trả lời hơi quá nhanh.

Câu hỏi liên quan đến tầm quan trọng của sự phục sinh. Tôi hình dung nếu tôi hỏi Habermas về điều đó, ông sẽ đưa ra câu trả lời tiêu chuẩn rằng nó là trung tâm của tín lý Kitô giáo, chiếc trục mà quanh đó đức tin Kitô

giáo xoay vần. Và quả đúng như thế, ông đưa ra một câu trả lời có sẵn như thế. Nhưng điều làm tôi ngạc nhiên là ông không chỉ nói có thế. Học giả của những chi tiết cần thiết này, nhà tranh luận vạm vỡ và bản thẳng này, Người bảo vệ đức tin sẵn sàng chiến đấu này, cho phép tôi nhìn vào Linh hồn của ông khi ông đưa ra câu trả lời phát xuất từ thung lũng sâu nhất của sự tuyệt vọng ông từng đi qua.

Sự phục sinh của Debbie Habermas

Habermas xoa bộ râu màu xám của ông. Nhịp điệu nhanh như lửa và giọng nói của nhà tranh luận nơi ông đã biến mất. Không còn trích dẫn các học giả nữa, không còn trích dẫn Kinh thánh, không còn xây dựng một lý lẽ nữa. Tôi đã hỏi về tầm quan trọng của sự phục sinh và Habermas quyết định chấp nhận rủi ro bằng cách trở lại năm 1995, khi vợ ông, Debbie, từ từ chết vì ung thư dạ dày. Bất ngờ trước cảnh dự dăng của khoảnh khắc, tôi chỉ còn biết lắng nghe.

Nhìn sang một bên không hẳn vì điều gì, ông bắt đầu, "Tôi đang ngồi trên hiên nhà của chúng tôi". Ông thờ dài, rồi nói tiếp "Vợ tôi sắp chết ở trên lầu. Nàng ở nhà suốt, ngoại trừ một vài tuần lễ. Đó là một thời gian khủng khiếp. Đó là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra."

Ông quay lại và nhìn thẳng vào tôi." Nhưng ông có biết điều gì tuyệt vời không? Các sinh viên của tôi gọi tôi - không phải chỉ có một mà là một vài người trong số họ - và nói, 'Vào một thời điểm như thế này, há thầy không vui về biến cố Phục sinh hay sao?' Tỉnh táo như những hoàn cảnh đó, tôi đã phải mỉm cười vì hai lý do. Đầu tiên, sinh viên của tôi đang cố gắng cổ vũ tôi bằng chính lời dạy dỗ của tôi. Và thứ hai, nó có hiệu quả.

"Đang ngồi ở đó, tôi hình dung ra Ông Gióp, người đã trải qua tất cả những chuyện khủng khiếp và hỏi nhiều câu hỏi về Thiên Chúa, nhưng sau đó Thiên Chúa đã đổi bên và hỏi ông một vài câu hỏi.

"Tôi biết nếu Thiên Chúa đến với tôi, tôi chỉ hỏi một câu: 'Lạy Chúa, tại sao Debbie lại liệt giường?' Và tôi nghĩ Thiên Chúa sẽ trả lời bằng cách hỏi nhẹ nhàng, 'Này Gary, có phải Ta đã Làm Con Ta trỗi dậy từ cõi chết?'

Tôi muốn nói, 'Thôi đi, lạy Chúa, con đã viết bảy cuốn sách về đề tài đó! Tất nhiên, Người được trỗi dậy từ cõi chết. Nhưng con muốn biết về Debbie!'

"Tôi nghĩ Người sẽ tiếp tục trở lại cùng một câu hỏi như vậy 'Có phải Ta đã làm cho Con Ta trỗi dậy từ cõi chết không?' 'Có phải Ta đã làm cho Con Ta trỗi dậy từ cõi chết không?' Cho đến khi tôi hiểu được trọng điểm của Người: Sự phục sinh nói rằng nếu Chúa Giêsu đã được trỗi dậy hai ngàn năm trước, thì sẽ có một câu trả lời cho Cái chết của Debbie năm 1995. Và ông có biết gì không? Nó có hiệu quả đối với tôi ngay khi tôi còn ngồi ở hiên nhà, và nó vẫn còn hiệu quả ngày hôm nay.

"Đó là một thời gian hết sức xúc cảm đối với tôi, nhưng tôi không thể tránh được sự kiện này là sự phục sinh là câu trả lời cho nỗi đau khổ của nàng. Tôi vẫn còn lo lắng; tôi vẫn tự hỏi tôi phải làm gì để một mình nuôi nấng bốn đứa con. Nhưng không có lúc nào sự thật đó không an ủi tôi.

Mất vợ là trải nghiệm đau đớn nhất mà tôi từng phải đối diện, nhưng nếu sự phục sinh có thể giúp tôi vượt qua điều đó, nó có thể giúp tôi vượt qua bất cứ điều gì. Nó đã tốt cho năm 30 CN. nó cũng tốt cho năm 1995, nó tốt cho năm 1998, và nó tốt quá thế nữa."

Habermas nhìn tôi chăm chăm, lặng lẽ nói, "Đây không phải là một bài giảng. Tôi tin điều đó bằng trọn trái tim tôi. Nếu có sự Phục sinh, có một thiên đàng. Nếu Chúa Giêsu đã trỗi dậy, thì Debbie cũng sẽ trỗi dậy. Và cả tôi cũng sẽ trỗi dậy một ngày nào đó. Lúc đó, tôi sẽ gặp cả hai."

Các tài liệu đọc thêm

Ankerberg, John and John Weldon. *Ready with an Answer* [Sẵn sàng với một câu trả lời]. Eugene, Ore: Harvest House, 1997.

Geivett, R. Douglas and Gary R. Habermas, biên tập. *In Defense of Miracles* [Bảo vệ các Phép lạ]. Downers Grove, Ill.: Intervarsity Press, 1997.

Habermas, Gary and Antony Flew. *Did Jesus Rise from the Dead? The Resurrection Debate* [Có phải Chúa Giêsu đã trỗi dậy từ cõi chết? Cuộc tranh luận phục sinh]. San Francisco: Harper & Row, 1987.

Habermas, Gary and J. P. Moreland. *Beyond Death: Exploring the Evidence for Immortality* [Bên kia cái chết: Khám phá Bằng chứng cho sự bất tử]. Westchester, Ill.: Crossway, 1998.

Morison, Frank. *Who Moved the Stone?* [Ai đã di chuyển tảng đá?] Grand Rapids: Zondervan, 1987.

Proctor, William. *The Resurrection Report* [Tuồng trình Phục sinh]. Nashville: Broadman & Holman, 1998.

Ghi chú

1. "Bomb Victim's Body Not in Grave," [Thi thể nạn nhân bị bom không ở trong mộ] *Chicago Tribune* (January 14, 1998).
2. Martin, *The Case against Christianity* [Lý lẽ chống Kitô giáo], 87.
3. Gary Habermas and Antony Flew, *Did Jesus Rise from the Dead? The Resurrection Debate* [Có phải Chúa Giêsu đã trỗi dậy từ cõi chết? Cuộc tranh luận phục sinh] (San Francisco: Harper & Row, 1987), xiv.
4. *Đã dẫn*, xv.
5. Martin, *The Case against Christianity* [Lý lẽ chống Kitô giáo], 90.
6. Craig, *The Son Rises* [Chúa Con trỗi dậy], 125
7. John Drane, *Introducing the New Testament* [Dẫn nhập vào Tân Ước] (San Francisco: Harper and Row, 1986), 99.
8. Michael Green, *Christ is risen: So what?* [Chúa Kitô đã sống lại: vậy thì sao] (Kent, England: Sovereign World, 1995), 34.
9. Cũng được trích dẫn trong Gary Habermas and J.P. Moreland, *Immortality: The Other Side of Death* [Bất tử: phía bên kia sự chết] (Nasville: Nelson, 1992), 60.
10. Martin, *The Case against Christianity* [Lý lẽ chống Kitô giáo], 75.
11. Carl Braaten, *History and Hermeneutics* [Lịch sử và Khoa Giải thích], 2 cuốn của *New Directions in Theology Today* [Các Hướng đi của Thần học Ngày nay] biên tập William Hordern (Philadelphia: Westminster Press, 1966), 78, trích dẫn trong Habermas and Flew, *Did Jesus Rise from the Dead?* 24.
12. Michael Green, *The Empty Cross of Jesus* [Thập giá Trống của Chúa Giêsu] Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1984), 97, trích dẫn trong Ankerberg and Weldon, *Knowing the Truth about the Resurrection* [Biết sự thật về Phục sinh], 22.

Chương mười bốn: bằng chứng gián tiếp

Liệu có bất cứ sự kiện hỗ trợ nào bênh vực việc Phục sinh không?

Không có nhân chứng nào chứng kiến Timothy McVeigh chất hai tấn chất nổ chế tạo từ phân bón vào một chiếc xe tải thuê Ryder. Không ai nhìn thấy anh ta lái chiếc xe đến trước tòa nhà liên bang ở thành phố Oklahoma và kích nổ quả bom khiến 168 người thiệt mạng. Không có máy quay phim nào đã chụp được hình ảnh anh ta chạy trốn khỏi hiện trường.

Tuy nhiên, một bồi thẩm đoàn đã có thể kết luận quá sự nghi ngờ hợp lý rằng McVeigh đã phạm tội đối với hành động khủng bố trong nước tồi tệ nhất trong lịch sử Hoa K. Tại sao? Bởi vì từng sự kiện một, từng vật trưng bày một, từng nhân chứng một, các công tố viên đã sử dụng bằng chứng gián tiếp để xây dựng một lý

lẽ xít xao chống lại anh ta.

Trong khi không ai trong số 137 người được gọi đến bức nhân chứng đã nhìn thấy McVeigh phạm tội, lời khai của họ đã gián tiếp cung cấp bằng chứng về tội lỗi của anh ta: một doanh nhân cho biết McVeigh đã thuê một chiếc Ryder xe tải, một người bạn cho biết McVeigh đã nói về việc đánh bom tòa nhà vì tức giận chống lại chính phủ, và một nhà khoa học nói Quần áo của McVeigh có chứa chất nổ khi anh ta bị bắt giam. Các công tố viên củng cố điều này với hơn bảy trăm cuộc trưng bày, từ biên lai nhà trọ và taxi đến sổ ghi điện thoại, chìa khóa xe tải, hóa đơn từ một nhà hàng Trung Quốc. Trong hơn mười tám ngày, họ khéo léo dệt nên một mạng lưới bằng chứng thuyết phục mà McVeigh không cách chi có thể thoát ra được.

Lời khai của nhân chứng tận mắt được gọi là chứng cứ trực tiếp vì người ta mô tả dưới lời tuyên thệ họ đã trực tiếp chứng kiến bị cáo phạm tội ra sao. Mặc dù lời khai này thường có tính thuyết phục, nhưng đôi khi nó có thể tùy thuộc vào những ký ức mờ nhạt, định kiến, và thậm chí hoàn toàn bịa đặt. Ngược lại, bằng chứng gián tiếp được tạo thành từ các sự kiện gián tiếp từ đó các suy luận có thể được rút ra một cách hợp lý (1). Hiệu quả tích lũy của nó có thể không hề kém mạnh mẽ - và trong nhiều trường hợp còn có thể mạnh mẽ hơn cả trình thuật của nhân chứng tận mắt.

Hãy hỏi Timothy McVeigh. Rất có thể anh ta nghĩ rằng anh ta không phạm tội bằng cách tránh các nhân chứng tận mắt, nhưng anh ta vẫn sa vào án tử tù do những sự kiện gián tiếp tố cáo anh ta một cách tàn khốc như bất cứ nhân chứng trực tiếp nào có thể làm.

Sau khi xem xét bằng chứng thuyết phục bên vực ngôi mộ trống, và những lời tường thuật của nhân chứng tận mắt về Chúa Giêsu phục sinh, bây giờ đã đến lúc để tôi tìm kiếm bất cứ bằng chứng gián tiếp nào có thể củng cố lý lẽ bên vực việc Phục sinh. Tôi biết nếu một sự kiện phi thường như việc phục sinh của Chúa Giêsu đã thực sự xảy ra, lịch sử sẽ tràn ngập bằng chứng gián tiếp ủng hộ nó.

Nhiệm vụ đó lại đưa tôi đến miền nam California, lần này là tới văn phòng của một giáo sư, người kết hợp thành thạo các chuyên môn về lịch sử, triết học và khoa học.



Cuộc phỏng vấn thứ mười ba: J.P. Moreland, Ph.D.

J. P. Moreland có mái tóc xám đen, ria mép bạc và gọng kính vàng khiến ông trông già hơn tuổi năm mươi của ông một chút. Tuy nhiên, ông tràn đầy năng lực. Ông nói một giọng nói sôi động và nhiệt tình, thường xuyên nghiêng về phía trước trong chiếc ghế xoay của mình để nhấn mạnh quan điểm, đôi khi nhảy người lên một chút, gần như thể lao ra và bóp cổ tôi bằng lập luận.

"Tôi thích điều này," ông thốt lên như thể trong một lần nghỉ giải lao ngắn - lần duy nhất trong cuộc trò chuyện của chúng tôi khi ông quả quyết điều hiển nhiên.

Đầu óc có tổ chức cao của Moreland làm việc rất có hệ thống, có luận lý, đến nỗi ông dường như dễ dàng xây dựng lý lẽ của mình bằng những câu và cả đoạn văn trọn vẹn, mà không lãng phí từ ngữ hoặc những suy nghĩ không liên quan, sẵn sàng cho việc sửa bản in và in ấn. Khi máy ghi âm của tôi dừng lại, ông cũng tạm dừng, cho tôi thời gian để nạp cuộn băng mới, và sau đó lại tiếp nối chính xác nơi ông đã dừng lại, không bỏ lỡ một chữ.

Mặc dù Moreland là một triết gia nổi tiếng (có bằng tiến sĩ từ Đại học Nam California) và len lỏi một cách thoải mái qua thế giới khái niệm của Kant và Kierkegaard, ông không hoàn toàn sống trong trừu tượng. Kinh nghiệm của ông về khoa học (ông có bằng hóa học của Đại học Missouri) và thông thạo lịch sử (như đã được thể hiện qua cuốn sách xuất sắc của ông *Scaling the Secular City* [Vẽ bản đồ đô thị thế tục] đã giữ chặt ông vào thế giới hàng ngày và ngăn chặn ông bập bênh trong suy nghĩ thuần túy mây khói.

Moreland, người cũng có bằng thạc sĩ thần học từ Dallas Theological Seminary, hiện là giáo sư tại Trường Thần học Talbot, nơi ông giảng dạy trong chương trình thạc sĩ về triết học và đạo đức.

Các bài báo của ông đã được công bố trên hơn ba mươi tạp chí chuyên nghiệp, chẳng hạn như *American Philosophical Quarterly* [Tam Cá Nguyệt San Triết học Hoa kỳ], *Metaphilosophy* [Siêu hình học]; và *Philosophy and Phenomenological Research* [Nghiên cứu Triết học và Hiện tượng học]. Ông từng viết, đồng tác giả hoặc biên tập hàng chục cuốn sách, bao gồm *Christianity and the Nature of Science* [Kitô giáo và Bản chất của Khoa học]; *Does God Exist?* [Thiên Chúa có hiện hữu không?] (một cuộc tranh luận với Kai Nielsen); *The Life and Death Debate* [Cuộc Tranh Luận về sự Sống và sự chết]; *The Creation Hypothesis* [Giả thuyết sáng tạo]; *Beyond Death: Exploring the Evidence for Immortality* [Bên kia cái chết: Khám phá bằng chứng về sự bất tử]; *Jesus under Fire* [Chúa Giêsu bị tấn công]; và *Love Your God with All Your Mind* [Yêu Thiên Chúa của Bạn Hết Tâm Trí].

Ngồi xuống với Moreland trong văn phòng nhỏ nhưng ấm cúng của ông, tôi biết rằng bằng chứng gián tiếp là số nhiều hơn là số ít. Nói cách khác, nó được xây từng viên gạch một cho đến khi có một nền tảng vững chắc trên đó các kết luận có thể tự tin dựa vào. Vì vậy, tôi bắt đầu cuộc phỏng vấn của chúng tôi với một thách thức thẳng thắn: "Ông có thể cho tôi năm mảnh bằng chứng gián tiếp có tính thuyết phục rằng Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết không?"

Moreland chăm chú lắng nghe câu hỏi của tôi rồi hỏi, "Năm thí dụ? Năm điều không ai tranh cãi?"

Tôi gật đầu. Nghe thế, Moreland đẩy lui ghế ra khỏi bàn, và khởi đầu mảnh bằng chứng đầu tiên của ông: những cuộc đời đã thay đổi của các môn đệ và việc họ sẵn sàng chết vì niềm tin rằng Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết.

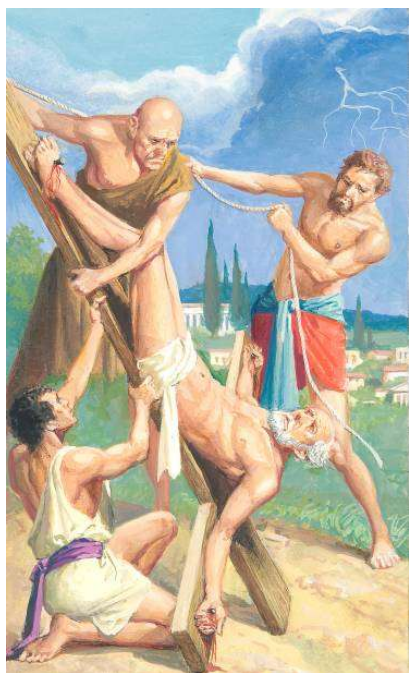
Trưng bày 1: Các Môn đệ chết cho các niềm tin của họ

Moreland bắt đầu, "Khi Chúa Giêsu bị đóng đinh, những người theo Người chán nản và phiền muộn. Họ

không còn tin rằng Chúa Giêsu được Thiên Chúa sai đến, vì họ tin bất cứ ai bị đóng đinh đều bị Thiên Chúa nguyên rủa. Họ cũng đã được dạy rằng Thiên Chúa sẽ không để Đấng Mêxia của Người phải chịu chết. Vì vậy, họ giải tán. Phong trào của Chúa Giêsu gần như đã ngưng lại.

“Rồi, sau một thời gian ngắn, chúng ta lại thấy họ từ bỏ nghề nghiệp, tụ tập lại với nhau và cam kết truyền bá một thông điệp rất chuyên biệt-rằng Chúa Giêsu Kitô là Đấng Mêxia của Thiên Chúa, chết trên thập giá, đã sống lại và được họ nhìn thấy còn sống.

“Và họ sẵn sàng dành phần còn lại của cuộc đời để công bố điều này, mà không cần bất cứ sự đền đáp nào theo quan điểm của con người. Không phải như thể có một biệt thự đang chờ đợi họ trên Địa Trung Hải. Họ phải đối diện với một cuộc sống khó khăn. Họ thường không có thức ăn, ngủ ngoài trời, bị chế giễu, đánh đập, bỏ tù. Và cuối cùng, hầu hết trong số họ đã bị xử tử bằng những cách rất cực hình.



“Để làm gì? Vì các ý hướng tốt lành? Không, bởi vì họ đã được thuyết phục hoàn toàn chắc chắn rằng họ đã nhìn thấy Chúa Giêsu Kitô đã sống lại từ cõi chết. Điều ông không thể giải thích là làm thế nào cái nhóm người đặc thù này đã đạt tới niềm tin đặc biệt này mà không có trải nghiệm nào về Đấng Kitô phục sinh. Không hề có lời giải thích thỏa đáng nào khác.”

Tôi cắt ngang bằng câu phản bác, “Vâng, nhưng... Vâng, tôi đồng ý, họ sẵn sàng chết vì niềm tin. Nhưng”, tôi nói thêm “người Hồi giáo, Mormons, và những người theo Jim Jones và David Koresh cũng như thế. Điều này có thể cho thấy họ cuồng tín, nhưng ta hãy đối đầu với nó: nó không chứng minh rằng những gì họ tin là đúng.”

Xoay người trực diện với tôi, trông cả hai chân vững chắc trên sàn nhà, Moreland nhấn mạnh, “Khoan đã – ông hãy suy nghĩ cẩn thận về sự khác biệt.

“Người Hồi giáo có thể sẵn sàng chết vì niềm tin của họ rằng Allah tự mặc khải với Muhammad, nhưng sự mặc khải này đã không được thực hiện một cách có thể quan sát công khai. Vì vậy, họ có thể sai lầm về nó. Họ có thể chân thành nghĩ rằng đó là sự thật, nhưng họ không thể biết được sự kiện, vì họ không tận mắt chứng kiến.

“Tuy nhiên, các tông đồ sẵn sàng chết vì điều chính họ nhìn thấy tận mắt và sờ tận tay. Họ ở một vị trí duy nhất không chỉ tin rằng Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết nhưng biết chắc chắn. Và khi ông đã có mười một người đáng tin cậy không hề có động cơ thâm kín, không có gì để đoạt lợi và rất nhiều điều để mất mát, tất cả đều nhất trí rằng họ đã quan sát thấy điều gì đó bằng chính đôi mắt của họ - thì hẳn ông khá khó khăn trong việc giải thích nhằm bác bỏ điều đó.”

Tôi mỉm cười vì tôi đã đóng vai trạng sư của quỷ bằng cách nêu ra phản bác của tôi. Thật ra, tôi biết ông nói đúng. Thực vậy, điều khác biệt quan trọng này là mấu chốt trong hành trình tâm linh của riêng tôi.

Nó đã được nêu ra cho tôi cách này: Người ta chết vì niềm tin tôn giáo của họ nếu họ chân thành tin rằng chúng là sự thật, nhưng người ta sẽ không chết vì niềm tin tôn giáo của họ nếu họ biết niềm tin này sai.

Trong khi hầu hết mọi người chỉ có thể có niềm tin rằng niềm tin của họ là đúng, các môn đệ ở trong một vị trí biết hoàn toàn chắc chắn về việc Chúa Giêsu có sống lại từ cõi chết hay không. Họ tuyên bố họ đã nhìn thấy Người, nói chuyện với Người và ăn uống với Người. Nếu họ không hoàn toàn chắc chắn, họ sẽ không để mình bị tra tấn đến chết vì đã tuyên bố rằng sự Phục sinh đã diễn ra” (2).

Tôi nói, "OK, tôi tin chắc điều đó, Nhưng ông còn điều gì nữa không?"

Trung bày 2: Sự hoán cải của những kẻ hoài nghi

Moreland nói tiếp, “Một bằng chứng gián tiếp khác, đó là có những người hoài nghi cứng rắn không tin vào Chúa Giêsu trước khi Người bị đóng đinh - và ở một mức độ nào đó đã sẵn sàng chống lại Kitô giáo- đã quay hẳn lại và chấp nhận đức tin Kitô giáo sau cái chết của Chúa Giêsu. Không có lý do chính đáng cho điều này ngoài việc họ đã trải nghiệm Chúa Kitô phục sinh”.

Tôi nói, “Rõ ràng ông đang nói về Giacôbê, em Chúa Giêsu, và Saolô thành Tarsô, người đã trở thành tông đồ Phaolô. Nhưng thực sự ông có bằng chứng đáng tin cậy rằng Giacôbê đã từng là một người hoài nghi Chúa Giêsu không?”

Ông nói, "Vâng, tôi có. Các sách Tin Mừng cho chúng ta biết gia đình Chúa Giêsu, bao gồm cả Giacôbê, cảm thấy xấu hổ trước những gì Người tuyên bố Người là. Họ không tin vào Người; họ đối đầu với Người. Trong Do Thái giáo cổ thời, điều rất xấu hổ đối với gia đình của một giáo sĩ Do Thái là không chấp nhận ông ta. Vì vậy, các tác giả Tin Mừng sẽ không có động cơ để bịa đặt ra sự hoài nghi này nếu nó không đúng sự thật.

"Sau đó, nhà sử học Josephus nói với chúng ta rằng Giacôbê, em của Chúa Giêsu, thủ lĩnh của hội thánh Giêrusalem, bị ném đá cho chết vì tin tưởng vào anh mình. Tại sao cuộc sống của Giacôbê thay đổi? Thánh Phaolô cho chúng ta biết: Chúa Giêsu phục sinh đã hiện ra với ông. Không có lời giải thích nào khác."

Thật vậy, không có lời giải thích nào xuất hiện trong tâm trí tôi, tôi bèn hỏi, "Còn Saolô?"

Moreland trả lời, “Là một người Pharisiêu, ngài ghét bất cứ điều gì trái với truyền thống Do Thái. Đối với ngài, phong trào phản động mới được gọi là Kitô giáo này sẽ là đỉnh cao của sự bất trung. Thực vậy, ngài giải quyết sự thất vọng của mình bằng cách hành quyết những người theo Kitô giáo khi ngài có cơ hội.

"Đột nhiên ngài không những chỉ nhẹ nhàng với các Kitô hữu mà còn tham gia phong trào của họ! Làm sao chuyện này có thể xảy ra được? Thì, mọi người đều đồng ý Thánh Phaolô đã viết thư Galát, và chính ngài kể cho chúng ta trong bức thư đó điều đã khiến ngài quay ngược hẳn 180 độ và trở thành người đề xướng chính

của Niềm tin Kitô giáo. Bằng chính ngòi bút của mình, ngài nói rằng ngài đã nhìn thấy Chúa Kitô phục sinh và nghe Chúa Kitô chỉ định ngài làm một trong những người theo chân Người."

Tôi chỉ đợi Moreland đưa ra quan điểm này, để tôi có thể thách thức ông bằng một phản bác của nhà phê bình Kitô giáo Michael Martin. Ông ấy nói rằng nếu bạn coi sự trở lại của Thánh Phaolô như bằng chứng cho sự thật của Phục sinh, bạn nên kể Việc Muhammad trở lại đạo Hồi như bằng chứng cho sự thật Chúa Giêsu đã không phục sinh, vì người Hồi giáo phủ nhận phục sinh!

Tôi nói với Moreland, "Trong căn bản, ông ấy nói rằng các giá trị hiển nhiên của việc trở lại của Thánh Phaolô và việc trở lại của Muhammad triệt tiêu lẫn nhau, Thành thật mà nói, đó dường là một điểm có giá trị. Há ông không thừa nhận rằng ông ta đúng hay sao?"

Moreland không cần câu. Ông nói bằng giọng đầy tự tin, "Chúng ta hãy xem sự trở lại của Muhammad. Không ai biết bất cứ điều gì về nó. Muhammad cho rằng ông đã đi vào một hang động và có một trải nghiệm tôn giáo trong đó Allah mạc khải kinh Koran cho ông. Không có nhân chứng nào khác để xác minh điều này. Muhammad không đưa ra bất cứ dấu hiệu kỳ diệu công khai nào để chứng nhận bất cứ điều gì.

"Và ai đó có thể dễ dàng có những động cơ thầm kín khi đi theo Muhammad, bởi vì trong những năm đầu, Hồi giáo được truyền bá chủ yếu nhờ chiến tranh. Những người theo Muhammad đã đoạt được ảnh hưởng chính trị và quyền lực đối với những ngôi làng bị chinh phục và 'hoán cải' thành Hồi giáo bằng thanh kiếm.

"Ông hãy tương phản điều trên với những tuyên bố của những người theo Chúa Giêsu lúc ban đầu, trong đó có Thánh Phaolô. Họ tuyên bố đã nhìn thấy các sự kiện công cộng mà người khác cũng thấy. Đây là những điều đã xảy ra ở bên ngoài tâm trí của họ, không chỉ trong tâm trí của họ.

"Hơn nữa, khi Thánh Phaolô viết thư Côrintô thứ 2- mà không ai tranh cãi là chính ngài viết - ngài nhắc nhở người Côrintô rằng ngài đã làm nhiều phép lạ khi ngài ở với họ trước đó. Ngài chắc chắn sẽ thật ngu ngốc khi đưa ra tuyên bố này nếu họ biết ngài đã không làm như vậy."

Tôi hỏi, "còn trọng điểm của ông?"

Ông nói, "Hãy nhớ rằng, không phải là sự kiện đơn giản khi Thánh Phaolô thay đổi quan điểm của ngài. Ông phải giải thích ngài có sự thay đổi đặc thù này ra sao về niềm tin hoàn toàn đi ngược lại nền giáo dục của ngài; ngài nhìn thấy Chúa Kitô phục sinh ra sao trong một sự kiện công cộng được chứng kiến bởi những người khác, mặc dù họ không hiểu nó; và ngài thực hiện các phép lạ ra sao để hỗ trợ tuyên bố của mình như một tông đồ."

Tôi nói, "Được, rất được. Tôi đã thấy trọng điểm của ông. Và tôi xin thừa nhận, đó là một trọng điểm tốt." Sau đó, tôi ra hiệu để ông nói tiếp mảnh bằng chứng tiếp theo của ông.

Trưng bày 3: Các thay đổi trong các cơ cấu xã hội chủ chốt

Để giải thích loại bằng chứng gián tiếp tiếp theo của ông, Moreland phải cung cấp một số thông tin căn bản quan trọng về văn hóa Do Thái.

Moreland giải thích: "Vào thời Chúa Giêsu, người Do Thái bị bách hại trong bảy trăm năm bởi người Babylon, người Assyria, người Ba Tư, và bây giờ bởi người Hy Lạp và người La Mã. Nhiều người Do Thái đã bị phân tán và sống như những tù nhân ở các quốc gia khác này.

"Tuy nhiên, ngày nay chúng ta vẫn thấy người Do Thái, trong khi chúng ta không thấy người Hittite,

Perizzites, Ammonites, Assyria, Ba Tư, Babylon và những người khác đã sống trong thời gian đó. Tại sao? Bởi vì những người này đã bị các quốc gia khác bắt giữ, kết hôn lẫn lộn và đánh mất bản sắc dân tộc của họ.

"Tại sao điều đó không xảy ra với người Do Thái? Bởi vì những điều đã tạo nên người Do Thái thành người Do Thái – các cơ cấu xã hội đã mang lại cho họ bản sắc dân tộc – cực kỳ quan trọng đối với họ. Người Do Thái sẽ truyền lại những cơ cấu này cho con cháu của họ, cử hành chúng trong các cuộc họp của hội đường mỗi ngày Sabát, và củng cố chúng bằng các nghi lễ của họ, bởi vì họ biết nếu không làm như vậy, chẳng bao lâu sau sẽ không còn người Do Thái nào nữa. Họ sẽ bị đồng hóa vào các nền văn hóa đã chiếm giữ họ.

Và có một lý do khác giải thích tại sao những định chế xã hội này lại quan trọng đến vậy: họ tin rằng những định chế này được Thiên Chúa giao phó cho họ. Họ tin rằng việc từ bỏ các cơ sở này sẽ đồng nghĩa với việc linh hồn của họ sẽ bị đẩy xuống địa ngục sau khi chết.

Bây giờ một thầy *rabbi* tên là Giêsu xuất hiện từ một khu vực thuộc giai cấp thấp hơn. Thầy giảng dạy trong ba năm, tập hợp được những người hạ và trung đẳng, gặp rắc rối với chính quyền, và bị đóng đinh cùng với ba mươi nghìn người Do Thái khác, bị hành quyết trong khoảng thời gian này.

Nhưng năm tuần sau khi thầy bị đóng đinh, hơn mười ngàn người Do Thái đã theo chân thầy và tuyên bố rằng thầy là người khởi xướng một tôn giáo mới. Và ông nên nhớ điều này: họ sẵn lòng từ bỏ hoặc thay đổi tất cả năm định chế xã hội mà họ đã được dạy từ thời thơ ấu là có tầm rất quan trọng cả về mặt xã hội học lẫn thần học."

Tôi nói, "Vì vậy, ngụ ý là một điều gì đó lớn lao đang diễn ra".

Moreland nói lớn, "Một điều gì đó rất lớn đang diễn ra!"

Cách mạng hóa đời sống Do Thái

Tôi mời Moreland trình bày đủ năm cơ cấu xã hội nói trên và giải thích những người theo Chúa Giêsu đã thay đổi hoặc từ bỏ chúng ra sao.

Ông nói: "Thứ nhất, từ thời Ápraham và Môsê, họ đã được dạy rằng họ cần phải dâng của lễ bằng thú vật trên cơ sở hàng năm để chuộc tội lỗi của họ. Thiên Chúa sẽ chuyển tội lỗi của họ sang con vật đó, và tội lỗi của họ sẽ được tha thứ để họ có thể ở vị thế chính trực đối với Người. Nhưng đột nhiên, sau cái chết của người thợ mộc thành Nadarét này, những người Do Thái này không còn dâng của lễ nữa.

Thứ hai, người Do Thái nhấn mạnh việc tuân giữ lề luật mà Thiên Chúa đã trao cho họ qua Môsê. Theo quan điểm của họ, đây là điều phân cách họ với các quốc gia ngoại giáo. Tuy nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn sau cái chết của Chúa Giêsu, người Do Thái bắt đầu nói rằng bạn không thể trở thành một thành viên chính trực trong cộng đồng của họ chỉ bằng cách tuân giữ luật Môsê.

Thứ ba, người Do Thái cẩn thận giữ ngày Sabát bằng cách không làm bất cứ điều gì ngoại trừ việc sùng kính tôn giáo vào mỗi thứ Bảy. Đây là cách họ có được vị thế đúng đắn với Thiên Chúa, bảo đảm ơn cứu rỗi cho gia đình họ và ở vị thế đúng đắn với quốc gia. Tuy nhiên, sau cái chết của người thợ mộc Nadarét này, truyền thống một nghìn năm trăm năm này bị thay đổi đột ngột. Các Kitô hữu kia đã thờ phượng vào hôm Chúa nhật-tại sao? Vì đó là ngày Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết.

"Thứ tư, người Do Thái tin vào thuyết độc thần - chỉ có một Thiên Chúa. Trong khi các Kitô hữu dạy một hình thức độc thần hơi khác, họ nói rằng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là một Thiên Chúa. Điều này hoàn toàn khác với những gì người Do Thái tin tưởng. Những người này coi đó là đỉnh cao của dị

giáo khi nói rằng ai đó có thể vừa là Thiên Chúa vừa là con người. Tuy nhiên, người Do Thái bắt đầu tôn thờ Chúa Giêsu là Thiên Chúa ngay trong thập niên đầu tiên của Kitô giáo.

“Và thứ năm, các Kitô hữu này hình dung Đấng Mêxia là một người chịu đau khổ và chết vì tội lỗi của thế giới, trong khi người Do Thái đã được huấn luyện để tin rằng Đấng Mêxia là một nhà lãnh đạo chính trị sẽ tiêu diệt quân đội La Mã”.

Với bối cảnh đã được thiết lập đó, Moreland bắt đầu tấn công bằng lời lẽ tu từ, nhìn tôi bằng ánh mắt mãnh liệt và kiên định của ông. Ông nói, “Lee ạ, anh có thể giải thích ra sao việc tại sao trong một khoảng thời gian ngắn không chỉ một người Do Thái mà cả một cộng đồng người Do Thái gồm ít nhất mười nghìn người sẵn lòng từ bỏ năm thực hành chính từng phục vụ họ về mặt xã hội học và thần học trong nhiều thế kỷ? Lời giải thích của tôi rất đơn giản: họ đã thấy Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết.”

Trong khi quan điểm của Moreland cực kỳ gây ấn tượng, tôi thấy ngày nay mọi người có vấn đề trong việc người ta hiểu nó ngày nay. Tôi nói với ông rằng người Mỹ thế kỷ 20 rất khó đánh giá đúng bản chất triệt để của sự biến đổi này.

Tôi nói, “Ngày nay người ta có đức tin linh động. Họ nhảy qua nhảy lại giữa Kitô giáo và tín ngưỡng Tân đại. Họ học đòi Phật giáo, họ trộn hồ lớn và tạo ra nền linh đạo của riêng họ. Đối với họ, việc thực hiện những thay đổi mà ông vừa đề cập dường như không phải là vấn đề lớn.”

Moreland gật đầu. Rõ ràng ông đã nghe thấy phản bác này trước đây. “Tôi muốn hỏi một người như vậy, ‘Niềm tin yêu quý nhất của bạn là gì?’

Bố mẹ bạn có là những người tốt không? Giết người có vô luân không? Hãy nghĩ xem điều gì đó phải triệt để đến mức nào mới khiến bạn thay đổi hoặc từ bỏ niềm tin mà bạn vô cùng trân trọng. Bây giờ chúng ta đang bắt đầu tiến gần hơn.”

“Hãy nhớ rằng đây là toàn bộ cộng đồng những người đang từ bỏ niềm tin quý giá đã được truyền qua nhiều thế kỷ và họ tin rằng đó là từ chính Thiên Chúa. Họ đang làm điều đó mặc dù họ đang gây nguy hiểm cho phúc lợi của chính họ, và họ cũng tin rằng họ đang có nguy cơ đày đọa linh hồn họ xuống địa ngục nếu họ sai.

“Hơn nữa, họ không làm điều này bởi vì họ đã nảy ra những ý tưởng hay hơn. Họ rất hài lòng với những truyền thống cũ. Họ đã từ bỏ chúng vì họ đã nhìn thấy những điều kỳ diệu mà họ không thể giải thích được và điều đó buộc họ phải nhìn thế giới một cách khác.”

Tôi nhận xét rằng chúng ta là những người theo chủ nghĩa cá nhân phương Tây thích sự thay đổi về kỹ thuật và xã hội học. Các truyền thống không đáng kể bao nhiêu đối với chúng ta.”

Moreland trả lời, “Tôi xin đồng ý. Nhưng những người này coi trọng truyền thống. Họ sống trong thời kỳ mà điều gì càng cũ càng tốt. Thực tế, đối với họ, họ có thể lần giở một ý tưởng trở lại càng xa xưa thì càng có nhiều khả năng nó đúng sự thật. Vì vậy, vươn tới những ý tưởng mới là đi ngược với cách chúng ta là hiện nay.

Ông kết luận, “Tin tôi đi, những thay đổi này đối với cơ cấu xã hội Do Thái không những chỉ là các điều chỉnh nhỏ ngẫu nhiên- chúng hoàn toàn vĩ đại. Đây chẳng khác gì một trận động đất xã hội! Và động đất không xảy ra mà không có nguyên nhân.”

Trung bày 4: Rước lễ và Rửa tội



Moreland coi việc xuất hiện của các bí tích rước lễ và rửa tội trong Giáo Hội tiên khởi như một bằng chứng gián tiếp nữa rằng biến cố Phục Sinh là có thật. Nhưng tôi vốn có một số nghi ngờ.

Tôi hỏi, "Há không phải là tự nhiên hay sao khi các tôn giáo tạo ra các nghi thức và thực hành riêng của họ? Mọi tôn giáo đều có chúng. Nên làm thế nào điều đó có thể chứng minh được điều gì về Sự Phục Sinh?"

Ông trả lời, "À, nhưng chúng ta hãy xem xét việc Rước lễ một chút đã. Điều kỳ lạ là những người theo Chúa Giêsu ban đầu này đã không tụ họp cùng nhau để cử hành những lời dạy của Người hay Người thật tuyệt vời xiết bao. Họ đến với nhau thường xuyên để có một bữa ăn cử hành vì một lý do: để tưởng nhớ việc Chúa Giêsu đã bị giết công khai một cách kỳ cục và nhục nhã.

"Hãy nghĩ về điều này theo nghĩa hiện đại. Nếu một nhóm người yêu John F. Kennedy, họ có thể gặp nhau thường xuyên để tưởng nhớ ông trong việc đối đầu với Nga, thúc đẩy quyền công dân, và nhân cách lỗi cuốn của ông. Nhưng họ sẽ không cử hành sự kiện Lee Harvey Oswald đã giết ông!

"Tuy nhiên, điều đó tương tự như điều các Kitô hữu đầu tiên đã làm. Ông giải thích điều đó ra sao? Tôi giải thích nó cách này: họ nhận ra rằng việc giết Chúa Giêsu là một bước cần thiết để đạt được một chiến thắng lớn hơn nhiều. Vụ giết Người không phải là lời cuối cùng - lời cuối cùng là Người đã chiến thắng cái chết cho tất cả chúng ta bằng cách sống lại từ cõi chết.

Họ cử hành việc hành quyết vì họ tin chắc rằng họ đã nhìn thấy Người sống lại ra khỏi ngôi mộ."

Tôi hỏi, "Còn phép rửa tội thì sao?"

"Giáo Hội tiên khởi đã tiếp nhận một hình thức rửa tội từ nền dưỡng dục Do Thái của họ, gọi là lễ rửa tội cho người tân tòng. Khi dân ngoại muốn tuân theo luật Môsê, người Do Thái sẽ rửa tội cho những người ngoại giáo đó nhân danh thẩm quyền Thiên Chúa của Israel. Nhưng trong Tân Ước, người ta được rửa tội nhân danh Thiên Chúa, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần - nghĩa là họ đã nâng Chúa Giêsu lên địa vị Thiên Chúa trọn vẹn.

"Không những chỉ có thế, phép rửa tội còn là một cử hành cái chết của Chúa Giêsu, giống như Rước lễ. Bằng cách ở dưới nước, ông đang cử hành cái chết của Người, và khi được đưa lên khỏi mặt nước, ông đang cử hành sự kiện này là Chúa Giêsu đã được nâng lên sự sống mới".

Tôi ngắt lời bằng cách nói, "Ông đang cho rằng những bí tích này không chỉ đơn thuần được thích ứng từ

các tôn giáo gọi là huyền bí."

Moreland trả lời, "Và vì những lý do chính đáng. Đầu tiên, không có bằng chứng rành rành nào cho thấy bất cứ tôn giáo huyền bí nào cũng tin vào các vị thần chết đi và sống lại, cho đến sau thời kỳ Tân Ước. Vì vậy, nếu có bất cứ vay mượn, thì họ đã vay mượn của Kitô giáo."

"Thứ hai, việc thực hành phép rửa bắt nguồn từ phong tục của người Do Thái, và người Do Thái rất phản đối việc cho phép những ý tưởng của người ngoại hoặc người Hy Lạp ảnh hưởng đến sự thờ phượng của họ. Và thứ ba, hai bí tích này có thể đã có từ thời cộng đồng Kitô giáo sớm nhất - quá sớm để không chịu ảnh hưởng của bất cứ tôn giáo nào khác len lỏi vào sự hiểu biết của họ về ý nghĩa cái chết của Chúa Giêsu".

Trung bày 5: Sự Xuất hiện của Giáo Hội

Moreland mở đầu điểm cuối cùng này bằng cách nói, "Khi một chuyển dịch văn hóa lớn diễn ra, các nhà sử học luôn tìm kiếm các sự kiện có thể giải thích nó."

Tôi nói, "Vâng, điều đó có lý".

"OK, vậy chúng ta hãy nghĩ về sự khởi đầu của Giáo Hội Kitô giáo. Chắc chắn nó đã bắt đầu ngay sau cái chết của Chúa Giêsu và lan truyền nhanh đến nỗi trong khoảng thời gian có thể là hai mươi năm, nó thậm chí đã đến cung điện của Xêda ở Rome. Không những chỉ có thế, nhưng phong trào này đã chiến thắng một số ý thức hệ cạnh tranh và cuối cùng áp đảo toàn bộ đế quốc La Mã.

"Bây giờ, nếu ông là người sao Hỏa nhìn xuống thế kỷ thứ nhất, ông nghĩ Kitô giáo hay Đế quốc La Mã sẽ tồn tại? Có lẽ ông sẽ không bỏ tiền vào một nhóm người khổ rách áo ôm mà thông điệp chính là một người thợ mộc bị đóng đinh từ một ngôi làng vô danh đã chiến thắng ngôi mộ. Vậy mà nó lại đã thành công đến nỗi hôm nay chúng ta đặt tên con là Phêrô và Phaolô và những chú chó của chúng ta là Xêda và Nêrông! "Tôi thích cách C. F. D. Moule, Học giả Tân Ước của Cambridge, nói: 'Nếu việc đi vào hiện hữu của người Nadarét, một hiện tượng được chứng thực một cách không thể phủ nhận bởi Tân Ước, đã rạch một lỗ hổng lớn trong lịch sử, một lỗ hổng có kích thước và hình dạng của sự Phục sinh, nhà sử học thế tục đề xuất điều gì để ngưng nó lại?'" (3)

Mặc dù đây không phải là điểm mạnh nhất của Moreland, vì các phong trào tôn giáo khác cũng xuất hiện và lan rộng, nên bằng chứng gián tiếp không chỉ dựa vào sức mạnh của một sự kiện. Thay vào đó, nó là sức nặng tích lũy của một số sự kiện mà cùng nhau chúng làm cho bàn cân hướng về một kết luận. Và với Moreland, kết luận này thật rõ ràng.

Ông nói, "Hãy xem, nếu ai đó muốn xem xét bằng chứng gián tiếp này và đi đến phán quyết rằng Chúa Giêsu đã không trỗi dậy từ cõi chết- tốt thôi. Nhưng họ phải cung cấp một giải thích thay thế hợp lý cho cả năm trong số các sự kiện này.

"Hãy nhớ rằng, chắc chắn là những sự kiện này đúng sự thật; vấn đề trong câu hỏi là làm thế nào để giải thích chúng. Và tôi chưa bao giờ thấy lời giải thích nào tốt hơn là sự Phục Sinh."

Tôi nhẩm ôn lại đoạn bằng về bằng chứng gián tiếp: sự sẵn lòng của các môn đệ chịu chết vì điều họ đã trải nghiệm; cuộc sống cách mạng của những người hoài nghi như Giacôbê và Saolô; những thay đổi triệt để trong cơ cấu xã hội được người Do Thái áp ủ trong nhiều thế kỷ; sự xuất hiện đột ngột của việc rước lễ và rửa tội; và sự xuất hiện và phát triển đáng kinh ngạc của Giáo Hội.

Với tất cả năm sự kiện không ai tranh cãi, tôi phải đồng ý với Moreland rằng Sự Phục Sinh, và chỉ có Sự

Phục Sinh, mới làm cho chúng có ý nghĩa. Không có lời giải thích nào khác được gần như thế. Và đó mới chỉ là bằng chứng gián tiếp. Khi tôi thêm bằng chứng thuyết phục là ngôi mộ trống của Chúa Giêsu, và chúng từ đây thuyết phục về các lần hiện ra sau Phục sinh của Người, lý lẽ xem ra đủ để kết luận.

Đó cũng là đánh giá của Ngài Lionel Luckhoo, luật sư lỗi lạc và khôn khéo với 245 vụ giết người liên tiếp được trắng án một cách đáng kinh ngạc đã giúp ông có một vị trí trong Sách Guinness Thế giới về Kỷ lục trong tư cách luật sư thành công nhất thế giới. Hai lần được Nữ hoàng Elizabeth phong chức Hiệp sĩ, cựu chánh án và nhà ngoại giao này đã phân tích, trong vài năm, một cách nghiêm ngặt các sự kiện lịch sử về sự Phục sinh trước khi tuyên bố, "Tôi nói một cách dứt khoát rằng bằng chứng về sự phục sinh của Chúa Giêsu Kitô áp đảo đến độ nó buộc ta phải chấp nhận nhờ bằng chứng, một việc không chừa chỗ nào cho sự nghi ngờ."

Nhưng khoan đã. Còn nhiều điều nữa.

Đi bước cuối cùng

Cuộc phỏng vấn của chúng tôi đã kết thúc, Moreland và tôi đang nói đùa về tức cầu khi tôi rút máy ghi âm ra khỏi ổ điện và bắt đầu cất các ghi chú của mình đi. Mặc dù tôi hơi vội để bắt chuyến bay trở về Chicago, ông đã nói điều gì đó khiến tôi phải dừng lại.

Ông nhận xét, "Có một loại bằng chứng khác mà ông chưa hỏi".

Tôi nhẩm ôn lại cuộc phỏng vấn của chúng tôi. Tôi nói, "Tôi chịu thua. Nó là gì vậy?"

Ông nói, "Chính cuộc gặp gỡ liên tục với Chúa Kitô phục sinh vốn xảy ra khắp nơi trên thế giới, trong mọi nền văn hóa, với mọi người từ mọi loại hậu cảnh và nhân cách - được giáo dục tốt và không, người giàu và người nghèo, người suy nghĩ và người cảm nhận, đàn ông và đàn bà. Tất cả đều làm chứng rằng hơn bất cứ điều đơn nhất nào trong cuộc sống của họ, Chúa Giêsu Kitô đã thay đổi họ."

Moreland nghiêng người về phía trước để nhấn mạnh. "Đối với tôi, điều này cung cấp bằng chứng cuối cùng - không phải là bằng chứng duy nhất mà là bằng chứng xác nhận cuối cùng rằng thông điệp của Chúa Giêsu có thể mở ra cánh cửa dẫn đến một cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô phục sinh".

Tôi nói, "giả sử ông có một cuộc gặp gỡ như thế. Xin cho tôi biết về nó."

"Năm 1968, tôi là sinh viên hoài nghi chuyên ngành hóa học tại Đại học Missouri, khi tôi đối diện với sự kiện này: nếu tôi khảo sát các tuyên bố của Chúa Giêsu Kitô một cách có phê phán nhưng với một tâm trí cởi mở, thì sẽ có đủ bằng chứng để tôi tin nó.

"Vì vậy, tôi đã thực hiện một bước đức tin theo cùng một hướng mà bằng chứng đã chỉ ra, bằng cách tiếp nhận Chúa Giêsu như Đấng tha thứ và lãnh đạo của tôi, và tôi bắt đầu liên hệ với Người - với Chúa Kitô phục sinh - một cách rất thực chất và liên tục.

"Trong ba thập niên, tôi đã có hàng trăm đáp ứng chuyên biệt cho những lời cầu nguyện, tôi đã có những điều xảy ra mà đơn giản không thể giải thích được bằng các lý lẽ tự nhiên, và tôi đã trải nghiệm một cuộc sống thay đổi vượt xa bất cứ điều gì tôi có thể tưởng tượng."

Nhưng, tôi phản đối, người ta cũng trải nghiệm sự thay đổi cuộc sống trong các tôn giáo khác, vốn có giáo lý mâu thuẫn với Kitô giáo. Nên tôi hỏi, "Há không nguy hiểm hay sao khi đưa ra quyết định dựa trên kinh nghiệm chủ quan?"

Ông nói, "Hãy để tôi làm rõ hai điều. Đầu tiên, tôi không nói, 'Chỉ cần tin vào kinh nghiệm của bạn.' Tôi chỉ muốn nói, 'Hãy sử dụng tâm trí của bạn một cách bình tĩnh và cân nhắc các bằng chứng, và sau đó để kinh nghiệm xác nhận bằng chứng.' Thứ hai, nếu điều được bằng chứng này chỉ ra là đúng-nghĩa là, nếu tất cả các bằng chứng này thực sự xác nhận sự sống lại của Chúa Giêsu- thì chính bằng chứng đòi một thử nghiệm qua trải nghiệm."

Tôi nói, "Xin ông định nghĩa thử nghiệm đó".

"Thử nghiệm qua trải nghiệm là, 'Người vẫn còn sống, và tôi có thể tìm thấy điều này bằng cách liên hệ với Người.' Nếu ông ở trong một bồi thẩm đoàn và nghe đủ bằng chứng thuyết phục ông về tội phạm của ai đó, thì sẽ không có nghĩa khi dừng lại ở bước cuối cùng của việc kết tội anh ta. Và cũng thế đối với người ta, khi chấp nhận bằng chứng về sự phục sinh của Chúa Giêsu mà không thực hiện bước cuối cùng là thử nghiệm nó qua trải nghiệm sẽ là bỏ lỡ nơi mà bằng chứng cuối cùng đã chỉ cho họ."

Tôi nói, "Vì vậy, nếu bằng chứng rõ ràng chỉ cho ta hướng này, sẽ chỉ hợp lý và hợp luận lý khi bước theo nó vào lãnh vực kinh nghiệm."

Gật đầu tán thành, ông nói, "Điều đó chính xác. Đó chính là xác nhận cuối cùng của bằng chứng. Thực thể, tôi xin nói điều này: bằng chứng kêu gào việc thử nghiệm qua trải nghiệm."

Tài liệu đọc thêm

Green, Michael. *Christ Is Risen: So What?* [Chúa Kitô Phục Sinh: Thì Sao?] Kent, England: Sovereign World, 1995.
McDowell, Josh. *The Resurrection Factor* [Nhân Tố Phục Sinh], 105-20. San Bernardino, Calif: Here's Life, 1981.
Moreland, J. P. *Scaling the Secular City* [Vẽ Bản đồ cho thành phố thế tục]. Grand Rapids: Baker, 1987.
Moule, C. F. D. *The Phenomenon of the New Testament* [Hiện tượng Tân Ước]. London: SCM Press, 1967.

Ghi chú

- 1.Black, *Black's Law Dictionary* [Từ điển Luật], 221
- 2.Xem Josh McDowell, *More than a Carpenter* [Hơn Một Bác Thợ Mộc] (Wheaton, Ill. Living Books, 1977) 60-71
3. Moule, C. F. D. *The Phenomenon of the New Testament* [Hiện tượng Tân Ước]. (London: SCM Press, 1967), 3.
4. Donald McFarlan, chủ biên *The Guinness Book of World Records* (New York:Bantam, 1991), 547.
5. Clifford, *The Case for the Empty Tomb*[Lý lẽ bênh vực ngôi mộ trống], 112.

Chương Kết Luận: Phán Quyết Của Lịch Sử

Bằng chứng thiết lập điều gì và nó có ý nghĩa gì ngày nay?

Hôm đó là ngày 8 tháng 11 năm 1981, một Chúa Nhật. Tôi tự nhốt mình trong văn phòng tại nhà của tôi và dành cả buổi chiều cho máy ghi âm chạy lại cuộc hành trình tôi đã đi trong hai mươi một tháng.

Cuộc điều tra của tôi về Chúa Giêsu cũng tương tự như những gì bạn vừa đọc, ngoại trừ việc tôi chủ yếu nghiên cứu sách vở và các tìm tòi lịch sử khác thay vì đích thân tương tác với các học giả. Tôi đã đặt các câu hỏi và phân tích các câu trả lời với tinh thần cởi mở như tôi có thể tập hợp được. Bây giờ tôi đã đạt được một

khối lượng quan trọng. Các bằng chứng đã rõ ràng. Vấn đề còn lại là tôi sẽ làm gì với nó.

Lấy ra một tập giấy khổ 22 x 36 cm, tôi bắt đầu liệt kê những câu hỏi mà tôi đã đặt ra khi tôi bắt tay vào cuộc điều tra của mình, và một số sự kiện quan trọng tôi đã phát hiện ra. Theo một cách tương tự, tôi có thể tóm tắt bản chất của những gì chúng ta đã học được trong cuộc khảo sát chứng cứ của chúng ta.



Các tiểu sử về Chúa Giêsu có đáng tin cậy không?

Tôi từng nghĩ các sách Tin Mừng chỉ là tuyên truyền tôn giáo, bị vấy bẩn một cách vô vọng bởi trí tưởng tượng quá mức và nhiệt tình truyền giáo. Tuy nhiên, Craig Blomberg, một trong những thẩm quyền hàng đầu của đất nước về chủ đề này, đã xây dựng một lý lẽ thuyết phục chứng minh rằng chúng phản ánh chứng từ của nhân chứng tận mắt và mang dấu ấn chính xác không thể nhầm lẫn. Những tiểu sử này sớm đến mức chúng không thể bị giải thích theo chiều hướng coi chúng như những phát minh huyền thoại. Thực tế, các niềm tin căn bản vào phép lạ, sự phục sinh và thiên tính của Chúa Giêsu đã có từ buổi bình minh của phong trào Kitô giáo.

Các tiểu sử về Chúa Giêsu có chịu đựng được sự soi mói không?

Blomberg lập luận một cách thuyết phục rằng các tác giả Tin Mừng có ý định bảo tồn lịch sử đáng tin cậy, đã có khả năng làm như vậy, trung thực và sẵn lòng bao gồm những chất liệu khó giải thích và không cho phép nghiêng về phía tô màu không thích đáng các tường trình của họ. Sự hài hòa giữa Tin Mừng về các sự kiện thiết yếu, cùng với sự khác nhau về một số chi tiết, mang lại độ tin cậy lịch sử cho các trình thuật. Ngoài ra, Giáo Hội tiên khởi không thể bén rễ và phát triển ngay tại Giêrusalem nếu nó đã giảng dạy các sự kiện về Chúa Giêsu mà những người đương thời của Người có thể đã phơi bày như phóng đại hoặc sai lầm. Nói tóm lại, các sách Tin Mừng đã có thể vượt qua tất cả tám thử nghiệm về bằng chứng.

Các tiểu sử về Chúa Giêsu có được duy trì một cách đáng tin cậy cho chúng ta hay không?

Học giả nổi tiếng thế giới Bruce Metzger nói rằng so với các tài liệu cổ xưa, có một số lượng chưa từng có các bản chép tay của Tân Ước và chúng có thể được xác định niên đại hết sức gần với các trước tác gốc. Tân Ước hiện đại có đến 99.5 phần trăm thoát khỏi các khác biệt về văn bản, không có tín lý Kitô chính nào bị nghi ngờ. Các tiêu chuẩn được sử dụng bởi Giáo Hội tiên khởi để xác định những cuốn sách nào nên được coi là có thẩm quyền đã bảo đảm để chúng ta có những ghi chép tốt nhất về Chúa Giêsu.

Có chăng bằng chứng đáng tin về Chúa Giêsu ngoài các tiểu sử của Người?

Edwin Yamauchi nói, "Chúng ta có tài liệu lịch sử về Chúa Giêsu tốt hơn về người sáng lập của bất cứ tôn giáo cổ thời nào khác". Các nguồn bên ngoài Kinh Thánh chứng thực rằng nhiều người tin Chúa Giêsu đã thực hiện việc chữa bệnh và là Đấng cứu thế, Người đã bị đóng đinh, và mặc dù cái chết đáng xấu hổ này, những người theo Người, những người tin rằng Người vẫn còn sống, đã tôn thờ Người như Thiên Chúa. Một chuyên gia đã lên tài liệu ba mươi chín nguồn cổ xưa chứng thực hơn một trăm sự kiện liên quan đến cuộc đời, giáo huấn, sự đóng đinh và sự sống lại của Chúa Giêsu. Bảy nguồn thế tục và một số tín điều ban đầu

liên quan đến thiên tính của Chúa Giêsu, một tín lý "chắc chắn đã hiện diện trong Giáo Hội tiên khởi nhất," theo học giả Gary Habermas.

Khảo cổ học xác nhận hay nói ngược lại các tiểu sử của Chúa Giêsu?

Nhà khảo cổ học John McRay nói chắc chắn các phát hiện khảo cổ học đã nâng cao độ đáng tin của Tân Ước. Không có khám phá nào đã bác bỏ một trung dẫn kinh thánh. Hơn nữa, khảo cổ học đã xác định rằng Luca, người đã viết khoảng một phần tư Tân Ước, là một nhà sử học đặc biệt thận trọng. Một chuyên gia kết luận, "Nếu Luca đã chính xác một cách khổ công như vậy trong tường trình lịch sử của mình [trong các chi tiết nhỏ], dựa trên cơ sở luận lý nào chúng ta có thể cho rằng ngài cả tin hoặc không chính xác trong tường trình của mình về những vấn đề quan trọng hơn nhiều, không những chỉ với ngài mà còn với những người khác?" Như sự phục sinh của Chúa Giêsu, chẳng hạn.

Chúa Giêsu của lịch sử có y hệt như Chúa Giêsu của đức tin không?

Gregory Boyd cho biết cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu được công bố rộng rãi, từng nghi ngờ Chúa Giêsu, chỉ đại diện cho "một số lượng rất nhỏ các học giả cấp tiến đứng ở phía cực, cực tả của tư duy Tân Ước." Cuộc Hội thảo này đã bác bỏ khả thể phép lạ ngay từ đầu, nó được sử dụng các tiêu chuẩn có vấn đề, và một số người tham gia đã chào hàng các tài liệu đầy hoang đường có phẩm chất cực kỳ đáng ngờ. Hơn nữa, ý niệm cho rằng những câu chuyện về Chúa Giêsu xuất hiện từ thần thoại về các vị thần chết đi và sống lại không đứng vững sự soi mói. Boyd nói, "Bằng chứng chứng minh Chúa Giêsu là người mà các môn đệ đã nói... là cả hàng năm ánh sáng vượt quá các lý do để tôi nghĩ rằng cánh học giả phe tả của cuộc Hội thảo về Chúa Giêsu là chính xác." Tóm lại, Chúa Giêsu của đức tin cũng y hệt như Chúa Giêsu của lịch sử.

Chúa Giêsu có thực sự xác tín Người là Con Thiên Chúa không?

Bằng cách quay trở lại những truyền thống xa xưa nhất, chắc chắn vốn an toàn trước sự phát triển huyền thoại, Ben Witherington III đã có thể cho chúng ta thấy rằng Chúa Giêsu có một sự tự hiểu tối cao và siêu việt. Dựa vào bằng chứng, Witherington nói, "Chúa Giêsu có tin Người là Con Thiên Chúa, Đáng được xưng dầu của Thiên Chúa không? Câu trả lời là có. Người có coi Người là Con Người không? Câu trả lời là có. Người có coi mình là Đấng Mêxia sau cùng không? Có, đó là cách Người nhìn bản thân Người. Người có tin rằng bất cứ ai kém hơn Thiên Chúa có thể cứu thế giới không? Không, tôi không tin Người tin như thế."

Chúa Giêsu có khùng hay không khi cho rằng mình là Con Thiên Chúa?

Nhà tâm lý học nổi tiếng Gary Collins cho biết Chúa Giêsu không bày tỏ những cảm xúc không thích đáng, tiếp xúc với thực tại, đã chói sáng và có những hiểu biết sâu sắc đáng kinh ngạc về bản chất con người, và rất thích các mối liên hệ sâu sắc và lâu dài. Ông kết luận, "Tôi hoàn toàn không thấy dấu hiệu nào cho thấy Chúa Giêsu mắc bất cứ bệnh tâm thần nào được biết đến cho đến nay". Ngoài ra, Chúa Giêsu nâng đỡ các tuyên bố Người là Thiên Chúa bằng các lần chữa bệnh lạ lùng, những cuộc chứng tỏ quyền năng đáng kinh ngạc trên thiên nhiên, giáo huấn vô song, sự hiểu biết thần thiêng về con người, và bằng sự phục sinh của chính Người, đó là xác minh cuối cùng cho danh tính của Người.

Chúa Giêsu có hội đủ các thuộc tính của Thiên Chúa không?

Trong khi nhập thể - Thiên Chúa trở thành con người, thể vô chung trở thành thể hữu chung - làm trí tưởng tượng của chúng ta căng ra, thì nhà thần học lỗi lạc D. A. Carson cho chúng ta thấy: có rất nhiều bằng chứng chứng tỏ Chúa Giêsu biểu lộ những đặc tính của thiên tính. Dựa trên thư Philípê 2, nhiều nhà thần học tin rằng Chúa Giêsu tự nguyện trút bỏ việc sử dụng độc lập các thuộc tính thần thiêng này khi Người theo đuổi sứ mạng cứu độ con người. Mặc dù vậy, Tân Ước đặc biệt xác nhận rằng cuối cùng Chúa Giêsu sở hữu mọi

phẩm tính của thiên tính, bao gồm toàn tri, toàn tại, toàn năng, vĩnh cửu và bất biến.

Có phải Chúa Giêsu, và chỉ có Chúa Giêsu, mới ăn khớp với căn tính của Đấng Mêxia?

Hàng trăm năm trước khi Chúa Giêsu ra đời, các nhà tiên tri đã báo trước về việc ngự đến của Đấng Mêxia, hay Đấng được xức dầu, Đấng sẽ cứu chuộc dân Chúa. Thực thế, hàng chục lời tiên tri trong Cựu Ước này đã tạo ra một dấu tay mà chỉ Đấng Mêxia đích thực mới có thể ăn khớp. Điều này mang lại cho Israel một cách để loại trừ những kẻ mạo danh và chứng thực việc xưng mình là Đấng Mêxia đích thực. Chống lại cái may rủi cực nhỏ nhoi – cơ may của một trong một nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ, nghìn tỷ - Chúa Giêsu, và chỉ Chúa Giêsu trong suốt lịch sử mới phù hợp với dấu tay tiên tri này. Điều này xác nhận danh tính của Chúa Giêsu đến một mức độ chắc chắn đáng kinh ngạc.

Phải chăng cái chết của Chúa Giêsu là chuyện lừa đảo và việc sống lại của Người là một trò chơi khăm?

Nhờ phân tích các dữ kiện lịch sử và y khoa, Tiến sĩ Alexander Metherell kết luận rằng Chúa Giêsu không thể sống sót sự khắc nghiệt khủng khiếp của việc đóng đinh, càng ít hơn với vết thương càng ngày càng rộng thêm chọc thủng phổi và trái tim Người. Ý niệm cho rằng cách nào đó Người chỉ ngất đi trên thập giá và giả vờ chết không có bất cứ cơ sở chứng cứ nào. Những tên lý hình La Mã rất hữu hiệu, biết rằng chính họ sẽ phải đối diện với cái chết nếu bất cứ nạn nhân nào của họ từ thập giá bước xuống mà còn sống. Ngay cả khi Chúa Giêsu, bằng cách nào đó, đã sống sót qua tra tấn, tình trạng khủng khiếp của Người không bao giờ có thể truyền cảm hứng cho một phong trào trên toàn thế giới dựa trên tiền đề là Người đã chiến thắng nắm mồ cách vinh quang.

Thi thể Chúa Giêsu có thực sự không còn trong mộ của Người không?

William Lane Craig đưa ra bằng chứng nổi bật rằng biểu tượng trường tồn của lễ Phục sinh – tức ngôi mộ trống của Chúa Giêsu - là một thực tại lịch sử. Ngôi mộ trống được tường trình hoặc ngụ ý trong các nguồn cực sớm -Tin Mừng Máccô và tín điều trong 1 Côrintô 15 – có niên biểu rất gần với sự kiện đến nỗi chúng không thể là sản phẩm của huyền thoại. Sự kiện các sách Tin Mừng tường trình rằng các phụ nữ phát hiện ra ngôi mộ trống đã củng cố tính xác thực của câu chuyện. Địa điểm ngôi mộ của Chúa Giêsu được cả các Kitô hữu lẫn người Do Thái biết đến, vì vậy nó có thể đã được kiểm tra bởi những người hoài nghi. Thực tế, không ai, cả các thẩm quyền La Mã hoặc các nhà lãnh đạo Do Thái, đã cho rằng ngôi mộ vẫn chứa xác Chúa Giêsu. Thay vào đó họ buộc phải bịa ra câu chuyện ngớ ngẩn là các môn đệ, mặc dù không có động cơ hoặc cơ hội, đã đánh cắp thi thể - một lý thuyết mà ngay cả nhà phê bình hoài nghi nhất ngày nay cũng không tin.

Chúa Giêsu có được nhìn thấy còn sống sau cái chết trên thập giá không?

Bằng chứng cho các lần hiện ra sau cuộc sống lại của Chúa Giêsu đã không phát triển dần dần trong những năm sau đó khi thần thoại bóp méo các hoài niệm về cuộc đời Người. Thay vào đó, chuyên gia phục sinh Gary Habermas cho biết, sự Phục Sinh là "lời công bố trung tâm của Giáo Hội sơ khai ngay từ đầu." Tin điều cổ xưa từ 1 Côrintô 15 đề cập đến những cá nhân cụ thể đã gặp Chúa Kitô phục sinh, và Thánh Phaolô thậm chí còn thách thức những người hoài nghi ở thế kỷ thứ nhất nói chuyện trực tiếp với những cá nhân này để đích thân xác định sự thật của sự việc. Sách Công vụ tràn ngập khẳng định hết sức sớm về sự phục sinh của Chúa Giêsu, trong khi Tin Mừng mô tả nhiều cuộc gặp gỡ một cách chi tiết. Nhà thần học người Anh Michael Green kết luận, "Các lần hiện ra của Chúa Giêsu cũng được chứng thực như bất cứ điều gì thuộc cổ thời... Không thể có bất cứ nghi ngờ hợp lý nào về việc chúng đã xảy ra."

Có chẳng bất cứ sự kiện nâng đỡ nào cho việc phục sinh?

Bằng chứng gián tiếp của J. P. Moreland bổ sung tài liệu cuối cùng về Sự Phục Sinh. Đầu tiên, các môn đệ ở trong một vị thế độc đáo để biết liệu việc Phục sinh có xảy ra hay không, và họ đã bằng lòng chịu chết để công bố đó là sự thật. Không ai cố ý và sẵn sàng chết vì một lời nói dối. Thứ hai, ngoài Phục sinh ra, không có lý do chính đáng nào khác tại sao những người hoài nghi như Phaolô và Giacôbê được ơn trở lại và chết vì niềm tin của họ. Thứ ba, trong vòng vài tuần sau khi biến cố Đóng đinh, hàng ngàn người Do Thái bắt đầu từ bỏ các thực hành có tầm hết sức quan trọng về xã hội và tôn giáo trong nhiều thế kỷ. Họ tin rằng họ có nguy cơ bị nguyên rửa nếu họ sai. Thứ tư, các bí tích rửa tội và rửa tội ban đầu khẳng định việc phục sinh và thiên tính của Chúa Giêsu. Và thứ năm, sự xuất hiện kỳ diệu của Giáo Hội khi đối diện với cuộc bách hại tàn bạo của La Mã "xé toạc một lỗ hổng trong lịch sử, một lỗ hổng có kích thước và hình dạng của sự Phục sinh," như câu nói của C. F. D. Moule.

Không trả lời được thách thức của Müller

Tôi xin thừa nhận: Tôi đã bị phục kích bởi số lượng và chất lượng của bằng chứng rằng Chúa Giêsu là Con độc nhất của Thiên Chúa. Khi tôi ngồi ở bàn giấy của tôi chiều Chúa nhật đó, tôi kinh ngạc lắc đầu. Tôi đã thấy các bị cáo bị lôi đến phòng tử hình dựa trên ít bằng chứng thuyết phục hơn! Các sự kiện và dữ kiện tích lũy được đã hướng người ta một cách không thể lăm lăm tới một kết luận mà tôi không hoàn toàn thoải mái khi đạt tới.

Thành thật mà nói, tôi đã muốn tin rằng việc thần hóa Chúa Giêsu là kết quả của sự phát triển huyền thoại trong đó những người có thiện ý nhưng lầm lạc dần dần biến một nhà hiền triết thông thái thành thần thoại Con Thiên Chúa. Điều đó có vẻ an toàn và an tâm; dù sao, một nhà thuyết giáo tiên tri từ thế kỷ thứ nhất không thể đưa ra bất cứ đòi hỏi nào nơi tôi. Nhưng trong khi tôi đi vào cuộc điều tra của tôi với ý nghĩ lời giải thích huyền thoại này là điều hiển nhiên một cách hiển nhiên, tuy nhiên, đến cuối cùng, tôi lại tin rằng nó hoàn toàn không có cơ sở. Điều đã giải quyết nó cho tôi là nghiên cứu nổi tiếng của A. N. Sherwin White, nhà sử học cổ điển vĩ đại của Đại học Oxford, tác phẩm mà William Lane Craig đã ám chỉ trong cuộc phỏng vấn của chúng tôi. Sherwin-White khảo sát tỉ mỉ tốc độ huyền thoại tích lũy trong thế giới cổ thời. Ông kết luận: chưa đầy hai thế hệ đã đủ thời gian để huyền thoại phát triển và quét hết cốt lõi vững chắc của sự thật lịch sử.⁽¹⁾

Bây giờ hãy xem xét trường hợp của Chúa Giêsu. Xét về phương diện lịch sử, tin tức về ngôi mộ trống của Người, lời kể của các nhân chứng tận mắt về những lần hiện ra sau Phục sinh của Người, và niềm tin rằng Người quả thật là Con độc nhất của Thiên Chúa xuất hiện hầu như tức thời.

Kinh tin kính ở 1 Côrintô 15 khẳng định sự chết của Chúa Giêsu vì tội lỗi của chúng ta và liệt kê những lần hiện ra sau Phục sinh của Người với các nhân chứng tận mắt được nêu tên, đã được các Kitô hữu đọc ngay sau hai mươi bốn tháng Chúa bị đóng đinh. Trình thuật của Máccô về ngôi mộ trống được rút từ chất liệu có niên đại một vài năm sau chính sự kiện.

Các sách Tin Mừng, chứng thực cho các giáo huấn của Chúa Giêsu, các phép lạ, và sự phục sinh, đã được lưu truyền trong sinh thời của những người cùng thời với Chúa Giêsu, những người sẽ rất vui mừng để sửa sai hồ sơ nếu có những chuyện như tô điểm hoặc làm sai lạc. Những bài thánh ca Kitô giáo nguyên thủy nhất khẳng định thiên tính của Chúa Giêsu. Blomberg đã tóm tắt điều này như sau: "Rồi Trong vòng hai năm đầu sau cái chết của Người, một số lượng đáng kể những người theo Chúa Giêsu dường như đã lên công thức cho một tín lý về sự chuộc tội, đã được thuyết phục rằng Người đã sống lại từ cõi chết trong hình dạng cơ thể, liên kết Chúa Giêsu với Thiên Chúa và tin rằng họ đã tìm được sự hỗ trợ cho tất cả những xác tín này trong Cựu Ước." (2)

William Lane Craig kết luận, "Khoảng thời gian cần thiết để sự tích lũy đáng kể của huyền thoại liên quan

đến các biến cố của các sách Tin Mừng đặt chúng ta vào thế kỷ thứ hai sau Công nguyên, đúng là thời gian trong thực tế khi các Tin Mừng ngụy thư đầy huyền thoại ra đời. Đây là các trình thuật huyền thoại được các nhà phê bình tìm kiếm." (3)

Đơn giản là không có nơi nào gần đủ thời gian để huyền thoại hoàn toàn làm sai lạc ghi chép lịch sử về Chúa Giêsu, đặc biệt nơi các nhân chứng tận mắt vẫn còn kiến thức bản thân về Người. Khi nhà thần học người Đức Julius Müller năm 1844 thách thức bất cứ ai tìm thấy một thí dụ duy nhất về huyền thoại phát triển nhanh như vậy bất cứ nơi nào trong lịch sử, phản hồi từ các học giả vào thời của ông và đến thời điểm hiện tại là sự hoàn toàn im lặng.(4)

Vào ngày 8 tháng 11 năm 1981, tôi nhận ra rằng phản bác lớn nhất của tôi đối với Chúa Giêsu cũng đã im lặng trước bằng chứng của lịch sử. Tôi thấy tôi cười tủm tỉm một mình khi tình huống đòi chiều hoàn toàn như thế.

Dựa trên những sự kiện thuyết phục mà tôi đã học được trong diễn trình điều tra, khi đối mặt với trận tuyệt lộ bằng chứng áp đảo này trong lý lẽ bệnh vực Chúa Kitô, điều trở trêu lớn là thế này: tôi cần nhiều đức tin để duy trì chủ nghĩa vô thần của tôi hơn là tin tưởng vào Chúa Giêsu Nadarét!

Các hệ luận của bằng chứng

Các bạn có nhớ câu chuyện của James Dixon trong phần dẫn nhập của sách này không? Bằng chứng đã chỉ rõ một cách mạnh mẽ tội lỗi của anh ta đối với việc bắn một trung sĩ cảnh sát Chicago. Anh ấy thậm chí còn thừa nhận anh ấy đã làm điều đó!

Tuy nhiên, khi một cuộc điều tra kỹ lưỡng hơn được tiến hành, đột nhiên một sự thay đổi xảy ra: kịch bản phù hợp nhất với sự thật là trung sĩ đã mưu hại Dixon, người vô tội đối với vụ bắn. Dixon được trả tự do, và chính viên trung sĩ đã bị kết án. Khi chúng ta kết thúc cuộc điều tra của chúng ta để tìm lý lẽ bệnh vực Chúa Kitô, thật đáng để xem lại hai bài học lớn từ câu chuyện đó.



****Đầu tiên, việc thu thập bằng chứng đã thực sự kỹ lưỡng chưa?***

Có, nó đã được thu thập kỹ lưỡng. Tôi đã chọn các chuyên gia có thể quả quyết lập trường của họ và bảo vệ nó bằng các bằng chứng lịch sử mà sau đó tôi có thể kiểm tra thông qua việc đối chiếu. Tôi không chỉ quan tâm đến ý kiến của họ mà thôi; tôi muốn sự thật. Tôi thách thức họ với các lý thuyết hiện tại của những người vô thần và các giáo sư cấp tiến. Căn cứ vào hậu cảnh, uy tín, kinh nghiệm và tính cách của họ, các học giả này đã thừa điều kiện để trình bày các dữ kiện lịch sử đáng tin cậy liên quan đến Chúa Giêsu.

****Thứ hai, cách giải thích nào phù hợp nhất với tính tổng thể của Chứng cớ?***

Đến ngày 8 tháng 11 năm 1981, luận đề huyền thoại của tôi, mà tôi đã kiên trì bám vào bao nhiêu năm nay đã bị tháo gỡ triệt để. Hơn thế nữa, tính hoài nghi báo chí của tôi đối với thể siêu nhiên đã tan chảy trước những bằng chứng lịch sử ngoạn mục rằng sự phục sinh của Chúa Giêsu là một biến cố lịch sử có thật. Thực thế, tâm trí tôi không thể gợi ra một lời giải thích đơn nhất nào phù hợp với bằng chứng của lịch sử gần tốt như câu kết luận rằng Chúa Giêsu là người mà Người tuyên bố Người là: Con một và duy nhất của Thiên Chúa.

Chủ nghĩa vô thần mà tôi đã ôm ấp quá lâu oằn mình dưới sức nặng của sự thật lịch sử. Đó là một kết quả tuyệt vời và triệt để, chắc chắn không phải là những gì tôi đã dự đoán khi tôi bắt tay vào quá trình điều tra này. Nhưng theo ý kiến tôi, đó là một quyết định do sự kiện bắt buộc. Tất cả những điều đó đã dẫn tôi đến câu hỏi "Vậy thì sao?". Nếu điều này đúng thì nó tạo được sự khác biệt nào? Có một số hệ luận rõ ràng.

*Nếu Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa, những lời dạy của Người phải hơn hẳn các ý tưởng tốt lành của một người thầy thông thái; chúng là những hiểu biết thần linh sâu sắc trên đó tôi có thể tự tin xây dựng đời mình.

*Nếu Chúa Giêsu đặt tiêu chuẩn cho luân lý, thì bây giờ tôi có thể có một nền tảng vững chắc cho các lựa chọn và quyết định của tôi, hơn là dựa trên những bãi cát luôn thay đổi của động cơ cá nhân và tự cho mình

là trung tâm.

*Nếu Chúa Giêsu đã sống lại từ cõi chết, Người vẫn còn sống hôm nay và sẵn sàng để tôi gặp gỡ trên căn bản bản thân.

*Nếu Chúa Giêsu đã chiến thắng sự chết, Người có thể mở cánh cửa của sự sống đời đời cho cả tôi nữa.

*Nếu Chúa Giêsu có sức mạnh thần thiêng, Người có khả năng siêu nhiên để hướng dẫn tôi, giúp đỡ tôi và biến đổi tôi khi tôi đi theo Người.

*Nếu Chúa Giêsu đích thân biết nỗi đau mắt mắt và đau khổ, Người có thể an ủi và động viên tôi giữa sóng gió mà chính Người đã cảnh cáo là điều không thể tránh khỏi trong một thế giới bị tội lỗi làm băng hoại.

*Nếu Chúa Giêsu yêu tôi như lời Người nói, Người luôn quan tâm đến lợi ích tốt nhất của tôi. Điều đó có nghĩa tôi không có gì để mất và có mọi thứ để đạt được bằng cách cam kết bản thân với Người và mục đích của Người.

*Nếu Chúa Giêsu là người mà Người tuyên bố Người là (và hãy nhớ rằng, không có nhà lãnh đạo các tôn giáo lớn nào khác thậm chí có cao vọng là Thiên Chúa), trong tư cách Đấng Tạo Hóa của tôi, Người hoàn toàn xứng đáng được lòng trung thành, vâng lời và tôn thờ của tôi.

Tôi nhớ viết những hệ luận này trên tập giấy khổ 216 x 356 milimét của mình và rồi ngã người ra sau ghế. Tôi đã đạt đến đỉnh cao của cuộc hành trình dài gần hai năm của tôi. Cuối cùng cũng đến lúc giải quyết câu hỏi cấp bách nhất: "Bây giờ thì sao?"

Công thức đức tin

Sau một cuộc đích thân điều tra kéo dài hơn sáu trăm ngày và vô số giờ, phán quyết của riêng tôi về lý lẽ bệnh vực Chúa Kitô đã rõ ràng. Tuy nhiên, khi ngồi vào bàn làm việc, tôi nhận ra tôi cần nhiều hơn một quyết định trí thức. Tôi muốn thực hiện bước trải nghiệm mà J. P. Moreland đã mô tả trong lần phỏng vấn trước.

Tìm cách để điều đó diễn ra, tôi với lấy cuốn Kinh thánh và mở đến chỗ Gioan 1:12, một câu tôi từng gặp trong cuộc điều tra của tôi: "Tuy nhiên, đối với tất cả những ai đã tiếp nhận Người, đối với những người tin vào danh Người, Người đã ban cho quyền trở thành con cái Thiên Chúa."

Các động từ chủ chốt trong câu đó nói rõ một cách chính xác như toán học điều cần thiết phải đi, vượt quá việc thuận ý trí thức về thiên tính của Chúa Giêsu và bước vào một mối liên hệ liên tiếp với Người bằng cách trở thành người được nhận vào gia đình Thiên Chúa: tin + nhận = trở thành.

1. Tin

Là một người được đào tạo về báo chí và luật pháp, tôi được huấn luyện để đáp ứng các sự kiện, đến bất cứ nơi nào chúng dẫn tới. Đối với tôi, các dữ kiện đã chứng minh một cách thuyết phục rằng Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa đã chết trong tư cách là người thay thế tôi để trả hình phạt mà tôi đáng phải chịu vì điều sai trái mà tôi đã phạm phải.

Và có rất nhiều việc làm sai trái. Tôi sẽ chước cho mình sự bối rối phải đi vào chi tiết, nhưng sự thật là tôi đã đang sống một lối sống phạm tục, say sưa, tự thu mình và vô luân. Trong sự nghiệp của mình, tôi đã đắm sau lưng các đồng nghiệp để đạt được một lợi thế bản thân và đã thường xuyên vi phạm tiêu chuẩn pháp lý và

đạo đức trong việc đeo đuổi các câu chuyện. Trong cuộc sống bản thân, tôi đã hy sinh vợ con trên bàn thờ thành công. Tôi là một kẻ nói dối, một kẻ dối trá và một kẻ lừa dối.

Trái tim tôi đã thu nhỏ tới điểm trở thành đá cứng đối với bất cứ ai khác. Động lực chính của tôi là niềm khoái lạc bản thân - và trở trêu thay, tôi càng khao khát tìm kiếm nó, thì nó càng trở thành khó nắm bắt và tự hủy hoại.

Khi tôi đọc trong Kinh thánh rằng những tội lỗi này đã ngăn cách tôi với Thiên Chúa, Đấng thánh thiện và trong sáng về mặt luân lý, điều này vang vọng như là chân thật. Chắc chắn Thiên Chúa, Đấng mà tôi đã phủ nhận sự hiện hữu của Người trong nhiều năm, dường như cực kỳ xa xôi, và điều trở nên hiển nhiên là tôi cần thập giá của Chúa Giêsu để bắc cầu qua vực thẳm đó. Thánh Tông đồ Phêrô nói: "Chính Chúa Kitô đã chịu chết một lần vì tội lỗi –Đấng Công Chính đã chết cho kẻ bất lương – hầu dẫn đưa chúng ta đến cùng Thiên Chúa" (1Pr 3:18).

Bây giờ tôi đã tin tất cả những điều này. Bằng chứng của lịch sử và của chính kinh nghiệm của tôi quá mạnh mẽ để làm ngơ.

2. Nhận

Mọi hệ thống đức tin khác mà tôi từng nghiên cứu trong quá trình điều tra của tôi đều dựa trên kế hoạch "làm". Nói cách khác, nó là điều cần thiết để người ta làm điều gì đó - thí dụ, sử dụng bánh xe cầu nguyện của Tây Tạng, bố thí, hành hương, đầu thai, phá nghiệp khỏi những lỗi lầm trong quá khứ, sửa đổi tính cách của họ - cố gắng tìm đường phần nào đó trở lại với Thiên Chúa. Mặc dù đã cố gắng hết sức, rất nhiều người chân thành vẫn không làm được.

Kitô giáo là độc nhất. Nó dựa trên kế hoạch "đã làm"- Chúa Giêsu đã làm cho chúng ta trên thập giá điều mà chúng ta không thể tự mình làm được: Người đã trả án tử hình mà chúng ta đáng phải chịu vì cuộc nổi loạn và điều sai trái của chúng ta, để chúng ta có thể trở nên hòa thuận với Thiên Chúa.

Tôi đã không phải đấu tranh và phấn đấu để cố gắng làm điều bất khả là làm cho mình xứng đáng. Nhiều lần Kinh Thánh nói rằng Chúa Giêsu cung cấp cho ta sự tha thứ và cuộc sống vĩnh cửu như một hồng phúc nhưng không nghĩa là không thể kiếm được (xin xem Rm 6:23; Ep. 2:8-9; Tt 3:5). Nó được gọi là ân sủng - ân sủng kỳ diệu, ơn ban nhưng không. Nó có sẵn cho bất cứ ai tiếp nhận nó trong một lời cầu nguyện ăn năn chân thành. Thậm chí cả một người như tôi.

Đúng, tôi phải thực hiện một bước đức tin, như chúng ta thường làm trong mọi quyết định của chúng ta trong cuộc sống. Nhưng đây là sự khác biệt chủ yếu: tôi không còn phải cố gắng lội ngược dòng chống lại dòng bằng chứng mạnh mẽ; thay vào đó, tôi đã chọn đi theo cùng một hướng mà dòng chảy của các sự kiện đang chảy. Đó là điều hữu lý, đó là điều hợp lý, đó là điều hợp luân lý. Hơn nữa, một cách nội tâm và không thể giải thích được, đó cũng là điều tôi cảm nhận được Thánh Thần Thiên Chúa thúc đẩy tôi làm.

Vì vậy, vào ngày 8 tháng 11 năm 1981, tôi đã nói chuyện với Thiên Chúa một cách chân thành trong một lời cầu nguyện từ đáy lòng và không chỉnh sửa, thừa nhận và từ bỏ hành vi sai trái của tôi, và tiếp nhận hồng ân tha thứ và cuộc sống vĩnh cửu thông qua Chúa Giêsu. Tôi thưa với Người rằng với sự giúp đỡ của Người, tôi muốn đi theo Người và con đường của Người từ đây trở đi.

Không có tia chớp, không có câu trả lời nghe được, không có cảm giác râm ran. Tôi biết một số người cảm thấy một cảm xúc dâng trào trong giây phút như vậy; tuy nhiên, đối với tôi, có một điều gì khác thế nhưng cũng phấn khích không kém: có sự dâng trào của lý trí.

3. Trở nên

Sau khi thực hiện bước đó, từ *Gioan 1:12*, tôi biết rằng tôi đã vượt qua ngưỡng cửa bước vào một trải nghiệm mới. Tôi đã trở thành một điều gì đó khác: một đứa con của Thiên Chúa, mãi mãi được nhận vào gia đình của Người nhờ Chúa Giêsu lịch sử, phục sinh. Thánh Tông đồ Phaolô nói, “Cho nên, phàm ai ở trong Chúa Kitô đều là thụ tạo mới. Cái cũ đã qua, và cái mới đã có đây rồi” (2 Cr. 5:17).

Điều chắc chắn là, theo thời gian khi tôi cố gắng làm theo lời dạy của Chúa Giêsu và cởi mở với sức mạnh biến đổi của Người, các ưu tiên của tôi, các giá trị của tôi, và tính cách của tôi đã (và tiếp tục) dần dần thay đổi. Tôi càng muốn động cơ và quan điểm của Chúa Giêsu thành của riêng tôi. Nói theo diễn giải của Martin Luther King Jr., tôi có thể chưa là con người tôi nên trở thành hay con người, với sự giúp đỡ của Chúa Kitô, một ngày nào đó tôi sẽ là - nhưng cảm ơn Thiên Chúa, tôi không phải là người như trước đây!

Có thể điều đó nghe có vẻ thần bí đối với bạn; Tôi không biết. Không lâu trước đây, nó quá thần bí đối với tôi. Nhưng nay, nó rất thực đối với tôi và với những người chung quanh tôi. Thực tế, sự khác biệt trong cuộc sống của tôi triệt để đến nỗi vài tháng sau khi tôi trở thành môn đệ của Chúa Giêsu, đứa con gái 5 tuổi của chúng tôi, Alison, đến gần vợ tôi và nói: "Mẹ ơi, con muốn Thiên Chúa làm cho con những gì Người đã làm cho bố."

Đây là một cô bé chỉ biết có một người cha phạm tục, giận dữ, nặng lời, và thường vắng mặt. Và mặc dù cháu chưa bao giờ phỏng vấn một học giả, chưa bao giờ phân tích dữ kiện, không bao giờ điều tra bằng chứng lịch sử, cháu vẫn đã thấy cận kề ảnh hưởng mà Chúa Giêsu có thể có trên cuộc sống của một con người. Thực vậy, cháu nói, "Nếu đây là những gì Thiên Chúa làm cho một con người, thì đó là điều con muốn cho con."

Nhìn lại gần hai thập niên, tôi có thể thấy rõ ràng rằng ngày mà cá nhân tôi thực hiện quyết định tìm lý lẽ bệnh vực Chúa Kitô không là gì khác hơn biến cố bản lề của trọn cuộc đời tôi.

Vươn tới phán quyết của chính bạn

Bây giờ đến lượt bạn. Ngay từ đầu, tôi đã khuyến khích bạn tiếp cận bằng chứng trong cuốn sách này trong tư cách một bồi thẩm viên công bằng và không thiên vị cũng như có thể, rút ra kết luận của bạn dựa trên sức nặng của bằng chứng. Cuối cùng phán quyết là của bạn và của riêng bạn. Không ai khác có thể bỏ phiếu thay cho bạn. Có lẽ sau khi đọc hết chuyên gia này đến chuyên gia nọ, lắng nghe lập luận này đến lập luận khác, thấy các câu trả lời cho câu hỏi này đến câu hỏi nọ, và thử nghiệm bằng chứng bằng luận lý học và lương tri của bạn, bạn đã thấy, như tôi, rằng lý lẽ bệnh vực Chúa Kitô có tính cách quyết định.

Phản tin của *Gioan 1:12* đã được xác định chắc chắn; tất cả những gì còn lại là tiếp nhận ân sủng của Chúa Giêsu, và sau đó bạn sẽ trở thành con trai hoặc con gái của Người, tham gia vào một cuộc phiêu lưu tâm linh có thể phát triển suốt phần còn lại của cuộc đời bạn và vào cõi vĩnh hằng. Đối với bạn, thời gian dành cho bước trải nghiệm này đã đến và tôi không thể khuyến khích bạn nhiều hơn để bạn mạnh mẽ thực hiện bước đó với sự nhiệt tình.

Mặt khác, có thể các câu hỏi vẫn còn lẩn khuất đâu đây đối với bạn. Có thể tôi chưa đề cập đến phản bác cao nhất trong tâm trí của bạn. Được thôi. Không một cuốn sách nào có thể đề cập đến mọi sắc thái. Tuy nhiên, tôi tin tưởng rằng số lượng thông tin được tường trình trong các trang này ít nhất sẽ thuyết phục bạn rằng điều hợp lý - trên thực tế, điều bắt buộc - là tiếp tục cuộc điều tra của bạn.

Xác định nơi bạn nghĩ rằng bằng chứng cần phải được củng cố và sau đó tìm kiếm câu trả lời bổ sung từ các chuyên gia được kính trọng. Nếu bạn tin rằng bạn đã nghĩ ra một kịch bản có thể giải thích các sự kiện tốt

hơn, hãy sẵn sàng để nó được xem xét kỹ lưỡng. Hãy sử dụng các nguồn trong cuốn sách này để tìm hiểu sâu hơn. Hãy học hỏi Kinh thánh (một gợi ý: *The Journey*, một ấn bản Kinh thánh đặc biệt được thiết kế cho những người chưa tin đó là lời của Thiên Chúa) (5).

Hãy quyết tâm rằng bạn sẽ đạt được một phán quyết khi bạn đã thu thập đủ lượng thông tin, biết rằng bạn sẽ không bao giờ có được một cuộc giải quyết trọn vẹn cho mọi vấn đề. Thậm chí, bạn có thể muốn thì thầm một lời cầu nguyện với Thiên Chúa, Đấng mà bạn không chắc chắn hiện hữu, yêu cầu Người hướng dẫn bạn đến sự thật về Người. Và nhờ tất cả những điều này, bạn sẽ có được sự khích lệ chân thành của tôi khi bạn tiếp tục cuộc tìm kiếm tâm linh của bạn.

Đồng thời, tôi cảm thấy có nghĩa vụ mạnh mẽ phải thúc giục bạn biến điều này thành vấn đề nóng bỏng nhất trong cuộc sống của bạn. Đừng tiếp cận nó một cách hồ hững hoặc cầu thả, bởi vì có rất nhiều điều đang đè nặng lên kết luận của bạn. Như Michael Murphy đã nói một cách khéo léo, "Chính chúng ta, chứ không phải chỉ đơn thuần là điều mình cho là sự thật - đang bị đe dọa trong cuộc điều tra." (6) Nói cách khác, nếu kết luận của tôi trong lý lẽ bệnh vực Chúa Kitô là đúng, tương lai và cõi đời đời của bạn tùy thuộc vào cách bạn đáp trả Chúa Kitô. Chúa Giêsu từng tuyên bố: "Thật vậy, nếu các ông không tin là Tôi Hằng Hữu, các ông sẽ mang tội lỗi mình mà chết" (Ga 8:24).

Đó là những lời nghiêm chỉnh, được đưa ra từ một quan tâm chân thực và yêu thương. Tôi trích dẫn chúng để nhấn mạnh tầm quan trọng của vấn đề này và với hy vọng rằng chúng sẽ thúc đẩy bạn tích cực và xem xét kỹ lưỡng lý lẽ bệnh vực Chúa Kitô.

Tuy nhiên, cuối cùng, hãy nhớ rằng một số phương án không khả thi. Bằng chứng tích lũy đã đóng chúng lại. Hãy quan sát C. S. Lewis, Giáo sư lỗi lạc và từng hoài nghi của đại học Cambridge, người cuối cùng đã bị thuyết phục bởi bằng chứng bệnh vực Chúa Giêsu.

Ở đây, tôi đang cố gắng ngăn chặn bất cứ ai nói điều thực sự ngu ngốc, điều mà người ta thường nói về Người: "Tôi sẵn sàng tin nhận Chúa Giêsu như một bậc thầy luân lý vĩ đại, nhưng tôi không chấp nhận việc Người tự nhận là Thiên Chúa". Đó là điều duy nhất chúng ta không nên nói. Một người chỉ đơn thuần là một con người mà dám nói những điều Chúa Giêsu đã nói, chắc chắn không phải là một bậc thầy luân lý vĩ đại. Anh ta hoặc là một kẻ mất trí... hoặc, nếu không, anh ta là Ác quỷ của Địa ngục. Bạn phải tự quyết định lấy. Hoặc người đàn ông này đã và đang là Con Thiên Chúa: hoặc ông ta là một người điên hoặc một điều gì đó tồi tệ hơn. Bạn có thể làm Người cảm hòng coi như một người ngu ngốc, bạn có thể khạc nhổ vào Người và giết Người như một tên ác quỷ; hoặc bạn có thể sụp xuống chân Người và gọi Người là Chúa và là Thiên Chúa. Nhưng chúng ta đừng tới với bất cứ điều vô nghĩa trích thượng nào về việc Người là một thầy dạy nhân bản vĩ đại. Người đã không để điều ấy mở ra cho chúng ta. Người không có ý định đó. (7)

Ghi chú

(1).A.N. Sherwin-White, *Roman Society and Roman Law in the New Testament* [Xã hội và Luật lệ La Mã trong Tân Ước] (Oxford:Clarendon Press, 1963), 188-91.

(2).Blomberg, "Where do we start studying Jesus" [Ta bắt đầu nghiên cứu về Chúa Giêsu ở chỗ nào] trong Wilkins and Moreland, *Jesus under Fire* [Chúa Giêsu bị tấn công], 43.

(3) Craig, *The Son Rises* [Chúa Con sống lại], 102.

(4). Julius Müller, *The Theory of Myths, in Its Application to the Gospel History, Examined and Confuted* [Thuyết huyền thoại và áp dụng của nó vào lịch sử Tin Mừng, Khảo sát và Bác bỏ](London: John Chapman, 1844) 26, trích dẫn trong Craig, *The Son Rises*, 101.

(5). *The Journey* [hành trình] (Grand Rapids: Zoder van, 1996)

(6). Michael Murphy, "The Two-Sided Game of Christian Faith" [trò chơi hai mặt của Kitô giáo] trong John Warwick Montgomery, chủ biên, *Christianity for the Tough-Minded* [Kitô giáo cho người có tâm trí kiên

quyết] (Minneapolis: Bethany House, 1973) 125, trích dẫn trong Ankerberg and Weldon, *Knowing the Truth about the Resurrection* [Biết sự thật về Phục sinh], 44.
(7). C.S. Lewis, *Mere Christianity* [Chỉ là Kitô giáo] (New York:Macmillan-Collier, 1960), 55-56